

QUYỂN 2

(Quyển Nhân-Duyên)

(NIDĀNA-VAGGA)

VỀ BẢN DỊCH SN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ-Đề (*Bhikkhu Bodhi*, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Đây là bản dịch chính xác nhất từng câu chữ của kinh văn nguyên thủy với đủ các chú-giải cần thiết. Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Đề hình dung nhanh: Bộ Kinh SN này có 05 *QUYỂN lớn* (*Vagga*); mỗi *QUYỂN* được đặt tên theo tên của *CHƯƠNG đầu tiên* của nó. Toàn bộ kinh có 56 *CHƯƠNG*. Mỗi chương là đồng nghĩa với một *LIÊN-KẾT* (tương ứng) theo một chủ-đề chính nào đó (ví dụ: liên-kết về *Nhập-Lưu*, liên-kết về *Ca-Diếp*, liên-kết về *Citta* ...). Bản dịch Việt này đánh số *CHƯƠNG* trùng với số *LIÊN-KẾT* luôn. Trong nhiều *CHƯƠNG* lại có các *NHÓM kinh* (*vagga*).

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBD]).

- Còn các chú-giải của các luận giảng (như **Spk**, **Spk-Pt**, **Vism** ...) thì đã được ghi rõ tên ngay đầu câu.

- Trong phần chú-thích có chỉ dẫn các kinh chỉ ghi số như **12:08**, **56:34** có nghĩa chúng thuộc bộ kinh SN này; vì nếu thuộc bộ kinh khác thì đã ghi rõ là AN, MN, hay DN ... trước số kinh. Người dịch Việt cũng ghi luôn số của Quyển để dễ dàng tra chiếu, ví dụ **12:08** (Quyển 2), **56:34** (Quyển 5).

- Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: *người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!* vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Với các tăng và ni đã bỏ một đời để đi tu lẽ nào không bỏ ra thời gian một hai tháng để đọc qua hết các kinh của Phật. Ví dụ trong bộ kinh SN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một *Liên-kết* (chương, tương ứng) dài hay vài *Liên-kết* ngắn, thì trong một số ít ngày quý vị sẽ đọc hết một *QUYỂN*, rồi hết

Bộ Kinh. *Số kinh tóm-lược* theo các “*khuôn mẫu*” là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần đọc lướt qua. Bản dịch bằng *tiếng Việt phổ thông* nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách-nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đỡ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật.

- Do bộ kinh có nhiều *liên-kết theo chủ-đề* khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ *QUYỂN* nào và trong đó có thể chọn những *liên-kết* nào mình quan tâm hơn để đọc trước. Ví dụ, nếu quý vị muốn đọc về các phẩm-chất để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu thì có thể đọc *Liên-kết ‘Nhập-Lưu’*, về lý duyên-khởi và vòng nhân-duyên thì đọc *Liên-kết ‘Nhân-Duyên’*, về ngài Ca-Điếp thì đọc *Liên-kết ‘Ca-Điếp’* ...

+ *Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối* để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa). **ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH**, vì nếu cứ dừng lại để tra những chú-thích về các chữ thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc xong bài kinh mới nên tra các chú-thích để hiểu.

Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và kỹ càng nhất từ xưa đến nay của ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy. Tôi cũng có tham vọng như thầy: tham vọng lớn nhì là để cho Tăng, Ni và Phật tử nhiều đời đọc đúng lời Phật dạy để tu hành giải thoát, và tham vọng lớn nhất là để bảo tồn các kinh nguyên thủy khỏi bị mai một mỗi ngày qua nhiều người diễn dịch.

Nhà Bè, Mùa mưa 2018 (PL 2562)
(hiệu đính lần cuối 2024)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch SN	i
MỤC LỤC	iii
Chương 12. Liên Kết NHÂN-DUYÊN	1
NHÓM 1. NHÓM 'NHỮNG VỊ PHẬT' (<i>Buddhavagga</i>)	3
1 (1) <i>Sự Khởi Sinh Tùy Thuộc</i>	3
2 (2) <i>Phân Tích Sự Khởi Sinh Tùy Thuộc</i>	4
3 (3) <i>Hai Đường</i>	6
4 (4) <i>Phật Vipassī</i> (Tỳ-bà-thi)	7
5 (5) <i>Phật Sikhī</i> (Thi-khí)	8
6 (6) <i>Phật Vessabhū</i> (Tỳ-xá-phù)	8
7 (7) <i>Phật Kakusandha</i> (Câu-lưu-tôn).....	8
8 (8) <i>Phật Koṇāgamana</i> (Câu-na-hàm)	8
9 (9) <i>Phật Kassapa</i> (Ca-diếp).....	8
10 (10) <i>Phật Thích-Ca, Đại Sa-Môn Cồ-Đàm</i>	8
NHÓM 2. NHÓM 'DƯỠNG CHẤT' (<i>Āhāra-vagga</i>)	13
11 (1) <i>Dưỡng Chất</i>	13
12 (2) <i>Moliya Phagguna</i>	14
13 (3) <i>Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (1)</i>	16
14 (4) <i>Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (2)</i>	17
15 (5) <i>Kaccānagotta</i>	18
16 (6) <i>Người Thuyết Pháp</i>	19
17 (7) <i>Tu Sĩ Lỏa Thể Tên Ca-Diếp</i>	20
18 (8) <i>Du Sĩ Timbaruka</i>	24

<i>19 (9) Người Trí và Người Ngụ</i>	26
<i>20 (10) Những Điều-kiện (duyên)</i>	27

NHÓM 3. NHÓM ‘MƯỜI NĂNG LỰC’ (*Dasabala-vagga*) 31

<i>21 (1) Mười Năng Lực (1)</i>	31
<i>22 (2) Mười Năng Lực (2)</i>	31
<i>23 (3) Nhân Kế Trước</i>	33
<i>24 (4) Những Du Sĩ Khác Đạo</i>	36
<i>25 (5) Ngài Bhūmija</i>	40
<i>26 (6) Ngài Upavāṇa</i>	44
<i>27 (7) Những Điều-Kiện</i>	46
<i>28 (8) Tỳ Kheo</i>	47
<i>29 (9) Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (1)</i>	48
<i>30 (10) Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (2)</i>	49

NHÓM 4. NHÓM ‘TỖ KHEO KALĀRA TỪ GIAI CẤP

CHIẾN-SĨ’ (*Kalāra-khattiya-vagga*)..... 51

<i>31 (1) Thứ Át Sẽ Xảy Ra (hữu duyên thì hữu sinh)</i>	51
<i>32 (2) Tỳ Kheo Kalāra</i>	53
<i>33 (3) Những Trường Hợp Sự-Biết (1)</i>	58
<i>34 (4) Những Trường Hợp Sự-Biết (2)</i>	60
<i>35 (5) Do Có Vô Minh Là Điều-Kiện (1)</i>	61
<i>36 (6) Do Có Vô Minh Là Điều-Kiện (2)</i>	64
<i>37 (7) Không Phải Là Cửa-Ta</i>	64
<i>38 (8) Sự Cố-Ý (1)</i>	65
<i>39 (9) Sự Cố-Ý (2)</i>	66
<i>40 (10) Sự Cố-Ý (3)</i>	67

NHÓM 5. NHÓM ‘GIA CHỦ’ (*Gahapati-vagga*) 69

41 (1) Năm Sự Thù Oán Đáng Sợ (1).....	69
42 (2) Năm Sự Thù Oán Đáng Sợ (2).....	72
43 (3) Khổ	72
44 (4) Thế Giới	73
45 (5) Ở Ñātika	75
46 (6) Một Bà-La-Môn	76
47 (7) Bà-La-Môn Jāṇussoṇi	77
48 (8) Một Người Luận Giải Thế Giới.....	78
49 (9) Người thánh đệ tử (1)	79
50 (10) Người thánh đệ tử (2)	80
NHÓM 6. NHÓM KHỔ (nhóm cây) (Dukkha-vagga).....	81
51 (1) Sự Điều Tra Thấu Suốt	81
52 (2) Sự chấp-thủ	85
53 (3) Những Gông Cùm (1).....	86
54 (4) Những Gông Cùm (2).....	87
55 (5) Cây Lớn (1).....	87
56 (6) Cây Lớn (2).....	88
57 (7) Cây Non	88
58 (8) Danh Sắc	89
59 (9) Thức	90
60 (10) Nhân Duyên	91
NHÓM 7. 'NHÓM LỚN' (Mahā-vagga).....	94
61 (1) Người Không Được Chỉ Dạy (1)	94
62 (2) Người Không Được Chỉ Dạy (2)	95
63 (3) Thịt Của Người Con	97
64 (4) Nếu Có Tham Dục	100

65 (5) <i>Kinh Thành</i>	102
66 (6) <i>Sự Khám Phá</i>	105
67 (7) <i>Bó Cây Sậy</i>	110
68 (8) <i>Kosambī</i>	113
69 (9) <i>Sự Dâng Trào</i>	115
70 (10) <i>Susīma</i>	116
NHÓM 8. ‘NHÓM CÁC TU SĨ & BÀ-LA-MÔN’	
(Samaṇabrāhmaṇa-vagga)	126
71 (1) <i>Sự Già-Chết</i>	126
72 (2) – 81 (11) <i>Sự Sinh</i>	126
NHÓM 9. ‘NHÓM GỘP LẠI & TÓM LƯỢC’ (Antara-	
peyyāla-vagga)	128
82 (1) <i>Một Vị Thầy</i>	128
83 (2) <i>Sự Tu Học</i>	128
84 (3) – 93 (12) <i>Sự Cố Gắng</i>	128
Chương 13. Liên Kết SỰ ĐỘT-PHÁ.....	131
1 <i>Móng Tay</i>	133
2 <i>Hồ Nước</i>	133
3 <i>Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (1)</i>	134
4 <i>Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (2)</i>	134
5 <i>Trái Đất (1)</i>	135
6 <i>Trái Đất (2)</i>	136
7 <i>Đại Dương (1)</i>	136
8 <i>Đại Dương (2)</i>	137
9 <i>Núi (1)</i>	137
10 <i>Núi (2)</i>	138

<i>11 Núi (3)</i>	138
Chương 14. Liên Kết CÁC YẾU-TỐ	141
NHÓM 1. ‘NHÓM SỰ ĐA-DẠNG’ (<i>Nānatta-vagga</i>)	143
<i>1 (1) Nhiều Loại Yếu-Tố</i>	143
<i>2 (2) Nhiều Loại Tiếp-Xúc</i>	143
<i>3 (3) Không Tùy Thuộc Các Loại Tiếp-Xúc (ngược lại thì không)</i> 144	
<i>4 (4) Nhiều Loại Cảm-Giác (1)</i>	144
<i>5 (5) Nhiều Loại Cảm-Giác (2)</i>	145
<i>6 (6) Nhiều Loại Yếu-Tố Bên Ngoài</i>	146
<i>7 (7) Nhiều Loại Nhận-Thức</i>	147
<i>8 (8) Không Tùy Thuộc Các Loại Tìm-Câu ... (ngược lại thì không)</i>	148
<i>9 (9) Nhiều Loại Tiếp-Xúc Bên Ngoài</i>	149
<i>10 (10) Nhiều Loại Tiếp-Xúc Bên Ngoài (2) (ngược lại thì không)</i> 151	
NHÓM 2. ‘NHÓM THỨ HAI’ (<i>Dutiya-vagga</i>)	153
<i>11 (1) Bảy Yếu-Tố</i>	153
<i>12 (2) Có Một Nhân</i>	154
<i>13 (3) Hội Trường Gạch</i>	157
<i>14 (4) Tính Khí Thấp Kém</i>	158
<i>15 (5) Đi Tới Đi Lui</i>	158
<i>16 (6) Có Thêm Bài Kệ</i>	160
<i>17 (7) Thiếu Niềm-Tin ...</i>	162
<i>18 (8) Bắt Rẽ Từ Những Người Thiếu Niềm-Tin</i>	162
<i>19 (9) Bắt Rẽ Từ Những Người Không Biết Xấu-Hổ Lương Tâm</i> 163	

<i>20 (10) Bắt Rễ Từ Những Người Không Biết Sợ-Hãi Làm Điều Sai Xấu</i>	164
<i>21 (11) Bắt Rễ Từ Những Người Không Học-Hiểu</i>	165
<i>22 (12) Bắt Rễ Từ Những Người Lười-biếng</i>	165

NHÓM 3. NHÓM ‘ĐƯỜNG NGHIỆP’ (*Kamma-patha-vagga*)
..... **167**

<i>23 (1) Những Người Không Định-Tâm</i>	167
<i>24 (2) Những Người Vô Đạo Đức</i>	167
<i>25 (3) Năm Giới Tu Tập</i>	167
<i>26 (4) Bảy Đường Nghiệp</i>	168
<i>27 (5) Mười Đường Nghiệp</i>	169
<i>28 (6) Con Đường Tám Phần</i>	169
<i>29 (7) Mười Yếu-Tố</i>	170

NHÓM 4. ‘NHÓM THỨ TƯ’ (*Catuttha-vagga*) **171**

<i>30 (1) Bốn Yếu-Tố</i>	171
<i>31 (2) Trước Khi Ta Giác Ngộ</i>	171
<i>32 (3) Ta Đã Quyết Tâm</i>	172
<i>33 (4) Nếu Mà Không Có ...</i>	173
<i>34 (5) Chỉ Toàn Khổ</i>	174
<i>35 (6) Khoái Lạc</i>	175
<i>36 (7) Khởi Sinh</i>	176
<i>37 (8) Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (1)</i>	176
<i>38 (9) Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (2)</i>	177
<i>39 (10) Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (3)</i>	177

Chương 15. Liên Kết VÔ-THỦY

NHÓM 1. ‘NHÓM THỨ NHẤT’ (*Paṭhama-vagga*) **181**

<i>1 (1) Cỏ Cây</i>	181
<i>2 (2) Trái Đất</i>	182
<i>3 (3) Nước Mắt</i>	182
<i>4 (4) Sữa Mẹ</i>	184
<i>5 (5) Núi</i>	185
<i>6 (6) Hạt Cải</i>	185
<i>7 (7) Các Đệ Tử</i>	186
<i>8 (8) Sông Hằng</i>	187
<i>9 (9) Khúc Cây</i>	188
<i>10 (10) Người</i>	189
NHÓM 2. ‘NHÓM THỨ HAI’ (<i>Dutiya-vagga</i>)	191
<i>11 (1) Bất Hạnh</i>	191
<i>12 (2) Hạnh Phúc</i>	191
<i>13 (3) Ba Mươi Vị Tỳ Kheo</i>	192
<i>14 (4) Mẹ</i>	193
<i>15 (5) Cha</i>	193
<i>16 (6) Anh</i>	193
<i>17 (7) Chị</i>	193
<i>18 (8) Con Trai</i>	193
<i>19 (9) Con Gái</i>	194
<i>20 (10) Núi Vepulla</i>	194
Chương 16. Liên Kết CA-DIẾP	197
<i>1 Sự Biết Hai Lòng</i>	199
<i>2 Không Biết Sự-Hãi Điều Sai Xấu</i> ...	200
<i>3 Như Mặt Trăng</i>	201
<i>4 Khách Của Gia Đình</i>	204

<i>5 Tuổi Già</i>	205
<i>6 Sự Khởi Xướng (1)</i>	206
<i>7 Sự Khởi Xướng (2)</i>	208
<i>8 Sự Khởi Xướng (3)</i>	210
<i>9 Những Tầng Thiên Định & Những Trí-Biết Trực Tiếp</i>	212
<i>10 Khu Ở Của Các Tỳ Kheo Ni</i>	216
<i>11 Áo Cà-Sa</i>	219
<i>12 Sau Khi Chết</i>	223
<i>13 Sự Giả Mạo Giáo Pháp Đích Thực</i>	224
Chương 17. Liên Kết LỢI-DANH	227
NHÓM 1. ‘NHÓM THỨ NHẤT’ (Paṭhama-vagga)	229
<i>1 (1) Tai Hại (chết chóc)</i>	229
<i>2 (2) Lưỡi Câu</i>	229
<i>3 (3) Con Rùa</i>	230
<i>4 (4) Con Dê Lông Dày</i>	231
<i>5 (5) Con Bọ Trong Phân</i>	231
<i>6 (6) Sét Đánh</i>	232
<i>7 (7) Mũi Tên Tắm Độc</i>	232
<i>8 (8) Chó Rừng</i>	233
<i>9 (9) Cuồng Phong</i>	233
<i>10 (10) Có Thêm Bài Kệ</i>	234
NHÓM 2. ‘NHÓM THỨ HAI’ (Dutiya-vagga)	236
<i>11 (1) Bình Bát Vàng</i>	236
<i>12 (2) Bình Bát Bạc</i>	236
<i>13 (3) Một Đồng Tiền Vàng Suvanna</i>	237
<i>14 (4) Một Trăm Đồng Tiền Vàng Suvanna</i>	237

15 (5) <i>Một Đồng Tiền Vàng Singi</i>	237
16 (6) <i>Một Trăm Đồng Tiền Vàng Singi</i>	237
17 (7) <i>Trái Đất Chứa Toàn Vàng</i>	237
18 (8) <i>Mọi Phần Thường Vật Chất</i>	237
19 (9) <i>Mạng Sống</i>	237
20 (10) <i>Hoa Hậ Của Vùng Đất</i>	237
NHÓM 3. 'NHÓM THỨ BA' (<i>Tatiya-vagga</i>)	238
21 (1) <i>Một Phụ Nữ</i>	238
22 (2) <i>Hoa Hậ Của Vùng Đất</i>	238
23 (3) <i>Con Trai Duy Nhất</i>	238
24 (3) <i>Con Gái Duy Nhất</i>	239
25 (5) <i>Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (1)</i>	240
26 (6) <i>Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (2)</i>	241
27 (7) <i>Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (3)</i>	241
28 (8) <i>Da</i>	242
29 (9) <i>Sợi Dây</i>	242
30 (10) <i>Một Tỳ Kheo (A-la-hán)</i>	243
NHÓM 4. 'NHÓM THỨ TƯ' (<i>Catuttha-vagga</i>)	244
31 (1) <i>Sự Chia Rẽ</i>	244
32 (2) <i>Góc Rẽ Thiện</i>	244
33 (3) <i>Bản Chất Thiện</i>	244
34 (4) <i>Bản Chất Sáng</i>	245
35 (5) <i>Không Lâu Sau Khi Ông Ta Bỏ Đi</i>	245
36 (6) <i>Năm Trăm Cổ Xe</i>	246
37 (7) <i>Mẹ</i>	246
38 (8) <i>Cha</i>	246

39 (9) <i>Anh</i>	246
40 (10) <i>Chị</i>	246
41 (11) <i>Con Trai</i>	246
42 (12) <i>Con Gái</i>	247
43 (13) <i>Vợ</i>	247
Chương 18. Liên Kết RĀHULA	249
NHÓM 1. ‘NHÓM THỨ NHẤT’ (<i>Paṭhama-vagga</i>)	251
1 (1) <i>Mắt</i>	251
2 (2) <i>Những Hình-Sắc</i>	252
3 (3) <i>Thức</i> (thức)	252
4 (4) <i>Sự Tiếp Xúc</i> (xúc)	252
5 (5) <i>Cảm-giác</i> (thọ)	253
6 (6) <i>Nhận Thức</i> (trưởng)	253
7 (7) <i>Sự Cố Ý</i> (tư)	254
8 (8) <i>Dục Vọng</i> (ái)	254
9 (9) <i>Các Yếu Tố</i> (giới)	255
10 (10) <i>Các Uẩn</i> (đồng, tập hợp, tổ hợp)	255
NHÓM 2. ‘NHÓM THỨ HAI’ (<i>Dutiya-vagga</i>)	256
11 (1) <i>Mắt</i>	256
12 (2) <i>Những Hình-sắc</i>	256
13 (3) <i>Thức</i> (thức)	256
14 (4) <i>Sự Tiếp-Xúc</i> (xúc)	256
15 (5) <i>Cảm-giác</i> (thọ)	256
16 (6) <i>Nhận-Thức</i> (trưởng)	256
17 (7) <i>Sự Cố-Ý</i> (tư)	256
18 (8) <i>Dục-Vọng</i> (ái)	256

<i>19 (9) Những Yếu-Tố (xú)</i>	256
<i>20 (10) Các Uẩn (đồng, tập hợp, tổ hợp)</i>	256
<i>21 (11) Khuyh-Hướng Tiềm Ẩn (tùy miên)</i>	256
<i>22 (12) Không-Còn (đã loại bỏ hết)</i>	257
Chương 19. Liên Kết LAKKHAṆA	259
NHÓM 1. ‘NHÓM THỨ NHẤT’ (<i>Paṭhama-vagga</i>)	261
<i>1 (1) Bộ Xương</i>	261
<i>2 (2) Miếng Thịt</i>	262
<i>3 (3) Cục Thịt</i>	263
<i>4 (4) Người Bị Lộ Da</i>	263
<i>5 (5) Lông Bằng Lưỡi Kiếm</i>	263
<i>6 (6) Lông Bằng Lưỡi Giáo</i>	263
<i>7 (7) Lông Bằng Mũi Tên</i>	264
<i>8 (8) Lông Bằng Kim (1)</i>	264
<i>9 (9) Lông Bằng Kim (2)</i>	264
<i>10 (10) Tinh Hoàn Bằng Cái Nồi</i>	265
NHÓM 2. ‘NHÓM THỨ HAI’ (<i>Dutiya-vagga</i>)	266
<i>11 (1) Đầu Bị Dìm</i>	266
<i>12 (2) Người Ăn Phân</i>	266
<i>13 (3) Người Phụ Nữ Bị Lộ Da</i>	266
<i>14 (4) Người Đàn Bà Xấu Xí</i>	267
<i>15 (5) Người Đàn Bà Cháy Bốc Khói</i>	267
<i>16 (6) Thân Không Đầu</i>	267
<i>17 (7) Tỳ Kheo Xấu Ác</i>	267
<i>18 (8) Tỳ Kheo Ni Xấu Ác</i>	268
<i>19 (9) Một Nữ Tu Tập Sự Xấu Ác</i>	268

20 (10) <i>Một Sa-Di Xấu Ác</i>	268
21 (11) <i>Một Sa-Di Ni Xấu Ác</i>	268
Chương 20. Liên Kết VÍ DỤ.....	271
1 <i>Đỉnh Chóp Mái Nhà</i>	273
2 <i>Móng Tay</i>	273
3 <i>Các Gia Đình</i>	274
4 <i>Những Nồi Thức Ăn</i>	274
5 <i>Ngọn Giáo</i>	275
6 <i>Các Cung Thủ</i>	275
7 <i>Cái Chốt Trống</i>	276
8 <i>Gỗ Súc</i>	277
9 <i>Con Voi Đực</i>	278
10 <i>Con Mèo</i>	280
11 <i>Con Chó Rừng (1)</i>	281
12 <i>Con Chó Rừng (2)</i>	281
Chương 21. Liên Kết CÁC TỖ KHEO	283
1 <i>Kolita</i>	285
2 <i>Upatissa</i>	286
3 <i>Cái Thùng</i>	287
4 <i>Tỳ Kheo Mới Thụ Giới</i>	289
5 <i>Sujāta</i>	290
6 <i>Lakuṇṭaka Bhaddiya</i>	291
7 <i>Visākha</i>	292
8 <i>Nanda</i>	293
9 <i>Tissa</i>	294
10 <i>Tỳ Kheo Tên Là Trưởng Lão (Thera)</i>	295

<i>11 Đại Kappina</i>	297
<i>12 Những Người Đồng Hành</i>	298
BẢNG VIẾT TẮT	301
CHÚ THÍCH	307

*Kính lễ Đức Thế Tôn,
bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

Chương 12

Liên Kết NHÂN-DUYÊN

(12 Nidāna-saṃyutta)

(12 Tương ứng Nhân-Duyên)

NHÓM 1

NHÓM ‘NHỮNG VỊ PHẬT’

(*Buddhavagga*)

1 (1) *Sự Khởi Sinh Tùy Thuộc*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo: “Này các Tỷ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỷ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỷ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỷ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

[1] “Và, này các Tỷ kheo, cái gì là ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’? (đó là) Do có *vô-minh* là điều-kiện (duyên) nên có [sinh ra] *những sự tạo-tác* (hành);¹ do có những sự tạo-tác là điều-kiện nên có *thức*; do có thức là điều-kiện nên có danh-sắc (tâm thần-sắc thân, tâm và thân); do có danh-sắc là điều-kiện nên có *sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện nên có *sự tiếp-xúc* (xúc); do có sự tiếp-xúc là điều-kiện nên có *cảm-giác* (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện nên có *đục-vọng* (ái); do có đục-vọng là điều-kiện nên có *sự chấp-thủ* (thù); do có sự chấp-thủ là điều-kiện nên có *sự hiện-hữu* (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện nên có *sự sinh-ra* (sinh); do có *sự sinh-ra* là điều-kiện, nên xảy ra *sự già-chết* (lão tử), sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sâu, bi, khổ, ưu, não). Đó là *nguồn-gốc* (chiều khởi sinh) của toàn bộ đồng khổ này. Này các Tỷ kheo, đây được gọi là ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’.

[2] “Nhưng (ngược lại): Với sự phai biến sạch sẽ [không còn tàn dư] và chấm dứt *vô-minh* thì chấm dứt *những sự tạo-tác*; khi chấm dứt những sự tạo-tác thì chấm dứt *thức*; khi chấm dứt thức thì chấm dứt danh-sắc; khi

chấm dứt danh-sắc thì chấm dứt *sáu cơ-sở cảm nhận*; khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận thì chấm dứt *sự tiếp-xúc*; khi chấm dứt sự tiếp-xúc thì chấm dứt *cảm-giác*; khi chấm dứt cảm-giác thì chấm dứt *dục-vọng*; khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt *sự chấp-thủ*; khi chấm dứt sự chấp-thủ thì chấm dứt *sự hiện-hữu*; khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt *sự sinh-ra*; khi chấm dứt sự sinh-ra thì không còn sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự *chấm-dứt* (chiều hoàn diệt) của toàn bộ đồng khổ này.”

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn.

(SN 12:01)

2 (2) *Phân Tích Sự Khởi Sinh Tùy Thuộc*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’, và ta sẽ phân tích nó cho các thầy. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Do có *vô-minh* là điều-kiện (duyên) nên có *những sự tạo-tác*; do có những sự tạo-tác là điều-kiện nên có *thức* ... [*tiếp tục như kinh kể trên*] ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.”

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự *già-chết* (lão tử)? Sự già đi của những chúng sinh trong những giống loài chúng sinh khác nhau, đó là sự già đi của họ, răng rụng, tóc bạc, da nhăn nheo, suy giảm sức sống, suy thoái các căn: đây được gọi là sự già. Sự qua-đời của những chúng sinh trong những giống loài chúng sinh khác nhau, đó là sự hủy hoại của họ, sự tan rã, biến mất, tử vong, chết, sự hết thời gian (sống), sự tan rã của các uẩn, sự đặt xuống xác chết: đây gọi là sự chết.² Như vậy sự *già* và sự *chết* này gộp chung được gọi là sự già-chết.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự *sinh-ra* (sinh)? Sự sinh ra của những chúng sinh khác nhau thành những giống loài chúng sinh khác nhau, đó là sự được sinh ra, sự hạ vào [trong dạ con], sự sản sinh, sự hiện thân của năm-uẩn, sự có được những cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ). Đây được gọi là sự sinh.³

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự *hiện-hữu* (hữu)? Có ba loại sự hiện-hữu: sự hiện-hữu ở cõi dục giới, sự hiện-hữu ở cõi sắc giới, sự hiện-hữu ở cõi vô sắc giới. Đây được gọi là sự hiện hữu.⁴

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự *chấp-thủ* (thủ)? Có bốn loại sự chấp-thủ: (i) sự chấp-thủ những khoái-lạc giác quan (dục thủ), (ii) sự chấp-thủ vào những quan-điểm này nọ (kiến thủ), (iii) ‘sự chấp-thủ sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện’ (giới-cấm thủ), (iv) sự chấp-thủ vào giáo lý có cái ‘ta’ (ngã kiến thủ). Đây được gọi là sự chấp-thủ.⁵

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *dục-vọng* (ái)? Có sáu loại dục-vọng: dục-vọng muốn những hình-sắc (sắc ái), dục-vọng muốn những âm-thanh (thanh ái), dục-vọng muốn những mùi-hương (hương ái), dục-vọng muốn những mùi-vị (vị ái), dục-vọng muốn những thú hữu-hình chạm xúc (xúc ái), dục vọng muốn những hiện-tượng thuộc tâm (pháp ái).

(6) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *cảm-giác* (thọ)? Có sáu loại cảm-giác: cảm-giác có từ tiếp-xúc mắt (nhãn xúc thọ), cảm-giác có từ tiếp-xúc tai (nhĩ xúc thọ), cảm-giác có từ tiếp-xúc mũi (tỷ xúc thọ), cảm-giác có từ tiếp-xúc lưỡi (thiệt xúc thọ), cảm-giác có từ tiếp-xúc thân (thân xúc thọ), cảm-giác có từ tiếp-xúc tâm (tâm xúc thọ). Đây được gọi là cảm-giác.

(7) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự tiếp-xúc* (xúc)? Có sáu loại tiếp xúc: tiếp-xúc mắt (nhãn xúc), tiếp-xúc tai (nhĩ thức), tiếp-xúc mũi (tỷ xúc), tiếp-xúc lưỡi (thiệt xúc), tiếp-xúc thân (thân xúc), tiếp-xúc tâm (tâm xúc). Đây được gọi là sự tiếp xúc.

(8) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ)? Cơ Cơ-sở mắt (nhãn xứ), cơ-sở tai (nhĩ xứ), cơ-sở mũi (tỷ xứ), cơ-sở lưỡi

(thiệt xứ), cơ-sở thân (thân xứ), cơ-sở tâm (tâm xứ). Những đây được gọi là sáu cơ-sở cảm nhận.

(9) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là danh-sắc (tâm-thân)? Cảm-giác (thọ), nhận-thức (tưởng), ý-định (hành), sự tiếp-xúc (xúc), sự chú-tâm (tác ý): đây được gọi là phần *danh* (thuộc tâm thân). Bốn yếu-tố lớn (tứ đại) và những thể sắc phái sinh từ bốn yếu-tố lớn đó: đây được gọi là phần *sắc* (thuộc sắc thân). Như vậy phần *danh* này và phần *sắc* này gộp chung được gọi chung là danh-sắc.⁶

(10) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *thức* (thức)? Có sáu loại thức: thức mắt (nhãn thức), thức tai (nhĩ thức), thức mũi (tỷ thức), thức lưỡi (thiệt thức), thức thân (thân thức), thức tâm (tâm thức). Đây được gọi là thức.

(11) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *những sự tạo-tác* (hành)? Có ba loại sự tạo-tác: sự tạo-tác của thân (thân hành), sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành), sự tạo-tác của tâm (tâm hành). Những đây được gọi là những sự tạo-tác (các hành).⁷

(12) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *vô-minh*? Không biết sự khổ, không biết nguồn-gốc khổ, không biết sự chấm-dứt khổ, không biết con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Đây được gọi là sự vô-minh.⁸

“Như vậy, này các Tỳ kheo, do có *vô-minh* là điều-kiện [duyên], nên có *những sự tạo-tác*; do có những sự tạo-tác là điều-kiện, nên có *thức* ... Đó là *nguồn-gốc* (chiều khởi sinh) của toàn bộ đồng khổ này.

“Nhưng (ngược lại), với sự phai biến và chấm dứt *vô-minh* thì chấm dứt *những sự tạo-tác*; khi chấm dứt những sự tạo-tác thì chấm dứt *thức* ... Đó là sự *chấm-dứt* (chiều hoàn diệt) của toàn bộ đồng khổ này.”⁹

(SN 12:02)

3 (3) Hai Đường

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đường sai và đường đúng. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường sai? (đó là) Do có *vô-minh* là điều-kiện (duyên) nên có *những sự tạo-tác* (hành); do có những sự tạo-tác là điều-kiện nên có *thức* ... Đó là *nguồn-gốc* (chiều khởi sinh) của toàn bộ đồng khổ này. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là đường sai.”

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường đúng? Với sự phai biến và chấm dứt *vô-minh* (vô minh diệt) thì chấm dứt *những sự tạo-tác* (hành diệt); khi chấm dứt những sự tạo-tác thì chấm dứt *thức* (thức diệt) ... Đó là sự *chấm-dứt* (chiều hoàn diệt) của toàn bộ đồng khổ này. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là đường đúng.”

(SN 12:03)

4 (4) *Phật Vipassī* (Tỳ-bà-thi)

Ở Sāvattthī.¹⁰

“Này các Tỳ kheo, trước khi giác-ngộ, khi vị ấy là một bò-tát,¹¹ chưa giác-ngộ toàn thiện, lúc đó điều này đã xảy đến với Vipassī, bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác:¹² ‘Chao ôi, thế gian này đã rớt (trầm luân) trong khổ nạn, trong đó nó bị sinh, già, và chết, nó chết đi và tái sinh, nhưng nó không hiểu được sự giải-thoát khỏi sự khổ đau này [dẫn đầu bởi] sự già-chết. Khi nào mới nhận thấy sự giải-thoát khỏi sự khổ đau [dẫn đầu bởi] sự già-chết?’ ... [*Các kinh 6–9 bên dưới đều tiếp tục với nội dung như kinh 12:10 bên dưới*] ...

“‘Sự chấm dứt, sự chấm dứt’—vậy đó, này các Tỳ kheo, như vậy đó, trong vị bò-tát Vipassī đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.”

(SN 12:04)

5 (5) Phậṭ Sikhī (Thi-khí)

6 (6) Phậṭ Vessabhū (Tỳ-xá-phù)

7 (7) Phậṭ Kakusandha (Câu-lưu-tôn)

8 (8) Phậṭ Koṇāgamana (Câu-na-hàm)

9 (9) Phậṭ Kassapa (Ca-diếp)

10 (10) Phậṭ Thích-Ca, Đại Sa-Môn Cồ-Đàm

[I. Sự Khởi-Sinh]

“Này các Tỳ kheo, trước khi giác-ngộ, khi ta còn là một Bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, lúc đó điều này đã xảy đến với ta: ‘Chao ôi, thế gian này đã rớt (trầm luân) trong khổ nạn, trong đó nó bị sinh, già, và chết, nó chết rồi lại sinh, nhưng nó không hiểu được sự giải-thoát khỏi sự khổ đau này [dẫn đầu bởi] sự già-chết. Khi nào mới nhận thấy sự giải-thoát khỏi sự khổ đau này [dẫn đầu bởi] sự già-chết?’

(1) “Này các Tỳ kheo, rồi điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có sự già-chết? Thứ gì làm điều-kiện (duyên) tạo ra sự già-chết?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), trong ta có [đã xảy ra] sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng:¹³ ‘*Khi có sinh-ra thì có già-chết; sự già-chết có sinh-ra là điều-kiện (duyên) của nó.*’¹⁴

(2) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có sự sinh-ra (sinh)? Thứ gì là điều-kiện tạo ra sự sinh-ra?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có sự hiện-hữu (hữu) là có sự sinh-ra; sự sinh-ra có sự hiện-hữu là điều-kiện của nó.*’

(3) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có sự hiện-hữu? Thứ gì làm điều-kiện tạo ra sự hiện-hữu?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-

tuệ rằng: ‘*Khi có sự chấp-thủ (thủ) là có sự hiện-hữu; sự hiện-hữu có sự chấp-thủ là điều-kiện của nó.*’

(4) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có sự chấp-thủ? Thứ gì làm điều-kiện tạo ra sự chấp-thủ?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có dục-vọng (ái) là có sự chấp-thủ; sự chấp-thủ có dục-vọng là điều-kiện của nó.*’

(5) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có dục-vọng? Thứ gì làm điều-kiện tạo ra dục-vọng?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có cảm-giác (thọ) là có dục-vọng; dục-vọng có cảm-giác là điều-kiện của nó.*’

(6) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có cảm-giác? Thứ gì làm điều-kiện tạo ra cảm-giác?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có sự tiếp-xúc (xúc) là có cảm-giác; cảm-giác có sự tiếp-xúc là điều-kiện của nó.*’

(7) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có sự tiếp-xúc? Thứ gì làm điều-kiện tạo ra sự tiếp-xúc?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) là có sự tiếp-xúc; sự tiếp-xúc có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện của nó.*’

(8) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có sáu cơ-sở cảm nhận? Thứ gì làm điều-kiện tạo ra sáu cơ-sở cảm nhận?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có danh-sắc là có sáu cơ-sở cảm nhận; sáu cơ-sở cảm nhận có danh-sắc là điều-kiện của nó.*’

(9) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có danh-sắc? Thứ gì làm điều-kiện tạo ra danh-sắc?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ

rằng: ‘*Khi có thức (thức) là có danh-sắc; danh-sắc có thức là điều-kiện của nó.*’

(10) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có thức? Thứ gì làm điều-kiện tạo ra thức?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có những sự tạo-tác (hành) là có thức; thức có những sự tạo-tác là điều-kiện của nó.*’¹⁵

(11) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có những sự tạo-tác? Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có vô-minh (vô minh) là có những sự tạo-tác; những sự tạo-tác có vô-minh là điều-kiện của nó.*’

(12) “Nhu vậy, do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện (duyên) nên có những sự tạo-tác (hành); do có những sự tạo-tác (hành) là điều-kiện nên có thức (thức) ... Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đồng khổ này.

“‘Sự khởi-sinh, sự khởi-sinh’—vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi lên sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh, chân trí), và ánh-sáng.

[II. Sự Chấm-Dứt]

(1) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi không có thứ gì, thì không có sự già-chết? Khi chấm dứt thứ gì thì chấm dứt sự già-chết?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi không có sự sinh-ra thì không có già-chết; khi chấm dứt sự sinh thì chấm dứt sự già-chết.*’

(2) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi không có thứ gì thì không có sự sinh? Khi chấm dứt thứ gì thì chấm dứt sự sinh?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi không có sự hiện-hữu (hữu) thì không có sự sinh-ra; khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh.*’ ...

(3) ... ‘*Khi không có sự chấp-thủ (thủ) thì không có sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự chấp-thủ thì chấm dứt sự hiện-hữu.*’ ...

(4) ... ‘*Khi không có dục-vọng (ái) thì không có sự chấp-thủ; khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt sự chấp-thủ.*’ ...

(5) ... ‘*Khi không có cảm-giác (thọ) thì không có dục-vọng; khi chấm dứt cảm-giác thì chấm dứt dục-vọng.*’ ...

(6) ... ‘*Khi không có tiếp-xúc (xúc) thì không có cảm-giác; khi chấm dứt sự tiếp-xúc thì chấm dứt cảm-giác.*’ ...

(7) ... ‘*Khi không có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) thì không có tiếp-xúc; khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận thì chấm dứt sự tiếp-xúc.*’ ...

(8) ... ‘*Khi không có danh-sắc (danh sắc) thì không có sáu cơ-sở cảm nhận; khi chấm dứt danh-sắc thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận.*’ ...

(9) ... ‘*Khi không có thức (thức) thì không có danh-sắc; khi chấm dứt thức thì chấm dứt danh-sắc.*’ ...

(10) ... ‘*Khi không có những sự tạo-tác (hành) thì không có thức; khi chấm dứt những sự tạo-tác thì chấm dứt thức.*’ ...

(11) ... ‘*Khi không có vô-minh (vô minh) thì không có những sự tạo-tác; khi chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác.*’

(12) “Nhu vậy, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh) thì chấm dứt những sự tạo-tác (hành); khi chấm dứt những sự tạo-tác (hành) thì chấm dứt thức (thức) ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.

“‘Sự chấm dứt, sự chấm dứt’—vậy đó, này các Tỷ kheo, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi lên một sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng.”¹⁶

(SN 12:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘DƯỠNG CHẤT’

(*Āhāra-vagga*)

11 (1) Dưỡng Chất

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại dưỡng-chất để duy trì (sự sống của) những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành.¹⁷ Bốn đó là gì? *Thức-ăn*, thô và tinh; thứ hai, *sự tiếp-xúc*; thứ ba, *sự cố-ý của tâm* (tu, tâm tư); thứ tư, *thức*. Đây là bốn loại dưỡng-chất để duy trì những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành.¹⁸

“Này các Tỳ kheo, bốn loại dưỡng-chất này có thứ gì là nguồn gốc của chúng, thứ gì là nguyên gốc của chúng, từ thứ gì chúng được sinh ra và tạo ra? Bốn loại dưỡng-chất này có dục-vọng (sự thèm khát; ái) là nguồn gốc của chúng, dục-vọng là nguyên gốc của chúng, chúng được sinh ra và tạo ra từ dục-vọng.¹⁹

“Và dục-vọng này thì có thứ gì là nguồn gốc của nó, thứ gì là nguyên gốc của nó, từ thứ gì nó được sinh ra và tạo ra? Dục-vọng (ái) có cảm-giác (thọ) là nguồn gốc nó, có cảm-giác là nguyên gốc của nó, nó được sinh ra và tạo ra từ cảm-giác.

“Và cảm-giác có thứ gì là nguồn gốc của nó ...? Cảm-giác (thọ) có sự tiếp-xúc (xúc) là nguồn gốc của nó ...

“Và sự tiếp-xúc có thứ gì là nguồn gốc của nó ...? Sự tiếp-xúc (xúc) có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) là nguồn gốc của nó ...

“Và sáu cơ-sở cảm nhận có thứ gì là nguồn gốc của chúng ...? Sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) có danh-sắc (danh sắc) là nguồn gốc của chúng ...

“Và danh-sắc có thứ gì là nguồn gốc của nó ...? Danh-sắc (danh sắc) có thức (thức) là nguồn gốc của nó ...

“Và thức có thứ gì là nguồn gốc của nó ...? Thức (thức) có những sự tạo-tác (hành) là nguồn gốc của nó ...

“Và những sự tạo-tác có thứ gì là nguồn gốc của chúng ...? Những sự tạo-tác (hành) có vô-minh (vô minh) là nguồn gốc của chúng ...

“Như vậy, này các Tỳ kheo: do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện (duyên), nên có những sự tạo-tác (hành); do có những sự tạo-tác (hành) là điều-kiện, nên có thức (thức) ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt), thì chấm dứt những sự tạo-tác (hành diệt); khi chấm dứt những sự tạo-tác (hành diệt), thì chấm dứt thức (thức diệt) ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:11)

12 (2) *Moliya Phagguna*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại dưỡng-chất để duy trì (sự sống của) những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành. Bốn đó là gì? *Thức-ăn*, thô và tinh; thứ hai, *sự tiếp-xúc*; thứ ba, *sự cố-ý của tâm* (tu, tâm tư); thứ tư, *thức*. Đây là bốn loại dưỡng-chất để duy trì những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành.²⁰ Khi điều này được nói ra, Ngài Moliya Phagguna đã nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ai tiêu thụ dưỡng-chất thức?”²¹

“Câu hỏi đó không đúng chỗ”, đức Thế Tôn trả lời. “Ta không nói ‘Ai tiêu thụ’.²² Nếu ta có nói ‘Ai tiêu thụ’ thì câu hỏi đó mới đúng chỗ. Nhưng ta đâu nói như vậy. Vì ta không nói như vậy, nên nếu hỏi cho đúng thì nên hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, dưỡng-chất thức làm điều-kiện (duyên) cho cái gì?’²³

Câu trả lời đúng của nó là: ‘Dưỡng-chất thức là một điều-kiện tạo ra sự tái hiện-hữu trong tương lai.²⁴ Khi nào có thức (thức), thì có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ);²⁵ khi có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ), thì có sự tiếp-xúc (xúc).’”

“Thưa Thế Tôn, ai làm ra sự tiếp-xúc?”

“Câu hỏi đó không đúng chỗ”, đức Thế Tôn trả lời. “Ta không nói ‘Ai làm ra sự tiếp-xúc.’ Nếu ta có nói ‘Ai làm ra sự tiếp-xúc’ thì câu hỏi đó mới đúng. Nhưng ta đâu nói như vậy. Vì ta không nói như vậy nên nếu hỏi cho đúng thì nên hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, với thứ gì là điều-kiện thì có thức?’. Câu trả lời đúng là: ‘Với sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc (xúc); khi có sự tiếp-xúc (xúc), thì có cảm-giác (thọ).’”

“Thưa Thế Tôn, ai cảm-giác?”

“Câu hỏi đó không đúng chỗ”, đức Thế Tôn trả lời. “Ta không nói ‘Ai cảm-giác.’ Nếu ta có nói ‘Ai cảm-giác’ thì câu hỏi đó mới đúng. Nhưng ta đâu nói như vậy. Vì ta không nói như vậy nên nếu hỏi cho đúng thì nên hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, với thứ gì là điều-kiện, thì có cảm-giác?’. Câu trả lời đúng là: ‘Với sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện, nên có cảm-giác (thọ); khi có cảm-giác (thọ), thì có dục-vọng (ái; sự thèm khát).’”

“Thưa Thế Tôn, ai thèm-khát?”

“Câu hỏi đó không đúng chỗ”, đức Thế Tôn trả lời. “Ta không nói ‘Ai thèm-khát.’ Nếu ta có nói ‘Ai thèm-khát’ thì câu hỏi đó mới đúng. Nhưng ta đâu nói như vậy. Vì ta không nói như vậy nên nếu hỏi cho đúng thì nên hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, với thứ gì là điều-kiện thì có dục-vọng? Câu trả lời đúng là: ‘Với cảm-giác (thọ) là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái); khi có dục-vọng (ái) là điều-kiện, thì có sự chấp-thủ (thủ); khi có sự chấp-thủ (thủ), thì có sự hiện-hữu (hữu);²⁶ khi có sự hiện-hữu (hữu), thì có sự sinh-ra (sinh) ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.’”

“Nhưng, này Phagguna, với sự phai biến và chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) thì chấm dứt (không còn) sự tiếp-xúc (xúc); khi chấm dứt tiếp-xúc (xúc) thì chấm dứt cảm-giác (thọ); khi chấm dứt cảm-giác (thọ)

thì chấ́m dứ́t dục-vọng (ái); khi chấ́m dứ́t dục-vọng (ái) thì chấ́m dứ́t sự chấ́p-thủ (thủ); khi chấ́m dứ́t sự chấ́p-thủ (thủ) thì chấ́m dứ́t sự hiện-hữ́u (hữ́u); khi chấ́m dứ́t sự hiện-hữ́u (hữ́u) thì chấ́m dứ́t sự sinh-ra (sinh); khi chấ́m dứ́t sinh-ra (sinh) thì không còn sự già-chết (lão tử), sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Đó là sự *chấ́m-dứ́t* của toàn bộ đố́ng khổ này.”

(SN 12:12)

13 (3) *Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (1)*

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ [sa-môn] hay bà-la-môn nào không hiểu [không ngộ] sự già-chết (lão tử), nguồn-gốc của nó, sự chấ́m-dứ́t của nó, và con-đườ́ng dẫn tới sự chấ́m-dứ́t nó;²⁷ những ai không hiểu sự sinh (sinh) ... sự hiện-hữ́u (hữ́u) ... sự chấ́p-thủ (thủ) ... dục-vọng (ái) ... cảm-giác (thọ) ... sự tiếp-xúc (xúc) ... sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) ... danh-sắc (danh sắc) ... thức (thức) ... những sự tạo-tác (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấ́m-dứ́t của chúng, và con-đườ́ng dẫn tới sự chấ́m-dứ́t chúng: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, trong kiếp này, do không tự mình chứng ngộ điều (sự thật, chân lý) này bằng sự-biết trực tiếp, cho nên không chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ (sa-môn hạnh) hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn (bà-la-môn hạnh).²⁸

(2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ [sa-môn] và bà-la-môn nào hiểu [ngộ] sự già-chết (lão tử), nguồn-gốc của nó, sự chấ́m-dứ́t của nó, và con-đườ́ng dẫn tới sự chấ́m-dứ́t nó; những ai hiểu sự sinh (sinh) ... những sự tạo-tác (hành), nguồn gốc của chúng, sự chấ́m dứ́t của nó, và con đườ́ng dẫn tới sự chấ́m dứ́t chúng: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ điều này bằng sự-biết trực tiếp, ngay

trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 12:13)

14 (4) Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (2)

Ở Sāvattihī.

(1) “Này các Tỳ kheo, đối với những tu sĩ [sa-môn] hay bà-la-môn nào không hiểu những điều này, nguồn-gốc của những điều này, sự chấm-dứt của những điều này, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những điều này: cái gì là những điều họ không hiểu, nguồn-gốc của những điều gì mà họ không hiểu, sự chấm-dứt những điều gì họ không hiểu, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những điều gì mà họ không hiểu?

“(đó là) Họ không hiểu sự già-chết (lão tử), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Họ không hiểu sự sinh (sinh) ... sự hiện-hữu (hữu) ... sự chấp-thủ (thủ) ... dục-vọng (ái) ... cảm-giác (thọ) ... sự tiếp-xúc (xúc) ... sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) ... danh-sắc (danh sắc) ... thức (thức) ... những sự tạo-tác (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng. Đó là những điều họ không hiểu, nguồn-gốc của chúng họ không hiểu, sự chấm-dứt của chúng họ không hiểu, con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng họ không hiểu.

“Những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, trong kiếp này, do không tự mình chứng ngộ những điều này bằng sự-biết trực tiếp, cho nên không chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn.

(2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, đối với những tu sĩ [sa-môn] hay bà-la-môn nào hiểu được những điều này, nguồn-gốc của những điều này, sự chấm-dứt của những điều này, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những

điều này: cái gì là những điều họ hiểu được, nguồn-gốc của những điều gì mà họ hiểu được, sự chấm-dứt những điều gì họ hiểu được, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những điều gì mà họ hiểu được?

“(đó là) Họ hiểu được sự già-chết (lão tử), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Họ hiểu được sự sinh (sinh) ... sự hiện-hữu (hữu) ... sự chấp-thủ (thủ) ... dục-vọng (ái) ... cảm-giác (thọ) ... sự tiếp-xúc (xúc) ... sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) ... danh-sắc (danh sắc) ... thức (thức) ... những sự tạo-tác (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng. Đó là những điều họ hiểu được, nguồn-gốc của chúng họ hiểu được, sự chấm-dứt của chúng họ hiểu được, con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng họ hiểu được.

“Những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ những điều này, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 12:14)

15 (5) *Kaccānagotta*

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Kaccānagotta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘Cách-nhìn đúng đắn, cách-nhìn đúng đắn.’ Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến)?”

(1) “Này Kaccāna, hầu hết trong thế gian này (trừ các thánh nhân) đều phụ thuộc vào hai mặt quan-điểm—một là ‘ý-niệm có sự hiện-hữu trường tồn’ (thường kiến), và hai là ‘ý-niệm không có sự hiện-hữu trường tồn’ (đoạn kiến).²⁹ Nhưng đối với người đã nhìn thấy nguồn gốc *khởi-sinh*

(sinh) của thể giới đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, thì người đó không còn tư tưởng (ý niệm) về sự ‘không-hiện-hữu’ đối với thể giới; (tức không coi thể giới là không hiện hữu, vì rõ ràng nó có khởi sinh). Và đối với người đã nhìn thấy sự *chấm-dứt* (diệt) của thể giới đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, thì người đó không còn tư tưởng về sự ‘luôn-hiện-hữu’ đối với thể giới; (tức không còn coi thể giới là hiện hữu trường tồn, vì rõ ràng nó có biến diệt).³⁰

(2) “Này Kaccāna, hầu hết trong thế gian bị trói buộc bởi sự dính-líu, sự chấp-thủ, và sự cố-chấp.³¹ Nhưng có người này [nhờ có chánh-kiến nên] không dính líu và chấp thủ bởi sự dính-líu và sự chấp-thủ đó, bởi quan-điểm này nọ của tâm, bởi sự cố-chấp, bởi khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên); người đó không còn quan-niệm có một ‘bản ngã của ta’ nào cả.³² Người đó không còn lờ mờ hay nghi ngờ về chân-lý: ‘thứ khởi sinh chỉ là khổ khởi sinh, thứ chấm dứt chỉ là khổ chấm dứt’ (chỉ có khổ sinh và khổ diệt). Sự-biết về điều này của người đó là không phụ thuộc vào người khác (tự mình thấy biết). Này Kaccāna, theo cách như vậy là có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến).³³

(3) “Này Kaccāna, (nếu nói) ‘tất cả đều hiện hữu’: đây là một cực đoan. (nếu nói) ‘Tất cả đều không hiện hữu’: đây là một cực đoan thứ hai. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo (sự khởi-sinh tùy thuộc) như vậy: ‘Do có *vô-minh* (vô minh) là điều-kiện (duyên), nên có *những sự tạo-tác* (hành); do có *những sự tạo-tác* (hành) là điều-kiện, nên có *thức* (thức) ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì chấm dứt những sự tạo-tác-cố-ý (hành diệt); khi chấm dứt những sự tạo-tác (hành diệt) thì chấm dứt thức (thức diệt) ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.’”

(SN 12:15)

16 (6) Người Thuyết Pháp

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘một người thuyết Pháp, một người thuyết Pháp’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người thuyết Pháp?”

“Này Tỳ kheo, (i) nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự *già-chết*, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo, là một người thuyết Pháp. (ii) Nếu ai đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự *già-chết*, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp.³⁴ (iii) Nếu ai, thông qua sự ghê-sợ đối với sự *già-chết*, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt), thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.³⁵

“Này các Tỳ kheo, (i) nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự *sinh* dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự *vô-minh*, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo, là một người thuyết Pháp. (ii) Nếu ai đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự *sinh* sự *vô-minh*, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. (iii) Nếu ai, thông qua sự ghê-sợ đối với sự *sinh* sự *vô-minh*, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.”

(SN 12:16)

17 (7) *Tu Sĩ Lỏa Thế Tên Ca-Điếp*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ

Cho Sóc Ăn. Lúc đó, buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô thành Rājagaha để khất thực. Tu sĩ lửa thể tên Ca-diếp (Kassapa) nhìn thấy đức Thế Tôn đi đến từ xa. Sau khi nhìn thấy, ông đã đến gần đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, ông đứng qua một bên và nói với đức Thế Tôn: “Chúng tôi muốn hỏi Thầy Cồ-đàm về một điều, mong thầy làm ơn trả lời câu hỏi của chúng tôi.”

“Này ông Ca-diếp, giờ không phải lúc thích hợp để hỏi. Chúng tôi đã đi vào khu nhà dân rồi.”

Lần thứ hai và lần thứ ba, tu sĩ lửa thể Ca-diếp vẫn nói với đức Thế Tôn: “Chúng tôi muốn hỏi Thầy Cồ-đàm về một điều, mong thầy làm ơn trả lời câu hỏi của chúng tôi.”

“Này ông Ca-diếp, giờ không phải lúc thích hợp để hỏi. Chúng tôi đã đi vào khu nhà dân rồi.”³⁶

Rồi tu sĩ lửa thể Ca-diếp lại nói với đức Thế Tôn: “Chúng tôi không muốn hỏi Thầy Cồ-đàm quá nhiều điều đâu.”

“Vậy thì ông hãy hỏi điều muốn hỏi đi, này ông Ca-diếp.”

“Thưa Thầy Cồ-đàm, là sao: (i) có phải khổ là do chính mình tạo ra?

“Không phải vậy, ông Ca-diếp”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cồ-đàm, (ii) vậy có phải khổ là do người khác gây ra?”

“Không phải vậy, ông Ca-diếp”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cồ-đàm, vậy là sao: (iii) có phải khổ là do chính mình và người khác gây ra?”

“Không phải vậy, ông Ca-diếp”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cồ-đàm, (iv) vậy có phải khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên tình cờ, không phải do chính mình hay người khác gây ra?”³⁷

“Không phải vậy, ông Ca-diếp”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cồ-đàm, vậy là sao: vậy là không có khổ à?”

“Không phải là không có khổ, này ông Ca-diếp; có sự khổ đau mà.”

“Vậy có phải Thầy Cồ-đàm không biết và không thấy sự khổ?”

“Không phải là ta không biết và không thấy sự khổ, này ông Ca-diếp. Ta biết sự khổ là gì, ta thấy sự khổ là gì.”

“Khi hỏi thầy câu nào: ‘Thầy Cồ-đàm: có phải khổ do chính mình tạo ra?, hoặc ‘Khổ là do người khác gây ra?’, hoặc ‘Khổ là do chính mình và người khác gây ra?’, hoặc ‘Khổ không do ai gây ra?’, thì thầy đều trả lời: ‘Không phải vậy, ông Ca-diếp’. Rồi khi hỏi tiếp: ‘Thầy Cồ-đàm, vậy là không có khổ à?’, thầy lại nói: ‘Không phải không có khổ, ông Ca-diếp; có sự khổ đau mà’. Rồi khi hỏi: ‘Vậy có phải Thầy Cồ-đàm không biết và không thấy sự khổ?’, thầy lại nói: ‘Không phải ta không biết và không thấy sự khổ. Ta biết sự khổ là gì. Ta thấy sự khổ là gì’.

“Kính thưa thầy, vậy xin bậc Thế Tôn hãy giảng giải cho tôi về sự khổ đi. Bậc Thế Tôn hãy chỉ dạy cho tôi về sự khổ.”³⁸

(1) “Này ông Ca-diếp, [nếu ai nghĩ:] ‘Người làm cũng chính là người ném trái [hậu quả]’ [thì họ sẽ chấp rằng]: ‘Khổ là do chính mình tạo ra’, chiếu theo cái người (tác nhân) đã có từ đầu. Khi ai đã chấp như vậy, điều đó dẫn đến tư tưởng bất-diệt (thường kiến).³⁹

(2) “Nhưng, này ông Ca-diếp, [nếu ai nghĩ:] ‘Người làm là một người, người ném trái [hậu quả] là người khác’ [thì họ sẽ chấp rằng]: ‘Khổ là do người khác gây ra’, chiếu theo cái người bị (thụ nhân) cảm-giác khổ đó. Khi ai đã chấp như vậy, điều đó dẫn đến tư tưởng đoạn-diệt (đoạn kiến).⁴⁰

(3) “Không ngã theo cực đoan nào như vậy, Như Lai [Tathāgata] chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo⁴¹ (sự khởi-sinh tùy thuộc) như vậy: ‘Do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện (duyên), nên có những sự tạo-tác (hành); do có những sự tạo-tác (hành) là điều-kiện, nên có thức (thức) ... Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đồng khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì chấm dứt những sự tạo-tác-cố-ý (hành

diệt); khi chấm dứt những sự tạo-tác (hành diệt) thì chấm dứt thức (thức diệt) ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

Sau khi điều này được nói ra, tu sĩ lửa thể Ca-diếp đã nói với đức Thế Tôn:

“Thật kỳ diệu, thưa thầy! Thật kỳ diệu, thưa thầy! Giáo Pháp đã được làm sáng tỏ theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn, cứ như đức Thế Tôn đã dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn Tỳ kheo. Nay con xin được thụ giới xuất gia *dưới* đức Thế Tôn, con mong được thụ toàn-bộ giới?”⁴²

“Này Ca-diếp, một người trước giờ thuộc giáo phái khác nay muốn thụ giới xuất gia và thụ toàn-bộ giới (cụ túc giới) theo Giáo Pháp và Giới Luật này cần phải trải qua thời gian thử thách bốn tháng. Sau bốn tháng, nếu các Tỳ kheo hài lòng với người đó, nếu họ muốn họ có thể cho phép người đó thụ giới xuất gia và thụ toàn-bộ giới để trở thành một Tỳ kheo. Nhưng có những cá nhân khác biệt được ta ngoại lệ chấp nhận.” (ngoại lệ là được Phật đặc cách vì có đủ phẩm chất để xuất gia, không cần qua thời gian thử thách)⁴³

“Thưa Thế Tôn, nếu một người trước giờ thuộc giáo phái khác nay muốn thụ giới xuất gia và thụ toàn-bộ giới theo Giáo Pháp và Giới Luật này cần phải trải qua thời gian thử thách bốn tháng. Sau bốn tháng, nếu các Tỳ kheo hài lòng với người đó, nếu họ muốn họ có thể cho phép người đó thụ giới xuất gia và thụ toàn-bộ giới để trở thành một Tỳ kheo; vậy con xin sống trong thời gian thử thách bốn năm. Sau bốn năm, nếu các Tỳ kheo hài lòng với con, nếu họ muốn họ sẽ cho con thụ giới xuất gia và thụ toàn-bộ giới để trở thành một Tỳ kheo.”

Rồi tu sĩ lửa thể Ca-diếp đã được thụ giới xuất gia *dưới* đức Thế Tôn (thành sa-di), và ông cũng được thụ toàn-bộ giới (cụ túc giới, thành Tỳ kheo) ngay sau đó.

Rồi không lâu sau khi thầy ấy thụ toàn-bộ giới, sống (tu) một mình, thu mình, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thầy Ca-diếp, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu vô thượng của đời sống tâm linh (phạm hạnh) mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã chân chánh từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực tiếp biết: “Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

Và thầy Ca-diếp này đã trở thành một trong những vị A-la-hán.⁴⁴

(SN 12:17)

18 (8) *Du Sī Timbaruka*

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có du sĩ Timbaruka đến gặp và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, là sao: có phải sướng và khổ là do chính mình tạo ra?”⁴⁵

“Không phải vậy, này ông Timbaruka”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cồ-đàm, vậy có phải sướng và khổ là do người khác gây ra?”

“Không phải vậy, ông Timbaruka”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cồ-đàm, vậy là sao: vậy khổ và sướng là do chính mình và người khác gây ra?”

“Không phải vậy, ông Timbaruka”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cồ-đàm, vậy có phải khổ và sướng phát sinh một cách ngẫu nhiên tình cờ, không phải do chính mình hay người khác gây ra?”

“Không phải vậy, ông Timbaruka”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cò-đàm, vậy là sao: vậy là không có khổ và sướng à?”

“Không phải là không có khổ và sướng, này ông Timbaruka; có khổ và có sướng mà.”

“Vậy có phải Thầy Cò-đàm không biết và không thấy sự khổ và sự sướng?”

“Không phải là ta không biết và không thấy sự khổ và sự sướng, này ông Timbaruka. Ta biết sự khổ là gì và sự sướng là gì. Ta thấy sự khổ là gì và sự sướng là gì.”

“Khi hỏi thầy câu nào: ‘Thầy Cò-đàm: có phải khổ và sướng do chính mình tạo ra?, hoặc ‘Khổ và sướng là do người khác gây ra?’, hoặc ‘Khổ và sướng là do chính mình và người khác gây ra?’, hoặc ‘Khổ và sướng không do ai gây ra?’, thầy đều trả lời: ‘Không phải vậy, ông Timbaruka’. Rồi khi hỏi tiếp: ‘Thầy Cò-đàm, vậy là sao: bộ không có khổ và sướng à?, thầy lại nói: ‘... có sự khổ và sự sướng mà’. Rồi khi hỏi: ‘Vậy có phải Thầy Cò-đàm không biết và không thấy sự khổ và sự sướng?’, thầy lại nói: ‘Không phải ta không biết và không thấy sự khổ và sự sướng. Ta biết sự khổ và sự sướng là gì. Ta thấy sự khổ và sự sướng là gì.’

“Kính thưa thầy, vậy xin bậc Thế Tôn hãy giảng giải cho tôi về sự khổ và sự sướng. Bậc Thế Tôn hãy chỉ dạy cho tôi về sự khổ và sự sướng.”

(1) “Này ông Timbaruka, [nếu ai nghĩ] ‘Cái cảm-giác và người cảm-giác (cảm nhận) nó là một’ [thì họ sẽ chấp rằng]: ‘Sướng và khổ là do chính mình tạo ra’, chiếu theo cái người (tác nhân) đã có từ đầu. Ta không nói như vậy.⁴⁶ Nhưng, ông Timbaruka, [nếu ai nghĩ] ‘Cảm-giác là một, người cảm-giác nó là khác’ [thì họ sẽ chấp rằng] ‘Sướng và khổ là do người khác gây ra], chiếu theo cái người bị (thụ nhận) cảm-giác đó. Ta cũng không nói như vậy.⁴⁷

(2) “Không ngã theo cực đoan nào như vậy, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo (sự khởi-sinh tùy thuộc) như vậy: ‘Do có *vô-minh* (vô minh) là điều-kiện (duyên), nên có *những sự tạo-tác* (hành); do có *những sự tạo-tác* (hành) là điều-kiện, nên có *thức* (thức) ... Đó là *nguồn-gốc* của

toàn bộ đồng khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì chấm dứt những sự tạo-tác-cố-ý (hành diệt); khi chấm dứt những sự tạo-tác (hành diệt) thì chấm dứt thức (thức diệt) ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

Khi điều này được nói ra, du sĩ Timbaruka đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! ... Con xin nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn Tỳ kheo. Kể từ hôm nay, xin Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 12:17)

19 (9) *Người Trí và Người Ngu*

Ở Sāvattihī.

(i) “Này các Tỳ kheo, đối với những người-ngu, còn bị che cản bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, nên thân này đã khởi sinh từ đó (từ vô-minh và dục-vọng). Vì vậy nên có thân này và danh-sắc ở bên ngoài: như vậy là một bộ-đôi. Tùy thuộc bộ-đôi này nên có sự tiếp-xúc (xúc). Chỉ do có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) mà khi tiếp xúc thông qua chúng—hoặc qua một hay vài cơ-sở cảm-nhận đó—người ngu nếm trải sướng và khổ.⁴⁸

(ii) “Này các Tỳ kheo, đối với những người-trí, cũng còn bị che cản bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, nên thân này là khởi sinh từ đó. Vì vậy có thân này và danh-sắc ở bên ngoài: như vậy là một bộ-đôi. Tùy thuộc bộ-đôi này nên có sự tiếp-xúc (xúc). Chỉ do có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) mà khi tiếp xúc thông qua chúng—hoặc qua một hay vài cơ-sở cảm-nhận đó—người-trí cũng nếm trải sướng và khổ.

“Vậy thì, này các Tỳ kheo, đâu là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa người-trí và người-ngu?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nhờ dựa vào đức Thế Tôn. Thật tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ cho chúng con ý nghĩa của điều đó.⁴⁹ Sau khi nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Đạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo trả lời. Đức Thế Tôn nói điều này:

(i) “Này các Tỳ kheo, do bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, nên thân này khởi sinh từ đó. Đối với người-ngu thì sự vô-minh đó chưa được phá bỏ và dục-vọng đó chưa được diệt. Vì lý do gì? Vì những người-ngu chưa sống đời sống tâm linh để tiêu diệt hoàn toàn sự khổ. Do vậy, khi thân tan rã, người-ngu lại chuyển vào (tái sinh vào) thân [khác]. Do bị chuyển vào thân [khác] nên người ngu vẫn không thoát khỏi sự sinh, già, chết; không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

(ii) “Này các Tỳ kheo, đối với người-trí, cũng do bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, nên thân này khởi sinh từ đó. Đối với người-trí thì sự vô-minh đó đã được phá bỏ và dục-vọng đó đã được diệt. Vì lý do gì? Vì những người-trí đã sống đời sống tâm linh để tiêu diệt hoàn toàn sự khổ. Do vậy, khi thân tan rã, người-trí không còn chuyển vào (tái sinh vào) thân [khác]. Do không chuyển vào thân [khác] nên người-trí thoát khỏi sự sinh, già, chết; thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

“Này các Tỳ kheo, đây là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa người-trí và người-ngu; khác nhau ở chỗ sự sống đời sống tâm linh.”⁵⁰

(SN 12:17)

20 (10) Những Điều-kiện (duyên)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về “sự khởi-sinh tùy thuộc” và “những hiện-tượng khởi-sinh tùy thuộc” (lý duyên khởi và những pháp duyên khởi). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự khởi-sinh tùy thuộc? ‘Do có sự sinh-ra (sinh) là điều-kiện (duyên), nên có sự già-chết (lão tử)’: cho dù những Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, yếu tố đó vẫn tồn tại, đó là sự chắc-chắn (ổn định, không sai khác) của Giáo Pháp, là đường lối cố-định của Giáo Pháp, đó là tính điều-kiện (lý nhân duyên) rành rành như vậy.⁵¹ Một Như Lai tỉnh thức (giác ngộ) tới điều (nguyên lý, lẽ thực, chân lý) này, và đột phá (chứng ngộ) tới điều này.⁵² Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm sáng tỏ nó. Và Như Lai nói rằng: ‘Hãy nhìn xem! Này các Tỳ kheo:

[‘Do có sự sinh-ra (sinh) là điều-kiện (duyên), nên có sự già-chết’.⁵³

‘Do có sự hiện-hữu (hữu) là điều-kiện, nên có sự sinh-ra’ ...

‘Do có sự chấp-thủ (thủ) là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu’ ...

‘Do có dục-vọng (ái) là điều-kiện, nên có sự chấp-thủ’ ...

‘Do có cảm-giác (thọ) là điều-kiện, nên có dục-vọng’ ...

‘Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện, nên có cảm-giác’ ...

‘Do có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc’

...

‘Do có danh-sắc (danh sắc) là điều-kiện, nên có sáu cơ-sở cảm nhận’

...

‘Do có những sự tạo-tác (hành) là điều-kiện, nên có thức’ ...

‘Do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác’]:

cho dù những Như Lai xuất hiện hay không xuất hiện, yếu tố đó vẫn tồn tại, đó là sự chắc-chắn (ổn định, không sai khác) của Giáo Pháp, là đường lối cố-định của Giáo Pháp, đó là tính điều-kiện (lý nhân duyên) rành rành như vậy. Một Như Lai tỉnh thức tới điều này, và đột phá tới điều này. Và Như Lai nói rằng: ‘Hãy nhìn xem! Này các Tỳ kheo:

“Do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác (hành)’.

“Vậy đó, này các Tỳ kheo, tính thực-tại trong điều này, sự không sai-lầm, sự không-thể khác, tính điều-kiện rành rành (cụ thể) như vậy: đây được gọi là ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi).⁵⁴

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những hiện-tượng khởi-sinh tùy thuộc? Này các Tỳ kheo:

- “Sự *già-chết* là vô thường, là có điều-kiện (hữu vi), là khởi-sinh tùy thuộc (có sinh), là phải bị tiêu diệt, sẽ bị phai biến, biến mất, và chấm dứt (có diệt).

- “Sự *hiện-hữu* (hữu) là vô thường ...

- “Sự *chấp-thủ* (thủ) là vô thường ...

- “*Dục-vọng* (ái) là vô thường ...

- “*Cảm-giác* (thọ) là vô thường ...

- “*Sự tiếp-xúc* (xúc) là vô thường ...

- “*Sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ) là vô thường ...

- “*Danh-sắc* (danh sắc) là vô thường ...

- “*Thức* (thức) là vô thường ...

- “*Những sự tạo-tác* (hành) là vô thường ...

- “*Vô-minh* (vô minh) là vô thường, là có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc (có sinh), là phải bị tiêu diệt, sẽ bị phai biến, biến mất, và chấm dứt (có diệt).”

Này các Tỳ kheo, những hiện-tượng này được gọi là những hiện-tượng khởi-sinh tùy thuộc (những pháp duyên khởi).

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử đã nhìn thấy rõ ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi) đó đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng,⁵⁵ thì không thể nào người đó sẽ còn chạy-lại vào quá khứ và

nghĩ suy: ‘Ta có hiện hữu trong quá khứ? Ta không hiện hữu trong quá khứ? Ta đã là gì trong quá khứ? Ta đã ra sao trong quá khứ? Sau khi làm vậy, ta đã trở thành gì trong quá khứ?’, cũng không thể nào người đó sẽ còn chạy-tới vào tương lai và nghĩ suy: ‘Ta sẽ hiện hữu trong tương lai? Ta sẽ không hiện hữu trong tương lai? Ta sẽ là gì trong tương lai? Ta sẽ ra sao trong tương lai? Sau khi làm vậy, ta sẽ trở thành gì trong tương lai?’, hoặc người đó sẽ bên-trong (tâm) bây giờ còn bị ngu-mờ về hiện tại và nghĩ suy: ‘Tôi đang hiện hữu? Tôi đang không hiện hữu? Tôi đang là gì? Tôi đang ra sao? Sự hiện hữu (sự sống) này—nó có từ đâu, và nó sẽ đi về đâu?’⁵⁶

“Vì lý do gì [mà người đó không còn làm như vậy]? Vì người thánh đệ tử đã nhìn thấy rõ ràng (i) sự khởi-sinh tùy thuộc này (lý duyên khởi) đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng và (ii) những hiện-tượng khởi-sinh tùy thuộc (những pháp duyên khởi) như vậy.”

(SN 12:20)

NHÓM 3

NHÓM ‘MƯỜI NĂNG LỰC’

(*Dasabala-vagga*)

21 (1) Mười Năng Lực (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, nhờ có được mười năng-lực và nền tảng của sự tự-tin, nên Như Lai tuyên bố mình ở vị trí là người dẫn đầu, cất lên tiếng gầm sư tử trong tất cả hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của vị trời Brāhma như vậy:⁵⁷ ‘Này là sắc (thân sắc), này là sự khởi sinh của sắc, này là sự biến diệt của nó; này là cảm-giác (thọ), này là sự khởi sinh của cảm-giác, này là sự biến diệt của nó; này là nhận-thức (tưởng), này là sự khởi sinh của nhận-thức, này là sự biến diệt của nó; này là những sự tạo-tác (hành), này là sự khởi sinh của những sự tạo-tác, này là sự biến diệt của chúng; này là thức, này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức’.⁵⁸

“Như vậy khi cái này có mặt, nên cái kia sinh ra; do có khởi sinh cái này, nên cái kia khởi sinh. Khi cái này không có mặt, cái kia không sinh ra; do chấm dứt cái này, nên cái kia chấm dứt.⁵⁹ Đó là: do có *vô-minh* (vô minh) là điều-kiện (duyên), nên có *những sự tạo-tác* (hành); do có *những sự tạo-tác* (hành), nên có *thức* (thức) Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt *vô-minh* (vô minh diệt) thì chấm dứt *những sự tạo-tác* (hành diệt); khi *những sự tạo-tác* chấm dứt (hành diệt) thì chấm dứt *thức* (thức diệt) Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:21)

22 (2) Mười Năng Lực (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có được mười năng-lực và nền tảng của sự tự-tin, nên Như Lai tuyên bố mình ở vị trí là người dẫn đầu, cất lên tiếng gầm sư tử trong tất cả hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của vị trời Brāhma như vậy: ‘Này là sắc ... [tiếp tục như kinh kể trên] ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.’

“Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta giảng bày một cách hay khéo như vậy, rõ ràng, khai mở, xác đáng, và không bị chấp vá.⁶⁰ Này các Tỳ kheo, khi Giáo Pháp đã được ta giảng bày một cách hay khéo như vậy, rõ ràng, khai mở, xác đáng, và không bị chấp vá, điều đó (cũng đã) đủ (lý do) để một người họ tộc đã xuất gia vì niềm-tin sẽ phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn) của mình như vậy: ‘Quyết tâm, cho dù chỉ còn da, gân và xương, và cho dù thịt và máu khô cạn trong thân này, ta sẽ không lo ngại sự nỗ-lực tu chừng nào ta chưa chứng đắc điều có thể được chứng đắc bởi nghị lực của con người, bởi sự nỗ-lực tu của con người, và bởi sự cố-gắng của con người.’⁶¹

“Này các Tỳ kheo, (i) người lười-biếng sống trong sự khổ đau, được chăm bón bằng những trạng thái tâm bất thiện xấu ác, và những điều tốt cho bản thân mà người đó đã bỏ-lơ (bỏ mất) là rất nhiều.⁶² (ii) Nhưng một người nỗ-lực tu thì sống một cách hạnh phúc, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện xấu ác, và những điều tốt cho bản thân mà người đó đạt-được là rất nhiều. Điều (trạng thái) tối thượng không thể được chứng ngộ bởi hạng người thấp kém; chỉ bậc tối thượng mới chứng ngộ được điều tối thượng.⁶³ Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này như phần kem sữa (ngon nhất, tốt nhất); Vị Thầy (Phật) đang có mặt ở đây.⁶⁴ Bởi vậy, này các Tỳ kheo, hãy phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn) để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ, [với ý nghĩ]: ‘Theo cách như vậy thì (i) sự xuất gia tu hành này của chúng ta sẽ không bị cản trở, mà được phì nhiêu và đơm hoa kết quả; và (ii) khi chúng ta dùng y-phục, thức-ăn, chỗ-ở và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh [tứ vật dụng, được cúng dường bởi các thí chủ] thì những sự phụng sự (cúng dường, giúp đỡ) của họ cho

chúng ta cũng mang lại quả lớn và phước lợi lớn cho họ.’⁶⁵ Nay các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy.

“(i) Xét nghĩ về sự tốt lành cho bản thân thì cũng đủ (lý do) để mình chuyên-cần tu (tinh cần) với sự chuyên-chú cho mục-tiêu đó; (ii) Xét nghĩ về sự tốt lành của những người khác thì cũng đủ để mình chuyên-cần tu với sự chuyên-chú cho mục-tiêu đó; (iii) xét nghĩ về sự tốt lành cho cả mình và những người khác thì cũng đủ để mình chuyên-cần tu với sự chuyên-chú cho mục-tiêu đó.”⁶⁶

(SN 12:22)

23 (3) Nhân Kế Trước

Ở Sāvattthī.⁶⁷

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận) là cho người biết và thấy, không phải cho người không biết và không thấy. Cho người biết cái gì, cho người thấy cái gì, để sự tiêu diệt ô-nhiễm có xảy ra? ‘Này là sắc (sắc), này là sự khởi sinh của sắc, này là sự biến diệt của sắc; này là cảm-giác (thọ) ... này là nhận-thức (tưởng) ... này là những sự tạo-tác (hành) ... này là thức (thức), này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức’: đó là cho người biết như vậy, cho người thấy (sự sinh diệt của năm uẩn) như vậy để cho sự tiêu diệt ô-nhiễm xảy ra.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng ‘trí-biết về sự (đã) tiêu diệt ô-nhiễm’ (lậu tận minh) có một nhân kế trước (kế cận); nó không thiếu một nhân kế trước. Và cái gì là nhân kế trước để có được ‘trí-biết về sự tiêu diệt ô-nhiễm’ đó? Nên nói đó là: sự giải-thoát.⁶⁸

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự giải-thoát cũng có một nhân kế trước; nó không thiếu một nhân kế trước. Và cái gì là nhân kế trước để có sự giải-thoát? Nên nói đó là: sự chán-bỏ.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự chán-bỏ cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự ghê-sợ.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự ghê-sợ* cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự-thấy và sự-biết về mọi sự đúng như chúng thực là.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự-thấy và sự-biết* cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự định-tâm (định).

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự định-tâm* cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự hạnh-phúc (lạc).

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự hạnh-phúc* cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự tĩnh-lặng (của tâm; khinh an).

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự tĩnh-lặng* cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự hoan-hỷ (hỷ).

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự hoan-hỷ* cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự vui-mừng (sự phấn khởi, phấn chấn).

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự vui-mừng* cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: niềm-tin.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *niềm-tin* cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự thật khổ-đau.⁶⁹ (vì thấy rõ có sự thật khổ-đau nên mới có niềm-tin vào con đường tu tập để tiêu diệt khổ đau)

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự khổ-đau* cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự sinh-ra. (Vì có sinh-ra nên mới có khổ đau)

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự sinh-ra* (sinh) cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự hiện-hữu.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự hiện-hữu* (hữu) cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự chấp-thủ.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự chấp-thủ* (thủ) cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: dục-vọng.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *dục-vọng* (ái) cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: cảm-giác

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *cảm-giác* (thọ) cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự tiếp-xúc.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự tiếp-xúc* (xúc) cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: sáu cơ-sở cảm nhận.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ) cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: danh-sắc.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *danh-sắc* (danh sắc) cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: thức.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *thức* (thức) cũng có một nhân kế trước ... Nên nói đó là: những sự tạo-tác.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *những sự tạo-tác* (hành) cũng có một nhân kế trước; nó không thiếu một nhân kế trước. Và cái gì là nhân kế trước để có những sự tạo-tác. Nên nói đó là: sự vô-minh.

“Như vậy, này các Tỳ kheo:

“Do có *vô-minh* (vô minh) là nhân kế trước, nên có những sự tạo-tác;

Do có *những sự tạo-tác* (hành) là nhân kế trước, nên có thức;

Do có *thức* (thức) là nhân kế trước, nên có danh-sắc;

Do có *danh-sắc* (danh sắc) là nhân kế trước, nên có sáu cơ-sở cảm nhận;

Do có *sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ) là nhân kế trước, nên có sự tiếp-xúc;

Do có *sự tiếp-xúc* (xúc) là nhân kế trước, nên có cảm-giác;

Do có *cảm-giác* (thọ) là nhân kế trước, nên có dục-vọng;

Do có *dục-vọng* (ái) là nhân kế trước, nên có sự chấp-thủ;

Do có *sự chấp-thủ* (thủ) là nhân kế trước, nên có sự hiện-hữu;

Do có *sự hiện-hữu* (hữu) là nhân kế trước, nên có sự sinh-ra;

Do có *sự sinh-ra* (sinh) là nhân kế trước, nên có sự khổ-đau;

“Do có *sự thật khổ-đau* là nhân kế trước, nên có niềm-tin;

Do có *niềm-tin* là nhân kế trước, nên có niềm-vui; **

Do có *niềm-vui* là nhân kế trước, nên có sự *hoan-hỷ*;
Do có *sự hoan-hỷ* (hỷ) là nhân kế trước, nên có sự *hạnh-phúc*;
Do có *sự hạnh-phúc* (lạc) là nhân kế trước, nên có sự *tĩnh-lặng*;
Do có *sự tĩnh-lặng* (khinh an) là nhân kế trước, nên có sự *định-tâm*;
Do có *sự định-tâm* (định) là nhân kế trước, nên có (khởi sinh) *sự-thấy*
và *sự-biết* về mọi sự đúng như chúng thực là;

“Do có *sự-thấy* và *sự-biết* về mọi sự đúng như chúng thực là là nhân
kế trước, nên có sự *ghê-sợ*;

Do có *sự ghê-sợ* là nhân kế trước, nên có sự *chán-bỏ*;

Do có *sự chán-bỏ* là nhân kế trước, nên có sự *giải-thoát*;

Do có *sự giải-thoát* là nhân kế trước, nên có được *trí-biết về sự* (đã)
tiêu diệt ô-nhiễm.

“Này các Tỳ kheo, giống như, khi trời đang mưa và mưa trút xuống
những hạt mưa lớn trên đỉnh núi, nước chảy xuống sườn dốc và đổ đầy
những khe núi, khe suối, và lạch suối; những chỗ này, khi đã đầy, lại đổ
đầy những con suối; những con suối, khi đã đầy, lại đổ đầy những ao hồ;
những ao hồ, khi đã đầy, lại đổ đầy những sông ngòi; và những sông ngòi,
khi đã đầy, lại đổ đầy đại dương;⁷⁰ (cứ nhân duyên và khởi sinh liên hoàn
như vậy). Cũng giống như vậy, khi có *vô-minh* (vô minh) là nhân kế
trước, thì có *những sự tạo-tác*; khi có *những sự tạo-tác* (hành) là nhân kế
trước, thì có *thức* khi có *sự giải-thoát* là nhân kế trước, thì có được
trí-biết về sự tiêu diệt ô-nhiễm.”

(SN 12:23)

24 (4) Những Du Sĩ Khác Đạo

Ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm).

[i]

Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Xá-lợi-phất (Sāriputta) mặc y phục, và
mang theo bình bát và cà-sa, đi vô thành Rājagaha để khát thực. Rồi ý này

đã xảy đến với thầy ấy: “Giờ vẫn còn quá sớm để đi khát thực trong thành Rājagaha. Ta thử ghé qua khu ở (tịnh xá, khu trú, thường là khu vườn) của những du sĩ giáo phái khác.”

Rồi thầy Xá-lợi-phất đi đến khu ở của những du sĩ khác đạo đó. Thầy chào hỏi với những du sĩ đó và, sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ngồi xuống một bên. Rồi các du sĩ khác đạo đã nói với thầy:

“Này thiện hữu Xá-lợi-phất, có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra; một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (ii) khổ là do người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iii) khổ là do cả chính mình và người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên, chứ không do mình hay người khác gây ra.⁷¹ Này thiện hữu Xá-lợi-phất, sa-môn Cồ-đàm nói sao về điều này? Vị ấy dạy gì? Làm sao chúng tôi trả lời nếu chúng tôi (sau này được yêu cầu) phải nói lại điều tu sĩ Cồ-đàm đã nói và không diễn dịch sai lời của vị ấy bằng điều gì trái với thực tế (mà vị ấy đã nói)? Và làm thế nào chúng tôi giải thích cho đúng theo Giáo Pháp để cho lời nói của chúng tôi không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị (người nghe) phê bình?”

“Này các thiện hữu, đức Thế Tôn đã nói rằng khổ khởi sinh một cách tùy thuộc. Tùy thuộc vào gì? Tùy thuộc sự tiếp-xúc. Nếu ai nói như vậy là người ấy đang nói lại lời của đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng điều gì trái với thực tế; là người đó giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở có lý nào để bị (người nghe) phê bình.⁷²

(a) “Trong đó, này các thiện hữu, (i) trong trường hợp Những Tu Sĩ (sa-môn) và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do mình tạo ra—điều đó (ý nghĩ đó) là bị điều-kiện (do duyên, bị tác động) bởi sự tiếp-xúc.⁷³ Cũng vậy, này các thiện hữu, (ii) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương

thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều-kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này các thiện hữu, (iii) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do cả mình và người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều-kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này các thiện hữu, (iv) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều-kiện bởi sự tiếp-xúc.

(b) “Trong đó, này các thiện hữu, (i) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do mình tạo ra—không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (ii) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do người khác gây ra—không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (iii) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do cả mình và người khác gây ra—không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (iv) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra—không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc.

[ii]

Ngài Ānanda đã nghe cuộc đối thoại này giữa thầy Xá-lợi-phất và các du sĩ khác đạo. Rồi, sau khi đã đi khát thực một vòng trong thành Rājagaha và trở về, sau khi ăn trưa, thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn nghe toàn bộ cuộc đối thoại giữa thầy Xá-lợi-phất và các du sĩ ngoài đạo. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Tốt, tốt, này Ānanda! Ai trả lời đúng là trả lời giống như thầy Xá-lợi-phất đã nói. Này Ānanda, ta đã nói rằng khổ phát sinh một cách tùy thuộc.

Tùy thuộc vào gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nếu ai nói như vậy là người đó đang nói điều ta đã nói và không diễn dịch sai lời ta bằng điều gì trái với thực tế; là người đó giải thích theo đúng Giáo Pháp, và không tạo cơ sở lý lẽ gì để bị (người nghe) phê bình.

(a) “Trong đó, này Ānanda, trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn đó, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra ... cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác tạo ra—điều đó (ý nghĩ đó) là bị điều-kiện bởi sự tiếp-xúc.

(b) “Trong đó, này Ānanda, trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn đó, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra ... cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác tạo ra—không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc.

“Này Ānanda, trong một lần ta đang ở tại đây, ở Rājagaha này, trong khu Rừng Tre, (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Lúc đó, vào buổi sáng, ta mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, ta đi vô thành Rājagaha để khát thực. Lúc đó ý này đã xảy đến với ta: ‘Giờ vẫn còn sớm để đi khát thực trong thành Rājagaha. Ta thử ghé tới khu ở của những du sĩ khác đạo.’ Rồi ta đi tới khu ở của những du sĩ khác đạo. Ta chào hỏi những du sĩ đó, và sau khi đã xong phần chào hỏi thân thiện, ta ngồi xuống một bên. Rồi các du sĩ đã nói với ta khi ta đang ngồi xuống một bên: ... *[Những du sĩ đó đã hỏi chính xác những câu hỏi mà họ đã hỏi thầy Xá-lợi-phát, và cũng nhận được những câu trả lời y hệt như những câu trả lời của thầy Xá-lợi-phát]* ... thì không thể nào họ sẽ trải nghiệm [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc.”

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn. Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Cách mà toàn bộ ý nghĩa có thể được nói ra trong một câu đơn giản như vậy! Cùng ý nghĩa đó có thể được nói ra một cách chi tiết để nó được ‘sâu sắc và sâu sắc trong những hàm nghĩa’, hay không?”⁷⁴

“Vậy thì, này Ānanda, hãy tự mình làm rõ ý nghĩa đó đi.”

“Thưa Thế Tôn, nếu họ hỏi con: ‘Này thiện hữu Ānanda, cái gì là nguồn gốc của *sự già-chết*, cái gì là nguyên gốc nhân của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra?’—khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời rằng: ‘Này các bạn, sự già-chết có sự *sinh-ra* (sinh) là nguồn gốc của nó, sự sinh là nguyên gốc của nó, nó được sinh ra và tạo ra từ sự sinh.’ Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo cách như vậy.

“Thưa Thế Tôn, nếu họ hỏi con: ‘Này thiện hữu Ānanda, cái gì là nguồn gốc của sự sinh-ra, cái gì là nguyên gốc của sinh-ra, từ đâu nó được sinh ra và tạo ra?’—khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời rằng: ‘Này các bạn: sự sinh-ra có sự *hiện-hữu* (hữu) là nguồn gốc của nó, sự hiện-hữu là nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ sự hiện-hữu ... Sự hiện-hữu có sự *chấp-thủ* (thủ) là nguồn gốc của nó ... Sự chấp-thủ có *dục-vọng* (ái) là nguồn gốc của nó ... Dục-vọng có *cảm-giác* (thọ) là nguồn gốc của nó ... Cảm-giác có sự *tiếp-xúc* (xúc) là nguồn gốc của nó ... Sự tiếp-xúc có *sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ) là nguồn gốc của nó, sáu cơ-sở cảm nhận là nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ sáu cơ-sở cảm nhận. Nhưng: với sự phai biến và chấm dứt *sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ diệt) thì chấm dứt sự *tiếp-xúc* (xúc diệt); khi chấm dứt sự tiếp-xúc thì chấm dứt *cảm-giác* (thọ diệt); khi chấm dứt cảm-giác thì chấm dứt *dục-vọng* (ái diệt); khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt sự *chấp-thủ* (thủ diệt); chấm dứt sự chấp-thủ thì chấm dứt sự *hiện-hữu* (hữu diệt); chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự *sinh-ra* (sinh diệt); khi chấm dứt sự sinh-ra thì không còn sự *già-chết*, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.’ Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo cách như vậy.”

(SN 12:24)

25 (5) Ngày Bhūmija

Ở Sāvattihī.

[1]

Lúc đó, vào buổi cuối chiều, Ngài Bhūmija ra khỏi nơi ẩn tu, và đến gặp Ngài Xá-lợi-phất.⁷⁵ Thầy ấy chào hỏi thầy Xá-lợi-phất, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) sướng và khổ là do chính mình tạo ra; một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (ii) sướng và khổ là do người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iii) sướng và khổ là do cả chính mình và người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iv) sướng và khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên, chứ không do mình hay người khác gây ra.⁷⁶ Này đạo hữu Xá-lợi-phất, đức Thế Tôn đã nói sao về điều này? Đức Thế Tôn đã dạy gì? Làm sao tôi trả lời nếu tôi (sau này được yêu cầu) phải nói lại điều đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai lời của Đức Thế Tôn bằng điều gì trái với thực tế? Và làm thế nào tôi giải thích cho đúng theo Giáo Pháp để cho lời nói của tôi không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị (người nghe) phê bình?”

“Này các đạo hữu (Bhūmija), đức Thế Tôn đã nói rằng sướng và khổ khởi sinh một cách tùy thuộc. Tùy thuộc vào gì? Tùy thuộc sự tiếp-xúc. Nếu ai nói như vậy là người ấy đang nói lại lời của đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng điều gì trái với thực tế; là người đó giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở có lý nào để bị (người nghe) phê bình.

(a) “Trong đó, này đạo hữu, (i) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do mình tạo ra—điều đó (ý nghĩ đó) là bị điều-kiện (do duyên, bị tác động) bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này đạo hữu, (ii) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều-

kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này đạo hữu, (iii) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do cả mình và người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều-kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này đạo hữu, (iv) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều-kiện bởi sự tiếp-xúc.

(b) “Trong đó, này đạo hữu, (i) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do mình tạo ra—không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (ii) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do người khác gây ra—không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (iii) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do cả mình và người khác gây ra—không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (iv) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra—không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc.

[ii]

Ngài Ānanda đã nghe cuộc đối thoại này giữa thầy Xá-lợi-phất và thầy Bhūmija. Rồi thầy ấy đã đến gặp gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn nghe toàn bộ cuộc đối thoại giữa thầy Xá-lợi-phất và thầy Bhūmija. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Tốt, tốt, này Ānanda! Ai trả lời đúng là trả lời giống như thầy Xá-lợi-phất đã nói. Này Ānanda, ta đã nói rằng sướng và khổ phát sinh một cách tùy thuộc. Tùy thuộc vào gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nếu ai nói như vậy là người đó đang nói điều ta đã nói và không diễn dịch sai lời ta bằng

điều gì trái với thực tế; là người đó giải thích theo đúng Giáo Pháp, và không tạo cơ sở lý lẽ gì để bị (người nghe) phê bình.

(a) “Trong đó, này Ānanda, trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn đó, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) sướng và khổ là do chính mình tạo ra ... cho rằng (iv) sướng và khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác tạo ra—điều đó (ý nghĩ đó) là bị điều-kiện (do duyên, bị tác động) bởi sự tiếp-xúc.

(b) “Trong đó, này Ānanda, trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn đó, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) sướng và khổ là do chính mình tạo ra ... cho rằng (iv) sướng và khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác tạo ra—không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc.

[iii]

“Này Ānanda, khi có thân, vì có [nhân] sự cố-ý (tư) của thân (thân tư), nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; khi có lời-nói, vì có sự cố-ý trong lời-nói (khẩu tư), nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; khi có tâm, vì có sự cố-ý trong tâm (tâm tư), nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên trong—với sự vô-minh chính là điều-kiện (duyên).⁷⁷

(1) “Này Ānanda, (i) hoặc do sự tự-phát của mình, nên một người tạo ra sự tạo-tác trong thân [thân hành] làm điều-kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (ii) hoặc do bị kích-giục bởi người khác, nên một người tạo ra sự tạo-tác trong thân làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. Này Ānanda, (iii) hoặc một cách cố-tình, nên một người tạo ra sự tạo-tác trong thân làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (iv) hoặc một cách vô-tình, nên một người tạo ra sự tạo-tác trong thân làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong.⁷⁸

(2) “Này Ānanda, (i) hoặc do sự tự-phát của mình, một người tạo ra sự tạo-tác trong lời-nói [khẩu hành] làm điều-kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (ii) hoặc do bị kích-giục bởi người khác, một

người tạo ra sự tạo-tác trong lời-nói làm điều-kiện cho sự sống và khổ khởi sinh ở bên trong. Nay Ānanda, (iii) hoặc một cách cố-tình, một người tạo ra sự tạo-tác trong lời-nói làm điều-kiện cho sự sống và khổ khởi sinh ở bên trong; (iv) hoặc một cách vô-tình, một người tạo ra sự tạo-tác trong lời-nói làm điều-kiện cho sự sống và khổ khởi sinh ở bên trong.

(3) “Nay Ānanda, (i) hoặc do sự tự-phát của mình, một người tạo ra sự tạo-tác trong tâm [tâm hành]⁷⁹ làm điều-kiện (duyên) cho sự sống và khổ khởi sinh ở bên trong; (ii) hoặc do bị kích-giục bởi người khác, nên một người tạo ra sự tạo-tác trong tâm làm điều-kiện cho sự sống và khổ khởi sinh ở bên trong. Nay Ānanda, (iii) hoặc một cách cố-tình, nên một người tạo ra sự tạo-tác trong tâm làm điều-kiện cho sự sống và khổ khởi sinh ở bên trong; (iv) hoặc một cách vô-tình, nên một người tạo ra sự tạo-tác trong tâm làm điều-kiện cho sự sống và khổ khởi sinh ở bên trong.

(4) “Có sự vô-minh nằm bên trong những trạng thái này.⁸⁰ (Cho nên Phật đã nói: ‘Do có vô-minh là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác’!). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (i) thì thân không còn tồn tại để làm điều-kiện (duyên) cho sự sống và khổ khởi sinh ở bên trong; (ii) thì lời-nói không còn tồn tại để làm điều-kiện cho sự sống và khổ khởi sinh ở bên trong; (iii) thì tâm không còn tồn tại để làm điều-kiện cho sự sống và khổ khởi sinh ở bên trong.⁸¹ Ruộng-đất đó [nơi phát sinh] không tồn tại, căn-cứ đó [sự trợ giúp] không tồn tại, cơ-sở đó [điều-kiện] không tồn tại, và chỗ-nơi đó [nguyên nhân] không tồn tại làm điều-kiện (duyên) để cho sự sống và khổ khởi sinh bên trong.”⁸² (bởi vì như ► trong chú thích 81 kể trên)

(SN 12:25)

26 (6) Ngài Upavāṇa

Ở Sāvattthī.

Lúc đó Ngài Upavāṇa đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn.⁸³

“Thưa đức Thế Tôn, có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra; một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (ii) khổ là do người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iii) khổ là do cả chính mình và người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên, chứ không do mình hay người khác gây ra. Thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn nói sao về điều này? Đức Thế Tôn đã dạy gì? Làm sao con trả lời nếu con (sau này được yêu cầu) phải nói lại điều đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai lời đức Thế Tôn bằng điều gì trái với thực tế? Và làm thế nào con giải thích cho đúng theo Giáo Pháp để cho lời nói của con không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị (người nghe) phê bình?”

“Này Upavāṇa, ta đã nói rằng khổ khởi sinh một cách tùy thuộc. Tùy thuộc vào gì? Tùy thuộc sự tiếp-xúc. Nếu ai nói như vậy là người ấy đang nói lại lời ta đã nói và không diễn dịch sai lời ta bằng điều gì trái với thực tế; là người đó giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở nào để bị (người nghe) phê bình.

(a) “Trong đó, này Upavāṇa, (i) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn đó, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do mình tạo ra—điều đó (ý nghĩ đó) là bị điều-kiện (do duyên, bị tác động) bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này Upavāṇa, (ii) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều-kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này Upavāṇa, (iii) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do cả mình và người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều-kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này Upavāṇa, (iv) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không

phải do mình hay người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều-kiện bởi sự tiếp-xúc.

(b) “Trong đó, này Upavāṇa, (i) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn đó, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do mình tạo ra—không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (ii) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do người khác gây ra—không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (iii) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do cả mình và người khác gây ra—không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (iv) trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra—không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc.

(SN 12:26)

27 (7) Những Điều-Kiện

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, do có *vô-minh* (vô minh) là điều-kiện (duyên), nên có những sự tạo-tác (hành); do có những sự tạo-tác (hành) là điều-kiện, nên có thức (thức) ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự già-chết* (lão tử)? Sự già-chết của những chúng sinh khác nhau ... [*tiếp tục y hết đoạn này trong kinh 12:02 ở trên*] ... như vậy sự già và sự chết gộp chung được gọi chung là *sự già-chết*. Do có khởi sinh *sự sinh-ra* (sinh) nên có khởi sinh *sự già-chết*; khi chấm dứt *sự sinh-ra* thì chấm dứt *sự già-chết*. Chỉ Bát Thánh Đạo (con đường tám phần thánh thiện) này là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt *sự*

già-chết (lão tử diệt), đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tân, chánh-niệm, và chánh-định.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự sinh-ra* (sinh)? ... *sự hiện-hữu* (hữu)? ... *sự chấp-thủ* (thủ)? ... *dục-vọng* (ái)? ... *cảm-giác* (thọ)? ... *sự tiếp-xúc* (xúc)? ... *sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ)? ... *danh-sắc* (sanh sắc)? ... *thức* (thức)? ... *những sự tạo-tác* (hành)? Có ba loại sự tạo-tác: sự tạo-tác thuộc thân (thân hành), sự tạo-tác thuộc lời-nói (khẩu hành), sự tạo-tác thuộc tâm (tâm hành). Do có khởi sinh vô-minh (vô minh) nên khởi sinh những sự tạo-tác (hành). Khi chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì chấm dứt những sự tạo-tác (hành diệt). Chỉ Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những sự tạo-tác (hành diệt); đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử hiểu được điều-kiện (nhân duyên) như vậy; hiểu được nguồn-gốc của điều-kiện (nhân duyên tập) như vậy; hiểu được sự chấm-dứt điều-kiện (nhân duyên diệt); hiểu biết con-đường dẫn tới sự chấm-dứt điều-kiện (nhân duyên diệt đạo),⁸⁴ thì người đó được gọi là một thánh đệ tử đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), đã thành tựu về sự-thấy (tầm nhìn), người đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này, người đã nhìn thấy Giáo Pháp đích thực này, là người có được sự-biết (tri) của một học-nhân, trí-biết đích thực (chân trí) của một học-nhân, là người đã chứng nhập vào dòng chảy Giáo Pháp, một thánh nhân với trí-tuệ thâm-nhập, là người đứng vững vàng trước cánh cửa dẫn tới sự Bất Tử.”⁸⁵

(SN 12:27)

28 (8) Tỳ Kheo

Ở Sāvattthī.

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo hiểu được *sự già-chết*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Người đó hiểu được *sự sinh* ... *sự hiện-hữu* ... *sự chấp-thủ* ... *dục-vọng*

... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu cơ-sở cảm nhận ... danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác, nguồn gốc của chúng, sự chấm dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự già-chết*? ... [*tiếp tục y hết đoạn này trong kinh 12:27 kể trên*] ... Chỉ Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những sự tạo-tác (hành diệt); đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo hiểu được như vậy về *sự già-chết*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó; khi người đó hiểu được như vậy về *sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự chấp-thủ ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu cơ-sở cảm nhận ... danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác*, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng, thì người đó được gọi là một thánh đệ tử đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), đã thành tựu về sự-thấy (tâm nhìn), người đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này, người đã nhìn thấy Giáo Pháp đích thực này, là người có được sự-biết (tri) của một học-nhân, trí-biết đích thực (chân trí) của một học-nhân, là người đã chứng nhập vào dòng chảy Giáo Pháp, một thánh nhân với trí-tuệ thâm-nhập, là người đứng vững vàng trước cánh cửa dẫn tới sự Bất Tử.”

(SN 12:28)

29 (9) Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (1)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hoàn-toàn hiểu [không liễu ngộ] *sự già-chết*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó;⁸⁶ họ là những người không hoàn-toàn hiểu *sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự chấp-thủ ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu cơ-sở cảm nhận ... danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác*, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số tu

sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn; và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ (sự khởi-sinh tùy thuộc; lý duyên khởi) đó bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ (sa-môn hạnh) hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn (bà-la-môn hạnh).

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hoàn-toàn hiểu [liễu ngộ] *sự già-chết*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó; là những người hoàn-toàn hiểu *sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự chấp-thủ ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu cơ-sở cảm nhận ... danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác*, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn; và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ (sự khởi-sinh tùy thuộc, lý duyên-khởi) đó bằng sự-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 12:29)

30 (10) Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (2)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, đối với những tu sĩ và bà-la-môn không hiểu *sự già-chết*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó: thì không thể nào họ tiếp tục an trú mà thoát khỏi (vượt qua, không bị) *sự già-chết*. Đối với những tu sĩ và bà-la-môn không hiểu *sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự chấp-thủ ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu cơ-sở cảm nhận ... danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác*, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng: thì không thể nào họ tiếp tục an trú mà thoát khỏi (vượt qua, không còn) *những sự tạo-tác*.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, đối với những tu sĩ và bà-la-môn hiểu được *sự già-chết*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó: thì có thể họ sẽ an trú sau khi đã thoát khỏi (vượt qua, không còn bị) *sự già-chết*. Đối với những tu sĩ và bà-la-môn hiểu được *sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự chấp-thủ ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu cơ-sở cảm nhận ... danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác*, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng: thì có thể họ sẽ an trú sau khi đã thoát khỏi (vượt qua, không còn) *những sự tạo-tác*.”

(SN 12:30)

NHÓM 4

NHÓM ‘TỖ KHEO KALĀRA

TỪ GIAI CẤP CHIẾN-SĨ’

(*Kalāra-khattiya-vagga*)

31 (1) Thứ Ất Sẽ Xảy Ra (*hữu duyên thì hữu sinh*)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī ... Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với Ngài Xá-lợi-phất như vậy:

“Này Xá-lợi-phất, trong phần ‘*Những Câu Hỏi Của Ajita*’ thuộc chương *Pārāyana* (Qua Bờ Kia, Đáo Bỉ Ngạn) có nói:⁸⁷

‘*Những người đã thấu hiểu Giáo Pháp (A-la-hán),
Và các hạng người đang tu-học (học nhân):
Trong đó xin hỏi về cách hành xử của họ,
Hãy chu đáo, nói cho con biết, thưa Thế Tôn.*’⁸⁸

—thì nghĩa của những lời trên được nói một cách ngắn gọn, có thể được hiểu một cách chi tiết theo cách nào?”

Khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất chỉ im lặng. Lần thứ hai và lần thứ ba đức Thế Tôn nói lại với thầy Xá-lợi-phất:

“Này Xá-lợi-phất, trong phần ‘*Những Câu Hỏi Của Ajita*’ thuộc chương *Pārāyana* (Qua Bờ Kia, Đáo Bỉ Ngạn) có nói: ... —thì nghĩa của những lời trên được nói một cách ngắn gọn, có thể được hiểu một cách chi tiết theo cách nào?” Lần thứ hai và lần thứ ba thầy Xá-lợi-phất vẫn im lặng.⁸⁹

“Này Xá-lợi-phất, thầy có nhìn thấy: ‘Thứ [đã] ất sẽ xảy ra’? Này Xá-lợi-phất, thầy có nhìn thấy: ‘Thứ [đã] ất sẽ xảy ra’, hay không?”

(1) “Thưa Thế Tôn, (i) một người nhìn thấy đúng như nó thực là bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘*Thứ này ất sẽ xảy ra*’. Sau khi đã nhìn thấy đúng như nó thực là bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘*Thứ này ất sẽ xảy ra*’, nên người đó

đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với ‘*thứ ắt sẽ xảy ra*’, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó. (*thứ ắt sẽ xảy ra* = năm-uần)⁹⁰ (ii) Một người nhìn thấy đúng như nó thực là bằng trí-tuệ chánh đúng rằng: ‘*Sự khởi-sinh của nó xảy ra do có thứ [có nhân] là dưỡng-chất*’.⁹¹ (iii) Sau khi đã nhìn thấy đúng như nó thực là như vậy, nên người đó đang tu tập vì mục đích để dẫn tới sự ghê-sợ đối với ‘*sự khởi-sinh của nó là tùy thuộc [nhân] dưỡng-chất mà có*’, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó. (iv) Người đó nhìn thấy đúng như nó thực là bằng trí-tuệ chánh đúng rằng: ‘*Khi chấm dứt dưỡng-chất [nhân] đó thì ‘thứ ắt sẽ xảy ra’ [quả] cũng chấm dứt*’. (v) Sau khi đã nhìn thấy đúng như nó thực là như vậy, nên người đó đang tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với ‘*thứ phải bị chấm dứt*’, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó. Theo cách như vậy người đó là một người đang tu học (học nhân).

(2) “Và, thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người đã thấu hiểu Giáo Pháp? Thưa Thế Tôn, (i) một người nhìn thấy đúng như nó thực là bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘*thứ ắt sẽ xảy ra*’, và thông qua sự ghê-sợ đối với ‘*thứ ắt sẽ xảy ra*’, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người đó được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt). (ii) Người đó nhìn thấy đúng như nó thực là bằng trí-tuệ chánh đúng rằng: ‘*Sự khởi-sinh của nó là do có thứ [có nhân] là dưỡng-chất*’. (iii) Sau khi đã nhìn thấy đúng như nó thực là như vậy, và thông qua sự ghê-sợ đối với ‘*thứ tùy thuộc vào [nhân] dưỡng-chất mà có*’, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người đó được giải-thoát nhờ sự không-còn chấp thủ. (iv) Người đó nhìn thấy đúng như nó thực là bằng trí-tuệ chánh đúng rằng: ‘*Khi chấm dứt dưỡng-chất [nhân] đó thì ‘thứ ắt sẽ xảy ra’ [quả] cũng chấm dứt*’. (v) Sau khi đã nhìn thấy đúng như nó thực là như vậy, và thông qua sự ghê-sợ đối với ‘*thứ phải bị chấm dứt*’, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người đó đã được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ.⁹² Theo cách như vậy là một người đã thấu hiểu Giáo Pháp.

“Như vậy đó, thưa Thế Tôn, trong phần ‘*Những Câu Hỏi Của Ajita*’ thuộc chương *Pārāyana* (Qua Bờ Kia, Đáo Bỉ Ngạn) có nói:

‘*Những người đã thấu hiểu Giáo Pháp (A-la-hán),
Và các hạng người đang tu-học (học nhân):
Trong đó xin hỏi về cách hành xử của họ,
Hãy chu đáo, nói cho con biết, thưa Thế Tôn.*’

—thì con hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy về những lời đã được nói một cách ngắn gọn ở trên.”

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! ... [*Và Phật lặp lại toàn bộ lời trên của thầy Xá-lợi-phất*] ... theo cách như vậy thì nghĩa của những lời đã được nói một cách ngắn gọn ở trên có thể được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

(SN 12:31)

32 (2) Tỳ Kheo Kaḷāra

[i]

Ở Sāvattḥī. Lúc đó Tỳ kheo Kaḷāra xuất thân từ giai cấp Chiên-Sĩ (quý tộc) đến gặp Ngài Xá-lợi-phất và chào hỏi với nhau. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, Tỳ kheo Moliya Phagguna đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.”

“Vậy chắc thầy ấy đã không tìm thấy sự yên-ủi trong Giáo Pháp và Giới Luật này.” (Thầy Xá-lợi-phất nói).

“Vậy à, như vậy thầy Xá-lợi-phất đã đạt tới sự yên-ủi trong Giáo Pháp và Giới Luật này chưa?”

“Tôi không có sự lờ-mờ (về điều đó), này đạo hữu. (tức: chắc chắn là đã đạt tới)

“Nhưng trong tương lai thì sao, đạo hữu?”

“Tôi không có sự nghi-ngờ (về điều đó), này đạo hữu.”⁹³

Rồi Tỳ kheo Kaḷāra đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến, thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thầy Xá-lợi-phất đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”⁹⁴

Rồi đức Thế Tôn đã gọi một Tỳ kheo: “Này Tỳ kheo, hãy nhân danh ta đến nói thầy Xá-lợi-phất là Vị Thầy cho gọi thầy ấy.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, vị Tỳ kheo đó đáp lại, và đi tới chỗ thầy Xá-lợi-phất và nói với thầy ấy: “Đạo hữu Xá-lợi-phất, Vị Thầy (Phật) mới cho gọi đạo hữu đến”.

“Được rồi, đạo hữu”, thầy Xá-lợi-phất đáp lại, và thầy đi đến chỗ đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Xá-lợi-phất, có đúng thầy đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa’, hay không?”

“Thưa Thế Tôn, con đã không tuyên bố điều đó bằng những câu và chữ như vậy.”

“Vậy theo cách nào, này Xá-lợi-phất, một người họ tộc tuyên bố về trí-biết cuối cùng thì những lời người đó đã tuyên bố nên được hiểu như vậy.”

“Thưa Thế Tôn, con đã vừa thưa rằng: ‘Thưa Thế Tôn, con đã không tuyên bố điều đó bằng những câu và chữ như vậy’”

“Này Xá-lợi-phất, nếu những người khác hỏi thầy: ‘Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thầy đã biết cách nào, thầy đã thấy cách nào, để thầy (có thể) tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã

được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa?”— khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?”⁹⁵
(*Phật ví hỏi để thầy Xá-lợi-phất trả lời theo cách của Giáo Pháp*)

“Nếu họ có hỏi con điều này, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời họ như vậy: ‘Do có sự tiêu diệt cái nguồn-gốc làm khởi sinh sự sinh-ra (sinh), nên tôi hiểu rằng: “Khi [nhân] bị tiêu diệt, thì [quả] bị tiêu diệt”. Sau khi đã hiểu được điều này, nên tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.’ Khi được hỏi như vậy, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời theo cách như vậy.”⁹⁶

“Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: ‘Nhưng, này đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là nguồn gốc của sự sinh-ra (sinh), cái gì là nguyên gốc của nó, từ thứ gì nó được sinh ra và tạo ra?’— khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?” (*Giờ thầy Xá-lợi-phất bắt đầu trả lời theo lý nhân-duyên*).

“Nếu họ hỏi câu đó, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời họ như vậy: ‘Này các đạo hữu, sự sinh-ra (sinh) có sự hiện-hữu (hữu) là nguồn gốc của nó, sự hiện-hữu là nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ sự hiện-hữu.’ Khi được hỏi như vậy, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời theo cách như vậy.”

“Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: ‘Nhưng, này đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là nguồn gốc của sự hiện-hữu ...?’— khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?”

“Nếu họ hỏi con câu đó, con sẽ trả lời họ như vậy: ‘Này các đạo hữu, sự hiện-hữu (hữu) có sự chấp-thủ (thủ) là nguồn gốc của nó ...’”

“Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: ‘Nhưng, này đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là nguồn gốc của sự chấp-thủ ...?’— khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?”

“Nếu họ hỏi con câu đó, con sẽ trả lời họ như vậy: ‘Này các đạo hữu, sự chấp-thủ (thủ) có dục-vọng (ái) là nguồn gốc của nó...’”

“Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: ‘Nhưng, này đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là nguồn gốc của *dục-vọng*...?’— khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?”

“Nếu họ hỏi con câu đó, con sẽ trả lời họ như vậy: ‘Này các đạo hữu, *dục-vọng* (ái) có cảm-giác (thọ) là nguồn gốc của nó, cảm-giác là nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ cảm-giác’. Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo cách như vậy.”

“Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: ‘Này đạo hữu Xá-lợi-phất, theo cách nào thầy biết, theo cách nào thầy thấy, rằng sự khoái-thích trong những cảm-giác đã không còn bên trong thầy?’— khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?”⁹⁷

“Nếu họ hỏi con câu đó, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời họ như vậy: ‘Này các đạo hữu, có ba loại cảm-giác như vậy. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, và cảm-giác không sướng không khổ. Này các bạn, ba loại cảm-giác này là vô thường; mà thứ gì vô thường là khổ. Khi điều (sự thật, chân lý) này đã được thấu hiểu, thì sự khoái-thích trong những cảm-giác không còn có trong tôi’. Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo cách như vậy.”

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Đó cũng là một phương pháp [khác] để giải thích ngắn gọn cùng một điều như vậy: ‘Mọi thứ được cảm nhận đều nằm trong sự khổ’.⁹⁸ (tức: đều là khổ; cho dù được cảm nhận là sướng thì nó vẫn là vô thường và nằm trong sự khổ). Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: ‘Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thông qua (nhờ có) loại giải-thoát nào mà thầy đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: “Tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’?”’— khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?”

“Nếu họ hỏi con câu đó, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời họ như vậy: ‘Này các đạo hữu, thông qua sự giải-thoát bên-trong, thông qua sự tiêu-diệt mọi sự chấp-thủ, tôi an trú một cách chánh-niệm theo một cách để

những ô-nhiễm (lậu hoặc) không còn chảy (ra-vào) bên trong tôi, và tôi không coi thường chính mình (không tự ti)’. Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo cách như vậy.”⁹⁹

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Đây là một phương pháp [khác] để giải thích ngắn gọn cùng một điều như vậy: ‘Tôi không còn lờ-mờ về những ô-nhiễm đã được nói (chỉ ra) bởi bậc Sa-Môn (tức Phật); tôi không còn nghi-ngờ về sự chúng đã bị loại bỏ bởi tôi.’”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ẩn cư của mình.

[ii]

Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, thầy Xá-lợi-phất đã nói với các Tỷ kheo như vậy:

“Này các đạo hữu, về câu hỏi đầu tiên đức Thế Tôn đã hỏi tôi, tôi chưa từng suy xét nó trước đó:¹⁰⁰ cho nên tôi đã do dự về nó. Nhưng khi đức Thế Tôn chấp thuận câu trả lời của tôi, thì điều này đã xảy đến với tôi: ‘Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt cả ngày bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau, thì suốt *cả ngày* tôi vẫn có thể trả lời đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau. Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt *cả đêm* bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau, thì suốt cả đêm tôi vẫn có thể trả lời được cho đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau. Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt *cả ngày và đêm*, suốt hai ngày và đêm, suốt ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày và đêm— thì suốt bảy ngày và đêm tôi vẫn có thể trả lời đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau.’”

Lúc đó, Tỷ kheo Kalāra xuất thân từ giai cấp Chiến-Sĩ đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến, thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thầy Xá-lợi-phất đã cất lên tiếng gầm sư tử như vậy: ‘Này các đạo hữu, về câu hỏi đầu tiên đức Thế Tôn đã hỏi tôi, tôi chưa từng suy xét nó trước đó: cho nên tôi đã do dự về nó. Nhưng khi đức Thế Tôn chấp thuận câu trả lời của tôi, thì điều này đã xảy đến với tôi: ‘Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt cả ngày bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau, thì suốt cả ngày tôi vẫn có thể trả lời đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau. Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt cả đêm bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau, thì suốt cả đêm tôi vẫn có thể trả lời được cho đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau. Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt cả ngày và đêm, suốt hai ngày và đêm, suốt ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày và đêm—thì suốt bảy ngày và đêm tôi vẫn có thể trả lời đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau.’”

“Này Tỳ kheo, thầy Xá-lợi-phất đã thâm nhập thấu suốt yếu-tố đó của Giáo Pháp (pháp giới đó) bằng một sự thâm nhập thấu suốt mà nhờ đó, nếu ta có hỏi thầy ấy về vấn đề đó bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau suốt bảy ngày và đêm, thì suốt bảy ngày và đêm đó thầy ấy vẫn có thể trả lời được cho ta bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau.”¹⁰¹

(SN 12:32)

33 (3) Những Trường Hợp Sự-Biết (1)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về bốn mươi bốn trường hợp của sự-biết. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn, nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, bốn mươi bốn trường hợp của sự-biết là gì? Sự-biết về *sự già-chết*, sự-biết về *sự khởi-sinh* của nó, sự-biết về *sự chấm-dứt* của nó, sự-biết về *con-đường dẫn tới sự chấm-dứt* nó.

“Sự-biết về *sự sinh-ra* (sinh) ... Sự-biết về *sự hiện-hữu* (hữu) ... Sự-biết về *sự chấp-thủ* (thủ) ... *dục-vọng* (ái) ... *cảm-giác* (thọ) ... *sự tiếp-xúc* (xúc) ... *sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ) ... *danh-sắc* (danh sắc, tâm-thân) ... *thức* (thức) ... *những sự tạo-tác* (hành), sự-biết về *sự khởi-sinh* của chúng, sự-biết về *sự chấm-dứt* của chúng, sự-biết về *con-đường dẫn tới sự chấm-dứt* chúng. Đây các Tỳ kheo, đây là bốn mươi bốn trường hợp của sự-biết. (*Tức gồm: 11 nhân duyên, 11 nhân duyên sinh, 11 nhân duyên diệt, và 11 đạo = 44.*)

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự già-chết*?... [*Tiếp tục y hệt đoạn định nghĩa này trong kinh SN 12:02 ở trên*] ... Như vậy, sự già và sự chết này gộp chung được gọi là sự già-chết. Khi chấm dứt *sự sinh-ra* thì chấm dứt *sự già-chết*. Chỉ Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt *sự già-chết*; đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử hiểu được như vậy về *sự già-chết*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thì đây là “*sự-biết* của người đó về *nguyên-lý*” (về giáo pháp).¹⁰² Bằng phương tiện là nguyên-lý này (là ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’)— đã được nhìn thấy, đã được hiểu, đã được chứng ngộ tức thì, đã được xác minh—¹⁰³ người đó ứng dụng phương pháp (nguyên lý) này cho cho quá khứ và tương lai như vậy: ‘Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *quá khứ* đã trực tiếp hiểu được *sự già-chết*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thì tất cả họ đã trực tiếp hiểu được điều đó đúng hệt như cách ta đang hiểu. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *tương lai* sẽ trực tiếp hiểu được *sự già-chết*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thì tất cả họ sẽ trực tiếp hiểu được điều đó đúng hệt như cách ta đang hiểu.’ Đây là “*sự-biết* của người đó về *tính kế-thừa*”.¹⁰⁴

“Này các Tỳ kheo, khi một thánh đệ tử đã thanh lọc và làm trong sạch hai loại sự-biết—sự-biết về *nguyên-lý* và sự-biết về *tính kế-thừa*—thì người đó được gọi là một thánh đệ tử đã thành tựu về cách-nhìn (chánh

kiến), thành tựu về sự-thấy (tâm nhìn), là người đã đạt tới trí-biết đích thực (minh, chân trí), người đã có được sự-biết đích thực của một bậc học-nhân, là người đã bước vào dòng chảy Giáo Pháp, là một thánh nhân với trí-tuệ thâm nhập, là người đang đứng vững chắc ngay trước cửa bước vào sự Bất Tử.”

(2)–(11) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự sinh-ra* (sinh)? cái gì là *những sự tạo-tác* (hành)? ... [Tiếp tục như định nghĩa trong kinh **SN 13:02 ở trên**] Chỉ Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những sự tạo-tác (hành diệt); đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử hiểu được như vậy về *những sự tạo-tác* (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng, thì đây là “*sự-biết* của người đó về *nguyên-lý*” (về giáo pháp). Bằng phương tiện là nguyên-lý này (là ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’)— đã được nhìn thấy, đã được hiểu, đã được chứng ngộ tức thì, đã được xác minh— người đó ứng dụng phương pháp (nguyên lý) này cho cho quá khứ và tương lai như vậy: ‘Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *quá khứ* ... những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *tương lai* Đây là “*sự-biết* của người đó về *tính kế-thừa*”.

“Này các Tỳ kheo, khi một thánh đệ tử đã thanh lọc và làm trong sạch hai loại sự-biết—sự-biết về *nguyên-lý* và sự-biết về *tính kế-thừa*—thì người đó được gọi là một thánh đệ tử đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) ... là người đang đứng vững chắc ngay trước cửa bước vào sự Bất Tử.”

(SN 12:33)

34 (4) Những Trường Hợp Sự-Biết (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bảy mươi bảy trường hợp của sự-biết. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(1) “Này các Tỳ kheo, bảy mươi bảy trường hợp của sự-biết là gì? Sự-biết rằng: ‘*Sự già-chết có sự sinh-ra* (sinh) là điều-kiện (duyên) của nó.’ Sự-biết rằng: ‘*Khi không có sự sinh-ra thì không có sự già-chết.*’ Sự-biết rằng: ‘*Trong thời quá khứ cũng vậy, sự già-chết có sự sinh-ra là điều-kiện (duyên) của nó.*’ Sự-biết rằng: ‘*Trong thời quá khứ cũng vậy, khi không có sự sinh-ra thì không có sự già-chết.*’ Sự-biết rằng: ‘*Trong thời tương lai cũng vậy, sự già-chết có sự sinh-ra là điều-kiện (duyên) của nó.*’ Sự-biết rằng: ‘*Trong thời tương lai cũng vậy, khi không có sự sinh-ra thì không có sự già-chết.*’ Sự-biết rằng: (ngay cả cái) ‘*Sự-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp [Giáo Pháp ở đây là ‘*Sự khởi-sinh tùy thuộc*’] cũng phải bị hoại diệt, phai biến, biến mất, và chấm dứt.*’¹⁰⁵

(2)–(11) “Sự-biết rằng: ‘*Sự sinh có sự hiện-hữu là điều-kiện*’ Sự-biết rằng: ‘*Những sự tạo-tác có vô-minh là điều-kiện.*’ Sự-biết rằng: ‘*Không có vô-minh thì không có những sự tạo-tác.*’ Sự-biết rằng: ‘*Trong thời quá khứ cũng vậy, sự tạo-tác có vô-minh là điều-kiện.*’ Sự-biết rằng: ‘*Trong thời quá khứ cũng vậy, không có vô-minh thì không có những sự tạo-tác.*’ Sự-biết rằng: ‘*Trong thời tương lai cũng vậy, sự tạo-tác có vô-minh là điều-kiện.*’ Sự-biết rằng: ‘*Trong thời tương lai cũng vậy, không có vô-minh thì không có những sự tạo-tác.*’ Sự-biết rằng: ‘(ngay cả cái) sự-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp cũng phải bị hoại diệt, phai biến, biến mất, và chấm dứt.

“Này các Tỳ kheo, đó được gọi là bảy mươi bảy trường hợp của sự-biết.” (*Tức gồm: 11 nhân duyên; 1 khi có nhân duyên sinh và 1 khi nhân duyên diệt là =2; 2 quá khứ, 2 tương lai, và thêm 1 sự-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp = 77*)

(SN 12:34)

35 (5) Do Có Vô Minh Là Điều-Kiện (1)

Ở Sāvattthī.

(I) “Này các Tỳ kheo: do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện (duyên), nên có những sự tạo-tác (hành); do có những sự tạo-tác (hành) là điều-kiện, nên có thức (thức) ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.”

Sau khi đức Thế Tôn nói điều này, một vị Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

(1) “Thưa Thế Tôn, vậy cái gì là sự già-chết (lão tử), và đối với ai có sự già-chết này?”

“Câu hỏi không hợp lý”, đức Thế Tôn trả lời.¹⁰⁶ “Này Tỳ kheo, dù ai nói ‘Vậy cái gì là sự già-chết, và đối với ai có sự già-chết này? hoặc ai nói ‘Già-chết là một thứ, người mà đối với người đó có sự già-chết là thứ khác’— thì cả hai điều chấp đó đều giống nhau về mặt nghĩa; chúng chỉ khác nhau về mặt câu chữ mà thôi. Nếu có quan-điểm rằng ‘*linh hồn và thân xác là giống nhau*’, thì đâu có sự sống của đời sống tâm linh (đâu cần phải tu tâm làm chi); và nếu có quan-điểm rằng ‘*linh hồn là một thứ, thân xác là một thứ*’, thì cũng đâu có sự sống của đời sống tâm linh.¹⁰⁷ Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo rằng: ‘*Do có sự sinh-ra (sinh) là điều-kiện (duyên), nên có sự già-chết.*’”

(2) “Thưa Thế Tôn, vậy cái gì là sự sinh-ra (sinh), và đối với ai có sự sinh-ra này?”

“Câu hỏi không hợp lý”, đức Thế Tôn trả lời. “Này Tỳ kheo, dù ai nói ‘Vậy cái gì là sự sinh-ra, và đối với ai có sự sinh-ra?’ hoặc ai nói ‘Sự sinh-ra là một thứ, người mà đối với người đó có sự sinh-ra là thứ khác’— thì cả hai điều chấp đó đều giống nhau về mặt ý nghĩa; chúng chỉ khác nhau về mặt câu chữ mà thôi ... Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo rằng: ‘*Do có sự hiện-hữu (hữu) là điều-kiện, nên có sự sinh-ra (sinh).*’”

(3) “Thưa Thế Tôn, vậy cái gì là sự hiện-hữu (hữu), và đối với ai có sự hiện-hữu này?”

“Câu hỏi không hợp lý”, đức Thế Tôn trả lời. “Này Tỳ kheo, dù ai nói ‘Vậy cái gì là sự hiện-hữu, và đối với ai có sự hiện-hữu này?’ hoặc ai nói

‘Sự hiện-hữu là một thứ, người mà đối với họ có sự hiện-hữu là thứ khác’—thì cả hai điều chấp đó đều giống nhau về mặt ý nghĩa. Chúng chỉ khác nhau về mặt câu chữ mà thôi ... Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo rằng: ‘Do có sự chấp-thủ (thủ) là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu (hữu) ... ‘Do có dục-vọng (ái) là điều-kiện, nên có sự chấp-thủ (thủ)’ ... ‘Do có cảm-giác (thọ) là điều-kiện, nên có dục-vọng’ (ái) ... ‘Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện, nên có cảm-giác’ (thọ) ... ‘Do có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc’ (xúc) ... ‘Do có danh-sắc (danh sắc) là điều-kiện, nên có sáu cơ-sở cảm nhận’ (sáu xứ) ... ‘Do có thức (thức) là điều-kiện, nên có danh-sắc’ ... ‘Do có những sự tạo-tác (hành), nên có thức (thức)’.

(11) “Thưa Thế Tôn, vậy cái gì là những sự tạo-tác (hành), và đối với ai có những sự tạo-tác?”

“Câu hỏi không hợp lý”, đức Thế Tôn trả lời. “Này Tỳ kheo, dù ai nói ‘Vậy những sự tạo-tác là gì, và vì ai mà có những sự tạo-tác?’ hoặc ai nói ‘Những sự tạo-tác là một thứ, cái người mà đối với người đó có những sự tạo-tác là thứ khác’— thì cả hai điều chấp đó đều giống nhau về mặt nghĩa; chúng chỉ khác nhau về mặt câu chữ mà thôi. Nếu có quan-điểm rằng ‘linh hồn và thân xác là giống nhau’, thì đâu có sự sống của đời sống tâm linh (đâu cần phải tu tâm làm chi); và nếu có quan-điểm rằng ‘linh hồn là một thứ, thân xác là một thứ’, thì cũng đâu có sự sống của đời sống tâm linh. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo rằng: ‘Do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện (duyên), nên có những sự tạo-tác (hành).’

(II) (nhưng) “Với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì cho dù có sự vãn-veo, sự manh-động, và sự dao-động nào theo kiểu như ¹⁰⁸—‘Vậy cái gì là sự già-chết, và đối với ai có sự già-chết?’ hoặc ‘Già-chết là một thứ, người mà đối với người đó có sự già-chết là thứ khác’ hoặc ‘Linh hồn và thân xác là một’ hay ‘Linh hồn là một thứ, thân xác là thứ khác’— thì mọi điều chấp đó đều bị dẹp bỏ, bị cắt bỏ tận gốc, bị

làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ, để nó không còn khởi sinh trong tương lai.¹⁰⁹

“Với sự phai biến và chấm dứt *vô-minh* (vô minh diệt) thì cho dù có những sự vắn-veo, sự manh-động, và sự dao-động nào theo kiểu như— ‘Vậy cái gì là *sự sinh-ra* (sinh) và đối với ai có sự sinh-ra?’ ... ‘Vậy cái gì là *sự hiện-hữu* (hữu) và đối với ai có sự hiện-hữu?’ ‘Vậy cái gì là *những sự tạo-tác* (hành), và đối với ai có những sự tạo-tác?’ hoặc ‘Những sự tạo-tác là một thứ, người mà đối với người đó có những sự tạo-tác là thứ khác’ hoặc ‘Linh hồn và thân xác là một’ hay ‘Linh hồn là một thứ, thân xác là thứ khác’— thì mọi điều chấp đó đều bị dẹp bỏ, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ, để nó không còn khởi sinh trong tương lai.

(SN 12:35)

36 (6) *Do Có Vô Minh Là Điều-Kiện (2)*

[Giống hệt kinh SN 12:35 kể trên; chỉ khác ở chỗ là: (1) Phật đã nói những điều đó từ đầu tới cuối cho cả nhóm Tỳ kheo [“Này các Tỳ kheo”], chứ không phải chỉ nói riêng cho một vị Tỳ kheo như bài kinh kể trên, và (2) không có người đối thoại nào hỏi những câu hỏi không hợp lý như trên. Chỉ là Phật tự nói luôn những loại điều chấp không hợp lý đó.]

(SN 12:36)

37 (7) *Không Phải Là Cửa-Ta*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, thân này không phải ‘cửa-ta’ [‘cửa các thầy’], cũng không phải ‘cửa-ai’ khác.¹¹⁰ Đó là nghiệp cũ, được coi là đã được tạo ra và được tạo tác bởi sự cố-ý (tư), là thứ để được cảm nhận (theo nghĩa thân là cái cơ-sở để cảm nhận mọi thứ).¹¹¹ Trong đó, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử đã được chỉ dạy chú-tâm một cách sát-sao và kỹ-càng (như lý

tác ý) vào ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ như vậy: ‘Do có thứ này, nên có thứ kia; do khởi sinh thứ này, nên thứ kia khởi sinh. Khi thứ này không có thì không có [không sinh ra] thứ kia; khi chấm dứt thứ này thì thứ kia chấm dứt. Đó là: *‘do có vô-minh là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác; do có những sự tạo-tác là điều-kiện, nên có thức ...’* Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này. Nhưng, *‘với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác; khi chấm dứt những sự tạo-tác thì chấm dứt thức ...’* Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:37)

38 (8) Sự Cố-Ý (I)

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, điều gì con người ý-định, và điều gì người dự-tính, và bất cứ điều gì người có khuynh-hướng theo đó: thì điều này trở thành một cơ-sở cho sự liên-tục (duy trì) của thức. Khi có một cơ-sở, là có một trợ giúp (duyên) cho sự lập-thành của thức. Khi thức (thức) được lập thành và đã tăng trưởng là có sự *sản-sinh ra* sự hiện-hữu mới (hữu) trong tương lai. Khi có sự *sản-sinh ra* sự hiện-hữu mới (hữu) trong tương lai, là có sự sinh-ra (sinh) sau đó, rồi có sự già-chết (lão tử), sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não) xảy ra. Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.¹¹²

(2) “Này các Tỳ kheo, nếu người không ý-định, và người không dự-tính, nhưng người vẫn có một khuynh-hướng theo điều gì: thì điều này cũng trở thành một cơ-sở cho sự liên-tục của thức. Khi có một cơ-sở, là có một trợ giúp cho sự lập-thành của thức. Khi thức (thức) được lập thành ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.¹¹³ **

(3) “Nhưng, này các Tỳ kheo, nếu người không ý-định, và người không dự-tính, và người cũng không có khuynh-hướng theo một điều nào: thì sẽ không có một cơ-sở cho sự liên-tục của thức. Nếu không có một cơ-sở, là không có sự trợ giúp cho sự lập-thành của thức. Nếu thức (thức)

không được lập thành và tăng trưởng *thì không có sự sản-sinh ra* sự hiện-hữu mới trong tương lai. Nếu không có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới (hữu) trong tương lai, thì không có sự sinh-ra (sinh) sau đó (hết hữu thì hết sinh), (cho nên cũng) không có sự già-và-chết, không có sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”¹¹⁴

(SN 12:38)

39 (9) Sự Cố-Ý (2)

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, điều gì con người ý định, và điều gì con người dự tính, và bất cứ điều gì con người có khuynh hướng theo đó: thì điều đó sẽ trở thành một cơ-sở cho sự liên-tục của thức. Khi có một cơ-sở, là có một trợ giúp cho sự lập-thành của thức. Khi thức (thức) được lập thành và đã tăng trưởng, *là có một góc-gác sinh ra danh-sắc* (danh sắc).¹¹⁵ Do có *danh-sắc* (danh sắc) là điều-kiện (duyên), nên có *sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện, nên có *sự tiếp-xúc* (xúc); do có sự tiếp-xúc là điều-kiện, nên có *cảm-giác* (thọ) ... *dục-vọng* (ái) ... *sự chấp-thủ* (thủ) ... *sự hiện-hữu* (hữu) ... *sự sinh-ra* (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có *sự già-chết*, sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

(2) “Này các Tỳ kheo, nếu người không ý định, và người không dự tính, nhưng vẫn có khuynh hướng theo một điều gì: thì điều đó sẽ trở thành một cơ-sở cho sự liên-tục của thức. Khi có một cơ-sở, là có một trợ giúp cho sự lập-thành của thức. Khi thức (thức) đã được lập thành và đã tăng trưởng *là có một góc-gác sinh ra danh-sắc* (danh sắc). Do có *danh-sắc* (danh sắc) là điều-kiện, nên có *sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ) Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

(3) “Nhưng, này các Tỳ kheo, khi người không ý định, và người không dự tính, và cũng không có khuynh hướng theo điều nào: thì không

có một cơ-sở nào cho sự liên-tục của thức. Nếu không có một cơ-sở, *thì không có một gốc-gác sinh ra danh-sắc* (danh sắc). Khi chấm dứt danh-sắc (danh sắc diệt) thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ diệt) Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:39)

40 (10) Sự Cố-Ý (3)

Ở Sāvattihī.

(1) “Này các Tỳ kheo, điều gì con người ý định, và điều gì con người dự tính, và bất cứ điều gì con người có một khuynh hướng theo đó: thì điều đó sẽ trở thành một cơ-sở cho sự liên-tục của thức. Khi có một cơ-sở, là có một trợ giúp cho sự lập-thành của thức. Khi thức được lập thành và đã tăng trưởng, là có thiên-hướng [tức: dực vọng (ái)]. Khi có thiên-hướng về đâu, là có sự đến-đi. Khi có sự đến-đi, là có sự chết-đi và sự tái-sinh.¹¹⁶ Khi có sự chết-đi và tái-sinh, là có *sự sinh-ra* (sinh) sau đó, rồi có *sự già-chết*, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

(2) “Này các Tỳ kheo, nếu người không ý định, và không dự tính, nhưng vẫn có khuynh hướng theo điều gì: thì điều đó trở thành một cơ-sở cho sự liên tục của thức. Khi có một cơ-sở, là có một trợ giúp cho sự lập-thành của thức ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

(3) “Nhưng, này các Tỳ kheo, khi người không ý định, và không dự tính, và cũng không có khuynh hướng theo điều nào: thì không có một cơ-sở cho sự liên-tục của thức. Nếu không có một cơ-sở, thì không có sự trợ giúp cho sự lập-thành của thức. Nếu thức không được lập thành và tăng trưởng, thì không có sự thiên-hướng [tức: dực vọng (ái)]. Nếu không có thiên-hướng về đâu thì không có sự đến và sự đi. Nếu không có sự đến và sự đi thì không có sự chết-đi và sự tái-sinh. Nếu không có sự chết-đi và tái-sinh thì không có *sự sinh-ra* (sinh) sau đó, thì đâu có *sự già-chết*, sự

buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”¹¹⁷

(SN 12:40)

NHÓM 5

NHÓM ‘GIA CHỦ’

(*Gahapati-vagga*)

41 (1) Năm Sự Thù Oán Đáng Sợ (1)

Ở Sāvattthī. Lúc đó có gia chủ tên Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này gia chủ, (I) khi ‘năm sự thù-oán đáng sợ’ đã lắng lặn bên trong một người thánh đệ tử, và (II) người đó có được ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’, và (III) người đó đã nhìn thấy rõ ràng và bằng trí-tuệ đã thâm nhập thấu suốt ‘phương-pháp thánh thiện’, thì: nếu người đó muốn, người đó có thể tuyên bố về mình như vậy: [‘Tôi đã hết bị địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh ngã quý thống khổ; tôi đã hết bị cảnh giới khổ đau, nơi-đến xấu dữ, cõi dưới; tôi là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.’] [a]¹¹⁸

(I) “Cái gì là năm sự thù-oán đáng sợ đã lắng lặn?”

(1) Này gia chủ, người sát-sinh, thì do hành vi đó, gây ra sự thù-oán đáng sợ trong kiếp này và sự thù-oán đáng sợ trong kiếp sau, và người đó ném trái sự khổ tâm và ưu phiền. [b]¹¹⁹ Như vậy, người kiêng cử sát-sinh thì sự thù-oán đáng sợ đó đã lắng lặn.

(2) “Người gian-cấp (trộm, cướp, gian, lận, tham những ...) ... (3) người tà-dâm tà dục (tính dục bất chính) ... (4) người nói-dối nói láo ... (5) người uống rượu mạnh, rượu nhẹ, hay dùng các chất độc hại, là căn cơ của sự sống loi tâm phóng dật, thì do hành vi đó, gây ra sự thù-oán đáng sợ trong kiếp này và sự thù-oán đáng sợ trong kiếp sau, và người đó ném trái sự khổ tâm và ưu phiền. Như vậy, người kiêng cử gian-cấp ... kiêng cử tà-dâm tà dục ... kiêng cử nói-dối nói láo ... kiêng cử uống rượu mạnh, rượu nhẹ, và dùng các chất độc hại, là căn cơ của sự sống loi tâm phóng dật, thì sự thù-oán đáng sợ đó đã lắng lặn.

“Đó là năm sự thù-oán đáng sợ đã lắng lặn.

(II) “Và cái gì là ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ mà người đó có được? [c]¹²⁰

(1) Ở đây, này gia chủ, người người thánh đệ tử đã có được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thế), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]

(2) “Người đó có được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.’]

(3) “Người đó có được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại (bậc) người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).’]

(4) “Người đó có được những giới-hạnh (năm giới) được những thánh nhân quý trọng—không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, không bị vết nhơ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị chấp thủ, dẫn tới đạt định. [d]¹²¹

“Đây là bốn yếu-tố Nhập-lưu mà người đó có được.

(III) “Và cái gì là ‘phương pháp thánh thiện’ mà người đó đã nhìn thấy rõ ràng và bằng trí-tuệ thâm nhập thấu suốt?¹²² [e] Ở đây, này gia chủ, người người thánh đệ tử chú-tâm một cách sát-sao và kỹ-càng vào ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ như vậy: “Do có thứ này, nên có [sinh ra, xảy ra] thứ kia;

với sự khởi sinh của thứ này, nên thứ kia khởi sinh. Khi thứ này không có thì không có [không sinh ra, không xảy ra] thứ kia; với sự chấm dứt thứ này, thì thứ kia chấm dứt. *(người dịch xuống hàng chỗ này cho dễ đọc)*

• [“Đó là: ‘Do có vô-minh là điều-kiện (duyên), nên có những sự tạo-tác (hành); do có những sự tạo-tác là điều-kiện, nên có thức (thức); do có thức là điều-kiện, nên có danh-sắc (danh sắc); do có danh-sắc là điều-kiện, nên có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc (xúc); do có sự tiếp-xúc là điều-kiện, nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng là điều-kiện, nên có sự chấp-thủ (thủ); do có sự chấp-thủ là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên mới xảy ra sự già và chết (lão tử); sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Đây là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.’ (chiều khởi sinh)

“Nhưng: ‘Với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì chấm dứt những sự tạo-tác (hành diệt); khi chấm dứt những sự tạo-tác, thì chấm dứt thức (thức diệt); khi chấm dứt thức, thì chấm dứt danh-sắc (danh sắc diệt); khi chấm dứt danh-sắc, thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ diệt); khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận, thì chấm dứt sự tiếp-xúc (xúc diệt); khi chấm dứt sự tiếp-xúc, thì chấm dứt cảm-giác (thọ diệt); khi chấm dứt cảm-giác, thì chấm dứt dục-vọng (ái diệt); khi chấm dứt dục-vọng, thì chấm dứt sự chấp-thủ (thủ diệt); khi chấm dứt sự chấp-thủ, thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt); khi chấm dứt sự hiện-hữu, thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh tận); khi chấm dứt sự sinh-ra, thì chấm dứt sự già và chết (lão tử tận); chấm dứt sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não tận). Đây là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.’ (chiều hoàn diệt).]

“Đây là ‘phương pháp thánh thiện’ mà người đó đã nhìn thấy rõ ràng và bằng trí-tuệ đã thâm nhập một cách thấu suốt.

“Này gia chủ, (I) khi ‘năm sự thù-oán đáng sợ’ này đã lắng lặn bên trong một người thánh đệ tử, và (II) người đó có được ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ này, và (III) người đó đã nhìn thấy rõ ràng và bằng trí-tuệ đã thâm nhập thấu suốt ‘phương-pháp thánh thiện’ này, thì nếu muốn, người đó có thể tự tuyên bố về bản thân mình: [‘Tôi đã hết bị địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh nga quý thống khổ; tôi đã hết bị cảnh giới khổ đau, nơi-đến xấu dữ, cõi dưới; tôi là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.’]”

(SN 12:41)

42 (2) Năm Sự Thù Oán Đáng Sợ (2)

[Giống hết kinh SN 12:41 kể trên, chỉ khác là nó được nói cho “một số Tỳ kheo” thay vì cho gia chủ Cấp Cô Độc.]

(SN 12:42)

43 (3) Khổ

Ở Sāvattī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy nguồn-gốc và sự phai-biến của sự khổ.¹²³ Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói”.

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn-gốc của khổ? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc [sắc], nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái). Đây là *nguồn-gốc* của khổ.

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh [thanh] ... Tùy thuộc vào mũi và những mùi-hương [hương] ... Tùy thuộc vào lưỡi và những mùi-vị [vị] ... Tùy thuộc vào thân và những thứ hữu-hình chạm xúc [xúc] ... Tùy

thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm [pháp], nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái). Đây là *nguồn-gốc* của khổ.

(2) “Và, này các Tỷ kheo, cái gì là sự phai-biến của khổ? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc [sắc], nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này (ái diệt) thì chấm dứt sự chấp-thủ (thủ diệt); khi chấm dứt sự chấp-thủ thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt); khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt); khi chấm dứt sự sinh-ra là chấm dứt sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt). Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này. Đây chính là *sự phai-biến* của khổ.

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh [thanh] Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm [pháp], nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này (ái diệt) thì chấm dứt sự chấp-thủ (thủ diệt); khi chấm dứt sự chấp-thủ thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt); khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt); khi chấm dứt sự sinh-ra là chấm dứt sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt). Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này. Đây chính là *sự phai-biến* của khổ.”

(SN 12:43)

44 (4) Thế Giới

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy nguồn-gốc và sự phai-biến của thế giới.¹²⁴ Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn-gốc của thế giới? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc [sắc], nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng là điều-kiện, nên có sự chấp-thủ (thủ); do có sự chấp-thủ là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Này các Tỳ kheo, đây là *nguồn-gốc* của thế giới.

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh [thanh] ... Tùy thuộc vào mũi và những mùi-hương [hương] ... Tùy thuộc vào lưỡi và những mùi-vị [vị] ... Tùy thuộc vào thân và những thứ hữu-hình chạm xúc [xúc] ... Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm [pháp], nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái) ... do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có sự già-chết (lão tử), sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Này các Tỳ kheo, đây là *nguồn-gốc* của thế giới.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phai-biến của khổ? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc [sắc], nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này (ái diệt) thì chấm dứt sự chấp-thủ (thủ diệt); khi chấm dứt sự chấp-thủ thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt); khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt); khi chấm dứt sự sinh-ra là chấm dứt sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt). Đó là

sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này. Nay các Tỷ kheo, đây chính là sự *phai-biến* của thế giới.

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh [thanh] Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm [pháp], nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này (ái diệt) thì chấm dứt sự chấp-thủ (thủ diệt); khi chấm dứt sự chấp-thủ thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt); khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt); khi chấm dứt sự sinh-ra là chấm dứt sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt). Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này. Nay các Tỷ kheo, đây chính là sự *phai-biến* của thế giới.”

(SN 12:44)

45 (5) Ở Nātika

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nātika trong Hội Trường Bằng Gạch. Lúc đó, khi đức Thế Tôn ở một mình trong sự tách-ly, đức Thế Tôn đã (tự mình) thốt ra sự thuyết trình Giáo Pháp như vậy:¹²⁵

(1) “Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc [sắc], nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng là điều-kiện, nên có sự chấp-thủ (thủ) ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh [thanh] Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm [pháp], nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-

vọng (ái); do có dục-vọng là điều-kiện, nên có sự chấp-thủ (thủ) ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

(2) “Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc [sắc], nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện (duyên), nên có dục-vọng (ái). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này (ái diệt) thì chấm dứt sự chấp-thủ (thủ diệt); khi chấm dứt sự chấp-thủ thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt) ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh [thanh] Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm [pháp], nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này (ái diệt) thì chấm dứt sự chấp-thủ (thủ diệt); khi chấm dứt sự chấp-thủ thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt) ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.

Bây giờ, lúc đó có một Tỳ kheo đang đứng gần đó đã lên nghe được đức Thế Tôn nói. Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy ấy đang đứng lắng nghe và nói với thầy ấy: “Này Tỳ kheo, thầy đã nghe bài thuyết Pháp phải không?”

“Dạ, thưa Thế Tôn.”

“Hãy học bài thuyết Pháp này, này Tỳ kheo, hãy nắm vững nó và ghi nhớ nó. Bài thuyết Pháp này là hữu ích và liên quan tới những căn bản của đời sống tâm linh.”

(SN 12:45)

46 (6) Một Bà-La-Môn

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có một bà-la-môn đã đến gặp và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, là sao: có phải người làm chính là người ném trái [quả]?”¹²⁶

“(nếu nghĩ) ‘Người làm chính là người ném trái [quả]’: đây là một cực đoan, này bà-la-môn.”

“Vậy thì, Thầy Cồ-đàm, có phải người làm là một người, và người ném trái [quả] là người khác?”

“(nếu nghĩ) ‘Người làm là một người, và người ném trái [quả] là người khác’: đây là một cực đoan, này bà-la-môn.”

“Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo như vậy: ‘Do có vô-minh làm điều-kiện (duyên), nên có những sự tạo-tác; do có những sự tạo-tác làm điều-kiện, nên có thức ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác; khi chấm dứt những sự tạo-tác thì chấm dứt thức ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này’.”

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn đó đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! ... Con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn Tỳ kheo. Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 12:46)

47 (7) Bà-La-Môn Jāṇussoṇi

Ở Sāvattḥī.

Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇi đã đến gặp ... và nói với đức Thế Tôn:¹²⁷

“Thưa Thầy Cồ-đàm, là sao: có phải tất cả đều hiện hữu?”

“(nếu nghĩ) ‘Tất cả đều hiện hữu’: đây là một cực đoan, này bà-la-môn.”

“Vậy thì, Thầy Cồ-đàm, có phải tất cả đều không hiện hữu?”

“(nếu nghĩ) ‘Tất cả đều không hiện hữu’: đây là cực đoan thứ hai, này bà-la-môn. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo ... [*tiếp tục như kinh SN 12:46 kể trên*] ...”

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn đó đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! ... Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 12:47)

48 (8) Một Người Luận Giải Thế Giới

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có bà-la-môn là người luận giải về thế giới¹²⁸ đã đến gặp đức Thế Tôn ... và nói với đức Thế Tôn:

(i) “Thầy Cồ-đàm, là sao: có phải tất cả đều hiện hữu?”

“‘Tất cả đều hiện hữu’: đây là vũ trụ luận xưa cũ nhất, này bà-la-môn.”¹²⁹

(ii) “Vậy thì, Thầy Cồ-đàm, có phải tất cả đều không hiện hữu?”

“‘Tất cả đều không hiện hữu’: đây là vũ trụ luận xưa cũ nhì, này bà-la-môn.”

(iii) “Vậy là sao, Thầy Cồ-đàm: có phải tất cả đều là một hợp thể?”¹³⁰

“‘Tất cả đều là một hợp thể’: đây là vũ trụ luận xưa cũ thứ ba, này bà-la-môn.”

(iv) “Vậy thì, Thầy Cồ-đàm: có phải tất cả đều là số nhiều?”¹³¹

“‘Tất cả đều là số nhiều’: đây là vũ trụ luận xưa cũ thứ tư, này bà-la-môn. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo ... [tiếp tục như kinh 12:46 kể trên] ...”

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn đó đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! ... Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 12:48)

49 (9) Người thánh đệ tử (1)

Ở Sāvattthī.

- “Này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử không còn nghĩ suy: ‘Khi thứ gì có mặt, thì cái gì xảy ra? Khi có sự khởi sinh của thứ gì, thì cái gì khởi sinh? [Khi thứ gì có mặt, thì có những sự tạo-tác? Khi thứ gì có mặt, thì có thức.]¹³² Khi thứ gì có mặt, thì có danh-sắc? ... Khi thứ gì có mặt, thì có sự già-chết?’

“Thay vì vậy, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đó đã tự có sự-biết về (nguyên lý) này mà không phụ thuộc (nhờ dựa) vào người khác: (đó là): ‘Khi thứ này có mặt, thì thứ kia xảy ra; khi có sự khởi sinh của thứ này, thì thứ kia khởi sinh. [Khi vô-minh có mặt, thì có những sự tạo-tác. Khi những sự tạo-tác có mặt, thì có thức.] Khi có thức thì có danh-sắc ... Khi có sự sinh-ra, thì có sự già-chết.’ Người đó hiểu: ‘Thế giới khởi sinh theo cách như vậy.’

- “Này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử không còn nghĩ suy: ‘Khi thứ gì không có mặt, thì không có thứ gì? Khi có sự chấm dứt thứ gì, thì thứ gì chấm dứt? [Khi thứ gì không có mặt, thì không có [không sinh ra] những sự tạo-tác? Khi thứ gì không có mặt, thì không có thức?] Khi thứ gì không có mặt, thì không có danh-sắc? ... Khi thứ gì không có mặt, thì không có sự già-chết?’”

“Thay vì vậy, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đó đã tự có sự-biết về (nguyên lý) này mà không phụ thuộc (nhờ dựa) vào người khác: (đó là): ‘Khi thứ này không có mặt, thì không có thứ kia; khi có sự chấm dứt thứ này, thì thứ kia chấm dứt. [Khi không có vô-minh, thì không có [không sinh ra] những sự tạo-tác. Khi không có những sự tạo-tác, thì không có thức.] Khi không có thức, thì không có danh-sắc ... Khi không có sự sinh-ra, thì đâu có sự già-chết.’ Người đó hiểu: ‘Thế giới *chấm dứt* theo cách như vậy.’

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử hiểu được như vậy về sự khởi-sinh và biến-diệt của thế giới đúng như chúng thực là, thì người đó được gọi là một thánh đệ tử đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), thành tựu về sự-thấy (tâm nhìn), là người đã đạt tới trí-biết đích thực (chân trí, minh), người đã có được sự-biết đích thực của một bậc học-nhân, là người đã bước vào dòng chảy Giáo Pháp, là một thánh nhân với trí-tuệ thâm nhập, là người đang đứng vững chắc ngay trước cửa bước vào sự Bất Tử.”

(SN 12:49)

50 (10) Người thánh đệ tử (2)

[Giống hệ kinh **SN 12:49** kể trên. Chỉ khác là: những đoạn trong ngoặc vuông [...] ở trên thì không có trong các phiên bản phiên bản Thái, Tích Lan. Nhưng kinh **SN 12:50** này trong các phiên bản khác thì đều có ghi đủ các đoạn đó.]

(SN 12:50)

NHÓM 6

NHÓM KHỔ (nhóm cây)

(*Dukkha-vagga*)¹³³

51 (1) Sự Điều Tra Thấu Suốt

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang thực hiện một sự điều-tra thấu suốt (tìm hiểu thấu đáo), theo cách nào là người đó điều tra một cách thấu suốt để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ?”¹³⁴

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(I) (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo thực hiện một sự điều-tra thấu suốt, người đó điều tra một cách thấu suốt như vậy: ‘Nhiều dạng nhiều loại khổ đau khởi sinh trong thế giới [dẫn đầu bởi sự già-chết]: cái gì là nguồn gốc của sự khổ này, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? Khi cái gì có mặt, thì sự già-chết xảy ra? Khi cái gì không có mặt, thì sự già-chết không xảy ra?’

- “Khi điều tra một cách thấu suốt, người đó hiểu được như vậy: ‘Nhiều dạng nhiều loại khổ đau khởi sinh trong thế giới [dẫn đầu bởi sự già-chết]: khổ này có sự sinh-ra (sinh) là nguồn gốc của nó, sự sinh-ra là

nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ sự sinh-ra. Khi có sự sinh-ra, thì có sự già-chết; nếu không có sự sinh-ra, thì đâu có sự già-chết.’

-- “Người đó hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự phù hợp với sự chấm dứt nó. ¹³⁵ Người đó thực hành con-đường đó và dẫn dắt bản thân đúng theo vậy. Đây được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ, để chấm dứt sự già-chết. (*lão tử diệt*)

(2)–(11) “Rồi, điều tra thêm nữa, người đó điều tra một cách thấu suốt như vậy: ‘Cái gì là nguồn gốc của sự sinh-ra này (sinh), cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? ... Cái gì là nguồn gốc của sự hiện-hữu này (hữu)? ... sự chấp-thủ này (thủ)? ... dục-vọng này (ái)? ... cảm-giác này (thọ)? ... sự tiếp-xúc này (xúc)? ... sáu cơ-sở cảm nhận này (sáu xứ)? ... danh-sắc này (danh sắc)? ... thức (thức) này? ... Cái gì là nguồn gốc của những sự tạo-tác này (hành), cái gì là nguyên gốc của chúng, từ cái gì chúng được sinh ra và tạo ra? Khi cái gì có mặt, thì có những sự tạo-tác xảy ra? Khi cái gì không có mặt, thì những sự tạo-tác không xảy ra?’

- “Khi điều tra một cách thấu suốt, người đó hiểu được như vậy: ‘Những sự tạo-tác (hành) có vô-minh (vô minh) là nguồn gốc của chúng, vô-minh là nguyên gốc của chúng; chúng được sinh ra và tạo ra từ vô-minh. Khi có vô-minh, thì có những sự tạo-tác xảy ra; nếu không có vô-minh, thì những sự tạo-tác không xảy ra.’

-- “Người đó hiểu được những sự tạo-tác (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự phù hợp với sự chấm dứt nó. Người đó thực hành con-đường đó và dẫn dắt bản thân đúng theo vậy. Đây được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ, để chấm dứt những sự tạo-tác. (*sinh diệt ... hành diệt*)

(II) “Này các Tỳ kheo, nếu một người còn chìm đắm trong vô-minh mà tạo ra một sự tạo-tác (mang tính) phước đức (phước hành), thì thức sẽ đi đến chỗ phước đức; nếu người đó tạo ra một sự tạo-tác tổn phước (tôn

phước hành), thì thức sẽ đi đến chỗ tồn phước; nếu người đó tạo ra một sự tạo-tác bất-lay-động (bất động hành), thì thức sẽ đi đến chỗ bất-lay-động.¹³⁶

- “Nhưng khi một Tỳ kheo đã loại bỏ vô-minh và đã phát khởi minh [trí-biết đích thực] thì: với sự phai biến vô-minh và sự khởi-sinh minh, người đó không còn tạo ra sự tạo-tác phước đức hay sự tạo-tác thất phước đức hay sự tạo-tác bất-lay-động nào nữa. Bởi do người đó không còn tạo ra hay tạo lập những sự tạo-tác nào nữa, nên người đó không còn chấp-thủ với bất gì trong thế giới. Do không còn chấp-thủ (thủ diệt), nên người đó không còn bị kích-động (tức: không còn khát dục hay sợ hãi).¹³⁷ Do không còn bị kích động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

(1) “Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng,¹³⁸ người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không nắm giữ (dính theo) nó’; người đó hiểu: ‘Không ưa thích nó’. Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ (khổ thọ), người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không ưa thích nó’. Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính (vô ký thọ), người đó hiểu: ‘Không nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không ưa thích nó’.

(2) “Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm nhận nó tách-ly (cảm nhận nó là nó, không dính líu gì mình); nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó cảm nhận nó tách-ly; nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm nhận nó tách-ly.

(3) “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu (kết thúc) cùng với thân, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng mạng-sống, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng-sống.’¹³⁹ Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt mạng-sống, tất cả (mọi thứ) đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được

thích thú, sẽ nguội tắt ngay tại đây, chỉ còn lại những mảnh xác của thân.¹⁴⁰

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ một người lấy một cái nồi đất sét nóng rực từ trong lò nung của người thợ gốm, và đặt nó trên nền đất phẳng: nhiệt nóng của nó sẽ bị giải tán ngay tại chỗ đó, và chỉ còn lại những mảnh gốm của nồi đất sét. Cũng giống như vậy, khi người đó cảm nhận một cảm-giác kết liễu cùng với thân này ... kết liễu cùng với mạng sống ... người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự hết mạng, tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.’”¹⁴¹

(4) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, có thể nào một Tỳ kheo đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận) mà còn tạo ra một sự tạo-tác phước đức, hay một sự tạo-tác thất phước, hay một sự tạo-tác bất-lay-động?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Khi đã *dứt sạch* những sự tạo-tác (hành diệt), với sự chấm dứt mọi sự tạo-tác, thì có còn thấy thức (thức tái sinh) hay không?”¹⁴²

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Khi đã *dứt sạch* thức (thức diệt), với sự chấm dứt của thức, thì có còn thấy danh-sắc (danh sắc) hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Khi đã *dứt sạch* danh-sắc (danh sắc diệt) ... *dứt sạch* sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ diệt) ... *dứt sạch* sự tiếp-xúc (xúc diệt) ... *dứt sạch* cảm-giác (thọ diệt) ... *dứt sạch* dục-vọng (ái diệt) ... *dứt sạch* sự chấp-thủ (thủ diệt) ... *dứt sạch* sự hiện-hữu (hữu diệt) ... *dứt sạch* sự sinh-ra (sinh diệt), với sự chấm dứt của sự sinh-ra, thì có còn thấy sự già-chết hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Điều đó chính xác là như vậy, và không thể sai khác! Này các Tỳ kheo, hãy đặt niềm-tin vào ta về điều này, hãy nhất quyết về điều này. Hãy bỏ hết sự lơ mờ và nghi ngờ về điều này. Đơn giản đây chính là sự chấm-dứt khô.”¹⁴³

(SN 12:51)

52 (2) *Sự chấp-thủ*

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm) về *sự thỏa-thích* trong những thứ có thể bị chấp thủ (có thể làm mình chấp thủ theo chúng),¹⁴⁴ thì dục-vọng sẽ tăng lên. Do có dục-vọng (ái) là điều-kiện (duyên), nên có sự chấp-thủ (thủ); do có sự chấp-thủ là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một đồng lửa lớn đang cháy, tiêu hao mười, hai mươi, ba mươi, hay bốn mươi khối củi, và một người cứ châm thêm cỏ khô, phân bò khô, và củi khô vào trong nó. Như vậy, được duy trì bằng nhiên liệu đó, được cấp nhiên liệu bằng những thứ khô đó, ngọn lửa lớn đó càng cháy thêm rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta cứ suy ngẫm về *sự thỏa-thích* trong những thứ dễ bị chấp thủ, thì dục-vọng sẽ càng tăng (ái tăng) ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.¹⁴⁵

(2) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, tâm niệm, quán niệm) về *sự nguy-hại* trong những thứ có thể bị chấp thủ, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi có sự chấm dứt dục-vọng (ái diệt) thì chấm dứt sự chấp-thủ (thủ diệt); khi chấm dứt sự chấp-thủ thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt); khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt); khi chấm dứt sự sinh-ra thì đâu còn sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt). Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một đồng lửa lớn đang cháy, tiêu hao tiêu hao mười, hai mươi, ba mươi, hay bốn mươi khối củi, và một người *không* châm thêm cỏ khô, phân bò khô, hay củi khô vào trong nó. Như vậy, khi

nguồn nhiên liệu đầu đã cháy hết, không được châm thêm nhiên liệu nào nữa, không được duy trì, thì đồng lửa lớn đó sẽ bị tắt ngấm.

“Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về *sự nguy-hại* trong những thứ có thể bị chấp thủ, thì dục-vọng sẽ chấm dứt ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.” ¹⁴⁶

(SN 12:52)

53 (3) Những Gông Cùm (1)

Ở Sāvattihī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm) về *sự thỏa-thích* trong những thứ có thể gông cùm mình, ¹⁴⁷ thì dục-vọng tăng lên. Do có dục-vọng (ái) là điều-kiện (duyên), nên có sự chấp-thủ (thủ); do có sự chấp-thủ là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một ngọn đèn dầu đang cháy phụ thuộc vào dầu và tim đèn, và một người cứ châm thêm dầu vào nó và chỉnh (tăng) tim đèn. Như vậy, do được duy trì bởi dầu, được cấp nhiên liệu bằng dầu, thì ngọn đèn dầu đó sẽ cháy rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta cứ suy ngẫm về *sự thỏa-thích* trong những thứ có thể gông cùm mình, thì dục-vọng sẽ tăng lên ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

(2) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, tâm niệm, quán niệm) về *sự nguy-hại* trong những thứ có thể gông cùm mình, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi có sự chấm dứt của dục-vọng (ái diệt) thì chấm dứt sự chấp-thủ (thủ diệt); khi chấm dứt sự chấp-thủ thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt) ... chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt); khi chấm dứt sự sinh-ra thì đâu còn sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau

khô, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một ngọn đèn dầu đang cháy phụ thuộc vào dầu và tim đèn, và một người *không* châm thêm dầu vào nó và *không* chỉnh (tăng) tim đèn. Như vậy, khi nguồn nhiên liệu dầu đã cháy hết, do không được châm thêm nhiên liệu nào nữa, không được duy trì, thì ngọn đèn dầu đó sẽ bị tắt ngấm.

“Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể gông cùm mình, thì dục-vọng sẽ *chấm dứt* ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:53)

54 (4) *Những Gông Cùm (2)*

[Giống hệt kinh 12:53 kể trên, chỉ khác nhau là: trong cả 02 phần, các ví dụ được nói ra trước và phần nói về giáo lý được nói sau.]

(SN 12:54)

55 (5) *Cây Lớn (1)*

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm) về sự *thỏa-thích* trong những thứ có thể bị chấp thủ, thì dục-vọng tăng lên. Do có dục-vọng (ái) là điều-kiện (duyên), nên có sự chấp-thủ (thủ) ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây to, và tất cả rễ của nó đều mọc sâu và mọc ngang rồi đưa nhựa sống lên nuôi cây. Được duy trì bởi nhựa sống, được nuôi dưỡng bởi nhựa sống, nên cây to đó sẽ đứng sống rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích trong

những thứ có thể bị chấp thủ, thì dục-vọng cứ tăng lên ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.¹⁴⁸

(2) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, tâm niệm, quán niệm) về *sự nguy-hại* trong những thứ có thể bị chấp thủ, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi chấm dứt dục-vọng (ái diệt) thì chấm dứt sự chấp-thủ (thủ diệt) ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây to. Rồi một người đến mang theo một cái cuốc và rỗng. Người đó chặt đứt ngang gốc cây, rồi đào gốc rễ, và bứng sạch rễ cây, kể cả rễ nhỏ và rễ con. Người đó chặt thân cây thành khúc, chặt thành miếng nhỏ, băm nhỏ thành mảnh vụn. Rồi người đó phơi những mảnh cây dưới nắng và gió, rồi đốt cháy chúng, và hốt lấy tro. Sau khi làm như vậy, người đó quăng tro đi trong gió mạnh hoặc quăng xuống sông chảy xiết. Như vậy cái cây to đó đã bị cắt đứt gốc rễ, bị làm thành như một gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị chấp thủ, thì dục-vọng sẽ chấm dứt ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”¹⁴⁹

(SN 12:55)

56 (6) Cây Lớn (2)

[Giống hệ kinh SN 12:55 kể trên, chỉ khác nhau là: trong cả 02 phần, các ví dụ được nói ra trước và phần nói về giáo lý được nói sau.]

(SN 12:56)

57 (7) Cây Non

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm) về *sự thỏa-thích* trong những thứ (mình) có thể bị chấp thủ, thì dục-vọng cứ tăng lên. Do có dục-vọng (ái) là điều-kiện (duyên), nên có sự chấp-thủ (thủ) ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây non, và một người cứ thường dọn sạch cỏ xung quanh gốc của nó, thường bón thêm đất tốt, thường tưới nước cho nó. Được duy trì bởi sự chăm sóc đó, được nuôi dưỡng bởi sự chăm sóc đó, nên cây non đó sẽ lớn lên, tăng trưởng, và phát tán rộng. Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích trong những thứ có thể bị chấp thủ, thì dục-vọng cứ tăng lên ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

(2) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, tâm niệm, quán niệm) về *sự nguy-hại* trong những thứ (mình) có thể bị chấp thủ, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi chấm dứt dục-vọng (ái diệt) thì chấm dứt sự chấp-thủ ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây non. Rồi một người đến mang theo một cái cuốc và rỗi. Người đó chặt đứt ngang gốc cây ... [*giống đoạn này của kinh 12:55 ở trên*] ... người đó quăng tro đi trong gió mạnh hoặc quăng xuống sông chảy xiết. Như vậy cái cây non đó đã bị cắt đứt gốc rễ, bị làm thành như một gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị chấp thủ, thì dục-vọng sẽ chấm dứt ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:57)

58 (8) Danh Sắc

Ở Sāvattihī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm) về *sự thỏa-thích* trong những thứ có thể gông cùm mình [có dục-vọng nằm bên dưới sự suy ngẫm đó], thì có một gốc-gác sinh ra danh-sắc.¹⁵⁰ Do có danh-sắc (danh sắc) là điều-kiện (duyên), nên có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây to, và tất cả rễ của nó đều mọc sâu và mọc ngang rồi đưa nhựa sống lên nuôi cây. Được duy trì bởi nhựa sống, được nuôi dưỡng bởi nhựa sống, nên cây to đó sẽ đứng sống rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích trong những thứ có thể gông cùm mình, thì có một gốc-gác sinh ra danh-sắc ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

(2) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, tâm niệm, quán niệm) về *sự nguy-hại* trong những thứ có thể gông cùm mình, thì không có một gốc-gác để sinh ra danh-sắc. Khi chấm dứt danh-sắc (danh sắc diệt) thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ diệt) ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây to. Rồi một người đến mang theo một cái cuốc và rĩa. Người đó chặt đứt ngang gốc cây ... [*giống đoạn này của kinh 12:55 ở trên*] ... người đó quăng tro đi trong gió mạnh hoặc quăng xuống sông chảy xiết. Như vậy cái cây to đó đã bị chặt đứt gốc rễ, bị làm thành như một gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể gông cùm mình, thì không có một gốc-gác để sinh ra danh-sắc ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:58)

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm) về *sự thỏa-thích* trong những thứ có thể gông cùm mình, thì có một gốc-gác sinh ra thức.¹⁵¹ Do có thức (thức) là điều-kiện, nên có danh-sắc (danh sắc) ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây to, và tất cả rễ của nó đều mọc sâu và mọc ngang rồi đưa nhựa sống lên nuôi cây. Được duy trì bởi nhựa sống, được nuôi dưỡng bởi nhựa sống, nên cây to đó sẽ đứng sống rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích trong những thứ có thể gông cùm mình, thì có một gốc-gác sinh ra thức ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

(2) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, tâm niệm, quán niệm) về *sự nguy-hại* trong những thứ có thể gông cùm mình, thì không có một gốc-gác để sinh ra thức. Khi chấm dứt thức (thức diệt) thì chấm dứt danh-sắc (danh sắc diệt) ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây to. Rồi một người đến mang theo một cái cuốc và rỗi. Người đó chặt đứt ngang gốc cây ... [*giống đoạn này của kinh 12:55 ở trên*] ... người đó quăng tro đi trong gió mạnh hoặc quăng xuống sông chảy xiết. Như vậy cái cây to đó đã bị chặt đứt gốc rễ, bị làm thành như một gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị chấp thủ, thì không có một gốc-gác để sinh ra thức ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:59)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Kuru, ở đó có một thị trấn của người Kuru là thị trấn Kammāsadamma. Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn. ‘Sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi) này là ‘thật sâu sắc và thật sâu sắc trong những hàm nghĩa’, nhưng đối với con nó dường như hết sức rất rõ ràng.”

“Không phải chỉ vậy đâu, này Ānanda! Không phải chỉ vậy đâu, này Ānanda! ‘Sự khởi-sinh tùy thuộc’ này là thật sâu sắc và thật sâu sắc trong những hàm nghĩa. Này Ānanda, bởi do không hiểu và không thâm nhập Giáo Pháp này, nên thế hệ (chúng sinh) này đã thành như một cuộn chỉ rối, như một trái sợi thắt rối, như một mớ bụi nhùi đan rối, và không thể vượt khỏi cảnh giới khổ đau, những nơi-đến đọa dữ, cõi dưới, vòng luân-hồi. ¹⁵²

(1) “Này Ānanda, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiên ngẫm) về sự *thỏa-thích* trong những thứ có thể bị chấp thủ, thì dục-vọng cứ tăng lên. Do có dục-vọng (ái) là điều-kiện (duyên), nên có sự chấp-thủ (thủ) ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này Ānanda, ví dụ có một cây to, và tất cả rễ của nó đều mọc sâu và mọc ngang rồi đưa nhựa sống lên nuôi cây. Được duy trì bởi nhựa sống, được nuôi dưỡng bởi nhựa sống, nên cây to đó sẽ đứng sống rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích trong những thứ có thể bị chấp thủ, thì dục-vọng cứ tăng lên ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

(2) “Này Ānanda, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, tâm niệm, quán niệm) về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị chấp thủ, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi chấm dứt dục-vọng (ái diệt) thì chấm dứt sự chấp-thủ (thủ diệt) ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

“Này Ānanda, ví dụ có một cây to. Rồi một người đến mang theo một cái cuốc và rỗi. Người đó chặt đứt ngang gốc cây ... [*giống đoạn này của*

kinh 12:55 ở trên] ... người đó quăng tro đi trong gió mạnh hoặc quăng xuống sông chảy xiết. Như vậy cái cây to đó đã bị chặt đứt gốc rễ, bị làm thành như một gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.

“Cũng giống như vậy, này Ānanda, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị chấp thủ, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt sự chấp-thủ; khi chấm dứt sự chấp-thủ thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh; khi chấm dứt sự sinh-ra thì đâu còn sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:59)

NHÓM 7

‘NHÓM LỚN’

(*Mahā-vagga*)

61 (1) Người Không Được Chỉ Dạy (1)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc ...

(1) “Này các Tỳ kheo, người phàm chưa được chỉ dạy¹⁵³ có thể trải nghiệm sự ghê-sợ đối với **thân** này do bốn yếu-tố lớn (tứ đại) hợp thành; người đó có thể trở nên chán-bỏ đối với nó và được giải-thoát khỏi nó. Vì lý do gì? Bởi vì sự tăng lên và sụt xuống được nhìn thấy trong thân này do bốn yếu-tố lớn hợp thành, nó được nhìn thấy được nâng lên và đặt xuống một bên. Vì vậy người phàm chưa được chỉ dạy có thể trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân này do bốn yếu-tố lớn hợp thành; người đó có thể trở nên chán-bỏ đối với nó, và được giải-thoát khỏi nó.

(2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, đối với cái được gọi là ‘**tâm**’, hay ‘tâm thân’, hay ‘thức’ (03 chữ chỉ ‘tâm’, ‘cửa tâm, căn tâm, tâm xứ’ và ‘thức’)¹⁵⁴—thì người phàm chưa được chỉ dạy không thể trải nghiệm sự ghê-sợ đối với nó, không thể trở nên chán-bỏ đối với nó, và không thể được giải-thoát khỏi nó. Vì lý do gì? Vì đã từ lâu họ luôn nắm giữ, chấp hữu, nắm chặt như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã’ của ta’.¹⁵⁵ Vì vậy người phàm chưa được chỉ dạy không thể trải nghiệm sự ghê-sợ đối với nó, không thể trở nên chán-bỏ đối với nó, và không thể được giải-thoát khỏi nó.

(i) “Vậy thì, này các Tỳ kheo, với người phàm chưa được chỉ dạy thì thà nhận cái thân ‘tứ đại’ này là cái ‘Ta’, như vậy vẫn còn tốt hơn nhận lấy ‘tâm’ là cái ‘Ta’. Vì lý do gì? Vì thân ‘tứ đại’ này còn thấy trụ được một năm, hai, ba, bốn, năm, hay mười năm, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, hay một trăm năm, hay thậm chí lâu hơn.¹⁵⁶ Chứ cái được gọi

là ‘tâm’ và ‘tâm thân’ và ‘thức’ thì luôn khởi sinh thành này và chấm dứt thành nọ (sinh-diệt liên tục trong từng giây khắc) suốt ngày suốt đêm.

“Giống như một con khỉ chạy nhảy khắp khu rừng luôn chộp nắm cành cây, chộp thả, rồi chộp nắm cành khác (chộp thả, thả chộp liên tục trong từng giây phút); cũng giống như vậy, cái được gọi là ‘tâm’, ‘tâm thân’, hay ‘thức’ thì luôn khởi sinh thành này và chấm dứt thành nọ (sinh-diệt liên tục) suốt ngày suốt đêm.¹⁵⁷

(ii) “Trong khi đó, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy thì chú-tâm một cách sát sao và kỹ càng (như lý tác ý) vào chính ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi) như vậy:¹⁵⁸ ‘Khi cái này có mặt, thì cái kia xảy ra; khi có sự khởi sinh cái này, thì cái kia khởi sinh. Khi cái này không có mặt, thì cái kia không xảy ra; khi chấm dứt cái này, thì cái kia chấm dứt.’ Đó là: ‘*Do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác*’ (hành); *do có những sự tạo-tác, nên có thức* (thức)’ ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này. Nhưng ‘*Với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì chấm dứt những sự tạo-tác* (hành diệt); *khi chấm dứt những sự tạo-tác thì chấm dứt thức* (thức diệt)’ ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy (lý duyên khởi) như vậy, người thánh đệ tử trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân (sắc), sự ghê-sợ đối với cảm-giác (thọ), sự ghê-sợ đối với nhận-thức (tưởng), sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác (hành), sự ghê-sợ đối với thức (thức). Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, thì có sự-biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 12:59)

[Giống hệt kinh **SN 12:61** kể trên từ đầu cho tới “... suốt ngày suốt đêm.” Rồi bỏ đi phần ví dụ ‘con khi’, và tiếp tục như sau:]

(ii) “Trong đó, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử thì chú-tâm một cách sát sao và kỹ càng (như lý tác ý) vào chính ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi) như vậy: ‘Khi cái này có mặt, thì cái kia xảy ra; khi có sự khởi sinh cái này, thì cái kia khởi sinh. Khi cái này không có mặt, thì cái kia không xảy ra; khi chấm dứt cái này, thì cái kia chấm dứt.’ Này các Tỳ kheo, (i) tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là srong nên có một cảm-giác srong khởi sinh. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc đó thì cảm-giác tương ứng—tức, cảm-giác srong khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là srong đó—cũng chấm dứt và lắng lặn. (ii) Tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ nên có một cảm-giác khổ khởi sinh. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc đó thì cảm-giác tương ứng—tức, cảm-giác khổ khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ đó—cũng chấm dứt và lắng lặn. (iii) Tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính (không srong không khổ) nên có một cảm-giác trung tính khởi sinh. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc đó thì cảm-giác tương ứng—tức, cảm-giác trung tính khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính đó—cũng chấm dứt và lắng lặn.

“Này các Tỳ kheo, giống như nhiệt được tạo ra và lửa được sinh ra từ sự tiếp-xúc và cọ-sát của hai cây mỗi lửa, nhưng khi tách rời hai cây đó thì nhiệt nóng cũng chấm dứt và lắng lặn.¹⁵⁹ Cũng giống như vậy, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là srong ... một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ ... tùy thuộc một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính, nên có một cảm-giác trung tính khởi-sinh tùy thuộc ... Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính đó thì cảm-giác tương ứng ... — cũng chấm dứt và lắng lặn.

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy (lý duyên khởi) như vậy, người thánh đệ tử trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân (sắc), sự ghê-sợ đối với cảm-giác (thọ), sự ghê-sợ đối với nhận-thức (tưởng), sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác (hành), sự ghê-sợ đối với thức (thức). Sau khi đã trải

nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, thì có sự-biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 12:62)

63 (3) Thịt Của Người Con

Ở Sāvattihī.¹⁶⁰

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại dưỡng-chất để duy trì (sự sống của) những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành. Bốn đó là gì? *Thức-ăn*, thô và tinh; thứ hai, *sự tiếp-xúc*; thứ ba, *sự cố-ý của tâm* (tâm tư); thứ tư, *thức*. Đây là bốn loại dưỡng-chất để duy trì những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành.

“Và, này các Tỳ kheo, *dưỡng-chất* là *thức-ăn* nên được nhìn thấy theo cách nào? Giả sử có cặp vợ chồng chỉ mang ít đồ ăn và đang đi băng qua vùng sa mạc. Cùng đi với họ là đứa con duy nhất, đứa con thân thương và yêu dấu. Rồi tới giữa sa mạc, chỗ đồ ăn ít ỏi của họ cũng hết sạch, trong khi còn một vùng sa mạc lớn phía trước phải băng qua (để sống sót). Người chồng và vợ nghĩ rằng: ‘Chỗ đồ ăn ít ỏi của chúng ta đã hết sạch, trong khi còn một vùng sa mạc lớn phía trước phải băng qua. Chắc chúng ta phải giết đứa con duy nhất của mình, đứa con thân thương và yêu dấu, và làm thành thịt khô và thịt ướp. Bằng cách ăn thịt con mình thì chúng ta mới có thể băng qua hết sa mạc này. Còn hơn để cả ba đều chết!’

“Rồi, này các Tỳ kheo, vợ chồng đó đã giết đứa con duy nhất, đứa con thân thương và yêu dấu, làm thành thịt khô và thịt ướp, và bằng cách ăn thịt con mình họ có thể vượt qua vùng sa mạc còn lại. Trong khi họ đang ăn thịt con mình, họ đấm ngực và than khóc: ‘Con đang ở đâu, hỡi đứa

con duy nhất của chúng ta? Con đang ở đâu, hồi đũa con duy nhất của chúng ta?’

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Có phải họ ăn thức ăn đó là để giải trí, hay để thưởng thức, hay để thân được đẹp đẽ và hấp dẫn?”

“Không phải vậy, thưa Thế Tôn.”

“Có phải họ ăn thức ăn đó (với mục đích) chỉ để có thể băng qua sa mạc?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

(1) “Này các Tỳ kheo, do cách như vậy nên ta nói rằng *dưỡng-chất* là *thức-ăn* (đoàn thực) nên được nhìn thấy.¹⁶¹ Khi *dưỡng-chất* là *thức-ăn* được hoàn-toàn hiểu, thì *tham-dục đối với năm dây khoái-lạc giác* quan sẽ được hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ).¹⁶² Khi *tham-dục đối với năm dây khoái-lạc giác* quan được hoàn-toàn hiểu, thì không còn *gông-cùm* (kiết sử) nào trói buộc một người thánh đệ tử quay lại (tái sinh) thế gian này nữa.¹⁶³ (tức quả Bất-lai nhờ giác ngộ *dưỡng-chất* là *thức-ăn*)

(2) “Và, này các Tỳ kheo, *dưỡng-chất* là *sự tiếp-xúc* (xúc thực) nên được nhìn thấy theo cách nào? Giả sử có một con bò bị lở da. Nếu nó đứng dựa vô tường, những sinh vật sống trên tường sẽ cắn rĩa nó. Nếu nó đứng dựa vô cây, những sinh vật sống trên cây sẽ cắn rĩa nó. Nếu nó đứng dưới nước, những sinh vật sống trong nước sẽ cắn rĩa nó. Nếu nó đứng giữa không khí, những sinh vật sống trong không khí sẽ cắn rĩa nó. Dù con bò lở da có đứng ở ở đâu, những sinh vật sống ở đó cũng cắn rĩa nó.

“Này các Tỳ kheo, do cách như vậy nên ta nói rằng *dưỡng-chất* là *sự tiếp-xúc* nên được nhìn thấy.¹⁶⁴ Khi *dưỡng-chất* là *sự tiếp-xúc* (xúc) được hoàn-toàn hiểu, thì ba loại *cảm-giác* (thọ) sẽ được hoàn-toàn hiểu. Khi ba loại *cảm-giác* được hoàn-toàn hiểu, thì, ta nói rằng, một người thánh đệ tử không-cần phải làm gì thêm nữa.¹⁶⁵ (tức quả A-la-hán nhờ giác ngộ *dưỡng-chất* là *sự tiếp-xúc*)

(3) “Và, này các Tỳ kheo, *duỡng-chất* là *sự cố-ý của tâm* (tâm tư thực) nên được nhìn thấy theo cách nào? Giả sử có một hồ than sâu hơn chiều cao của một người, chứa đầy than đang cháy rực nhưng không khói, không có lửa ngọn. Một người đến đó, người đó đang muốn sống, không muốn chết, thích sướng và ghét khổ. Rồi có hai người lực sĩ nắm hai tay người đó và kéo người đó tới chỗ hồ than. Sự cố-ý của người đó lúc này là thoát khỏi đó, mong-muốn của người đó lúc này là thoát khỏi đó, ước-muốn của người đó lúc này là thoát khỏi đó. Vì lý do gì? Vì người đó biết: ‘Ta sẽ rớt xuống hồ than và do vậy ta sẽ bị chết hoặc đau đớn như chết.’

“Này các Tỳ kheo, do cách như vậy nên ta nói rằng *duỡng-chất* là *sự cố-ý của tâm* nên được nhìn thấy.¹⁶⁶ Khi *duỡng-chất* là *sự cố-ý của tâm* được hoàn-toàn hiểu, thì ba loại *đục-vọng* (ái) sẽ được hoàn-toàn hiểu. Khi ba loại *đục-vọng* được hoàn-toàn hiểu, thì, ta nói rằng, một người thánh đệ tử không-cần phải làm thêm gì nữa.¹⁶⁷ (tức quả A-la-hán nhờ giác ngộ *duỡng-chất* là *sự cố-ý của tâm*)

(4) “Và, này các Tỳ kheo, *duỡng-chất* là *thức* (thức thực) nên được nhìn thấy theo cách nào? Ví dụ người ta bắt một kẻ cướp, một tên tội phạm, và dẫn người đó tới trước nhà vua, và thưa rằng: ‘Thưa bệ hạ, người này là một kẻ cướp, một tên tội phạm. Xin hãy định hình phạt hấn theo ý của bệ hạ.’ Nhà vua nói với họ: ‘Các người, cứ làm đi, buổi sáng đâm hấn bằng một trăm ngọn giáo.’ Buổi sáng họ đâm người đó bằng một trăm ngọn giáo. Rồi tới buổi trưa nhà vua hỏi: ‘Các người, kẻ đó ra sao rồi?’—‘Vẫn còn sống, thưa bệ hạ.’—‘Vậy cứ làm đi, buổi trưa đâm hấn bằng một trăm ngọn giáo’. Buổi trưa họ đâm người đó bằng một trăm ngọn giáo. Rồi tới buổi chiều nhà vua hỏi: ‘Các người, kẻ đó ra sao rồi?’—‘Vẫn còn sống, thưa bệ hạ.’—‘Vậy cứ làm đi, buổi chiều đâm hấn bằng một trăm ngọn giáo.’ Buổi chiều họ đâm hấn bằng một trăm ngọn giáo.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Liệu người đó, sau khi bị đâm bằng ba trăm ngọn giáo, có ném trải sự đau khổ và ưu khổ vì bị vậy hay không?”

“Thưa Thế Tôn, ngay cả khi bị đâm bởi một ngọn giáo người đó đã ném trái sự đau khổ và ưu khổ vì bị vậy, nói chi tới ba trăm ngọn giáo.”

“Này các Tỳ kheo, do cách như vậy nên ta nói rằng *dưỡng-chất* là *thức* nên được nhìn thấy.¹⁶⁸ Khi dưỡng-chất là *thức* được hoàn-toàn hiểu, thì *danh-sắc* sẽ được hoàn-toàn hiểu. Khi danh-sắc được hoàn-toàn hiểu, thì, ta nói rằng, một người thánh đệ tử không-cần phải làm thêm gì nữa.”¹⁶⁹ (tức quả A-la-hán nhờ giác ngộ dưỡng-chất là thức)

(SN 12:63)

64 (4) Nếu Có Tham Dục

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại dưỡng-chất để duy trì (sự sống của) những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành. Bốn đó là gì? *Thức-ăn*, thô và tinh; thứ hai, *sự tiếp-xúc*; thứ ba, *sự cố-ý của tâm* (tâm tư); thứ tư, *thức*. Đây là bốn loại dưỡng-chất để duy trì những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành.

(I) (i) “Này các Tỳ kheo, nếu có tham-dục đối với *dưỡng-chất* là *thức-ăn* (đoàn thực), nếu có sự khoái-thích, nếu có dục-vọng, thì *thức* sẽ được lập thành ở đó và tăng trưởng.¹⁷⁰ Bất cứ đâu thức được lập thành và đi đến sự tăng trưởng, là có *một góc-gác sinh ra danh-sắc*. Hễ khi có phần góc-gác sinh ra danh-sắc (danh sắc),¹⁷¹ thì có sự tăng phát *những sự tạo-tác* (hành).¹⁷² Khi những sự tạo-tác phát tăng, thì có sự sản sinh ra *sự hiện-hữu* mới trong tương lai (hữu). Khi có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai, thì sau đó có *sự sinh-ra* (sinh) và *sự già-chết* (lão tử). Ở đâu có sự sinh-ra và sự già-chết thì, ta nói rằng, ở đó có luôn sự buồn sâu, sự thống khổ và tuyệt vọng.

(ii)—(iv) “Này các Tỳ kheo, nếu có tham-dục đối với dưỡng-chất là *sự tiếp-xúc* (xúc thực) hoặc đối với dưỡng-chất là *sự cố-ý của tâm* (tâm tư

thực) hoặc đối với dưỡng-chất là *thức* (thức thực), nếu có sự khoái-thích, nếu có dục-vọng, thì *thức* sẽ được lập thành ở đó và tăng trưởng. Khi thức được lập thành và đi đến sự tăng trưởng, là có *một gốc-gác sinh ra danh-sắc* ... thì sau đó sẽ có *sự sinh-ra* (sinh) và *sự già-chết* (lão tử). Ở đâu có sự sinh-ra và sự già-chết thì, ta nói rằng, ở đó có luôn sự buồn sâu, sự thống khổ và tuyệt vọng.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nghệ sĩ hay họa sĩ, dùng nước màu, hoặc màu sơn cánh kiến, hoặc màu nghệ vàng, hoặc màu chàm, hoặc màu đỏ thắm để vẽ *thành-hình* một người nam hay nữ trên mặt ván gỗ hay trên tường hay trên vải bạt. Cũng giống như vậy, nếu có tham-dục đối với dưỡng-chất là *thức-ăn*, hoặc đối với dưỡng-chất là *sự tiếp-xúc*, hoặc đối với dưỡng-chất là *sự cố-ý của tâm*, hoặc đối với dưỡng-chất là *thức*, nếu có sự khoái-thích, nếu có dục-vọng, thì thức được *lập-thành* ngay ở đó và tăng trưởng. Khi thức được lập thành và đi đến sự tăng trưởng ... thì, ta nói rằng, ở đó có luôn sự buồn sâu, sự thống khổ và tuyệt vọng.”¹⁷³

(II) (i)-(iv) “Này các Tỳ kheo, nếu *không* có tham-dục đối với dưỡng-chất là *thức-ăn*, hoặc đối với dưỡng-chất *sự tiếp-xúc*, hoặc đối với dưỡng-chất là *sự cố-ý của tâm*, hoặc đối với dưỡng-chất là *thức*, nếu *không* có sự khoái-thích, nếu không có dục-vọng (vô ái), thì thức *không* được lập thành ở đó và tăng trưởng (vô thức). Khi thức không được lập thành và tăng trưởng, là không có một gốc-gác sinh ra *danh-sắc*. Khi không có danh-sắc (vô danh sắc), thì không phát sinh *những sự tạo-tác* (vô hành). Nếu không có những sự tạo-tác, thì không sản sinh ra *sự hiện-hữu* mới trong tương lai (vô hữu). Nếu không sản sinh ra sự hiện hữu mới trong tương lai, thì sau đó không có *sự sinh-ra* (vô sinh) và *sự già-chết* (vô lão tử). Ở đâu không có sự sinh-ra và sự già-chết thì đâu có sự buồn sâu, sự thống khổ và tuyệt vọng, ta nói vậy.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một ngôi nhà hay hội trường mái nhọn, có các cửa sổ hướng bắc, hướng nam, hướng đông. Khi mặt trời lên và một tia nắng chiếu vào một cửa sổ, nó sẽ được *thành hình* ở đâu?”

“Trên bức tường phía tây, thưa Thế Tôn.”

“Nếu không có bức tường phía tây, thì nó được thành hình ở đâu?”

“Trên đất, thưa Thế Tôn.”

“Nếu không có đất, thì nó được thành hình ở đâu?”

“Trên nước, thưa Thế Tôn.”

“Nếu không có nước, thì nó được thành hình ở đâu?”

“Nó không được thành hình ở đâu hết, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, nếu *không* có tham-dục đối với dưỡng-chất là *thức-ăn*, hoặc đối với dưỡng-chất là *sự tiếp-xúc*, hoặc đối với dưỡng-chất là *sự cố-ý của tâm*, hoặc đối với dưỡng-chất là *thức*, nếu *không* có sự khoái-thích, nếu không có dục-vọng (vô ái), thì thức *không* được lập thành ở đó và tăng trưởng (vô thức) ... Ở đâu không có sự sinh-ra và sự già-chết thì đâu có sự buồn sầu, sự thống khổ và tuyệt vọng, ta nói vậy.”¹⁷⁴

(SN 12:64)

65 (5) Kinh Thành

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, trước khi giác-ngộ, khi ta còn là một Bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, lúc đó điều này đã xảy đến với ta: ‘Chao ôi, thế gian này đã rớt (trầm luân) trong khổ nạn, trong đó nó bị sinh, già, và chết, nó chết rồi lại sinh, nhưng nó không hiểu được sự giải-thoát khỏi sự khổ đau này [dẫn đầu bởi] sự già-chết. Khi nào (họ) mới nhận thấy (nhận ra) sự giải-thoát khỏi sự khổ đau này [dẫn đầu bởi] sự già-chết?’¹⁷⁵

(1) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi có cái gì thì có già-chết? Cái gì là điều-kiện (duyên) cho sự già-chết?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), trong ta có sự đột phá bằng trí-tuệ như vậy: ‘Khi có sự sinh-ra (sinh) thì có già-chết; sự già-chết có sự sinh-ra là điều-kiện của nó.’

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi có cái gì thì có sự sinh-ra (sinh)? ... có sự hiện-hữu (hữu)? ... có sự chấp-thủ (thủ)? ... có dục-vọng (ái)? ... có cảm-giác (thọ)? ... có sự tiếp-xúc (xúc)? ... có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ)? ... có danh-sắc (danh sắc)? Cái gì là điều-kiện cho danh-sắc?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột phá bằng trí-tuệ như vậy: ‘Khi có thức (thức) thì có danh-sắc; danh-sắc có thức là điều-kiện của nó.’

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi có cái gì thì có thức? Cái gì là điều-kiện cho thức?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột phá bằng trí-tuệ: ‘Khi có danh-sắc (danh sắc) thì có thức (thức); thức có danh-sắc là điều-kiện của nó.’¹⁷⁶

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Thức này quay lại; nó không vượt quá danh-sắc.’¹⁷⁷ Tới ngưỡng mức này là một người có thể được sinh-ra, rồi già-chết, qua-đời và tái-sinh, đó là, khi có thức với danh-sắc là điều-kiện của nó và khi có danh-sắc với thức là điều-kiện của nó.¹⁷⁸ Do có danh-sắc (danh sắc) là điều-kiện (duyên), nên có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc (xúc) ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.’

“‘Sự khởi-sinh, sự khởi-sinh’—vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh một sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập và ánh-sáng đối với những điều chưa được nghe trước đây.

(2) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi không có cái gì thì không có sự già-chết? Khi chấm dứt cái gì thì chấm dứt sự già-chết?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ như vậy: ‘Khi không có *sự sinh-ra* (vô sinh) thì không có sự già-chết (vô lão tử); khi chấm dứt sinh-ra (sinh diệt) là chấm dứt sự già-chết (lão tử diệt).’

“Điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi không có cái gì thì không có sự sinh-ra (vô sinh)? ... không có sự hiện-hữu (vô hữu)? ... không có sự chấp-thủ (vô thủ)? ... không có dục-vọng (vô ái)? ... không có cảm-giác

(vô thọ)? ... không có sự tiếp-xúc (vô xúc)? ... không có sáu cơ-sở cảm nhận (vô sáu xứ)? ... không có danh-sắc (vô danh sắc)? Cái gì là điều-kiện cho sự không có danh-sắc?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ như vậy: ‘Khi không có thức (vô thức) thì không có danh-sắc (vô danh sắc); khi chấm dứt thức (thức diệt) là chấm dứt danh-sắc (danh sắc diệt).

“Điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi cái gì không có thì thức không có? Khi chấm dứt cái gì thì chấm dứt thức?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ như vậy: ‘Khi không có danh-sắc (vô danh sắc) thì không có thức (vô thức); khi chấm dứt danh-sắc (danh sắc diệt) thì chấm dứt thức (thức diệt).’

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Ta đã khám phá ra con-đường dẫn tới sự giác-ngộ, đó là, khi chấm dứt danh-sắc (danh sắc diệt) thì chấm dứt thức (thức diệt); khi chấm dứt thức (thức diệt) là chấm dứt danh-sắc (danh sắc diệt); khi chấm dứt danh-sắc là chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ diệt); khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận là chấm dứt sự tiếp-xúc (xúc diệt) ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.’¹⁷⁹

“‘Sự chấm dứt, sự chấm dứt’—vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh một sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập và ánh-sáng đối với những điều chưa được nghe trước đây.

(3) “Này các Tỳ kheo, ví như có một người đang đi qua một khu rừng có thể nhìn thấy một con-đường cỏ xưa, một con-đường đã được bước đi bởi những tiền nhân trong quá khứ. Người đó đi theo con-đường đó và tới gặp một kinh thành cỏ, một cố đô, đã từng được cư trú bởi nhiều dân chúng trong quá khứ, có những khu vườn hoa, vườn cây trái, hồ nước và những thành lũy, là một nơi đáng thích. Rồi người đó về bẩm báo lại với nhà vua [hay một quan triều]: ‘Thưa, đức ngài có biết, khi tôi đang đi lang thang qua một khu rừng, tôi đã phát hiện một con-đường cỏ xưa, một con-đường đã được bước đi bởi những tiền nhân trong quá khứ. Tôi đã đi theo con-đường đó và đã tới gặp một kinh thành cỏ, một cố đô, đã từng được cư trú bởi nhiều dân chúng trong quá khứ, có những khu vườn hoa, vườn

cây trái, hồ nước và những thành lũy, là một nơi đáng thích. Thừa đức ngài, hãy khôi phục lại kinh thành đó!’ Rồi nhà vua có thể cho khôi phục lại kinh thành đó, và không lâu sau kinh thành đó thành công và phát đạt, có nhiều dân cư trú, đông người đến sống, kinh thành đó càng được phát đạt và mở rộng.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy con-đường cổ xưa đó, con-đường cổ xưa đã được bước đi bởi những bậc Toàn Giác (những vị Phật) trong quá khứ.¹⁸⁰ Và cái gì là con-đường cổ xưa đó, đường-đi cổ xưa đó? Nó chính là Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) này; đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Ta đã bước đi theo con-đường đó, và nhờ làm vậy, ta đã trực-tiếp biết sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Ta đã trực-tiếp biết sự sinh-ra ... sự hiện-hữu ... sự chấp-thủ ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu cơ-sở cảm nhận ... danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác, *nguồn-gốc của chúng* [vô minh], *sự chấm-dứt của chúng*, và *con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng*.¹⁸¹

Sau khi đã trực-tiếp biết chúng, ta đã giảng giải chúng cho những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam, và những đệ tử tại gia nữ. Này các Tỳ kheo, đời-sống tâm linh (phạm hạnh) này đã được thành công và phát đạt, đã được mở rộng, phổ biến, được truyền rộng, đã được tuyên thuyết một cách hay khéo trong khắp những thiên thần và loài người.”¹⁸²

(SN 12:65)

66 (6) Sự Khám Phá

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ người Kuru, nơi có một thị trấn của họ tên là thị trấn Kammāsadamma. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”¹⁸³

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có tham gia vào ‘sự khám-phá hướng nội’ hay không?”¹⁸⁴

Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con có tham gia sự khám-phá hướng nội.”

“Này Tỳ kheo, thầy tham gia sự khám-phá hướng nội theo cách nào?”

Vị Tỳ kheo đó giải trình, nhưng cách thầy ấy giải thích đã không làm hài lòng đức Thế Tôn (tức không giải thích theo cách lý nhân duyên).¹⁸⁵ Rồi Ngài Ānanda nói:

“Bây giờ là lúc để nghe điều đó, thưa Thế Tôn! Bây giờ là lúc để nghe điều đó, thưa bậc Phúc Lành! Xin Thế Tôn hãy giải thích về sự khám-phá hướng nội. Sau khi nghe điều đó từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy, này Ānanda, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(1) “Ồ đây, này các Tỳ kheo, khi tham gia vào sự khám-phá hướng nội, một Tỳ kheo khám phá như vậy: ‘Nhiều dạng nhiều loại khổ đau khởi sinh trong thế giới [dẫn đầu bởi] *sự già-chết*: cái gì là nguồn gốc của sự khổ, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? Khi cái gì có mặt thì xảy ra sự già-chết? Khi cái gì không có mặt thì không xảy ra sự già-chết?’¹⁸⁶

“Sau khi người đó khám phá, người đó hiểu được như vậy: ‘Nhiều dạng nhiều loại khổ đau khởi sinh trong thế giới [dẫn đầu bởi] *sự già-chết*: sự khổ đau này có sự thu-nạp (sanh-y)¹⁸⁷ là nguồn gốc của nó, sự thu-nạp là nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ sự thu-nạp. Khi có sự thu-nạp (sanh y), thì có sự già-chết (lão tử); khi không có sự thu-nạp (vô sanh y), thì không xảy ra sự già-chết (vô lão tử).’

“Người đó hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn dắt bởi sự phù hợp với sự chấm-dứt nó.¹⁸⁸ Người đó thực hành con-đường đó và dẫn dắt bản thân đúng theo vậy. Đây được gọi

là một Tỳ kheo đang tu tập để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ, để chấm dứt sự già-chết.

(2) “Rồi, tham gia thêm nữa vào sự khám-phá hướng nội, người đó khám phá như vậy: ‘Cái gì là nguồn gốc của sự thu-nạp, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? Khi cái gì có mặt thì xảy ra sự thu-nạp? Khi cái gì không có mặt thì xảy ra sự thu-nạp?’

“Sau khi người đó khám phá, người đó hiểu biết như vậy: ‘Sự thu-nạp (sinh y) có dục-vọng (ái) là nguồn gốc của nó ... Khi có dục-vọng (ái), thì xảy ra sự thu-nạp (sinh y); khi không có dục-vọng (vô ái), thì không có sự thu-nạp (vô sinh y).’

“Người đó hiểu được sự thu-nạp, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn dắt phù hợp với sự chấm-dứt của nó. Người đó thực hành con-đường đó và dẫn dắt bản thân đúng theo vậy. Đây được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ, để chấm dứt sự thu-nạp.

(3) “Rồi, tham gia thêm nữa sự khám-phá hướng nội, người đó khám phá như vậy: ‘Khi dục-vọng này khởi sinh, nó khởi sinh ở đâu? Khi nó lắng lặn, dựa theo cái gì nó lắng lặn?’

“Sau khi người đó khám phá, người đó hiểu được như vậy: ‘Hễ thứ gì có bản chất khoái lạc và khả ái [sung sướng và dễ chịu; sướng khoái và đáng thích; sướng và dễ thích; khoái cảm và đáng thích]: thì chính đó là chỗ dục-vọng này khởi sinh khi nó khởi sinh; chính đó cũng là chỗ nó lắng lặn khi nó lắng lặn.’¹⁸⁹ Và thứ gì trong thế gian có bản chất khoái lạc và khả ái? Mắt có bản chất khoái lạc và khả ái trong thế gian: chính tại đó dục-vọng này khởi sinh khi nó khởi sinh; chính tại đó nó lắng lặn khi nó lắng lặn. Cũng giống như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, và tâm có bản chất khoái lạc và khả ái: chính tại đó dục-vọng này khởi sinh khi nó khởi sinh; chính tại đó nó lắng lặn khi nó lắng lặn.

(i) “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *quá khứ* đã coi những thứ có [một] bản chất khoái lạc và khả ái (trong số các bản chất

của chúng) trong thế gian là ‘thường hằng, là hạnh phúc, là tự ngã, là lạnh mạnh, là chắc chắn’ (thường, lạc, ngã, vô bệnh, ổn định): thì họ đã nuôi dưỡng dục-vọng. Khi nuôi dưỡng dục-vọng (ái), họ đã nuôi dưỡng sự thu-nạp (sanh y). Khi nuôi dưỡng sự thu-nạp, họ đã nuôi dưỡng sự khổ đau (khổ). Khi nuôi dưỡng sự khổ đau, họ đã không thoát khỏi sự sinh-ra (sinh), sự già-chết (lão tử); họ không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra (sầu, bi, khổ, ưu, não); họ đã không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

“Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *tương lai* sẽ coi những thứ có bản chất khoái lạc và khả ái trong thế gian là ‘thường hằng, là hạnh phúc, là tự ngã, là lạnh mạnh, là chắc chắn’ (thường, lạc, ngã, vô bệnh, ổn định): thì họ sẽ nuôi dưỡng dục-vọng ... họ sẽ không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

“Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *hiện tại* đang coi những thứ có bản chất khoái lạc và khả ái trong thế gian là ‘thường hằng, là hạnh phúc, là tự ngã, là lạnh mạnh, là chắc chắn’ (thường, lạc, ngã, vô bệnh, ổn định): thì họ sẽ nuôi dưỡng dục-vọng ... họ sẽ không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cái ly bằng đồng đang đựng thức uống có màu sắc, mùi hương, và mùi vị bắt mắt, thơm, ngon nhưng có trộn thuốc độc. Rồi có một người đến đó, đang bị cháy khô và kiệt sức bởi trời nóng, mệt đuối, khô héo, và khát nước. Họ nói với anh ta: ‘Này người tốt, thức uống trong ly đồng này có màu sắc, mùi hương, và mùi vị bắt mắt, thơm, ngon nhưng có trộn thuốc độc. Nếu anh muốn thì cứ uống. Nếu anh uống nó, nó sẽ làm thỏa thích anh bằng màu sắc, mùi hương, và mùi vị của nó, nhưng uống nó rồi anh sẽ bị chết hoặc đau khổ như chết.’ Bất ngờ, không kịp suy xét gì, người đó uống chũ nước đó—người đó không từ chối nó— và do vậy anh ta bị chết hoặc đau khổ như chết.¹⁹⁰

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *quá khứ* đã ... trong *tương lai* sẽ ... trong *hiện tại* đang coi những thứ trong thế giới có bản chất khoái lạc và khả ái là ‘thường hằng, hay

hạnh phúc, là tự ngã, là lành mạnh, hay là chắc chắn’: thì họ *đã ... sẽ ... đang* nuôi dưỡng dục-vọng ... họ không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.¹⁹¹

(ii) “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *quá khứ đã* coi những thứ có bản chất khoái lạc và khả ái trong thế gian là ‘vô thường, là khổ, là vô ngã, là căn bệnh, là đáng sợ’: thì họ đã dẹp bỏ dục-vọng. Khi dẹp bỏ dục-vọng (ái diệt), họ đã dẹp bỏ sự thu- nạp (sinh y diệt). Khi dẹp bỏ sự thu- nạp, họ đã loại bỏ khổ đau (khổ diệt). Khi loại bỏ sự khổ đau, họ đã được giải thoát khỏi sự sinh-ra (thoát sinh), sự già-chết (thoát lão tử); họ đã được giải thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra (thoát sầu, bi, khổ, ưu, não); họ đã được giải thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *tương lai sẽ* coi những thứ có bản chất khoái lạc và khả ái trong thế gian là vô thường, là khổ đau, là vô ngã, là căn bệnh, là đáng sợ: thì họ sẽ dẹp bỏ dục-vọng ... họ sẽ được giải thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *hiện tại đang* coi những thứ có bản chất khoái lạc và khả ái trong thế gian là vô thường, là khổ đau, là vô ngã, là căn bệnh, là đáng sợ: thì họ đang dẹp bỏ dục-vọng ... họ được giải thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cái ly bằng đồng thau đang đựng thức uống màu sắc, mùi hương, và mùi vị bắt mắt, thơm, ngon nhưng có trộn thuốc độc ... [*như ví dụ trên cho đến:*] ... nhưng uống nó rồi anh sẽ bị chết hoặc đau khổ như chết.’ Rồi người đó nghĩ rằng: ‘Ta có thể giải cơn khát bằng nước, nước sữa, cháo, hay nước xúp, nhưng ta không nên uống loại thức uống này, bởi vì nếu uống nó sẽ dẫn tới sự nguy hại và đau khổ dài lâu.’ Sau khi suy xét như vậy, người đó không uống thứ nước đó mà từ chối nó, và nhờ vậy anh ta không bị chết hoặc đau khổ như chết.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *quá khứ đã ... trong tương lai sẽ ... trong hiện tại đang* coi những

thứ có bản chất khoái lạc và khả ái trong thế gian là ‘vô thường, là khổ đau, là vô ngã, là căn bệnh, là đáng sợ’: thì họ *đã ... sẽ ... đang* dẹp bỏ dục-vọng. Khi dẹp bỏ dục-vọng ... họ được thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.”¹⁹²

(SN 12:66)

67 (7) *Bó Cây Sậy*

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Câu-hi-la (Mahākotṭhita) đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai, ở vùng Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ thế).¹⁹³ Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Câu-hi-la ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất:

(I) “Là sao, đạo hữu Xá-lợi-phất: Có phải sự già-chết là do chính mình tạo ra, hay do người khác gây ra, hay do cả mình và người khác gây ra, hay nó phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra?”

(1) “Này đạo hữu Câu-hi-la, sự già-chết không phải do mình tạo ra, cũng không phải do người khác gây ra, cũng không phải do mình và người khác gây ra, cũng không phải nó phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không do mình hay người khác gây ra.¹⁹⁴ Nhưng, thay vì vậy: ‘*Do có sự sinh-ra* (sinh) là điều-kiện, nên có sự già-chết (lão tử)’.” (có sinh ra thì có già-chết)

(2)–(9) “Là sao, này đạo hữu Xá-lợi-phất: Có phải sự sinh-ra (sinh) là do chính mình tạo ra ... Có phải sự hiện-hữu (hữu) ... sự chấp-thủ (thủ) ... dục-vọng (ái) ... cảm-giác (thọ) ... sự tiếp-xúc (xúc) ... sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) ... danh-sắc (danh sắc) là do chính mình tạo ra, hay do người khác gây ra, hay do mình và người khác gây ra, hay nó phát sinh một cách tự nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra?”

“Này đạo hữu Câu-hi-la, sự sinh-ra (sinh) ... danh-sắc (danh sắc) không phải do mình tạo ra, cũng không phải do người khác gây ra, cũng không phải do mình và người khác gây ra, cũng không phải nó phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không do mình và người khác gây ra; nhưng, thay vì vậy: ‘Do có thức (thức) là điều-kiện, nên có danh-sắc (danh sắc).’”

“Là sao, này đạo hữu Xá-lợi-phát: Có phải thức là do chính mình tạo ra, hay do người khác gây ra, hay do mình và người khác gây ra, hay nó phát sinh một cách tự nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra?”

“Này đạo hữu Câu-hi-la, thức không phải do chính mình tạo ra, cũng không phải do người khác gây ra, cũng không phải do mình và người khác gây ra, cũng không phải nó phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không do mình và người khác gây ra; nhưng, thay vì vậy: ‘Do có danh-sắc (danh sắc) là điều-kiện, nên có thức (thức)’” ¹⁹⁵

“Bây giờ chúng tôi hiểu lời tuyên thuyết của thầy Xá-lợi-phát như vậy: ‘Này đạo hữu Câu-hi-la, danh-sắc không phải do chính mình tạo ra ... nhưng thay vì vậy: ‘Do có thức là điều-kiện, nên có danh-sắc’. Giờ chúng tôi cũng hiểu lời tuyên thuyết [thêm] của thầy Xá-lợi-phát như vậy: ‘Này đạo hữu Câu-hi-la, thức không phải do chính mình tạo ra ... nhưng thay vì vậy: ‘Do có danh-sắc là điều-kiện, nên có thức.’ Nhưng, này đạo hữu Xá-lợi-phát, theo cách nào để nhìn thấy được ý nghĩa của lời tuyên thuyết này?”

(i) “Được, này đạo hữu, tôi sẽ làm một ví dụ cho thầy, bởi những người thông minh ở đây đều hiểu được ý nghĩa của một lời tuyên thuyết nhờ có ví dụ. Ví dụ có hai bó cây sậy có thể đứng dựa vào nhau (tương hỗ); cũng giống như vậy: Do có danh-sắc là điều-kiện (duyên), nên có thức; do có thức là điều-kiện, nên có danh-sắc. Rồi, do có danh-sắc là điều-kiện, nên có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc (xúc) ... Đó là *nguồn-gốc* (chiều khởi sinh) của toàn bộ đồng khổ này.

(ii) “Này đạo hữu, nếu có người lấy đi một bó sậy, thì bó thứ hai sẽ ngã, và nếu có người lấy đi bó sậy kia, thì bó sậy này cũng ngã. Cũng giống như vậy: Khi chấm dứt danh-sắc (danh sắc diệt) thì chấm dứt thức (thức diệt); khi chấm dứt thức (thức diệt) thì chấm dứt danh-sắc (danh sắc diệt). Khi chấm dứt danh-sắc thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ diệt); khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận là chấm dứt sự tiếp-xúc (xúc diệt); khi chấm dứt sự tiếp-xúc là chấm dứt cảm-giác (thọ diệt); khi chấm dứt cảm-giác là chấm dứt dục-vọng (ái diệt) ... Đó là sự *chấm-dứt* (chiều hoàn diệt) của toàn bộ đồng khổ này.”

(II) “Thật kỳ diệu, đạo hữu Xá-lợi-phất! Thật tuyệt vời, đạo hữu Xá-lợi-phất! Nguyên lý này đã được tuyên thuyết một cách thật hay khéo bởi thầy Xá-lợi-phất. Chúng tôi vui mừng với lời tuyên thuyết của thầy Xá-lợi-phất về ba mươi sáu nền tảng này như vậy.¹⁹⁶

(1) “Này đạo hữu, **(i)** nếu một Tỳ kheo *chỉ dạy* Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *sự già-chết*, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo, là người thuyết giảng Giáo Pháp. **(ii)** Nếu ai đang *tu tập* vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *sự già-chết*, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp (học nhân). **(iii)** Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với *sự già-chết*, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người tu được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt), thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này (vô-học nhân, A-la-hán).”

(2)–(12). “Này đạo hữu, **(i)** nếu một Tỳ kheo *chỉ dạy* Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *sự sinh-ra* (sinh) ... *sự hiện-hữu* (hữu) ... *sự chấp-thủ* (thủ) ... *dục-vọng* (ái) ... *cảm-giác* (thọ) ... *sự tiếp-xúc* (xúc) ... *sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ) ... *danh-sắc* (danh sắc) ... *thức* (thức) ... *những sự tạo-tác* (hành) ... *vô-minh* (vô minh), để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của *vô-minh* (vô minh), thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo, là người thuyết giảng Giáo Pháp. **(ii)** Nếu ai đang *tu tập* vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *sự sinh-ra* (sinh) ... *vô-minh* (vô

minh), để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của *vô-minh* (vô minh), thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập theo đúng Giáo Pháp. (iii) Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với *sự sinh-ra* (sinh) ... *vô-minh* (vô minh), để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của *vô-minh* (vô minh), người tu được giải thoát nhờ sự không còn chấp-thủ, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.”

(SN 12:67)

68 (8) *Kosambī*

Trong một lần Ngài Musīla, Ngài Savitṭha, Ngài Nārada, và Ngài Ānanda đang sống ở thị trấn Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita (Ghositarama).¹⁹⁷

Lúc đó thầy Savitṭha đã nói với thầy Musīla:

(I) “Này đạo hữu Musīla, (i) không phải do (dựa vào) niềm-tin, (ii) không phải do sự chấp-thuận, (iii) không phải do truyền thống truyền miệng, (iv) không phải do sự nhận-biết từ lý-giải, (v) không phải do sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy xét kỹ nó.¹⁹⁸ liệu thầy Musīla có sự tự-biết của mình như vậy: ‘Do có sinh là điều-kiện, nên có sự già-chết’, hay không?”

(1) “Này đạo hữu Savitṭha, (i) không phải do niềm-tin, (ii) không phải do sự chấp-thuận, (iii) không phải do truyền thống truyền miệng, (iv) không phải do sự nhận-biết từ lý-giải, (v) không phải do sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy xét kỹ nó: tôi tự-biết điều này, tôi tự-thấy điều này: ‘Do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có sự già-chết’.”

(2)–(12) “Này đạo hữu Musīla, (i) không phải do niềm-tin ... (v) không phải do sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy xét kỹ nó, liệu thầy Musīla có sự tự-biết của mình như vậy: ‘Do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra’? ... ‘Do có vô-minh là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác’, hay không?”

“Này đạo hữu Savitṭha, (i) không phải do niềm-tin ... (v) không phải do sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy xét kỹ nó, tôi tự-biết điều này, tôi tự-thấy điều này: ‘Do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra’ ... ‘Do có vô-minh là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác’.”

(II) “Này đạo hữu Musīla, (i) không phải do niềm-tin ... (v) không phải do sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy xét kỹ nó, liệu thầy Musīla có sự tự-biết của mình như vậy: ‘Khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt sự già-chết’? ... ‘Khi chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác’, hay không?”

“Này đạo hữu Savitṭha, (i) không phải do niềm-tin ... (v) không phải do sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy xét kỹ nó, tôi tự-biết điều này, tôi tự-thấy điều này: ‘Khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt sự già-chết’ ... ‘Khi chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác’.”

(III) “Này đạo hữu Musīla, (i) không phải do niềm-tin ... (v) không phải do sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy xét kỹ nó, liệu thầy Musīla có sự tự-biết của mình như vậy: ‘Niết-bàn là sự chấm dứt hiện-hữu’, hay không?”¹⁹⁹

“Này đạo hữu Savitṭha, (i) không phải do niềm-tin ... (v) không phải do sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy xét kỹ nó, tôi tự-biết điều này, tôi tự-thấy điều này: ‘Niết-bàn là sự chấm dứt hiện-hữu’.”

“Như vậy thầy Musīla là một A-la-hán, người đã diệt sạch những ô-nhiễm của mình.”

Khi điều này được nói ra, thầy Musīla chỉ im lặng.²⁰⁰

Rồi thầy Nārada nói với thầy Savitṭha: “Này đạo hữu Savitṭha, sẽ thật sự tốt lành nếu tôi cũng được hỏi một loạt câu hỏi đó. Hãy hỏi tôi loạt câu hỏi đó, tôi sẽ trả lời cho thầy.”²⁰¹

“Vậy thì tôi để thầy Nārada nhận trả lời loạt câu hỏi đó. Tôi sẽ hỏi thầy Nārada loạt câu hỏi đó, để thầy trả lời cho tôi.”

[Rồi thầy Savit̥ṭha hỏi thầy Nārada loạt câu hỏi như đã hỏi thầy Musīla; và thầy Nārada cũng trả lời giống hệt như thầy Musīla, như ở trên.]

“Như vậy thầy Nārada là một A-la-hán, người đã diệt sạch những ô-nhiễm của mình.”

“Này đạo hữu, tôi đã rõ ràng nhìn thấy điều này đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Niết-bàn là sự chấm dứt hiện-hữu’, (nhưng) tôi chưa phải là một A-la-hán—người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm của mình.²⁰² Này đạo hữu, ví dụ có một cái giếng nằm trên đường giữa sa mạc, nhưng không có một dây thừng hay gàu múc nước. Rồi có một người đến đó, đang bị cháy khô và kiệt sức bởi trời nóng, mệt đuối, khô héo, và khát nước. Người đó nhìn xuống giếng và anh ta có sự-biết ‘Đây là nước’, nhưng anh ta không/chưa thể nào chạm tới nước được.²⁰³ Cũng giống như vậy, này đạo hữu, mặc dù tôi đã rõ ràng nhìn thấy điều này đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Niết-bàn là sự chấm dứt hiện-hữu’, nhưng tôi chưa phải là một A-la-hán—người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm.”²⁰⁴

Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda mới hỏi thầy Savit̥ṭha: “Này đạo hữu Savit̥ṭha, sau khi thầy Nārada mới nói ra như vậy, thầy có muốn nói gì về thầy ấy nữa không?”

“Này đạo hữu Ānanda, sau khi thầy Nārada nói ra như vậy, tôi không muốn nói điều gì về thầy ấy nữa, ngoài sự tốt lành và thuận lợi (cho thầy ấy).”²⁰⁵

(SN 12:68)

69 (9) Sự Dâng Trào

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatt̥hī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói:

“Này các Tỳ kheo, biển dâng nước làm cho các sông dâng nước; các sông dâng nước làm cho các suối dâng nước; các suối dâng nước làm cho các hồ dâng nước; các hồ lớn dâng nước làm cho các hồ nhỏ dâng nước. Cũng giống như vậy, *vô-minh* (vô minh) khởi lên làm cho những *sự tạo-tác khởi* (hành) khởi lên; những *sự tạo-tác khởi* lên làm cho thức (thức) khởi lên; thức khởi lên làm cho danh-sắc (danh sắc) khởi lên; danh-sắc khởi lên làm cho sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) khởi lên; sáu cơ-sở cảm nhận khởi lên làm cho cảm-giác (thọ) khởi lên; cảm-giác khởi lên làm cho dục-vọng (ái) khởi lên; dục-vọng khởi lên làm cho sự chấp-thủ (thủ) khởi lên; sự chấp-thủ làm cho sự hiện-hữu (hữu) khởi lên; sự hiện-hữu khởi lên làm cho sự sinh-ra (sinh) khởi lên; sự sinh-ra khởi lên làm cho sự già-chết (lão tử) khởi lên.

“Này các Tỳ kheo, biển xuống nước làm cho các sông xuống nước; các sông xuống nước làm cho các suối xuống nước; các suối xuống nước làm cho các hồ xuống nước; các hồ lớn xuống nước làm cho các hồ nhỏ xuống nước. Cũng giống như vậy, *vô-minh* lặn xuống (vô minh diệt) làm cho những *sự tạo-tác lặn xuống* (hành diệt); những *sự tạo-tác lặn xuống* làm cho thức lặn xuống (thức diệt) ... sự sinh-ra lặn xuống (sinh diệt) làm cho sự già-chết (lão tử diệt) lặn xuống.”

(SN 12:69)

70 (10) *Susīma*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn.

[1]

Bấy giờ, vào dịp đó đức Thế Tôn được vinh danh, được tôn trọng, được kính trọng, được kính lễ, và được tôn kính, và đức Thế Tôn có được y phục, thức ăn khát thực, chỗ ở, và thuốc thang. Tăng Đoàn các Tỳ kheo cũng được vinh danh, được tôn trọng, được kính trọng, được kính lễ, và

được tôn kính, và các Tỷ kheo cũng có được y phục, thức ăn khát thực, chỗ ở, và thuốc thang. Nhưng những du sĩ giáo các phái khác thì không được vinh danh, tôn trọng, kính trọng, kính lễ, và tôn kính, và họ cũng không có được y phục, thức ăn khát thực, chỗ ở, và thuốc thang.

Bấy giờ, lúc đó có du sĩ tên Susīma cũng đang trú ngụ ở Rājagaha cùng với một đoàn nhiều du sĩ. Lúc đó đoàn du sĩ của Susīma đã nói anh ta rằng: “Này, đạo hữu Susīma, hãy đến sống đời sống tâm linh (đến tu) theo sa-môn Cồ-đàm (tức: hãy gia nhập Tăng đoàn để tu học theo Cồ-đàm). Hãy nắm vững Giáo Pháp của vị ấy và về dạy lại cho chúng tôi. Rồi chúng ta sẽ nắm vững Giáo Pháp của ông ta và chỉ dạy lại cho những người tại gia. Và nhờ đó chúng ta cũng sẽ được (người tại gia) vinh danh, tôn trọng, kính trọng, kính lễ, và tôn kính, và chúng ta cũng có được y phục, thức ăn khát thực, chỗ ở, và thuốc thang.”

“Được rồi, này các đạo hữu”, du sĩ Susīma đáp lại. Rồi ông đến gặp Ngài Ānanda, và chào hỏi với thầy ấy. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với thầy Ānanda: “Thiện hữu Ānanda, tôi muốn đến sống đời sống tâm linh (tức: xin đến tu) theo Giáo Pháp và Giới Luật ở đây.”

Rồi thầy Ānanda đã dẫn du sĩ Susīma đến gặp đức Thế Tôn. Thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, vị du sĩ Susīma này nói rằng vị ấy muốn sống đời sống tâm linh theo Giáo Pháp và Giới Luật ở đây.”

“Được rồi, Ānanda, hãy cho phép người đó xuất gia.” Rồi du sĩ Susīma đã thụ giới xuất gia (thành sa-di) và thụ toàn-bộ giới (cụ túc giới, đại thọ giới, thành Tỷ kheo) dưới đức Thế Tôn²⁰⁶ (mà không cần qua thời gian tập sự).

[ii]

Bấy giờ, vào dịp sau đó, có một số Tỷ kheo đã tuyên bố trí-biết cuối cùng (quả A-la-hán) của mình trước mặt đức Thế Tôn, họ nói: “Chúng con hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì

cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.” Thầy Susīma đã nghe được sự việc này, nên thầy ấy đã đến gặp các Tỷ kheo đó, chào hỏi với họ, và ngồi xuống một bên, và nói với họ:

“Có thật quý vị đã tuyên bố trí-biết cuối cùng trước mặt đức Thế Tôn, rằng: ‘Chúng con hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’, hay không?’”²⁰⁷

“Đúng vậy, này đạo hữu.”

(i) “Vậy, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có thể: sử dụng nhiều loại thần-thông khác nhau (*thần thông biến hóa*), chẳng hạn như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; quý vị hiện hình và biến hình; quý vị đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi trên chân; người đó dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’, hay không?”

“Không, thưa đạo hữu.”

(ii) “Vậy, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có thể: bằng yếu tố tai thiên-thánh (*thiên nhĩ thông*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh ở cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần, hay không?”

“Không, thưa đạo hữu.”

(iii) “Vậy, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có thể: hiểu được các tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ (*tha tâm thông*), hay không? Quý vị có hiểu được một tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng

là bị xao lãng; một tâm bao la [được khuếch đại, phóng đại, cao rộng, cao vợi] là bao la, và tâm không bao la là không bao la; một tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất, chưa vô thượng) là còn có thể vượt trên, và một tâm không thể vượt trên (cao nhất, vô thượng) là không thể vượt trên; một tâm đạt định là đạt định, và một tâm không đạt định là không đạt định; một tâm được giải thoát là được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là chưa được giải thoát’, hay không?”.

“Không, thưa đạo hữu.”

(iv) “Vậy, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có thể: *nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình (túc mạng minh)*; đó là: một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (quý vị nhớ rõ) ‘Một lúc đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, vóc diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, vóc diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.’, hay không? Quý vị có nhớ lại những kiếp quá khứ của mình với những cách thức và chi tiết của chúng, hay không?”

“Không, thưa đạo hữu.”

(v) “Vậy, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có thể: với mắt thiên-thánh (*thiên nhãn minh*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, *nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra*, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và quý vị đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy: ‘Những chúng sinh này hành xử với thân, lời nói và tâm ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người

chấp thủ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa khổ đau, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời nói và tâm ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’ Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, quý vị đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và quý vị đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những hành động của mình như vậy.’, hay không?”

“Không, thưa đạo hữu.”

(vi) “Vây, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có an trú trong những sự giải-thoát bình an vượt trên sắc giới, đó là những tầng chứng đắc vô-sắc giới, sau khi đã tiếp xúc chúng bằng thân này?”²⁰⁸

“Không, thưa đạo hữu.”

“Này quý vị, ở đây: (a) với sự trả-lời như vậy và (b) sự không-chứng-đắc những trạng thái đó, sao lại có thể là như vậy, này các đạo hữu?” (tức sao lại có thể tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy)²⁰⁹

“Chúng tôi được giải-thoát nhờ trí-tuệ, này đạo hữu Susīma.”²¹⁰

“Này các đạo hữu, tôi không hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa của điều quý vị vừa nói ra một cách vắn tắt như vậy. Sẽ tốt lành nếu quý vị giải thích cho tôi theo cách để tôi có thể hiểu rõ một cách chi tiết ý nghĩa của điều quý vị vừa nói ra một cách vắn tắt đó.”

“Này đạo hữu Susīma, dù thầy có hiểu hay không, chúng tôi được giải-thoát nhờ trí-tuệ.”

Rồi thầy Susīma đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp, thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại toàn bộ cuộc nói chuyện của thầy ấy với các vị Tỳ kheo. [Đức Thế Tôn nói rằng:]

“Này Susīma, trước tiên *trí-biết về tính chắc-chắn* (ổn định, không thể sai khác) của *Giáo Pháp* có trước, sau đó mới tới *trí-biết về Niết-bàn*.”²¹¹

“Thưa Thế Tôn, con không hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa của điều Thế Tôn vừa nói ra một cách vắn tắt. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn giải thích cho con theo cách để con có thể hiểu một cách chi tiết điều Thế Tôn vừa nói ra một cách vắn tắt đó.”

“Này Susīma, dù thầy có hiểu hay không, trước tiên *trí-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp* có trước, sau đó mới tới *trí-biết về Niết-bàn*.”²¹²

“Này Susīma, thầy nghĩ sao, sắc-thân (sắc) là thường hằng hay vô thường?”²¹³ – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Là khổ, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có nên được coi: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã’ của ta’”, hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Cảm-giác (thọ) là thường hằng hay vô thường? ... Nhận-thức (tưởng) là thường hằng hay vô thường? ... Những sự tạo-tác (hành) là thường hằng hay vô thường? ... Thức (thức) là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Là khổ, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có nên được coi: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã’ của ta’, hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Do vậy, này Susīma, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—tất cả mọi sắc-thân nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: “Đây là không phải ‘của-ta’, đây là không phải cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã’ của ta’.”

“Mọi cảm-giác dù là loại gì ... Mọi nhận-thức dù là loại gì ... Những sự tạo-tác dù là loại gì ... Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— tất cả thức nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: “Đây là không phải ‘của-ta’, đây là không phải cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã’ của ta’.”

“Này Susīma, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải-thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

“Này Susīma, thầy có nhìn thấy rằng: ‘Do có *sự sinh-ra* (sinh) là điều-kiện, nên có *sự già-chết* (lão tử)’, hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Này Susīma, thầy có nhìn thấy: ‘Do có *sự hiện-hữu* (hữu) là điều-kiện, nên có *sự sinh-ra*’ ... ‘Do có *sự chấp-thủ* (thủ) là điều-kiện, nên có *sự hiện-hữu*’ ... ‘Do có *dục-vọng* (ái) là điều-kiện, nên có *sự chấp-thủ* ... ‘Do có *cảm-giác* (thọ) là điều-kiện, nên có *dục-vọng*’ ... ‘Do có *sự tiếp-xúc* (xúc) là điều-kiện, nên có *cảm-giác*’ ... ‘Do có *sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ) là điều-kiện, nên có *sự tiếp-xúc*’ ... ‘Do có *danh-sắc* (danh sắc) là điều-kiện, nên có *sáu cơ-sở cảm nhận*’ ... ‘Do có *thức* (thức) là điều-kiện, nên có *danh-sắc*’ ... ‘Do có *những sự tạo-tác* (hành) là điều-kiện, nên có *thức*’ ... ‘Do có *vô-minh* (vô minh) là điều-kiện, nên có *những sự tạo-tác*’, hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Này Susīma, thầy có nhìn thấy: ‘Khi chấm dứt *sự sinh-ra* (sinh diệt) thì chấm dứt *sự già-chết* (lão tử diệt)’, hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Này Susīma, thầy có nhìn thấy: ‘Khi chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt) thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt)’ ... ‘Khi chấm dứt sự chấp-thủ (thủ diệt) thì chấm dứt sự hiện-hữu’ ... ‘Khi chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì chấm dứt những sự tạo-tác (hành diệt)’, hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

(i) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có thể [chúng đắc được và] dùng nhiều loại thần-thông khác nhau như (*thần thông biến hóa*) biến một thân thành nhiều thân ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’, hay không?”²¹⁴ (vì các thần-thông thì chỉ được chứng đắc thông qua thiên-định)

“Không, thưa Thế Tôn.”

(ii) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có thể: với yếu tố tai thiên thánh (*thiên nhĩ thông*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(iii) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có thể: hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ (*tha tâm thông*), hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(iv) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có thể: nhớ lại nhiều kiếp quá khứ với những cách thức và chi tiết của chúng (*túc mạng minh*), hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(v) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có thể: với mắt thiên thánh (*thiên nhãn minh*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người,

nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, và nhìn thấy cách những chúng sinh trả giá theo nghiệp của mình, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(vi) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có an trú trong những sự giải-thoát bình an vượt trên sắc giới, là những tầng chúng đắc vô-sắc giới, sau khi đã tiếp xúc chúng bằng thân này, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Này Susīma, ở đây: (a) với sự trả-lời như vậy và (b) sự không-chứng-đắc những trạng thái đó, sao lại có thể là như vậy, này Susīma?” (tức sao lại không thể tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy)

[iv]

... Rồi thầy Susīma đã quỳ xuống với đầu dưới chân đức Thế Tôn và nói:

“Thưa Thế Tôn, con đã vi phạm một tội—thật ngu ngốc, ngu mờ, và sai bậy—khi con đã (giả) xuất gia để thành một kẻ trộm Giáo Pháp trong ‘Giáo Pháp và Giới Luật’ được giảng bày thật hay khéo như vậy. Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn tha thứ cho tội này của con đã được nhìn thấy là một tội, coi đó là điều để con giữ giới sau này.”

“Này Susīma, thầy đã vi phạm một tội—thật ngu ngốc, ngu mờ, và sai bậy—khi thầy đã (giả) xuất gia để thành kẻ trộm Giáo Pháp trong ‘Giáo Pháp và Giới Luật’ được giảng bày hay khéo như vậy.²¹⁵ Này Susīma, ví dụ người ta bắt một kẻ cướp, một tên tội phạm, và dẫn người đó tới trước nhà vua, và thưa rằng: ‘Thưa bệ hạ, người này là một kẻ cướp, một tên tội phạm. Xin hãy định hình phạt hấn ta theo ý của bệ hạ.’ Nhà vua nói với họ: ‘Các người, cứ làm đi, trói tay kẻ này sau lưng, cạo đầu hấn, và dẫn hấn đi khắp phố phường, khắp quảng trường, đánh trống lên (cho mọi người tới coi). Rồi lôi hấn qua cửa thành phía nam, ra ngoài phía nam kinh thành, và chặt đầu hấn.’ Thầy nghĩ sao, này Susīma, người đó sẽ ném trái sự đau khổ và ưu khổ vì bị chặt đầu, hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Cho dù người đó có nếm trải sự đau khổ và ưu khổ vì bị chặt đầu, nhưng cái việc (giả) xuất gia để thành kẻ trộm Giáo Pháp trong ‘Giáo Pháp và Giới Luật’ được giảng bày hay khéo như vậy còn tạo ra hậu quả đau đớn hơn, cay đắng hơn nhiều và rất nhiều, nó dẫn tới địa ngục. Nhưng vì thầy đã nhìn thấy tội của mình là một tội và muốn tu sửa theo đúng Giáo Pháp, chúng ta tha thứ cho thầy vì điều này. Vì điều đó (cho thấy) là có sự tăng trưởng trong Giới Luật của Thánh Nhân (tức: Giới luật Tỳ kheo) khi người tu biết nhìn thấy tội của mình là tội, biết tu sửa nó theo đúng Giáo Pháp, và đảm nhận sự giữ giới trong tương lai.”

(SN 12:70)

NHÓM 8

‘NHÓM CÁC TU SĨ & BÀ-LA-MÔN’

(*Samaṇabrāhmaṇa-vagga*)

71 (1) *Sự Già-Chết*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói:

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ (sa-môn) hay bà-la-môn nào không hiểu được *sự già-chết*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó: những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó trong kiếp này, do không tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự-biết trực tiếp, cho nên không chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn.

Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào hiểu được *sự già-chết*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó: những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 12:71)

72 (2) — 81 (11) *Sự Sinh ...*

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được *sự sinh-ra* (sinh) ... *sự hiện-hữu* (hữu) ... *sự chấp-thủ* (thủ) ... *đục-vọng* (ái) ... *cảm-giác* (thọ) ... *sự tiếp-xúc* (xúc) ... *sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ)? ... *danh-sắc* (danh sắc) ... *thức* (thức) ... *những sự tạo-tác* (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt

chúng: những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó trong kiếp này, do không tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự-biết trực tiếp, cho nên không chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn.

Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào hiểu được *sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự chấp-thủ ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu cơ-sở cảm nhận ... danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác*, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng: những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó, trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 12:72—81)

NHÓM 9

‘NHÓM GỘP LẠI & TÓM LƯỢC’

(*Antara-peyyāla-vagga*)²¹⁶

82 (1) Một Vị Thầy

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ai không biết và thấy *sự già-chết*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, đúng như nó thực là, thì người đó *nên tìm kiếm một vị thầy* (tức: Đức Phật, hay một thánh tăng, một sư thầy) để biết điều đó đúng như nó thực là.²¹⁷

“Này các Tỳ kheo, ai không biết và thấy *sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự chấp-thủ ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu cơ-sở cảm nhận ... danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác*, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng, đúng như nó thực là, thì người đó nên tìm kiếm một vị thầy để biết điều đó đúng như nó thực là.”

(SN 12:82)

83 (2) Sự Tu Học

“Này các Tỳ kheo, ai không biết và thấy *sự già-chết ... những sự tạo-tác* (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng, đúng như nó thực là, thì người đó *nên thực hành sự tu-học* để mà biết điều đó đúng như nó thực là.”

(SN 12:83)

84 (3) — 93 (12) Sự Cố Gắng ...

“Này các Tỳ kheo, ai không biết và thấy *sự già-chết ... những sự tạo-tác* (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường

dẫn tới sự chấm-dứt chúng, đúng như chúng thực là, thì người đó nên tạo sự cố-gắng ... nên phát khởi mong-muốn ... phát khởi sự nhiệt-thành ... nên (tu tập) không ngại ngớt (miên mật) ... nên phát khởi sự nhiệt-tâm ... nên áp dụng sự nỗ-lực tu (tinh tấn) ... nên thực hành sự kiên-trì ... nên thực hành sự tâm-niệm đúng đắn (chánh-niệm) ... nên thực hành sự rõ-biết (tỉnh giác) ... nên thực hành sự chuyên-chú để biết điều đó đúng thực như nó là.”

(SN 12:84–93)

Chương 13

Liên Kết SỰ ĐỘT-PHÁ

(13 Abhisamaya-samyutta)

(13 Tương ứng Chứng-Ngộ)

1 Móng Tay

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó đức Thế Tôn khươi ra một chút đất trong móng tay và nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: chút đất ta mới khươi ra trong móng tay của ta hay đại địa cầu này?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu thì nhiều hơn. Chút đất đức Thế Tôn mới khươi ra trong móng tay chỉ là nhỏ nhặt (chút vạt, chẳng là gì). Nó không bằng được một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đại địa cầu.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một thánh đệ tử, là một người thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) đã làm nên sự đột-phá [= chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu], thì sự khổ đau đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn, trong khi sự khổ đau còn lại chỉ là nhỏ nhặt.²¹⁸ Cái sau không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đống khổ trước-khi nó được tiêu diệt và loại bỏ, vì chỉ còn khổ tối đa trong bảy kiếp nữa thôi. Này các Tỳ kheo, sự đột-phá tới Giáo Pháp (tức: Nhập-lưu) mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp (tức: Nhập-lưu) mang lại ích lợi thật lớn lao như vậy.”²¹⁹

(SN 13:01)

2 Hồ Nước

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một hồ nước dài năm mươi dặm Ấn (*yojana*, do-tuần), rộng năm mươi dặm Ấn, và sâu năm mươi dặm Ấn, có đầy nước, nước tràn bờ đến mức con quạ có thể uống nước từ (mép, bờ) hồ, và có một người dùng đầu lá cỏ *kusa* để lấy nước lên. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: nước dính theo đầu lá cỏ hay nước trong hồ nước đó?”²²⁰

“Thưa Thế Tôn, nước trong hồ nước nhiều hơn. Nước dính theo đầu lá cỏ chỉ là nhỏ nhất. Nó không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của nước trong hồ nước.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một thánh đệ tử, là một người thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) đã làm nên sự đột-phá (= chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu), thì sự khổ đau đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn, trong khi sự khổ đau lại chỉ là nhỏ nhất ... sự đột-phá tới Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:02)

3 Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nơi ở đó các sông lớn gặp nhau và nhập lại—như, sông Hằng, Sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—một người lấy ở đó hai hoặc ba giọt nước. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: hai, ba giọt nước đó hay nước chỗ các sông hợp lưu?”

“Thưa Thế Tôn, nước ở chỗ các sông hợp lưu nhiều hơn. Hai, ba giọt nước được lấy lên chỉ là nhỏ nhất. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của nước ở chỗ các sông hợp lưu.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử ... sự đột-phá tới Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:03)

4 Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nơi ở đó các sông lớn gặp nhau và nhập lại—như, sông Hằng, Sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—giả sử nước của các sông bị tiêu tán và hết sạch, chỉ còn sót lại hai hay ba giọt. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái gì nhiều hơn: nước sông ở chỗ hợp lưu đã bị tiêu tán và hết sạch hay hai, ba giọt nước còn sót lại?”

“Thưa Thế Tôn, nước sông ở chỗ hợp lưu đã bị tiêu tán và hết sạch là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước còn sót lại chỉ là nhỏ nhất. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của số nước đã bị tiêu tán và hết sạch.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử ... sự đột-phá tới Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:04)

5 Trái Đất (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người đặt lên trên mặt đất bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu hay đại địa cầu này?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu này nhiều hơn. Bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu chỉ là nhỏ nhất. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đại địa cầu.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử ... sự đột-phá tới Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:05)

6 Trái Đất (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, giả sử đại địa cầu bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ hay bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu chỉ là nhỏ nhất. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử ... sự đột-phá tới Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:06)

7 Đại Dương (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người lấy lên hai hoặc ba giọt nước từ đại dương. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái gì là nhiều hơn: hai, ba giọt nước được lấy từ đại dương hay nước trong đại dương?”

“Thưa Thế Tôn, nước trong đại dương là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước được lấy từ đại dương chỉ là nhỏ nhất. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của nước trong đại dương.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử ... sự đột-phá tới Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:07)

8 Đại Dương (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, giả sử đại dương đã bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại hai hoặc ba giọt nước. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: nước trong đại dương hay hai, ba giọt nước còn sót lại đó?”

“Thưa Thế Tôn, nước trong đại dương đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước còn sót lại đó chỉ là nhỏ nhặt. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của nước trong đại dương bị tiêu diệt và loại bỏ.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử ... sự đột-phá tới Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:08)

9 Núi (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có người đặt lên dãy núi Himalaya (Hy-mã-lạp-son), vua của các dãy núi, bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải hay dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi?”

“Thưa Thế Tôn, dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải chỉ là nhỏ nhặt. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử ... sự đột-phá tới Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:09)

10 Núi (2)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, giả sử dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ hay bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải là nhiều hơn?”

“Thưa Thế Tôn, dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải còn sót lại chỉ là nhỏ nhất. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của phần dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một thánh đệ tử, là một người thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) đã làm nên sự đột-phá (= chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu), thì sự khổ đau đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn, trong khi sự khổ đau còn sót lại chỉ là nhỏ nhất. Cái sau không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đồng khổ trước-khi nó được tiêu diệt và loại bỏ, vì chỉ còn khổ tối đa trong bảy kiếp nữa thôi. Này các Tỳ kheo, sự đột-phá tới Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:10)

11 Núi (3)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có người đặt lên núi Tu-di (Sineru),²²¹ vua của các ngọn núi, bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh hay núi Tu-di, vua của các ngọn núi?”

“Thưa Thế Tôn, núi Tu-di, vua của các ngọn núi, là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh chỉ là nhỏ nhất. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của núi Tu-di, vua của các ngọn núi.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những sự thành-tựu của các tu sĩ khổ hạnh, những bà-la-môn, và các du sĩ của các giáo phái khác (ngoại đạo) không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của sự thành tựu một người thánh đệ tử, là một người thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) đã làm nên sự đột-phá (= chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu). Này các Tỳ kheo, thành-tựu của một người đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, trí-biết trực tiếp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”²²²

(SN 13:11)

Chương 14

Liên Kết CÁC YẾU-TỐ

(14 Dhātu-samyutta)

(14 Tương ứng Giới)

NHÓM 1

‘NHÓM SỰ ĐA-DẠNG’

(*Nānatta-vagga*)

1 (1) Nhiều Loại Yếu-Tố

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy [sự đa dạng] nhiều loại yếu-tố (thành tố, nhân tố, nguyên tố; giới). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”²²³

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu tố? Yếu tố mắt, yếu tố hình-sắc, yếu tố thức-mắt; yếu tố tai, yếu tố âm-thanh, yếu tố thức-tai; yếu tố mũi, yếu tố mùi-hương, yếu tố thức-mũi; yếu tố lưỡi, yếu tố mùi-vị, yếu tố thức-lưỡi; yếu tố thân, yếu tố đối-tượng chạm xúc, yếu tố thức-thân; yếu tố tâm, yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm, yếu tố thức-tâm. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.”²²⁴

(SN 14:01)

2 (2) Nhiều Loại Tiếp-Xúc

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào [sự đa dạng] nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc. Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu tố mắt, yếu tố tai, yếu tố mũi, yếu tố lưỡi, yếu tố thân, yếu tố tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc? Tùy thuộc vào yếu tố mắt nên khởi sinh sự tiếp-xúc mắt; tùy thuộc vào yếu tố tai nên khởi sinh sự tiếp-xúc tai; tùy thuộc vào yếu tố mũi nên khởi sinh sự tiếp-xúc mũi; tùy thuộc vào

yếu tố lưỡi nên khởi sinh sự tiếp-xúc lưỡi; tùy thuộc vào yếu tố thân nên khởi sinh sự tiếp-xúc thân; tùy thuộc vào yếu tố tâm nên khởi sinh sự tiếp-xúc tâm.²²⁵ Nay các Tỷ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc.”

(SN 14:02)

3 (3) *Không Tùy Thuộc Các Loại Tiếp-Xúc* (ngược lại thì không)

Ở Sāvattthī.

“Nay các Tỷ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc. (Nhưng, ngược lại) các loại yếu-tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc.

“Và, nay các Tỷ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu tố mắt ... yếu tố tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.

“Và, nay các Tỷ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; theo cách nào là (ngược lại) các loại yếu-tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc?

“Tùy thuộc vào mắt nên khởi sinh tiếp-xúc mắt; (nhưng, ngược lại) yếu-tố mắt không khởi sinh tùy thuộc vào tiếp-xúc mắt ... tùy thuộc vào tâm nên khởi sinh tiếp-xúc tâm; (nhưng, ngược lại) yếu tố tâm không khởi sinh tùy thuộc vào tiếp-xúc tâm.²²⁶ Nay các Tỷ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; (nhưng, ngược lại) các yếu-tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc.”

(SN 14:03)

4 (4) *Nhiều Loại Cảm-Giác (1)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu tố mắt ... yếu tố tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác? Tùy thuộc vào yếu tố mắt nên khởi sinh tiếp-xúc mắt; tùy thuộc vào tiếp-xúc mắt nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt.

Tùy thuộc vào yếu tố tai nên khởi sinh tiếp-xúc tai; tùy thuộc vào tiếp-xúc tai nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tai.

Tùy thuộc vào yếu tố mũi nên khởi sinh tiếp-xúc mũi; tùy thuộc vào tiếp-xúc mũi nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mũi.

Tùy thuộc vào yếu tố lưỡi nên khởi sinh tiếp-xúc lưỡi; tùy thuộc vào tiếp-xúc lưỡi nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc lưỡi.

Tùy thuộc vào yếu tố thân nên khởi sinh tiếp-xúc thân; tùy thuộc vào tiếp-xúc thân nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc thân.

Tùy thuộc vào yếu tố tâm nên khởi sinh tiếp-xúc tâm; tùy thuộc vào tiếp-xúc tâm nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác.”

(SN 14:04)

5 (5) Nhiều Loại Cảm-Giác (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác. (Nhưng, ngược lại) các loại tiếp-xúc không khởi sinh tùy thuộc vào các loại cảm-giác; các loại yếu-tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu tố mắt ... yếu tố tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác? Theo cách nào là (ngược lại) các loại tiếp-xúc không khởi sinh tùy thuộc vào các loại cảm-giác; các loại yếu-tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc?

“Tùy thuộc vào yếu tố mắt nên khởi sinh tiếp-xúc mắt; tùy thuộc vào tiếp-xúc mắt nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt; (nhưng, ngược lại) yếu tố mắt không khởi sinh tùy thuộc vào tiếp-xúc mắt ... Tùy thuộc vào yếu tố tâm nên khởi sinh tiếp-xúc tâm; tùy thuộc vào tiếp-xúc tâm nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm; (nhưng, ngược lại) yếu tố tâm không khởi sinh tùy thuộc vào tiếp-xúc tâm.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác. (Nhưng, ngược lại) các loại tiếp-xúc không khởi sinh tùy thuộc vào các loại cảm-giác; các loại yếu tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc.”

(SN 14:05)

[Năm Yếu Tố Bên Ngoài]

6 (6) Nhiều Loại Yếu-Tố Bên Ngoài

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy nhiều loại yếu-tố. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu tố? Yếu tố hình-sắc, yếu tố âm-thanh, yếu tố mùi-hương, yếu tố mùi-vị, yếu tố đối-tượng chạm xúc, yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm [sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp]. Này các Tỳ kheo, đây là nhiều loại yếu-tố.”

(SN 14:06)

7 (7) Nhiều Loại Nhận-Thức

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức; tùy thuộc vào nhiều loại nhận-thức nên khởi sinh nhiều loại ý-định; tùy thuộc vào nhiều loại ý-định nên khởi sinh nhiều loại tham-muốn; tùy thuộc vào nhiều loại tham-muốn nên khởi sinh nhiều loại đam-mê; tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-câu.

“Và, này các Tỳ kheo cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu tố hình-sắc ... yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-câu?

“Tùy thuộc vào yếu tố hình-sắc (sắc giới) nên khởi sinh nhận-thức về hình-sắc (sắc tướng); tùy thuộc vào nhận-thức về hình-sắc nên khởi sinh ý-định đối với hình-sắc (sắc tư-duy); tùy thuộc vào ý-định đối với hình-sắc nên khởi sinh tham-muốn đối với hình-sắc (sắc tham); tùy thuộc vào tham-muốn hình-sắc nên khởi sinh đam-mê hình-sắc (sắc nhiệt); tùy thuộc vào đam-mê hình-sắc nên khởi sinh sự tìm-câu hình-sắc (sắc cầu).²²⁷

“Tùy thuộc vào yếu tố âm-thanh (thanh giới) ... mùi hương (hương giới)

“Tùy thuộc vào yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm (pháp giới) nên khởi sinh nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tướng); tùy thuộc vào nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh ý-định đối với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tư duy); tùy thuộc vào ý-định đối với những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh tham-muốn đối với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tham); tùy thuộc vào tham-muốn những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh đam-mê những hiện-tượng thuộc tâm (pháp nhiệt); tùy thuộc vào đam-mê những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh sự tìm-câu những hiện-tượng thuộc tâm (pháp cầu).

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-câu.”

(SN 14:07)

8 (8) *Không Tùy Thuộc Các Loại Tìm-Câu ...* (ngược lại thì không)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... [*giống hết đoạn này trong kinh 14:07 kể trên*] ... tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-câu. (Nhưng, ngược lại) các loại đam-mê không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tìm-câu; các loại tham-muốn không khởi sinh tùy thuộc vào các loại đam-mê; các loại ý-định không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tham-muốn; các loại nhận-thức không khởi sinh tùy thuộc vào các loại ý-định; các loại yếu-tố đó không khởi sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức.²²⁸

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu tố hình-sắc ... yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-cầu? (Nhưng, ngược lại) các loại đam-mê không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tìm-cầu ... các loại yếu tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức?

“Tùy thuộc vào yếu tố hình-sắc (sắc giới) nên khởi sinh nhận-thức về hình-sắc (sắc tướng); [... tùy thuộc vào đam-mê hình-sắc nên khởi sinh tìm-cầu hình-sắc. (Nhưng, ngược lại) Đam-mê hình-sắc không khởi sinh tùy thuộc vào sự tìm-cầu hình-sắc; tham-muốn hình-sắc không khởi sinh tùy thuộc vào sự đam-mê hình-sắc; ý-định đối với hình-sắc không khởi sinh tùy thuộc vào sự tham-muốn đối với hình-sắc; sự nhận-thức về hình-sắc không khởi sinh tùy thuộc vào ý-định đối với hình-sắc; yếu tố hình-sắc không khởi sinh tùy thuộc vào sự nhận-thức về hình-sắc.]²²⁹ ...

“Tùy thuộc vào yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm (pháp giới) nên khởi sinh nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tướng); ... tùy thuộc vào đam-mê những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh tìm-cầu những hiện-tượng thuộc tâm (pháp cầu) ... (nhưng, ngược lại) ... yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm (pháp giới) không khởi sinh tùy thuộc vào nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tướng).

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-cầu. (Nhưng, ngược lại) các loại đam-mê không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tìm-cầu ... các loại yếu tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức.”

(SN 14:08)

9 (9) Nhiều Loại Tiếp-Xúc Bên Ngoài

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức; tùy thuộc vào nhiều loại nhận-thức nên khởi sinh nhiều loại ý-định; tùy thuộc vào nhiều loại ý-định nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác; tùy thuộc vào nhiều loại cảm-giác nên khởi sinh nhiều loại tham-muốn; tùy thuộc vào nhiều loại tham-muốn nên khởi sinh nhiều loại đam-mê; tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-câu; tùy thuộc vào nhiều loại tìm-câu nên khởi sinh nhiều loại sự đạt-được (đạt được những đối-tượng như hình-sắc, âm-thanh...).²³⁰

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu tố hình-sắc ... yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... tùy thuộc vào nhiều loại tìm-câu nên khởi sinh nhiều loại đạt-được?

“Tùy thuộc vào yếu tố hình-sắc (sắc giới) nên khởi sinh nhận-thức về hình-sắc; tùy thuộc vào nhận-thức về hình-sắc nên khởi sinh ý-định đối với hình-sắc; tùy thuộc vào ý-định đối với hình-sắc nên khởi sinh sự tiếp-xúc với hình-sắc; tùy thuộc vào tiếp-xúc với hình-sắc nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc với hình-sắc; tùy thuộc vào cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc với hình-sắc nên khởi sinh tham-muốn hình-sắc; tùy thuộc vào sự tham-muốn hình-sắc nên khởi sinh đam-mê hình-sắc; tùy thuộc vào sự đam-mê hình-sắc nên khởi sinh sự tìm-câu hình-sắc; tùy thuộc vào sự tìm-câu hình-sắc nên khởi sinh sự đạt-được hình-sắc.

“Tùy thuộc vào yếu-tố âm-thanh (thanh giới) ... mùi-hương (hương giới) ...

“Tùy thuộc vào yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm (pháp giới) nên khởi sinh sự nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm; tùy thuộc vào nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh ý-định đối với những hiện-tượng thuộc tâm ... sự tiếp-xúc với những hiện-tượng thuộc tâm ... cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc với những hiện-tượng thuộc

tâm ... tham-muôn những hiện-tượng thuộc tâm ... đam-mê những hiện-tượng thuộc tâm ... sự tìm-câu những hiện-tượng thuộc tâm; tùy thuộc vào sự tìm-câu những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh sự đạt-được những hiện-tượng thuộc tâm.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... tùy thuộc vào nhiều loại tìm-câu nên khởi sinh nhiều loại sự đạt-được.”

(SN 14:09)

10 (10) Nhiều Loại Tiếp-Xúc Bên Ngoài (2) (ngược lại thì không)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... [*giống hết đoạn này trong kinh 14:09 kể trên*] ... tùy thuộc vào nhiều loại tìm-câu nên khởi sinh nhiều loại sự đạt-được. (Nhưng, ngược lại) các loại tìm-câu không khởi sinh tùy thuộc vào các sự đạt-được; các loại đam-mê không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tìm-câu ... các loại yếu-tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu tố hình-sắc (sắc giới) ... yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm (pháp giới). Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... tùy thuộc vào nhiều loại tìm-câu nên khởi sinh nhiều loại sự đạt-được? Theo cách nào là (ngược lại) các loại tìm-câu không khởi sinh tùy thuộc vào các sự đạt-được ... các loại yếu-tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức?

“Tùy thuộc vào yếu tố hình-sắc (sắc giới) nên khởi sinh nhận-thức về hình-sắc (sắc tướng) ... tùy thuộc vào yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm (pháp giới) nên khởi sinh nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tướng) ... tùy thuộc vào sự tìm-câu những hiện-tượng thuộc tâm (pháp

câu) nên khởi sinh sự đạt-được những hiện-tượng thuộc tâm (pháp đắc). (Nhưng, ngược lại) sự tìm-câu những hiện-tượng thuộc tâm (pháp cầu) không khởi sinh tùy thuộc vào sự đạt-được những hiện-tượng thuộc tâm (pháp đắc); sự đam-mê những hiện-tượng thuộc tâm (pháp nhiệt) không khởi sinh tùy thuộc vào sự tìm-câu những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tầm-câu); sự tham-muốn những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tham) không khởi sinh tùy thuộc vào sự đam-mê những hiện-tượng thuộc tâm (pháp nhiệt); cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp xúc thọ) không khởi sinh tùy thuộc vào sự tham-muốn những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tham); sự tiếp-xúc với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp xúc) không khởi sinh tùy thuộc vào cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp xúc thọ); ý-định đối với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tư-duy) không khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp xúc); nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tưởng) không khởi sinh tùy thuộc vào ý-định đối với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tư-duy); yếu-tố những hiện-tượng thuộc tâm (pháp giới) không khởi sinh tùy thuộc vào sự nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tưởng).

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... tùy thuộc vào nhiều loại tìm-câu nên khởi sinh nhiều loại sự đạt-được; (nhưng, ngược lại) các loại tìm-câu không khởi sinh tùy thuộc vào các sự đạt-được ... các loại yếu-tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức.”

(SN 14:10)

NHÓM 2

‘NHÓM THỨ HAI’

(*Dutiya-vagga*)

[Bảy Yếu-Tố]

11 (1) *Bảy Yếu-Tố*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bảy yếu-tố (giới). Bảy đó là gì? Yếu tố ánh-sáng, yếu tố đẹp, yếu tố không vô biên xứ, yếu tố thức vô biên xứ, yếu tố vô sở hữu xứ, yếu tố phi tướng phi phi tướng xứ, yếu tố diệt thọ tướng. Đây là bảy yếu-tố.”²³¹

Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, như đối với yếu tố ánh-sáng ... yếu tố diệt thọ tướng: tùy thuộc vào cái gì để các yếu tố này được nhận thấy (được phân biệt, được nhận biết)?”

“Này Tỳ kheo, yếu tố ‘ánh sáng’ được nhận thấy tùy thuộc vào sự ‘tối’. Yếu tố ‘đẹp’ (tịnh) được nhận thấy tùy thuộc vào sự ‘ô-úế’ (bất tịnh). Yếu tố ‘không vô biên xứ’ được nhận thấy tùy thuộc vào thể sắc (vật chất, sắc giới). Yếu tố ‘thức vô biên xứ’ được nhận thấy tùy thuộc vào ‘không vô biên xứ’. Yếu tố ‘vô sở hữu xứ’ được nhận thấy tùy thuộc vào ‘thức vô biên xứ’. Yếu tố ‘phi tướng phi phi tướng xứ’ được nhận thấy tùy thuộc vào ‘vô sở hữu xứ’. Yếu tố ‘diệt thọ tướng’ được nhận thấy tùy thuộc vào ‘sự chấm-dứt’.”²³²

“Nhưng, thưa Thế Tôn, như đối với yếu tố ánh-sáng ... yếu tố diệt thọ tướng: làm cách nào để đạt tới sự chứng ngộ những yếu tố (cảnh giới) đó?”

“Yếu tố ánh-sáng, yếu tố đẹp, yếu tố ‘không vô biên xứ’, yếu tố ‘thức vô biên xứ’, yếu tố ‘vô sở hữu xứ’: những yếu tố (cảnh giới) này được chứng ngộ với sự nhận-thức (vẫn còn nhận-thức). Yếu tố ‘phi tướng phi

phi tướng xứ’: yếu tố này được chứng đặc với sự tàn dư là những sự tạo-tác (vẫn còn các hành vi tế).²³³ Yếu tố ‘diệt thọ tướng’: yếu tố này được chứng đặc như sự chứng đặc sự chãm-dứt (chứng diệt).”

(SN 14:11)

12 (2) Có Một Nhân

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, *y-nghĩ tham-dục* khởi lên với (có) một nhân, không phải không có nhân; *y-nghĩ ác-y* khởi lên với một nhân, không phải không có nhân; *y-nghĩ gây-hại* khởi lên với một nhân, không phải không có nhân. Và theo cách nào là như vậy?

(i) “Tùy thuộc vào yếu tố *tham-dục* (tham giới) nên khởi sinh nhận-thức *tham-dục*;²³⁴ tùy thuộc vào nhận-thức *tham-dục* nên khởi sinh *y-định tham-dục*; tùy thuộc vào *y-định tham-dục* nên khởi sinh *tham-muốn về nhục dục*; tùy thuộc vào *tham-muốn tham-dục* nên khởi sinh *đam-mê tham-dục*; tùy thuộc vào *đam-mê tham-dục* nên khởi sinh một sự *tìm-cầu tham-dục*. Do dẫn vào sự *tìm-cầu tham-dục*, nên người phạm chưa được chỉ dạy mới dẫn dắt (hành xử) bản thân mình một cách sai lạc theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm (ba tà nghiệp).

(ii) “Tùy thuộc vào yếu tố *ác-y* (sân giới) [gồm sự *ác-y* và *y-nghĩ ác-y*] nên khởi sinh nhận-thức *ác-y*;²³⁵ tùy thuộc vào nhận-thức *ác-y* nên khởi sinh *y-định ác-y*; tùy thuộc vào *y-định ác-y* nên khởi sinh *tham-muốn [bị thúc giục bởi] ác-y*; tùy thuộc vào *tham-muốn [bị thúc giục bởi] ác-y* nên khởi sinh *đam-mê [bị thúc giục bởi] ác-y*; tùy thuộc vào *đam-mê [bị thúc giục] bởi ác-y* nên khởi sinh một sự *tìm-cầu [bị thúc giục bởi] ác-y*. Do dẫn vào một sự *tìm-cầu [bị thúc giục bởi] ác-y*, nên người phạm chưa được chỉ dạy mới dẫn dắt (hành xử) bản thân mình một cách sai lạc theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm.

(iii) “Tùy thuộc vào yếu tố *gây-hại* (hại giới) [gồm sự gây-hại và ý nghĩ gây-hại] nên khởi sinh nhận-thức về sự gây-hại;²³⁶ tùy thuộc vào nhận-thức về sự gây-hại nên khởi sinh ý-định để gây-hại; tùy thuộc vào ý-định để gây-hại nên khởi sinh tham-muốn để gây-hại; tùy thuộc vào tham-muốn để gây-hại nên khởi sinh đam-mê để gây-hại, tùy thuộc vào đam-mê để gây-hại nên khởi sinh một sự tìm-cầu để gây-hại. Do dẫn vào một sự tìm-cầu để gây-hại, nên người phạm chưa được chỉ dạy mới dẫn dắt (hành xử) bản thân một cách sai trái theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người quăng một cây đuốc đang cháy mạnh vào một bụi cỏ khô. Nếu người đó không nhanh chóng dùng tay và chân của mình để dập tắt ngọn lửa thì những sinh vật đang sống trong bụi cỏ và thân cây ở đó sẽ gặp tai nạn và thảm họa. Cũng giống như vậy, nếu tu sĩ hay bà-la-môn nào không nhanh chóng dẹp bỏ, xua tan, xóa bỏ, và tiêu diệt những nhận-thức sai lạc (tà tưởng) thì người đó sẽ sống trong khổ đau ngay trong kiếp này, với sự ưu phiền, sự tuyệt vọng, và sốt não; và khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong một nơi-đến đọa dữ.

(2) “Này các Tỳ kheo, *ý-nghĩ từ-bỏ* khởi sinh với một nhân, không phải không có nhân; *ý-nghĩ vô-sân* khởi sinh với một nhân, không phải không có nhân; *ý-nghĩ vô-hại* khởi sinh với một nhân, không phải không có nhân. Và theo cách nào là như vậy?

(i) “Tùy thuộc vào yếu tố *từ-bỏ* (xuất ly giới) nên khởi sinh nhận-thức về sự từ-bỏ;²³⁷ tùy thuộc vào nhận-thức về sự từ-bỏ nên khởi sinh ý-định về sự từ-bỏ; tùy thuộc vào ý-định về sự từ-bỏ nên khởi sinh tham-muốn đối với sự từ-bỏ; tùy thuộc vào tham-muốn đối với sự từ-bỏ nên khởi sinh đam-mê đối với sự từ-bỏ; tùy thuộc vào đam-mê đối với sự từ-bỏ nên khởi sinh một sự tìm-cầu đối với sự từ-bỏ. Do dẫn vào một sự tìm-cầu đối với sự từ-bỏ, nên người thánh đệ tử được chỉ dạy mới dẫn dắt bản thân mình một cách chân chính theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm (ba chánh nghiệp).

(ii) “Tùy thuộc vào yếu tố *không ác-ý* (vô-sân giới) [gồm ý nghĩ không ác-ý và chính sự không ác-ý] nên khởi sinh nhận-thức về sự không ác-ý;²³⁸ tùy thuộc vào nhận-thức về không ác-ý nên khởi sinh ý-định về sự không ác-ý; tùy thuộc vào ý-định về sự không ác-ý nên khởi sinh tham-muốn [được dẫn dắt bởi sự] không ác-ý; tùy thuộc vào tham muốn [được dẫn dắt bởi sự] không ác-ý nên khởi sinh đam-mê [được dẫn dắt bởi sự] không ác-ý; tùy thuộc vào đam-mê [được dẫn dắt bởi sự] không ác-ý nên khởi sinh một sự tìm-cầu [được dẫn dắt bởi sự] không ác-ý. Do dẫn vào một sự tìm-cầu [được dẫn dắt bởi sự] không ác-ý, nên người thánh đệ tử được chỉ dạy mới dẫn dắt bản thân mình một cách chân chính theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm.

(iii) “Tùy thuộc vào yếu tố *không gây-hại* (vô hại giới) [gồm ý nghĩ không gây-hại và sự bi-mẫn] nên khởi sinh nhận-thức không gây-hại;²³⁹ tùy thuộc vào nhận-thức về sự không gây-hại nên khởi sinh ý-định về sự không gây-hại; tùy thuộc vào ý-định về sự không gây-hại nên khởi sinh tham-muốn đối với sự không gây-hại; tùy thuộc vào tham-muốn đối với sự không gây-hại nên khởi sinh đam-mê đối với sự không gây-hại; tùy thuộc vào đam-mê đối với sự không gây-hại nên khởi sinh một sự tìm-cầu đối với sự không gây-hại. Do dẫn vào một sự tìm-cầu đối với sự không gây-hại, nên người thánh đệ tử được chỉ dạy mới dẫn dắt bản thân mình một cách chân chính theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm.

“Này các Tỷ kheo, ví dụ có một người quăng cây đuốc đang cháy mạnh vào một bụi cỏ khô. Nếu người đó nhanh chóng dùng tay và chân của mình dập tắt ngọn lửa thì những sinh vật sống trong bụi cỏ và thân cây ở đó sẽ không gặp tai nạn và thảm họa. Cũng giống như vậy, nếu tu sĩ hay bà-la-môn nào nhanh chóng dẹp bỏ, xua tan, xóa bỏ, và tiêu diệt những nhận-thức sai lạc (tà tưởng) đã khởi sinh trong mình thì người đó sống một cách hạnh phúc trong kiếp này, không còn bị sự ưu phiền, sự tuyệt vọng, và sốt não; và khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ tái sinh vào một nơi-đến tốt lành.”

(SN 14:12)

13 (3) Hội Trường Gạch

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nāṭika, trong chỗ (được gọi là) Hội Trường Gạch. Ở đó đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một yếu-tố [= khuynh hướng, tính khí, nét hạnh] nên khởi sinh một nhận-thức, nên khởi sinh một cách-nhìn, nên khởi sinh một ý-nghĩ.”²⁴⁰ ►

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Saddha Kaccāyana đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, đối với những người chưa giác-ngộ toàn thiện, (trong họ) khởi sinh cách-nhìn này: ‘Đây là những bậc Toàn Giác’, thì do tùy thuộc vào điều gì mà có cách-nhìn như vậy?”²⁴¹

“Này Kaccāyana, yếu-tố này lần mạnh, đó là yếu-tố vô-minh. Này Kaccāyana, tùy thuộc vào yếu-tố *thấp kém* nên khởi sinh nhận-thức thấp kém, cách-nhìn thấp kém, ý-nghĩ thấp kém, sự cố-ý thấp kém, mong-muốn thấp kém, ước-muốn thấp kém, một con-người thấp kém với lời-nói thấp kém. Người đó sẽ giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm sáng tỏ những điều thấp kém. Sự tái sinh của người đó là thấp kém, ta nói như vậy.

“Này Kaccāyana, tùy thuộc vào yếu-tố *trung bình* nên khởi sinh nhận-thức trung bình, cách-nhìn trung bình, ý-nghĩ trung bình, sự cố-ý trung bình, mong-muốn trung bình, ước-muốn trung bình, một con-người trung bình với lời-nói trung bình. Người đó sẽ giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm sáng tỏ những điều trung bình. Sự tái sinh của người đó là trung bình, ta nói như vậy.

“Này Kaccāyana, tùy thuộc vào yếu-tố *cao thượng* nên khởi sinh nhận-thức cao thượng, cách-nhìn cao thượng, ý-nghĩ cao thượng, sự cố-ý cao thượng, mong-muốn cao thượng, ước-muốn cao thượng, một con-

người cao thượng với lời-nói cao thượng. Người đó sẽ giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm sáng tỏ những điều cao thượng. Sự tái sinh của người đó là cao thượng, ta nói như vậy.”

(SN 14:13)

14 (4) Tính Khí Thấp Kém

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, khuynh hướng, nét hạnh) nên những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có tính khí thấp hèn đến với nhau và kết hội với người có tính khí thấp hèn; những người có tính khí tốt lành đến với nhau và kết hội với người có tính khí tốt lành.²⁴² Trong quá khứ cũng vậy, theo cách những yếu-tố, những chúng sinh đã đến với nhau và kết hội với nhau... Trong tương lai cũng vậy, theo cách những yếu-tố, những chúng sinh sẽ đến với nhau và kết hội với nhau... Giờ trong hiện tại cũng vậy, theo cách các yếu-tố, những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có tính khí thấp hèn đến với nhau và kết hội với người có tính khí thấp hèn; những người có tính khí tốt lành đến với nhau và kết hội với người có tính khí tốt lành.”

(SN 14:14)

15 (5) Đi Tới Đi Lui

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền. Bấy giờ, lúc đó, không xa chỗ đức Thế Tôn, Ngài Xá-lợi-phất đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo; Ngài Đại Mục-kiền-liên (Mahāmoggallāna) ... Ngài Đại Ca-diếp (Mahākassapa) ... Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) ... Ngài Phú-lâu-na (Punṇa Mantāniputta) ... Ngài Upāli (Ưu-ba-ly) ... Ngài Ānanda đang bước tới bước lui

cùng với một nhóm Tỳ kheo. Và không xa chỗ đức Thế Tôn, thầy Đê-bà-đạt-đa (Devadatta) cũng đang bước tới bước lui cùng một nhóm Tỳ kheo.

Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có thấy Xá-lợi-phất (đệ nhất trí-tuệ) đang bước tới bước lui với một nhóm Tỳ kheo?”²⁴³

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tất cả các Tỳ kheo đó đều có trí-tuệ lớn (đại trí). Các thầy có thấy Mục-kiền-liên (đệ nhất thần thông) đang bước tới bước lui với một nhóm Tỳ kheo?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tất cả những Tỳ kheo đó đều có năng-lực tâm linh lớn (đại thần thông). Các thầy có thấy Ca-diếp (đệ nhất hạnh đầu-đà, 13 giới tu khổ hạnh) đang bước tới bước lui với một nhóm Tỳ kheo?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tất cả những Tỳ kheo đó là đều chủ trương tu theo (mười ba) giới tu khổ hạnh (hạnh đầu-đà). Các thầy có thấy A-nậu-lâu-đà (đệ nhất thiên nhãn) đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tất cả những Tỳ kheo đó đều là có được mắt thiên thánh (thiên nhãn thông). Các thầy có thấy Phú-lâu-na (đệ nhất thuyết Pháp) đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tất cả những Tỳ kheo đó đều là những người giỏi thuyết Pháp. Các thầy có thấy Upāli (đệ nhất trì giới, luật tạng) đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tất cả những Tỳ kheo đó đều là những người nghiêm giữ Giới Luật?. Các thầy có thấy Ānanda (đệ nhất đa văn) đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tất cả những Tỳ kheo đó đều là những người đa văn học rộng. Các thầy có thấy Đề-bà-đạt-đa đang bước tới bước lui với một nhóm Tỳ kheo không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tất cả họ đều có ước muốn xấu ác.”

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, khuynh hướng, nét hạnh), những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có tính khí thấp hèn đến với nhau và kết hội với người có tính khí thấp hèn; những người có tính khí tốt lành đến với nhau và kết hội với người có tính khí tốt lành. Trong quá khứ họ đã làm như vậy; trong tương lai họ sẽ làm như vậy; và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy.”

(SN 14:15)

16 (6) Có Thêm Bài Kệ

Ở Sāvattihī.²⁴⁴

(i) “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) mà các chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau: những người có tính khí thấp hèn thì đến với nhau và kết hội với những người có tính khí thấp hèn. Trong quá khứ họ làm như vậy; trong tương lai họ sẽ làm như vậy; và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy.

“Giống như phân thì đến với phân và kết hợp với phân; nước tiểu với nước tiểu; nước miếng với nước miếng; mũ đòem với mũ đòem; và máu với máu; chính do những yếu-tố mà các chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau: những người có tính khí thấp hèn thì đến với nhau và kết hội với

những người có tính khí thấp hèn. Trong quá khứ, họ làm như vậy, trong tương lai họ sẽ làm như vậy, và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy.

(ii) “Này các Tỳ kheo, chính theo cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) mà các chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau: những người có tính khí tốt lành thì đến với nhau và kết hội với những người có tính khí tốt. Trong quá khứ họ làm như vậy; trong tương lai họ sẽ làm như vậy; và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy.

“Giống như sữa thì đến với sữa và kết hợp với sữa; dầu với dầu; bơ với bơ; mật ong với mật ong; mật đường với mật đường; tương tự như vậy, chính do những yếu-tố mà các chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau: những người có tính khí tốt lành thì đến với nhau và kết hội với những người có tính khí tốt lành. Trong quá khứ họ làm như vậy; trong tương lai họ sẽ làm như vậy; và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, đức Thế Tôn nói thêm như vậy:

“Từ gặp gỡ (nhìn, nghe, tiếp xúc) nên rừng tham-dục sinh ra,²⁴⁵

Nhờ không gặp gỡ nên rừng bị chặt đứt.

Như những người leo lên tám ván,

Sẽ bị chìm trong biển sóng,

Người có đức hạnh cũng sống như chết chìm

Nếu giao lưu với kẻ lợi tâm lười biếng.

“Do vậy người sống nên tránh gặp loại người đó:

Người lười biếng, không tinh tấn.

Hãy gặp gỡ bậc trí hiền:

Những người thiên tập kiên định,

Những thánh nhân sống tách ly ản dật,

Thì sự tinh tấn sẽ luôn được phát khởi.”

(SN 14:16)

17 (7) Thiếu Niềm-Tin ...

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người thiếu niềm-tin thì đến với nhau và kết hội với những người thiếu niềm-tin, những người không biết xấu-hổ lương tâm (vô tâm) với những người không biết xấu-hổ lương tâm, những người không biết sợ-hãi làm điều sai xấu (vô quý) với những người không biết sợ-hãi làm điều sai xấu, những người không học-hiểu với những người không học-hiểu, những người lười-biếng với những người lười-biếng, những người có tâm lãng-xăng (thiếu chánh niệm, thất niệm) với những người có tâm lãng-xăng, những người vô-trí với những người vô-trí. Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có niềm-tin đến với nhau và kết hội với những người có niềm-tin, những người biết xấu-hổ lương tâm (có tâm) với những người biết xấu-hổ lương tâm, những người biết sợ-hãi làm điều sai xấu (có quý) với những người biết sợ-hãi làm điều sai xấu, những người có học-hiểu với những người có học-hiểu (*coi chú thích 244 kinh 13:16 kể trên*), những người siêng-năng với những người siêng-năng, những người có tâm chánh-niệm với những người có tâm chánh-niệm, những người có-trí với những người có-trí. Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.

(SN 14:17)

18 (8) Bất Rễ Từ Những Người Thiếu Niềm-Tin

(i) “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người *thiếu niềm-tin* đến với nhau và kết hội với những

người thiếu niềm-tin; những người không biết xấu-hổ lương tâm với những người không biết xấu-hổ lương tâm; những người vô-trí với những người vô-trí.

“Những người *có niềm-tin* đến với nhau và kết hội với những người có niềm-tin, những người biết xấu-hổ lương tâm với những người biết xấu-hổ lương tâm, những người biết sợ-hãi làm điều sai xấu với những người biết sợ-hãi làm điều sai xấu, những người có-trí với những người có-trí. Trong quá khứ là như vậy, trong tương lai sẽ như vậy, và giờ trong hiện tại cũng như vậy.”

[04 phần tiếp theo của bài kinh này là giống hệt như trên, chỉ khác nhau ở chỗ: những cặp phẩm chất ghi sau đây sẽ tương ứng thay thế cặp phẩm chất “những người không biết xấu-hổ lương tâm”; “những người biết xấu-hổ lương tâm” ở 02 đoạn trên:]

(ii) những người không biết sợ-hãi làm điều sai xấu; những người biết sợ-hãi làm điều sai xấu;

(iii) những người không học-hiểu; những người có học-hiểu;

(iv) những người lười-biếng; những người siêng-năng;

(v) những người có tâm lãng-xăng; những người có tâm chánh-niệm.

(SN 14:18)

19 (9) **Bắt Rễ Từ Những Người Không Biết Xấu-Hổ Lương Tâm**

(i) “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người *không biết xấu-hổ lương tâm* (vô tâm) đến với nhau và kết hội với những người không biết xấu-hổ lương tâm những người không biết sợ-hãi làm điều sai xấu với những người không biết sợ-hãi làm điều sai xấu, những người vô-trí với những người vô-trí.

“Những người *biết xấu-hổ lương tâm* (có tâm) đến với nhau và kết hội với những người biết xấu-hổ lương tâm những người biết sợ-hãi làm điều

sai xấu với những người biết sợ-hãi làm điều sai xấu, những người có-trí với những người có-trí. [Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ là như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.]”

[03 phần tiếp theo của bài kinh này là giống hệt như trên, chỉ khác nhau ở chỗ: những cặp phẩm chất ghi sau đây sẽ tương ứng thay thế cặp phẩm chất “những người không biết sợ-hãi làm điều sai xấu”; “những người biết sợ-hãi làm điều sai xấu”:]

- (ii) những người không học-hiểu; những người có học-hiểu;
- (iii) những người lười-biếng; những người siêng-năng;
- (iv) những người có tâm lãng-xăng; những người có tâm chánh-niệm.

(SN 14:19)

20 (10) *Bắt Rẽ Từ Những Người Không Biết Sợ-Hãi Làm Điều Sai Xấu*

(i) “Này các Tỷ kheo, chính do cách những yếu-tô (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người *không biết sợ-hãi làm điều sai xấu* (vô quý) với những người không biết sợ-hãi làm điều sai xấu, những người không học-hiểu với những người không học-hiểu, những người vô-trí với những người vô-trí.

“Những người *biết sợ-hãi làm điều sai xấu* (vô quý) với những người biết sợ-hãi làm điều sai xấu, những người có học-hiểu với những người có học-hiểu, những người có-trí với những người có-trí. [Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ là như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.]”

[02 phần tiếp theo của bài kinh này là giống hệt như trên, chỉ khác nhau ở chỗ: những cặp phẩm chất ghi sau đây sẽ tương ứng thay thế cặp phẩm chất “những người không học-hiểu”; “những người có học-hiểu”:]

- (i) những người lười-biếng; những người siêng năng;

(ii) những người có tâm lãng-xăng; những người có tâm chánh-niệm.

(SN 14:20)

21 (11) *Bắt Rẽ Từ Những Người Không Học-Hiểu*

(i) “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính nét, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người *không học-hiểu* với những người không học-hiểu, những người *lười-biếng* với những người *lười-biếng*, những người *vô-trí* với những người *vô-trí*.

“Những người *có học-hiểu* với những người có học-hiểu, những người *siêng năng tinh tấn* với những người *siêng năng tinh tấn*, những người *có-trí* với những người *có-trí*. Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ là như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.”

(ii) “Những người không học-hiểu đến với nhau và kết hội với những người không học-hiểu, những người có tâm lãng-xăng với những người có tâm lãng-xăng, những người *vô-trí* với những người *vô-trí*.

“Những người có học-hiểu với những người có học-hiểu, những người có tâm chánh-niệm với những người có tâm chánh-niệm, những người *có-trí* với những người *có*. Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ là như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.”

(SN 14:21)

22 (12) *Bắt Rẽ Từ Những Người Lười-biếng*

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người *lười-biếng* đến với nhau và kết hội những người *lười-biếng*, những người có tâm lãng-xăng với những người có tâm lãng-xăng, những người *vô-trí* với những người *vô-trí*.

“Những người *nỗ-lực tu* (tinh tấn) đến với nhau và kết hội với những người *nỗ-lực*, những người có chánh-niệm với những người có chánh-niệm, những người có-trí với những người có-trí. Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ là như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.”

(SN 14:22)

NHÓM 3

NHÓM ‘ĐƯỜNG NGHIỆP’

(*Kamma-patha-vagga*)

23 (1) Những Người Không Định-Tâm

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, tính nét, nét hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người *thiếu niềm-tin* đến với nhau và kết hội với những người thiếu niềm-tin, những người *không biết xấu-hổ lương tâm* với những người không biết xấu-hổ lương tâm những người *không biết sợ-hãi làm điều sai xấu* với những người không biết sợ-hãi làm điều sai xấu, những người *không định-tâm* với những người không định-tâm, những người *vô-trí* với những người vô-trí.

“Những người *có niềm-tin* đến với nhau và kết hội với những người có niềm-tin, những người *biết xấu-hổ lương tâm* với những người biết xấu-hổ lương tâm những người *biết sợ-hãi làm điều sai xấu* với những người biết sợ-hãi làm điều sai xấu, những người *đạt-định* với những người đạt-định, những người *có-trí* với những người có-trí.”

(SN 14:23)

24 (2) Những Người Vô Đạo Đức

[*Giống hệt kinh kể trên, ngoại trừ chữ “những người không định-tâm” và “những người có định-tâm” được thay thế tương ứng bởi chữ “những người vô đạo đức” và “những người có giới-hạnh”.]*

(SN 14:24)

25 (3) Năm Giới Tu Tập

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người sát-sinh; những người gian-cấp ... những người có tà-dâm tà dục ... những người nói-dối nói láo ... những người uống rượu nhẹ, rượu nặng hay dùng những chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật ... đến với nhau và kết hội với nhau.

“Những người kiêng cữ sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người kiêng cữ sát-sinh; những người kiêng cữ gian-cấp ... kiêng cữ tà-dâm tà dục ... kiêng cữ sự nói-dối nói láo ... kiêng cữ sự uống rượu nhẹ, rượu nặng và dùng những chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật ... đến với nhau và kết hội với những người cũng kiêng cữ như vậy.”

(SN 14:25)

26 (4) Bảy Đường Nghiệp

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người sát-sinh; những người gian-cấp ... những người tà-dâm tà dục ... những người nói-dối nói láo ... những người nói lời gây chia-rẽ ... những người nói lời gắt-gồng nạt nộ ... những người nói chuyện tâm-phào tán dúc ... đến với nhau và kết hội với nhau.

“Những người kiêng cữ sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người kiêng cữ sát-sinh; những người kiêng cữ gian-cấp ... kiêng cữ tà-dâm tà dục ... kiêng cữ sự nói-dối nói láo ... kiêng cữ sự nói lời gây chia-rẽ ... kiêng cữ sự nói lời gắt-gồng nạt nộ ... kiêng cữ sự nói chuyện tâm-

phào tán dóc ... đến với nhau và kết hội với những người cũng kiêng cũ như vậy.”

(SN 14:26)

27 (5) Mười Đường Nghiệp

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỷ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người sát-sinh; những người ... [*giống đoạn này trong kinh 14:26 kể trên, và thêm:*] ... những người thèm-khát ... những người mang ác-ý ... những người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) đến với nhau và kết hội với những người có cách-nhìn sai lạc.

“Những người kiêng cũ sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người kiêng cũ sát-sinh; những người kiêng cũ ... [*giống đoạn này trong kinh 14:26 kể trên, và thêm:*] ... những người không thèm-khát ... những người không mang ác-ý ... những người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) đến với nhau và kết hội với những người có cách-nhìn đúng đắn.”

(SN 14:27)

28 (6) Con Đường Tám Phần

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỷ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) đến với nhau và kết hội với những người có cách-nhìn sai lạc; những người có ý-định sai lạc (tà tư duy) ... lời-nói sai trái (tà ngữ) ... hành-động sai trái (tà nghiệp) ... sự muu-sinh sai trái (tà mạng) ... nỗ-lực tu sai lạc (tà tinh tấn) ... tâm-niệm

sai lạc (tà niệm) ... định-tâm sai lạc (tà định) đến với nhau và kết hội với nhau.

“Những người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) đến với nhau và kết hội với những người có cách-nhìn đúng đắn; những người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) ... lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) ... hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) ... sự mưu-sinh đúng đắn (chánh hạnh) ... nỗ-lực tu đúng đắn (chánh tinh tấn) ... tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) ... định-tâm đúng đắn (chánh định) đến với nhau và kết hội với nhau.”

(SN 14:28)

29 (7) Mười Yếu-Tố

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) ... [*giống đoạn này trong kinh 14:28 kể trên, và thêm:*] ... sự-biết sai lạc (tà trí) ... sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) đến với nhau và kết hội với nhau.

“Những người có cách-nhìn đúng đắn ... [*giống đoạn này trong kinh 14:28 kể trên, và thêm:*] ... sự-biết đúng đắn (chánh trí) ... sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) đến với nhau và kết hội với nhau.”²⁴⁶

(SN 14:29)

NHÓM 4

‘NHÓM THỨ TU’

(*Catuttha-vagga*)

[Bốn Yếu-Tố]

30 (1) *Bốn Yếu-Tố*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattihī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc ...

“Này các Tỳ kheo, có bốn yếu-tố này. Bốn đó là gì? Yếu-tố đất (cứng), yếu-tố nước (lỏng), yếu-tố nhiệt (lửa), yếu-tố khí (gió). Đây là bốn yếu-tố.”²⁴⁷

(SN 14:30)

31 (2) *Trước Khi Ta Giác Ngộ*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác ngộ [trước khi sự giác-ngộ của ta], khi ta còn là một bò-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, điều này đã xảy đến với ta: ‘Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi trong trường hợp (*khi xem xét, khi xét theo*) yếu-tố đất? Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi trong trường hợp yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt (lửa) ... yếu-tố khí (gió)?’

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Sự sướng khoái và vui thích khởi sinh tùy thuộc vào yếu-tố đất: đây chính là sự thỏa-thích trong yếu-tố đất. Mà yếu-tố đất là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: nên đây chính là sự nguy-hại trong yếu-tố đất. Sự loại bỏ và dẹp bỏ dục và tham đối với yếu-tố đất: đây chính là sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố đất.’²⁴⁸

“Sự sướng khoái và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí: đây chính là sự thỏa-thích trong yếu-tố khí. Mà yếu-tố nước ... nhiệt ... khí là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: nên đây chính là sự nguy-hại trong yếu-tố nước ... nhiệt ... khí. Sự loại bỏ và dẹp bỏ dục và tham đối với yếu-tố khí: đây chính là sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố khí.”²⁴⁹

“Này các Tỳ kheo, khi ta *chưa* trực tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là, thì ta đã không tuyên bố mình đã thức tỉnh tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ (quần thể) chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta *đã* trực tiếp biết những điều này, đúng như chúng thực là, thì ta mới tuyên bố rằng mình đã thức tỉnh tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có các thiên thần ... những thiên thần và loài người.

“Sự-biết và sự-thấy (trí-biết và tâm-nhìn) đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát của-tâm của ta là bất khả lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta. Từ đây không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’”²⁵⁰

(SN 14:31)

32 (3) Ta Đã Quyết Tâm

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự *thỏa-thích* trong yếu-tố đất. Mọi sự thỏa thích trong yếu-tố đất— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thỏa-thích trong yếu-tố đất với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự *nguy-hại* trong yếu-tố đất. Mọi sự nguy hại trong yếu-tố đất— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự nguy-hại trong yếu-tố đất với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự *thoát-khỏi khỏi yếu-tố đất*. Mọi sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố đất— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố đất với xa tới mức nào.”

“Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm *thỏa-thích* trong ... sự *nguy-hại* trong ... sự *thoát-khỏi khỏi yếu-tố nước* ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí. Mọi sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố khí— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã rõ ràng nhìn thấy sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố khí với xa tới mức nào.

“Này các Tỳ kheo, khi ta *chưa* trực-tiếp biết *sự thỏa-thích, sự nguy-hại*, và *sự thoát-khỏi* trong trường hợp bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là, ta đã không tuyên bố ... [*giống hết đoạn này ở bài kinh kể trên*] ... Nhưng khi ta *đã* trực tiếp biết điều này, đúng như nó thực là, thì ta mới tuyên bố rằng ta đã thức tỉnh tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có các thiên thần ... những thiên thần và loài người.

“Sự-biết và sự-thấy đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát của-tâm của ta là bất khả lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta. Từ đây không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’”

(SN 14:32)

33 (4) *Nếu Mà Không Có ...*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong yếu-tố đất, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong yếu-tố đất, nên chúng sinh bị say-mê với nó. Nếu mà không có sự nguy-hại trong yếu-tố đất, thì chúng sinh sẽ không ghê-sợ với nó; nhưng vì có sự nguy-hại trong yếu-tố đất, nên chúng sinh ghê-sợ với nó. Nếu không có sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố đất, thì chúng sinh sẽ không thoát-khỏi nó; nhưng vì có sự thoát-khỏi khỏi, nên chúng sinh có thể thoát-khỏi nó.

“Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó;

nhưng vì có sự thỏa-thích trong yếu-tố khí, nên chúng sinh bị say-mê với nó ... nhưng vì có sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố khí, nên chúng sinh có thể thoát-khỏi nó.

“Này các Tỳ kheo, do chúng sinh *chưa* trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp bốn yếu tố này, đúng như chúng thực là, cho nên họ *chưa* thoát-khỏi thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, thoát-khỏi thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người; họ chưa được thoát ly khỏi nó, chưa được giải thoát khỏi nó, và họ cũng chưa được sống với một cái tâm không còn những rào-cản.²⁵¹ Nhưng khi họ *đã* trực-tiếp biết tất cả điều này, đúng như chúng thực là, thì họ *đã* thoát-khỏi thế giới này ... có những thiên thần và loài người; họ đã được thoát ly khỏi nó, đã được giải thoát khỏi nó, và họ sống với một cái tâm không còn những rào-cản.”

(SN 14:33)

34 (5) *Chỉ Toàn Khổ*

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, nếu yếu-tố đất này chỉ (có) toàn khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự sướng, thì chúng sinh đâu bị say-mê với nó. Nhưng bởi vì yếu-tố đất là (có) sướng,²⁵² chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, và nó không phải chỉ chìm ngập trong sự khổ, nên chúng sinh mới bị say-mê với nó.

“Này các Tỳ kheo, nếu yếu-tố nước này chỉ toàn khổ ... nếu yếu-tố nhiệt này chỉ toàn khổ ... nếu yếu-tố khí này chỉ toàn khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự sướng, thì chúng sinh đâu bị say-mê với nó. Nhưng bởi vì yếu-tố khí là (có) sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, và nó

không phải chỉ chìm ngập trong sự khổ, nên chúng sinh mới bị say-mê với nó.

(2) “Này các Tỳ kheo, nếu yếu-tố đất này chỉ toàn sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự khổ, thì chúng sinh đâu nhận thấy [trải nghiệm] sự ghê-sợ đối với nó. Nhưng bởi vì yếu-tố đất là (có) khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nó không phải chỉ chìm ngập trong sự sướng, nên chúng sinh mới nhận thấy sự ghê-sợ đối với nó.

“Này các Tỳ kheo, nếu yếu-tố nước này chỉ toàn sướng ... nếu yếu-tố nhiệt này chỉ toàn sướng ... nếu yếu-tố khí này chỉ toàn sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự khổ, thì chúng sinh đâu nhận thấy sự ghê-sợ đối với nó. Nhưng bởi vì yếu-tố nước ... nhiệt ... khí là (có) khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nó không phải chỉ chìm ngập trong sự sướng, nên chúng sinh mới nhận thấy sự ghê-sợ đối với nó.”

(SN 14:34)

35 (6) Khoái Lạc

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ai tìm kiếm khoái-lạc trong yếu-tố đất là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau thì (người đó) không thoát khỏi khổ đau, ta nói vậy. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong yếu-tố nước ... trong yếu-tố nhiệt ... trong yếu-tố khí là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau thì (người đó) không thoát khỏi khổ đau, ta nói vậy.

“Ai không tìm kiếm khoái-lạc trong yếu-tố đất ... trong yếu-tố khí là không tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai không tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau thì (người đó) thoát khỏi khổ đau, ta nói vậy.”

(SN 14:35)

36 (7) Khởi Sinh

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của yếu-tố đất là sự khởi sinh của sự khổ đau, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của già-chết.²⁵³ Sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí là sự khởi-sinh của sự khổ đau, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của già-chết.

“Này các Tỳ kheo, sự chấm dứt, sự lặn mất, và sự phai biến của yếu-tố đất ... yếu-tố khí là sự chấm dứt của khổ đau, sự lặn mất của căn bệnh, sự phai biến của già-chết.”

(SN 14:36)

37 (8) Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn yếu-tố này. Bốn đó là gì? Yếu-tố đất, yếu-tố nước, yếu-tố nhiệt, yếu-tố khí.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được *sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi* trong trường hợp (*khi xem xét, khi xét theo*) bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, trong kiếp này, do không tự mình chứng ngộ điều (sự thật) này bằng sự-biết trực tiếp, cho nên không chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ (sa-môn hạnh) hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn (bà-la-môn hạnh).

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp (*khi xem xét, khi xét theo*) bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là: thì những người đó

ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ những điều (sự thật) này, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 14:37)

38 (9) Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (2)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn yếu-tố này. Bốn đó là gì? Yếu-tố đất, yếu-tố nước, yếu-tố nhiệt, yếu-tố khí.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được *nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi* trong trường hợp (*khi xem xét, khi xét theo*) bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn ...

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được *nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi* trong trường hợp (*khi xem xét, khi xét theo*) bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ những điều (sự thật) này, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 14:38)

39 (10) Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (3)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được yếu-tố đất, *nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó*; ai không hiểu được yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí, *nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó*: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn ...

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ những điều (sự thật) này, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 14:39)

Chương 15

Liên Kết VÔ-THỦY

(15 Anamatagga-samyutta)

(15 Tương ứng Vô-Thủ)

NHÓM 1

‘NHÓM THỨ NHẤT’

(*Paṭhama-vagga*)

[Cỏ Cây]

1 (1) Cỏ Cây

Ở Sāvattthī.

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi [*saṃsāra*] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (vô thủy).²⁵⁴ Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng (ái, tham ái), là không thể nhận biết được.

“Này các Tỳ kheo, giả sử một người đi chặt hết các cỏ, cây, cành, lá ở trong cõi Diêm-phù-nê (*Jambudīpa*) này, và gom chặt tất cả chúng lại thành một đồng. Sau đó, người đó ngồi lấy từng cái ra đếm, và nói: ‘Đây là mẹ ta, đây là mẹ của mẹ ta.’ Chuỗi số những người mẹ và mẹ của mẹ của người đó sẽ như là bất tận; cũng như số cỏ, cây, cành, lá là vô tận, không bao giờ dùng hết được. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Này các Tỳ kheo, từ biết bao lâu các người đã luôn ném trái (vô vản) khỏ sở, và đau đớn, và tai ương, và bị sinh thối trong nghĩa địa (vô vản lẩn). Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ [ném trái sự ghê-

sợ] đối với tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:01)

2 (2) Trái Đất

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (vô thủy). Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được.

“Này các Tỳ kheo, giả sử một người có thể lấy hết đất của đại địa cầu này để nặn thành những hòn đất bằng cỡ hạt táo tàu, mỗi lần nặn xong một viên rồi bỏ xuống và nói: ‘Đây là cha tôi, đây là cha của cha tôi.’ Chuỗi số của những người cha và cha của cha của người đó sẽ như là bất tận, cũng như (đất của) đại địa cầu này là vô tận, không bao giờ dùng hết được. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Này các Tỳ kheo, từ biết bao lâu các người đã luôn ném trái (vô vản) khổ sở, và đau đớn, và tai ương, và bị sinh thối trong nghĩa địa (vô vản lằn). Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ [ném trái sự ghê-sợ] đối với tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:02)

3 (3) Nước Mắt

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (vô thủy). Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo, cái nào là nhiều hơn: nước mắt mà các người đã khóc trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong đó; khóc và than khóc bởi do gặp phải những thứ mình không ưa và chia cách với những thứ mình yêu thích—nước mắt này hay nước trong bốn đại dương?”²⁵⁵

“Thưa Thế Tôn, theo chúng con hiểu được Giáo Pháp do đức Thế Tôn chỉ dạy thì nước mắt mà mọi người đã khóc trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân-hồi; khóc và than khóc bởi do gặp phải những thứ mình không ưa và chia cách với những thứ mình yêu thích—chỉ riêng đó đã nhiều hơn nước trong bốn đại dương.”

“Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Tốt thay, các thầy đã hiểu được Giáo Pháp ta đã dạy theo cách như vậy. Nước mắt mà các người đã khóc trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân-hồi; khóc và than khóc bởi do gặp phải những thứ mình không ưa và chia cách với những thứ mình yêu thích—chỉ riêng đó đã nhiều hơn nước trong bốn đại dương. Này các Tỳ kheo, đã từ lâu các người đã từng nếm trải *cái chết của mẹ mình*; khi nếm trải điều đó, các người đã khóc than và ai oán bởi do gặp phải những thứ mình không ưa và chia cách với những thứ mình yêu thích—dòng nước mắt mà các người đã khóc còn nhiều hơn nước trong bốn đại dương.

“Này các Tỳ kheo, đã từ lâu các người đã nếm trải *cái chết của cha ... cái chết của anh em ... cái chết của chị em ... cái chết của con trai ... cái chết của con gái ... sự mất đi người thân họ hàng ... sự mất mát tài sản ... sự mất mát do đau bệnh*; khi nếm trải điều đó, các người đã khóc than và ai oán bởi do gặp phải những thứ mình không ưa và chia cách với những thứ mình yêu thích—dòng nước mắt mà các người đã khóc còn nhiều hơn nước trong bốn đại dương. Vì lý do gì? Bởi vì vòng luân-hồi

(sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:03)

4 (4) *Sữa Mẹ*

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (vô thủy). Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: sữa mẹ mà các người đã uống trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu (trong đó)—sữa đó hay nước trong bốn đại dương?”

“Thưa Thế Tôn, theo chúng con hiểu được Giáo Pháp do đức Thế Tôn chỉ dạy thì sữa mẹ mà mọi người đã uống trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân-hồi—chỉ riêng đó đã nhiều hơn nước trong bốn đại dương.”

“Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Tốt thay, các thầy đã hiểu được Giáo Pháp ta đã dạy theo cách như vậy. Sữa mẹ mà mọi người đã uống trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân-hồi—chỉ riêng đó đã nhiều hơn nước trong bốn đại dương.” Vì lý do gì? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:04)

5 (5) Núi

Ở Sāvattthī.

Một Tỳ kheo tới gặp đức Thế Tôn, kính lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, một đại kiếp là bao lâu?”²⁵⁶

“Này Tỳ kheo, một đại kiếp là dài. Không dễ gì đếm nó và nói nó là rất nhiều năm, hay nhiều trăm năm, hay nhiều ngàn năm, hay nhiều trăm ngàn năm .”

“Vậy có thể cho ví dụ được không, thưa Thế Tôn?”

“Được, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói.

“Này Tỳ kheo, giả sử có một khối núi đá lớn kéo dài một do-tuần (*yojana*, dặm Ấn), ngang một do-tuần, một khối núi đá liền đặc, không có lỗ hoặc khe nứt. Cứ sau mỗi một trăm năm có một người dùng một miếng vải lụa Kāsi mềm chùi một cái lên khối núi.²⁵⁷ Dù khối núi to nhưng cứ một trăm năm chùi một cái cũng tới lúc mòn hết khối núi đó, nhưng khoảng thời gian (dài thăm thẳm) đó cũng chưa dài bằng một đại kiếp. Này Tỳ kheo, một đại kiếp là rất dài. Và với những đại kiếp dài vô vàn như vậy, chúng ta đã lang thang trôi giạt trong suốt nhiều đại kiếp, rất nhiều trăm đại kiếp, rất nhiều ngàn đại kiếp, rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:05)

6 (6) Hạt Cải

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, một đại kiếp dài bao nhiêu?”

“Này Tỳ kheo, một đại kiếp là dài. Không dễ gì đếm nó và nói nó là rất nhiều năm, hay rất nhiều trăm năm, hay rất nhiều ngàn năm, hay rất nhiều trăm ngàn năm.”

“Vậy có thể cho ví dụ được không, thưa Thế Tôn?”

“Được, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói.

“Này Tỳ kheo, giả sử có một khu thành với các tường thành bằng sắt dài một do-tuần (dặm Ấn), rộng một do-tuần, và cao một do-tuần, chứa đầy hạt cải được nếm chặt. Cứ hết một trăm năm một người tới lấy đi một hạt cải. Đồng hạt cải rất to nhưng cứ lấy như vậy cũng tới lúc cạn đi và hết đi, nhưng khoảng thời gian (dài thăm thẳm) đó cũng chưa dài bằng một đại kiếp. Này Tỳ kheo, một đại kiếp là rất dài. Và với những đại kiếp dài vô vàn như vậy, chúng ta đã lang thang trôi giạt trong suốt nhiều đại kiếp, rất nhiều trăm đại kiếp, rất nhiều ngàn đại kiếp, rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:06)

7 (7) Các Đệ Tử

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có bao nhiêu đại kiếp đã qua đi?”

“Này các Tỳ kheo, nhiều đại kiếp đã qua đi. Không dễ gì đếm chúng và nói chúng là rất nhiều đại kiếp, hay rất nhiều trăm đại kiếp, hay rất nhiều ngàn đại kiếp, hay rất nhiều trăm ngàn đại kiếp.”

“Vậy có thể cho ví dụ được không, thưa Thế Tôn?”

“Được, này các Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có bốn người đệ tử ở đây, mỗi người có tuổi thọ là một trăm năm, sống được một trăm năm, và mỗi ngày mỗi người trong họ nhớ lại được một trăm ngàn đại kiếp. Cho dù mỗi người có tuổi thọ một trăm năm, sống được một trăm năm nhưng cho tới khi chết tất cả họ (cộng lại) cũng không nhớ hết được số lượng đại kiếp đã qua đi. ²⁵⁸ Không dễ gì đếm chúng và nói chúng là rất nhiều đại kiếp, hay rất nhiều trăm đại kiếp, hay rất nhiều ngàn đại kiếp, hay rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:07)

8 (8) Sông Hằng

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Rồi có một bà-la-môn đến gặp và chào hỏi đức Thế Tôn. Sau khi đã xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cò-đàm, có bao nhiêu đại kiếp đã qua đi?”

“Này bà-la-môn, nhiều đại kiếp đã qua đi. Không dễ gì đếm chúng và nói chúng là rất nhiều đại kiếp, hay rất nhiều trăm đại kiếp, hay rất nhiều ngàn đại kiếp, hay rất nhiều trăm ngàn đại kiếp.”

“Vậy có thể cho ví dụ được không, Thầy Cò-đàm?”

“Được, này bà-la-môn”, đức Thế Tôn nói.

“Này bà-la-môn, ví như số hạt cát nằm từ chỗ sông Hằng bắt nguồn cho tới chỗ nó đổ ra biển (Hằng Hà sa số): không dễ gì đếm được số hạt cát đó và nói nó là rất nhiều hạt cát, hay rất nhiều trăm hạt cát, hay rất nhiều ngàn hạt cát, hay rất nhiều trăm ngàn hạt cát. Này bà-la-môn, số đại kiếp đã trôi qua đi thậm chí còn nhiều hơn số lượng hạt cát đó. Không dễ gì đếm chúng và nói chúng là rất nhiều đại kiếp, hay rất nhiều trăm đại kiếp, hay rất nhiều ngàn đại kiếp, hay rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

Khi điều này được nói ra, bà-la-môn đó đã thưa với đức Thế Tôn: Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! ... Kể từ hôm nay xin Thầy Cồ-đàm hãy nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 15:08)

9 (9) Khúc Cây

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (vô thủy). Một thời điểm đầu tiên, từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Giống như một khúc cây được quăng lên, khi rớt có khi gốc rớt xuống trước, có khi cạnh thân rớt xuống trước, có khi đầu rớt xuống trước (tức là không thể nào đoán biết được); cũng giống như vậy, khi chúng sinh lang thang và trôi giạt trong vòng luân-hồi do còn bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, lúc thì họ (chết) từ thế giới này (sinh) đến thế giới khác, lúc từ thế giới khác đến thế giới này.²⁵⁹ Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là

không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:09)

10 (10) Người

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”²⁶⁰

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói như vậy:

“Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (vô thủy). Một thời điểm đầu tiên, từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Một người, lang thang và trôi giạt do bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, có thể để lại một khối xương, một đồng xương, một núi xương bằng Núi Vepulla này, nếu có ai gom chúng lại để tiêu hủy thì cũng không thể tiêu hủy hết chúng cho được.²⁶¹ Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, đức Thế Tôn đã nói thêm như vậy:

“Đồng xương một người để lại,
Chỉ sau một đại kiếp,
Cũng chất cao bằng núi:
Bậc Đại Sa-Môn (Phật) đã nói vậy.
Tuyên bố đồng xương đó là rất lớn,

Lớn như Núi Vepulla,
Nằm ở hướng bắc Núi Kên Kên,
Trong dãy núi Magadha (Ma-kiệt-đà).

“Nhưng *sau khi* ai nhìn-thấy bằng trí-tuệ chánh đúng,
Những điều chân-lý của bậc thánh nhân—
Đó là: khổ và nguồn-gốc khổ,
Sự thoát-khỏi khổ,
Và con-đường tám phần (Bát chi thánh đạo)
Dẫn tới sự diệt-khổ—
Thì người đó, còn lang thang chỉ trong bảy kiếp nữa,
Rồi sẽ chấm-dứt mọi sự khổ
Bằng cách tiêu-diệt mọi gông-cùm trói buộc.”

(SN 15:10)

NHÓM 2

‘NHÓM THỨ HAI’

(*Dutiya-vagga*)

[Bất Hạnh]

11 (1) *Bất Hạnh*

Trong một lần, khi đang ở Sāvattthī, đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (vô thủy). Một thời điểm khởi đầu, từ khi chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị cản trở bởi vô-minh và bị trôi buộc trong bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Mỗi khi các thầy nhìn thấy ai gặp sự bất-hạnh, sự khốn-khổ, thì các thầy có thể kết luận: ‘Chúng ta cũng vậy, cũng đã ném trái muôn vàn sự (khốn khổ) như vậy trong cái đường (luân-hồi) dài thăm thẳm này.’ Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:11)

12 (2) *Hạnh Phúc*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (vô thủy) ... Mỗi khi các thầy nhìn thấy ai hạnh-phúc và may-mắn, thì các thầy có thể kết luận: ‘Chúng ta cũng vậy, cũng đã ném trái muôn vàn sự (hạnh phúc) như vậy trong cái đường (luân-hồi) dài thăm thẳm này.’ Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta)

thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:12)

13 (3) Ba Mươi Vị Tỳ Kheo

Ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre.

Lúc đó có ba mươi vị Tỳ kheo từ Pāvā đã đến gặp đức Thế Tôn— tất cả họ đều là những người sống tu trong rừng, những người ăn thức ăn khát thực, những người mặc y-phục làm từ giẻ rách, những người chỉ có ba bộ y, nhưng tất cả họ đều vẫn còn những gông-cùm trói buộc (kiết sử).²⁶² Sau khi đến gặp, họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi ý này đã xảy đến với đức Thế Tôn: “Ba mươi vị Tỳ kheo này đều là những người sống tu trong rừng, những người ăn thức ăn khát thực, những người mặc y-phục làm từ giẻ rách, những người chỉ có ba bộ y, nhưng tất cả họ đều vẫn còn những gông-cùm trói buộc. Vậy ta sẽ dạy cho họ Giáo Pháp theo cách để ngay trong khi họ đang ngồi nghe tâm của họ được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm (lậu hoặc) nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt).”

Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo đó như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (vô thủy). Một thời điểm khởi đầu, từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị cản trở bởi vô-minh và bị trói buộc trong bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: dòng máu chảy mà các người đã đổ ra những khi bị chặt đầu trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong (vòng luân-hồi) đó—dòng máu này hay nước trong bốn đại dương?”

“Thưa Thế Tôn, theo chúng con hiểu được Giáo Pháp do đức Thế Tôn giảng dạy thì dòng máu chảy mà chúng con đã đổ những khi bị chặt đầu trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân-hồi— chỉ riêng đó đã nhiều hơn nước trong bốn đại dương.”

“Tốt, tốt này các Tỳ kheo! Tốt thay, các thầy đã hiểu được Giáo Pháp ta đã dạy theo cách như vậy. Dòng máu chảy mà các thầy đã đổ những khi bị chặt đầu trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân-hồi— chỉ riêng đó đã nhiều hơn nước trong bốn đại dương. Nay các Tỳ kheo, đã từ lâu các người đã từng là bò, và những khi bò bị chặt đầu, dòng máu chảy mà các người đã đổ còn nhiều hơn cả nước trong bốn đại dương. Đã từ lâu các người đã từng là trâu, là cừu, dê, nai, gà, heo ... Đã từ lâu các người đã từng bị bắt là kẻ ăn trộm, kẻ cướp đường, kẻ phạm tội tà dâm, và những khi đó các người bị chặt đầu, dòng máu chảy mà các người đã đổ còn nhiều hơn nước trong bốn đại dương. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn. Và trong khi những lời thuyết giảng này được nói ra, tâm của ba mươi Tỳ kheo đến từ xứ Pāvā đã được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ.

(SN 15:13)

14 (4) Mẹ

15 (5) Cha

16 (6) Anh

17 (7) Chị

18 (8) Con Trai

19 (9) Con Gái

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (vô thủy) ... Này các Tỳ kheo, không dễ gì tìm ra một người trong cái đường (luân-hồi) thăm thẳm này chưa từng là mẹ của mình ... chưa từng là cha của mình ... chưa từng là anh của mình ... chưa từng là chị của mình ... chưa từng là con trai của mình ... chưa từng là con gái của mình. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:14–19)

20 (10) Núi Vepulla

Ở Sāvattthī.

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(i) “Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (vô thủy). Một thời điểm khởi đầu, từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị cản trở bởi vô-minh và bị trôi buộc trong bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Này các Tỳ kheo, trong quá khứ, Núi Vepulla này được gọi là núi Pācīnavamsa, và thuở đó những người ở đây được gọi là người Tivara. Tuổi thọ của người Tivara là 40.000 năm.²⁶³ Họ có thể leo lên núi Pācīnavamsa trong bốn ngày và leo xuống trong bốn ngày. Vào thời đó có đức Thế Tôn Kakusandha (Phật Câu-lưu-tôn), là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã khởi sinh trong thế

gian. Hai người đệ tử của bậc ấy có tên là Vidhura and Sañjīva, một đôi xuất sắc. Nay các Tỳ kheo, thấy không! Cái tên núi đó đã biến mất, những vị đó đã chết, và bậc Thế Tôn đó đã chứng Niết-bàn cuối-cùng (bát niết-bàn). Nay các Tỳ kheo, những sự tạo-tác (các hành) thật là vô thường, thật bất ổn, thật không đáng tin cậy. Nay các Tỳ kheo, điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.

(ii) “Này các Tỳ kheo, [một thuở khác] trong quá khứ, Núi Vepulla này được gọi tên là núi Vaṅkaka, và thuở đó những người ở đây được gọi là người Rohitassa. Tuổi thọ của người Rohitassa là 30.000 năm.²⁶⁴ Họ có thể leo lên Núi Vaṅkaka trong ba ngày và leo xuống trong ba ngày. Vào thời đó có bậc Thế Tôn Koṇāgamana (Phật Câu-na-hàm), là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã khởi sinh trong thế gian. Hai người đệ tử của bậc ấy có tên là Bhiyyosa và Uttara, một đôi xuất sắc. Nay các Tỳ kheo, thấy không! Cái tên núi đó đã biến mất, những vị đó đã chết, và bậc Thế Tôn đó đã chứng Niết-bàn cuối-cùng (bát niết-bàn). Nay các Tỳ kheo, những sự tạo-tác (các hành) thật là vô thường ... quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải thoát khỏi chúng.

(iii) “Này các Tỳ kheo, [một thuở khác nữa] trong quá khứ, Núi Vepulla này được gọi tên là núi Supassa, và thuở đó những người ở đây được gọi là người Suppiya. Tuổi thọ của người Suppiya là 20.000 năm. Họ có thể leo lên núi Supassa trong hai ngày và leo xuống trong hai ngày. Vào thời đó có bậc Thế Tôn Kassapa (Phật Ca-diếp), là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã khởi sinh trong thế gian. Hai người đệ tử của bậc ấy là Tissa và Bhāradvāja, một đôi xuất sắc. Nay các Tỳ kheo, thấy không! Cái tên núi đó đã biến mất, những người đó đã chết, và bậc Thế Tôn đó đã chứng Niết-bàn cuối-cùng (bát-niết-bàn). Nay các Tỳ kheo, những sự tạo-tác (các hành) thật là vô thường ... quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải thoát khỏi chúng.

(iv) “Này các Tỳ kheo, hiện tại, Núi Vepulla này được gọi tên là núi Vepulla, và trong thời hiện tại những người ở đây được gọi là người Magadha (Ma-kiệt-đà). Tuổi thọ của người Magadha chỉ là ngắn ngủi, hạn hữu, như thoáng qua; ai sống thọ nhất cũng chỉ được 100 tuổi hay ít hơn. Những người Magadha leo lên Núi Vepulla trong một giờ và leo xuống trong một giờ. Trong thời này Ta đã khởi sinh trong thế gian này, là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Hai người đệ tử của ta tên là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, một đôi xuất sắc. Rồi cũng sẽ đến thời, này các Tỳ kheo, cái tên núi này rồi sẽ biến mất, những vị này rồi sẽ chết đi, và Ta rồi sẽ chứng Niết-bàn cuối-cùng (bát niết-bàn). Này các Tỳ kheo, những sự tạo-tác (các hành) thật là vô thường, thật bất ổn, thật không đáng tin cậy. Này các Tỳ kheo, điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy, đã nói thêm như vậy:

“Đây từng được gọi

Là núi Pācīnavarṃsa bởi những người Tivara

Là núi Vaṅkaka bởi người những người Rohitassa,

Là núi Supassa bởi những người Suppiya,

Là núi Vepulla bởi những người Magadha.

“Chao ôi, những sự tạo-tác đúng thực là vô-thường,

Bản chất chúng là khởi-sinh và biến-diệt.

Sau khi sinh, chúng diệt:

Sự lảng-lặn của chúng mới là chân hạnh phúc.”²⁶⁵

(SN 15:20)

Chương 16

Liên Kết CA-DIỆP

(16 *Kassapa-samyutta*)

(16 *Tương ứng Ca-Diếp*)

1 Sự Biết Hài Lòng

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thầy Ca-diếp (Kassapa) này hài-lòng với mọi thứ y-phục, và thầy nói đề cao về sự biết hài-lòng với mọi thứ y-phục, và thầy không tìm kiếm bất chính hay làm điều gì bất chính vì vấn đề y-phục.²⁶⁶ Nếu thầy ấy không có được y-phục thầy ấy cũng không bị kích động, và nếu có được y-phục thầy ấy dùng nó mà không bị chấp thủ vào nó, không mê thích nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng vào nó; mà nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự thoát-khỏi (nó).²⁶⁷

“Này các Tỳ kheo, thầy Ca-diếp này hài lòng với mọi thứ thức-ăn khát được ... mọi thứ chỗ-ở ... mọi thứ thuốc-thang và chu cấp cho người bệnh ... và nếu có được nó thầy ấy dùng nó mà không bị chấp thủ vào chúng, không mê thích nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng vào nó; mà nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng, hiểu được sự thoát-khỏi (nó).

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: “Chúng ta sẽ hài-lòng với mọi thứ y-phục, và chúng ta sẽ nói đề cao về sự biết hài-lòng với mọi thứ y-phục, và chúng ta không tìm kiếm bất chính hay làm điều gì bất chính vì vấn đề y-phục. Nếu chúng ta không có được y-phục thì chúng ta cũng không bị kích động, và nếu có được y-phục chúng ta dùng nó mà không bị chấp thủ vào nó, không mê thích nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng vào nó; mà nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự thoát-khỏi (nó).

““Chúng ta sẽ hài-lòng với mọi thứ thức-ăn khát được ... mọi thứ chỗ-ở ... mọi thứ thuốc-thang và chu cấp cho người bệnh ... và nếu chúng ta có được chúng, chúng ta sẽ dùng chúng mà không bị chấp thủ vào chúng, không mê thích chúng, không bị cuốn hút một cách mù quáng vào chúng; mà nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng, hiểu được sự thoát-khỏi (chúng).” Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ khởi xướng cho các thầy bằng tấm gương thầy Ca-diếp hoặc người giống như thầy Ca-diếp.²⁶⁸ Sau khi được khởi xướng, các thầy nên tu tập theo như vậy.”²⁶⁹

(SN 16:01)

2 Không Biết Sợ-Hãi Điều Sai Xấu ...

Tôi nghe như vậy. Trong một lần Ngài Đại Ca-diếp và Ngài Xá-lợi-phất đang sống tại Bārāṇasī (Ba-la-nại), trong khu Vườn Nai ở vùng Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi các thiên thần hạ thế). Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp thầy Đại Ca-diếp. Thầy ấy chào hỏi với thầy Đại Ca-diếp, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Ca-diếp:

(1) “Này đạo hữu, nghe nói rằng ai *không nhiệt-thành* và ai *không biết sợ-hãi điều sai xấu* (vô quý) thì không thể nào giác ngộ được, không thể nào Niết-bàn, không thể nào đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’; nhưng ai *nhiệt-thành* và *biết sợ-hãi* làm điều sai xấu thì có thể giác ngộ, có thể Niết-bàn, có thể đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’.²⁷⁰ Này đạo hữu, theo cách nào có điều như vậy?”

(i) “Này đạo hữu, ở đây một Tỳ kheo *không phát khởi sự nhiệt-thành* vì không biết suy nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái tâm xấu ác bất thiện khởi sinh trong ta, điều này dẫn tới nguy-hại cho ta’; hoặc không biết nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái tâm xấu ác bất thiện đã khởi sinh trong ta mà chưa bị loại bỏ, điều này dẫn tới nguy-hại cho ta’; hoặc không biết nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái tâm thiện lành không khởi sinh trong ta, điều này dẫn tới nguy-hại cho ta’; hoặc không biết nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái thiện lành đã khởi sinh trong ta giờ không còn, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta.’ Như vậy người đó là không *nhiệt-thành*.²⁷¹

(ii) “Và, này đạo hữu, theo cách nào người đó là *không biết sợ-hãi điều sai xấu*? Này đạo hữu, ở đây một Tỳ kheo không *sợ-hãi* với ý nghĩ: ‘Nếu những trạng thái tâm xấu ác bất thiện khởi sinh trong ta, điều này

dẫn tới sự nguy-hại cho ta’ ... hoặc không sợ-hãi với ý nghĩ: ‘Nếu những trạng thái tâm thiện lành đã khởi sinh trong ta giờ không còn, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta.’ Như vậy người đó là không biết sợ-hãi làm điều sai xấu.

- “Này đạo hữu, theo cách như vậy là người không nhiệt-thành và người không biết sợ-hãi làm điều sai xấu, không thể nào giác ngộ, không thể nào Niết-bàn, không thể đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’.

(2) (i) “Và, này đạo hữu, theo cách nào một người là *nhiệt-thành*? Này đạo hữu, ở đây một Tỳ kheo phát khởi sự *nhiệt-thành* bằng cách biết suy nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái tâm xấu ác bất thiện khởi sinh trong ta, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta’ ... và biết nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái tâm thiện lành đã khởi sinh trong ta không còn, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta.’ Như vậy người đó là *nhiệt-thành*.

(ii) “Và, này đạo hữu, theo cách nào người đó là *biết sợ-hãi điều sai xấu*? Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo biết sợ-hãi với ý nghĩ: ‘Nếu những trạng thái tâm xấu ác bất thiện khởi sinh trong ta, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta’ ... và biết sợ-hãi với ý nghĩ: ‘Nếu những trạng thái tâm thiện lành đã khởi sinh trong ta không còn, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta.’ Như vậy người đó là *biết sợ-hãi điều sai xấu*.

- “Này đạo hữu, theo cách như vậy là người *nhiệt-thành* và người *biết sợ-hãi* làm điều sai xấu, có thể giác ngộ được, có thể Niết-bàn, có thể đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’.”

(SN 16:02)

3 Như Mặt Trăng

Ở Sāvattihī.

(1) “Này các Tỳ kheo, các thầy phải như mặt trăng khi đến gặp các gia đình—thu tâm và thu tâm (thu thúc thân căn và tâm căn), luôn hành vi như

người mới đến, không khinh xuất đối với các gia đình.²⁷² Ví như người đang nhìn xuống một cái giếng cũ, một vực núi, hay một vực sông sâu; cũng giống vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên đến gặp các gia đình (với phong cách và cảnh giác) như vậy.

- “Này các Tỳ kheo, thầy Ca-diếp như mặt trăng khi đến gặp các gia đình— thu thân và thu tâm, luôn hành vi như một người mới đến, không khinh xuất đối với các gia đình. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, loại Tỳ kheo nào xứng đáng đến gặp các gia đình?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nhờ dựa vào đức Thế Tôn. Thật tốt lành nếu Thế Tôn giảng giải cho chúng con ý nghĩa của điều đó. Sau khi nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

Rồi, đức Thế Tôn đã vẫy tay trong không gian²⁷³ và nói:

“Này các Tỳ kheo, giống như bàn tay này không bị mắc kẹt trong không trung, không bị dính giữ bởi không trung, không bị ràng buộc bởi không trung; cũng giống như vậy một Tỳ kheo đến gặp các gia đình với tâm không bị mắc kẹt, không bị dính giữ, không bị ràng buộc với các gia đình, biết nghĩ (mong) rằng: ‘Ai (các Tỳ kheo) muốn được lợi sẽ được lợi; ai (những người tại gia) muốn làm công đức sẽ làm được công đức!’²⁷⁴ Tỳ kheo đó luôn tùy hỷ và hạnh phúc khi thấy ai được lợi cũng như khi mình được lợi.

- Này các Tỳ kheo, thầy Ca-diếp đến gặp các gia đình với tâm không bị mắc kẹt, không bị dính giữ, không bị ràng buộc với các gia đình, biết nghĩ (mong) rằng: ‘Ai (các Tỳ kheo) muốn được lợi sẽ được lợi; ai (những người tại gia) muốn làm công đức sẽ làm được công đức!’ Thầy ấy luôn tùy hỷ và hạnh phúc khi thấy ai được lợi cũng như khi mình được lợi.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, theo cách nào sự thuyết pháp của một Tỳ kheo là không trong sạch (thanh tịnh), và theo cách nào sự thuyết pháp của một Tỳ kheo là trong sạch?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ ...”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác với ý nghĩ: ‘Mong họ biết lắng nghe Giáo Pháp từ ta! Sau khi đã lắng nghe, cầu mong họ đạt được sự tin-tưởng (sự tự tin) vào Giáo Pháp! Sau khi đã tin-tưởng, *cầu mong họ thể hiện sự tin-tưởng đối với ta!*’.²⁷⁵ Sự chỉ dạy Giáo Pháp của của một Tỳ kheo như vậy là không trong sạch.

“Nhưng một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác với ý nghĩ: ‘[Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.] Ôi, mong sao họ biết lắng nghe Giáo Pháp từ ta! Sau khi đã lắng nghe, *mong sao họ thực hành theo theo đúng vậy!*’ Như vậy là người đó chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác vì sự siêu xuất tất hữu (vốn có, tự bản chất) của Giáo Pháp; người đó chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác vì sự bi-mẫn và cảm-thông, vì sự quan-tâm hiền từ (dành cho họ).²⁷⁶ Sự chỉ dạy Giáo Pháp của của một Tỳ kheo như vậy là trong sạch.

- “Này các Tỳ kheo, thầy Ca-diếp chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác với ý nghĩ: ‘[Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo ...] Ôi, mong sao họ biết lắng nghe Giáo Pháp từ ta! Sau khi đã lắng nghe, *mong sao họ thực hành theo theo đúng vậy!*’ Thầy Ca-diếp chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác vì sự siêu xuất tất hữu của Giáo Pháp; thầy ấy chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác vì sự bi-mẫn và cảm-thông, vì sự quan-tâm hiền từ (dành cho họ).

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ khởi xướng cho các thầy bằng tám gương thầy Ca-diếp hoặc người giống như thầy Ca-diếp. Sau khi được khởi xướng, các thầy nên tu tập theo như vậy.”

(SN 16:03)

4 Khách Của Gia Đình

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, loại Tỳ kheo nào không xứng đáng là khách của các gia đình²⁷⁷ và loại Tỳ kheo nào xứng đáng là khách của các gia đình?

“Dạ, thưa Thế Tôn, giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...” ... Đức Thế Tôn nói điều này:

(i) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể đến gặp các gia đình với ý nghĩ: ‘Mong họ bỏ thí cho ta, chứ không giữ lại! Mong họ bỏ thí cho ta nhiều, chứ không ít! Mong họ bỏ thí cho ta thứ tốt, chứ không phải thứ xấu! Mong họ nhanh bỏ thí cho ta, chứ không chậm! Mong họ bỏ thí cho ta một cách chu đáo, chứ không phải qua loa!’ Khi một Tỳ kheo đến gặp các gia đình với ý nghĩ như vậy, nếu họ không bỏ thí thì người đó sẽ thấy bị tổn thương; vì chuyện đó nên người đó nếm trải sự khổ đau và ưu phiền. Nếu họ bỏ thí ít chứ không nhiều ... Nếu họ bỏ thí thứ xấu chứ không tốt ... Nếu họ chậm bỏ thí chứ không nhanh ... Nếu họ bỏ thí một cách qua loa chứ không chu đáo, thì người đó sẽ thấy bị tổn thương; vì chuyện đó nên người đó nếm trải sự khổ đau và ưu phiền. Tỳ kheo như vậy không xứng đáng là khách của các gia đình.

(ii) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể đến gặp các gia đình với ý nghĩ: ‘Khi đang ở chỗ các gia đình của người khác, làm sao ta có thể nghĩ rằng: “Mong họ bỏ thí cho ta, chứ không giữ lại! ... Mong họ bỏ thí cho ta một cách kính trọng, chứ không qua loa!?” Khi một Tỳ kheo đến gặp các gia đình với ý nghĩ như vậy, nếu họ không bỏ thí ... nếu họ bỏ thí một cách qua loa chứ không chu đáo, thì người đó cũng không bị tổn thương; người đó không vì chuyện đó mà nếm trải sự khổ đau và ưu phiền. Tỳ kheo như vậy xứng đáng là khách của các gia đình.

- “Này các Tỳ kheo, thầy Ca-diếp đến gặp các gia đình với ý nghĩ như vậy ... Như vậy nếu họ không bỏ thí ... nếu họ bỏ thí một cách qua loa

chứ không chu đáo, thì thầy ấy cũng không bị tổn thương; thầy ấy không vì chuyện ấy mà ném trái sự khổ đau và ưu phiền.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ khởi xướng cho các thầy bằng tấm gương thầy Ca-diếp hoặc người giống như thầy Ca-diếp. Sau khi được khởi xướng, các thầy nên tu tập theo như vậy.”

(SN 16:04)

5 Tuổi Già

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Lúc đó Ngài Đại Ca-diếp đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Ca-diếp, thầy nay đã già, và mấy bộ y-phục cũ tàn làm từ giẻ rách bao bố nay đã thành nặng nề đối với thầy. Do vậy, này Ca-diếp, thầy nên mặc y-phục của những người tại gia cúng dường, nhận lời những bữa ăn họ mời tới ăn (tức không nhất thiết phải đi khát thực để ăn thức ăn khát được), và sống ở chỗ gần ta.”²⁷⁸

“Thưa Thế Tôn, đã từ lâu con đã là người (i) *sống tu trong rừng* và đã nói lời đề cao việc sống tu trong rừng; con đã là người (ii) *ăn thức-ăn (tự mình đi) khát thực* và đã nói lời đề cao sự ăn thức ăn khát thực; con đã là người (iii) *mặc y-phục làm từ giẻ rách* và đã nói lời đề cao sự mặc y-phục làm từ giẻ rách; con là người (iv) *chỉ dùng ba bộ y* và đã nói lời đề cao sự chỉ có ba bộ y; con đã có (v) *ít mong-cầu* và đã nói lời đề cao sự sống ít mong-cầu (thiếu dục); con đã (vi) *biết hài-lòng* (biết đủ, với mọi thứ có được) và đã nói lời đề cao về sự biết hài-lòng (tri túc); con đã (vii) *sống ẩn-dật* và đã nói lời đề cao về sự sống ẩn-dật; con đã (viii) *lánh-xa xã hội* và đã nói lời đề cao về sự sống lánh-xa xã hội (lánh trần); con đã (ix) *nỗ-lực tu* và đã nói lời đề cao về sự phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn).”²⁷⁹

“Này Ca-diếp, do suy xét những lợi ích nào mà từ lâu thầy đã là một người (i) *sống tu trong rừng* ... (ix) *nỗ-lực tu* và đã nói lời đề cao về sự phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn)?”

“Thưa Thế Tôn, do suy xét hai ích lợi. (i) Cho bản thân con, con thấy có sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này, và (ii) con có lòng bi-mẫn dành cho những thế hệ sau này, với ý nghĩ rằng: ‘Mong sao những người thế hệ sau noi theo gương của con!’²⁸⁰ Vì sau khi họ nghe được rằng: ‘Những đệ tử đã giác-ngộ của Đức Phật đã từ lâu là những người (i) *sống tu trong rừng* ... (ix) *nỗ-lực tu* và đã nói lời đề cao về sự phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), thì họ sẽ tu tập theo như vậy, và điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Do suy xét về hai ích lợi này, thưa Thế Tôn, cho nên con từ lâu đã là người (i) *sống tu trong rừng* ... (ix) *nỗ-lực tu* và đã nói lời đề cao về sự phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn).”

“Lành thay, lành thay, này Ca-diếp! Thầy đang thực hành vì phúc lợi và hạnh phúc của nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người.

Nếu vậy, này Ca-diếp, thầy cứ mặc y-phục làm từ giẻ rách bao bố, đi khát thực, và sống tu trong rừng.”

(SN 16:05)

6 Sự Khởi Xương (I)

Ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre.

Lúc đó Ngài Đại Ca-diếp đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói điều này với thầy ấy:

“Này Ca-diếp, hãy khởi xương (giáo giới) cho các Tỳ kheo, hãy nói cho họ Giáo Pháp. Hoặc ta nên khởi xương cho các Tỳ kheo, hoặc thầy cũng nên, này Ca-diếp.”²⁸¹

“Thưa Thế Tôn, các Tỳ kheo giờ là khó khuyển bảo được, và họ có những phẩm chất làm cho họ khó khuyển bảo được.²⁸² Họ không kiên nhẫn và không chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng.

“Ở đây, thưa Thế Tôn, con thấy Tỳ kheo tên Bhaṇḍa, là một học trò của thầy Ānanda, và Tỳ kheo tên Abhiñjika, là một học trò của thầy Anuruddha, đã tranh chấp nhau về vấn đề học-hiểu của họ, họ nói qua nói lại: ‘Này, Tỳ kheo, ai có thể nói thêm? Ai có thể nói đúng hơn? Ai có thể nói lâu hơn?’”

Rồi đức Thế Tôn nói với một Tỳ kheo: “Này Tỳ kheo, hãy nhân danh ta đến nói cho Tỳ kheo Bhaṇḍa và Tỳ kheo Abhiñjika rằng Vị Thầy (Phật) cho gọi họ đến.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại, và thầy đó đi tới các Tỳ kheo kia và nói với họ: “Vị Thầy mới cho gọi các thầy.”

“Được, thưa đạo hữu”, hai Tỳ kheo đó đáp lại, và họ đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với họ:

“Này hai Tỳ kheo, có thật là hai thầy đã tranh chấp nhau về vấn đề học-hiểu, như để coi ai có thể nói thêm, ai có thể nói hay hơn, ai có thể nói lâu hơn?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Bộ mấy thầy đã từng nghe ta chỉ dạy Giáo Pháp như vậy: ‘Này, các Tỳ kheo, hãy tranh chấp lẫn nhau về vấn đề học-hiểu, và coi ai có thể nói thêm, ai có thể nói hay hơn, ai có thể nói lâu hơn’ hay sao?”

“Dạ không có, thưa Thế Tôn.”

“Vậy, nếu các thầy chưa bao giờ nghe ta dạy Giáo Pháp như vậy, thì tại sao các thầy lại làm vậy như những kẻ vô tri rồ dại; do thấy và biết cái gì mà sau khi đã xuất gia theo Giáo Pháp và Giới Luật đã được giảng bày hay khéo như vậy mà lại đi tranh chấp lẫn nhau về vấn đề học-hiểu của

mình, để coi ai là người có thể nói thêm, ai có thể nói hay hơn, ai có thể nói lâu hơn, như vậy?”

Rồi hai Tỳ kheo đã quỳ xuống với đầu dưới chân đức Thế Tôn và thưa:

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã vi phạm một tội—thật ngu ngốc, ngu mờ, và sai bậy—sau khi đã xuất gia theo Giáo Pháp và Giới Luật đã được giảng bày hay khéo như vậy mà chúng con lại đi tranh chấp với nhau về vấn đề học-hiểu của mình, để coi ai là người có thể nói thêm, ai có thể nói nhiều hơn, ai có thể nói lâu hơn, như vậy. Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn tha thứ cho tội này của chúng con đã được nhìn thấy là một tội, coi đó là điều để chúng con giữ giới sau này.”

“Được rồi, này các Tỳ kheo, các thầy đã vi phạm một tội—thật ngu ngốc, ngu mờ, và sai bậy—trong đó sau khi đã xuất gia theo Giáo Pháp và Giới Luật đã được giảng bày hay khéo mà các thầy lại đi tranh chấp với nhau về vấn đề học-hiểu của mình ... như vậy. Nhưng vì các thầy đã nhìn thấy tội của mình là một tội và biết tu sửa đúng theo Giáo Pháp, chúng ta tha thứ tội đó cho các thầy. Vì điều đó (cho thấy) là có sự tăng trưởng trong Giới Luật của Thánh Nhân (tức: Giới luật Tỳ kheo) khi người tu biết nhìn thấy tội của mình là tội, biết tu sửa nó theo đúng Giáo Pháp, và đảm nhận sự giữ giới trong tương lai.”

(SN 16:06)

7 Sự Khởi Xương (2)

Ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre.

Lúc đó Ngài Đại Ca-diếp đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói điều này với thầy ấy:

“Này Ca-diếp, hãy khởi xương cho các Tỳ kheo, hãy nói cho họ Giáo Pháp. Hoặc ta nên khởi xương cho các Tỳ kheo, hoặc thầy cũng nên, này Ca-diếp.”

(i) “Thừa Thế Tôn, các Tỷ kheo giờ là khó khuyển bảo được, và họ có những phẩm chất làm cho họ khó khuyển bảo được. Họ không kiên nhẫn và không chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng. Thừa Thế Tôn,²⁸³ đối với người không có niềm-tin vào những trạng thái thiện lành, không biết xấu-hổ lương tâm (vô tâm), không biết sợ-hãi làm điều sai xấu (vô quý), không nỗ-lực tu (không tinh tấn), và không trí-tuệ, thì dù ngày hay đêm những trạng thái thiện lành (của người đó) chỉ sa sút, chứ không tăng trưởng. Giống như, suốt hai tuần tối trời (trăng khuyết dần), dù ngày hay đêm mặt trăng cũng sa sút về màu sắc, về độ tròn đầy, và về độ sáng tỏ, về đường kính và chu vi; cũng giống như vậy, đối với người không có niềm-tin vào những trạng thái thiện lành, không biết xấu-hổ lương tâm, không biết sợ-hãi làm điều sai xấu, không nỗ-lực tu tinh tấn, và không trí-tuệ, thì dù ngày hay đêm những trạng thái thiện lành chỉ sa sút, chứ không tăng trưởng.

“Thừa Thế Tôn, một người không có niềm-tin: đây là một trường hợp sa sút. Một người không biết xấu-hổ lương tâm ... không biết sợ-hãi làm điều sai xấu ... lười-biếng ... vô-trí ... sân-giận ... xấu-ác: đây là một trường hợp sa sút. Khi không có các Tỷ kheo là những người khởi xướng (giáo giới, giáo thọ, chỉ dạy sự tu tập cho họ): đây là một trường hợp sa sút.

(ii) “Thừa Thế Tôn, đối với người có niềm-tin vào những trạng thái thiện lành, biết xấu-hổ lương tâm (tâm), biết sợ-hãi làm điều sai xấu (quý), có nỗ-lực tu (tinh tấn), và có trí-tuệ, thì dù ngày hay đêm những trạng thái thiện lành (của người đó) chỉ tăng trưởng, chứ không sa sút. Giống như, suốt hai tuần sáng trời (trăng đầy dần), dù ngày hay đêm mặt trăng cũng tăng trưởng về màu sắc, về độ tròn đầy, và về độ sáng tỏ, về đường kính và chu vi; cũng giống như vậy, đối với người có niềm-tin vào những trạng thái thiện lành, biết xấu-hổ lương tâm, biết sợ-hãi làm điều sai xấu, có nỗ-lực tu tinh tấn, và có trí-tuệ, thì dù ngày hay đêm những trạng thái thiện lành chỉ tăng trưởng, chứ không sa sút.

“Thưa Thế Tôn, một người có niềm-tin: đây là một trường hợp không sa sút. Một người biết xấu-hổ lương tâm... biết sợ-hãi làm điều sai xấu ... có nỗ-lực tu tinh tấn ... có trí-tuệ ... không sân-giận ... không xấu-ác: đây là một trường hợp không sa sút. Khi có các Tỳ kheo là những người khởi xướng: đây là một trường hợp không sa sút.

“Lành thay, lành thay, này Ca-diếp!”

[Rồi Đức Phật lặp lại toàn bộ lời tuyên thuyết trên của thầy Đại Ca-diếp.]

(SN 16:07)

8 Sự Khởi Xướng (3)

Ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre.

Lúc đó Ngài Đại Ca-diếp đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói điều này với thầy ấy:

“Này Ca-diếp, hãy khởi xướng cho các Tỳ kheo, hãy nói cho họ Giáo Pháp. Hoặc ta nên khởi xướng cho các Tỳ kheo, hoặc thầy cũng nên, này Ca-diếp.”

“Thưa Thế Tôn, các Tỳ kheo giờ là khó khuyên bảo được, và họ có những phẩm chất làm cho họ khó khuyên bảo được. Họ không kiên nhẫn và không chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng.”

(i) “Chỉ vậy sao, này Ca-diếp, trong *quá khứ* những Tỳ kheo trưởng lão là những người sống tu trong rừng và nói lời đề cao sự sống tu trong rừng; họ là những người ăn thức-ăn khát thực và nói lời đề cao sự ăn thức ăn khát thực; họ là những người mặc y-phục làm từ giẻ rách và nói lời đề cao sự mặc y-phục làm từ giẻ rách; họ là những người chỉ có ba bộ y và nói lời đề cao sự chỉ có ba bộ y; họ có ít mong-cầu và đề cao sự sống có ít mong-cầu (thiếu dục); họ biết hài-lòng và nói lời đề cao sự biết hài-lòng (tri túc); họ sống ần-dật và nói lời đề cao sự sống ần-dật; họ lánh-xa xã hội

và nói lời đề cao về sự lánh-xa xã hội (lánh trần); họ nỗ-lực tu và nói lời đề cao sự phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn).

“Lúc đó, có một Tỳ kheo là người sống tu trong rừng và đề cao sự sống tu trong rừng ... người đó nỗ-lực tu và nói lời đề cao sự phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), những Tỳ kheo trưởng lão đã mời người đó chỗ ngồi, và nói: ‘Xin mời, này Tỳ kheo. Gọi tên Tỳ kheo này là gì? Đây là một Tỳ kheo xuất sắc. Tỳ kheo này nhiệt thành tu tập. Xin mời, này Tỳ kheo, đây là chỗ ngồi, mời ngồi.’ Lúc đó ý nghĩ này xảy đến với những Tỳ kheo mới thụ giới: ‘Hình như mỗi khi có một Tỳ kheo là người sống tu trong rừng và nói lời đề cao sự sống tu trong rừng ... người đó nỗ-lực tu và nói lời đề cao sự phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), thì các Tỳ kheo trưởng lão liền mời người đó chỗ ngồi ...’ Rồi (sau khi nghĩ vậy) những Tỳ kheo mới thụ giới đó cũng thực hành theo như vậy, và điều đó sẽ dẫn tới phúc-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ.

(ii) “Nhưng, này Ca-diếp, thời *bây giờ* các Tỳ kheo trưởng lão *không còn* là những người sống tu trong rừng và nói lời đề cao sự sống tu trong rừng ... họ *không còn* nỗ-lực tu và nói lời đề cao sự phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn). Thời *bây giờ* Tỳ kheo nào có danh và nổi tiếng, thì người có được nhiều y-phục, thức-ăn, chỗ-ở và thuốc-thang, thì các Tỳ kheo trưởng lão mời người đó chỗ ngồi, và nói: ‘Xin mời, này Tỳ kheo. Gọi tên Tỳ kheo này là gì? Đây là một Tỳ kheo xuất sắc. Tỳ kheo này nhiệt tình kết giao với các huynh đệ của mình trong đời sống tu hành. Xin mời, này Tỳ kheo, đây là chỗ ngồi, mời ngồi.’ Rồi ý nghĩ này xảy đến với những Tỳ kheo mới thụ giới: ‘Hình như mỗi khi có một Tỳ kheo có danh và nổi tiếng, là người có được nhiều y-phục, thức-ăn, chỗ-ở và thuốc-thang, thì các Tỳ kheo trưởng lão liền mời người đó chỗ ngồi ...’ Rồi những Tỳ kheo mới thụ giới đó cũng thực hành theo kiểu như vậy, và điều đó dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho họ.

“Này Ca-diếp, ai nói một cách đúng đắn có thể nói (một sự thật) rằng: ‘Những người sống đời sống tâm linh (đời sống tu hành, phạm hạnh) đã bị làm hư bởi sự hư-hỏng của những người đang sống đời sống tâm linh;

người sống đời sống tâm linh đã bị phá hoại bởi sự phá-hoại của những người đang sống đời sống tâm linh’,²⁸⁴ đơn giản là như vậy, một người nói một cách đúng đắn có thể nói điều này.”

(SN 16:08)

9 Những Tầng Thiên Định & Những Trí-Biết Trực Tiếp

Ở Sāvattḥī.

(1) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ nhất (Nhất thiên), trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) ... chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ nhất này.

(2) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tầm hết tứ), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ hai (Nhị thiên), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) ... chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ hai này.

(3) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Với sự phai biến luôn của sự hoan-hỷ (hết hỷ), ta an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), ta trải nghiệm sự sừng (lạc) bằng thân; ta chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ ba (Tam thiên), trạng thái mà các bậc thánh nhân mô tả là: “Người đó an trú buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).”’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) ... chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ ba này.

(4) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Với sự đẹp bỏ sường và khổ (hết lạc khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui và sự buồn (hết hỷ ưu), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sự sường hay sự khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư này.

(5) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Bằng sự vượt trên mọi nhận-thức về thể sắc (sắc tướng), bằng sự phai biến những nhận-thức về tiếp-xúc giác quan (xúc tướng), với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự khác-biệt này nọ, (chỉ) ý thức rằng: ‘không gian là vô biên’, ta chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ (cảnh xứ vô biên của không gian). Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) ... chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ này.

(6) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Bằng sự vượt trên không vô biên xứ, ý thức rằng: ‘thức là vô biên’, ta chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ (cảnh xứ vô biên của thức).’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) ... chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ này.

(7) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Bằng sự vượt trên thức vô biên xứ, ý thức rằng: ‘không-có-gì’, ta chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ (cảnh xứ không-có-gì).’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) ... chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ này.

(8) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Bằng sự vượt-trên vô sở hữu xứ, ta chứng nhập và an trú trong phi tướng phi phi tướng xứ (cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức).’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) ... chứng nhập và an trú trong phi tướng phi phi tướng xứ này.

(9) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Bằng sự vượt trên phi tướng phi phi tướng xứ, ta chứng nhập và an trú trong sự diệt thọ tướng (sự chấm dứt nhận-thức và cảm-giác). Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) ... chứng nhập và an trú trong sự diệt thọ tướng này.’

(10) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau (*thần thông biến hóa, biến hóa thông*) như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; ta hiện hình và biến hình; ta đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi trên chân; ta có thể dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): ‘Vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau như vậy.’

(11) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Với yếu-tố tai thiên thánh (*thiên nhĩ thông*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh ở cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): ‘Với yếu-tố mắt thiên thánh, có thể nghe cả hai loại âm thanh như vậy.’

(12) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ (*tha tâm thông*). Ta hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm bao la [được khuếch đại, phóng đại, cao rộng, cao vợi] là bao la, và tâm không bao la là không bao la; một tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất, chưa vô thượng) là còn có thể vượt trên, và một tâm không thể vượt trên (cao nhất,

vô thượng) là không thể vượt trên; một tâm đạt định là đạt định, và một tâm không đạt định là không đạt định; một tâm được giải thoát là được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là chưa được giải thoát.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): ‘Hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ bằng tâm của thầy ấy.’

(13) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình (*túc mạng minh*); đó là: đó là, một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh; nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (ta nhớ rõ) “Một lúc đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây. ” Như vậy đó, ta đã nhớ lại những phương diện và những đặc điểm của những cõi kiếp quá khứ của ta.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): ‘Nhớ lại nhiều kiếp quá khứ với những cách thức và chi tiết của chúng.’

(14) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (*thiên nhãn minh*), ta đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vậy: ‘Những chúng sinh này hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì

khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa khổ đau, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’ Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những nghiệp của họ như vậy.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): ‘Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, thầy ấy có thể nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy.’

(15) “Này các Tỳ kheo: ‘Bằng sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, ta chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ’ (*lậu tận minh*). Thầy Ca-diếp cũng vậy: ‘Bằng sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, thầy Ca-diếp chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch-nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ.’” ²⁸⁵

(SN 16:09)

10 Khu Ở Của Các Tỳ Kheo Ni

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Ngài Đại Ca-diếp đang sống tại Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, và mang theo bình bát và cà-sa, thầy ấy đến gặp thầy Đại Ca-diếp và nói: “Đi nào, Ngài Ca-diếp, chúng ta hãy đến mấy khu ở (tịnh xá) của các Tỳ kheo ni.”²⁸⁶

“Thầy đi đi, đạo hữu Ānanda, thầy là người bận bịu với nhiều phận sự.”²⁸⁷

Lần thứ hai thầy Ānanda nói với thầy Đại Ca-diếp: “Đi nào, Ngài Ca-diếp, chúng ta hãy đến mấy khu ở của các Tỳ kheo ni.”

“Thầy đi đi, đạo hữu Ānanda, thầy là người bận bịu với nhiều phận sự.”

Lần thứ ba thầy Ānanda nói với thầy Đại Ca-diếp: “Đi nào, Ngài Ca-diếp, chúng ta hãy đến mấy khu ở của các Tỳ kheo ni.”

Rồi, vào buổi sáng, thầy Đại Ca-diếp mặc y phục, và mang theo bình bát và cà-sa, đã cùng với thầy Ānanda đi đến mấy khu ở của các Tỳ kheo ni. Sau khi đến nơi, thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã chọn sẵn. Rồi một số Tỳ kheo ni đến gặp thầy Đại Ca-diếp, kính lễ thầy, và ngồi xuống một bên. Trong khi họ đang ngồi, thầy Đại Ca-diếp đã khởi xướng, chỉ dạy, truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo ni bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, sau đó thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

Rồi Tỳ kheo ni tên Thullatissā, cảm thấy không bằng lòng, đã diễn đạt sự không bằng lòng của mình như vậy:

“Làm sao Sư Thầy Đại Ca-diếp nghĩ tới việc thuyết Pháp trước mặt Sư Thầy Ānanda, bậc trí giả xứ Videha?²⁸⁸ Đối với việc Thầy Đại Ca-diếp nghĩ tới việc thuyết Pháp trước mặt Sư Thầy Ānanda, bậc trí giả xứ Videha—điều này giống như một người bán kim dạo nghĩ tới việc bán cây kim cho người làm kim vậy!”

Thầy Đại Ca-diếp có nghe được Tỳ kheo ni Thullatissā tuyên bố như vậy, và thầy nói với thầy Ānanda:

“Là sao, này đạo hữu Ānanda, tôi là người bán kim dạo và thầy là người làm kim, hay tôi là người làm kim và thầy là người bán kim dạo?”

“Xin hãy nhẫn nhịn, Ngài Kassapa, phụ nữ là ngu dại.” (*nguyên văn lời kinh gốc*)²⁸⁹

“Khoan đã, đạo hữu Ānanda! Đừng để Tăng Đoàn có dịp điều tra (tìm hiểu) thêm về thầy.²⁹⁰ Thầy nghĩ sao, này đạo hữu, đức Thế Tôn có từng đưa thầy ra trước Tăng đoàn Tỳ kheo, và nói: (1) ‘Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): “Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc) ... ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiên) ...” Thầy Ānanda cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất này’, hay không?”

“Không có, thưa Ngài.”

“Này đạo hữu, còn tôi là người đức Thế Tôn đã đưa ra trước Tăng đoàn Tỳ kheo, và nói: ‘Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): “Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc) ... ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiên) ...” Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất này.’

[*Tiếp tục giống như kinh 16:09 kể trên: lần lượt các giai đoạn chứng-đắc thiền định và sáu loại trí-biết trực tiếp (3 thông và 3 minh) từ (10)—(15):*

(15) ... “Còn tôi là người đức Thế Tôn đã đưa ra trước Tăng đoàn Tỳ kheo, và nói: ‘Này các Tỳ kheo: ‘Bằng sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, ta chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ’ (*lậu tận minh*). Thầy Ca-diếp cũng vậy: ‘Bằng sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, thầy Ca-diếp chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch-nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ.’”

“Này đạo hữu, ai nghĩ có thể che đậy sáu loại trí-biết trực tiếp của tôi thì chẳng khác nào như nghĩ tới việc dùng một lá cọ để che giấu một con voi đực cao bảy hoặc bảy rưỡi cubit (1 cubit = 45.72cm) vậy.”²⁹¹ Nhưng Tỳ kheo ni Thullatissā đã rút khỏi đời sống tâm linh.²⁹²

(SN 16:10)

11 Áo Cà-Sa

Trong một lần Ngài Đại Ca-diếp đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Bấy giờ, lúc đó Ngài Ānanda đang đi du hành ở vùng Dakkhiṇāgiri cùng với một đoàn tăng nhiều Tỳ kheo.²⁹³ Bấy giờ, lúc đó có ba mươi Tỳ kheo—là các học trò của thầy Ānanda—hầu hết đều trẻ tuổi, đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Sau khi thầy Ānanda đã đi xong chuyến du hành ở Dakkhiṇāgiri theo ý thầy ấy, thầy đã trở về Rājagaha, trong khu Rừng Tre, (gần) Chỗ Cho Sóc Ăn đó. Thầy ấy đến gặp thầy Đại Ca-diếp, kính lễ và ngồi xuống một bên, và thầy Đại Ca-diếp đã nói với thầy ấy:

“Này đạo hữu Ānanda, có bao nhiêu lý do mà đức Thế Tôn đã đề ra điều giới-luật rằng khi ăn với các gia đình, các Tỳ kheo không được ăn theo nhóm quá ba người? (tức không tụ tập thành nhóm đông)”²⁹⁴

“Thưa Ngài Ca-diếp, Đức Thế Tôn đề ra giới luật này vì ba lý do: (i) để kiềm-chế những người không hành xử tốt (tăng xấu) và vì sự an-ổn của các Tỳ kheo hành xử tốt (tăng tốt), [với mục đích] ‘Mong những ý muốn xấu ác, tức sự lập phe lập nhóm, không gây ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn!’; và (iii) vì sự cảm thông đối với các gia đình.²⁹⁵ Ngài Ca-diếp, đây là ba lý do đức Thế Tôn đã đề ra điều giới-luật này.”

“Đạo hữu Ānanda, vậy mà thầy lại đi du hành cùng với đoàn Tỳ kheo trẻ là những người không phòng-hộ các căn cảm-nhận, không tiết-độ trong ăn uống, và không hết-mình tu vì sự tỉnh-thức? Người ta có thể nghĩ các thầy đang đi du hành như để đập phá mùa màng; người ta có thể nghĩ các thầy đang đi du hành như để phá hoại các gia đình. Đoàn môn đệ của thầy đã tan rã, này thầy Ānanda, những đệ tử trẻ tuổi của thầy đã tuột dốc rồi. Chỉ còn lại người trẻ con này không biết lượng sức bản thân mình!”

“Ngài Ca-diếp, tóc đang bạc trên đầu tôi đây. Liệu chúng tôi có thoát được khỏi cái sự bị Ngài Đại Ca-diếp gọi là một trẻ con hay không?”²⁹⁶

“Đạo hữu Ānanda, chỉ là do thầy đi du hành với những Tỳ kheo trẻ, những người không phòng-hộ các căn cảm-nhận ... Chỉ còn lại người trẻ con này không biết lượng sức bản thân mình!”

Tỳ kheo ni tên Thullanandā đã nghe rằng:²⁹⁷ “Su Thầy Đại Ca-diếp đã chê bai Su Thầy Ānanda, bậc trí giả xứ Videha, bằng cách gọi thầy là một người trẻ con.” Rồi, do không bằng lòng với việc đó, ni đã diễn đạt sự không bằng lòng của mình như vậy:

“Làm sao Su Thầy Đại Ca-diếp, trước kia là một người theo giáo phái khác,²⁹⁸ nghĩ tới việc chê bai Thầy Ānanda, bậc trí giả xứ Videha, bằng cách gọi thầy là một người trẻ con, như vậy?”

Thầy Đại Ca-diếp có nghe được Tỳ kheo ni Thullanandā tuyên bố điều này, và thầy đã nói với thầy Ānanda:

“Này đạo hữu Ānanda, Tỳ kheo ni Thullanandā đã tuyên bố một cách câu thả, thiếu suy xét. Bởi vì ngày trước tôi đã tự mình cạo bỏ râu tóc, khoát y cà-sa và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, tôi không nhớ mình đã từng thừa nhận một vị thầy nào khác ngoài đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

“Ngày xưa, khi tôi còn là một gia chủ, điều này đã xảy đến với tôi: ‘Đời sống tại gia là chật chội, là một con đường đầy bụi bẩn, còn (đời sống) xuất gia thì như một bầu không khí rộng mở. Không dễ gì ở nhà mà sống một đời sống hoàn toàn thánh thiện, một đời sống trong sạch toàn thiện như một vỏ sò được chà trắng. Vậy nên tôi đã cạo bỏ râu tóc, khoát áo cà sa vàng úa (màu đất sét vàng tái), và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Một thời gian sau đó, tôi có một áo cà-sa được làm từ giẻ rách;²⁹⁹ rồi, do nhận biết được những người là bậc A-la-hán trong thế gian [là những tấm gương để noi theo], tôi đã cạo bỏ râu tóc, khoát y cà-sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

“Sau khi tôi đã xuất gia như vậy, tôi cứ bước đi, dọc đường tôi đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi trong Ngõi Đền nằm ở đoạn giữa

Rājagaha và Nālandā.³⁰⁰ Sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn, tôi nghĩ rằng: ‘Nếu tôi có gặp Vị Thầy, thì tôi sẽ gặp đúng ngay đức Thế Tôn. Nếu tôi có gặp bậc Phúc Lành (thiện thế), thì tôi sẽ gặp đúng ngay đức Thế Tôn. Nếu tôi có gặp bậc Toàn Giác, thì tôi sẽ gặp đúng ngay đức Thế Tôn.’ Rồi tôi quỳ xuống dưới chân đức Thế Tôn và thưa: ‘Thưa ngài, đức Thế Tôn là Vị Thầy của tôi, tôi là đệ tử của vị ấy. Thưa ngài, đức Thế Tôn là Vị Thầy của tôi. Tôi là đệ tử của vị ấy.’³⁰¹

“Khi tôi nói ra điều này, đức Thế Tôn đã nói với tôi: ‘Này Ca-diếp, nếu ai không biết và không thấy mà lại nói, thì cái đầu người nói sẽ bẻ tan. Nhưng này Ca-diếp, do ta biết ta nói “Ta biết”; do ta thấy ta nói “Ta thấy”’.³⁰²

(i) “Do vậy, này Ca-diếp, thầy nên tu tập bản thân như vậy: “Tôi sẽ phát khởi một cách nhiệt thành ‘sự biết xấu-hổ lương tâm’ (tâm) và ‘sự biết sợ-hãi làm điều sai xấu’ (quý) đối với những vị trưởng lão, đối với những người mới thụ giới (tuổi hạ nhỏ), và đối với những vị trung niên (tuổi hạ vừa).” Thầy nên tu tập bản thân mình như vậy.

(ii) “Do vậy, này Ca-diếp, thầy nên tu tập bản thân như vậy: “Mỗi khi tôi lắng nghe Giáo Pháp nào nối kết với điều thiện lành, tôi sẽ lắng-nghe nó với hai tai nhiệt thành, chú-tâm vào nó như một vấn đề sống còn, vận dụng toàn tâm vào nó.”³⁰³ Thầy nên tu tập bản thân như vậy.

(iii) “Do vậy, này Ca-diếp, thầy nên tu tập bản thân như vậy: “Tôi sẽ không bao giờ bỏ quên [từ bỏ] ‘sự chánh-niệm hướng vào thân’ kết nối với sự hoan-hỷ”³⁰⁴ Thầy nên tu tập bản thân như vậy.’

“Rồi, sau khi đã nói cho tôi lời khởi xướng đó, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và bước đi. Này đạo hữu, trong suốt bảy ngày sau đó tôi đã ăn đồ cúng dường của xứ sở này như một con-nợ (hàm ý: người tu được cúng dường mà tu không kết quả chẳng khác nào mắc nợ những thí chủ), nhưng đến ngày thứ tám thì trí-biết cuối cùng đã khởi sinh.³⁰⁵

“Rồi sau đó, này đạo hữu, đức Thế Tôn đã từ trên đường bước xuống và đi đến một gốc cây.³⁰⁶ Tôi gập tư áo cà-sa của tôi đã may từ nhiều

mảnh vải cắt vụn, và thưa với Thế Tôn: ‘Thưa Thế Tôn, Thế Tôn hãy ngồi xuống đây. Điều này sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc dài lâu cho con.’ Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn và nói với tôi: ‘Này Ca-diếp, áo cà-sa của thầy làm bằng vải cắt vụn nên mềm mại.’—‘Thưa Thế Tôn, Thế Tôn hãy nhận cà-sa làm bằng vải cắt này, vì lòng bi-mẫn đối với con.’—‘Còn thầy sẽ mặc được mấy y phục cà-sa làm từ giẻ rách bao bố đã sòn cũ của ta?’—‘Thưa Thế Tôn, con sẽ mặc được vậy.’ Vậy đó, ta đã cúng dường cho đức Thế Tôn áo cà-sa làm bằng vải cắt và nhận lãnh từ đức Thế Tôn áo cà-sa đã sòn cũ của đức Thế Tôn được làm từ giẻ rách bao bố.³⁰⁷

“Này đạo hữu, nếu ai nói một cách đúng đắn mà nói về ai kiểu như: ‘Người đó là con của đức Thế Tôn, được sinh ra từ ngực của đức Thế Tôn, được sinh ra từ miệng của đức Thế Tôn, được sinh ra từ Giáo Pháp, được tạo ra bởi Giáo Pháp, là một người thừa tự của Giáo Pháp, một người nhận lãnh y cà-sa làm từ giẻ rách bao bố đã sòn cũ của đức Thế Tôn’, thì đó là nói về tôi nếu người nói một cách đúng đắn đó muốn nói điều như vậy.³⁰⁸

(1) “Này đạo hữu, tùy theo tôi muốn (tôi có thể): ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ ... [*Tiếp tục giống như kinh 16:09 kể trên: lần lượt các giai đoạn chứng-đắc thiền định và sáu loại trí-biết trực tiếp (3 thông và 3 minh) từ (10)–(15):*]

(15) “Này đạo hữu, bằng sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, ta chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ’ (*lậu tận minh*).

“Này đạo hữu, ai nghĩ có thể che đậy sáu loại trí-biết trực tiếp của tôi thì chẳng khác nào như nghĩ tới việc dùng một lá cọ để che giấu một con voi đực cao bảy hoặc bảy rưỡi cubit vậy.” Nhưng Tỳ kheo ni Thullanandā đã rút ra khỏi đời sống tâm linh.³⁰⁹

(SN 16:11)

12 Sau Khi Chết

Trong một lần Ngài Đại Ca-diếp và Ngài Xá-lợi-phất đang sống tại Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở vùng Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi các thiên thần hạ thế). Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp thầy Đại Ca-diếp. Thầy chào hỏi với thầy Đại Ca-diếp, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Ca-diếp:

“Là sao, này đạo hữu Ca-diếp, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết hay không?”³¹⁰

“Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã không tuyên bố: ‘Như Lai còn hiện hữu sau khi chết.’”

“Này đạo hữu, vậy Như Lai không hiện hữu sau khi chết phải không?”

“Này đạo hữu, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố: ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết.’”

“Này đạo hữu, vậy là sao, Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết phải không?”

“Này đạo hữu, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố: ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết.’”

“Này đạo hữu, vậy là Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết phải không?”

“Này đạo hữu, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”

“Này đạo hữu, tại sao đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này?”

“Bởi vì điều đó là không ích lợi, không liên quan đến những căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-

dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Vì vậy nên đức Thế Tôn đã không tuyên bố về điều đó.”

“Này đạo hữu, vậy đức Thế Tôn đã tuyên bố điều gì?”

“Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã tuyên bố điều này: ‘Đây là khổ’, và ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, và ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.’”

“Này đạo hữu, tại sao đức Thế Tôn đã tuyên bố điều này?”

“Này đạo hữu, bởi vì điều đó là ích lợi, liên hệ đến những căn bản của đời sống tâm linh, và dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Vì vậy nên đức Thế Tôn đã tuyên bố điều đó.”

(SN 16:12)

13 Sự Giả Mạo Giáo Pháp Đích Thực

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó Ngài Đại Ca-diếp đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, lý do gì, nguyên nhân gì, tại sao trước kia có ít giới-luật tu hành mà có nhiều Tỳ kheo được thiết lập trong trí-biết cuối cùng (tức giác-ngộ), trong khi bây giờ có thêm nhiều giới-luật tu hành nhưng lại có ít Tỳ kheo được thiết lập trong trí-biết cuối cùng?”³¹¹

“Đường lối nó là như vậy, này Ca-diếp. Khi chúng sinh đang suy đồi và Giáo Pháp đích thực (chân Pháp) đang biến mất thì (cần) có thêm nhiều giới-luật tu hành nhưng càng có ít số Tỳ kheo được thiết lập trong trí-biết cuối cùng. Này Ca-diếp, chân Pháp không biến mất khi chưa có sự giả-mạo chân Pháp khởi sinh trong thế gian. Nhưng khi sự giả mạo chân Pháp khởi sinh trong thế gian, lúc đó chân Pháp sẽ biến mất.”³¹²

“Này Ca-diếp, giống như vàng không biến mất khi chưa có vàng giả phát sinh trong thế gian, nhưng khi có vàng giả phát sinh, thì vàng thật biến mất; cũng giống như vậy, chân Pháp không biến mất khi chưa có sự giả-mạo chân Pháp khởi sinh trong thế gian, nhưng khi có sự giả-mạo chân Pháp, thì lúc đó chân Pháp biến mất.

“Này Ca-diếp, đó không phải do yếu-tố đất làm cho chân Pháp biến mất, cũng không phải do yếu-tố nước, hay yếu-tố nhiệt, hay yếu-tố khí. Đó là do những kẻ vô tri vô giác đã sinh ra ở đây là những kẻ làm cho chân Pháp biến mất.

(1) “Chân Pháp không biến mất một cái rụp như kiểu một con tàu chìm mất.³¹³ Mà này Ca-diếp, có năm điều tệ-hại dẫn tới sự suy-tàn và sự biến-mất của chân Pháp.³¹⁴ Năm đó là gì? Ở đây, những Tỳ kheo, (i) Tỳ kheo ni, nam đệ tử tại gia, và nữ đệ tử tại gia sống *không có* sự tôn trọng và tôn kính đối với Vị Thầy (Phật); (ii) họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Giáo Pháp; (iii) họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Tăng Đoàn; (iv) họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự tu-học; (v) họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự định-tâm.³¹⁵ Này Ca-diếp, đó là năm điều tệ-hại dẫn tới sự suy-tàn và sự biến-mất của chân Pháp.

(2) “Này Ca-diếp, có năm điều dẫn tới sự trường-tồn của chân Pháp, sự không suy-tàn của nó và sự không biến-mất của nó. Năm đó là gì? Ở đây, những Tỳ kheo, (i) Tỳ kheo ni, nam đệ tử tại gia, và nữ đệ tử tại gia sống *có* sự tôn trọng và tôn kính đối với Vị Thầy (Phật); (ii) họ sống có sự tôn trọng và tôn kính đối với Giáo Pháp; (iii) họ sống có sự tôn trọng và tôn kính đối với Tăng Đoàn; (iv) họ sống có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự tu-học; (v) họ sống có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự định-tâm. Này Ca-diếp, đó là năm điều dẫn tới sự không suy-tàn và sự không biến-mất của chân Pháp.”

(SN 16:13)

Chương 17

Liên Kết LỢI-DANH

(17 Lābhasakkāra-samyutta)

(17 Tương ứng Lợi-Danh)

NHÓM 1

‘NHÓM THỨ NHẤT’

(*Paṭhama-vagga*)

[Tai Hại]

1 (1) *Tai Hại* (chết chóc)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattḥī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại (chết chóc), đắng cay, tệ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn vô thượng khỏi sự trói-buộc’.³¹⁶ Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ dẹp bỏ sự “lợi, danh, cung kính” đã khởi sinh, và chúng ta sẽ không để cho sự “lợi, danh, cung kính” đã khởi sinh còn tồn tại và ám muội tâm trí của chúng ta.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:01)

2 (2) *Lưỡi Câu*

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại, đắng cay, tệ bạc, cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn vô thượng khỏi sự trói-buộc’. Ví dụ có một ngư dân thả một lưỡi câu có mồi xuống một hồ sâu, và một con cá đang đi tìm thức ăn nước nó. Con cá đó, sau khi đã nuốt lưỡi câu của ngư dân, coi như đã gặp tai nạn và thảm họa, rồi ngư dân đó muốn làm gì nó cũng được.

“Này các Tỳ kheo, ‘Ngư dân’: là chữ để chỉ Ma Vương Ác Ma. ‘Lưỡi câu có mồi’: là chữ để chỉ sự ‘lợi, danh, cung kính’. Tỳ kheo nào thích thú

và hưởng thụ ‘lợi, danh, cung kính’ đã khởi sinh thì được gọi là một Tỳ kheo đã nuốt mỗi câu, đã gặp tai nạn và thảm họa trong tay Ác Ma. Nay các Tỳ kheo, sự ‘lợi, danh, cung kính’ thật là tai hại, đáng cay, tệ bạc, cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn vô thượng khỏi sự trói-buộc’. Do vậy, nay các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ dẹp bỏ sự “lợi, danh, cung kính” đã khởi sinh, và chúng ta không để cho sự “lợi, danh, cung kính” đã khởi sinh còn tồn tại và ám muội tâm trí của chúng ta.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:02)

3 (3) Con Rùa

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Thuở xưa có một đại gia đình rùa đã sống từ rất lâu trong một hồ nước.³¹⁷ Lúc đó một con rùa đã nói với một con rùa khác: ‘Này bạn rùa thân mến, đừng có đi tới vùng đó và vùng đó.’ Nhưng con rùa (nghe) vẫn cứ đi tới vùng đó, và một thợ săn đã phóng trúng nó bằng cây lao móc có buộc dây.³¹⁸ Rồi con rùa đó đi về gặp con rùa thứ nhất. Khi con rùa thứ nhất thấy nó đang đi đến từ xa, con rùa thứ nhất nói: ‘Này anh bạn, tôi hy vọng anh đã không tới vùng đó.’ – ‘Có, tôi đã tới vùng đó.’ – ‘Vậy tôi hy vọng bạn đã không bị đập hay bị đánh.’ – ‘Tôi không bị đập hay bị đánh; nhưng có một sợi dây cứ liên tục theo sau tôi.’ – ‘Bạn đúng thiệt đã bị đập rồi, bạn rùa thân mến; bạn đúng thiệt đã bị đánh rồi! Cha của bạn và ông của bạn cũng đã gặp tai nạn và thảm họa bởi cái dây đó rồi. Giờ thì bạn đi mất rồi, bạn rùa thân mến, bạn không còn là rùa trong đàn ở đây nữa.’ (tức sẽ bị thợ săn kéo dây bắt đi và chết)

“Này các Tỳ kheo, ‘Thợ săn’: là chữ để chỉ Ma Vương Ác Ma. ‘Lao móc có buộc dây’: là chữ để chỉ sự ‘lợi, danh, cung kính’. ‘Sợi dây’: là chữ để chỉ sự khoái-lạc và tham-dục (năm dây ngũ dục). Tỳ kheo nào thích thú và thụ hưởng sự ‘lợi, danh, cung kính’ thì được gọi là một Tỳ

kheo đã bị phóng trúng bởi lao móc có buộc dây,³¹⁹ là người đã gặp tai nạn và thảm họa trong tay của Ác Ma. Nay các Tỳ kheo, sự ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:03)

4 (4) Con Dê Lòng Dày

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Ví dụ có một con dê cái có lông dày chui vào khóm cây gai (như cây thạch nam, cây tầm xuân) thì chỗ này chỗ kia nó bị dính vướng, chỗ này chỗ kia nó bị dính kẹt, chỗ này chỗ kia nó bị dính mắc, và coi như chỗ này chỗ kia nó cứ gặp tai nạn và thảm họa. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, cung kính’, buổi sáng mặc y phục, và mang theo bình bát và cà-sa, đi vô làng hay phố thị để khất thực. Chỗ này chỗ kia người đó bị dính vướng, chỗ này chỗ kia người đó bị dính kẹt, chỗ này chỗ kia người đó bị dính mắc, và coi như chỗ này chỗ kia người đó cứ gặp tai nạn và thảm họa. ‘Lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:04)

5 (5) Con Bọ Trong Phân

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Giả sử có một con bọ, là con ăn phân, nhồi nhét đầy phân, bụng đầy phân, và trước mặt nó là một đồng phân lớn. Do được như vậy nên nó khinh rẻ những con bọ khác, nó nghĩ: ‘Ta là con ăn phân, nhồi nhét đầy phân, bụng đầy phân, và trước mặt ta có một đồng phân lớn.’ Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, cung kính’, buổi sáng mặc y áo, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô làng

hay phô thị khát thực. Người đó ăn uống thả sức mình muốn, người đó được mời tới bữa cơm ngày mai, và thức ăn khát thực của người đó rất nhiều. Khi người đó trở về tịnh xá (tu viện, chùa), người đó khoe khoang với nhóm Tỷ kheo rằng: ‘Tôi đã ăn uống thả sức tôi muốn, tôi được mời tới bữa cơm ngày mai, và thức ăn khát thực của tôi rất nhiều. Tôi là người có được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở và thuốc-thang, nhưng những Tỷ kheo khác có ít phước đức và ít ảnh hưởng (uy thế) cho nên họ không có được nhiều y-phục, thức-ăn, chỗ-ở và thuốc-thang.’ Như vậy là, do tâm của người đó bị chế ngự và ám muội bởi sự ‘lợi, danh, cung kính’, nên người đó khinh rẻ những Tỷ kheo thiện hành [hành xử thiện khéo] khác. Điều đó dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho thứ người vô tri ngu dại đó. Nay các Tỷ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:05)

6 (6) Sét Đánh

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỷ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Này các Tỷ kheo, ai bị sét đánh? Một người tu học mà sự ‘lợi, danh, cung kính’ cứ ập tới trong khi người đó chưa đạt tới lý-tưởng của tâm.³²⁰

“Này các Tỷ kheo, ‘Sét đánh’: là chữ để chỉ sự ‘lợi, danh, cung kính’. Nay các Tỷ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:06)

7 (7) Mũi Tên Tẩm Độc

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Này các Tỳ kheo, ai bị đâm bởi một mũi tên tẩm độc? Một người tu học mà sự ‘lợi, danh, cung kính’ cứ ập tới trong khi người đó chưa đạt tới lý-tưởng của tâm.³²¹

“Này các Tỳ kheo, ‘Mũi tên’: là chữ để chỉ sự ‘lợi, danh, cung kính’. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:07)

8 (8) Chó Rừng

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Các thầy có nghe một con chó rừng (giả can) già rú tiếng khi đêm sắp tàn không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Con chó già đó bị mắc một căn bệnh gọi là bệnh ghẻ lở.³²² Nó không thấy dễ chịu cho dù nó có chui vào hang, hoặc chạy tới chỗ gốc cây hay chỗ thoáng gió. Dù nó đi đâu, đứng đâu, ngồi đâu, nằm đâu, nó luôn gặp phải tai nạn và thảm họa như vậy. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, tâm của ai bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, cung kính’ thì không cảm thấy an yên (với sự sống tách ly, thanh bần) cho dù có đang ở trong chòi trống, hoặc chỗ gốc cây, hay chỗ thoáng đặng. Dù người đó đi đâu, đứng đâu, ngồi đâu, nằm đâu, người đó cứ luôn như gặp phải tai nạn và thảm họa như vậy. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:08)

9 (9) Cuồng Phong

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Này các Tỳ kheo, trên trời cao những cơn gió được gọi là những cuồng phong đang thổi.³²³ Nếu một con chim bay lên đó, những cuồng phong sẽ thổi tung nó, và khi nó bị thổi tung bởi những cuồng phong, chân nó quăng một hướng, cánh quăng hướng khác, đầu quăng hướng khác, và thân quăng hướng khác (tất cả tan tác). Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, cung kính’, buổi sáng mặc y-phục và mang bình bát và cà-sa, đi vô làng hoặc phố thị để khát thực với thân, lời-nói, và tâm không được phòng hộ, không được thiết lập trong sự chánh-niệm, không được kiểm-chế ở các giác-quan. Người đó nhìn thấy phụ nữ ăn mặc mỏng mảnh hoặc không che kín, rồi nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị xâm chiếm bởi nhục-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Rồi người ta lấy cà-sa của người đó, người nọ thì lấy bình bát, người kia lấy tấm lót ngồi thiền, và người khác lấy hộp đựng kim chỉ, (tất cả tan tác) như chim bị thổi tung bởi cuồng phong. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:09)

10 (10) Có Thêm Bài Kệ

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại (chết chóc), là đấng cay, tẻ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn vô thượng khỏi sự trói-buộc’. Này các Tỳ kheo, ta nhìn thấy một số người ở đây có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi sự *vinh* (vinh dự, vinh danh, sự tôn vinh; được vinh dự, được tôn vinh, được tưởng thưởng bởi người khác), khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

“Rồi, ta nhìn thấy một số người ở đây có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi sự *không vinh* (có vinh dự, vinh danh, sự tôn vinh; không được

vinh dự, được tôn vinh, được tưởng thưởng bởi người khác), khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

“Rồi, ta nhìn thấy một số người ở đây có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi cả sự *vinh* và sự *không vinh*, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại (chết chóc), đắng cay, tẻ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn vô thượng khỏi sự trói-buộc’. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ dẹp bỏ sự “lợi, danh, cung kính” đã khởi sinh, và chúng ta sẽ không để cho sự “lợi, danh, cung kính” đã khởi sinh còn tồn tại và ám muội tâm trí của chúng ta.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy, đã nói thêm điều này:

“Cho dù có được tẩm bằng sự tôn vinh,
Hay có bị sự chê nhục, hay cả hai
Sự định-tâm của người đó không dao động,
Khi người đó an trú trong trạng thái (định) vô lượng.³²⁴

Khi người hành thiền với sự kiên định,
Là người tuệ-thấy của sự-thấy vi tế,
Ưa thích sự phá bỏ sự chấp-thủ (phá thủ),
Người ta gọi vị đó là một bậc thượng nhân.”³²⁵

(SN 17:10)

NHÓM 2

‘NHÓM THỨ HAI’

(*Dutiya-vagga*)

[Bình Bát]

11 (1) *Bình Bát Vàng*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Này các Tỳ kheo, ta đã biết một người (Tỳ kheo) ở đây sau khi bằng tâm ta bao trùm tâm người đó: ‘Người này không nói một lời nói-dối cố ý cho dù để có được một bình bát bằng vàng đựng đầy bạc nhuộm (bột).’ Nhưng một thời gian sau đó ta nhìn thấy người này, tâm người này lại bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, cung kính’ nên có nói lời nói-dối cố ý. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:11)

12 (2) *Bình Bát Bạc*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Này các Tỳ kheo, ta đã biết một người (Tỳ kheo) ở đây sau khi bằng tâm ta bao trùm tâm người đó: ‘Người này không nói một lời nói-dối cố ý cho dù để có được một bình bát bằng bạc đựng đầy bằng vàng nhuộm.’ Nhưng một thời gian sau đó ta nhìn thấy người này, tâm người này lại bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, cung kính’ nên có nói lời nói-dối cố ý. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:12)

13 (3) Một Đồng Tiền Vàng Suvanṇa

14 (4) Một Trăm Đồng Tiền Vàng Suvanṇa

15 (5) Một Đồng Tiền Vàng Sīṅgi

16 (6) Một Trăm Đồng Tiền Vàng Sīṅgi

17 (7) Trái Đất Chứa Toàn Vàng

18 (8) Mọi Phần Thượng Vật Chất

19 (9) Mạng Sống

20 (10) Hoa Hậu Của Vùng Đất

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Này các Tỳ kheo, ta đã biết một người (Tỳ kheo) ở đây sau khi bằng tâm ta bao trùm tâm người đó: ‘Người này không nói lời nói-dối cố ý cho dù để có được một đồng tiền vàng *suvanṇa* ... cho dù để có được một trăm đồng tiền vàng *suvanṇa* ... cho dù để có được một đồng tiền vàng *sīṅgi* ³²⁶ ... cho dù để có được một trăm đồng tiền vàng *sīṅgi* ... cho dù để có được cả trái đất chứa toàn vàng ... cho dù để có được mọi phần thượng vật chất ... cho dù để có được (vì) mạng sống ... cho dù để có được hoa hậu của vùng đất.³²⁷ Nhưng thời gian sau ta nhìn thấy người này, tâm người này lại bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, cung kính’ nên có nói lời nói-dối cố ý. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:13–20)

NHÓM 3
‘NHÓM THỨ BA’
(*Tatiya-vagga*)

[Phụ Nữ]

21 (1) Một Phụ Nữ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Này các Tỳ kheo, cho dù một người đang ở riêng với một phụ nữ, người phụ nữ đó có thể không ám muội tâm trí người đó, nhưng sự ‘lợi, danh, cung kính’ vẫn ám muội tâm trí người đó. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:21)

22 (2) Hoa Hậu Của Vùng Đất

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Này các Tỳ kheo, cho dù một người đang ở riêng với hoa hậu của vùng đất, người phụ nữ đó có thể không ám muội tâm trí người đó, nhưng sự ‘lợi, danh, cung kính’ vẫn ám muội tâm trí người đó. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:22)

23 (3) Con Trai Duy Nhất

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Một nữ đệ tử thành tín (với Tam Bảo) nêu ước nguyện một cách chân chính cho con trai

duy nhất của mình, đưa con yêu dấu và thân thương, thì nên ước nguyện cho con trai như vậy:

‘Này con yêu dấu, cầu mong con trở thành người như gia chủ Citta và gia chủ Hatthaka của xứ Ālavaka’— vì đây là tiêu chuẩn và tiêu chí cho những nam đệ tử của ta là người tại-gia [các cư sĩ nam], đó là, gia chủ Citta và gia chủ Hatthaka của xứ Ālavaka.³²⁸

‘Nhưng, này con yêu dấu, nếu con từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, cầu mong con trở thành người như ngài Xá-lợi-phất và ngài Mục-kiền-liên’— vì đây là tiêu chuẩn và tiêu chí cho các đệ tử nam của ta là người xuất-gia [các Tỳ kheo], đó là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

‘Rồi, này con yêu dấu, trong khi con là một người đang tu tập, người chưa đạt tới lý-tưởng của tâm mình (chưa chứng A-la-hán), thì cầu mong cho sự ‘lợi, danh, cung kính’ không xảy đến với con!’

“Này các Tỳ kheo, nếu sự ‘lợi, danh, cung kính’ xảy đến với một Tỳ kheo khi người đó là một người đang tu tập, người chưa đạt tới lý-tưởng của tâm mình, thì đó là một chướng-ngại đối với người đó. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:23)

24 (3) Con Gái Duy Nhất

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Một nữ đệ tử thành tín (với Tam Bảo) nêu ước nguyện một cách chân chính cho con gái duy nhất của mình, đưa con yêu dấu và thân thương, thì nên ước nguyện cho con gái như vậy:

‘Này con yêu dấu, cầu mong con trở thành người như cô Khujjuttarā, nữ đệ tử tại gia và cô Velukaṇḍakiyā (tức Uttarā) mẹ của Nanda’— vì đây

là tiêu chuẩn và tiêu chí cho các nữ đệ tử của ta là người tại-gia [các cư sĩ nữ], đó là Khujjuttarā, nữ đệ tử tại gia và Velukaṇḍakiyā mẹ của Nanda.³²⁹

‘Nhưng, này con yêu dấu, nếu con từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, cầu mong con trở thành người như Tỳ kheo ni Khemā và Tỳ kheo ni Uppalavaṇṇā’— vì đây là tiêu chuẩn và tiêu chí cho những nữ đệ tử của ta là người xuất-gia [các Tỳ kheo ni], đó là, Khemā và Uppalavaṇṇā.

‘Rồi, này con yêu dấu, trong khi con là một người đang tu tập, người chưa đạt tới lý-tưởng của tâm mình (chưa chứng A-la-hán), thì cầu mong cho sự ‘lợi, danh, cung kính’ không xảy đến với con!’

“Này các Tỳ kheo, nếu sự ‘lợi, danh, cung kính’ xảy đến với một Tỳ kheo ni khi người đó là một người đang tu tập, người chưa đạt tới lý-tưởng của tâm mình, thì đó là một chướng-ngại đối với người đó. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:24)

25 (5) Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (1)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào *không* hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sự ‘lợi, danh, cung kính’,³³⁰ đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số các tu sĩ hay bà-la-môn trong số bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự-biết trực tiếp, cho nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với sự ‘lợi, danh, cung kính’, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những

tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 17:25)

26 (6) Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào *không* hiểu được nguồn-gốc và sự chấm-dứt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với sự ‘lợi, danh, cung kính’, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ ...

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được nguồn-gốc và sự chấm-dứt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với sự ‘lợi, danh, cung kính’, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 17:26)

27 (7) Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (3)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào *không* hiểu được sự ‘lợi, danh, cung kính’, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó: thì những người đó ta không coi là tu sĩ

... 331

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 17:27)

28 (8) Da

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Sự ‘lợi, danh, cung kính’ cắt xuyên qua lớp da ngoài, rồi cắt xuyên qua lớp da trong, rồi xuyên qua thịt, rồi xuyên qua gân, rồi xuyên qua xương. Sau khi cắt xuyên qua xương, chúng cắt tới tủy sống. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:28)

29 (9) Sợi Dây

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Sự ‘lợi, danh, cung kính’ cắt qua lớp da ngoài, rồi cắt qua lớp da trong, rồi cắt qua lớp thịt, rồi cắt qua gân, rồi cắt qua xương. Sau khi cắt qua xương, chúng cắt xuyên tủy sống. Này các Tỳ kheo, ví dụ có một lực sĩ xiết chặt chân của một người bằng sợi dây làm từ lông ngựa và cứ xiết chặt nó. Nó có thể cắt qua lớp da ngoài, rồi cắt qua lớp da trong, rồi cắt qua lớp thịt, rồi cắt qua gân, rồi cắt qua xương. Sau khi cắt qua xương, nó có thể cắt tới tủy sống. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự ‘lợi, danh, cung kính’ cắt qua lớp da ngoài ... cắt tới tủy sống. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:29)

30 (10) Một Tỳ Kheo (A-la-hán)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự ‘lợi, danh, cung kính’, ta nói, là một trở ngại đối với ngay cả một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm (lậu tận).”

Khi điều này được nói ra, Ngài Ānanda liền hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, tại sao sự ‘lợi, danh, cung kính’ vẫn còn là một chướng-ngại đối với một Tỳ kheo đã diệt sạch ô-nhiễm?”

“Này Ānanda, ta không nói rằng sự ‘lợi, danh, cung kính’ là một trở ngại đối với ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ của người đó. Nhưng ta nói chúng là một trở ngại đối với [sự đạt được] những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này, đó là những sự an trú hạnh phúc đạt được bởi một người tu sống chuyên chú, nhiệt thành và kiên định.³³² Này Ānanda, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại, cay đắng, tẻ bạc, cản trở cho sự đạt tới ‘sự an-toàn vô thượng khỏi sự trôi-buộc’. Do vậy, này Ānanda, thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ dẹp bỏ sự ‘lợi, danh, cung kính’ đã khởi sinh, và chúng ta sẽ không để cho sự ‘lợi, danh, cung kính’ đã khởi sinh còn tồn tại và ám muội tâm trí của chúng ta.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:30)

NHÓM 4

‘NHÓM THỨ TU’

(*Catuttha-vagga*)

[Sự Chia Rẽ Trong Tăng Đoàn]

31 (1) *Sự Chia Rẽ*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại (chết chóc), là đắng cay, tẻ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn vô thượng khỏi sự trôi-buộc’. Vì tâm của ông ấy đã bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, cung kính’, cho nên Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) mới gây ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:31)

32 (2) *Gốc Rễ Thiện*

... “Vì tâm của ông ấy đã bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, cung kính’, cho nên gốc rễ thiện lành của Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã bị cắt đứt.³³³ Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:32)

33 (3) *Bản Chất Thiện*

... “Vì tâm của ông ấy đã bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, cung kính’, cho nên bản chất thiện của Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã bị cắt đứt ...

(SN 17:33)

34 (4) Bản Chất Sáng

... “Vì tâm của ông ấy đã bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, cung kính’, cho nên bản chất sáng của Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã bị cắt đứt ...

(SN 17:34)

35 (5) Không Lâu Sau Khi Ông Ta Bỏ Đi ...

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền, không lâu sau khi Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã bỏ đi (khỏi giáo đoàn của Phật). Ở đó, khi đề cập tới Đề-bà-đạt-đa, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:³³⁴

“Này các Tỳ kheo, cái sự ‘lợi, danh, cung kính’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh dẫn tới sự tàn hoại và hủy diệt của chính ông ấy. Giống như (1) cây chuối lá, (2) cây tre, hay (3) cây sậy khi nó ra hoa kết quả là dẫn tới sự tàn hoại và hủy diệt của chính nó; cũng giống vậy, sự ‘lợi, danh, cung kính’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh là dẫn tới sự tàn hoại và hủy diệt của chính ông ấy. (4) Giống như một con la khi nó mang thai là dẫn tới sự tàn hoại và hủy diệt của chính nó; cũng giống vậy, cái sự ‘lợi, danh, cung kính’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh là dẫn tới sự tàn hoại và hủy diệt của chính ông ta. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy, đã nói như vậy:

Như chính trái quả của mình hủy diệt mình
Là cây chuối, cây tre, và cây sậy
Như chính bào thai của mình hủy diệt con la
Cũng như cái ‘danh’ hủy diệt kẻ vô lại.

(SN 17:35)

36 (6) Năm Trăm Cỗ Xe

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Bấy giờ, lúc đó Hoàng tử A-xà-thế (Ajātasattu) đang tới gặp Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) vào buổi sáng và buổi chiều với năm trăm cỗ xe và phần thức ăn được chuyển tới trong năm trăm cái nôi cho thầy ấy. Rồi một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại chuyện đó cho đức Thế Tôn. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Này các Tỳ kheo, đừng ghen tỵ với sự ‘lợi, danh, cung kính’ của Đề-bà-đạt-đa. Chừng nào Hoàng tử A-xà-thế còn đến gặp Đề-bà-đạt-đa buổi sáng và chiều với năm trăm cỗ xe và phần thức ăn được chuyển tới trong năm trăm cái nôi cho ông ta như vậy, thì có thể biết trước rằng: đối với Đề-bà-đạt-đa những trạng thái thiện lành chỉ càng suy giảm, chứ không tăng trưởng.

“Giống như một con chó hoang càng thêm hoang dại khi người ta rắc mật đắng tanh lên mũi của nó;³³⁵ cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, chừng nào Hoàng tử A-xà-thế còn đến gặp Đề-bà-đạt-đa ... thì có thể biết trước rằng: đối với Đề-bà-đạt-đa những trạng thái thiện lành chỉ càng suy giảm, chứ không tăng trưởng. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại ... Do vậy ... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:16)

37 (7) Mẹ**38 (8) Cha****39 (9) Anh****40 (10) Chị****41 (11) Con Trai**

42 (12) Con Gái

43 (13) Vợ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại (chết chóc), là cay đắng, tệ bạc (nghiệt ngã), cản trở cho sự đạt tới ‘sự an-toàn vô thượng khỏi sự trói-buộc’. Này các Tỳ kheo, ta đã biết một người sau khi bằng tâm ta bao trùm tâm người đó: ‘Người này không nói một lời nói-dối cố ý cho dù ngay cả vì mẹ mình ... cho dù ngay cả vì cha mình ... cho dù ngay cả vì anh mình ... chị mình ... con trai mình ... con gái mình ... vợ mình.’³³⁶ Nhưng một thời gian sau ta nhìn thấy người đó, tâm của người đó lại bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, cung kính’ nên có nói lời nói-dối cố ý.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, cung kính’ là tai hại, cay đắng, tệ bạc, cản trở cho sự đạt tới ‘sự an-toàn vô thượng khỏi sự trói-buộc’. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ dẹp bỏ sự ‘lợi, danh, cung kính’ đã khởi sinh, và chúng ta sẽ không để cho sự ‘lợi, danh, cung kính’ đã khởi sinh còn tồn tại và ám muội tâm trí chúng ta.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:16–43)

Chương 18

Liên Kết RĀHULA

(18 Rāhula-samyutta)

(18 Tương ứng La-Hầu-La)

NHÓM 1

‘NHÓM THỨ NHẤT’

(*Paṭhama-vagga*)

1 (I) Mắt ...

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó Ngài Rāhula (La-hầu-la) đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn.³³⁷

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, dễ mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, thu mình, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Rāhula, thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Là khổ, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã’ của ta’?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Tai ... lưỡi ... thân ... tâm là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Là khổ, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã’ của ta’?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy ném trái (thấy) sự ghê-sợ đối với mắt, sự ghê-sợ đối với tai, sự ghê-sợ đối với mũi, sự ghê-sợ đối với lưỡi, sự ghê-sợ đối với thân, sự ghê-sợ đối với tâm. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát.³³⁸ Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Tâm được giải-thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:01)

2 (2) *Những Hình-Sắc ...*

... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, những hình-sắc (sắc) ... những âm-thanh (thanh) ... những mùi-hương (hương) ... những mùi-vị (vị) ... những đối-tượng chạm xúc (xúc) ... những hiện-tượng thuộc tâm (pháp) là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” ...

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy ném trái (thấy) sự ghê-sợ đối với những hình-sắc ... sự ghê-sợ đối với những hiện-tượng thuộc tâm. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ ... Người đó hiểu rằng: ‘... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:02)

3 (3) *Thức* (thức)

... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, thức mắt (nhãn thức) ... thức tai (nhĩ thức) ... thức mũi (tỷ thức) ... thức lưỡi (thiệt thức) ... thức thân (thân thức) ... thức tâm (tâm thức) là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” ...

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy ném trái (thấy) sự ghê-sợ đối với thức mắt ... thức tâm. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ ... Người đó hiểu rằng: ‘... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:03)

4 (4) *Sự Tiếp Xúc* (xúc)

... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, sự tiếp-xúc ở mắt (nhãn xúc) ... tiếp-xúc ở tai (nhĩ xúc) ... tiếp-xúc ở mũi (tỷ xúc) ... tiếp-xúc ở lưỡi (thiệt xúc) ... tiếp-xúc ở thân (thân xúc) ... tiếp-xúc ở tâm (tâm xúc) là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” ...

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy nếm trải (thấy) sự ghê-sợ đối với sự tiếp-xúc ở mắt ... sự tiếp-xúc ở tâm. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ ... Người đó hiểu rằng: ‘... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:04)

5 (5) *Cảm-giác* (thọ)

... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt ... cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc ở tai ... cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc mũi ... cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc lưỡi ... cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc thân ... cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc tâm là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” ...

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy nếm trải (thấy) sự ghê-sợ đối với cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt ... cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc tâm. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ ... Người đó hiểu rằng: ‘... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:05)

6 (6) *Nhận Thức* (tưởng)

... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, sự nhận-thức về những hình-sắc ... nhận-thức về những âm-thanh ... nhận-thức về những mùi-hương ... nhận-thức về những mùi-vị ... nhận-thức về những đối-tượng chạm xúc

... nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” ...

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy nếm trải (thấy) sự ghê-sợ đối với nhận-thức về những hình-sắc ... nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ ... Người đó hiểu rằng: ‘... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:06)

7 (7) *Sự Cố Ý* (tư)

... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, sự cố-ý đối với những hình-sắc ... sự cố-ý đối với những âm-thanh ... sự cố-ý đối với những mùi-hương ... sự cố-ý đối với những mùi vị ... sự cố-ý đối với những đối tượng chạm xúc ... sự cố-ý đối với những hiện-tượng thuộc tâm là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” ...

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy nếm trải (thấy) sự ghê-sợ đối với sự cố-ý đối với những hình-sắc ... sự cố-ý đối với những hiện-tượng thuộc tâm. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ ... Người đó hiểu rằng: ‘... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:07)

8 (8) *Dục Vọng* (ái)

... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, dục-vọng đối với những hình-sắc ... dục-vọng đối với những âm-thanh ... dục-vọng đối với những mùi-hương ... dục-vọng đối với những mùi vị ... dục-vọng đối với những đối-tượng chạm xúc ... dục-vọng đối với những hiện-tượng thuộc tâm là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” ...

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy ném trái (thấy) sự ghê-sợ đối với dục-vọng đối với những hình-sắc ... dục-vọng đối với những hiện-tượng thuộc tâm. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ ... Người đó hiểu rằng: ‘... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:08)

9 (9) Các Yếu Tố (giới)

... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, yếu-tố đất ... yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí ... yếu-tố không gian ... yếu-tố thức là thường hằng hay vô thường?”³³⁹ – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy ném trái (thấy) sự ghê-sợ đối với yếu-tố đất ... yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí ... yếu-tố không gian ... yếu-tố thức. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ ... Người đó hiểu rằng: ‘... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:09)

10 (10) Các Uẩn (đồng, tập hợp, tổ hợp)

... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, sắc-thân (sắc) ... cảm-giác (thọ) ... nhận-thức (tưởng) ... những sự tạo-tác (hành) ... thức (thức), là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy ném trái (thấy) sự ghê-sợ đối với sắc-thân ... thức. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ ... Người đó hiểu rằng: ‘... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:10)

NHÓM 2

‘NHÓM THỨ HAI’

(*Dutiya-vagga*)

11 (1) Mắt ...

12 (2) Những Hình-sắc ...

13 (3) Thức (thức)

14 (4) Sự Tiếp-Xúc (xúc)

15 (5) Cảm-giác (thọ)

16 (6) Nhận-Thức (tưởng)

17 (7) Sự Cố-Ý (tư)

18 (8) Dục-Vọng (ái)

19 (9) Những Yếu-Tố (xứ)

20 (10) Các Ủn (đồng, tập hợp, tổ hợp)

[10 bài kinh này là giống hệt như 10 bài kinh kể trên (**18:01–10**), tức **NHÓM 1**, chỉ khác là trong những bài kinh này Đức Phật đã tự đặt câu hỏi cho Rāhula thay vì Rāhula đến hỏi Phật giảng giải về những giáo lý này.]

21 (11) Khuynh-Hướng Tiềm Ẩn (tùy miên)

Ở Sāvattihī.

Lúc đó Ngài Rāhula đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, làm sao một người biết, làm sao một người thấy để cho: đối với thân có-thức này (tức: thân có-thức của mình) và đối với tất cả những hình-tướng ở bên ngoài (tức: thân có-thức của chúng sinh khác ...), thì cái sự tạo-nên (đặt nên, chấp có) cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’,

và cái khuynh-hướng tiềm ẩn của (tạo ra) sự ‘tự-ta’ (tùy miên ngã mạn) *không còn xảy ra ở bên-trong (tâm) nữa?*”³⁴⁰

“Này Rāhula, mọi sắc-thân (sắc) dù là loại gì: thuộc quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, thấp nhược hay cao siêu, xa hay gần—³⁴¹ một người nhìn thấy tất cả mọi thể sắc-thân, đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã’ của ta.’

“Mọi loại cảm-giác (thọ) ... Mọi loại nhận-thức (tưởng) ... Mọi loại sự tạo-tác (hành) ... Mọi loại thức (thức) dù là loại gì: thuộc quá khứ, hay tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, thấp nhược hay cao siêu, xa hay gần— một người nhìn thấy mọi cảm-giác ... thức, đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là cái ‘bản ngã’ của ta.’

“Khi một người biết và thấy như vậy, này Rāhula, thì: đối với thân có-thức này và đối với tất cả những hình-tướng bên ngoài, cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn của (tạo ra) sự tự-ta *không còn xảy ra ở bên-trong (tâm) nữa*”

(SN 18:21)

22 (12) *Không-Còn* (đã loại bỏ hết)

Ở Sāvattthī.

Lúc đó Ngài Rāhula đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, làm sao một người biết, làm sao một người thấy, để cho: đối với thân có-thức này và đối với tất cả những hình-tướng ở bên ngoài, tâm *không còn* [đã loại bỏ hết] cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn của (tạo ra) sự tự-ta (tùy-miên ngã

mạn), (nó) đã vượt khỏi sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách hay khéo?”³⁴²

“Này Rāhula, mọi sắc-thân dù là loại gì: thuộc quá khứ, hay tương lai hay hiện tại, thô tế hay vi tế, thấp nhược hay cao siêu, xa hay gần— sau khi đã nhìn thấy mọi sắc-thân đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là cái ‘bản ngã’ của ta’, thì người đó được giải-thoát nhờ sự không-còn chấp thủ.

“Mọi loại cảm-giác ... Mọi loại nhận-thức ... Mọi loại sự tạo-tác ... Mọi loại thức dù là loại gì: dù là quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, xa hay gần— sau khi đã nhìn thấy mọi cảm-giác ... mọi thức đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là cái ‘bản ngã’ của ta’, thì người đó được giải-thoát nhờ sự không-còn chấp thủ.

“Này Rāhula, khi một người biết và thấy như vậy, thì: đối với thân có-thức này và đối với tất cả những hình-tướng ở bên ngoài, tâm *không còn* sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn của sự tự-ta, (nó) đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách hay khéo.”

(SN 18:22)

Chương 19

Liên Kết LAKKHAṆA

(19 *Lakkhaṇa-samyutta*)

(19 *Tương ứng Lakkhaṇa*)

NHÓM 1

‘NHÓM THỨ NHẤT’

(*Paṭhama-vagga*)

1 (I) Bộ Xương

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Bảy giờ, lúc đó có Ngài Lakkhaṇa và Ngài Đại Mục-kiền-liên đang ở trên Đỉnh Núi Kền Kền.³⁴³ Lúc đó, vào buổi sáng, thầy Đại Mục-kiền-liên mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, thầy đến gặp thầy Lakkhaṇa và nói với thầy ấy:

“Đi nào, đạo hữu Lakkhaṇa, chúng ta cùng đi vô thành Rājagaha để khát thực.”

“Được rồi, này đạo hữu”, thầy Lakkhaṇa đáp lại. Rồi, khi đang đi xuống từ Đỉnh Núi Kền Kền, thầy Đại Mục-kiền-liên có lúc thể hiện một nụ cười trên đường đi.³⁴⁴ Thầy Lakkhaṇa liền nói với thầy: “Này đạo hữu, vì lý do gì mà thầy thể hiện một nụ cười?”

“Lúc này không hợp để hỏi, này đạo hữu Lakkhaṇa. Hãy hỏi câu hỏi này khi chúng ta có mặt đức Thế Tôn.”

Rồi, sau khi thầy Lakkhaṇa và thầy Đại Mục-kiền-liên đã đi khát thực trong thành Rājagaha và trở về sau một vòng đi khát thực, sau khi ăn trưa, họ đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thầy Lakkhaṇa nói với thầy Đại Mục-kiền-liên: “Ồ đây, khi đang đi xuống từ Đỉnh Núi Kền Kền, thầy Đại Mục-kiền-liên có lúc đã thể hiện một nụ cười trên đường đi. Này đạo hữu Mục-kiền-liên, vì lý do gì mà thầy đã thể hiện một nụ cười như vậy?”

“Đó là, này đạo hữu, khi tôi đang đi xuống từ Đỉnh Núi Kền Kền, tôi đã nhìn thấy một bộ xương đang bay trong không trung. Những con kền kền, quạ, và điều hâu bay đuổi sát theo nó, mổ cắn chổ giữa các xương

sườn, đâm mỗ nó, và cắn xé nó ra trong khi nó phát ra những tiếng kêu thét đau đớn.³⁴⁵ Điều này đã xảy đến với tôi: ‘Thật kỳ diệu, thật vậy! Thật đáng ngạc nhiên, thật vậy! Rằng có thể có một chúng sinh như vậy, rằng có thể có một ‘hồn ma’ như vậy, rằng có thể có một dạng hiện-hữu cá thể như vậy!’³⁴⁶

Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo, có những đệ tử sống sau khi đã trở thành sự-thấy (tầm nhìn), đã trở thành sự-biết (trí biết), trong đó một đệ tử có thể biết, thấy, và chứng kiến một cảnh tượng như vậy. Này các Tỳ kheo, trước đây ta cũng nhìn thấy chúng sinh đó, nhưng ta đã không nói về điều đó, vì nếu ta nói những người khác có thể sẽ không tin ta, và nếu họ không tin ta, điều đó sẽ dẫn sự nguy-hại và sự khổ-đau dài lâu cho họ.

“Này các Tỳ kheo, (kiếp trước) chúng sinh đó đã từng là người giết thịt gia-súc (trâu, bò, heo...) cũng ở vùng Rājagaha này. Sau khi đã bị đọa trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm vì quả báo của nghiệp (ác) đó; giờ do quả báo của nghiệp (ác) đó vẫn còn sót, cho nên hiện tại chúng sinh đó đang nếm trải một dạng hiện-hữu cá thể như vậy.”³⁴⁷

(SN 19:01)

[Những kinh tiếp theo cũng giống khuôn-mẫu của kinh đầu tiên này. Ở đây làm đúng theo bản gốc Pāli, chỉ ghi lại phần câu chữ khác-nhau trong các kinh mà thôi.]

2 (2) Miếng Thịt

... “Đó là, này đạo hữu, khi tôi đang đi xuống từ Đỉnh Núi Kền Kền, tôi đã nhìn thấy một miếng thịt đang bay trong không trung. Những con kền kền, quạ, và điều hâu bay đuổi sát theo nó, đâm mỗ nó, và cắn xé nó ra trong khi nó phát ra những tiếng kêu thét đau đớn.” ...

“Chúng sinh đó đã từng là người giết thịt gia-súc cũng ở vùng Rājagaha này ...”³⁴⁸

(SN 19:02)

3 (3) Cục Thịt

... “Tôi đã nhìn thấy một cục thịt đang bay...”

“Chúng sinh đó đã từng là người giết thịt gia-cầm (gà, vịt ...) cũng ở vùng Rājagaha này ...”

(SN 19:03)

4 (4) Người Bị Lột Da

... “Tôi đã thấy một người bị lột da đang bay ...”

“Chúng sinh đó đã từng là người giết thịt cừu cũng ở vùng Rājagaha này ...”

(SN 19:04)

5 (5) Lông Bằng Lưỡi Kiếm

... “Tôi đã nhìn thấy một người với thân có lông bằng lưỡi kiếm đang bay trong không trung. Những lưỡi kiếm cứ mọc lên và đâm vào thân thể người đó trong khi người đó phát ra những tiếng kêu thét đau đớn ...”

“Chúng sinh đó đã từng là người giết thịt heo cũng ở vùng Rājagaha này ...”

(SN 19:05)

6 (6) Lông Bằng Lưỡi Giáo

... “Tôi đã nhìn thấy một người với thân có lông bằng lưỡi giáo đang bay trong không trung. Những lưỡi giáo cứ mọc lên và đâm vào thân thể người đó trong khi người đó phát ra những tiếng kêu thét đau đớn ...”

“Chúng sinh đó đã từng là người săn bắn hươu nai cũng ở vùng Rājagaha này ...”

(SN 19:06)

7 (7) *Lông Bằng Mũi Tên*

... “Tôi đã nhìn thấy một người với thân có lông bằng mũi tên đang bay trong không trung. Những mũi tên cứ mọc lên và đâm vào thân thể người đó trong khi người đó phát ra những tiếng kêu thét đau đớn ...”

“Chúng sinh đó đã từng là người tra tấn (người khác) cũng ở vùng Rājagaha này ...”³⁴⁹

(SN 19:07)

8 (8) *Lông Bằng Kim (1)*³⁵⁰

... “Tôi đã nhìn thấy một người có thân với lông bằng kim nhọn đang bay trong không trung. Những cây kim cứ mọc lên và đâm vào thân thể người đó trong khi người đó phát ra những tiếng kêu thét đau đớn ...”

“Chúng sinh đó đã từng là người huấn luyện ngựa (thường đánh đập ngựa) cũng ở vùng Rājagaha này ...”

(SN 19:08)

9 (9) *Lông Bằng Kim (2)*

... “Tôi đã nhìn thấy một người có thân với lông bằng kim nhọn đang bay trong không trung. Những cây kim đó chui vô đầu người đó rồi đâm ra ở miệng; chúng chui vô miệng rồi đâm ra ở ngực; chúng chui vô ngực rồi đâm ra ở bụng; chúng chui vô bụng rồi đâm ra ở đùi; chúng chui vô đùi rồi đâm ra ở bắp chân; chúng chui vô bắp chân rồi đâm ra ở bàn chân, trong khi người đó phát ra những tiếng kêu thét đau đớn ...”

“Chúng sinh đó đã từng là kẻ vu khống vu oan cũng ở vùng Rājagaha này ...”³⁵¹

(SN 19:09)

10 (10) Tinh Hoàn Bằng Cái Nồi

... “Tôi đã nhìn thấy một người có hai tinh hoàn giống như hai cái nồi đang bay trong không trung. Những con kền kền, quạ, và diều hâu bay đuổi theo sát, cắn mổ ông ta và xé xác ông ta ra trong khi ông ta phát ra những tiếng kêu thét đau đớn ...”

“Chúng sinh đó đã từng là một quan tòa tham nhũng cũng ở vùng Rājagaha này ...”³⁵²

(SN 19:10)

NHÓM 2

‘NHÓM THỨ HAI’

(*Dutiya-vagga*)

11 (1) *Đầu Bị Dìm*

... “Tôi nhìn thấy một người đàn ông với cái đầu bị dìm ngập trong đồng phân ...”

“Chúng sinh đó (kiếp trước) đã từng là một kẻ dâm phu (với vợ người khác) cũng ở trong vùng Rājagaha này ...”³⁵³

(SN 19:11)

12 (2) *Người Ăn Phân*

... “Tôi đã nhìn thấy một người đàn ông với cái đầu bị dìm ngập trong đồng phân, đang hót phân ăn bằng cả hai tay ...”

“Này các Tỳ kheo, chúng sinh đó đã từng là một bà-la-môn tàn ác cũng ở trong vùng Rājagaha này. Vào thời kiếp của Đức Phật Ca-Điếp đang giáo hóa (thế gian), ông đã mời Tăng Đoàn các Tỳ kheo bữa cơm. Nhưng ông bỏ phân vào các nồi đựng cơm và nói với các Tỳ kheo: ‘Này các ngài, các ngài muốn bao nhiêu cứ ăn cho đã và mang luôn phần còn lại đi về.’ ...”³⁵⁴

(SN 19:12)

13 (3) *Người Phụ Nữ Bị Lột Da*

... “Tôi đã nhìn thấy một phụ nữ bị lột da đang bay trong không trung. Những con kền kền, quạ, và điều hâu bay đuổi theo sát, cắn mổ bà ta và xé xác bà ta trong khi bà phát ra những tiếng kêu thét đau đớn ...”

“Người phụ nữ đó từng là kẻ dâm phụ (ngoại tình với đàn ông khác) cũng ở trong vùng Rājagaha này ...”³⁵⁵

(SN 19:13)

14 (4) Người Đàn Bà Xấu Xí

... “Tôi nhìn thấy một phụ nữ, bốc mùi hôi thúi và xấu xí, đang bay trong không trung. Những con kền kền, quạ, và điều hâu bay đuổi theo sát, cắn mổ và xé xác bà trong khi bà phát ra những tiếng kêu thét đau đớn ...”

“Người phụ nữ đó từng là một thầy bói cũng ở trong vùng Rājagaha này ...”³⁵⁶

(SN 19:14)

15 (5) Người Đàn Bà Cháy Bốc Khói

... “Tôi đã nhìn thấy một phụ nữ, vớ thân đang cháy nung, cháy bốc khói, dính đầy mụi than đen, đang bay trong không trung, trong khi bà ta đang phát ra những tiếng kêu thét đau đớn ...”³⁵⁷

“Người phụ nữ đó từng là hoàng hậu chánh cung của vua xứ Kalinga. Do tính ghen tỵ, bà ta đã đổ một nồi than cháy lên người một trong những thê thiếp của nhà vua ...”

(SN 19:15)

16 (6) Thân Không Đầu

... “Tôi nhìn thấy một cái thân người không đầu đang bay trong không trung; mắt và miệng nằm ở trên ngực. Những con kền kền, quạ, và điều hâu bay đuổi theo sát, cắn mổ vào nó và xé xác nó ra, trong khi nó phát ra những tiếng kêu thét đau đớn ...”

“Chúng sinh đó từng là một kẻ hành quyết (đồ tể) tên là Hārika cũng ở trong vùng Rājagaha này ...”

(SN 19:16)

17 (7) Tỳ Kheo Xấu Ác

... “Tôi nhìn thấy một Tỳ kheo đang bay trong không trung. Áo cà-sa, bình bát, dây thắt lưng, và thân đang bốc cháy, phụt cháy, và bùng cháy trong khi người đó phát ra những tiếng kêu thét đau đớn ...”

“Tỳ kheo đó từng là Tỳ kheo xấu ác vào thời của Đức Phật Ca-Diếp đang giáo hóa...”³⁵⁸

(SN 19:17)

18 (8) Tỳ Kheo Ni Xấu Ác

... “Tôi đã nhìn thấy một Tỳ kheo ni đang bay trong không trung. Áo cà-sa, bình bát, dây thắt lưng, và thân đang bốc cháy, phụt cháy, và bùng cháy trong khi người đó phát ra những tiếng kêu thét đau đớn ...”

“Tỳ kheo ni đó từng là Tỳ kheo ni xấu ác vào thời của Đức Phật Ca-Diếp đang giáo hóa...”

(SN 19:18)

19 (9) Một Nữ Tu Tập Sự Xấu Ác

20 (10) Một Sa-Di Xấu Ác

21 (11) Một Sa-Di Ni Xấu Ác

... “Đó là, này đạo hữu, khi tôi đang đi xuống từ Đỉnh Núi Kền Kền, tôi đã nhìn thấy một nữ tu tập sự ... một sa-di ... một sa-di ni đang bay trong không trung. Áo cà-sa, bình bát, dây thắt lưng, và thân đang bốc cháy, phụt cháy, và bùng cháy trong khi người đó phát ra những tiếng kêu thét đau đớn. Điều này đã xảy đến với tôi: ‘Thật kỳ diệu, thật vậy! Thật đáng ngạc nhiên, thật vậy! Rằng có thể có một chúng sinh như vậy, rằng có thể có một ‘hồn ma’ như vậy, rằng có thể có một dạng hiện-hữu cá thể như vậy!’”

Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo, có những đệ tử sống sau khi đã trở thành sự-thấy (tầm nhìn), đã trở thành sự-biết (trí biết), trong đó một đệ tử có thể biết, thấy, và chứng kiến một

cảnh tượng như vậy. Nay các Tỳ kheo, trước đây ta cũng nhìn thấy chúng sinh đó, nhưng ta đã không nói về điều đó, vì nếu ta nói những người khác có thể sẽ không tin ta, và nếu họ không tin ta, điều đó sẽ dẫn sự nguy-hại và sự khổ-đau dài lâu cho họ.

“Này các Tỳ kheo, (kiếp trước) nữ tu tập sự đó ... sa-di đó ... sa-di ni đó đã từng là một nữ tu tập sự xấu ác ... một sa-di xấu ác ... một sa-di ni xấu ác trong thời của Đức Phật Ca-Diếp đang giáo hóa. Sau khi đã bị đày đọa trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm vì quả báo của nghiệp (ác) đó, do quả báo của nghiệp (ác) đó vẫn còn sót lại, nên hiện tại chúng sinh đó đang nếm trải một dạng hiện-hữu cá thể như vậy.”

(SN 19:19–21)

Chương 20

Liên Kết VÍ DỤ

(20 *Opamma-samyutta*)

(20 *Tương ứng Thí Dụ*)

1 **Đỉnh Chóp Mái Nhà**

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, ví dụ những thanh xà dọc của một căn nhà có mái chóp thì đều dẫn lên đỉnh chóp và hội tụ nơi đỉnh chóp, và tất cả chúng sẽ bị dỡ bung khi đỉnh chóp bị gỡ đi. Cũng giống như vậy, tất cả những trạng thái bất thiện được bắt rễ từ vô-minh và hội tụ chỗ vô-minh, và tất cả chúng sẽ được bứng bỏ khi vô-minh được bứng bỏ. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống (tu) một cách chuyên-chú.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”³⁵⁹

(SN 20:01)

2 **Móng Tay**

Ở Sāvattthī.

Lúc đó đức Thế Tôn khươi chút đất trong móng tay của mình và nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: chút đất lấy trong móng tay của ta hay đại địa cầu?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu là nhiều hơn. Một chút đất được lấy trong móng tay của Thế Tôn chỉ là nhỏ nhặt. So với đại địa cầu, nó chẳng đáng để tính, chẳng đáng để so, thậm chí chẳng được một phân nào.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh tái sinh trong loài người (và trong thiên giới) thì rất ít. Nhưng những chúng sinh tái sinh ở những nơi khác loài người thì nhiều hơn.³⁶⁰ Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống (tu) một cách chuyên-chú.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:02)

3 Các Gia Đình

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ những kẻ trộm cướp dễ dàng tấn công những gia đình có nhiều nữ và ít nam; cũng giống như vậy, những chúng sinh phi nhân (như dạ-xoa ác, quỷ, ác ma) dễ dàng tấn công một Tỳ kheo là người không tu tập và tu dưỡng ‘sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ’.³⁶¹

“Ví dụ những kẻ trộm cướp khó tấn công những gia đình có nhiều nam và ít nữ; cũng giống như vậy, những chúng sinh phi nhân khó mà tấn công một Tỳ kheo là người đã tu tập và tu dưỡng ‘sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ’.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ tu tập và tu dưỡng “sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ”, làm cho nó trở thành một cỗ xe (tu thừa), làm cho nó thành một căn bản, ổn định nó, thực hành bản thân mình trong nó, và hoàn thiện nó một cách tròn đầy.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:03)

4 Những Nồi Thức Ăn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai bỏ thí một trăm nồi thức ăn³⁶² từ thiện vào buổi sáng, một trăm nồi thức ăn từ thiện vào buổi trưa, và một trăm nồi thức ăn từ thiện vào buổi cuối chiều; và, có người khác thì tu tập tâm-từ trong chỉ một chốc thời gian thậm chí chỉ đủ để kéo một núm vú con bò (để vắt sữa), dù là lúc buổi sáng, hay buổi trưa, hay buổi chiều, thì việc (tu tập tâm-từ) đó còn mang lại nhiều phước quả hơn việc (bỏ thí nhiều) kia.³⁶³

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ tu tập và tu dưỡng “sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ”, làm cho nó trở thành một cỗ xe (tu thừa), làm cho nó thành một căn bản, ổn

định nó, thực hành bản thân mình trong nó, và hoàn thiện nó một cách tròn đầy.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:04)

5 Ngọn Giáo

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ như có một cây giáo lưỡi nhọn, và một người đến nghĩ rằng: ‘Ta sẽ bẻ gập cây giáo nhọn này bằng tay hoặc nắm tay của ta, vặn xoắn nó, và cuộn nó lại.’³⁶⁴ Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, người đó có làm được vậy không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì không dễ dàng bẻ được cây giáo lưỡi nhọn đó bằng tay hoặc nắm tay của một người, rồi vặn xoắn nó, và cuộn nó lại. Người đó chỉ nếm trải sự mệt mỏi và bức tức mà thôi.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng ‘sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ’, đã làm nó thành một cỗ xe (tu thừa), đã làm nó thành một căn bản, đã ổn định nó, đã thực hành chính bản thân mình trong nó, đã hoàn thiện nó một cách tròn đầy, nếu có chúng sinh phi nhân nào nghĩ tới việc làm khuynh đảo tâm trí của Tỳ kheo đó, thì họ chỉ nếm trải sự mệt mỏi và bức tức mà thôi.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ tu tập và tu dưỡng “sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ”, làm cho nó trở thành một cỗ xe (tu thừa), làm cho nó thành một căn bản, ổn định nó, thực hành chính bản thân mình trong nó, và hoàn thiện nó một cách tròn đầy.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:05)

6 Các Cung Thủ

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có bốn cung thủ với thanh cung cứng chắc, được thao luyện, thiện thạo, đầy kinh nghiệm, bốn người đang đứng bốn hướng.³⁶⁵ Rồi một người đến và nghĩ rằng: ‘Ta sẽ bắt được những mũi tên bốn cung thủ này bắn ra từ bốn hướng trước khi chúng rơi xuống đất, rồi mang chúng về lại (cho họ).’ Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo, nếu là như vậy thì có đủ để chúng ta nói rằng: ‘Đó là người chạy nhanh với tốc độ siêu phàm?’”

“Thưa Thế Tôn, ngay cả khi người đó chỉ bắt được một mũi tên bắn ra bởi một cung thủ trước khi nó rơi xuống đất và mang nó về lại (cho cung thủ đó) thì chỉ vậy cũng đủ để chúng ta nói rằng: ‘Đó là người chạy nhanh với tốc độ siêu phàm.’ Huống chi nói tới việc bắt cả bốn mũi tên bắn ra bởi bốn cung thủ!”

“Này các Tỳ kheo, người đó là quá nhanh, nhưng mặt trăng và mặt trời còn nhanh hơn. Quá nhanh như người đó, và quá nhanh như mặt trăng và mặt trời, và quá nhanh như các thiên-thần chạy trước mặt trăng và mặt trời, nhưng những sự tạo-tác sự sống (hành sinh-mạng)³⁶⁶ thậm chí còn nhanh hơn nữa. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống (tu) một cách chuyên-chú.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:06)

7 Cái Chốt Trông

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thời xưa những người Dasāraha có một cái trông làng được gọi tên là Trông Triệu Tập. Mỗi khi trông triệu tập bị nứt (chỗ chốt) những người Dasāraha cứ đóng chêm vào đó bằng một cái chốt khác.³⁶⁷ Rồi dần dà về sau cái mặt (da) trông cũng biến mất (rớt ra), chỉ còn lại một mớ chốt (vô dụng).

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, các Tỳ kheo trong thời tương lai cũng giống như vậy. Khi những bài thuyết giảng (kinh, luật) được nói bởi Như Lai là sâu sắc, sâu sắc về ý nghĩa, siêu thế, liên hệ đến tánh-không, đang được tụng giảng³⁶⁸ thì họ sẽ không muốn lắng nghe chúng, không lóng tai nghe chúng, và cũng không áp dụng tâm họ để hiểu chúng; và họ không cho rằng những giáo lý đó cần được học-hiểu và nắm-vững. Nhưng khi những bài thuyết giảng chỉ là những bài thơ ca của các thi sĩ, với câu chữ mỹ miều, được sáng tạo bởi người những người ngoài đạo, được nói ra bởi những đệ tử [của họ]³⁶⁹ đang được ngâm đọc, thì họ lại muốn lắng nghe chúng, lóng tai nghe chúng, và áp dụng tâm họ để hiểu chúng; và họ cho rằng những giáo lý đó mới cần được học-hiểu và nắm-vững. Theo cách như vậy, này các Tỳ kheo, thì những bài thuyết giảng (kinh, luật) được nói bởi Như Lai là sâu sắc, sâu sắc về ý nghĩa, siêu thế, liên hệ đến tính-không, sẽ dần dà biến mất. (giống như cái mặt trông lờ mờ biến mất, chỉ còn lại mớ chột vô dụng).

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Khi những bài thuyết giảng (kinh, luật) được nói bởi Như Lai là sâu sắc, sâu sắc về ý nghĩa, siêu thế, liên hệ đến tánh-không, đang được tụng giảng thì chúng ta sẽ luôn lắng nghe chúng, lóng tai nghe chúng, và áp dụng tâm mình để hiểu chúng; và chúng ta sẽ cho rằng những giáo lý đó mới cần được học-hiểu và nắm-vững.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:07)

8 Gõ Súc

Tôi nghe như vậy, trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Vesālī (Tỳ-xá-li), trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm), chỗ Ngôi Đền Mái Nhọn. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, thời bây giờ những người Licchavi (Bạt-kỳ) sống dùng [những thân, tám, ván] gõ súc để làm nệm gối; họ siêng năng và

nhật thành trong thao tác. Vua A-xà-thế (Ajātasattu) của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha), người con xứ Videha, không thể tiếp cận được (không thể tấn công) họ; ông ta không thể nắm (điều khiển) được họ. Nhưng trong thời tương lai những người Licchavi sẽ trở nên mỏng manh, với tay và chân mềm mại và yếu ớt; họ sẽ ngủ dài cho tới khi mặt trời mọc trên giường nệm mềm đầy gối bông. Lúc đó Vua A-xà-thế của xứ Ma-kiệt-đà sẽ tiếp cận được họ; rồi ông sẽ nắm được họ.

“Này các Tỳ kheo, thời bây giờ các Tỳ kheo dùng những gỗ súc để làm nệm gối; họ chuyên chú và nhật thành trong sự chuyên-cần tu (tinh cần). Ma Vương Ác Ma không thể tiếp cận được họ; hấn không nắm được (không điều khiển, không phá hoại) họ. Nhưng trong thời tương lai các Tỳ kheo sẽ trở nên mỏng manh, với tay chân mềm mại và yếu ớt; họ sẽ ngủ dài tới khi mặt trời mọc trên giường nệm mềm với đầy gối bông. Lúc đó Ma Vương Ác Ma sẽ tiếp cận được họ; hấn sẽ nắm được họ.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Dùng gỗ súc để làm nệm gối, chúng ta sẽ sống (tu) một cách chuyên chú và nhật thành trong sự chuyên-cần tu (tinh cần).’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”³⁷⁰

(SN 20:08)

9 Con Voi Đực

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattihī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bây giờ, lúc đó có một Tỳ kheo vừa mới thụ giới nhưng đến gặp các gia đình quá nhiều (gặp lâu, gặp nhiều lần). Các Tỳ kheo khác mới nói với thầy ấy: “Quý thầy chớ nên đến gặp các gia đình quá nhiều”, nhưng khi được họ khuyên bảo như vậy thầy ấy nói lại: “Những vị Tỳ kheo trưởng lão nghĩ họ có thể đến gặp các gia đình, sao tôi lại không được?” Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại chuyện đó. [Đức Thế Tôn đã nói:]

(i) “Này các Tỳ kheo, thời xưa có một hồ nước lớn trong một khu rừng, nơi có những con voi đực sống lân cận ở đó.³⁷¹ Những con voi thường lội xuống hồ nước, kéo nhỏ những cây sen lên, và giữ rửa chúng kỹ càng (trong nước), sau đó nhai ăn và nuốt chúng, đã sạch bùn. Điều đó làm tăng thêm vẻ đẹp (thân) và sức mạnh (của voi), và nhờ vào điều đó chúng không gặp phải sự chết chóc hay đau khổ như chết.

(ii) “Những con cháu của chúng sau này, theo gương những con voi đực, cũng lội xuống hồ và kéo nhỏ những cây sen lên, *nhưng* không giữ rửa chúng kỹ càng, không nhai kỹ chúng, chỉ nuốt trọn chúng, còn dính bùn. Điều đó không làm tăng vẻ đẹp (thân) và sức mạnh, và do bị điều đó chúng gặp phải cái chết hay khổ đau như chết.

(i’) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, thời bây giờ các Tỳ kheo trưởng lão sáng mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô làng hay phố thị để khát thực. Ở đó họ nói giảng Giáo Pháp, và những người tại gia thể hiện sự tin-tưởng (tự tin) vào các thầy.³⁷² Các thầy sử dụng những lợi lộc (đồ cúng dường) mà không bị chấp thủ vào chúng, không mê thích chúng, không bị cuốn hút mù quáng vào chúng; mà nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng, hiểu được sự thoát-khỏi khỏi chúng. Điều này làm tăng vẻ đẹp và sự mạnh mẽ của họ, và nhờ vào điều đó họ không gặp phải cái chết hay khổ đau như chết.

(ii’) “Những Tỳ kheo mới thụ giới, theo gương những Tỳ kheo trưởng lão, sáng mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô làng hay phố thị để khát thực. Ở đó họ nói về Giáo Pháp và những người tại gia thể hiện sự tin-tưởng vào họ. Họ dùng những lợi lộc (đồ cúng dường) mà bị chấp thủ vào chúng, mê thích chúng, bị cuốn hút một cách mù quáng vào chúng, chứ không nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng và không hiểu được sự thoát-khỏi chúng. Điều này không làm tăng vẻ đẹp và sự mạnh mẽ của họ, và do bị điều đó họ gặp phải cái chết hay khổ đau như chết.³⁷³

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ dùng những thứ lợi lộc mà không bị chấp thủ vào chúng, không mê thích chúng, không bị cuốn hút một cách mù quáng vào chúng,

mà nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng và hiểu được sự thoát-khỏi khỏi chúng.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.’

(SN 20:09)

10 Con Mèo

Ở Sāvattthī.

Bây giờ, lúc đó có một Tỳ kheo đang gặp gỡ giao lưu quá nhiều với các gia đình. Các trưởng lão khác mới nói với thầy ấy: “Quý thầy không nên gặp gỡ giao lưu quá nhiều với các gia đình”, nhưng khi được khuyên bảo như vậy, thầy ấy vẫn không chừa bỏ.

Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại chuyện đó. [Đức Thế Tôn đã nói:]

(i) “Này các Tỳ kheo, thời xưa có một con mèo đứng chờ chỗ một con hẻm (ngõ hẹp), hay một rãnh cống, hay một thùng rác³⁷⁴ để canh bắt con chuột nhỏ, nó nghĩ rằng: ‘Khi con chuột nhất chạy ra kiếm ăn, ngay lúc đó ta bắt nó và ăn thịt nó.’ Rồi con chuột nhất chạy ra kiếm ăn, và con mèo đã bắt nó và nuốt trọn nó ngay, không nhai nó. Rồi con chuột nhất (còn sống) đã ăn ruột và mỡ sa trong bụng con mèo, và do bởi điều đó nên con mèo gặp phải cái chết hay khổ đau như chết.

(i’) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có Tỳ kheo sáng mặt y phục, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô làng hoặc phố thị để khát thực với thân, lời-nói, và tâm không được phòng hộ, không được thiết lập trong sự chánh-niệm, không kiềm chế các giác-quan. Người đó nhìn thấy phụ nữ ăn mặc mỏng mảnh hoặc không che kín, rồi nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị xâm chiếm bởi nhục-dục, người đó gặp phải cái chết hoặc khổ đau như chết. Này các Tỳ kheo, ‘cái chết’ ở đây theo Thánh Giới Luật là: Tỳ kheo đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Còn sự ‘khổ đau như chết’ ở đây là: người đó vi phạm một tội do ô-nhiễm (ở

đây, do nhục-dục) thuộc loại tội cho phép có thể (chịu hình phạt, sám hối) để khôi phục.³⁷⁵

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân mình như vậy: ‘Chúng ta sẽ đi vô làng hoặc phố thị để khát thực với thân, lời-nói và tâm được phòng hộ, với sự chánh-niệm được thiết lập, kiểm chế các giác-quan.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:10)

11 Con Chó Rừng (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, các thầy đã nghe tiếng một con chó rừng già (giả can) tru trước lúc trời rạng sáng không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Con chó già đó bị mắc một căn bệnh gọi là bệnh ghẻ lở. Nhưng nó vẫn đi đâu nó muốn, đứng đâu nó muốn, ngồi đâu nó muốn, nằm đâu nó muốn, và thậm chí còn bị gió lạnh thổi vào nó. Sẽ tốt lành cho ‘một người nào đó’ ở đây thà tuyên bố mình là một tu sĩ (sa-môn) đi theo ‘người con của dân tộc Thích-Ca’ (tức Phật) hơn là ném trái một dạng hiện-hữu cá thể (đày đọa, khổ đau) như vậy.³⁷⁶

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống (tu) một cách chuyên-chú.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:11)

12 Con Chó Rừng (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, các thầy đã nghe tiếng một con chó rừng già tru trước lúc trời rạng sáng không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Có thể còn có một chút lòng biết ơn và cảm ơn trong (tâm) con chó già đó, nhưng không có chút sự biết ơn và cảm ơn nào trong ‘người nào đó’ ở đây trong khi tuyên bố mình là một đệ tử đi theo ‘người con của dân tộc Thích-Ca’.”³⁷⁷

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ biết ơn và cảm ơn, và chúng ta sẽ không bỏ quên dù một chút xíu công ơn (người khác) đã làm cho chúng ta.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:12)

Chương 21

Liên Kết CÁC TỖ KHEO

(21 Bhikkhu-samyutta)

(21 Tương ứng Tỷ Kheo)

1 *Kolita*

(*Kolita là tên gọi của Ngài Mục-kiền-liên; Mục-kiền-liên là họ.*)³⁷⁸

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó Ngài Đại Mục-kiền-liên đã nói với các Tỷ kheo như vậy: “Này các đạo hữu!”

“Dạ, đạo hữu!”, các Tỷ kheo đáp lại. Thầy Đại Mục-kiền-liên nói điều này:

“Ở đây, này các đạo hữu, khi tôi đang ở một mình ở nơi ẩn cư, một sự quán chiếu (suy xét) đã khởi sinh trong tâm tôi như vậy: ‘Từng nghe nói, ‘sự im lặng thánh thiện, sự im lặng thánh thiện’. Giờ cái gì là sự im lặng thánh thiện?’³⁷⁹

“Này các đạo hữu, rồi điều này đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây: với sự lắng lặn của ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tầm hết tứ), một Tỷ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm. Đây được gọi là sự im lặng thánh thiện.’

“Sau đó, này các đạo hữu, với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai, trạng thái ... có niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm. Trong khi tôi an trú trong đó, sự nhận-thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác ý) có đi kèm ý-nghĩ (tâm) đã tấn công tôi.

“Rồi, này các đạo hữu, đức Thế Tôn bằng thần thông đã đến với tôi và nói điều này: ‘Này Mục-kiền-liên, này Mục-kiền-liên, không được lơ tâm (xao lãng) đối với ‘sự im lặng thánh thiện’, này bà-la-môn. Ôn định tâm thầy bằng ‘sự im lặng thánh thiện’, hợp nhất tâm thầy bằng ‘sự im lặng thánh thiện’, định tâm thầy bằng ‘sự im lặng thánh thiện’.’ Rồi, này các đạo hữu, một lúc sau đó, với sự lắng lặn của ý-nghĩ và sự soi-xét, tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai, trạng thái có sự tự-tin

bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, có niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm.

“Này các đạo hữu, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai như vậy: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp (đại tự trí) với sự trợ giúp của Vị Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó có thể nói điều này.”³⁸⁰

(SN 21:01)

2 Upatissa

(Upatissa là tên gọi của Ngài Xá-lợi-phất; Xá-lợi-phất là họ.)³⁸¹

Ở Sāvattthī. Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỷ kheo như vậy: “Này các đạo hữu, các Tỷ kheo!”

“Thưa đạo hữu!”, các Tỷ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này:

“Ở đây, này các đạo hữu, khi đang ở một mình ở nơi ẩn cư, một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Có thứ gì trong thế gian mà sự thay đổi và sự biến đổi của nó làm khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng trong tôi?’ Rồi điều này đã xảy đến với tôi: ‘Không thứ gì trong thế gian mà sự thay đổi và sự biến đổi của nó làm khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng trong tôi?’”

Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda nói với thầy Xá-lợi-phất: “Đạo hữu Xá-lợi-phất, ngay cả khi Vị Thầy (tức Phật) có trải qua sự thay đổi và sự biến đổi (chết), thì sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng cũng không khởi sinh trong đạo hữu, đúng vậy không?”

“Này đạo hữu,³⁸² ngay cả khi Vị Thầy có trải qua sự thay đổi và sự biến đổi, thì sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng cũng không khởi sinh trong tôi. Tuy nhiên, có điều này sẽ xảy đến với tôi: ‘Vị Thầy, thật ảnh hưởng (lỗi lạc), thật uy lực và uy dũng, đã qua đời. Nếu đức Thế Tôn sống lâu thêm nữa, thì điều đó sẽ là vì phúc lợi và hạnh phúc

của nhiều người, vì lòng bi mẫn dành cho thế gian, vì phúc lợi và hạnh phúc của những thiên thần và loài người.”

“Chắc bởi vì cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’ và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự tự-ta (tùy-miên ngã mạn) đã được búng bỏ sạch sẽ trong (tâm của) Ngài Xá-lợi-phất từ lâu,³⁸³ cho nên ngay cả khi Vị Thầy trải qua sự thay đổi và sự biến đổi, thì sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng cũng không khởi sinh trong thầy ấy.”

(SN 21:02)

3 Cái Thùng

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc đó thì Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Mục-kiền-liên đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong một chỗ trú duy nhất trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), gần (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn cư và đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Thầy ấy chào hỏi thầy Đại Mục-kiền-liên, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Mục-kiền-liên:

“Này đạo hữu Mục-kiền-liên, các căn của thầy tĩnh lặng, sắc diện của thầy trong và sáng. Có phải Ngài Đại Mục-kiền-liên mới trải qua một ngày trong sự an trú bình an không?”

“Này đạo hữu, tôi trải qua một ngày trong sự an trú thô tế,³⁸⁴ nhưng tôi có nói chuyện Giáo Pháp.”

“Ngài Đại Mục-kiền-liên nói chuyện Giáo Pháp với ai?”

“Này đạo hữu, tôi nói chuyện Giáo Pháp với đức Thế Tôn.”

“Nhưng đức Thế Tôn đang đi xa mà, đạo hữu. Đức Thế Tôn hiện đang ở tại Sāvattthī, trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Có phải Ngài Đại Mục-kiền-liên tiếp cận đức Thế Tôn qua

phương tiện thần thông (năng lực tâm linh), hay đức Thế Tôn đã tiếp cận Ngài Đại Mục-kiền-liên qua phương tiện thần thông?”

“Này đạo hữu, tôi không tiếp cận đức Thế Tôn qua phương tiện thần thông, và đức Thế Tôn cũng không tiếp cận tôi qua phương tiện thần thông. Thay vì vậy, đức Thế Tôn đã để (mở) yếu-tố mắt thiên thánh (thiên nhãn thông) và tai thiên thánh (thiên nhĩ thông) để liên lạc với tôi, và tôi đã để (mở) yếu-tố mắt thiên thánh và tai thiên thánh để liên lạc với đức Thế Tôn.”³⁸⁵

“Loại Giáo Pháp nào Ngài Đại Mục-kiền-liên mới vừa đàm thoại với đức Thế Tôn?”

“Ở đây, này đạo hữu, tôi đã nói với đức Thế Tôn: ‘Thưa Thế Tôn, từng nghe nói “người có sự nỗ-lực tu được phát khởi, người có sự nỗ-lực tu được phát khởi.” Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người có sự nỗ-lực tu được phát khởi?’ Rồi đức Thế Tôn đã nói với tôi rằng: ‘Ở đây, này Mục-kiền-liên, một Tỳ kheo có sự nỗ-lực tu (tinh tấn) được phát khởi sẽ an trú như vậy: “Quyết tâm, cho dù chỉ còn da, gân và xương, và cho dù thịt và máu khô cạn trong thân này, ta sẽ không lo ngại sự nỗ-lực tu chừng nào ta chưa chứng đắc điều có thể được chứng đắc bởi nghị lực của con người, bởi sự nỗ-lực tu của con người, và bởi sự cố-gắng của con người.”³⁸⁶ Này Mục-kiền-liên, theo cách như vậy là người đó đã phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn).’ Này đạo hữu, đó là Pháp thoại mà tôi đã nói với đức Thế Tôn.”

(*Thầy Xá-lợi-phất:*) “Này đạo hữu, so với Ngài Đại Mục-kiền-liên chúng tôi chỉ giống như vài hột sỏi đem so với dãy núi Himalaya, vua của những ngọn núi. Bởi vì Ngài Đại Mục-kiền-liên có uy lực và uy dũng của đại thần thông nên nếu thầy ấy muốn thầy ấy có thể sống được (ở đây) một đại kiếp.”³⁸⁷

(*Thầy Mục-kiền-liên:*) “Này đạo hữu, so với Ngài Xá-lợi-phất, chúng tôi chỉ giống như vài hột muối đem so với một thùng muối. Bởi vì Ngài

Xá-lợi-phất đã được tuyên dương, được ca ngợi, được khen ngợi theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn như vậy:

“Vì Xá-lợi-phất là cao nhất,
Về trí-tuệ, giới-hạnh, và sự bình-an,
Cho nên một Tỳ kheo đã siêu thoát
Cao nhất cũng chỉ bằng thầy ấy.”

Theo cách này cả hai con rồng (naga) lớn mỗi vị đều thấy hoan hỷ với những lời được khẳng định và khéo tuyên bố bởi người kia.³⁸⁸

(SN 21:03)

4 Tỳ Kheo Mới Thụ Giới

Ở Sāvattihī.

Bây giờ, lúc đó có một Tỳ kheo mới thụ giới, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa thầy đó lánh về chỗ ở của mình và trải qua thời gian sống an nhàn và im lặng. Thầy đó không phụ giúp các Tỳ kheo vào giờ may vá các y phục. Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại chuyện đó cho đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn đã nói với một Tỳ kheo như vậy: “Này Tỳ kheo, hãy đến nhân danh ta nói với Tỳ kheo đó rằng Vị Thầy cho gọi thầy ấy.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại, và thầy đi đến chỗ Tỳ kheo đó và nói: “Vị Thầy (Phật) mới cho gọi thầy, này đạo hữu.”

“Được, đạo hữu”, Tỳ kheo đó đáp lại, và thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn nói với thầy ấy:

“Này Tỳ kheo, có đúng vậy không, rằng sau khi trở về sau một vòng khát thực thầy đã lánh về chỗ ở của mình sau bữa ăn trưa, và thầy cứ giữ sự thụ động và im lặng thin thít, và thầy không phụ giúp các Tỳ kheo trong giờ may vá những y phục?”

“Thưa Thế Tôn, con bận làm phận sự của mình.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi bằng tâm mình quán chiếu thấy tâm của vị Tỳ kheo đó, đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, đừng bắt lỗi Tỳ kheo này. Tỳ kheo này là người: ‘Tùy theo mình muốn, không bị khó khăn hay rắc rối gì, có thể đạt tới bốn tầng thiền định *tạo nên* cái tâm bậc-cao và *tạo ra* một sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này’. Và vị này là người, ‘bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu vô thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã chân chánh từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành’.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

“Không phải bằng sự cố-gắng loĩ lỏng,
Không phải bằng sự nỗ-lực tu yếu ớt
Mà thành tựu Niết-bàn,
Là sự giải-thoát khỏi tất cả sự khổ.

“Vị Tỳ kheo trẻ này [bên cạnh ta]
Đúng thực là một người tối thượng:
Là người chỉ còn mang thân này cuối cùng,
Đã chinh phục Ma Vương và yên cương của hấn.³⁸⁹

(SN 21:04)

5 *Sujāta*

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Sujāta đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy ấy đi đến từ xa và đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, người họ tộc này đẹp đẽ về cả hai phương diện. Thầy ấy đẹp người, dễ nhìn, dễ ưa mến, có được vẻ đẹp bậc nhất của làn da. Và thầy ấy là người, ‘bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu vô thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã chân chánh từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành’.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

“Tỳ kheo này chiếu sáng với vẻ đẹp siêu phàm,
Có một cái tâm đích thực chánh-trực.
Người đã tách-ly, thoát khỏi những gông-cùm,
Đã chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự không còn chấp-thủ.
Người chỉ còn mang thân này cuối cùng,
Đã chinh phục Ma Vương và yên cương của hấn.”

(SN 21:05)

6 *Lakuṇṭaka Bhaddiya*

Ở Sāvattḥī.

Lúc đó có Ngài Lakuṇṭaka Bhaddiya (*chú lùn Bhaddiya*) đến gặp đức Thế Tôn.³⁹⁰ Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy ấy đi đến từ xa và đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy Tỳ kheo đó đang đi đến, xấu xí, không dễ nhìn, tật vẹo, bị khinh thường trong số các Tỳ kheo, hay không?”

“Dạ thầy, thưa Thế Tôn.”

“Tỳ kheo đó có uy lực và uy dũng của đại thần thông. Không dễ gì có được sự chứng đắc mà vị Tỳ kheo này đã đạt tới. Và thầy ấy là người, ‘bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu vô thượng của đời sống tâm linh, mà

vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã chân chánh từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành’.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

“Ngỗng, cò, và công,
Voi, và nai lông đốm,
Tất cả đều nể sợ sư tử,
Dù là sư tử lớn sư tử nhỏ.

“Trong chúng sinh loài người cũng vậy,
Người nhỏ lùn được phú cho trí-tuệ—
Đó mới thực là bậc đại vĩ,
Chứ không phải kẻ to xác mà ngu si.”

(SN 21:06)

7 *Visākhā*

Tôi nghe như vậy, trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Visākhā Pañcālīputta đang chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo trong hội trường (chỗ tụ họp của các Tỳ kheo, chỗ hội chúng, sảnh đường) bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp [được nói] bằng lời nói được trau chuốt, rõ ràng, rõ tiếng, giảng bày hay khéo ý nghĩa, sâu rộng, và không chấp thủ (vô thủ).³⁹¹

Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến hội đường. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, (lúc này) ai đã đang chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo trong hội đường này bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp [được nói] bằng lời nói được trau chuốt, rõ ràng, rõ

tiếng, giảng bày một cách hay khéo ý nghĩa, sâu rộng, và không chấp thủ, như vậy?”

“Đó là Ngài Visākha Pañcālīputta, thừa Thế Tôn.” Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Visākha Pañcālīputta như vậy:

“Tốt, tốt, này Visākha! Tốt thay thầy đã chỉ dạy các Tỷ kheo bằng một cuộc nói chuyện Giáo Pháp như vậy.” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

“Khi người trí ở giữa những người còn ngu,
Họ không biết vị đó nếu vị đó không thuyết giảng.³⁹²
Nhưng họ sẽ biết vị đó nếu vị đó thuyết giảng,
(Và) chỉ ra trạng thái bất-tử (sự giải thoát).

“Vị đó nên nói và giảng giải Giáo Pháp
Vị đó giương cao ngọn cờ của bậc nhìn-thấy.
Những lời thuyết hay khéo là ngọn cờ của bậc nhìn-thấy:
Bởi Giáo Pháp là ngọn cờ của những bậc nhìn-thấy.”

(SN 21:07)

8 Nanda

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có Ngài Nanda, người em trai họ phía mẹ (em cùng cha khác mẹ và em bạn dì) của đức Thế Tôn, ăn mặc chải chuốt, với y-phục trắng thóm, tô hai mắt, mang bình bát sáng bóng, và đến gặp đức Thế Tôn.³⁹³ Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Nanda, kiểu đó không phù hợp cho thầy là một người họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành: khi thầy ăn mặc chải chuốt, với y-phục trắng thóm, tô hai mắt, mang bình bát sáng bóng như vậy. Này Nanda, kiểu này mới phù hợp cho thầy, là một người họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành: thầy

nên là người sống tu trong rừng, ăn thức-ăn khát thực, mặc y-phục làm từ giẻ rách, và thầy sống bàng quan (vô tư, tách ly) đối với những khoái-lạc giác quan (dục lạc).”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

“Biết khi nào ta mới nhìn thấy Nanda
Thành người sống tu trong rừng
Mặc y-phục được làm từ giẻ rách (y phần tảo)
Sống nhờ những đồ ăn thừa của những người lạ,³⁹⁴
Và sống bàng quan với dục-lạc?”

Rồi, một thời gian sau đó, thầy Nanda đã trở thành một người sống tu trong rừng, người ăn thức-ăn khát thực, người mặc y-phục làm từ giẻ rách, và sống bàng quan đối với những khoái-lạc giác quan.

(SN 21:08)

9 Tissa

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Tissa, người em trai họ phía cha (em cô cậu) của đức Thế Tôn,³⁹⁵ đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên— khổ sở, buồn bã, nước mắt chảy dài. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Tissa, tại sao thầy ngồi đó, khổ sở, buồn bã, nước mắt chảy dài như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, bởi vì các Tỷ kheo đã công kích con từ mọi phía bằng những lời lẽ đâm chọc.”³⁹⁶

“Này Tissa, đó là do thầy trách người khác nhưng không chịu được người khác trách mình. Này Tissa, kiểu đó không phù hợp với thầy là một người họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành:

rằng thầy khiển trách người khác nhưng không thể chấp nhận sự khiển trách từ người khác. Nay Tissa, kiêu này mới phù hợp với thầy là một người họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành: rằng thầy khiển trách người khác và biết chấp nhận sự khiển trách từ người khác.

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

“Vi sao thầy tức giận? Đừng tức giận!
Vô-sân là tốt hơn cho thầy, này Tissa.
Đó là đẹp bỏ sân giận, tự đại, và khinh miệt,
Đó mới là sống đời sống tâm linh, ôi Tissa.”

(SN 21:09)

10 Tỳ Kheo Tên Là Trưởng Lão (Thera)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Bấy giờ, lúc đó một Tỳ kheo có tên là Trưởng Lão³⁹⁷ là người an trú một-mình và nói lời đề cao sự an trú một-mình. Thầy ấy đi một mình vô làng khát thực, thầy trở về một mình, thầy ấy ngồi một mình riêng tư, thầy ấy đi-thiền một mình.

Rồi một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Ở đây, thưa đức Thế Tôn, có một Tỳ kheo tên là Trưởng Lão là người an trú một-mình và nói lời đề cao sự an trú một-mình.”

Rồi đức Thế Tôn nói với một Tỳ kheo như vậy: “Này Tỳ kheo, hãy đến nhân danh ta nói với Tỳ kheo Trưởng Lão rằng Vị Thầy cho gọi thầy ấy.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại, và thầy ấy đến chỗ thầy Trưởng Lão và nói: “Này đạo hữu Trưởng Lão, Vị Thầy (Phật) mới cho gọi thầy.”

“Được, đạo hữu”, thầy Trưởng Lão đáp lại, và đi đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Trưởng Lão, có thật không, rằng thầy là một người an trú một-mình và nói lời đề cao sự an trú một-mình?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn”

“Nhưng, này Trưởng Lão, theo cách nào thầy là người an trú một-mình và nói lời đề cao sự an trú một-mình?”

“Ở đây, thưa Thế Tôn, con đi một mình vô làng khát thực, con trở về một mình, con ngồi một mình riêng tư, và con đi-thiền một mình. Theo cách như vậy con là người sống một mình và đề cao sự an trú một-mình.”

“Đó là một cách an trú một-mình, này Trưởng Lão, ta không chối cãi điều này. Nhưng theo cách nào là sự an trú một-mình được hoàn thiện một cách chi tiết, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn.”

“Và, này Trưởng Lão, theo cách nào là sự an trú một-mình được hoàn thiện một cách chi tiết? Ở đây, này Trưởng Lão, cái gì thuộc quá khứ đã được dẹp bỏ, cái gì thuộc tương lai đã được từ bỏ, và dục và tham đối với những sắc-thân hiện tại của sự hiện-hữu cá thể này đã được loại bỏ một cách triệt để.³⁹⁸ Này Trưởng Lão, theo cách như vậy là sự an trú một-mình được hoàn thiện một cách chi tiết.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

“Bậc hiền trí, người chinh phục tất cả, người biết tất cả
Giữa tất cả không bị ô nhiễm, với tất cả đều đã buông bỏ,
Được giải-thoát trong sự tiêu diệt dục-vọng (ái diệt):

Ta gọi người đó là ‘người an trú một-mình’.”³⁹⁹

(SN 21:10)

11 Đại Kappina

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Đại Kappina (Mahākappina) đến gặp đức Thế Tôn.⁴⁰⁰ Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy ấy đi đến từ xa và nói với các Tỷ kheo như vậy:

“Này các Tỷ kheo, các thầy có thấy Tỷ kheo đó, da trắng, người mảnh khảnh, mũi cao, đang đi đến không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tỷ kheo đó có uy lực và uy dũng của đại thần thông. Không dễ gì có được sự chứng đắc mà vị Tỷ kheo này đã đạt tới. Và thầy ấy, ‘bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu vô thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã chân chánh từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành’.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

“Người giai cấp chiến-sĩ là tốt nhất trong thiên hạ

Vì đối với họ chuẩn mực là họ tộc.

Nhưng người thành tựu về chân trí (minh) và phẩm-hạnh (hạnh),

Là người tốt nhất trong những thiên thần và loài người.

“Mặt trời sáng ban ngày, trăng sáng ban đêm,

Áo giáp làm sáng người giai cấp chiến-sĩ,

Thiền định làm sáng bà-la-môn.

Nhưng suốt cả ngày và đêm,

Phật chiếu sáng bằng hào quang.”

(SN 21:11)

12 Những Người Đồng Hành

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có hai Tỳ kheo là hai người đồng hành (đồng môn, đồng đạo), là những học trò của Ngài Đại Kappina, đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nhìn thấy họ đi đến từ xa và đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy hai Tỳ kheo, là những học trò của thầy Kappina, đang đi đến, hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Những Tỳ kheo đó có uy lực và uy dũng của đại thân thông. Không dễ gì có được sự chứng đắc mà hai vị Tỳ kheo này đã đạt tới. Và các thầy ấy, ‘bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu vô thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã chân chánh từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành’.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

“Các [hai] vị Tỳ kheo đồng hành này,
Đã thân kết từ lâu đời;⁴⁰¹
Giáo Pháp chân thực đã kết hợp họ với nhau
Trong Giáo Pháp được tuyên thuyết bởi Phật.

“Họ đã được Kappina kèm dạy kỹ càng
Trong Giáo Pháp được tuyên thuyết bậc Thánh Nhân.
Họ mang thân này lần cuối,
Sau khi đã chinh phục Ma Vương và yên cương của hấn.”

(SN 21:12)

— HẾT QUYÊN 2 —
(QUYÊN NHÂN-DUYÊN)

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH & CHÚ GIẢI CHÍNH:

Be: *phiên bản Miến Điện của SN*

Ee: *phiên bản tiếng Anh của SN (ấn bản PTS)*

Se: *phiên bản Sinhala (Tích Lan cổ) của SN*

* **SN**= Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ứng Kinh Bộ)*

Spk (Be) = Sāratthappakāsinī: *Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)*

Spk (Se) = Sāratthappakāsinī: *Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala).*

Spk-pt = Sāratthappakāsinī-purāṇa-ṭīkā: *Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)*

SS = Sinhala-script: *Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala)*

CDB = Connected Discourses of Buddha: *bản dịch Pāli-Anh SN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề*

SC = trang SuttaCentral: *bản dịch Pāli-Anh của các bộ kinh Nikaya bởi nhà sư Ajahn Sujato.*

► Lưu Ý: trong bản dịch Việt này dựa theo bản dịch của TKBD, các chú giải **Spk** thì mặc nhiên là của phiên bản Miến Điện (**Be**). Chỗ nào ghi **Spk (Be)** và **Spk (Se)** chỉ khi có sự khác nhau về về câu chữ được ghi trong hai phiên bản.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ)*

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Dhs*

Dhp = Dhammapada: *tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN)*

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Dhp*

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: **Bộ Pháp Tụ** (thuộc **Abhi**)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tự Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja = Jātaka: *tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khp = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu Tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddesa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddesa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Patīs*

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Papancaśūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quỷ Đói* (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsini (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vbh* (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL = Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *Cẩm Nang Vi Diệu Pháp* (của Tỳ Kheo Bồ-Đề)

EV I = Elders' Verses I: *Trưởng Lão Thi Kệ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *Trường Lão Thi Kệ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *tập Kinh Tập II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của MN* (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli Phê Bình* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiên sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society: *Hội Kinh Điển Pali*

Skt = Sanskrit: *tiếng Phạn*

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng Lão Vanarata Ānanda*

► Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBĐ) là ghi *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**. Còn các số hiệu kinh **DN**, **MN**, và **Ja** kèm theo *số kinh* sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới **Vism** cũng được ghi kèm theo bằng *số chương* và *số đoạn* của **Ppn**. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các luận giảng cũng theo *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ **Be** hay **Ce** thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (*Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables*)

CHÚ THÍCH

¹ [Luận giảng **Spk** chú giải rằng: Khi nói: “*Do có vô-minh là điều-kiện (duyên) nên có những sự tạo-tác (hành)*” thì nghĩa của nó nên được hiểu theo phương pháp như vậy: “*Chính là vô-minh và nó là một điều-kiện (duyên), nghĩa là ‘vô-minh-là-điều-kiện’ (avijjā ca sā paccayo cā ti avijjāpaccayo). Thông qua ‘vô-minh-là-điều-kiện’ cho nên những sự tạo-tác (hành) mới có [xảy ra, có mặt] (tasmā avijjāpaccayā saṅkhārā sambhavanti).*”

- Sự chú giải này gợi ý rằng động từ *sambhavanti*, trong lời kinh chỉ nằm ở cuối toàn bộ công thức nhân duyên, nên được (hiểu là) nối kết với mỗi yếu-tố nhân duyên, như vậy lập thành mỗi trạng thái bị điều-kiện (do duyên) khởi sinh thông qua điều-kiện (duyên) của nó. 12 yếu-tố của công thức này sẽ được phân tách trong kinh kế tiếp.

- Ở cuối đoạn này, phiên bản **Ee** ghi là *ayaṃ vuccati bhikkhave samuppādo* nhưng đây là lỗi do ghi chép sai, vì cả **Be** và **Se** đều ghi là *paṭicca-samuppādo*.] (1)

² [Vào cuối định nghĩa sự chết, phiên bản **Se** ghi thêm cụm chữ *jīvitindriyassa upacchedo*, nó [theo một ghi chú trong **Be**] cũng thấy có trong các phiên bản tiếng Thái và tiếng Miên. Từ sự thật không thấy **Spk** giải nghĩa cụm chữ này có thể cho thấy rằng nó không có trong kinh gốc vào thời các luận sư chú giải. Tuy nhiên cụm chữ này lại được thấy có trong định nghĩa về sự chết trong **Vibh** 99,23–24 và nó được luận giải trong **Vibh-a** 101,8–12.

- **Spk** chú giải: từ chữ “*sự qua đời*” cho đến “*sự hết thời gian*” là chỉ sự chết theo nghĩa thế tục (*lokasammutiyā*); còn chữ “*sự tan rã của các uẩn*” và “*sự đặt xuống xác chết*” là nói theo nghĩa tột cùng (*paramattha*). Vì theo nghĩa tột cùng chỉ có các uẩn tan rã chứ không có ‘người’ nào chết cả. Khi các uẩn đang tan rã người ta nói ‘chúng sinh đang chết’, và khi chúng đã tan rã người ta nói ‘chúng sinh đã chết’.] (2)

³ [Spk giải thích: Từ chữ “sinh ra” ... “*sự sản sinh*” là giáo lý thuộc quy ước truyền thống (*vohāradesanā*); còn ‘*sự hiện thân của năm-uẩn, sự có được sáu cơ-sở cảm nhận*’ là giáo lý tốt cùng (*paramatthadesanā*). Bởi vì trong ý nghĩa tốt cùng, chỉ có các uẩn hiện thị, không có ‘người’ nào cả.] (3)

⁴ [Về nghĩa của chữ *bhava*, mời coi thêm phần *Giới Thiệu Chung* của bộ kinh này bởi TKBD (trang 52–53 bản dịch tiếng Anh). Spk giải thích: Khi giảng về sự hiện-hữu: *sự hiện-hữu trong cõi dục-giới* là gồm cả *sự hiện-hữu do nghiệp* (*kammabhava*) và *sự hiện-hữu do tái-sinh* (*upapattibhava*). Trong 02 dạng này, *sự hiện-hữu do nghiệp* là chỉ do nghiệp dẫn tới sự hiện-hữu trong cõi dục-giới, vì *nghiệp* [là nguyên nhân tạo ra ‘*sự hiện-hữu do tái-sinh*’ trong cõi đó] được gọi là ‘*sự hiện-hữu*’ bằng cách gán tên của quả cho nhân. Còn *sự hiện-hữu do tái-sinh* là bộ năm-uẩn tích nghiệp được sản sinh từ nghiệp đó; vì đây được gọi là ‘*sự hiện-hữu*’ theo cái nghĩa ‘*nó sẽ hiện thành ở đó*’.

- Cách giải thích tương tự như vậy đối với *sự hiện-hữu trong cõi sắc-giới* và *sự hiện-hữu trong cõi vô-sắc giới* [ngoại trừ trong cõi vô-sắc giới thì *sự hiện-hữu do tái-sinh* chỉ còn có 04-uẩn thuộc tâm.] (4)

⁵ [Spk định nghĩa *sự chấp-thủ* [*sự dính-chấp*] (thủ) là sự chấp, nắm giữ, giữ chặt, bám chặt, bảo thủ, sự dính theo (*upādānan ti dalhaggahaṇaṃ vuccati*). Định nghĩa 04 loại sự chấp-thủ có ghi trong **Dhs 1214–17**. Nói ngắn gọn: (1) *sự chấp-thủ khoái-lạc giác quan* (*kāmapādāna*; dục thủ) là đồng nghĩa tham dục, nhục dục, dục vọng khoái-lạc giác quan (dục ái). (2) *Sự chấp-thủ tà-kiến* (*diṭṭhupādāna*; kiến thủ) là sự dính vào, sự cố chấp, sự bám vào những quan-điểm này nọ; **Dhs 1215** có đưa ví dụ cả *quan điểm diệt-vong* nữa [coi thêm kinh **SN 24:05** (Quyển 3)]. (3) *Sự chấp-thủ sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện* (*sīlabbatupādāna*; giới-cấm thủ). Thông thường chữ này được dịch là ‘*sự chấp-thủ những nghi luật và tập tục*’, nhưng không có kinh hay giảng luận nào ủng hộ cách dịch này. Tôi [TKBD] diễn dịch chữ *sīla* như *những nghi luật tục lệ* và chữ *vata* như *những lời thệ nguyện*. **Dhs 1222** thì ghi là: “*Sự chấp-thủ vào các luật lệ (như nghi luật, nghi lễ cúng tế, tục lệ) và những lời thệ nguyện là quan điểm của những tu sĩ và bà-la-môn ngoài đạo Phật cho rằng sự thanh-lọc có thể đạt được thông qua (sự tuân thủ thực hành) những nghi luật nghi lễ cúng bái, thông qua những lời thệ nguyện, hoặc thông qua những nghi luật và thệ nguyện*” [rút

gọn]. [Sự đề cập này rõ ràng cũng chỉ những nghi luật và thệ nguyện bằng những hình thức hành xác khổ hạnh mà những người vào thời Đức Phật đã thực hiện với niềm tin sẽ được lên cõi trời hoặc sẽ dẫn tới sự thanh lọc tội cùng. Một ví dụ như những khổ sĩ khóa thân sinh hoạt hành vi y theo “giới hạnh làm chó, thệ nguyện làm chó” (*kukkurasīla, kukkuravata*)]. (4) *Sự chấp-thủ vào giáo lý có cái ‘ta’* (*attavādupādāna*, ngã thuyết thủ) được định nghĩa là 20 loại *quan-điểm có danh-tính cái ‘ta’* (20 thân kiến; *sakkāyadiṭṭhi*); coi thêm kinh **SN 22:07** (Quyển 3), vân vân.] (5)

⁶ [Về sự dịch nghĩa chữ *danh-sắc* (*nāma-rūpa*), coi phần *Giới Thiệu Chung* của bộ kinh này bởi TKBD ở trang 47–49 (bản dịch tiếng Anh). **Vism 558,23–28** (**Ppn 17:187**) giải thích rằng: phần *nāma* là chỉ 03 uẩn—*cảm-giác, nhận-thức* và *những sự tạo-tác* (thọ, tưởng, hành)—chúng được gọi vậy vì sự “uốn cong” (*namana*) của chúng vào một đối-tượng [trong hành vi nhận biết nó]. *Sự cố-ý* (tư), *sự tiếp-xúc* (xúc), và *sự chú-tâm* (tác ý) đều thuộc đồng *những sự tạo-tác* (hành uẩn), và, theo **Spk**, chúng được chọn để đại diện cho hành uẩn bởi vì chúng hoạt động ở những tầng thấp nhất của (tâm) thức.] (6)

⁷ [Về cách dịch chữ *saṅkhārā*, mời đọc lại trong phần *Giới Thiệu Chung* của bộ kinh này bởi TKBD (trang 44-47 bản dịch tiếng Anh). **Spk** nói: *những sự tạo-tác* (hành) có đặc tính tạo-tác (*abhisankharaṇa*). (i) *Sự tạo-tác thuộc/của thân* (thân hành) là một sự tạo-tác xảy ra thông qua thân; thuật ngữ *thân-hành* là chỉ chung cho 20 loại *sự cố-ý của thân* (*kāyasancetanā*, thân tư)—gồm 08 tư thiện và 12 tư bất thiện thuộc dục-giới—thúc đẩy hành vi hoạt động trong của thân [coi **CMA 1:4–7,13**]. (ii) *Sự tạo-tác thuộc/của lời-nói* (khẩu hành) là một sự tạo-tác xảy ra thông qua lời-nói; thuật ngữ *khẩu-hành* là chỉ chung cho 20 loại *sự cố-ý của lời-nói* (*vacīsancetanā*, khẩu tư)—thúc đẩy hành vi hoạt động của sự nói ra lời nói. (iii) *Sự tạo-tác thuộc/của tâm* (tâm hành) là một sự tạo-tác xảy ra thông qua cái tâm; thuật ngữ *tâm-hành* là chỉ 29 loại *sự cố-ý của tâm* (*manosancetanā*, tâm tư) thiện và bất thiện thuộc thế tục xảy ra một cách riêng phần trong tâm-ý chứ không thúc đẩy thành hành-động ở cửa thân và cửa lời-nói. [Thêm 09 *sự cố-ý* (tư) gồm: 05 tư thuộc những *tâm* (*citta*) *sắc-giới* và 04 tư thuộc những *tâm vô-sắc giới*, là những trạng thái của thiên-định mà thôi; coi thêm **CMA 1:18, 22**.]

▶▶ 03 loại *sự tạo-tác* hay bộ 03-hành này không nên bị nhầm lẫn với bộ 03-hành được nói trong kinh SN 41:06 (Quyển 4) và trong kinh MN 44, mục 13-29. Trong bản dịch các bộ kinh, tôi đã thêm vào chữ “*cố ý*” [*những sự tạo-tác cố ý*] để tạo nên sự khác biệt giữa bộ 03-hành thường được nói so với bộ 03-hành được nói riêng trong 02 kinh đó, mặc dù tất cả *sự tạo-tác* đều cùng một chữ giống nhau là [*saṅkhārā*]. Bộ 03-hành được nói trong 02 kinh đó luôn được nói liên quan tới trạng thái “*chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*” (diệt thọ thường) và không bao giờ được đưa vào hay liên quan gì tới *lý duyên-khởi* hay *vòng nhân-duyên*.] (7)

{▶ (Nhân tiện: Những *sự tạo-tác* (*saṅkhārā*, hành) là chỉ: những hành vi cố ý, hành động cố ý, sự làm có chủ ý; sự tạo thành, sự tạo ra, sự tạo nên, sự gây ra, sự tác động có cố ý; sự tạo nghiệp; sự chủ động làm, sự cố ý làm (bằng thân và lời-nói); ý-nghĩ thực ra cũng là sự tạo-tác vì ý-nghĩ là có sự cố-ý của tâm (tâm tư) vì sự cố-ý (tư) về bản chất cũng là sự tạo-tác của tâm, là gốc của hành-vi tạo nghiệp, gốc của nghiệp (*kamma*). Riêng chữ *tạo-tác* trong tiếng Việt đã hàm nghĩa có ý, có cố ý, có tâm ý, có chủ ý, có ý nghĩ rồi, vì vậy người dịch hiệu đính năm 2024 đã sửa lại trong tất cả bản dịch trước đây thành “*sự tạo-tác*” cho gọn).

▶ (Lý do: Trong tất cả bản dịch trước 2024 người dịch đã dịch chính xác theo TKBD là “*những sự tạo-tác cố ý*” (có cố ý, có tư), như TKBD đã nói lý do ở cuối chú thích 7 trên đây. Tuy nhiên, để đổi lấy sự ngắn gọn cho lời kinh chỉ ghi “*những sự tạo-tác*” trong lần hiệu đính lần này, chúng ta chỉ cần lưu ý không nhầm lẫn bộ 03-hành đã được nói trong kinh SN 41:06 (Quyển 4), chú thích 298 và kinh MN 44, mục 13-29; bộ 03-hành trong 02 kinh đó được nói liên quan tới trạng thái định “*diệt thọ tưởng*” (sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác) và không liên quan gì *lý duyên-khởi* hay *vòng nhân-duyên*!

- Bộ 03-hành trong 02 kinh đó có thân hành và tâm hành là 02 hành có nghĩa thụ-động: là sự tạo-tác được tạo ra thông qua thân và tâm, và khẩu hành là sự tạo-tác tạo ra lời-nói, là loại hành có nghĩa chủ-động.) ND. }

⁸ [Định nghĩa này cho thấy *vô-minh* là *nguyên nhân gốc rễ nhất* của vòng luân-hồi (sinh tử), đó là *sự không biết về Bốn Diệu Đế*. Mặc dù *vô-minh* cũng thường được biết là *tư tưởng* (*sai lầm*) về cái ‘ta’ (ngã kiến), nhưng các định

nghĩa lại cho *quan-điểm về cái ‘ta’* (ngã kiến) là một phương diện của *sự chấp-thủ* (thủ); *sự chấp-thủ* (thủ) là do bị điều-kiện (duyên) bởi *dục-vọng* (ái), rồi đến phiên *dục-vọng* (ái) thì do bị điều-kiện bởi *vô-minh*; [coi thêm **AN 4:199** về dục-vọng].] (8)

⁹ [**Spk** giải thích: bằng chữ “*sự chấm-dứt*” (diệt) chỗ này là tuyên bố về Niết-bàn. Bởi vì tất cả những hiện-tượng đó đều chấm dứt tùy thuộc vào Niết-bàn, và do vậy Niết-bàn được nói là sự chấm-dứt của chúng. Như vậy trong kinh này đức Thế Tôn đã chỉ dạy về vòng luân-hồi hiện-hữu (*vaṭṭa*) và sự chấm-dứt của vòng đó (*vivatta*) theo cách diễn đạt bằng “*12 thành ngữ về nhân-duyên*” và đưa bài kinh đến đỉnh cao là thánh quả A-la-hán.] (9)

¹⁰ [10 bài kinh kế tiếp này, với những câu chữ giống nhau, cho thấy sự giác-ngộ của 06 vị Phật quá khứ và Phật Thích-Ca hiện tại chính là sự khám-phá ra ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ và sự chấm-dứt của ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’. Tôi chỉ dịch đầy đủ lời cho kinh cuối, trong đó Phật Thích-Ca nói về sự chứng đắc sự giác-ngộ của mình.] (10)

¹¹ [Từ cách giải thích của **Spk** về *bồ-tát* (*bodhisatta*) cho thấy có lẽ như truyền thống luận giảng Pāli công nhận chữ này có 02 từ nguyên khác nhau có nghĩa là: (i) *bồ-tát* có nghĩa như chữ (tiếng Phạn) một *bodhisattva* [một chúng sinh giác-ngộ] hoặc (ii) có nghĩa như chữ **bodhisakta* [người tận tâm hướng tới tới sự giác-ngộ]; coi **PED**, về **s.v.** *satta* (1).

- **Spk** chú giải: *Bodhi* (Bồ-đề) là sự-biết; một chúng sinh được phú cho *bodhi* là một *bodhisattva* [*bồ-tát*], một người biết, một người trí, một bậc trí hiền. Vì từ lúc người đó đã xác lập tâm-nguyện dưới chân những vị Phật trước kia, người đó luôn luôn có trí, không bao giờ là người ngu mờ. Hoặc nói cách khác, giống như hoa sen trưởng thành đã ngoi lên khỏi nước và sắp nở khi được tiếp xúc tia nắng mặt trời, thì được gọi là “*một hoa sen đang thức dậy*”, tương tự một người đã có được *sự dự-báo* (thọ ký) từ những vị Phật (để đạt tới quả vị Phật trong tương lai) và người đó sẽ tất nhiên hoàn thiện *những sự hoàn-thiện* (ba-la-mật, *pāramī*) và chúng đắc *sự giác-ngộ*, thì được gọi là “*một chúng sinh đang tỉnh thức/tỉnh giác*” (*bujjhanasatta*); người đó là một *bồ-tát*. Người sống khao khát sự giác-ngộ—đó là trí-biết của bốn thánh

đạo—thì người đó tận tâm hết mình vì sự giác-ngộ, hướng tới sự giác-ngộ (*bodhiyaṃ satto āsatto*); bậc ấy là một vị *bồ-tát*.) (11)

12 [Phật Vipassī vị Phật thứ 6 trong những thời kiếp cổ xưa nếu đếm ngược từ Phật Cồ-đàm Thích-Ca. Kinh **DN 14**, từ mục 1.16 (*) có nói về sự nghiệp của vị Phật này. Vị Phật này khởi sinh trong thế gian cách đây 91 đại kiếp.

- Đức Phật Sikhī và Phật Vessabhū khởi sinh cách đây 31 đại kiếp; Phật Kakusandha, Koṇāgamana, Kassapa, và Phật Thích-Ca đều khởi sinh trong *đại kiếp tuyệt vời (phúc lành) (bhaddakappa)* này (kinh DN 14, mục 1.4.) (12)

- (*) (Những số hiệu kinh **DN** được so chiếu và trích dẫn là *số hiệu theo trang* của bản dịch tiếng Anh (bởi Maurice Walshe) và bộ kinh **DN** này chưa được dịch Việt trong khi đang dịch bộ kinh **SN**, **AN**, và **MN**.)

13 [Nguyên văn mệnh đề này: *Yoniso manasikārā ahu paññāya abhisamayo*. Các luận giảng cứ một mục giải nghĩa chữ *yoniso manasikāra = upāyama-nasikāra, pathamanasikāra* (sự chú-tâm đó là phương tiện đúng đắn, sự chú-tâm về đường lối [đúng đắn]). Còn cụm chữ '[trong ta] đã xảy ra một sự đột-phá bằng trí-tuệ' thì (**Spk** đã giải thích một cách rất khó hiểu, bất khả dĩ, và không thỏa đáng, theo TKBD, cho nên người dịch Việt tạm bỏ qua).

- Nói chung, cách dùng trong các kinh là *yoniso manasikāra* (sự chú-tâm kỹ càng, sự chú-tâm cẩn trọng, như lý tác ý) là thứ dẫn trước *paññā* (trí-tuệ), còn *paññā* là nguyên nhân tác động tạo ra *abhisamaya* (sự đột-phá). Chữ *abhisamaya* là một thuật ngữ, nó xuất hiện trong các bộ kinh Nikāya trong 02 ngữ cảnh chính: (1) Để chỉ sự đột-phá khởi đầu vào Giáo Pháp (*dhammābhisamaya*) đồng nghĩa với sự đắc được sự-thấy [kiến đắc] của Giáo Pháp (*dhammacakkhupaṭilābha*), và như vậy là đồng nghĩa với sự chứng quả Nhập-lưu; coi thêm kinh **SN 13:01** (Quyển 2 này). (2) Để chỉ sự xuyên-phá sự tự-ta (ngã mạn) (*sammā mānābhisamaya*) đồng nghĩa với việc chứng quả A-la-hán; coi kinh **SN 36:05** (Quyển 4). Thêm nữa, (3) một cách dùng thứ ba trong các kinh là để chỉ sự khám-phá của Phật về Giáo Pháp, như chữ này và động từ của nó là *abhisameti* đã được dùng trong kinh **SN 12:20** bên dưới.

- Trong những luận giảng thì chữ *abhisamaya* là đồng nghĩa với chữ *paṭivedha* (sự thâm nhập, sự xuyên thấu), hai chữ này được dùng hoán đổi thay thế lẫn nhau để mô tả *bốn chức năng của thánh đạo siêu-thế*; coi **Vism** 689–691 (**Ppn** 22:92–97).] (13)

14 [Hai mệnh đề này nói về *nguồn-gốc của sự già-chết là từ sự sinh-ra*, tương ứng với hai dạng nguyên lý trừu tượng về tính nhân duyên. Công thức trừu tượng này cũng có ghi ở kinh **12:21, 22, 49, 50, 61, and 62**, với chút biến thể ở kinh **12:41**. Coi thêm chú thích số 59 trong kinh **12:21** bên dưới.] (14)

15 [Trong câu chuyện về sự giác-ngộ của Phật ở kinh **12:65** bên dưới, Phật đã lần truy ngược chuỗi các điều-kiện (nhân duyên) chỉ xa đến *thức*, rồi Phật chỉ ra nó *khởi-sinh* tùy thuộc vào *danh-sắc*. Sự khác nhau này cũng xảy ra trong cách xử lý trong đoạn tương ứng về *sự chấm-dứt* (chiều hoàn diệt).] (15)

16 [Tiếng Pāli 05 chữ này là *cakkhu, ñāṇa, paññā, vijjā, và āloka*. Chữ *vijjā* (minh, hữu minh, trí-biết đích thực, chân trí) đích thực xuất thân từ chữ *vin-dati*, nhưng **Spk** ở đây lại giải nghĩa nó là = *paṭivedha* (sự thâm nhập, sự xuyên thấu) theo kiểu như nó xuất thân từ chữ *vijjhati* (đâm xuyên, đâm thủng) vậy.] (16)

17 [Nguyên văn câu này: *Bhūtānaṃ vā sattānaṃ tṭhitiyā sambhavesīnaṃ vā anuggahāya*. Về chữ *sambhavesin*, là phân từ chủ động tương lai được hình thành từ đuôi chữ *-esi(n)*, mời coi thêm quyển *Văn Phạm Pāli (Pāli Grammar)* của Geiger, §193A; và **EV I**, chú thích về thi kệ 527, và **CPD** khi nói về đuôi chữ *-esi(n)* (2). Những nhà giảng luận thời xưa rõ ràng đã không thông thuộc với hình thức văn phạm này [vì rất ít có trường hợp như vậy trong tiếng Pāli] cho nên họ đã giải thích chữ *sambhavesin* như thể nó là một chữ *ghép bổ nghĩa (bahubbhīhi)* được tạo nên từ danh từ *sambhava* và đuôi tính từ *-esin*. Do vậy nên **Spk** đã chú giải cụm chữ “*những chúng sinh đã đi đến hiện thành*” ở trên là những chúng sinh đã được sinh ra, đã được sản sinh. Cụm chữ “*những chúng sinh sắp đi đến hiện thành*” [hoặc, theo cách diễn dịch của **Spk**, là “*những chúng sinh tìm sự hiện-hữu mới*”] là những chúng sinh đang tìm kiếm, đang tìm cầu một sự hiện-hữu mới, sự sinh mới, sự sản sinh mới (*sambhavesino ti ye sambhavaṃ jātīṃ nibbattiṃ esanti gavesanti*).”

- (Do vậy, trước kia thường dịch Việt là: “*những chúng sinh đã được sinh ra và những chúng sinh sắp được sinh ra*”, nhưng sau khi tham khảo kỹ chú thích này nên tôi dịch lại là “*những chúng sinh đã đi đến hiện thành và những chúng sinh sắp đi đến hiện thành*”. Nhưng nếu quý vị muốn nhớ nghĩa lời kinh theo cách dịch trước thì có lẽ cũng không sao.) (17)

18 [Spk: Bốn loại *dưỡng-chất* ở đây có nghĩa là *những điều-kiện* (*paccayā*, duyên); những điều-kiện được gọi là những dưỡng-chất (*āhārā*) bởi vì chúng nuôi dưỡng [hay *mang đến* (*āharanti*)] những tác-động (hiệu quả) của chúng. Mặc dù cũng còn có những điều-kiện khác để tạo ra những ‘chúng sinh’, nhưng riêng 04 điều-kiện này được gọi là 04 *dưỡng-chất* bởi vì chúng có vai trò là 04 *điều-kiện đặc biệt* để duy trì sự liên tục sự sống của một cá thể (*ajjhattikasantatiyā visesapaccayattā*). Bởi vì dưỡng chất *thức-ăn* (*kabalīṅkāra āhāra*) là một điều-kiện đặc biệt đối với *thân thể* của những loại chúng sinh sống nhờ *thức-ăn*. Còn đối với *thân* (*thuộc*) *tâm* thì *sự tiếp-xúc* (xúc) là điều-kiện đặc biệt tạo ra *cảm-giác* (thọ); *sự cố-ý của tâm* (tâm tư) là điều-kiện đặc biệt tạo ra *thức*, và *thức* là điều-kiện đặc biệt tạo ra *danh-sắc*.

- Trong bộ kinh SN này, những loại *dưỡng-chất* (*āhārā*) cũng được thảo luận thêm trong Chương 12 này là kinh **12:12, 31, 63, và 64**. Về những đặc điểm chung của 04 loại dưỡng-chất, mời coi thêm **Vism 341,7–18 (Ppn 11:1–3)**. Nhà sư trưởng lão Nyanaponika Thera trong quyển *Bốn Dưỡng Chất Của Sự Sống (The Four Nutriments of Life)* cũng giới thiệu các bài kinh liên quan tới những dưỡng-chất cộng với những luận giải của thầy ấy. Bản thân chữ *āhāra* cũng được dùng với nghĩa rộng hơn là có nghĩa là “*điều-kiện đặc biệt*” mà không liên quan gì đến những dưỡng-chất được nói ở đây, ví dụ như trong kinh **46:51 và 55:31** (Quyển 5).] (18)

19 [*Bốn loại dưỡng-chất này có dực-vọng là nguồn gốc của chúng*. Spk giải thích: bắt đầu bằng lúc tái-sinh, những loại dưỡng-chất này đã có trong *sự hiện-hữu cá thể* (*attabhāva*, cơ chế hữu tình, tức trong một ‘người’) nên được hiểu là phát sinh theo cách của *dực-vọng trước đó* [*purimatanhā*; tức dực-vọng (ái) từ kiếp trước tạo ra sự tái-sinh]. Theo cách nào? Ngay thời khắc tái-sinh, trước tiên, ngay đó có tinh-cốt dưỡng chất (*ojā*) được tạo ra bên trong (thân) sắc đã khởi sinh; đây là *dưỡng-chất thức-ăn* được tích lũy theo nghiệp bắt nguồn từ dực-vọng trước đó. Rồi (i) *sự tiếp-xúc* (ái) và (ii) *sự cố-ý* (tư)

liên kết với thức tái-sinh, và (iii) bản thân cái thức đó, lần lượt là những dưỡng-chất: *sự tiếp-xúc, sự cố-ý của tâm, và thức* bắt nguồn từ *dục-vọng trước đó*. Như vậy, ngay khi tái-sinh, những dưỡng-chất đó đã có nguồn gốc của chúng là *dục-vọng trước đó*. Và ngay lúc tái sinh, những dưỡng-chất đó lại kế tiếp được sản xuất vào thời khắc của *bhavaṅgacitta* thứ nhất cũng nên được hiểu theo một cách tương tự (như những loại dưỡng-chất nói trên). (*bhavaṅgacitta* thường được dịch là: *tâm hữu phần* hay *tâm hộ kiếp*)

- Về vai trò tác-động (duyên) của những dưỡng-chất, coi thêm **CMA 8:23**.

- Giải thích theo luận giảng về cách dục-vọng là nguyên-nhân của 04 dưỡng-chất đó có vẻ cứ lòng vòng. Cách giải thích đơn giản hơn, phù hợp hơn với tinh thần của những bài kinh, có lẽ như vậy: *chính dục-vọng luôn thúc đẩy chúng sinh vào trong một cuộc tranh đấu bất tận để đạt được dưỡng-chất của thân và của tâm trong kiếp này và cả những kiếp sau.*] (19)

20 [**Spk**: Đức Thế Tôn đã dùng lời dạy ngay chỗ này bởi vì Phật biết có một người kiến thuyết (*ditṭhigatika*; người duy lý thuyết) đang ngồi trong hội chúng và Phật muốn cho người đó một cơ hội để đặt câu hỏi.] (20)

21 [**Spk** giải thích nhà lý thuyết đó tên là *Moliya* (tóc búi) đây là tên tại gia của người đó, vì người đó để búi tóc (*moli*) lớn trên đỉnh đầu, và đó trở thành biệt danh mang theo sau khi đã xuất gia. Kinh **MN 21** người đó đã bị quở trách vì thân thiện quá mức đối với những Tỳ kheo ni; trong kinh **12:32** bên dưới chúng ta thấy người đó đã bỏ tu và quay lại đời sống tại gia.] (21)

22 [Câu hỏi của Tỳ kheo *Moliya Phagguna* “*Ai tiêu thụ ...?*” là đã thai nghén (đánh chung, hàm nghĩa) với *quan-điểm có cái ‘ta’* (ngã kiến). Thầy ấy nhìn thấy như có ‘ai’—một bản ngã—đứng sau thức trong vai trò của một chủ-thể thực chất. Do đó Phật phải từ chối ngay rằng đó là câu hỏi không hợp lệ, dựa trên một giả định không đúng pháp. **Spk** chú giải cả câu là: “*Ta không nói ‘Ai tiêu thụ’.*” có nghĩa là: “*Ta không nói có ai—một chúng sinh hay một người (koci satto vā puggalo vā)—tiêu thụ.*”.] (22)

23 [Trong câu hỏi hợp lệ này, Phật đã thay chữ *ko* [là đại từ chỉ nhân cách, nó hàm chứa những ý nghĩa hữu thể hữu ngã] bằng dạng phi nhân cách là chữ *kissa*, đây là chữ số ít có gốc từ đầu chữ *ki-* [coi thêm quyển *Văn Phạm Pāli*

(*Pāli Grammar*) của học giả Geiger, §111.1]. Mặc dù tất cả các phiên bản đều ghi là *kissa nu kho bhante viññāṇāhāro*, nhưng nghĩa ở đây hình như cần có thêm chữ *paccayo* ở cuối câu. **Spk** giải nghĩa là: *Bhante ayam viññāṇāhāro katamassa dhammassa paccayo?* Như vậy đúng là chữ *paccayo* phải có ở cuối câu trả lời.] (23)

24 [**Spk**: *duy-đồng-chất thức*: là (tâm) thức tái-sinh (*paṭisandhicitta*). *Sự sản sinh ra sự tái hiện-hữu trong tương lai* (*āyatim punabbhavābhiniḍḍatti*): là danh-sắc đã khởi sinh cùng với loại thức tái-sinh này. Trong **AN 3:77** có nói: “Nghịệp là ruộng, thức là hạt giống, và dục-vọng là độ ẩm, để thức ... được lập thành trong một cảnh giới thấp (trung, cao); như vậy là có sự sản sinh ra sự tái hiện-hữu trong tương lai” (*kammaṃ khettaṃ viññāṇaṃ bījaṃ taṇhā sineho ... hīnāya (majjhimāya, paṇitāya) dhātuyā viññāṇaṃ paṭiṭṭhitaṃ; evaṃ āyatim punabbhavābhiniḍḍatti hoti*). Điều này hàm nghĩa rằng, chính dòng *thức* đi từ kiếp trước làm chức năng là *duy-đồng-chất thức* bằng cách tạo ra [vào lúc nhập thai] thức tái-sinh *khởi đầu*, và đến lượt thức này mang lại và nuôi dưỡng *danh-sắc*.] (24)

25 [Câu này là: *Tasmiṃ bhūte sati saḷāyatanaṃ*. **Spk** giải thích: khi danh-sắc đó, được gọi là “*sự sản sinh ra sự tái-hiện hữu*”, được tạo ra, khi nó có mặt, thì *sáu cơ-sở (để) cảm-nhận* (sáu xứ) đi đến hiện thành. Chữ kết nối *bhūte sati* ở đây là bất thường và sự dư thừa này chỉ được tránh bỏ nếu phân từ quá khứ *bhūte* ở đây được hiểu là có chức năng là một danh từ để mô tả chúng sinh đó đã đi đến hiện thành.] (25)

26 [**Spk** chú giải: Tại sao người duy lý thuyết đó đã không hỏi câu ‘*Ai đi đến hiện thành?*’ Bởi do người đó đã nắm giữ niềm tin có ‘một chúng sinh’ đi đến hiện thành, nhưng câu trả lời của Phật đã trực tiếp phủ nhận niềm tin đó rồi. Thêm nữa, sau khi đã bị phủ nhận nhiều lần, thầy ấy đã được thuyết phục, và do vậy Đức Phật đã tiếp tục bài thuyết giảng một cách liên tục không dừng để cho thầy ấy không còn hỏi thêm những câu hỏi vô ích như vậy.] (26)

27 [**Spk** giải thích nghĩa là: Họ không hiểu được *sự già-chết* theo cách của *Diệu-đế về khổ* (khổ đế); không hiểu được *nguồn-gốc của nó* theo cách của *Diệu-đế về nguồn-gốc khổ* (tập đế), tức không hiểu *sự già-chết* khởi sinh từ

sự sinh-ra và dục-vọng; không hiểu được *sự chấm-dứt của nó* theo cách của *Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ* (diệt đế); không hiểu được *phương pháp dẫn tới sự chấm-dứt của nó* theo cách của *Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ* (đạo đế). Tương tự ở các đoạn kế tiếp, ý nghĩa lời kinh nên được hiểu theo cách của *Bốn Diệu Đế* như vậy.

- Sự *vô-minh* đã không được đề cập trong chuỗi nhân-duyên này bởi vì nó đã được hàm chỉ trong cụm chữ ‘*nguồn-gốc của những sự tạo-tác*’ rồi; (nguồn gốc của các hành chính là *vô-minh*).] (27)

28 [*Sāmannattham vā brahmannattham vā* (trong mục tiêu của đời sống sa-môn hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn). **Spk** chú giải rằng: Ở đây thánh đạo chính là đời sống sa-môn và đời sống bà-la-môn (đích thực), và trong cả hai trường hợp, mục-tiêu đều nên được hiểu chính là *thánh quả*. Coi thêm các kinh SN 45:35–38 (Quyển 5).] (28)

29 [Nguyên văn câu này là: *Dvayanissito khvāyaṃ Kaccāna loko yebhuyyena atthitan c’ eva natthitan ca*. **Spk** giải thích: “*Hầu hết*” (*yebhuyyena*) có nghĩa là phần lớn đại chúng, ngoại trừ những thánh nhân (*ariyapuggala*). *Ý-niệm về sự hiện-hữu* (*atthitā*) là tư tưởng trường tồn bất diệt (*sassata*), thường kiến; còn *ý-niệm về sự không hiện-hữu* (*natthitā*) là tư tưởng sẽ diệt vong (*uccheda*), đoạn kiến. **Spk-pt** giải thích: *ý-niệm [luôn] hiện-hữu* là tư tưởng trường tồn bởi vì nó cho rằng toàn thể thế giới [của sự hiện-hữu cá thể] (như ‘chúng sinh’, ‘con người’) là tồn tại mãi mãi. Còn *ý-niệm không hiện-hữu* là tư tưởng tự diệt hay diệt vong bởi vì nó cho rằng toàn thể thế giới không tồn tại [mãi mãi] mà sẽ bị hủy diệt. Dựa như theo quan-điểm của những chú giải như vậy thì sẽ sai lệch nếu chỉ dịch 02 chữ *atthitā* và *natthitā* đơn giản là “*sự hiện-hữu*” và “*sự không hiện-hữu*” rồi cứ mặc nhiên [như chuyện đã rồi] rằng Đức Phật đã từ chối tất cả những quan-niệm mang tính bản thể này như vốn dĩ là không hợp lệ và không đúng. Ví dụ, lời Phật nói trong kinh SN 22:94 (Quyển 3) cho thấy Phật đã không ngần ngại nói những lời tuyên bố với những thông tin rõ ràng về tính bản thể nếu được yêu cầu tuyên bố. Trong đoạn kinh chúng ta đang đọc thì chữ *atthitā* và *natthitā* là những danh từ trừu tượng được tạo từ những động từ là *atthi* và *natthi*. Như vậy những giả định siêu hình hàm chứa trong những sự trừu tượng đó mới là vấn đề đúng sai, chứ không phải những sự mô tả về sự hiện-hữu hay sự không hiện-hữu. Tôi đã có

gắng chuyển tải nghĩa của sự trừu tượng siêu hình đó, được chuyển tải trong tiếng Pāli bằng đuôi chữ *-tā*, bằng cách diễn dịch hai chữ lần lượt là “*ý-niệm về sự hiện-hữu*” và “*ý-niệm về sự không hiện-hữu*” (tiếng Việt có thể gọi là ‘*ý-niệm luôn hiện-hữu*’ và ‘*ý-niệm không hiện hữu*’, *ý niệm sẽ bất diệt* và *ý niệm sẽ diệt vong*). Về 02 cực đoan đã bị từ chối bởi Đức Phật trong kinh SN 12:48 và bị từ chối bởi giáo lý của Phật về ‘*sự khởi-sinh và biến-diệt của thế giới*’ trong kinh SN 12:44. Không may là chữ *atthitā* và *bhava* đều phải được dịch giống nhau là “*sự hiện-hữu*”, chỗ này cần chỉ ra rõ sự thật rằng trong tiếng Pāli chúng bắt nguồn từ những gốc từ khác nhau. Chữ *atthitā* là *ý-niệm về sự hiện-hữu theo nghĩa trừu tượng*, còn chữ *bhava* là *sự hiện-hữu cá thể cụ thể* (theo nghĩa hữu sinh, sinh thành, trở thành, có mặt, có sống) trong một trong 03 cõi hiện-hữu. Để đánh dấu sự khác biệt của 02 chữ này, chữ *bhava* đã được dịch là “*sự sống, sự có mặt, hay sự hữu sinh*”.] (29)

30 [(1) **Spk**: “*Nguồn-gốc của thế giới*”: là sự sản sinh ra ‘*thế giới của những sự tạo-tác*’. *Không còn tư tưởng (ý niệm) về sự ‘không-hiện-hữu’ đối với thế giới*: là không xảy ra trong người đó quan-điểm sẽ diệt-vong (đoạn kiến) có thể khởi sinh đối với những hiện-tượng được sản sinh và được làm cho hiện thị trong ‘*thế giới của những sự tạo-tác*’, họ cứ chấp rằng “*chúng không hiện hữu*”. **Spk-pt**: *Quan-điểm sẽ diệt-vong* (đoạn kiến) có thể khởi sinh đối với ‘*thế giới của những sự tạo-tác*’ như vậy: ‘*Do có sự diệt vong và hủy diệt của những chúng sinh ngay tại nơi chúng có mặt, cho nên sẽ không có sự hiện-hữu trường tồn hay những hiện-tượng trường tồn.*’ Điều này gồm cả cách-nhìn sai lạc (tà kiến), sau khi những sự tạo-tác đó là đối-tượng của nó, cách-nhìn đó chấp rằng: ‘*Không có chúng sinh nào là (chúng sinh) được tái sinh.*’ Cách-nhìn đó *không xảy ra trong người tu đó*; bởi người tu đó đang nhìn thấy bằng sự-hiểu đúng đắn rằng (*I*) *có sự sản sinh và sự khởi nguồn của thế giới của những sự tạo-tác tùy thuộc vào những điều-kiện đủ loại đủ kiểu như: nghiệp, sự vô-minh, dục-vọng ...* cho nên cái quan-điểm diệt-vong đó không còn xảy ra, vì người tu đó nhìn thấy có *sự sản sinh liên tục không gián đoạn của những sự tạo-tác*.

- (2) **Spk**: “*Sự chấm-dứt của thế giới*”: là sự tan hoại (*bhaoga*) của thế giới. *Không còn tư tưởng (ý niệm) về sự luôn hiện-hữu đối với thế giới*: là không xảy ra trong người đó quan-điểm luôn bất-diệt (thường kiến) có thể khởi sinh đối với những hiện-tượng đã được sản sinh và được làm cho hiện thị trong

thế giới của những sự tạo-tác, họ cứ chấp rằng “*chúng luôn hiện hữu mọi lúc mọi thời*”. **Spk-pt:** *Quan-điểm luôn bất-diệt* (thường kiến) có thể khởi sinh đối với thế giới của những sự tạo-tác, coi nó là tồn tại mãi mãi, từ sự sợ-hãi rằng cái ‘linh hồn’ trong sự liên-tục không gián đoạn (như dạng ‘linh hồn’) sẽ bị tác động bởi quy luật nhân-quả. Nhưng cái quan-điểm đó *không còn xảy ra trong người tu đó*; bởi người tu đó nhìn thấy (II) *có sự chấm-dứt của những hiện-tượng khởi sinh liên tục và sự khởi-sinh liên tục của những hiện-tượng mới*, cho nên cái quan-điểm bất-diệt đó không còn xảy ra trong người tu đó.

- (3) **Spk:** Thêm nữa, “*nguồn-gốc của thế giới*” là tính điều-kiện (nhân duyên) theo trình tự trực tiếp (*anuloma-paccayākāra*) (chiều khởi sinh); còn “*sự chấm-dứt của thế giới*” là tính điều-kiện (nhân duyên) theo trình tự đảo ngược (*paṭiloma-paccayākāra*) (chiều hoàn diệt). [**Spk-pt:** “*Tính nhân duyên theo trình tự trực tiếp*” [*chiều khởi sinh*] là sự tác động của những nhân duyên tạo ra hệ quả; còn “*tính nhân duyên theo trình tự đảo ngược*” [*chiều hoàn diệt*] là sự chấm-dứt những hệ quả đó bằng cách chấm dứt những nhân duyên.] (I) Vì nhìn thấy ‘*sự tùy-thuộc mà sinh và diệt*’ của thế giới: tức sau khi nhìn thấy *sự không kết-thúc* của những hiện-tượng đã khởi-sinh do nhân duyên [điều-kiện] là do không-có sự kết-thúc của những nhân duyên đó của chúng—thì cái quan-điểm sẽ diệt-vong (đoạn kiến) vốn từng khởi sinh trong người đó giờ không còn xảy ra nữa. Và, (II) vì nhìn thấy *có sự chấm-dứt* của những nhân duyên [điều-kiện]: tức sau khi nhìn thấy sự chấm-dứt của những hiện-tượng đã khởi-sinh do duyên là do có sự chấm-dứt của những nhân duyên của chúng—thì cái quan-điểm sẽ bất-diệt (thường kiến) vốn từng khởi sinh trong người đó giờ không còn xảy ra nữa.

- (Những cách nhìn nhận như (I) và (II) là khoa học, chánh đúng và hiện thực, nhờ đó một người hiểu và thấy 02 lẽ-thực này sẽ không bị rớt vào cực đoan *đoạn-kiến* (trước sau gì cũng diệt vọng, chết là hết) và cực đoan *thường-kiến* (có ‘linh hồn’ cố định của ‘ta’ là bất diệt, ‘linh hồn’ chỉ di chuyển từ kiếp này sang kiếp khác).] (30)

³¹ [Tôi chọn câu này theo cách ghi phối ghép của **Be** và **Se** là: *upayupādān-ābhinivesavinibaddho*. Tôi chọn đuôi chữ *upay-* từ **Be** [**Se** và **Ee** ghi: *upāy-*] và chọn đuôi chữ *-vinibaddho* từ **Se** [**Be** và **Ee** ghi: *-vinibandho*].

- **Spk** giải thích: mỗi trong 03 danh từ—*sự dính-líu, sự chấp-thủ, và sự cố-chấp*—đều xảy ra theo cách của (do) dục-vọng và những tà-kiến (*tanhā, diṭṭhi*), vì thông qua những dục-vọng và tà-kiến này nọ một người mới dính líu, chấp thủ, và cố chấp theo những hiện-tượng của 03 cõi là (có) cái ‘*ta*’ (ngã kiến) và ‘*của-ta*’ (ngã sở).] (31)

³² [Nguyên văn cả câu này: *Tan cāyaṃ upayupādānaṃ cetaso adhiṭṭhānaṃ abhinivesānusayaṃ na upeti na upādiyati nādiṭṭhāti “attā me” ti*. Tôi đã được giải tỏa khỏi sự khó khăn về cú pháp của câu này nhờ sự trợ giúp của luận giảng **Spk**; **Spk** đã giải nghĩa chữ *ayaṃ* là “*người thánh đệ tử này*” (*ayaṃ ariyasāvako, thánh thính văn này*). **Spk** nói dục-vọng (ái) và những quan-điểm này nọ (tà kiến) cũng được gọi là *những quan-điểm này nọ của tâm* (*adhiṭṭhāna*) bởi chúng là nền tảng cho cái tâm [bất thiện] và cũng được gọi là “*những sự cố-chấp và những khuynh-hướng tiềm ẩn*” (*abhinivesānusaya*) bởi chúng cố chấp theo cái tâm và nằm tiềm ẩn (tùy miên) bên trong cái tâm. **Spk** kết nối động từ *adhiṭṭhāti* với chữ theo sau là “*attā me*” và tôi cũng làm theo cách diễn dịch này trong bản dịch của tôi.] (32)

³³ [**Spk** giải thích sự *khổ* (*dukkha*) ở đây đơn giản là chỉ “*năm-uẩn dính chấp-thủ*” (năm thủ uẩn); (*pancupādānakkhandhamattam eva*). Như vậy cái mà người thánh đệ tử nhìn thấy, khi người đó quán chiếu về sự hiện-hữu cá thể của mình, không phải là cái ‘*ta*’ hay ‘*bản ngã của ta*’ hay ‘*một người có tự tính*’ mà đó chỉ là một sự lắp-ráp của những hiện-tượng có điều-kiện (sự kết hợp của những thứ hữu-vi) khởi sinh và biến diệt thông qua tiến trình tùy-duyên được chi phối bởi (lý) ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’. Luận điểm này có thể nối kết với lời tuyên bố của Tỳ kheo ni Vajirā ở thi kệ 553-555, kinh SN 5:10 (Quyển 1). **Spk** nói rằng: Chỉ cần đọc hiểu lời tuyên thuyết này—tức là *sự dẹp bỏ cái tư tưởng có một ‘chúng sinh’* (*sattasaññā*)—đó chính là sự nhìn-thấy đúng đắn (chánh kiến).”

- *Sự-biết [tri] không phụ thuộc vào người khác* (*aparappaccayā ñāṇaṃ*) được giải thích bởi **Spk** là *sự-biết trực tiếp* của cá nhân không tùy thuộc vào người khác (*annassa apattiyāyevā attapaccakkhanāṇaṃ*). Điều này là do người thánh đệ tử [từ bậc Nhập-lưu trở lên] đã nhìn thấy sự-thật cốt lõi của Giáo Pháp, và do vậy không cần dựa vào người khác, ngay cả đó là Phật, thì mới có thể minh sát nhìn thấu *Giáo Pháp*. ► Tuy nhiên, khi chưa chứng A-la-hán,

một thánh đệ tử như vậy vẫn đến gặp Đức Phật (hay một Tỳ kheo khác đã giác-ngộ) để được chỉ dẫn về phần *thiền tập*.] (33)

34 [Nguyên văn câu này: *Dhammānudhammapaṭipanno*. **Spk** giải nghĩa là: *Lokuttarassa nibbānadhammassa anudhammabhūtaṃ paṭipadaṃ paṭipanno* (người thực hành phương cách đúng theo pháp-Niết-bàn siêu thế). **Spk-pt** giải nghĩa chữ *nibbānadhamma* (pháp-Niết-bàn) là = “thánh đạo đưa đến Niết-bàn” và giải thích “[phương cách] đúng theo” pháp-Niết-bàn có nghĩa là “[phương cách] có bản chất phù hợp để thành tựu Niết-bàn” (*nibbānādhigamassa anucchavikasabhāvabhūtaṃ*). Câu tuyên bố này là chỉ một bậc học nhân (*sekha*). So sánh với chú thích 51 ở kinh **SN 22:39** (Quyển 3).] (34)

35 [Nguyên văn câu này: *Diṭṭhadhammanibbānappatto*. Câu tuyên bố này chỉ một bậc A-la-hán, tức vô-học nhân (*asekha*), là người đã hoàn thành sự tu tập.] (35)

36 [**Spk** diễn dịch: Vì sao đức Thế Tôn từ chối ba lần? Là để những người hỏi lý thuyết khởi sinh sự kính trọng; vì nếu trả lời họ ngay họ sẽ không kính trọng. Khi đã kính trọng, họ sẽ muốn lắng nghe và sẽ khởi sinh niềm-tin. Cũng vậy, Phật từ chối lúc đầu là để tạo cơ hội cho căn hiểu-biết của người đó được chín muồi.] (36)

► (Ở đầu kinh: *Vương Xá* là Hán dịch theo nghĩa, không phải do phiên âm, nên không ghi có dấu gạch nối. (*Rājagaha*: Rāja là vua, thuộc vua, vương triều; *gaha* là chỗ, nơi, chỗ ở, xá ...). Tương tự như chữ Cấp Cô Độc cũng là dịch nghĩa. Các chữ do phiên âm thì được ghi có dấu gạch ngang như: Tỳ-xá-ly, Ma-kiệt-đà, hay Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Thích-ca ...).

37 [Trong 04 trường hợp vừa hỏi, trường hợp thứ nhất và thứ hai, như sẽ được chỉ ra, lần lượt là câu công thức hàm nghĩa là *tư tưởng sẽ trường tồn bất-diệt* (thường kiến) và *tư tưởng sẽ diệt-vong* (đoạn kiến). Trường hợp thứ ba là giải pháp hỗn hợp, có lẽ là một dạng *tư tưởng bất-diệt bán phần* (*ekaccasassatavāda*; coi thêm kinh **DN 1**, từ mục 1.35). Trường hợp thứ tư là *thuyết khởi sinh ngẫu nhiên tình cờ* (*adhiccasamuppannavāda*; coi **DN 1**, từ mục 2:27).] (37)

38 [Spk đã chỉ ra ngay đây có sự thay đổi trong cách xưng hô của ông Ca-diếp, từ “*Thầy Cồ-đàm*” (*bhū Gotama*) chuyển sang sự xưng hô kính trọng là “*bậc Thế Tôn*” (*bhante bhagavā*) cho thấy ông đã có được sự kính trọng đối với Phật.] (38)

39 [Spk giải nghĩa chữ *ādito sato = ādimhi yeva*, và giải thích nó có nghĩa là “[*nếu*] từ khởi đầu [*một người nghĩ*] ...” Theo tôi có lẽ cụm chữ này tự nó đã là một phần của quan-điểm sẽ trường tồn bất diệt (thường kiến) và nó có nghĩa là “*của người hiện-hữu từ lúc khởi thủy*”, tức như một chúng sinh *đã luôn luôn hiện-hữu*. Sự diễn dịch này có thể bơm thêm sự ủng hộ từ cái sự là cụm chữ này đã được bỏ đi ngay bên dưới trong câu khẳng định tương ứng sau về quan-điểm sẽ diệt-vong (đoạn kiến), vốn cũng được lập theo cùng cách lập luận, và do vậy, nếu Spk là đúng, thì nên gồm có cụm chữ *ādito sato*. Spk nói rằng “*cụm chữ đó nên được đưa vào*”, nhưng sự thật là ‘lời kinh đã thay thế nó bằng một cụm chữ khác’—đây là bằng chứng mạnh mẽ rằng nó vốn không thuộc về chỗ đó; mời coi thêm chú thích **40** kể dưới.

- Spk ghi rằng: “*Nếu từ khởi đầu [người nghĩ rằng] “Cái người hành động là một với người ném trái [quả]”* thì trong trường hợp đó niềm-tin (*laddhi*) theo sau đó sẽ là “*Khổ là do chính mình tạo ra.*” Và ở đây, sự khổ có nghĩa chính là sự khổ của vòng luân-hồi (*vaṭṭadukkha*). (Nghĩa nôm na là: có cái ‘người’ (linh hồn người đó) đã hiện hữu từ vô thủy đã tạo nghiệp và chính mình ném trái nghiệp đó. Và như vậy đã hàm nghĩa có một ‘linh hồn bất diệt’ truyền kiếp từ khởi thủy, và đây là tư tưởng luôn trường tồn bất diệt (thường kiến). Sau khi đã chấp như vậy, ngay từ khởi đầu người đó tuyên bố tư tưởng luôn trường tồn bất diệt, người đó nắm giữ quan-điểm luôn trường tồn bất diệt. Vì sao? Bởi vì quan-điểm của người đó đã dẫn tới tư tưởng đó. Tư tưởng luôn trường tồn bất diệt xảy đến với một người nhìn nhận ‘tác-nhân và người ném-trái chỉ là một’ (do mình gây ra do mình ném trái).

- Spk-pṭ thì chú giải rằng: Trước khi có niềm tin rằng ‘khổ là do chính mình tạo ra’ đã có *những sự đảo-điên của sự nhận-thức và của tâm (saññācittavipallāsā)* trong ý niệm “*Người hành động là một với người ném trái [quả]*” và rồi sự cố-chấp sai trái theo những sự điên-đảo đó đã phát triển, được gọi là, “*Khổ do chính mình tạo ra*” [đây là một *sự đảo-điên của những quan-điểm*

(*ditthivipallāsa*)]. Về 03 mức độ của sự đảo-điên cùng với 04 loại sự đảo-điên, mời coi thêm kinh AN 4:49 và những chú thích trong đó.] (39)

⁴⁰ [Trong đoạn này thì cụm chữ *ādito sato* được thấy trong câu khẳng định trước về quan-điểm luôn trường tồn bất diệt (thường kiến) giờ đã được thay thế bởi cụm chữ *vedanābhitunnassa sato*, như vậy là phản bác lại đề nghị của Spk trong chú thích kể trên rằng cụm chữ *ādito sato* nên được đưa vào ở đây. Spk đã diễn dịch câu này là sự khẳng định rằng: quan-điểm sẽ diệt vong (đoạn kiến) được nắm giữ bởi người nếm-trái cái cảm-giác liên đới (câu hữu) với quan-điểm đó, nhưng tôi thì hiểu ý kinh chỗ này là: quan-điểm đó được nắm giữ với sự tham chiếu tới cái người “bị tác động bởi cảm-giác”, có lẽ là bởi cảm-giác khổ đau.

- Spk chú giải chỗ này là: *Nếu ngay từ khởi thủy [người nghĩ] “Người hành-động là một, người nếm-trái [quả] là người khác”, thì trong trường hợp đó theo sau sẽ là niềm-tin “Khổ là do người khác tạo ra” được nắm giữ bởi người bị tác động bởi—tức bị làm khổ, bị thâm thấu bởi—cái cảm-giác câu hữu với tư tưởng đoạn diệt (đoạn kiến) sẽ khởi sinh như vậy: “Tác-nhân sẽ bị hủy diệt ngay tại đây và người khác nếm-trái [những quả] của nghiệp mà tác-nhân đã gây ra.”* Sau khi đã khẳng định như vậy, từ khởi đầu người đó tuyên bố tư tưởng sẽ diệt vong, người đó nắm giữ tư tưởng sẽ diệt vong. Vì sao? Bởi vì quan-điểm người đó nắm giữ dẫn tới tư tưởng này. Tư tưởng sẽ diệt vong (sẽ hủy diệt; chết là hết) đã xảy đến với người đó.] (40)

⁴¹ [Spk giải thích: Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp “trung-đạo” không ngã theo cực đoan nào—sự bất-diệt hay sự đoạn-diệt—sau khi đã dứt khoát dẹp bỏ 02 tư tưởng cực đoan đó. Giáo Pháp trung-đạo đó là gì? Đó là bằng công thức là “sự khởi-sinh tùy thuộc” (lý duyên khởi): mọi sự xảy ra do có nhân duyên và chấm dứt khi nhân duyên chấm dứt, chứ không có tác-nhân (*kāraṇa*) hay người nếm-trái (*vedaka*) nào được mô tả trong đó.] (41)

⁴² [“Thụ giới xuất gia” (*pabbajjā*) là nghi thức thụ giới đầu tiên trở thành sa-di (*sāmaṇera*); chữ “thụ giới cao hơn” hay “thụ toàn-bộ giới” hay “cụ túc giới” (*upasampadā*) là sự chấp nhận một sa-di thụ lãnh toàn-bộ giới bốn Tỳ kheo để trở thành một Tỳ Kheo trong Tăng Đoàn.] (42)

⁴³ [Để biết thêm chi tiết về sự thụ giới cho một du sĩ trước đó thuộc đạo giáo khác, mời coi chỗ Luật Tạng **Vin I** 69–71. **Spk**: Ứng viên thực sự được ban cho sự xuất-gia và sống như một sa-di trong thời gian tập sự, sau thời gian đó những Tỳ kheo sẽ xem xét và ban cho người đó sự thụ lãnh toàn-bộ giới (đại thọ giới, cụ túc giới, để trở thành một Tỳ kheo) nếu họ thấy hài lòng với người đó. Tuy nhiên, riêng Phật có quyền bỏ qua thủ tục thông thường này sau khi Phật nhận thấy ứng viên là có đủ năng lực và không cần phải qua thời gian thử thách hay tập sự. Như trong trường hợp của tu sĩ lửa thể Ca-diếp này, ông ấy đã được Phật ban cho *giới xuất-gia* (thành sa-di), rồi ngay sau đó Phật nói với hội đồng các Tỳ kheo đồng ý ban luôn cho ông *toàn-bộ giới* (cụ túc giới, đại thọ giới) để trở thành một Tỳ kheo.] (43)

⁴⁴ [Về câu cuối này, coi chú thích số 376 ở kinh **6:03** (Quyển 1).] (44)

► (Chữ “*đời sống tâm linh*” (*phạm hạnh*) là = “*đời sống thánh thiêng*”, “*đời sống tu hành*”, “*đời sống xuất gia*”, “*đời tu sĩ*”).

⁴⁵ [**Spk**: Kinh này thảo luận về *cảm-giác sướng và khổ* (*vedanāsukhadukkha*); cũng có thể cho rằng chủ-đề của kinh này là: “*sự sướng và khổ là quả*” (*vipākasukhadukkha*).] (45)

⁴⁶ [**Spk** chú giải: Nếu từ lúc khởi đầu [người nghĩ rằng:] “*Cảm-giác và người cảm-giác là một*” thì sẽ đi đến niềm-tin “*Sướng và khổ do chính mình tạo ra*”. Bởi vì trong trường hợp này cảm-giác được tạo ra bởi chính cảm-giác, và sau khi đã khẳng định như vậy người đó thừa nhận sự có mặt của cảm-giác này đã từ lâu trong quá khứ. Người đó tuyên bố tư tưởng bất-diệt, người đó nắm giữ tư tưởng bất-diệt (thường kiến).] (46)

⁴⁷ [**Spk** chú giải: Nếu từ lúc khởi đầu [người nghĩ rằng:] “*Cảm-giác là một, người cảm-giác nó là khác*” thì sẽ đi đến niềm-tin “*Sướng và khổ là do người khác tạo ra*” được nắm giữ bởi người bị tác-động bởi cảm-giác đó đi kèm với tư tưởng đoạn-diệt khởi sinh như vậy: “*Cảm-giác của tác-nhân (kāra-kavedanā) trong quá khứ đã bị hủy diệt, và người khác ném-trái [quả của] nghiệp mà tác-nhân đã tạo ra.*” Sau khi đã khẳng định như vậy, người đó tuyên bố và nắm giữ quan điểm đoạn-diệt (đoạn kiến) rằng tác-nhân đã bị hủy diệt và sự tái-sinh được nhận lấy bởi một người khác.] (47)

⁴⁸ [Spk: *Thân này đã khởi sinh từ đó (evam ayaṃ kāyo samudāgato)*: là thân này đã được tạo ra như vậy bởi do người đó đã bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng (từ vô thủy). *Vì vậy nên có thân này*: là ‘*thân có-thức*’ của một người. Và *danh-sắc ở bên ngoài (bahiddhā ca nāmarūpaṃ)*: là ‘*thân có-thức*’ của người khác. Ý nghĩa này nên được giải thích theo thuật ngữ của *năm-uẩn* và *sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ) của mình và của người khác.

- Sự diễn dịch cụm chữ *bahiddhā nāmarūpa* như vậy có lẽ là đáng ngờ và không chắc. Thay vì vậy, ở đây chúng ta có thể có ví dụ hiếm có về thuật ngữ *danh-sắc (nāmarūpa)* được dùng để trình bày toàn bộ lĩnh vực của sự trải nghiệm dành cho *thức*, phần “*danh bên ngoài*” là những khái niệm được dùng để chỉ *những đối-tượng được nhận biết*. Coi lại câu diễn đạt này thường được dùng chung trong nhiều kinh: *imasmim savinñāṇake kāye bahiddhā ca sabbanimittesu* (đối với thân có-thức này và đối với tất cả những hình-tượng ở bên ngoài), ví dụ trong các kinh **18:21, 22; 22:71, 72** (Quyển 2) ... và đã được chú giải trong chú thích đầu tiên của kinh **18:21** trong Chương 18 bên dưới, chú thích số 164. **Spk** giải nghĩa: *bộ-đôi này (etaṃ dvayaṃ)* là = *sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong* (sáu nội xứ) và *sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài* (sáu ngoại xứ), đó gọi là “*bộ-đôi lớn*” (*mahādvaya*). Tuy nhiên, trong khi *sáu cơ-sở cảm-nhận* (sáu xứ) thường được nói là điều-kiện (duyên) cho *sự tiếp-xúc* (xúc) [như trong các kinh **12:43, 12:44**] và cũng được gọi là một *bộ-đôi* [như trong các kinh **35:92, 35: 93** (Quyển 4)], cho nên có lẽ ý lời kinh ở đây nói chữ *bộ-đôi* để chỉ *thân có-thức của một người* và “*danh-sắc ở bên ngoài*”. Còn *sáu cơ-sở cảm nhận* chỉ được đưa vào trong câu tiếp theo, sau khi *sự tiếp-xúc* đã được nói là khởi sinh từ một *bộ-đôi*. Trong kinh dài **DN 15**, mục 12–37, Đức Phật cũng chứng minh *danh-sắc* có thể là một điều-kiện (duyên) trực tiếp tạo ra *sự tiếp-xúc* mà không đề cập đến (trung gian là) *sáu cơ-sở cảm-nhận* (sáu xứ).] (48)

⁴⁹ [Nguyên văn câu này: *Bhagavantam yeva paṭibhātu etassa bhāsitaṃ*. Nghĩa theo chữ là: “*Hãy làm cho ý nghĩa của lời khẳng định này xảy đến với đức Thế Tôn.*” Tôi đã dịch câu thành ngữ Pāli này một cách tự do cho đúng theo nghĩa của nó muốn nói. Coi thêm chú thích số 227 ở kinh **SN 03:12** (Quyển 1).] (49)

⁵⁰ [Trong bài kinh này chúng ta thấy rõ *sơ-đồ giảng dạy* đã được phát họa về “bốn nhóm” (*catusaṅkhepa*) và “hai mươi phương thức” (*vīsataṅkāra*), như đã được giảng giải trong luận giảng **Paṭiṣ I** 51–52; trong **Vism** 579–581 (**Ppn** 17:288–98); và trong **CMA** 8:07.

- Những nhân quá khứ là *vô-minh* và *dục-vọng* đều đưa cả người-ngu và người-trí tới sự hiện-hữu hiện tại (kiếp hiện tại); những quả hiện tại—gồm: *thân có-thức, danh-sắc, sáu cơ-sở cảm-nhận, sự tiếp-xúc, và cảm-giác*. Những nhân hiện tại—gồm *vô-minh* và *dục-vọng* mà người-ngu không dẹp bỏ; những nhân tương lai—gồm *sự sinh, già, chết* mà người-ngu phải bị ném trải trong sự hiện-hữu tiếp theo (những kiếp sau). Điều này cũng giúp thiết lập sự hiệu lực xác đáng rằng: sự diễn dịch vòng 12 nhân-duyên (*paṭicca-samuppāda*) theo “*ba đời*” đã được thuyết giảng bởi Đức Phật chứ không phải là sự suy diễn hay sáng kiến sau này của các luận giảng.] (50)

⁵¹ [Nguyên văn cả câu này: *Thitā va sā dhātu dhammaṭṭhitatā dhammaniyāmatā idappaccayatā*. **Spk** giải thích: *Yếu-tố đó (sā dhātu)*, là bản chất cố hữu của những điều-kiện (*paccayasabhāva*), vẫn luôn tồn tại; không bao giờ có chuyện *sự sinh-ra* không phải một là điều-kiện (duyên) dẫn tới *sự già-chết* (vì nếu không sinh ra thì đâu có già đi và chết). 02 thuật ngữ kế tiếp cũng hàm chỉ cái tính điều-kiện nhân duyên như vậy. Bởi vì, *những hiện-tượng đã khởi sinh tùy thuộc (paccayena hi paccayuppaññā dhammā tiṭṭhanti)* có mặt là do có điều-kiện (duyên), cho nên bản thân tính điều-kiện (lý nhân duyên) đó được gọi là *sự chắc-chắn của Giáo Pháp (dhammaṭṭhitatā)*. *Điều-kiện cố định [quyết định] những hiện-tượng tùy thuộc (paccayo dhammeniyameti)*; do vậy nó được gọi là *đường lối cố-định của Giáo Pháp (dhammaniyāmatā)*. *Tính điều-kiện (lý nhân duyên) rành rành như vậy* là chỉ về một điều-kiện rành rành hiển nhiên dẫn tới sự *già-chết* ... vân vân.

- **Spk-pt** nói thêm: Cho dù điều đó (tính nhân duyên) không được thấu hiểu trước hay sau khi có các Như Lai khởi sinh, thì yếu tố (nguyên lý, lý nhân duyên) đó vẫn tồn tại; (nguyên lý, quy luật, lý nhân duyên) đó không được tạo ra bởi các Như Lai, mà *sự già-chết* luôn luôn xảy ra sau khi có *sự sinh-ra* là điều-kiện. Một Như Lai chỉ đơn giản khám phá ra nó chứ không sáng tạo ra nó.

- Kinh AN 3:136 có nói về tính chắc-chắn của nguyên-lý này và 03 đặc-tính: “Mọi thứ có điều-kiện (mọi pháp hữu vi) đều là vô thường/ khổ” và “Tất cả mọi thứ (mọi pháp) đều là vô ngã). Mời đọc thêm chú thích 105 ở kinh 12:34 và 211 ở kinh 12:70 bên dưới.] (51)

52 [Cụm chữ cuối *tinh thức (giác ngộ) tới điều này và đột phá tới điều này (abhisambujjhati abhisameti)*. Động từ trước thường được dành để chỉ sự *giác-ngộ* của Đức Phật, là động từ tha cách. Như vậy tôi dịch là “*tinh thức tới (đối tượng)*”, mặc dù có thể theo cách khác mà tôi thường dịch các chữ xuất thân từ động từ *bujjhati* để diễn tả nghĩa “*sự giác-ngộ*”. *Abhisameti* là động từ tương ứng với *abhisamaya*, mời coi lại trong chú thích 13 của kinh 12:10 ở trên.] (52)

53 [Ngay chỗ này phiên bản **Se** có ghi chú dưới cuối trang để chú giải rằng: (i) cụm chữ [*“Vây đó, này các Tỷ kheo, tinh thực-tại trong điều này ...”*] nên được đưa cuối mỗi đoạn nói về mỗi mắc xích nhân duyên; và (ii) ở đầu mỗi đoạn nói về mỗi mắc xích tiếp theo nên bắt đầu bằng cụm chữ [*“cho dù những Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện ...”*]. (53)

54 [Ở kinh 56:20 và 56:27 (Quyển 5) *Bốn Diệu Đế* được nói là *tatha, avi-tatha, anannatha*—03 tính từ này tương ứng với 03 danh từ trừu tượng ở đây. **Spk** đã đưa ra sự dịch nghĩa rất rõ ràng [được dịch ra dưới đây], mặc dù chúng ta có thể nghi ngờ rằng nghĩa gốc của lời kinh chỉ đơn giản muốn nói rằng lý duyên-khởi là đúng thật, không sai giả và không gì khác hơn thực.

- **Spk** chú giải: *tinh thực-tại (tathatā)* được cho là chỉ sự xảy ra của mỗi hiện-tượng khi sự kết hợp các điều-kiện (duyên) của nó có mặt. *Sự không sai-lầm (avitathatā)* có nghĩa là mỗi khi các điều-kiện (duyên) của nó đạt tới đầy đủ (đủ duyên) thì không có chuyện không-xảy-ra của những hiện-tượng được sản sinh từ các điều-kiện đó, ngay cả trong một khoảng-khắc. *Sự không-thể khác (anannathatā)* là *sự không-thể-nào-khác*, có nghĩa là không có sự sản sinh của một hiện-tượng bằng các điều-kiện (duyên) của hiện-tượng khác. Cụm chữ *tính điều-kiện rành rành (cụ thể)* nghĩa là *tính nhân duyên rành rành*, được dùng để chỉ mỗi (yếu tố) nhân duyên của vòng nhân duyên, chẳng hạn *sự sinh-ra, sự già-chết ...* vân vân, hoặc chỉ các điều-kiện (duyên) được gộp thành một nhóm (*paccayasamūhato*).] (54)

55 [*Bằng trí-tuệ chánh đúng (sammappaññāya)*. **Spk** giải nghĩa đó là: *bằng trí-tuệ của đạo cùng với sự minh-sát (savipassanāya maggapaññāya)*.] (55)

56 [16 sự nghi-ngờ đã được đề cập trong kinh **MN 2**, từ mục 7. Thảo luận chi tiết cách sự trừ bỏ chúng, mời coi **Vism 599 (Ppn 19:5–6)** và **Vism 603–605 (Ppn 19:21–27)**. **Spk** chú giải rằng có sự phân-chia căn bản được diễn tả trong những sự nghi-ngờ đó—giữa sự có hiện-hữu và không hiện-hữu trong quá khứ ... vân vân—phản ánh sự trái ngược tư tưởng bất-diệt (thường kiến) và tư tưởng diệt-vong (đoạn kiến). Những sự nghi-ngờ khác thuộc sự hiện-hữu quá khứ khởi sinh trong một khuôn khổ của tư tưởng bất-diệt. Sự khác biệt tương tự như vậy cũng được áp dụng cho những sự nghi-ngờ thuộc tương lai và thuộc hiện tại.]

- (02 đoạn kết này nôm na có nghĩa là: Sau khi người tu đã nhìn thấy rõ lý duyên khởi (sự khởi-sinh tùy thuộc) trong tất cả mọi sự mọi thứ, thì người đó nhìn thấy không có một cái ‘ta’ hay ‘ngã’ hay ‘linh hồn’ cố định hay độc lập nào trong quá khứ và được ‘chuyển kiếp’ từ kiếp quá khứ tới kiếp hiện tại và kiếp tương lai. Như vậy thì đâu còn những câu hỏi hay nghi vấn như vậy nữa.) (56)

57 [*10 năng-lực tức là 10 năng-lực của trí-biết [sự-biết] (nāṇabala; trí lực)* như đã được giảng giải trong kinh **MN 12** [từ mục 9 trở đi], trong đó chúng cũng được gọi là “*10 năng-lực của Như Lai*” (*Tathāgatabala*). 10 loại trí-biết này cũng được tuyên bố bởi Ngài Anuruddha (A-nậu-lâu-đà) trong các kinh **SN 52:15–52:24** (Quyển 5) nhưng chỉ mới được một phần, theo **Spk**. Trong **Vibh 335–44** có phân tích chi tiết. Còn *04 nền tảng của sự tự-tin (vesārajja)* đã được giảng giải trong kinh **MN** [từ mục 22 trở đi]. Tóm gọn: chúng là sự tự-tin rằng: **(i)** không ai có thể thách đố sự tuyên bố của Đức Phật về sự đã giác-ngộ về tất cả mọi hiện-tượng (hiểu thấu mọi pháp); **(ii)** không ai có thể thách đố sự tuyên bố của Phật về sự đã diệt-trừ mọi ô-nhiễm (lậu tận); **(iii)** không ai thách đố sự tuyên bố của Phật về những trạng thái vốn là những trở ngại (đối với sự tu-tập); **(iv)** không ai có thể thách đố sự tuyên bố của Phật về Giáo Pháp của Phật dẫn dắt ‘người thực hành theo nó’ sẽ đi đến giải thoát khỏi sự khổ.

- **Spk** chú giải ý nghĩa chữ *brahma* là = *setṭha, uttama* (bậc nhất, cao nhất) và giải thích “*bánh xe của vị trời Brahma*” là = *Bánh Xe Giáo Pháp đã được thanh lọc (visuddhadhammacakka)*. Điều này gồm có 02 phần: (i) *trí-biết của sự thâm-nhập (paṭivedhañāṇa)* và (ii) *trí-biết về sự truyền-dạy (desanāñāṇa)*. *Trí-biết của sự thâm-nhập* phát sinh từ trí-tuệ và đưa đến sự chứng đắc những thánh quả của Đức Phật; *trí-biết về sự truyền-dạy* phát sinh từ sự bi-mẫn và giúp cho Phật có thể chỉ dạy con-đường (đạo) theo phương cách để cho những đệ tử chứng đắc được những thánh quả đó. *Trí-biết của sự thâm-nhập* là thuộc siêu thế (*lokuttara*), còn *trí-biết về sự chỉ-dạy* (giáo hóa trí) là thuộc thế tục (*lokiya*). Cả 02 đều là *loại trí-biết tự mình đạt được* (tự trí) chỉ thuộc về những vị Phật toàn-giác mới có, không phải là trí được có chung bởi những vị khác.] (57)

58 [Đây là đoạn kinh công thức mẫu để ‘*thiền quán về năm-uẩn*’, nó cũng được thấy ghi trong các kinh **12:23** (Quyển 2), **22:78, 89, 101** (Quyển 3). Nó cũng có ghi trong 02 phiên bản của kinh *Các Nền Tảng Chánh-Niệm* (kinh *Niệm Xứ*) thuộc bộ kinh dài là **DN 22** và bộ kinh trung là **MN 10**. *Sự khởi-sinh (samudaya, sinh)* và *sự biến-diệt hay biến-qua (atthaogama, diệt)* của năm-uẩn đã được giảng giải (i) theo luận lý là *tính điều-kiện* (nhân duyên) trong 03 thời khác nhau, như trong kinh **22:05** (Quyển 3) và (ii) theo luận lý là *tính điều-kiện* (nhân duyên) trong cùng một thời, như trong kinh **22:56, 57** (Quyển 3). Mời coi thêm chú thích số 123 ở kinh **12:43**.] (58)

59 [Đây là công thức trừu tượng của “*sự khởi-sinh tùy thuộc*” (lý duyên khởi), nguyên văn câu này là: *imasmim sati idaṃ hoti, imass’ uppādā idaṃ uppajjati; imasmim asati idaṃ na hoti, imassa nirodhā idaṃ nirujjhati*. **Spk-pt** đã chú giải rằng: cái có nghĩa là sự “*có mặt*” ở phần đầu của công thức không phải thực sự là sự *có-mặt* (hiện diện) như vậy mà đó là “*trạng thái của sự chưa được đưa đến chấm-dứt bằng thánh đạo*” (trạng thái còn trụ); tương tự vậy, cái có nghĩa là sự “*không-có-mặt*” trong phần hai của công thức không phải thực sự đơn thuần là sự “*vắng-mặt*” như vậy mà đó là “*trạng thái đã được đưa đến chấm-dứt bằng thánh đạo*.” (trạng thái đã diệt)

- Một chú-giải rất dài dòng và phức tạp về công thức này [đã được trích dẫn trong **Spk-pt**] được đọc thấy trong **Ud-a** 38–42 [được dịch bởi học giả Mase-

field, có tên là “*Luận giảng về tập kinh Udāna (Phật Tự Thuyết)*”, 1:66–72). Mời coi lại luận chú thích số 14 ở kinh **12:10** ở trên, chỗ đoạn (1).

- Cách dùng công thức này ở đây, lập tức theo sau là lời tuyên thuyết về *năm-uẩn*, nối kết với ‘*sự khởi sinh và sự biến diệt của năm-uẩn*’ với ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ (lý duyên khởi), chỉ ra rằng sự đầu [sự sinh diệt của năm-uẩn] nên được hiểu theo cách diễn đạt của sự sau [lý duyên khởi]. (59)

⁶⁰ [Nguyên văn chữ này: *chinnapilotika* (không bị chấp vá, không có những chấp vá). **Spk**: Đồ chấp vá (*pilotika*) là vải cũ, được cắt và xé ra, rồi dùng những miếng đó để may chỉ chấp vá chỗ này chỗ nọ. Nếu một người không mặc y phục chấp vá này, chỉ mặc y phục được làm từ vải nguyên tấm không bị cắt xé hay chấp vá, thì người đó được gọi là [ăn mặc] “*không bị chấp vá*”. Giáo Pháp này cũng vậy, vì không có cách nào để may vá hay chấp vá bằng những điều giả dối hay ngụy thuyết ... vân vân. (Có thể gọi Giáo Pháp là nguyên lành, không bị lỗi, không bị chấp vá hay rằn ri).

- Lời đề cao về Giáo Pháp như vậy cũng có ghi trong kinh **MN 22**, mục 42.] (60)

⁶¹ [**Spk** gọi đây là *sự nỗ-lực tu [gồm] 04 yếu-tố (caturaogasamaññāgatam viriyam)*; 04 yếu-tố ở đây được hiểu theo cách diễn đạt bằng *da, gân, xương, và thịt-máu*. Lời thệ nguyện (quyết tâm) đáng nhớ này cũng có ghi trong kinh **21:03** ở cuối Quyển 1 này; trong kinh **MN 70**, mục 27; và kinh **AN 2:05**, **AN 8:13**, đoạn (8). Trong *Chuyện Tiền Thân*, chỗ **Ja I 71**, 24–27 vị *Bồ-tát* (Phật) cũng đã phát tâm bằng sự thệ nguyện như vậy khi đang ngồi dưới gốc *Cây Bồ-Đề* trước khi giác-ngộ.] (61)

⁶² [**Spk** giải nghĩa chữ *sadattham* là: *sobhanam vā attham sakam vā attham* (*sự tốt đẹp để hoặc sự tốt cho mình*). Nghĩa thứ hai có lẽ đúng hơn. Cách dịch phổ biến trước giờ là “*sự tốt đích thực*” do coi chữ *sad* là đại diện cho chữ *sant*, nhưng dường như không có sự ủng hộ từ các luận giảng.] (62)

⁶³ [**Spk** giải thích nghĩa câu này là: Không phải bằng niềm-tin thấp kém hay sự nỗ-lực tu, sự chánh-niệm, sự định-tâm và trí-tuệ thấp kém mà chứng đắc được điều (trạng thái) tối thượng (cao nhất)—tức thánh quả A-la-hán. Trạng

thái tối thượng đó phải được chứng đắc bằng loại niềm-tin cao nhất, sự nỗ-lực, sự chánh-niệm, sự định-tâm và trí-tuệ cao nhất.] (63)

⁶⁴ [Spk giải thích chữ *maṇḍapeyya* là một chữ ghép, trong đó *maṇḍa* với nghĩa *trong sáng, trong sạch (pasanna)* và chữ *eyya* với nghĩa là *thứ được uống (pātabba)*. Có lẽ chữ *maṇḍa* nguyên gốc có nghĩa là *phần tốt nhất ngon nhất* của sữa hay bơ [tức phần kem sữa, ván sữa], và giống như trong ngôn ngữ khác cũng có chữ để chỉ phần tinh túy nhất hay ngon nhất tốt nhất của một thứ nào đó. Ở kinh **34:01** ... vân vân, chúng ta thấy có chữ *sappimaṇḍa* (*kem sữa, ván sữa*) là phần tốt nhất ngon nhất của sữa.

- Spk diễn dịch: Có 03 loại kem sữa: (i) *kem sữa là những giáo-lý (desanā-maṇḍa)*, tức Bốn Diệu Đế và 37 phần-tu trợ giúp giác-ngộ; (ii) *kem sữa là những người nhận lấy (paṭiggahamaṇḍa)*, tức những đệ tử có khả năng hiểu ngộ những giáo-lý đó; và (iii) *kem sữa là những đời-sống tâm linh (brahma-cariyamaṇḍa; kem sữa phạm hạnh)*, tức đường tu Bát Thánh Đạo.

- Cụm chữ “*trong khi Vị Thầy đang có mặt*” (*satthā sammukhībhūto*) chỉ ra lý do: vì Vị Thầy (Phật) đang có mặt, cho nên sau khi đã nỗ-lực tu (tinh tấn), thì các vị uống được phần kem sữa này.

- Câu này đóng và trò cho toàn bộ chuyên luận **Paṭiṣ** (số 10, II, 80-91), dùng ví dụ kem sữa này một cách chi tiết cho toàn bộ các chi phần tu-tập.] (64)

⁶⁵ [Chỗ này chúng ta nên đọc theo **Be** và **Se** là: *tesaṃ te kārā amhesu mahap-phalā bhavissanti*, thay vì *tesaṃ vo kārā* như **Ee** đã ghi. Nghĩa của hàng chữ này đã bị bỏ quên bởi nữ tiến sĩ C.Rh.D trong **KS 2:24**, và dịch giả Walshe đã làm theo bà như trong **SN-Anth 3:20**. So sánh với kinh **MN 22**, mục 38-39 có ghi câu: *Yaṃ kho idaṃ pubbe pariññātaṃ tattha me (no) evarūpā kārā karīyanti* (*Họ thực hiện sự phụng sự như vậy đối với ta chẳng qua là đối với “thứ đã được hoàn-toàn hiểu trước đây” mà thôi*). **PEĐ** nhận biết chữ *kāra* theo nghĩa là “sự phục vụ, sự phụng sự, hành động từ bi hoặc tôn sùng”, nhưng nó đã không đưa vào các nghĩa tham chiếu này.] (65)

⁶⁶ [Nguyên văn câu này: *Alam eva appamādena sampādetuṃ*. Lời kinh này như điều được nói trước cho *chỉ thị cuối cùng* của Đức Phật được nói ra ở đoạn đầu của kinh **6:15** (Quyển 1).] (66)

⁶⁷ [TKBD đã viết một chuyên luận về bài kinh quan trọng này, chuyên luận tên là “*Lý Duyên Khởi Siêu Việt*” (*Transcendental Dependent Arising*), coi tuyển tập “*Bodhi*”.

- Toàn bộ đoạn đầu của kinh này cũng được ghi lại y hệt ở kinh **SN 22:101** (Quyển 3). Về cái ‘*đoạn kinh mẫu nói về sự sinh-diệt của năm-uẩn*’ được dùng như *một đề-mục của thiền-quán*: mời coi thêm chú thích số 58 ở đoạn đầu kinh **12:21** kể trước.

- **Spk** khẳng định rằng ở đây *sự tiêu diệt những ô-nhiễm* (*āsavakkhaya*, lậu tận) là = *thánh quả A-la-hán*, nó được gọi tên như vậy bởi vì nó khởi sinh vào lúc cuối là *sự tiêu diệt những ô-nhiễm* (*āsavānaṃ khayante jātattā*.) (67)

⁶⁸ [**Spk** chú giải: Sau khi đã thiết lập Giáo Pháp với đỉnh cao của nó là thánh quả A-la-hán, kế tiếp Đức Phật đã chỉ dạy *sự tu-tập từ sơ cấp* mà dọc theo đó những A-la-hán đã từng bước đi. *Trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt* (*khayasmiṃ khaye ñāṇaṃ*) là loại trí-biết do quán chiếu lại (*paccavekkhanañāṇa*) vốn xảy ra *sau khi* sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận)—được gọi là thánh quả A-la-hán—đã được chứng đắc [mời coi thêm chú thích số 376 ở kinh **20:11** và trong **Vism 676**; **Ppn 22:19–21**]. *Sự giải-thoát* là sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán (*arahattaphalavimutti*), đó là *một điều-kiện* (duyên) cho *trí-biết do quán chiếu lại* theo cách là ‘*một điều-kiện quyết định và chính trợ*’ (*upanissayapaccaya*). Trước là *quả A-la-hán* khởi sinh, sau đó *trí-biết về sự (đã) tiêu diệt* (ô-nhiễm) (lậu tận minh) khởi sinh.

- **Spk** giải nghĩa cụm chữ *sa-upanisā* là = *sakāraṇa, sappacayya* (với nhân, với duyên”. **Spk-pt** bổ sung thêm rằng: *nhân được gọi là nhân kế trước* bởi vì *quả dựa trên đó mà có* (*upanisīdati phalaṃ etthā ti kāraṇaṃ upanisā*). Như vậy các luận giảng đã coi chữ *upanisā* là đồng nghĩa chữ *upani*”*ad* trong tiếng Phạn chứ không phải là sự viết gọn của chữ *upanissaya*. Mặc dù, như **CPD** đã chỉ ra đó là “*một sự pha trộn ngữ nghĩa*” với cụm chữ *upanissayapaccaya* đã xảy ra, nhưng 02 chữ nên được phân biệt riêng bởi vì không phải mọi thứ hễ là một *upanisā* (*nhân kế trước*) cho những thứ khác thì đó là một *upanissayapaccaya* (*duyên quyết định và chính trợ*) cho những thứ đó. Cụm chữ sau này chỉ đề cập tới thứ gì đó đóng một vai trò nhân duyên *mạnh trội* mà thôi.] (68)

⁶⁹ [Spk giải thích những thuật ngữ [theo thứ tự từ cuối lên đầu] như vậy: *Sự khổ* là sự khổ của vòng luân-hồi (*vaṭṭadukkha*). *Niềm-tin* (tín) là niềm tin khởi sinh bồi đắp liên tục (*aparāparam uppajjanasaddhā*; lúc này chỉ là niềm-tin dự kiến, chưa phải là niềm-tin bất lay chuyển của một thánh đệ tử). *Niềm-vui* (*pāmojja*, sự vui vẻ, phấn khởi) là một dạng “yếu hơn” của sự hoan-hỷ, *sự hoan-hỷ* (*pīti*) là niềm hân hoan vui mừng mạnh mẽ. *Sự tĩnh-lặng* (*passaddhi*, khinh an) là sự lắng lặn phiền khổ, là điều-kiện (duyên) cho *sự hạnh-phúc* (lạc), đó là yếu tố lạc trong những tầng thiền định thấp. Tầng thiền định là trạng thái *định-tâm* của tầng thiền định được dùng để làm cơ-sở (*pāda-kajjhānasamādhī*) [cho thiền quán minh-sát]. *Sự-thấy và sự-biết về mọi sự đúng như chúng thực là* (*yathābhutañānadassana*) là một dạng “yếu hơn” của minh-sát tuệ, đó là *những sự-biết để nhận thấy những sự tạo-tác* (các hành), để vượt qua sự nghi-ngờ, và để biết cái gì là đạo và cái gì không phải là đạo [coi thêm Thanh Tịnh Đạo, chương 18–20]. *Sự ghê-sợ* (*nibbidā*) là một loại *sự-biết minh-sát mạnh*, đó là: *sự-biết về sự tái-hiện* (tái sinh, tái hữu) là đáng sợ hãi, là *sự quán-xét về sự nguy-hại, về sự quán-chiếu, và về sự buông-xả đối với những sự tạo-tác* [coi Thanh Tịnh đạo, **Vism** 645–57; **Ppn** 21:29–66]. *Sự chán-bỏ* (*virāga*) là đạo, làm khởi sinh sự tẩy sạch những ô-nhiễm.

- (Theo kinh này: *sự ghê-sợ* (*nibbidā*) có trước *sự chán-bỏ* (*virāga*) và *sự giải-thoát* (*vimutti*) và *lậu tận minh*).

- Lưu ý: trong đoạn kế tiếp thì *sự khổ* thay thế *sự già-chết* vốn thường thấy trong công thức thông thường.] (69)

⁷⁰ [Ví dụ này cũng có ở kinh **55:38** (Quyển 5) và kinh **AN 10:61, 10:62.**] (70)

⁷¹ [Về 04 quan-điểm này của họ, coi lại chú thích số 37 ở kinh **22:17.**] (71)

⁷² [Cách diễn đạt của đoạn (*) này được coi như đoạn kinh “mẫu” được dùng trong các bộ kinh *Nikāya*, thường có thể được lặp lại hơi khác nhau chút xíu tùy theo ngữ cảnh của mỗi bài kinh; chẳng hạn đoạn này đã được ghi trong các kinh **12:24, 12:25, 12:26** (Quyển 2), **22:02, 22:86** (Quyển 3), **35:81, 42:13, 44:02** (Quyển 4), và **45:05** (Quyển 5), (và trong một số kinh thuộc bộ kinh AN). Thậm chí có ghi các chữ thay thế khác nhau trong cùng một

Quyển, như 02 chữ *vādānupādo* và *vādānupāto*, và không biết chắc chữ nào trong 02 chữ này là nguyên thủy hơn.

- Đoạn kinh “*mẫu*” này đã gây nhiều khó khăn cho những người dịch kinh trước giờ, chủ yếu vì do cụm chữ “*koci sahadhammiko vādānpāto*”, mà trong bản dịch **KS** 2:28 dịch là “*người thuộc giáo thuyết của vị ấy [Cồ-đàm], người theo những quan-điểm của vị ấy.*” Để tránh những sai sót đó thì 02 nghĩa của chữ *sahadhammika* phải được phân biệt: (i) nó là một danh từ có nghĩa là *người theo cùng giáo thuyết* (người cùng đạo/ cùng đạo giáo/ cùng tôn giáo) [được ghi rõ vậy trong kinh **MN 11**]; và (ii) nó là một tính từ có nghĩa là *chính đáng, có lý, hữu lý, thích đáng, hợp pháp* [được ghi rõ vậy ở cuối kinh **SN 41:08** (Quyển 4)]. Trong kinh này chỗ này thì nghĩa thứ hai đang được dùng (= cơ sở có lý, cơ sở chính đáng).

- **Spk** chú giải: “*Theo cách nào [chúng tôi nên trả lời] để cho không có (xây ra) hệ quả hay hàm nghĩa nhỏ nhất (vādānupāto vādappavatti) nào về lời khẳng định của sa-môn Cồ-đàm—(một hệ quả là) có lý mà bởi do lý đó được nói ra (vutta-kāraṇena sakāraṇo hutvā)—có thể tạo ra cơ-sở cho sự phê bình?*” Điều này có nghĩa là: “*Làm sao để không có cơ-sở nào để (họ) phê bình theo bất cứ cách nào về lời khẳng định của sa-môn Cồ-đàm?*”—Tôi không đồng tình với **Spk** về cái gì được phòng vệ khỏi sự phê bình chỉ trích: **Spk** đã coi đó cái đó chính là *lời khẳng định của Đức Phật*, còn tôi thì hiểu đó cái đó là *vấn đề của người hỏi về lời khẳng định của Đức Phật*. Nói cách khác: ở đây người hỏi muốn chắc chắn rằng ông ta đang trình bày quan-điểm của Phật một cách chính xác, cho dù ông ta có đồng ý với quan-điểm đó của Phật hay không (chứ không phải ý ông ta hỏi luận điểm của Đức Phật phải được nói làm sao để không bị người khác bắt bẻ phê bình!)

- Trong kinh **AN 5:05** cụm chữ *sahadhammikā vādānupādā gārayhā thānā āgacchanti* đã được ghi trong ngữ cảnh ở đó nó chỉ đơn giản có nghĩa là “*những lời quả trách có lý, những cơ-sở để phê phán sẽ phát sinh*” và là đối nghĩa với cụm chữ *sahadhammikā pāsamsā thānā āgacchanti* (*những cơ-sở có lý để khen ngợi sẽ phát sinh*).] (72)

⁷³ [Về cụm chữ diễn đạt *tadapi phassapaccayā* (đó [cũng] bị điều-kiện [duy-ên] bởi sự tiếp-xúc), **Spk** nói rằng điều này có thể được biết từ sự thật là

không có sự trải nghiệm nào không có *sự tiếp-xúc*. Tuy nhiên đối với tôi [TKBĐ] thì có lẽ luận điểm được nói trong kinh ở đây không phải là ‘khổ không khởi sinh nếu không có sự tiếp-xúc’ [cho dù điều đó đúng] mà ý muốn nói là ‘chính sự áp dụng một quan-điểm sẽ không xảy ra nếu không có sự tiếp-xúc’. *Kinh Phạm Võng (DN 1)* đã khẳng định cùng luận điểm như cách hiểu thứ hai này khi đề cập tới *62 loại tà-kiến*—đó là, *sự tuyên bố* về mỗi tà-kiến này đều bị điều-kiện (duyên) bởi *sự tiếp-xúc* và những tà-kiến không thể nào được trải nghiệm nếu không có sự tiếp-xúc. Mời đọc thêm chuyên luận mang cùng tên bài kinh “*Bài Kinh Lưới Trời*” với lời dịch bởi TKBĐ trang 85-87 (bản tiếng Anh), với phần luận giải bởi thầy trang 197–198.] (73)

⁷⁴ [Nguyên văn: *Gambhīro c’ eva assa gambhīrāvabhāso ca*. Hai chữ y vậy (*sâu sắc* và *sâu sắc trong những hàm nghĩa*) cũng được dùng trong kinh **12:60** và trong kinh *Đại Duyên, DN 15*, mục 1 để mô tả ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ (*paṭiccasamuppāda*, lý duyên khởi). Về chú giải của **Sv**, mời đọc chuyên luận về “*Kinh Đại Duyên*” bởi TKBĐ, trang 64–67. **Spk** chú giải “*cùng ý nghĩa đó*” (*es’ ev’ attho*) tức là *ý nghĩa* của lý duyên-khởi đã hàm chứa trong câu “*Sự khổ là tùy thuộc vào sự tiếp-xúc*”.] (74)

⁷⁵ [Ngài Bhūmija là người có tên trong bài kinh *Bhūmija Sutta (MN 126)* thuộc *Trung Kinh Bộ*, trong đó thầy ấy đã trả lời mấy câu hỏi của Hoàng tử Jayasena và tham gia vào cuộc pháp thoại với Đức Phật. Phần đầu [i] của kinh này trình bày như phần đầu [i] của kinh kế trước, chỉ khác là kinh này nói về sự “*sướng và khổ*”, còn kinh trước chỉ nói về sự “*khổ*”.] (74)

⁷⁶ [Thật khó hiểu khi những tu sĩ này được cho là những *người chủ trương thuyết nghiệp quả (kammavādā)* mà họ lại chấp rằng *sựướng và khổ khởi sinh một cách tự ngẫu nhiên* (không do nghiệp). Chỗ này cả luận giảng **Spk** và **Spk-pt** đều không giải thích gì.] (75)

⁷⁷ [Phần [iii] này giống hệt nội dung kinh **AN 4:171**. Mời coi thêm các chú thích trong kinh **AN** đó.

- **Spk** nói rằng: Phật đã thêm phần này để chỉ ra rằng *sựướng và khổ* không khởi sinh với chỉ riêng *sự tiếp-xúc* là điều-kiện (duyên), mà phải có thêm những điều-kiện khác. Trong trường hợp này, *những sự cố-ý của thân* (thân tư, *kāya-sancetanā*), *sự cố-ý của lời-nói* (khẩu tư, *vacī-sancetanā*), *sự cố-ý*

của tâm (tâm tư, *mano-sancetanā*) là những sự cố-ý (tư) mang tác động của nghiệp, chúng có chức năng là những điều-kiện tạo ra quả sướng và khổ (*vipākasukhadukkha*). Tôi làm theo **Be** và **Se** ghi là *avijjāpaccayā ca* và coi mệnh đề này là nằm ở cuối của đoạn này. Điều này cũng được ủng hộ bởi **Spk**, nó giải thích rằng điều này được Đức Phật nói ra để cho thấy những sự cố-ý (tư) này là bị tác-động (do duyên) bởi sự vô-minh. **Ee** ghi chữ *va* thay vì *ca*, và không để mệnh đề này ở cuối đoạn này mà đưa nó xuống hàng để làm câu bắt đầu đoạn kế tiếp.

- (Lưu ý: Trong nguyên bản Pāli, ở đây sự cố-ý (tư) đã không được ghi bằng chữ *cetanā* như thông thường, mà được ghi bằng chữ *sancetanā*. Chữ này hầu như là đồng nghĩa với chữ *saṅkhāra* (hành, sự tạo-tác). Và nghĩa lời kinh chỗ này là: “*Khi có thân, bởi do (nhân) sự cố-ý nối kết với thân (kāya-sancetanā-hetu), nên khởi sinh sự sướng và sự khổ chủ quan.*” Cách giải nghĩa tương tự đối với lời-nói và tâm).] (77)

78 [**Spk** nhận dạng 03 loại sự tạo-tác (hành) này là—*kāyasāṅkhāra* (thân hành), *vacīsāṅkhāra* (khẩu hành), *manosāṅkhāra* (tâm hành)—chính là 03 loại sự cố-ý (tư) mới được nói ở đoạn kể trên (và chú thích **77** kể trên). (i) Một người tạo ra các hành “do tự-phát” (*sāmao*) là khi người đó làm khi không có sự xúi giục bởi người khác, với cái tâm không bị thúc-giục (*asaṅkhārikacitta*); (ii) một người tạo ra các hành “do bị thúc-giục bởi người khác” là khi người đó làm với một cái tâm bị thúc-giục (*saṅkhārikacitta*). (iii) Một người tạo ra các hành một cách cố-tình, biết-rõ (*sampajāno*) là khi người đó làm với sự biết rõ về nghiệp và nghiệp quả; và (iv) một người tạo ra các hành một cách vô-tình và không-biết (*asampajāno*) là khi người đó làm không có sự hiểu biết về nghiệp và nghiệp quả.

- Lời đoạn kinh này có thể đã là cơ-sở gốc dẫn tới sự phân-biệt trong *Vi Diệu Pháp* (*Abhidhamma*) về 02 chữ *saṅkhārikacitta* và *asaṅkhārikacitta*. Về vấn đề này mời coi thêm **CMA 1:04.**] (78)

79 [Chữ gốc được dùng ở đây *mano-sāṅkhāra* (cũng dịch là tâm hành) nhưng từ ngữ cảnh này cho thấy chữ này rõ ràng là đồng nghĩa = *citta-sāṅkhāra* (tâm hành, sự tạo-tác của tâm) được ghi trong kinh **12:02** (sự tạo-tác [hành] là một nhân-duyên của vòng 12 nhân-duyên) ở trên. (Về sự khác-nhau giữa

chữ *mano* và *citta*: mời coi lại chú thích 154 (rất quan trọng!) về các chữ này trong kinh **12:61** ở bên dưới). Tuy nhiên trong các bộ kinh không có chỗ nào dựa vào đó biện chứng rằng chữ này là đồng nhất nghĩa với chữ *citta-saṅkhāra* được ghi trong kinh **41:06** (Quyển 4) và trong kinh **MN 44**, mục 13 được định nghĩa là = *sự nhận-thức (saññā)* và *thức (vedanā)*.] (79)

80 [Tôi đọc theo cách ghi của **Be** và **Se** là: *imesu Ānanda dhammesu avijjā anupatitā*. Chữ *chasu* được ghi trong **Ee** có vẻ dư thừa. **Spk** chú giải câu này có nghĩa là: *Vô-minh* là nằm trong số những trạng thái bên dưới tiêu đề “*sự trợ-giúp quyết định*” (*upanissaya*); bởi vì tất cả chúng đều được hiểu dưới câu “*Với vô-minh là điều-kiện (duyên), nên có những sự tạo-tác (hành)*.”

- [Về sự diễn dịch cụm chữ *paṭicca-samuppāda* theo cách diễn đạt bằng 24 mối quan-hệ nhân duyên trong bộ *Paṭṭhāna* (bộ *Quan Hệ Nhân Duyên*, là bộ thứ 7 thuộc *Vi Diệu Pháp tạng*), mời coi **Vism**, chương 17, được giảng giải ngắn gọn bởi trưởng lão Nyanatiloka Thera trong quyển *Hướng Dẫn qua Vi Diệu Pháp Tạng (Guide through the Abhidhamma Piṭaka)*, trang 159–173.] (80)

81 [**Spk**: (i) *Thân không còn tồn tại*, vì nếu nó còn tồn tại thì sẽ có sự sướng và khổ khởi sinh do tác động (duyên) bởi *sự cố-ý* (tư) của thân (thân tư); cách giải thích tương tự cho trường hợp khi (ii) *lời-nói không còn tồn tại* và (ii) *tâm không còn tồn tại*. [Câu hỏi:] *Nhưng một A-la-hán cũng hành động, nói, và nghĩ, vậy sao nói là thân, lời-nói, và tâm không còn tồn tại?* [Trả lời] Đó là nói theo cái nghĩa là họ không còn tạo nghiệp quả. Vì những hành-động được làm bởi một A-la-hán là không còn là nghiệp thiện hay nghiệp bất thiện, mà chỉ đơn giản là (hành vi thuộc) chức năng (*kiriyamatta*) mà thôi; do vậy đối với bậc A-la-hán người ta thường nói rằng “*thân, lời-nói ... không còn tồn tại*”. Về *thức chức năng* của một A-la-hán, mời đọc thêm ở **CMA 1:15**. Một cách giải thích khác đơn giản hơn là: ► *sự loại bỏ vô-minh* sẽ không còn khởi sinh *năm-uẩn*—là cơ sở của mọi sự trải nghiệm, và do đó không còn nếm trải sự sướng và khổ nào nữa.] (81)

82 [**Spk** giải nghĩa rằng: không có *ruộng-đất (khetta)* theo nghĩa là nơi để phát triển; không có *căn-cứ (vatthu)* theo nghĩa là sự trợ giúp; không có *cơ-sở (āyatana, xứ)* theo nghĩa là một điều-kiện; không có *chỗ-nơi (adhikaraṇa)*

theo nghĩa là một nguyên nhân. ► (So sánh với chú thích này với chú thích tương tự *nhưng hơi khác* bởi luận giảng **Mp** ở cuối kinh **AN 4:171**, chú thích 868).] (82)

83 [Ngài Upavāṇa là người hầu cận của Phật như được nói trong kinh **7:13** (Quyển 1). Kinh này hầu như giống hệt với phần đầu **[i]** của kinh **12:24**, ngoại trừ nó bỏ đi ‘sự chủ trương thuyết nghiệp quả’ (*kammavādā*) trong mô tả những tu sĩ và bà-la-môn.] (83)

84 [**Spk**: Nghĩa là người đó hiểu *điều-kiện* (nhân duyên), nguồn gốc của nó, sự chấm-dứt nó và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó theo khuôn mẫu của *Bốn Diệu Đế* (khổ, tập, diệt, đạo).] (84)

85 [Toàn bộ đoạn này cũng được lặp lại trong các kinh **12:28**, **33**, **49**, và **50**. **Spk** giải thích nghĩa là: *Người đó được phú cho cách-nhìn (kiến) của đạo (maggadiṭṭhi), tâm-nhìn của đạo ... vân vân.*

- Chữ *sekha* được dùng ở đây như một tính từ để bỏ nghĩa cho chữ *ñāṇa* (*sự-biết, tri*) và *vijjā* (*sự-biết đích thực, chân trí, minh*). *Sekha* (*bậc học nhân*) là người đã đạt tới thánh đạo siêu thế và đang tu tập trong đó nhưng chưa chứng tới quả A-la-hán [vẫn còn là những bậc Nhập-lưu, Nhất-lai, Bất-lai]; khi chứng A-la-hán thì người đó trở thành *asekha* (*bậc vô-học nhân*), là người đã hết sự tu-học (đã tu xong, đã tu thành, không còn tu học nữa).

- Bản dịch **KS** 2:33 đã dịch nghĩa cụm chữ *amatadvāraṃ āhacca tiṭṭhati* là “*người đứng gõ cánh cửa của sự Bất Tử*” nếu cố ý dịch theo nghĩa đen thì có lẽ đã hiểu nhầm cụm chữ *āhacca tiṭṭhati* trong đó. Trong cả Kinh tạng và trong các luận giảng thì cụm chữ này thường có nghĩa là “*tới ngay đó, đang đứng ngay đó*” (cửa) và không có hàm nghĩa “*gõ lên cửa*” mà trong tiếng Pāli được diễn đạt bằng chữ *ākoṭeti* [ví dụ như chỗ Luật tạng **Vin I** 248,5]. Thành ngữ này cũng có ghi trong các kinh **17:28**, **29** (Quyển 2).

- Các trường hợp khác, coi **CPD**, mục chữ *āhacca*. Chữ *sự Bất Tử* dĩ nhiên là = *Niết-bàn*. **Spk** nhận dạng “*cánh cửa*” chính là *thánh đạo* (theo nghĩa nó mở ra dẫn tới Niết-bàn).] (85)

86 [Kinh này hầu như giống hệt kinh **12:13**; chỉ khác nhau chỗ động từ chính, trong kinh đó là *hiểu* (*pajānāti*, ngộ) và trong kinh này là *hoàn-toàn hiểu* (*parijānāti*, liễu ngộ).] (86)

87 [Chương *Pārāyana* (Đáo Bỉ Ngạn) là chương cuối của tập *Kinh Tập* (**Sn**). Chương này gồm 16 phần (cộng với phần lời mở đầu và lời kết thúc) trong mỗi phần Đức Phật trả lời những câu hỏi được hỏi bởi 01 trong 16 môn sinh bà-la-môn. Phần “*Những Câu Hỏi Của Ajita*” là phần thứ nhất của 16 phần đó.] (87)

88 [**Spk-pt**: *Những người đã thấu hiểu Giáo Pháp* (*saṅkhātadhammā*): là những A-la-hán, những người đã thâm nhập [bốn] diệu-đế. Những *học-nhân* (*sekhā*) là 07 hạng (bậc) người đang ở trong giai đoạn 04 thánh đạo và 03 thánh quả (trừ thánh quả A-la-hán là loại thứ 8). Chữ *saṅkhātadhammā* có thể được hiểu theo 02 nghĩa là: (i) *Những người đã thấu hiểu Giáo Pháp* [như: hiểu những giáo lý] hoặc (ii) *Những người đã thấu hiểu mọi thứ* [như: hiểu những hiện-tượng (các pháp) và những nguyên-lý của chúng]. Còn **Nidd II 34–35** (**Be**) cũng diễn dịch theo cả 02 nghĩa là: (i) *những người đã biết Giáo Pháp* (*nātadhammā*), *bằng cách biết tất cả mọi sự tạo-tác là vô thường, khổ, vô ngã* và (ii) *những người đã thấu hiểu các uẩn, các yếu-tố* (giới), *các cơ-sở cảm-nhận* (xú) ... Những *học-nhân* (*sekhā*) được gọi như vậy vì họ đang tu học phần *giới-hạnh bậc cao* (giới), *phần tâm bậc cao* (định) và phần *tri-tuệ bậc cao* (tuệ).

- Mặc dù học giả Norman nói rằng **Pj II** và **Nidd II** không coi chữ *sekhā* và *puṭhū* là đi cùng nhau [**GD**, trang 367, chú thích về thi kệ 1038] nhưng đọc thấy chính xác là cả văn bản đó đều đặt 02 chữ bỏ nghĩa lẫn nhau. Những học-nhân là có nhiều loại nhiều hạng (*puṭhū*) bởi họ có thể rớt vào 01 trong 07 hạng nói trên (trừ quả A-la-hán).] (88)

89 [**Spk**: Tại sao thầy Xá-lợi-phát vẫn im lặng đến lần thứ ba? Thầy ấy không bị ngập ngừng bởi câu hỏi mà bởi muốn biết ý của Phật. Vì câu hỏi đó có thể được trả lời thông qua nhiều cách: chẳng hạn theo cách *năm-uẩn*, theo cách *các yếu-tố* (giới) hay theo cách *sáu cơ-sở cảm nhận* (xú), hay theo cách của ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ (lý duyên-khởi). Và Phật cũng nhận ra điều đó nên đã mở ý ngay bằng câu “*Này Xá-lợi-phát, thầy có nhìn thấy ...*”.] (89)

⁹⁰ [**Spk**: *Thứ này [đã] ắt sẽ xảy ra (bhutam idaṃ)*: ngay chỗ này chính là chỉ *năm-uẩn* (tức thân *năm-uẩn* được gọi là “*thứ ắt sẽ xảy ra*” (= *ắt sẽ hiện thành, ắt sẽ có mặt, ắt sẽ trở thành, ắt sẽ hiện hữu*, theo lý nhân-duyên). Như vậy Phật đã nói luôn cái *phương-pháp* cho vị trưởng lão Xá-lợi-phất, ngụ ý rằng: “*Hãy trả lời câu hỏi của ta theo cách của năm-uẩn!*”. Rồi, giống như biển rộng lớn một bên với một người đứng bên bờ có thể nhìn thấy cả biển, ngay sau khi được nói cho cái *phương-pháp* để trả lời câu hỏi thì đối với vị trưởng lão có luôn cả trăm và cả ngàn cách để trả lời. - *Bằng trí-tuệ chánh đúng (sammā paññāya)* nghĩa là: người tu nhìn thấy bằng trí-tuệ của đạo cùng với sự minh-sát. - *Người đang tu-tập: ‘từ giai đoạn tu giới-hạnh cho đến thánh đạo A-la-hán’* được cho là đang tu-tập để dẫn tới *sự ghê-sợ, sự chán-bỏ* ... Phần này được cho là *phần tu-tập* của những học-nhân.

- (Trong lời kinh, các chữ trong ngoặc như [đã], [có nhân], [nhân], [quả] được thêm vào bởi người dịch chỉ để thêm rõ nghĩa.) (90)

⁹¹ [Nguyên văn câu này: *Tadāhārasambhavaṃ*. Các *duyên-chất* đã được nói trong các kinh **12:11**, chú thích 18 và kinh **12:12**. Chắc chắn do sự tùy thuộc của năm-uẩn vào *duyên-chất* cho nên bài kinh này đã được kết tập vào chương *liên-kết Nhân Duyên* này. Cách xử lý tương tự theo khuôn mẫu các *duyên-chất* như vậy cũng có trong kinh **MN 38**, từ mục 9-15.

- **Spk** quyết định ghi *tadāhārasambhavaṃ* thành *taṃ āhārasambhavaṃ*, rõ ràng **Spk** đã coi chữ *tad* là đại diện cho năm-uẩn. Tôi thấy toàn bộ sự diễn đạt này là bỏ nghĩa cho chủ từ ẩn [“*của nó*”] và coi chữ *tad* [“*đó*”] là một sự mô tả chữ *āhāra*. Sự diễn dịch như vậy có lẽ đòi hỏi bởi lời khẳng định song hành về *sự chấm-dứt [diệt]*.] (91)

⁹² [*Anupādā vimutto (được giải-thoát nhờ không còn chấp-thủ)*. **Spk** giải nghĩa là: Một người được giải-thoát nhờ sự không còn nắm giữ thứ gì điều gì bằng 04 loại *sự chấp-thủ* (thủ; *upādāna*). Đoạn này chỉ một A-la-hán.] (92)

⁹³ [Chúng ta chỉ gặp được *Tỳ kheo Kaḷāra* người *từ giai cấp Chiến-Sĩ (quý-tộc; Khattiya, Sát-đế-lợi)* duy nhất trong kinh này. Còn *Moliyaphagguna* có xuất hiện trong kinh **12:12**; coi lại chú thích số 21 ở đó. “*Đã quay lại đời sống thấp tục*” (*hīnāvatto*) có nghĩa là đã *bỏ tu hoàn tục*, trở lại thành một người tại gia.

- **Spk** và **Spk-pt** đã cùng nhau giúp làm sáng tỏ lời đối thoại khó hiểu chỗ này như vậy: “*Thầy đó không tìm thấy sự yên-ủi (assāsa)*” nghĩa là = *thầy đó đã không chứng ngộ 03 thánh đạo đầu tiên* (Nhập-lưu, Nhất-lai, Bát-lai); bởi vì nếu thầy đó đã chứng ngộ thì thầy ấy không còn có thể bỏ tu hoàn tục, bởi vì đã chứng nhập (vào dòng thánh đạo) thì đâu còn bị hấp dẫn bởi những khoái-lạc giác quan (dục lạc) [*dục-lạc* chính là lý do để một người bỏ tu hoàn tục].

- Thầy Xá-lợi-phất đã nói: “*Tôi không có sự lờ-mờ*” (*na kaokhāmi*) về việc mình đã đạt được sự yên-ủi bởi vì chỗ-dựa chắc chắn của thầy ấy là *trí-biết của sự hoàn-thiện (ba-la-mật) của một đệ tử (sāvaka-pāramī-nāṇa)*. “*Còn trong tương lai (āyatim) thì sao?*” là đề cập tới sự tái-sinh trong tương lai, như vậy câu hỏi này là cách hỏi gián tiếp thầy Xá-lợi-phất đã chứng đắc quả A-la-hán hay chưa.] (93)

94 [**Spk** nhận xét rằng: thật ra thầy Xá-lợi-phất đã không tuyên bố *trí-biết cuối cùng* bằng những lời như vậy, đó là do Tỳ kheo Kaḷāra đã gán lời tuyên bố đó cho thầy Xá-lợi-phất, chỉ vì thầy ấy thấy vui lòng và hạnh phúc (với sự giác-ngộ của thầy Xá-lợi-phất). *Trí-biết cuối cùng (annā)* chính là thánh quả A-la-hán.] (94)

95 [**Spk**: (Do thầy Xá-lợi-phất không muốn tuyên bố về thánh quả A-la-hán của mình cho nên) đức Thế Tôn đã hỏi thầy ấy câu hỏi này để khiến thầy ấy tuyên bố về *trí-biết cuối cùng* của mình, Phật nghĩ rằng: “Thầy ấy sẽ không tự tuyên bố về *trí-biết cuối cùng*, nhưng thầy ấy sẽ nói khi trả lời câu hỏi của ta.”.] (95)

96 [**Spk**: Ở đây cũng vậy [cũng giống trong kinh **12:31** ở trên] thầy Xá-lợi-phất không phải bị bối rối bởi câu hỏi của Phật mà do thầy chưa hiểu ý Phật, thầy ấy chưa biết chắc Phật muốn thầy ấy tuyên bố thánh quả A-la-hán *theo cách nào* (vì có nhiều cách theo Giáo Pháp để tuyên bố về sự giác-ngộ của mình). (Phật đã hiểu cho nên Phật ngay câu kế tiếp Phật đã bắt đầu bằng câu hỏi “... *cái gì là nguồn gốc của sự sinh-ra ...?*” thì thầy ấy đã hiểu ý Phật và thầy đã bắt đầu trả lời theo cách của ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ (lý duyên khởi). Rồi ngay sau đó thầy ấy nhận ra mình cũng có thể trả lời theo 100 hay 1000 cách khác nhau.

- Tôi (TKBD) đã dịch câu trả lời trước ở trên của thầy Xá-lợi-phất theo nghĩa mà **Spk** đã chú giải như vậy: “*Với sự tiêu diệt cái điều-kiện (duyên) cụ thể tạo ra sự sinh-ra, cho nên tôi đã hiểu rằng ‘Khi cái điều-kiện tạo ra sự sinh-ra bị tiêu diệt, thì quả của nó, là sự sinh-ra, cũng bị tiêu diệt’.*” (nôm na: nguồn gốc hay nhân của *sinh* đã diệt thì *sinh* cũng không còn).] (96)

⁹⁷ [**Spk** chú giải như vậy: Đức Phật đã hỏi như vậy để cho thầy Xá-lợi-phất trả lời, tức cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong *lĩnh vực* (trú xứ) thích hợp nhất của mình. Vì thầy Xá-lợi-phất đã đạt tới *trí-biết của sự toàn-thiện (trí ba-la-mật)* của một *đệ tử tinh văn (sāvaka-pāramī-ñāṇa)* sau khi trước kia thầy ấy **đã** nhìn-thấy (liễu ngộ, giác ngộ) về *03 loại cảm-giác* trong khi Đức Phật đang nói bài “*Kinh về Sự Nhận-Biết Những Cảm-Giác*” cho du sĩ Dīghanakha (là cháu gọi thầy Xá-lợi-phất bằng cậu), và do vậy cái chủ đề “*cảm-giác*” này trở thành *lĩnh vực ưu trội* (trú xứ, *savisaya*) của thầy ấy.

- **Spk** dẫn chiếu chỗ này tới kinh *Dīghanakha Sutta* [MN 74, đặc biệt từ mục 10-12], và có lẽ **Spk** đã tự đổi tên kinh “*Vedanāpariggaha Sutta*” (*Kinh về Sự Nhận-Biết Những Cảm-Giác*). Phiên bản **Ee** chỗ này nên sửa lại để đọc chữ đúng là *vedanāsu nandī*.] (97)

⁹⁸ [Nguyên văn câu này: *Yam kinci vedayitaṃ taṃ dukkhasmiṃ*. Câu này cũng có ghi trong kinh **36:11** (Quyển 4), ở đoạn đầu kinh.] (98)

⁹⁹ [**Spk**: *Sự giải-thoát ở bên trong (ajjhataṃ vimokkho)*: nghĩa là thầy ấy chứng quả A-la-hán trong khi đang thấu ngộ *những sự tạo-tác bên trong*. **Spk** muốn dẫn chiếu chỗ này tới *sự khác-biệt bốn loại* về cách thánh đạo khởi lên, như được nói trong *Thanh Tịnh Đạo Vism* 661–62 (**Ppn** 21:84–85).

- **Spk** giải thích: *Những ô-nhiễm [lậu hoặc] không cháy bên trong tôi (āsavā nānussavanti)*: nghĩa là ‘03 loại ô-nhiễm (tham, sân, si) không còn cháy qua sáu cửa giác-quan (6 căn) tới những đối-tượng giác quan (6 trần), nghĩa là: chúng không còn khởi sinh bên trong tôi’. *Tôi không coi thường chính mình (attāna ca nāvajānāmi)*: nghĩa là dẹp bỏ sự coi thường chính mình, dẹp bỏ sự tự ti (*omāna*). - Tiến sĩ C.Rh.D, trong bản dịch **KS 2:40**, đã hiểu nhầm lời kinh chỗ này cho nên đã dịch là “*và tôi đã thừa nhận không có linh hồn [bất biến].*”] (99)

►► (Cuối đoạn này có chữ “*bậc Phúc Lành*”: đây là dịch chữ Pāli “*Sugata*” theo một cách của thầy TKBD (*Fortunate One*); nghĩa chữ của “*Sugata*” là “*đã đi qua một cách thiện khéo*”, hoặc “*đã đi tới trạng thái thiện lành*”, cho nên nó còn được dịch (HV) là *bậc Thiện Thệ* (thiện: thiện khéo, thệ: đi qua). Người dịch Việt dịch theo thầy TKBD.)

100 [Nguyên văn cụm chữ này: *Pubbe appaṭisaṃviditaṃ*. **Spk** giải nghĩa là: “*Trước đây tôi đã chưa biết hay hiểu ‘Phật sẽ hỏi tôi điều này’*. Và sự do dự của thầy ấy có mục đích để tìm ra ý của Đức Phật là gì.” Phân từ quá khứ *appaṭisaṃvidita* đã gợi ý danh từ tiếng Phạn *pratisaṃvid*, là chữ tương ứng của chữ *paṭisambhidā* tiếng Pāli, đó là những *trí-biết mang tính phân-tích* (vô ngại giải trí) mà thầy Xá-lợi-phất rất giỏi về chúng.] (100)

101 [**Spk**: ‘*Yếu-tố đó của Giáo Pháp*’ (*sā dhammadhātu*). Ở đây, “*yếu-tố của Giáo Pháp*” chính là *trí-biết của ba-la-mật* của một vị đệ tử, trí này có năng lực nhìn thấy *lý nhân duyên* mà không bị che mờ (*paccayākārassa vivaṭabhāvadassanasamatthaṃ sāvakaṭpāramiññāṇaṃ*).] (101)

102 [*Sự-biết về nguyên-lý*: nguyên văn là *Dhamme-ñāṇa* (*sự-biết về Giáo Pháp*). **Spk** giải thích chữ *Dhamma* (Giáp Pháp, nguyên lý, chân lý) ở đây chính là *Bốn Diệu Đế* (*catusaccadhamma*), tức cũng chính là = *giáo pháp về sự-biết của đạo* (*magga-ñāṇa-dhamma*).] (102)

103 [Nguyên văn cả đoạn chữ này: *Iminā dhammena diṭṭhena viditena akālikena pattena pariyoḡāḷhena*. Lưu ý, một loạt các phân từ ở đây là tương ứng chính xác với công thức mô tả về một người đã đạt tới “*sự-thấy của Giáo Pháp*” (*dhammacakkhu*), đó là: *diṭṭhadhammo*, *pattadhammo*, *viditadhammo*, *pariyoḡāḷhadhammo* (đã nhìn thấy Giáo Pháp, đã chứng đắc Giáo Pháp, đã hiểu được Giáo Pháp, đã thông thấu Giáo Pháp); cụm chữ này cũng có ghi trong kinh dài **DN 3**, mục 2.2. Điều này hàm ý rằng Giáo Pháp mà bậc thánh Nhập-lưu đã nhìn thấy chính là “*sự khởi-sinh tùy thuộc*” (lý duyên khởi). Suy luận này cũng được xác nhận thêm bởi đoạn kết thúc của bài kinh này.

- **Spk** ở đây đã coi chữ *akālikena* là một tính từ độc lập bổ nghĩa cho chữ *dhammena* và giải thích điều đó có nghĩa *đạo tạo ra quả tức thì* ngay sau khi người tu thấu ngộ nguyên-lý này, không cần phải quá đoạn một thời gian nào nữa (*kiñci kālam anatikkamitvā paṭivedhānantaram yeva phaladā-yakena*).

Tuy nhiên, khi luận giải về bài kinh **42:11** (Quyển 4), trong đó cũng có ghi cùng lời kinh này, thì **Spk** lại giải thích chữ *akālikena* là một trạng từ chỉ cách thức được dùng để bỏ nghĩa cho chữ *pattena* [coi thêm chú thích 352 trong **42:11**]. Tôi cũng hiểu chữ *akālikena* trong đoạn kinh hiện tại theo cách y hệt như vậy; nếu không thì rất khó để nhìn thấy tại sao nó lại nằm ở khúc giữa của một dãy các phân từ quá khứ như vậy. Hơn nữa, do chữ này mô tả mối quan hệ giữa các sự kiện (xảy ra) theo thời gian như *sinh và già*, cho nên cách diễn dịch nó chung chung theo nghĩa “*phi thời gian*” là hoàn toàn không thỏa đáng. Cái nghĩa thích đáng trong ngữ cảnh này là “*không liên quan (không cần) một đoạn thời gian nào*”, nghĩa là “*tức thì*”, để bỏ nghĩa rằng đó là cái *sự-biết* (tri) về *cái mỗi liên-hệ nhân duyên giữa các yếu-tố nhân duyên* (tức sự-biết về *lý nhân duyên*, về *tính nhân duyên*) chứ không phải sự-biết về bản thân các *yếu-tố nhân duyên* đó. Lý ở đây là: sự-biết là vấn đề của một sự trải nghiệm trực tiếp “nhìn thấy được” hay “trực quan” hơn là sự suy lý hay suy luận.] (103)

104 [*Sự-biết về tính kế-thừa*: nguyên văn là *anvaye nāṇa*. **Spk** chú giải: *sự-biết về tính kế-thừa* này là hệ quả của *sự-biết về nguyên-lý*; đây là một tên gọi cho loại *trí-biết nhờ quán chiếu lại* [coi lại chú thích số 68 ở kinh **12:23** ở trên]. Không thể nào áp dụng phương pháp này cho quá khứ và tương lai bằng phương tiện giáo-lý (*dhamma*) *Bốn Diệu Đế* hay bằng *trí-biết của thánh đạo*, nhưng khi 04 thánh đạo đã được thâm nhập bởi *trí-biết của thánh đạo*, thì *trí-biết nhờ quán chiếu lại* sẽ theo đó xảy ra, và người tu áp dụng phương pháp này bằng phương tiện đó.

- Tuy nhiên, sự chú giải này khó mà tương thích với sự luận giải trong *Thanh Tịnh Đạo Vism* 676 và những luận giảng khác về loại *trí-biết nhờ quán chiếu lại* là sự-biết về thánh đạo và quả đã được chứng đắc, về những ô-nhiễm đã trừ bỏ, những ô-nhiễm còn tồn lại, và Niết-bàn. Thay vì vậy, lời kinh ở đây chỉ đơn giản có nghĩa là *một sự suy-luận* được áp dụng cho quá khứ và tương lai, dựa trên sự thấy-biết tức thời về *tính điều-kiện* (lý nhân duyên) vận hành giữa các cặp yếu-tố (các mắc xích nhân duyên).

- Đoạn kế sau “... thì người đó được gọi là một thánh đệ tử đã thành tựu về cách-nhìn ... là người đang đứng vững chắc ngay trước cửa bước vào sự Bất Tử” cũng có ghi ở đoạn kết của các kinh **12:27, 12:28**.

- **Spk** nói rằng: Chỗ này là đang nói về *trú xứ của học-nhân [trước đó] của một A-la-hán (khīṇāsavassa sekhabhūmi)* (là học nhân trước khi thành vô-học nhân), dựa vào đó luận giảng **Spk-pt** đã chỉ ra đây là: *khoảng-khắc của thánh đạo tối cao (aggamaggakhaṇa).*] (104)

105 [**Spk**: *Sự-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp (dhammaṭṭhitināṇa)* là sự-biết về *nguyên lý nhân-duyên*. (Tính chắc-chắn ở đây nghĩa là tính ổn-định, không thể sai khác, tất hữu xảy ra). Vì nguyên lý nhân-duyên được gọi là “*tính chắc-chắn của Giáo Pháp*” bởi vì nó là nguyên nhân tạo ra *sự xảy ra liên tục của những hiện-tượng (pavattiṭṭhitikāraṇattā)*; *sự hiểu-biết về sự xảy ra liên tục của những hiện-tượng* được gọi là “*sự hiểu-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp*”. Đây là một cách để gọi 06 cái “*sự-biết rằng ...*” (tức về yếu-tố mắc xích của vòng nhân duyên) mới được trình bày ở trên.

- Tôi đã dịch chữ *dhammaṭṭhitatā* [trong kinh SN 12:20] là “*sự chắc-chắn của Giáo Pháp*” và chữ *dhammaṭṭhiti* [trong kinh này] là “*tính chắc-chắn của Giáo Pháp*”. Chữ sau cũng thấy có ghi trong kinh SN 12:70, trong phần [iii]. 02 chữ này có lẽ cũng đồng nghĩa như nhau.

- Còn “*sự-biết rằng: ‘sự-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp’ này cũng sẽ bị hoại diệt*” được **Spk** gọi là “*sự minh-sát phản chiếu lại vào chính sự minh-sát*” (*vipassanā-paṭivipassanā*), chẳng hạn như sự minh-sát (nhìn vào) *sự giải thể* của chính cái *sự-biết minh-sát* vốn đã nhận biết sự giải thể của đối-tượng (thiền) ban đầu. Coi thêm *Thanh Tịnh Đạo*, **Vism** 641–642 (**Ppn** 21:11–13), tuy nhiên trong đó không giải thích về thuật ngữ *vipassanāpaṭivipassanā*.] (105)

106 [Nguyên văn câu hỏi: *Kassa ca pan’ idaṃ jarāmaṇaṃ*. Câu hỏi này, và những câu hỏi sau, được đúc ra từ một khuôn, coi như đã giả định trước về một thực tại có cái ‘ta’ (hữu ngã), và do vậy, giống như những câu hỏi ở kinh SN 12:12, đều bị Đức Phật từ chối là không hợp lệ. **Spk** giải thích: Mặc dù câu hỏi “Cái gì là sự già-chết?” là hợp lệ nhưng nó được kết hợp với câu hỏi “Đối với ai có sự già-chết?”—nó ngầm khẳng định có một cái ‘ai’ hay ‘người’ cố định cho nên nó thành không hợp lệ.] (106)

107 [**Spk**: *Sự sống đời sống tâm linh (brahmacariyavāsa, sự sống phạm hạnh, sống đời sống tu hành)* chính là sự sống của thánh đạo. (a) Người nắm giữ

quan-điểm “*linh hồn và thể xác như nhau*” (*taṃ jīvaṃ taṃ sarīraṃ*) thì tin rằng linh hồn và thể xác đều bị hủy diệt cùng lúc (khi chết). Người có quan-điểm này thì có *tư tưởng tự diệt-vong* (đoạn kiến), vì họ cho rằng “một chúng sinh sẽ bị diệt vong mãi mãi”, “chết là hết”, đấng nào cũng không có luân-hồi tái-sinh gì gì nữa, và do vậy cho dù có sống tu tâm theo đạo cũng chỉ vô ích. (Do vậy lời kinh mới nói ý nghĩa: nếu vậy thì đâu cần phải có (sống) đời sống tu hành tâm linh để làm gì). (b) Trường hợp thứ hai, người nắm giữ quan-điểm “*linh hồn là một thứ, thể xác là thứ khác*” (*annaṃ jīvaṃ annaṃ sarīraṃ*) thì cho rằng riêng thể xác sẽ bị hủy diệt, còn linh hồn thì trôi giạt đây đó như chim ra khỏi lồng. Quan-điểm này là *tư tưởng có linh hồn bất-diệt* (thường kiến). Nhưng nếu quan-điểm này đúng, rằng có một ‘linh hồn’ thường hằng, chắc chắn và bất diệt, thì nếu vậy thánh đạo cũng đâu thể nào làm chấm dứt vòng luân-hồi cho được (vì nếu có ‘linh hồn’ cố định bất diệt thì đâu có vòng luân-hồi tái sinh nào để mà chặn hay xóa bỏ nó), và do vậy việc sống đời sống tu hành theo đạo Phật cũng vô ích [bởi vì mục tiêu của đời sống tâm linh là chặn và xóa vòng luân-hồi tái sinh, và đâu thể nào đạt được mục tiêu đó mà tu làm gì]. (Do vậy lời kinh mới nói ý nghĩa: nếu vậy thì cũng đâu cần phải có (sống) đời sống tu hành tâm linh để làm gì).] (107)

108 [Tôi đọc theo cách ghi của **Be** là: *yāni ’ssa tāni visūkāyikāni visevitāni vipphanditā ni kānīci kānīci*. **Se** cũng ghi hầu như giống vậy, nhưng chánh tả chỗ này trong **Ee** thì rất khó thể chấp nhận. **Spk** chú giải rằng: 03 danh từ này đều là các chữ đồng nghĩa dùng để tả *cách-nhìn sai lạc* (tà kiến). (i) Đó được gọi là *sự vẩn-veo* hay *sự cong-veo* (*visūkāyika*) vì nó coi (chánh-kiến, điều đúng) là sự cản-trở đối với mình, giống như một ngọn giáo (*visūkam iva*; **Spk-pt**: = *kaṇṭaka*, cái gai nhọn) theo cái nghĩa nó đâm chọc chánh-kiến (*sammāditṭhiyā vinivijjhanatṭhena*). (ii) Đó là *sự manh-động* hay *sự động-chuyển* (*visevita*) bởi vì nó không hòa hợp theo chánh-kiến mà cứ sóc ngược với chánh-kiến; và (iii) đó là *sự dao-động* hay *sự lắc-lư* (*vipphandita*) bởi do dao động theo bên này theo bên nọ, lúc thì chấp theo tư tưởng diệt-vong (đoạn kiến), lúc thì chấp theo tư tưởng bất-diệt (thường kiến).

- **Spk** coi chữ *visūkāyika* là có liên hệ với chữ *sūci* (*cái kim*), nhưng khó mà chứng minh được sự xuất thân như vậy.

- Cụm 03-chữ đồng nghĩa này cũng có ghi trong kinh **SN 4:24** (Quyển 1) và kinh **MN 35**, mục 23; ở kinh **MN 65**, mục 34 thì chúng được dùng để mô tả hành-vi của con ngựa chưa được thuần hóa (ở đó cụm chữ ‘*sự vận-vẹo, sự manh-động, và sự dao-động*’ đã được người dịch Việt dịch y nghĩa nhưng chuyển chữ thành “*sự vận-mình, sự vùnng-vắn, và sự giãy-nảy*” cho phù hợp để tả thực về hành vi phản ứng của *con ngựa* ở đó.) (108)

109 [Spk giải nghĩa chữ *tālāvattthukatāni = tālavatthu viya katāni* (được làm thành như gốc chết cây cọ) và giải thích rằng: (i) “Được làm thành như gốc chết cây cọ với thân và ngọn đã bị chặt đứt [chỉ còn lại gốc trơ] theo cái nghĩa “không bao giờ mọc lại nữa”; và (ii) “được làm thành như một chỗ (đế) để nâng đỡ cây cọ sau khi nó đã bị bứng nhổ cùng gốc rễ của nó” (*puna aviruhaṇaṭṭhena matthakacchinnatālo viya samūlaṃ tālaṃ uddharitvā tassa patiṭṭhitaṭṭhānaṃ viya ca katāni*) (?).] (109)

110 [Spk: Vì thực sự không có cái ‘ta’ (ngã, bản ngã) nào cả, cho nên cũng không có gì thuộc cái ‘ta’ (không thực) đó cả; do vậy Đức Phật mới nói: “*Thân này không phải ‘của-ta’ [của-các-thầy] (na tumhākaṃ)*”. Và do cũng không có cái ‘ta’ nào của ‘người khác’, cho nên Phật mới nói: “*Nó cũng không phải ‘của-ai’ khác*” (*na pi annesaṃ*). Coi thêm kinh **22:33** (Quyển 3) và **35:101** (Quyển 4).] (110)

111 [Spk: “*Đó là nghiệp cũ*” (*purāṇam idaṃ kammaṃ*): thân này thực chất không phải là nghiệp cũ, nhưng vì nó được sinh ra bởi nghiệp cũ cho nên nói như vậy, tức nói dựa theo cái *nhân-duyên* của nó. Nó được coi là: “*được tạo ra*” (*abhisankhata*) vì do nó được tạo ra bởi những điều-kiện (duyên); “*được tạo tác bởi sự cố-ý*” (*abhisancetayita*) vì do nó được dựa trên sự cố-ý (tư), được bắt rễ từ sự cố-ý; và “*là thứ để được cảm nhận*” (*vedaniya*) vì do nó là một cơ-sở cho mọi thứ được cảm nhận, [Spk-pt: bởi vì nó là một cơ-sở và đối-tượng của cảm-giác]. Coi thêm kinh **35:146** (Quyển 4) trong đó ý tưởng này được giảng rộng thành *sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong* (sáu nội xứ, sáu giác-quan). Để quán chiếu thân này theo cách của ‘*lý duyên-khởi*’, người tu coi rằng thân này có thể được tính trong phần “*sắc*” của sự kết hợp (mắc xích) “*danh-sắc*”.

- Rồi người tu quán chiếu rằng: *danh-sắc* hình thành cùng với *thức* [chẳng hạn: thức tái-sinh] như một điều-kiện đồng sinh (đồng duyên), và rằng: cả *thức* và *danh-sắc* đều phát sinh từ *những sự tạo-tác* (hành) [chẳng hạn: những hành vi tạo nghiệp trong kiếp trước]. Như vậy chủ-đề của bài kinh này cũng dính liền chủ-đề của 03 kinh kế tiếp **12:38, 39, 40.**] (111)

112 [Spk chú giải: Ở đây: (i) *người ý-định* (*ceteti*) là chỉ bao gồm tất cả *sự cố-ý* (tư) thiện và bất thiện trong 03 cõi (hiện hữu); (ii) *người dự-tính* (*pakap-peti*) là chỉ những sự bịa-đặt hay sự đặt-điều này nọ trong cái tâm của dục-vọng (ái) và quan-điểm này nọ (tà-kiến) [*taṇhāditṭhikappā*] trong 08 loại tâm (*citta*) nối kết với *tham-dục* [Spk-pt bổ sung: những sự bịa-đặt của những quan-điểm này nọ (tà kiến) chỉ xảy ra trong 04 tâm (*citta*) nối kết với *tà-kiến*]; và bất cứ điều gì (iii) *người có khuynh-hướng về đó* (*anuseti*) là hàm nghĩa có những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên; *anusaya*) nằm bên dưới những điều-kiện (duyên) trực tiếp và chính trợ đối với 12 *sự cố-ý* hay 12 *tư* [bất thiện]. [Về 12 loại tâm bất thiện, coi CMA 1:4–7]. Điều này trở thành một *cơ-sở* (*ārammaṇam etaṃ hoti*) nghĩa là: những trạng thái khác nhau như *sự cố-ý* (tư) trở thành một *điều-kiện* (duyên); vì ở đây chữ *ārammaṇa* được nói ra như một *điều-kiện* (duyên; *paccaya*) [tức là, chỗ này chữ *ārammaṇa* không biểu thị một đối-tượng của thức theo nghĩa thông thường như trong *Vi Diệu Pháp*]. Cho *sự liên-tục* [*duy-trì*] của *thức* (*vinñāṇassa thitiyā*): nghĩa là cho mục đích duy trì thức của nghiệp (nghiệp thức). Khi có điều-kiện này, thì *có sự trợ-giúp cho sự lập-thành của thức* (*patitṭhā vinñāṇassa hoti*), tức là sự lập thành thức của nghiệp (nghiệp thức). [Spk-pt nói: nó có một khả năng để tạo ra quả trong sự liên-tục của tâm thức của một người]. *Khi thức* [của nghiệp] *đó được lập-thành và đã đi đến tăng-trưởng* (*tasmim patitṭhite vinñāṇe ... virūlhe*): khi, sau khi đã thúc đẩy nghiệp, nó đã tăng trưởng, tạo gốc rễ, thông qua năng lực của nó để kết tạo sự tái-sinh, thì *có sự sản-sinh ra sự tái hiện-hữu tương lai*, tức là sự sản-sinh thành sự tái hiện-hữu.

- So sánh với kinh **12:64** và các kinh **22:53–22:54** ở bên dưới. Kinh **AN 3:77** có giảng giải tiến trình tái hiện-hữu bằng những thuật ngữ giống vậy [mời coi thêm chú thích số 24 kinh **12:12** ở trên]. Tôi thấy các động từ *ceteti* và *pakappeti* là ám chỉ nghĩa là *saṅkhārā* [chữ này, khi có nghĩa là *những hành-vi của nghiệp*, thì nó được diễn tả là *cetanā* (sự cố-ý, tư)—coi thêm kinh **AN 6:63**, đoạn (5). Chữ *anuseti* (*có khuynh-hướng*) rõ ràng là đề cập theo nghĩa

chữ *anusaya* (những khuynh-hướng tiềm ẩn, tùy miên), nó gồm có *khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si* (tùy miên vô-minh, *avijjānusaya*) [*si* ở đây là = yếu tố vô-minh trong chuỗi 12 nhân-duyên)] và *khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham* (*rāgānusaya*) [*tham* ở đây là = yếu tố dục-vọng (ái) trong chuỗi 12 nhân-duyên]. Cách mà nó duy trì (sự liên tục của) thức như vậy là khác với cách của những sự tạo-tác (hành), vốn được bơm nhiên liệu bởi vô-minh và dục-vọng, có vai trò là điều-kiện (duyên) đối với thức: cùng với nhau, chúng nằm bên dưới dòng chảy của thức, bơm vào thức những tiềm-năng của nghiệp để tạo ra sự tái hiện-hữu, và hoạch định nó thành một *sự hiện-hữu mới* (hữu), và qua đó kích hoạt tiến trình dẫn tới kết quả là *sự sinh-ra* (sinh).

- Tôi không hoàn toàn đồng ý với **Spk** trong việc coi thức (*vinñāṇa*) là được “duy trì” và được “lập thành” như thức của nghiệp. Tôi chỉ diễn dịch đó đơn giản là một tiến trình tiếp diễn của thức, bao gồm những giai đoạn chủ động theo nghiệp và những giai đoạn do quả. Ở các kinh **22:53–22:54** (Quyển 3) thì 04 uẩn kia (sắc, thọ, tưởng, hành) được nói tới như những *ārammaṇa* và *patitṭhā* của thức (*vinñāṇa*) nhưng tôi nghi ngờ cách áp dụng này sẽ không đúng. Nếu dùng những sự phân loại của *Vi Diệu Pháp* (Abhidhamma) thì hình như trong kinh này những chữ như *ārammaṇa* và *patitṭhā* có nghĩa là *điều-kiện (duyên) trợ giúp quyết định (upanissayapaccaya)* cho thức; trong khi trong 02 kinh trong *Chương 22 (Khandhasaṃyutta, Liên-kết Năm Uẩn)* thì chúng có nghĩa là *sự đồng-khởi-sinh* và *những điều-kiện trợ giúp (sahajātapaccaya, nissayapaccaya)*. Tôi dùng chữ “*sự cố-y*” để dịch chữ *cetanā* (tư) và chữ “*y-định*” để dịch chữ *ceteti* (HV: tư niệm?). Tôi dùng chữ “*sự y-định*” để dịch cái danh từ không liên quan là *saṅkappa*. Tôi chứng minh sự không nhất quán (mâu thuẫn) dựa trên cơ sở rằng trong tiếng Pāli động từ *saṅkappeti* [tương ứng với danh từ *saṅkappa*] rất hiếm khi được dùng, trong khi đó tiếng Anh để dịch thì thiếu một động từ đơn giản tương xứng với chữ “*sự cố-y*”. Cụm chữ “*một trợ giúp cho sự lập-thành của thức*” là dịch cụm chữ *patitṭhā vinñāṇassa*. Tôi thấy chữ “*được lập-thành*” là chữ tốt nghĩa hơn dùng để dịch phân từ *patitṭhita*, nhưng “*trợ giúp*” thì dùng để dịch danh từ *patitṭhā*: làm như vậy sẽ nối cầu hòa hợp phân từ và danh từ đó trong đoạn kinh này [và cả trong các kinh **22:53, 22:54** (Quyển 3)]. Và tôi đã đặt ra (ché) luôn cách diễn đạt kết-hợp này.] (112)

113 [Spk chú giải: Chỗ này đề cập tới một thời-lúc (i) không xảy ra *sự cố-ý* (tư) [thiện và bất thiện] của 03 cõi (hiện hữu) và (ii) không có xảy ra những sự bịa-đặt trong cai tâm của dục-vọng và tà-kiến. *Nhưng người vẫn có một khuynh-hướng*: câu này là bao gồm *những khuynh-hướng tiềm ẩn* (tùy miên) bởi vì chúng chưa được dẹp bỏ ở đây (a) trong những hệ quả của 03 cõi, (b) trong những trạng thái chức năng hữu hạn [tức những *tâm (thức, citta) hướng ra năm-cửa* và *những tâm (thức) hướng ra cửa-tâm*] và (c) trong sắc-thân. Chừng nào những khuynh-hướng tiềm ẩn vẫn còn thì chúng còn là điều-kiện (duyên) tạo ra thức của nghiệp, bởi vì không có cách nào để ngăn cản sự khởi sinh của chúng.

- **Spk-pt** thì chú giải: Phần thứ hai này cho thấy rằng (i) nghiệp thiện và bất thiện [có khả năng tạo ra sự tái-sinh] đã tích lũy trong đoạn đầu [của con đường tu tập], và rằng (ii) ngay cả khi không có dự-tính [thông qua dục-vọng và tà-kiến] thì những *sự cố-ý* (tư) của sự minh-sát trong người thiện là người đã nhìn thấy *những sự nguy-hại trong sự hiện-hữu vẫn còn bị điều-kiện* (duyên) *bởi những tùy-miên* và *có khả năng tạo ra sự tái-sinh*. Điều này cũng được nói ra để cho thấy rằng (iii) ngay cả khi những trạng thái thiện và bất thiện đang không xảy ra thì vẫn có sự lập-thành của nghiệp thức với những ô-nhiễm tiềm ẩn (lậu miên) là điều-kiện (duyên); bởi vì chừng nào chúng chưa được trừ bỏ thì chúng vẫn nằm ẩn trong những hệ quả đang có trong những cõi hiện hữu ... vân vân.] (113)

114 [Spk chú giải: *Khi một người không ý-định ... vân vân*: (i) Bằng câu đầu [*không ý-định*] người đó cho thấy rằng những *sự cố-ý* (tư) thiện và bất thiện thuộc 03 cõi đã chấm dứt; (ii) bằng câu thứ hai [*không dự-tính*] người đó cho thấy *dục-vọng và tà-kiến* trong 08 loại tâm (kết nối tham-dục) đã chấm dứt; (iii) bằng câu thứ ba [*không có khuynh-hướng*] người đó cho thấy rằng những tùy-miên nằm ẩn trong những trạng thái đã được nói ra ở trên đã chấm dứt. Như vậy điều gì đang được nói đến ở đây? Đó là vai trò của thánh đạo A-la-hán (*arahattamaggassa kiccaṃ*). Nó có thể được dịch là “*sự thực thi trách phận của một A-la-hán*” (*khīṇāsavassa kiccakaraṇaṃ*) và 09 trạng thái siêu thế (*navalūkuttaradhammā*) [gồm 04 thánh đạo, 04 thánh quả, và Niết-bàn].

- **Spk-pt** thì chú giải: Trong phần thứ ba này là thảo luận vai trò của thánh đạo A-la-hán, bởi vì thánh đạo đã hoàn toàn chặn đứng sự tạo ra những tùy-

miên. Có thể nói đó là “*sự thực thi trách phận của một A-la-hán*” bởi nhờ sự đã loại bỏ cảm-giác ... vân vân. [nghĩa không rõ]. Có thể nói đó là *09 trạng thái siêu thế* bởi vì những tùy-miên đã được dần triệt tiêu bởi loạt chặng thánh đạo, và các thánh quả lập tức có sau các thánh đạo, và Niết-bàn là đối-tượng của của cả hai (đạo và quả).

- Tôi [TKBĐ] hiểu chữ “*thức không được lập-thành*” (*appatitṭhita vinñāṇa*) ở đây có nghĩa là một thức không có triển vọng tạo sự tái-sinh tương lai thông qua nguồn lực thức đẩy từ vô-minh, dục-vọng và những sự tạo-tác (vô minh, ái, hành). Một A-la-hán được cho là sẽ qua đời với “*thức không được lập-thành*”, như đã được nói trong kinh **4:23** (Quyển 1) trước thi kệ 494, và ở cuối kinh **22:87** (Quyển 3).] (114)

115 [*Gốc-gác sinh ra danh-sắc (nāmarūpassa avakkanti)*. Cõi kinh **12:12** ở trên, trong đó sự tạo-ra (sự sản-sinh ra) *sự tái-sinh (tái hiện-hữu) trong tương lai* đã được đặt nằm giữa *thức* và *sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ). Với mắc xích này, 02 bài kinh hàm ý rằng: “*một gốc-gác sinh ra danh-sắc*” và “*sự sản-sinh ra sự tái hiện-hữu trong tương lai*” là có thể hoán đổi cho nhau được (bất chấp xu hướng luận giải luôn coi cái sau là sự tái hiện-hữu theo nghiệp hoạt động). **Spk** chỉ ra rằng có một mắc-xích kết nối (*sandhi*) nằm giữa *thức* và *danh-sắc*; như vậy theo cách diễn dịch này thì thức là biểu thị cho ‘*thức do nghiệp tạo ra*’ của sự hiện-hữu (kiếp) trước, còn danh-sắc là biểu thị cho sự ‘*bắt đầu*’ của sự hiện-hữu (kiếp) hiện tại. Tuy nhiên đối với tôi có lẽ thức (*vinñāṇa*) đứng hai chân trên cả kiếp trước và kiếp này, như nguyên lý của sự liên-tục cá thể.] (115)

116 (“*Có khuynh-hướng theo*”: *anuseti*: ở đây hàm chỉ những *khuynh-hướng tiềm ẩn* (tùy miên; *anusaya*.) [**Spk**: còn chữ “*thiên-hướng*” (*nati*) ở đây là chỉ dục-vọng (ái), nó được gọi là “*thiên-hướng*” theo nghĩa là ‘*sự hướng thành*’ hay ‘*sự ngã hướng*’ (*namanaṭṭhena*) nhắm tới sắc-thân đẹp đẽ ... ; “*sự đến-đi*” hay “*sự-đến và sự-đi*”: *āgatigati*: nghĩa là, có sự đi của thức qua đường tái-sinh (tới chỗ đã thiên hướng tới) [ngay khi chết], nó thể hiện là nghiệp (*kamma*) hay hình tướng (dấu hiệu) của nghiệp hay hình tướng của nơi-đến (cảnh giới tái sinh) sau đó. [Sự ám chỉ ở đây là ba đối-tượng của tiến trình thức cuối cùng ngay trước khi chết; mời đọc thêm **CMA 5:35–37**.] *Có sự*

chết-đi: là sự chuyên qua, sự qua đời từ đây, và *sự tái-sinh* là sự tái sinh tại đây.] (116)

117 [Lời Phật dạy ở đoạn này cũng được nói bởi Ngài Mahacunda trong kinh **35:87** (Quyển 4), đoạn gần cuối sau (a).] (117)

118 [Kinh này là giống hệt **55:28** (Quyển 5) và giống kinh song hành là **AN 10:92**. **Spk** giải nghĩa “*bhayāni verāni*” là = *những sự cố-ý (tư) [mang lại] sự sợ-hãi và sự thù-oán (bhayaveracetanāyo)*. **Spk-pt** bổ sung rằng: Đó là sự sát-sinh và hệ quả là đáng sợ và tai hại cho cả người làm và nạn nhân; chúng tạo ra sự sợ-hãi và thù-oán để người ta thấy sợ.

- Lời tự tuyên bố về thánh quả Nhập-lưu của mình như vậy cũng có trong các kinh từ **55:08–55:10** (Quyển 5). Bậc Nhập-lưu không còn bị tái sinh trong những cõi đọa dữ, cõi dưới (địa ngục); người đó “*đã định xong vận mệnh*” (*niyata*), tức là chắc chắn chỉ còn tái sinh trong tối đa 07 lần trong cõi người hay cõi trời; và người đó có “*sự giác-ngộ (chánh giác) là đích đến của mình*” (*sambodhiparāyaṇa*): nghĩa là trước sau gì cũng đạt tới sự giác-ngộ là thánh quả A-la-hán.] (118)

119 [Phiên bản kinh này trong bộ kinh **AN** [kinh **AN 10:92**] thì có ghi thêm một câu nữa ngay chỗ này là: “(Nhưng) một người kiêng cử sát-sinh thì không tạo ra hiềm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp này, và hiềm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp sau, và người đó cũng không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền” (*pāṇātipātā paṭivirato n’ eva diṭṭha-dhammiṇaṃ bhayaṃ verampasavati, na samparāyikaṃ bhayaṃ veraṃ pasavati, na cetasiṇaṃ dukkhaṃ domanassaṃ paṭisaṃvedeti*). Dường như sự lập luận của bài kinh đòi hỏi phải có thêm lời bổ sung này; sự bỏ mất nó trong kinh **SN** này có thể là do lỗi ghi chép ngày xưa.] (119)

- (Lưu ý trong kinh **SN 12:41** này cụm chữ dịch Việt “*sự thù-oán đáng sợ*” là tương ứng = cụm chữ “*hiềm-họa và sự thù-oán*” trong phiên bản song hành **AN 10:92**).

120 [**Spk**: “*Bốn yếu-tố Nhập-lưu*” (*sotāpattiyaṅga*) gồm có 02 loại (mặc dù chúng đều được ghi bằng một chữ như vậy trong tiếng Pāli). Loại thứ nhất có thể dịch nghĩa luôn là (i) “*bốn yếu-tố (bốn điều-khiến) giúp đạt tới thánh quả*”

Nhập-lưu”, bao gồm: (1) giao lưu gặp gỡ với bậc thượng nhân; (2) nghe Giáo Pháp chân thực (chân pháp), (3) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), và (4) thực hành đúng theo Giáo Pháp [coi kinh **55:55** (Quyển 5)]. Và loại thứ hai có nghĩa là **(ii)** “*bốn yếu-tố (phẩm hạnh) của một bậc Nhập-lưu*”. Đó là những yếu tố (phẩm chất) mà một người đã chứng đắc Nhập-lưu có được, bao gồm: (1) niềm-tin xác thực vào Đức Phật; (2) niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp; (3) niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn. Niềm-tin xác-thực là loại niềm-tin không lay chuyển [đạt được] thông qua cái đã đắc được [**Spk-pt**: cái đã đắc được chính là *thánh-đạo*] (*aveccappasādenā ti adhigatena [maggena] acalappasādena*). Công thức niềm-tin vào Phật, Pháp, Tăng (Tam Bảo) được phân tích chi tiết trong **Vism 197–221 (Ppn 7:1–100)**. Cộng thêm một yếu-tố thứ tư là: (4) ‘*những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng*’ để đủ thành “*bốn yếu-tố của bậc Nhập-lưu*”. Đoạn kinh hiện tại đang nói về loại thứ **(ii)** này.] (120)

121 [**Spk**: “*Những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng (ariyakantāni sīlāni)* chính là *năm giới-hạnh* (ngũ giới) mà những bậc thánh không bao giờ từ bỏ ngay cả khi họ chuyển qua kiếp sau. Những chữ này được giải thích chi tiết trong **Vism 222 (Ppn 7:104)**. Những giới-hạnh này là “*không bị nắm-giữ*” (*aparāmatṭha*), nghĩa là chúng không phải để được tôn giữ chấp giữ vì dục-vọng (ái) hay tà-kiến (mà giới-hạnh được tuân giữ với sự buông-bỏ và chánh-kiến).] (121)

122 [**Spk** luận giải: Ở đây, *phương pháp (nāya)* là gồm cả ‘*lý duyên-khởi*’ (*sự khởi-sinh tùy thuộc*) và ‘*sự hiểu-biết vững chắc*’ sau khi người tu đã biết (mọi sự) đã khởi sinh một cách tùy thuộc. Như Phật đã nói: “Chính sự ‘*khởi-sinh tùy thuộc*’ (lý duyên khởi) được gọi là phương pháp; phương pháp cũng chính là Bát Thánh Đạo” [câu này không dẫn nguồn Phật nói ở đâu!]. *Trí-tuệ* ở đây là minh-sát tuệ đã khởi sinh một cách liên tục (*aparāparam uppaññā vipassanāpaññā*). **Spk-pt** lại lý giải rằng: ‘*Sự khởi-sinh tùy thuộc*’ được gọi là “*phương pháp*” đó bởi vì, với sự áp dụng những phương tiện đúng đắn, thì *cái được biết (ñāyati)* đúng như nó thực là trong thứ đã khởi-sinh tùy thuộc. Nhưng *sự-biết (ñāṇa)* được gọi là “*phương pháp*” đó bởi vì nhờ *do điều này* nên *điều sau được biết*. Cho dù các nhà luận giảng có nói sao, chữ *nāya* không có liên hệ gì với chữ *ñāṇa* cả; *nāya* vốn xuất thân từ *ni + i*.] (122)

- (Lưu ý: Trong đoạn này, khi hết câu “*khi chấm dứt thứ này thì thứ kia chấm dứt*”, người dịch Việt đã xuống hàng để ghi riêng phần *chuỗi nhân-duyên* để cho người đọc dễ đối chiếu với kinh song hành **AN 10:92**.)

123 [**Spk**: *Sự khổ* ở đây là sự khổ của vòng luân-hồi (*vatta-dukkha*). Có 02 loại *nguồn-gốc của sự khổ*: (a) nguồn gốc tức thời (*khanikasamudaya*) và (b) nguồn-gốc do những điều-khien (duyên) (*paccayasamudaya*). Một Tỳ kheo nhìn thấy một loại là thấy luôn loại kia! *Sự phai-biến* cũng có 02 loại: (a) sự phai biến cuối cùng (*accantatthaogama*; [**Spk-pt**: sự không tái diễn, sự chấm dứt, Niết-bàn]) và (b) sự phai biến do tan hoại (*bhedatthaogama*); [**Spk-pt**: sự chấm dứt tức thời của những sự tạo-tác (hành). Người tu nhìn thấy một loại là thấy luôn loại kia!] (123)

124 [**Spk**: *Thế giới* chính là *thế giới của những sự tạo-tác* (*saṅkhāralūka*). Về bản chất của thế giới theo giáo lý của Phật, mời coi lại chú thích số 182 ở cuối kinh **SN 2:26** (Quyển 1), trước thi kệ 357.] (124)

125 [Nguyên văn: *Sự thuyết trình Giáo Pháp* là dịch từ nguyên văn *Dhammapariyāya*: nghĩa là, *một phương pháp trình bày giáo lý*. Nội dung bài kinh này cũng được ghi trong kinh **35:113** (Quyển 4) ở đó tên kinh là *Upassuti* (*Lén Lắng Nghe*). Về địa danh *Nātika*, mời đọc lại chú thích 330 ở đầu kinh **55:08** (Quyển 5).] (125)

126 [Coi thêm kinh **12:17**, **12:18** (Quyển 2), và chú thích 39 và 40 ở đó.] (126)

127 [Bà-la-môn tên Jāṇussoṇi cũng được nói đến trong kinh **45:04** (Quyển 5) và các kinh khác các bộ kinh. **Spk** nói ông ta là quan tế lễ hay đại tế quan (*mahāpurohita*) rất giàu có, ông nổi tiếng vì sự giàu có và chức vị đó. Về chủ-đề tương tự của kinh này, coi kinh **12:15** ở trên.] (127)

128 [*Lokāyatika*: *người luận giải về thế giới*. **Spk** nói rằng ông rất thông thạo về *lokāyata* (khoa luận giải). (Các luận giảng cho giải thích dài về nguyên từ học của chữ này). Tong quyển *Dialogues of the Buddha* (*Những Đối Thoại của Đức Phật*); chỗ 1:166–72, tiến sĩ Rhys Davids đã nói chi tiết rằng chữ *lokāyata* được dùng rong các bộ kinh và các luận giảng như một ngành học thuật của các bà-la-môn [ví dụ trong kinh dài **DN 3**, mục 1.3 và **DN 4**, mục 5].] (128)

129 [Nguyên văn câu này: *Jeṭṭham etaṃ lokāyatam*. **Spk** giải nghĩa chữ *jeṭṭham* = *paṭhamam* và giải thích rằng: “*lokāyata* là quan-điểm suy đoán tệ nhược và ô nhiễm nhưng bề ngoài nghe có vẻ lớn lao và sâu sắc” (*mahantam gambhīran ti upatṭhitam parittam sāsavam ditṭhigatam*; lời chú giải này theo cách ghi trong phiên bản **Se**, có vẻ đáng tin hơn trong **Be**).] (129)

130 [Nguyên văn chữ này: *ekattam*. **Spk**: Ý ông ta hỏi nó có bản tính thường-hằng (*niccasabhāva*) hay không; quan-điểm thứ nhất và thứ ba là những dạng của tư tưởng bất-diệt hay thường-kiến (*sassatadiṭṭhi*).] (130)

131 [Nguyên văn chữ này: *puṭhuttam*. **Spk**: Ý ông ta hỏi có một bản tính khác với bản tính trước hay không; quan-điểm thứ hai và thứ tư là những dạng của tư tưởng diệt-vong hay đoạn kiến (*ucchedadiṭṭhi*).] (131)

132 [Các đoạn trong ngoặc vuông [...] ở đây và bên dưới đều có trong tất cả 03 phiên bản, với ghi chú chúng không thấy có trong vài phiên bản xứ sở [**Se** nói chúng không thấy có trong phiên bản tiếng Thái và bản chép tay Tích Lan cổ. Thật sự cần phải bỏ chúng ra khỏi kinh này bởi vì nếu để chúng vậy thì không có gì để phân biệt kinh này khác gì với kế tiếp. **Spk** đã xác nhận điều này trong lời luận giải của nó về kinh **12:50** rằng kinh này chỉ khác kinh kế trước ở chỗ nói ra 02 phương pháp cùng lúc (*dve nayā ekato vuttā*); về ý này **Spk-pt** bổ sung: “Điều này được nói như vậy bởi vì phương pháp được nói ra trong kinh thứ (9) [tức **12:49**] bắt đầu bằng câu ‘*Khi có thức thì có danh-sắc*’ đã được gồm chứa trong phương pháp được nói trong kinh thứ (10) [tức **12:50**] bắt đầu bằng câu ‘*Khi có vô-minh thì có những sự tạo-tác*’.”] (132)

133 [NHÓM này có tên là ‘NHÓM KHỔ’ (*Dukkhavagga*) trong phiên bản **Be** và **Se**, nhưng trong **Ee** thì có tên là ‘NHÓM CÂY’ (*Rukkhavagga*).] (133)

134 [Nguyên văn cả câu này: *Kittāvatā ... bhikkhu parivīmaṃsamāno parivīmaṃseyya sabbaso sammā dukkhakkhayāya*. **Spk** giải nghĩa cụm chữ *parivīmaṃsamāno* là = *upaparikkhamāno*.] (134)

135 [Nguyên văn: *Jarāmaṇanirodhasārūppagāminī paṭipadā* (*con-đường dẫn tới sự phù hợp với sự chấm-dứt nó*). **Spk** giải nghĩa là: *con-đường dẫn dắt bởi sự phù hợp với sự chấm-dứt sự già-chết*, nó giống [với *sự chấm-dứt*] bởi lý do là tính chất vô-nhiễm của nó, sự thanh-tịnh của nó. Trong loạt câu

kế tiếp bên dưới thì phiên bản **Ee** đã bỏ chữ *jāti panāyaṃ kinnidānā*: rõ ràng đây chỉ là sự bất cần khi biên tập.] (135)

136 [**Spk** chú giải: (*hành = sự tạo-tác*). (i) *hành (mang tính) phước đức (punnaṃ saṅkhāraṃ, phước hành)* là 13 loại *sự cố-ý* (tư) [những *sự cố-ý* của 08 loại tâm (*citta*) thiện thuộc dục-giới và 05 loại tâm thiện thuộc sắc-giới; coi lại chú thích số 7 ở kinh **12:03**, đoạn (11). (ii) *Thức sẽ đi đến chỗ phước đức (punnūpagam hoti vinñāṇaṃ)*: thức của nghiệp (nghiệp thức) trở nên nối kết với một nghiệp công đức, thì thức của quả (quả thức) có những quả công đức. (iii) *hành (mang tính) tôn phước (apunnaṃ saṅkhāraṃ; tôn phước hành)* là 12 loại *sự cố-ý* (tư) [trong 12 tâm bất thiện; coi thêm chú thích số 7 mới nói trên]. (iv) *Một hành bất-lay-động (ānenjaṃ saṅkhāraṃ; bất động hành)* là 04 loại *sự cố-ý* (tư) [trong 04 tâm thiện thuộc vô-sắc giới]. Và ở đây, bằng cách đề cập 03 loại hành tạo nghiệp (nghiệp hành) là hàm chỉ cái *nguyên lý 12 yếu-tố nhân duyên* (vòng nhân duyên). Tới mức này là chỉ về cái vòng luân-hồi hiện hữu.

- Một phân tích về 03 loại *sự tạo-tác* (hành) có ghi trong **Vibh** 135. Kinh **MN 38**, gần cuối mục 18, Phật có giảng giải chi tiết về cách mà *thức (vinñāṇa)* trở thành *ānenjūpaga* (?).] (136)

- (Lưu ý: Trong các kinh **MN** thì chú giải trạng thái “*sự bất-động*” là = trạng thái tầng thiền định sắc giới thứ ba và thứ tư (tam thiền, tứ thiền) + những tầng chứng đắc vô-sắc giới).

137 [Chữ *paritassati* rõ ràng là tương đương chữ tiếng Phạn *paritṛṣyati* có nghĩa là: *khát dục, thèm khát, có dục-vọng*, và có kết nối về mặt từ nguyên với chữ *taṇhā*. Tuy nhiên, trong tiếng Pāli [và có lẽ là phương ngữ MIA] gốc động từ này đã được thổi phồng nghĩa bằng chữ *tasati = sợ hãi, run rẩy, chao động, động vọng*, và do vậy những danh từ phái sinh của nó như *paritassanā* và *paritasita* tích thêm nghĩa của các danh từ phái sinh từ chữ *tasati*. Sự hội tụ các nghĩa như vậy, như đã rõ ràng thấy trong các bộ kinh Nikāya, đã được làm rõ hơn bởi các luận giảng. Tôi đã cố gắng ‘bắt’ cho được cả 02 sắc thái bằng cách dịch động từ là “*bị khích động, động vọng*” và danh từ là “*sự khích động, sự động vọng*”. Ở đây **Spk** giải nghĩa là *na paritassati*: “Người đó không bị khích động bởi *sự khích động của dục-vọng (taṇhāparitassanā)* hay

bởi sự khích động của sự sợ-hãi (*bhayaparitassanā*); nghĩa là, người đó không khát dục và không sợ hãi.” Cả **Spk** và **Spk-pt** đều không luận giải gì về chữ *parinibbāyati*, nhưng nghĩa của nó rõ ràng là sự đạt tới trạng thái *kilesaparinibbāna* (sự hoàn toàn giải hết những ô-nhiễm). - Về loại trí-biết quán chiếu lại của A-la-hán, coi chú thích số 376 ở kinh **6:03** (Quyển 1).] (137)

138 [Đoạn từ câu này, **Spk** giải thích rằng: Sau khi đã chỉ ra loại “trí-biết nhờ quán chiếu lại” của một A-la-hán, đoạn này được nói ra để chỉ “sự an trú thường xuyên” (*satatavihāra*) của bậc ấy.

- Đoạn kinh (1), (2), (3) cho tới “trở thành nguội tắt ngay tại đây” cũng có ghi trong các kinh **22:88** (Quyển 3), **36:07-08** (Quyển 4) và **54:08** (Quyển 5) nhưng khác ví dụ, và cũng có trong kinh **MN 140**, mục 23-24 với cùng ví dụ.

- (Đoạn (1) lời kinh gốc ghi theo nghĩa thụ động: ‘người đó hiểu: ‘Nó không được nắm giữ (dính theo)’; người đó hiểu: ‘Nó không được ưa thích’, nhưng người dịch Việt đã dịch theo nghĩa chủ động cho dễ hiểu: ‘người đó hiểu: ‘Không nắm giữ (dính theo) nó’; người đó hiểu: ‘Không ưa thích nó’).] (138)

139 [**Spk**: “Một cảm-giác kết liễu cùng với thân” (*kāyapariyantikaṃ vedanaṃ*) là cảm-giác bị định hạn bởi thân (*kāyapariicchinnam*); “Một cảm-giác kết liễu cùng với mạng sống” (*jīvitapariyantikaṃ vedanaṃ*) là cảm-giác bị định hạn bởi tuổi thọ. Chừng nào thân với năm cửa giác-quan còn, thì những cảm-giác còn xảy ra ở năm cửa giác-quan đó.] (139)

140 [**Spk**: “Sẽ trở thành nguội tắt ngay tại đây (*idh’ eva ... sītibhavissanti*): ngay tại đây, không còn đi đâu theo cách tái-sinh, chúng sẽ trở thành nguội tắt, không còn xảy ra gì nữa, nên không còn động hay nhiễu nào nữa.] (140)

141 [**Spk** giải nghĩa ví dụ như vậy: “Lò nung nóng rực” chỉ 03 cõi hiện hữu, “người thợ gốm” là người thiên, và “cây kẹp gấp nồi” là trí-biết của thánh đạo A-la-hán. Chỗ “nền đất phẳng” là Niết-bàn. Thời gian người thợ gốm lấy cái nồi đất sét từ trong lò nung ra và đặt lên nền đất là ví như thời gian khi người thiên, sau khi đã chứng đắc thánh quả A-la-hán tối cao, loại bỏ sắc-thân cá nhân ra khỏi 04 cảnh giới thống khổ và đặt nó lên nền phẳng của

Niết-bàn, bằng cách chứng đắc thánh quả. Giống như cái nồi đất nung chưa bẻ tan hết khi mới lấy ra, bậc A-la-hán cũng chưa chứng đắc Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn, *parinibbāna*) vào ngày mình chứng đắc thánh quả A-la-hán. Vị đó có thể sống thêm 50-60 năm nữa, nỗ lực bảo tồn Phật Pháp. Khi nào vị ấy đạt tới khoảng-khắc tâm (sát-na) cuối cùng của mình, với sự tan rã của thân năm-uẩn, vị ấy chứng Niết-bàn cuối cùng không còn tàn dư hơi hướng (vô dư y bát-Niết-bàn). Rồi, giống như những mảnh xác tan rã của nồi đất sét, bậc giác-ngộ chỉ để lại những mảnh xác thân vô tri vô giác.] (141)

142 [Spk dịch nghĩa câu này là: “Vậy thức tái sinh (*paṭisandhivinñāṇa*) có còn được thấy không?”] (142)

143 [Spk dịch nghĩa câu này là: “Đơn giản đây là sự chấm-dứt sự khổ của vòng luân-hồi, là sự kết-thúc nó, tức là Niết-bàn.”] (143)

144 [*Upādānīyesu dhammesu: những thứ có thể bị chấp-thủ. Spk* giải nghĩa là: trong những hiện-tượng thuộc 03 cõi hiện hữu, đó là những điều-kiện (duy-ên) tạo ra 04 loại sự chấp-thủ (thủ).

- Về chữ *upādānīyā dhammā*, coi thêm ở các kinh **22:121, 35:110, 123**, trong đó sự chấp-thủ (*upādāna*) được giải nghĩa chính là *dục* và *tham* (*chanda-rāga*) đối với những thứ có thể làm mình bị chấp-thủ.] (144)

145 [Spk giải nghĩa ví dụ này: Đồng lửa lớn là chỉ: 03 cõi hiện hữu; người châm lửa: người phạm phu vô minh bị dính trong vòng luân-hồi. Việc người đó châm thêm nhiên liệu vô lửa giống như người phạm tục cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích, tạo những nghiệp thiện và bất thiện thông qua 06 cửa giác-quan theo cách của dục-vọng (ái). Sự gia tăng của lửa giống như người phạm tục đó càng sản xuất thêm sự khổ đau của vòng luân-hồi bằng cách tích lũy thêm nghiệp.] (145)

146 [Spk đã diễn dịch dài về ví dụ từ lời kinh dễ hiểu này. Người dịch Việt chỉ trích dẫn câu cuối cùng: “... Thời gian khi đồng lửa được tắt ngấm là ví như thời gian thân năm-uẩn của một A-la-hán tan rã và người đó qua đời vào Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y Niết-bàn).”] (146)

147 [*“Những thứ có thể gông cùm mình” (saṃyojaniyesu dhammesu)*]. **Spk**: Đó là những điều-kiện (duyên) tạo ra 10 loại gông-cùm (kiết sử). Về *“những thứ có thể gông cùm mình”*, coi thêm kinh **22:120** (Quyển 3), **35:109**, **35:122** (Quyển 4). Chỗ này chữ *“gông-cùm”* được giải nghĩa chính là *dục và tham*.] (147)

148 [**Spk** diễn dịch: Cây to được ví như: vòng luân-hồi hiện hữu trong 03 cõi; gốc rễ: sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ); sự chuyển nhựa sống từ nhựa sống từ gốc lên cây: sự tạo dựng của nghiệp thông qua 06 cửa cảm-nhận; sự ổn định sống lâu của cây: sự liên tục dai dẳng của người phạm tục trong vòng luân-hồi bất tận do vẫn liên tục tạo nghiệp.] (148)

149 [**Spk** đã diễn dịch rất dài về ví dụ từ lời dễ hiểu này. Người dịch Việt chỉ trích dẫn câu cuối cùng: “... Sự hốt tro ví như mạng sống của một A-la-hán đã đến lúc Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) của mình. Sự quăng tro đi, hay sự bị cuốn đi bởi sông chảy xiết giống như sự làm ngừng lặn vòng luân-hồi sau khi A-la-hán đã bát niết-bàn bằng yếu-tố Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y Niết-bàn giới).] (149)

150 [*Một góc-gác sinh ra danh-sắc (nāmarūpassa avakkanti)*]. **Spk** không luận giải gì, nhưng dưới ánh sáng của các kinh khác chúng ta có thể coi mệnh đề này hàm nghĩa *“có dục-vọng nằm bên dưới sự suy-ngẫm đó”*, và nó chính là nguyên nhân duy trì chính cho tiến-trình tái-sinh, vốn bắt đầu từ *“một góc-gác sinh ra danh-sắc”*. Sự bắc cầu nối kết này cũng được thấy có trong kinh **12:39**, **12:64** (Quyển 1), và mời đọc lại chú thích số 115 ở kinh **12:39**.] (150)

151 [*Một góc-gác sinh ra thức (vinñāṇassa avakkanti)*]. Trong kinh dài **DN 15**, mục 21 có nói nghĩa rằng: Nếu thức không hạ vào trong thai mẹ, thì danh-sắc sẽ không thành hình trong bào thai. Cái *“góc-gác sinh ra phôi thai” (gabbha-ssāvakkanti)*—như đã được nói trong kinh **MN 38**, mục 26, và **MN 93**, mục 18, và **AN 3:61**, giữa cuối đoạn (3)—đã cho rằng sự nhập vào (bụng mẹ) của thức kích hoạt sự thụ-thai.] (151)

152 [Phần mở đầu về bối cảnh và nhập đề [*Trong một lần ... vòng luân-hồi*] của kinh này giống kinh dài **DN 15**, chỉ khác nhau là **DN** có ghi chữ *avaca*. Kinh này là một kinh *ghép-nối* với phần mở đầu của kinh *Đại Kinh Nhân Duyên* (**DN 15**) được gắn thêm phần nội dung của kinh **12:55**. **Spk** có đưa

phần mở đầu của luận giảng vào kinh *Đại Kinh Nhân Duyên*, mời đọc bài chuyên luận của TKBD về *Đại Kinh Nhân Duyên* này, trang 58-73. Tuy nhiên **Spk** không cố giải thích thêm tại sao cùng phần mở đầu mà phần tiếp theo lại khác.] (152)

153 [**Spk** định nghĩa: *Không [chưa] được chỉ dạy (assutavā)* là: không có sự học hiểu, sự vấn hỏi và sự phân biệt đối với các uẩn, các yếu-tố (giới), những cơ-sở cảm nhận (sáu xứ), tính điều-kiện (lý nhân duyên), các nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) ... *Người phạm phu hay phạm tục (puthujjana)* là một người trong “quần chúng thế tục”, được gọi là người phạm tục bởi vì còn tích tạo đủ thứ ô-nhiễm (*puthūnaṃ nānappakārānaṃ kilesādīnaṃ janānādikāra-nehī puthujjano*); và cũng bởi vì người đó còn thuộc trong quần chúng thế tục (*puthūnaṃ janānaṃ antogadhattā*), số đông không thể tính hết, là những người còn dính vào những Giáo Pháp thấp hèn ngược lại với Giáo Pháp của những thánh nhân. Hoặc nói khác, theo chữ *puthu* có nghĩa là “*được coi là tách khỏi*”, người phạm phu là người tách khỏi hàng thánh nhân là những người có giới-hạnh, sự học-hiểu ... (*puthu vā ayaṃ viṣuṃ yeva saṅkhaṃ gato; viṣamsaṭṭho sīlasutādiguṇayuttehi ariyehi jano ti puthujjano*).] (153)

154 [Nguyên văn câu này: *Cittam iti pi mano iti pi vinñānaṃ iti pi*. So sánh với kinh dài **DN 1**, mục 2.13, có ghi: *Yaṃ ... idaṃ vuccati cittaṃ ti vā mano ti vā vinñānaṃ ti vā (Nhưng ... cái được gọi là ý-nghĩ, hoặc tâm, hoặc thức)*. **Spk** nói: tất cả những chữ này là chỉ cơ-sở tâm (tâm xứ; *manāyatana*). Thường thì tôi dịch cả hai chữ *citta* và *mano* là “tâm” nhưng do ngôn ngữ dịch (tiếng Anh) chỉ có 02 chữ dùng chung để chỉ căn nhận-biết—đó là “tâm” và “thức”—nên ở đây tôi bị bắt buộc phải dùng thêm một chữ là “tâm thần” như một chữ dùng tạm bắt đắ dĩ cho chữ *mano*. Trong khi về kỹ thuật thì cả 03 chữ này đều biểu thị nghĩa giống nhau, nhưng trong các kinh bộ *Nikāya* thì chúng được dùng trong những ngữ cảnh khác biệt nhau. Khái quát sơ lược về chúng là:

(1) *Vinñāna* (thức) biểu thị (i) sự ý thức riêng biệt hóa thông qua một căn cảm-nhận [như thức-mắt ... thức-tâm, theo khuôn mẫu có sáu thức (gọi là những căn thức)], (*) và cũng biểu thị cho (ii) dòng tiềm thức nó ‘duy trì’ sự liên tục cá-thể suốt một kiếp sống và ‘xâu kết’ những kiếp sống kế tiếp nhau [như được nhấn mạnh ở các kinh **12:38–40**].

(2) *Mano* (tâm thân) làm chức năng (i) là cửa thứ ba của hành-động [tức: *tâm* cùng với *thân* và *lời-nói*], và (ii) là cơ-sở cảm-nhận bên trong thứ sáu (nội xứ thứ sáu, giác quan thứ sáu, giác quan tâm) [tức: *tâm* cùng với 05 cơ-sở cảm nhận bên trong là *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân*]; (iii) là một cơ-sở cảm-nhận (căn, giác quan) cho nên nó phối hợp thông tin dữ liệu của 05 cơ-sở cảm-nhận còn lại, và nó cũng nhận biết những hiện-tượng thuộc tâm (các pháp, *dhammā*) là những đối-tượng thuộc loại của riêng nó (tức vừa nhận biết xử lý thông tin của 05 giác quan kia và nhận biết đối-tượng của riêng nó).

(3) *Citta* (tâm) thì biểu thị cái tâm là ‘trung tâm’ của sự trải nghiệm cá thể, là ‘chủ-thể’ của ý-nghĩ, sự cố-ý, và cảm-xúc. Chính *citta* mới là cái “tâm” cần phải được hiểu, cần được tu-tập và cần được giải-thoát. Để hiểu thêm chi tiết, mời quý vị đọc thêm quyển ‘*Danh-Tính và Sự Trải-nghiệm*’, chương 5, của học giả Hamilton.] (154)

- (*) (*Sự ý thức riêng biệt hóa* hay *sự nhận thức biệt hóa* (tạm dịch Việt) là riêng biệt hóa thông tin hay đặc tính của một đối-tượng, là phân biệt nó thành này nọ. Ví dụ: qua mắt, một người *ý thức* một hình-sắc thành đẹp hay xấu hay gì đó ...).

155 [Spk giải thích: Nó (cái được gọi là *tâm*) được nắm-giữ (*ajjhosita*) bởi sự nuốt chửng bởi dục-vọng (ái); được chấp-hữu (*mamāyita*) bởi sự bị chấp hữu bởi dục-vọng, và được nắm-chặt (*parāmatṭha*) bởi sự bị nắm chặt bởi những quan-điểm này nọ (tà kiến). (i) “*Đây là của-ta*” (*etaṃ mama*): là sự nắm giữ (điều khiển) của dục-vọng (*taṇhāgāha*); bởi điều này nên gồm có 108 ý-nghĩ của dục-vọng. (ii) “*Đây là cái ‘ta’*” (*eso ’ham asmi*): là sự nắm giữ của sự tự-ta hay ngã-mạn (*mānagāha*); bởi điều này nên gồm có 09 loại tự-ngã. (iii) “*Đây là ‘bản ngã’ của ta*” (*eso me attā*): đây là sự nắm giữ của những tà-kiến (*diṭṭhigāha*); bởi điều này nên gồm có 62 loại tà-kiến (tà kiến) [như đã được liệt kê ra kinh dài DN 1 (kinh Phạm Võng).] (155)

156 [Spk diễn dịch câu này một cách dài dòng bằng những giai đoạn sống và bằng mấy ví dụ, nhưng người dịch Việt thấy câu này tự nó đã rõ nghĩa cho người đọc.] (156)

157 [“*Suốt ngày và suốt đêm*” (*rattiyā ca divasassa ca*) là dịch theo thành ngữ tiếng Việt để chỉ ra (sự sinh-diệt) xảy ra cả ban ngày và ban đêm. Spk cũng

chú giải nghĩa là “suốt trong ban ngày và trong ban đêm” (suốt ngày đêm). Khởi sinh thành này và chấm dứt thành nọ (*annadeva uppajjati, annam nirujjhati*): **Spk** chú giải dài, nhưng nghĩa là: [tâm] luôn biến đổi bằng cách sinh diệt khác nhau liên tục trong suốt ngày và đêm (những lần sinh và những lần diệt đều khác nhau, thành này thành nọ ...) Nhưng một tâm (*citta*) không thể trụ lâu nguyên cả ngày hay cả đêm. Thậm chí trong một khoảng-khắc bằng cái búng ngón tay đã có nhiều trăm ngàn *koṭi* của *citta* sinh và diệt [1 *koṭi* = 10 triệu].

- Ví dụ con khỉ nên hiểu như vậy: “Rừng những đối-tượng” (trần cảnh) giống như khu rừng rậm. Tâm khởi sinh trong khu rừng những đối-tượng giống như con khỉ chạy nhảy chuyên càn khắp nơi trong rừng. Tâm nắm giữ một đối-tượng giống như khỉ nắm chụp một cành lá. Giống như con khỉ chạy nhảy nắm chụp khắp khu rừng, cứ nắm chụp và thả cành lá, rồi lập tức nắm chụp và thả cành lá khác ... liên tục; tâm cũng vậy, nó chạy nhảy khắp khu rừng những đối-tượng, luôn khởi sinh, lúc thì bắt lấy đối-tượng nhìn thấy được (những hình-sắc), lúc thì đối-tượng nghe thấy được (những âm-thanh) ... ; lúc thì đối-tượng quá khứ, lúc thì đối-tượng hiện tại, lúc thì đối-tượng tương lai ... ; lúc thì đối-tượng bên trong, lúc thì đối-tượng bên ngoài ... ; có lúc con khỉ không tìm thấy cành lá [mới], không chạy nhảy nữa, nhưng nó cũng không xuống đất ngồi nghỉ mà cứ nắm lấy một cành lá mà đu đưa với nó (tức luôn luôn động vọng). Cũng giống như vậy, tâm chạy nhảy khắp khu rừng những đối-tượng, không thể nói nó khởi sinh mà không nắm bắt một đối-tượng nào; thay vì vậy, nó khởi sinh nắm bắt một đối-tượng thuộc mỗi loại nào đó.

► Lưu ý rằng: không có kinh nào hay luận giảng nào diễn dịch ví dụ con khỉ ở đây bằng cách nói rằng ‘cái tâm không được tu-tập là bất an bất ổn không ngừng nghỉ giống như một con khỉ’; thay vì vậy, luận điếm ý nói ở đây là: *cái tâm luôn luôn tùy thuộc vào một đối-tượng nào đó* (mà sinh diệt), (giống như con khỉ luôn tùy thuộc vào mỗi cành lá mới mà nắm bắt và chuyên nhảy, nắm và thả liên tục vậy).] (157)

158 [**Spk** đã chú giải về thứ tự của kinh này như vậy: (1) Trước tiên, bởi vì những Tỳ kheo này đã quá bị ám muội bởi sắc-thân, nên Phật đã nói như thế rằng: “*không đúng khi nắm giữ sắc-thân*” [vì đã nhìn thấy sự lên và xuống

(sinh diệt, vô thường) của nó] nhưng không phải là không đúng đắn khi nắm giữ tâm. (2) Kế tiếp [trong đoạn kinh (i) bắt đầu bằng câu “... *thì thà nhận cái thân ‘tử đại’ này là cái ‘Ta’*] Phật nói như thể rằng nắm chấp cái thân là đúng hơn nắm chấp cái tâm [do tâm là biến đổi liên tục không ngừng trong từng khoảng khắc]. (3) Bây giờ, trong đoạn này, Phật nói với mục tiêu loại bỏ cái sự ám muội của họ khỏi cả thân và tâm.] (158)

159 [Tôi đọc theo **Se** và **Ee** là *nānābhāvā vinikkhepā*, khác với **Be** ghi là *nānākatavinibbhūgā*. Ví dụ nhỏ này cũng có trong các kinh **36:10** (Quyển 4) và **48:39** (Quyển 5); trong cả 02 kinh đó thì **Be** lại ghi cụm chữ này giống theo **Se** và **Ee** trong kinh này. **Spk** giải thích: *Cơ-sở cảm-nhận* (nội xứ, căn) giống như que môi lửa nằm dưới, *đối-tượng* (ngoại xứ, trần) thì như que môi lửa nằm trên, sự tiếp-xúc giống như sự cọ xát của 02 que môi lửa, và cảm-giác giống như nhiệt được sinh ra. (Khi có tiếp-xúc thì sinh ra cảm-giác; có xúc là có thọ; xúc diệt thì thị diệt).] (159)

160 [Có một bản dịch kinh này + với phần luận giải dài về kinh này bởi nhà sư trưởng lão Nyanaponika, có tên là “*Bốn Đường Chát Của Sự Sống*”. **Spk** giải thích rằng Phật đã nói bài kinh này bởi vì Tăng Đoàn những Tỳ kheo đang nhận được nhiều thức ăn cúng dường và nhiều thứ thiết yếu khác, và Phật muốn đặt trước họ “*một tấm gương của Giáo Pháp để họ biết tự-chủ và kiểm-chế bản thân, để mà, sau khi suy xét quán chiếu về nó liên tục và thường xuyên, những Tỳ kheo sau này sẽ biết sử dụng những thứ cúng dường chỉ sau khi suy xét quán chiếu về chúng.*” Đoạn mở đầu trong kinh này giống hệt như ở kinh **12:11**.] (160)

161 [**Spk** chú giải rất dài: ... (nôm na ý nghĩa như vậy:) Giả sử như, “là thịt của con mình” cho nên hai người đó ăn đâu phải vì muốn ăn, vì thích thú, vì ngon, để giải trí hay để say sưa. Tương tự, một Tỳ kheo nên dùng thức-ăn khát thực theo cách: không tham lam và thèm muốn đồ ăn thức uống; không có ăn nhiều; không ăn ngốn miếng lớn; không dành ăn ích kỷ; không ngu mờ về những thứ mình ăn (ví dụ: phải biết có hợp với giới-luật hay không); không mong/thèm muốn được ăn lại món đó; không để dành tích trữ thức ăn; không thỏa thê tự mãn (vì đã ăn được thức ăn đó); không chê bai thức ăn; và không tranh cãi vì thức ăn.] (161)

162 [Spk chú giải câu kỳ như vậy: *Khi dưỡng-chất là thức-ăn được hoàn-toàn hiểu*: nghĩa là nó được hoàn-toàn hiểu bằng 03 loại sự hoàn-toàn hiểu (03 sự liễu ngộ): (i) sự hoàn-toàn hiểu về điều đã biết (*nātapariññā*); (ii) sự hoàn-toàn hiểu bằng sự soi xét kỹ lưỡng (*tīraṇapariññā*); và (iii) sự hoàn-toàn hiểu là sự trừ-bỏ (*pahānapariññā*). Trong đó, (i) một Tỳ kheo hiểu: “Dưỡng-chất thức-ăn này là ‘dạng có tinh dưỡng chất là thứ tám’ [coi lại chú thích 18 cùng với những cơ-sở của nó ở kinh **12:11**.] Dưỡng-chất này tác động vào sự cảm nhận của lưỡi, vốn tùy thuộc vào bốn yếu-tố tứ đại. Như vậy dưỡng-chất, sự cảm-nhận của lưỡi và bốn yếu-tố tứ đại—những thứ này là dạng sắc-uẩn. *Bộ-05 của sự tiếp-xúc* [sự tiếp-xúc, cảm-giác, nhận-thức, sự cố-ý, thức (xúc, thọ, tưởng, tư, thức)] đã khởi sinh trong người nhận biết dưỡng-chất này—đây gọi là 04 uẩn thuộc tâm. Tất cả 05-uẩn này, nói gán gọn, chính là *danh-sắc* (tâm-thân).” Kế tiếp, vị Tỳ kheo dò ra những điều-kiện (duyên) làm ra những hiện-tượng này và nhìn thấy ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi) theo chiều trực dẫn và chiều ngược lại. Bằng cách nhìn thấy danh-sắc với những điều-kiện của nó đúng như nó thực là, thì dưỡng-chất thức-ăn sẽ được hoàn-toàn hiểu bằng *sự hoàn-toàn hiểu về điều đã biết*. (ii) Kế tiếp, vị đó gán “03 đặc-tính” [vô-thường, khổ, vô-ngã] cho cái danh-sắc đó và khám phá nó theo cách “07 sự quán-xét” [về vô-thường, khổ, vô-ngã, sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, và sự từ-bỏ—coi *Thanh Tịnh Đạo Vism* 607; **Ppn** 20:4]. Như vậy nó được hoàn-toàn hiểu bằng *sự hoàn-toàn hiểu bằng cách soi xét kỹ lưỡng*. (iii) Nó được hoàn-toàn hiểu bằng *sự hoàn-toàn hiểu là/như sự trừ-bỏ* khi nó được hoàn-toàn hiểu bằng thánh đạo Bất-lai, ở đó đã trừ bỏ dục và tham đối với danh-sắc.

- *Tham-dục đối với năm dây khoái-lạc giác quan sẽ được hoàn-toàn hiểu*: Điều này được hoàn-toàn hiểu bằng (i) sự hoàn-toàn hiểu đơn nhất (*ekapariññā*), đó là, sự thèm muốn đối với riêng mùi-vị ở giác quan lưỡi là giống sự thèm muốn khởi sinh ở tất cả 05 giác-quan; (ii) *sự hoàn-toàn hiểu tất cả* (*sabbapariññā*), đó là, tham-dục đối với tất cả 05 dây khoái-lạc giác quan sẽ khởi sinh ngay cả đối với một miếng thức ăn đặt trong bát [vì thức ăn kích thích tham muốn trong tất cả 05 giác-quan]; (iii) *sự hoàn-toàn hiểu gốc rễ* (*mūlapariññā*), đó là, dưỡng-chất đó là gốc rễ của tất cả 05 loại tham-dục, vì *tham-dục tăng phát khi con người được cấp dưỡng đầy đủ*.] (162)

163 [Spk chú giải: “*Không còn có gông-cùm trói buộc: giáo lý theo cách dưỡng chất thức-ăn*” ở đây chỉ được giảng giải tới thánh đạo Bất-lai là xa nhất; nhưng nếu người tu tu tập sự minh-sát nhìn vào năm-uẩn cũng theo cách minh-sát nhìn vào những thứ thuộc thể-sắc như thức ăn ... thì có thể giảng giải câu này tới luôn thánh đạo A-la-hán.] (163)

164 [Spk: Ví như một con bò khi nhìn thấy sự nguy-hại bị ăn rìa bởi những con vật khác ở những nơi nó có mặt, thì nó đâu còn muốn được coi trọng và tôn trọng hay được cưng chiều, được chải lông, được cho tắm ... ở những nơi đó. Một Tỳ kheo sau khi nhìn thấy sự nguy-hại bị ăn bởi những ‘con vật’ là những sự ô-nhiễm (lậu hoặc) bắt rễ từ/được nuôi từ dưỡng-chất là *sự tiếp-xúc* (xúc), thì người đó trở nên không còn tham-muốn đối với những sự tiếp-xúc trong 03 cõi hiện-hữu.] (164)

165 [Spk đã chú giải *sự hoàn-toàn hiểu sự tiếp-xúc* (xúc thực) theo cách chú giải ở trên về *thức-ăn* (đoàn thực), chỉ khác là ở đây sự tiếp-xúc được coi là điểm bắt đầu cho sự nhận-thấy về năm-uẩn là gì. Khi *sự tiếp-xúc* được hoàn toàn hiểu thì 03 loại *cảm-giác* được hoàn toàn hiểu vì những cảm-giác thì bắt rễ từ sự tiếp-xúc và liên hữu với sự tiếp-xúc. Giáo lý theo cách “*dưỡng-chất là sự tiếp-xúc*” ở đây đã được giảng giải tới thánh quả A-la-hán luôn.] (165)

166 [Spk diễn dịch như vậy: Hố than đang cháy là ví như vòng luân-hồi (sinh tử) trong 03 cõi hiện-hữu; người muốn sống là người phạm phu vô minh còn bị dính trong vòng luân-hồi; 02 lực sĩ là nghiệp thiện và nghiệp bất thiện. Khi họ nắm lấy người đó và lôi tới hố than, điều này giống như sự tích lũy nghiệp của người phạm phu; bởi nghiệp được lũy sẽ kéo lê tới sự tái-sinh. Sự đau đớn do rớt xuống hố than cháy giống như sự khổ đau trong vòng luân-hồi.] (166)

167 [Spk giải thích: *Ba loại dục-vọng được hoàn-toàn hiểu*: Ba loại dục-vọng là *dục-vọng đối với những khoái-lạc giác quan* (dục ái); *dục vọng muốn được hiện-hữu* (hữu ái), và *dục-vọng không hiện-hữu* (phi-hữu ái). Chúng được hoàn-toàn hiểu vì dục-vọng (ái) thì bắt rễ từ *sự cố-ý của tâm* (tư, tâm tư). Ở đây giáo lý theo cách “*dưỡng-chất là tâm tư*” đã được giảng giải để dẫn tới tận thánh quả A-la-hán luôn.] (167)

168 [Spk diễn dịch: Nhà vua là ví như *nghiệp*; người phạm tội là *người phạm tục*; 300 mũi giáo là *thức tái-sinh*. Thời gian nhà vua ra lệnh giống như thời gian người phạm tục bị lôi tới sự tái-sinh bởi nhà vua = nghiệp. Sự đau khổ do bị đâm bởi những ngọn giáo là quả khổ đau trong tiến trình hiện-hữu ngay sau khi sự tái-sinh xảy ra.] (168)

169 [Spk: *Danh-sắc* được hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) khi *thức* được hoàn-toàn hiểu bởi vì danh-sắc thì bắt rễ từ thức và khởi sinh cùng với thức. Ở đây giáo lý theo cách “*duỡng-chất là thức*” cũng được giảng giải tới tận thánh quả A-la-hán luôn.] (169)

170 [Spk giải thích *tham-dục (rāga)*, *sự khoái-thích (nandī)*, và *dục-vọng (taṇhā)* đều đồng nghĩa chỉ *tham = (lobha)*. *Thức sẽ được lập-thành ở đó và đi đến sự tăng trưởng (patiṭṭhitam tattha vinñāṇam virūḷham)*: sau khi đã thức đẩy một nghiệp, nó “*được lập thành và đi đến sự tăng trưởng*” nhờ khả năng của nó kéo tới sự tái-sinh. Về *sự lập-thành của thức*, coi kinh **12:38** ở trên và chú thích số 112 ở đó; và về *gốc-gác sinh ra danh-sắc*, coi kinh **12:39** ở trên và chú thích số 115 ở đó.] (170)

171 [Spk giải nghĩa: *Bát cứ ở đâu (yattha)* là một định vị từ chỉ vòng luân-hồi hiện hữu trong 03 cõi.] (171)

172 [Nguyên văn câu này: *Atthi tattha saṅkhārānaṃ vuddhi*. Spk giải thích: Điều này được nói ra là đề cập tới *những sự tạo-tác (hành)* là nguyên nhân gây ra vòng hiện-hữu tái sinh trong tương lai đối với một người đang sống trong vòng quả hiện tại.

- Sự biến tấu khác đi ở đây so với trình tự thông thường là thú vị. Khi “*sự tăng phát (tăng phóng) của hành*” được đặt ở giữa danh-sắc và sự tái hiện-hữu, điều này hàm ý đây là sự diễn tả về 03 chữ của công thức tiêu chuẩn—*dục-vọng, sự chấp-thủ, và sự hiện-hữu [do nghiệp]* (ái, thủ, (nghiệp) hữu)—với câu *āyatim punabbhavābhiniḅbatti* diễn tả tiến trình của sự nhập vào sự hiện-hữu mới.] (172)

173 [Spk diễn dịch: Người vẽ biểu thị cho nghiệp với những phụ tính phụ kiện hệ lụy của nó [Spk-pt: biểu thị cho dục-vọng và vô-minh, và thời gian và nơi-đến ... vân vân.]; ván gỗ, tường hay vải bạt biểu thị cho vòng luân-hồi

với 03 cõi hiện-hữu. Giống như họa sĩ tạo hình trên mặt ván: nghiệp và những hệ lụy của nó tạo một hình hài (thân sắc) trong những cõi hiện-hữu. Cũng giống như hình được tạo bởi một họa sĩ không thiện khéo là xấu xí, dị dạng và khó nhìn: nghiệp được làm với một cái tâm xa lìa sự-biết (vô tri, vô trí) cũng khởi sinh thành hình hài xấu xí, dị dạng, khó ưa. Nhưng cũng giống như hình được tạo bởi một họa sĩ thiện khéo: nghiệp được tạo bởi một cái tâm nối kết với sự-biết (tri, trí) khởi sinh thành hình hài đẹp đẽ và thanh nhã.] (173)

174 [Spk chú giải: Nghiệp của một A-la-hán giống như tia nắng. Tia nắng là có thật, nhưng bởi vì không có chỗ nào cho nó đậu trên đó nên nói rằng nó sẽ không được thành-hình (*appatit̥thitā*) ở đâu cả. Nhưng nghiệp của A-la-hán được nói là sẽ không được lập-thành bởi vì nó không tồn tại. Mặc dù vị ấy có thân ... vân vân, nhưng không có nghiệp thiện hay bất thiện được tạo ra bởi đó. Những hành-động của vị ấy chỉ là thuộc chức năng, không phải là nhân sản sinh ra quả (*kiriyamatte thatvā avipākaṃ hoti*). Về ý kết nối này, mời coi thêm kinh **12:25** và chú thích 81 ở đó.

- Ở đây quý vị lưu ý rằng: **Spk** đã giải thích câu ‘*thức* của A-la-hán là không được lập-thành’ có nghĩa là ‘nghiệp của vị ấy không được lập-thành’. Cách giải thích này có lẽ là sự diễn dịch quá tự do. Theo tôi nghĩ, sẽ sai lầm nếu dịch bài kinh theo nghĩa muốn nói rằng: ‘sau khi một A-la-hán bát-niết-bàn thức của vị ấy vẫn còn tồn tại ở dạng nào đó mà chỉ có thể được mô tả là *không được lập-thành*’. Đoạn kinh hiện tại rõ ràng đang nói về *thức* của A-la-hán *khi vị ấy đang còn sống*. Chủ ý lời kinh không phải muốn nói rằng ‘*thức không được lập-thành*’ vẫn còn tiếp sau khi A-la-hán qua đời mà muốn nói rằng *thức* của vị ấy, vì đã hết tham, trở nên “*không được lập-thành trong*” 04 dưỡng-chất theo bất kỳ cách nào có thể tạo ra một sự hiện-hữu (mới) sau đó. (174)

175 [Đoạn đầu này giống như trong kinh **12:10**.] (175)

176 [(a) So sánh với “*lý duyên khởi*” (sự khởi-sinh tùy thuộc) là giống hệt nhau khi nói về sự giác-ngộ của Phật Vipassi (Tỳ-bà-thi) trong kinh **DN 14**, từ mục 2.17; (b) Đoạn cuối cho thấy *sự tùy-thuộc lẫn nhau* của “*thức*” và

“*danh-sắc*”: chúng vừa là *nhân* và vừa là *duyên* của nhau; Phật có giảng giải chỗ này một cách chi tiết trong kinh **DN 15**, mục 2.

- Một bản dịch phần chú giải chi tiết ở **Sv II** 501–3 cộng với trích dẫn từ **Sv-pt** bởi TKBD có thể tìm thấy trong tuyển tập *Bodhi*, có tên là “*Đại Kinh Về Nhân Duyên*”, trang 84–89. Mời quý vị cũng đọc thêm kinh **12:67** bên dưới.

- **Spk** đã chú giải: *Khi có danh-sắc, thì có thức*: Ở đây lẽ ra nên nói rằng “*Khi có những sự tạo-tác (hành), thì có thức*” và “*Khi có vô-minh, thì có những sự tạo tác cố ý (hành)*.” Nhưng cả 02 câu này đã không được Phật nói ra ở đây. Vì sao vậy? Bởi vì vô-minh và hành là thuộc một sự hiện-hữu thứ ba và sự minh-sát này là không liên kết với chúng (*avijjāsankhārā hi tatiyo bhavo, tehisaddhiṃ ayam vipassanā na ghaṭṭiyati*). Bởi vì bậc Vĩ Nhân (tức Phật khi còn là Bồ-tát) đã thực hiện sự minh-sát theo cách (nhìn vào) *sự hiện-hữu hiện tại gồm 05 thành phần (pancavūkarabhava = sự hiện-hữu có mặt năm-uẩn)*.

- (Hỏi:) Có đúng là người tu không thể giác-ngộ khi chưa nhìn thấy vô-minh và hành? (Đáp:) Đúng vậy, không thể. Nhưng những thứ này được nhìn thấy theo cách của dục-vọng (ái) và sự chấp-thủ (thủ) và sự hiện-hữu (hữu). Nếu một người theo bắt một con thằn lằn đã được thấy chui vô một cái hang, người đó nên bước xuống, đào ngay chỗ hang mà nó chui vào, bắt nó, và đi khỏi đó; người đó sẽ không đào những chỗ khác vì nó không có ở đó. Cũng giống như vậy: vị Bồ-tát đang ngồi thiền trên chỗ ngồi để giác-ngộ, bậc ấy đã truy tìm những điều-kiện (nhân duyên) bắt đầu từ sự già-chết (được thấy rõ rệt giữa thế gian). Sau khi đã truy ngược những điều-kiện làm khởi sinh hiện tượng [già-chết] đó ... cho tới *danh-sắc*, bậc ấy tiếp tục truy ngược và nhìn thấy đó là *thức*. Rồi, sau khi đã nhận ra “phạm vi khám phá theo cách (nhìn vào) ‘*sự hiện-hữu 05 thành phần [05 uẩn] như vậy là quá nhiều*’”, cho nên bậc ấy đã quay trở lại sự minh-sát của mình (*vipassanam paṭinivattesi*). Vượt quá chỗ này vẫn còn một cặp nhân duyên là vô-minh và dục-vọng, chúng giống như một vùng chưa được đào phá của cái hang trống nói trên (tức cái hang trống sau khi đã đào bắt được con thằn lằn vẫn còn phần nào đó chưa bị đào lên của cái hang trống đó). Nhưng bởi vì chúng có nằm trong sự minh-sát trước đó [dưới tiêu đề *dục-vọng* ... vân vân?] (ví như phần chưa đào vốn đã nằm thuộc trong cái hang đã đào từ ban đầu để tìm bắt con thằn lằn), cho nên

chúng không được (đem ra) khám phá một cách riêng biệt; chính vì vậy nên Phật đã không đề cập tới nó ở đây! (và chỉ nói tới *thức*.) (176)

177 [*Thức này quay lại (paccudāvattati kho idaṃ viññāṇāṃ*). **Spk** giải thích: Thức nào quay lại? Đó là thức tái-sinh và thức minh-sát. Thức tái-sinh quay lại từ điều-kiện (duyên) của nó; thức minh-sát quay lại từ đối-tượng của nó. Không có thức nào trong đó vượt qua danh-sắc, vượt quá danh-sắc.

- **Spk-pt**: *Từ điều-kiện [nhân duyên] của nó*: nghĩa là từ *những sự tạo-tác* (hành): nghĩa là *thức tái sinh* quay lại từ *những sự tạo-tác* (hành)—là nhân đặc biệt tạo ra thức—chưa được đề cập tới; nó không quay lại từ tất cả các điều-kiện, vì chỉ có danh-sắc được cho là điều-kiện (duyên) của *thức*; (như vậy là nó quay lại từ danh-sắc). *Từ đối-tượng của nó*: nghĩa là, quay lại từ sự *vô-minh* và *hành* là đối-tượng, hoặc từ *kiếp-trước* là đối tượng của nó.

- Có thể trước đó vị Bồ-tát (tức Phật) đã đang tìm kiếm một ‘bản ngã’ theo kiểu trong Upanisad (Áo Nghĩa Thư, triết lý về bản ngã của Vệ-đà) như một *chủ-thể tự hiện hữu* gồm có một cái *thức* tinh khiết không cần có điều-kiện (duyên) gì để hiện hữu. Nhưng rồi Phật đã khám phá ra rằng *thức cũng là tùy thuộc vào danh-sắc* mà có, nên sự tìm kiếm đó chỉ là việc vô ích, và điều đó cho thấy: ngay cả *thức*, cơ sở vi tế nhất cho ý-niệm có ‘bản ngã’ [coi thêm kinh **12:61**] cũng là thứ *bị điều-kiện* (hữu vi) và do vậy cũng mang bản chất ‘vô-thường, khổ, và vô-ngã’ mà thôi.] (177)

178 [**Spk**: *Tới ngưỡng mức này là một người có thể được sinh-ra ... (ettāvatā jāyetha vā ...)*: Với thức là một điều-kiện (duyên) tạo ra danh-sắc, và với danh-sắc là điều-kiện (duyên) tạo ra thức, tới ngưỡng mức này thì một người có thể được sinh ra và trải qua sự tái-sinh. Thứ gì vượt quá chỗ này mà có thể được sinh ra hay trải qua sự tái-sinh? Chẳng phải ‘chỉ chính chỗ này’ mới được sinh ra và trải qua sự tái sinh hay sao?

- **Spk-pt**: *Tới ngưỡng mức này*: nghĩa là, tới chỗ có *thức* và *danh-sắc* xảy ra một cách hỗ tương với nhau. *Một người có thể được sinh-ra và trải qua sự tái-sinh*: Mặc dù câu này đã được dùng, nhưng không có nghĩa là có thực một ‘con người’ hay một ‘ai’ ngoài *thức* và *danh-sắc*. Cho nên nhà luận giảng (**Spk**) đã nói “*Thứ gì vượt quá chỗ này?*”. “*Chỉ chính chỗ này (etadeva) mới được sinh ra*: là chỉ chính cặp “*thức và danh-sắc*”.

- Nên lưu ý rằng chữ *jāyetha, jīyetha* ... vân vân ... được ghi ở thể thứ ba số ít. Trong **KS 2:73**, tiến sĩ C.Rh.D có lẽ đã nhầm chúng là ngôi thứ hai số nhiều ... trong khi trong *Trường Kinh Bộ*, trang 211, 226 bản dịch của mình, dịch giả Walshe đã dùng cách dịch kiểu bưng bình để tránh nhận dạng đó là phần sắc-thân. Về vấn đề này, thảo luận chi tiết về *sự nhân-duyên tương hỗ của thức và danh-sắc*, mời đọc bài tham luận của TKBD trong tuyển tập *Bodhi*, có tên là “*Đại Kinh Nhân Duyên*”, trang 18–22.] (178)

179 [Sự chắm-dứt (diệt) lẫn nhau của *thức* và *danh-sắc* cũng được thấy có ghi trong kinh dài **DN 14**, mục 2.20. **Spk** không chú giải gì về câu “*Ta đã khám phá ra con-đường dẫn tới sự giác-ngộ*” (*adhigato kho myāyaṃ maggo-bodhāya*), nhưng ở câu tương ứng trong kinh **DN 14**, mục 2.21 thì được luận giải trong **Sv II** 461,5–8 như vậy: “*Con-đường [đạo]: là con đường của minh-sát (vipassana). Dẫn tới sự giác-ngộ: là sự giác-ngộ về Bốn Diệu Đế hay sự giác-ngộ dẫn tới Niết-bàn. Thêm nữa, sự giác-ngộ được gọi như vậy vì nó được giác ngộ (khai sáng) (bujjhatī ti bodhi); đây là một tên gọi của thánh đạo. Nghĩa của lời kinh muốn là [rằng Phật đã phàm phá ra con-đường (đạo, thánh đạo)] vì/cho mục đích đó. Vì thánh đạo bắt rễ trong con-đường minh-sát (minh-sát đạo, tuệ quán đạo). Bây giờ, sau khi đã trình bày rõ con-đường, Phật nói “Với sự chắm-dứt của danh-sắc” (danh sắc diệt) ... và vân vân”*

- Sự chú giải này bám quanh sự khác-biệt [chỉ được hàm ý trong các bộ *Ni-kaya* mà thôi] giữa phần *đạo sơ khởi thế tục (pubbabhāgapatipadā)*, nó là phần “minh-sát đạo” và phần *thánh đạo siêu thế (lokuttaramagga)*, nó trực tiếp chứng ngộ Niết-bàn. Vì phần *đạo siêu thế* là đồng nghĩa với *sự giác-ngộ*, cho nên luận giảng đã chấp rằng cái “*đạo dẫn tới sự giác-ngộ*” mà vị Bồ-Tát (Phật) đã khám phá chắc hẳn là “*minh-sát đạo*” thế tục. Trong phiên bản kinh **DN 14** thì sau khi đã khám phá ra con-đường (đạo) dẫn tới sự giác-ngộ, Bồ-tát *Vipassī* (Tỳ-bà-thi) đã tiếp tục quán sát sự lên và xuống của năm-uẩn, và hệ quả của việc đó là “*tâm vị ấy đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm (lậu hoặc) nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt).*”] (179)

180 [TKBD: Từ chỗ này **Spk** đã diễn dịch và chú giải dài và chi ly về sự tương ứng của các công đoạn trong ví dụ kinh thành cổ được ví với những công đoạn trong sự khám phá ra Giáo Pháp và thánh đạo dẫn tới sự giác-ngộ

của Đức Phật; (người dịch Việt nghĩ lời kinh của Phật đã tự rõ nghĩa rồi).]
(180)

181 [Tới đoạn này thì chữ *những sự tạo-tác* (hành; *saṅkhārā*), vốn đã bị bỏ đi ở phần trên của bài kinh, cuối cùng cũng đã được đưa vào lại; và cả cái *điều-kiện* (duyên) tạo ra chúng đó là = *nguồn-gốc của chúng* [tức = *vô-minh*] cũng được đưa vào lại cho đầy đủ công thức 12 nhân duyên.] (181)

182 [Nội dung cả câu cuối này cũng có ghi y hết trong kinh **51:10** (Quyển 5), đoạn gần cuối. (Và cũng có trong các đoạn song hành mà Ma Vương đã nhắc lại với Phật trong kinh **AN 8:70**; vì phần (I) của kinh **AN 8:70** cho tới hết phần thi kệ là giống tương tự cả kinh **51:10**).

- Tôi dịch dựa theo chú giải của **Spk** là: *yāva devamanussehi suppakāsitaṃ*. Luận điểm của **Spk** là: cho dù cách dùng dạng công cụ đuôi chữ *-ehi*, nhưng Giáo Pháp không phải được tuyên thuyết bởi những thiên thần và loài người, mà có nghĩa nó được truyền giảng “khắp vùng [có cư ngụ bởi] những thiên thần và loài người trong hệ 10 ngàn thế giới, trong phạm vi này Giáo Pháp được khéo tuyên thuyết được khéo giảng dạy bởi Như Lai” (*yāva dasasahasacakkavāṇe devamanussehi paricchedo atthi, etasmim antare suppakā sitaṃ sudesitaṃ tathāgatenā*). Có lẽ đuôi chữ *-ehi* ở đây là một dấu tích còn sót lại của một chữ số nhiều của cổ ngữ miền Đông; mời đọc thêm học giả Geiger, quyển *Pāli Grammar (Văn Phạm Pāli)*, §80.3.] (182)

183 [**Spk** diễn dịch và luận giải như vậy: Vì sao Phật nói kinh này cho những Tỳ kheo? Bởi vì đây là một kinh vi tế về Giáo Pháp, là Giáo Pháp được ấn chứng bởi 03 đặc-tính (vô-thường, khổ, vô-ngã), đã xảy đến với chính Đức Phật. Ở xứ Kuru này, những người Kuru được điển tích cho là những người có những gốc-rễ tốt (thiện căn) [**Spk-pt**: những thiện căn là = những điều-kiện hỗ trợ (trợ duyên) cho sự thành tựu Giáo Pháp thánh thiện] và họ có trí [**Spk-pt**: có trí-tuệ của ‘thức tái-sinh có 03 căn thiện’ và trí-tuệ thực dụng (không phải trí văn nghệ hay lý thuyết)]. Họ có năng lực thâm nhập thấu suốt bài giảng thâm sâu về Giáo Pháp được ấn chứng bởi 03 đặc-tính. Do vậy cũng tại thị trấn *Kammāsadamma* này Phật đã thuyết giảng các bài kinh quan trọng như: *Kinh Các Nền Tảng Chánh-Niệm* (kinh *Niệm Xứ*) (**DN 22, MN 10**), *Đại Kinh về Nhân Duyên* (**DN 15**), kinh *Đường Dẫn Tới Sự Bất-Động*

(MN 106, *Āneñjasappāya Sutta*), *Tiểu Kinh về Nhân Duyên* (SN 12:60, *Cūḷanidāna Sutta*), và các bài kinh quan trọng khác.] (183)

184 [Nguyên văn câu này: *Sammasatha no tumhe bhikkhave antaram sammasan ti*. **Spk** giải thích “*sự khám-phá hướng nội*” là sự khám phá bên trong về những điều-kiện (duyên) (*abbhantaram paccayasammasanam*). Trong văn chú giải, chữ *sammasana-nāṇa* là một chữ thuật ngữ để chỉ *sự hiểu-thấu về năm-uẩn* theo cách ‘03 đặc-tính’ của chúng [coi **Paṭi** I 53–54, được trích dẫn trong **Vism** 607–8; (**Ppn** 20:6–20)]. Tuy nhiên, ở đây chữ *sammasana* được dùng với nghĩa gần hơn với khái niệm là “*sự nhận-thấy các điều-kiện*” (*paccayapariggaha*; *sự nhận biết các duyên*), như được nói trong **Vism** 598–600; (**Ppn** 19:1–13). (Như vậy có thể tạm hiểu “*sự khám-phá hướng nội*” là sự nhận thấy, nhận biết, nhận ra những điều-kiện (duyên).)] (184)

185 [**Spk** chú thích và kể rằng: Phật đã muốn thầy ấy trả lời theo cách diễn đạt bằng *tính điều-kiện* (lý nhân duyên) nhưng thầy ấy đã không ‘bắt’ được ý của Phật cho nên thầy ấy đã trả lời theo cách của 32 *phương-diện* [của sự không-sạch ô-ước của thân]. (185)]

186 [Chỗ này giống trong kinh 12:51, nhưng theo thứ tự khác đi. Tôi đọc theo **Be** chỗ này ghi là *idaṃ kho dukkhaṃ kimnidānaṃ*. **Ee** chỗ này ghi không thỏa đáng.] (186)

187 [Nguyên văn chỗ này: *Idaṃ kho dukkhaṃ upadhinidānaṃ ...* vv. **Spk** giải nghĩa rằng: Nó có nguồn-gốc trong “*những thứ được thu- nạp chính là các uẩn*” (*khandhupadhinidānaṃ*); bởi vì ở đây *năm-uẩn* đã được hàm chỉ bằng “*sự thu-nạp*” (sinh y).

- Về chữ *upadhi* (*sự thu-nạp, những thứ được thu-nạp*), mời coi lại nguyên văn chú thích số 21 ở kinh 1:12 (Quyển 1), như sau:

{[Chữ *upadhi*: *sự thu-nạp* (sinh y) [có từ *upa* + *dhā* (dựa vào)] có nghĩa chữ là “(chỗ) mà thứ gì dựa vào đó”, tức đó là “*những nền tảng*” hay “*những thứ đồ đạc đồ dùng phương tiện*” cần có cho sự hiện-hữu. Chữ này có cả 02 phần mở rộng mang nghĩa chỉ ‘đối-tượng’ và nghĩa chỉ ‘chủ-thể’. (i) Nghĩa chỉ đối-tượng: nó chỉ những thứ đã thu nạp, đã thu nhập, đã sở hữu, đã tích lũy như tài sản và của cải (gọi là: *những thứ thu-nạp, những thứ sinh y*); (ii) nghĩa chỉ

chủ-thể: nó chỉ hành vi thu nạp, thu nhập, chiếm hữu, tích lũy xuất phát từ dục-vọng (gọi là: *sự thu-nạp, sự sanh y*). Trong nhiều trường hợp thì 02 nghĩa lồng vào nhau, và thường thì chứa đủ cả 02 nghĩa. Chữ này có chức năng như một chữ tương ứng với chữ *upādāna* (*sự chấp-thủ, thủ*), tuy nhiên về mặt từ nguyên học thì chúng không liên quan gì với nhau! Coi thêm sự liên kết này ở kinh **12:66** (Quyển 2) và chú thích **187** ở đó, và kinh tập **Sn** trang 141 (bản dịch TKBD).}

- **Spk** [cùng với những luận giảng khác] đã phân loại chữ *upadhi* (*sự thu-nạp, sanh y*) thành 04 nghĩa: (i) = *kāmūpadhi*: *sự thu-nạp* là *những khoái-lạc giác quan* (dục lạc) và *những thứ sở-hữu vật chất* [dục sanh y]; (ii) = *khandhūpadhi*: *sự thu-nạp* là *năm uẩn* [ngũ uẩn sanh y]; (iii) = *kilesūpadhi*: *sự thu-nạp* là *những ô-nhiễm* là nền tảng của sự khổ trong cõi thống khổ [lậu-hoặc sanh y]; và (iv) = *abhisankhārūpadhi* là *những sự tạo-tác* (hành), là *sự tích-lũy nghiệp*, là nền tảng cho tất cả mọi sự khổ trong vòng luân-hồi *samsāra* [sở hành sanh y]. Ở đây, chữ *upadhi* trong bài kệ của thiên thần này trong kinh này chỉ mang loại nghĩa thứ nhất [dục sanh y].

- Trong lời đáp, Phật đã chuyển đổi lời của vị thiên thần “*người không có những sự thu-nạp*” (*nirupadhi*) bằng cách dùng một chữ mô tả bậc A-la-hán, là *người hết sạch tất cả 04 loại upadhi* nói trên, và nhờ đó đã hoàn toàn giải thoát khỏi sự khổ. Cặp thi kệ này cũng xảy ra lại trong kinh **4:08** bên dưới, ở đó Ma Vương (Māra) là một bên đối thoại với Phật.] (21).}]

- Theo sự phân tích của luận giảng tiêu chuẩn (giống chú thích 21 ở kinh **1:12** mới dẫn ở trên): chữ *upadhi* là gồm nghĩa chỉ 04 thứ: (i) là *những ô-nhiễm* (lậu hoặc sanh y), (ii) là *các uẩn* (uẩn sanh y), (ii) là *những khoái-lạc giác quan* (dục lạc sanh y), và (iv) là *những sự tạo-tác* (hành sanh y). Vì *upadhi* (*sự thu-nạp, sanh y*) là bị tác động bởi dục-vọng (ái; *taṇhā*) nên người ta đã biện hộ rằng: ngay chỗ này chữ *upadhi* (*sự thu-nạp, sanh y*) là đồng nghĩa = chữ *upādāna* (*sự chấp-thủ, sự chấp-thủ, thủ*). Tuy nhiên **Spk** không ủng hộ sự diễn dịch biện hộ như vậy; và sự thật là *upadhi* (*sự thu-nạp, sanh y*) đã được tuyên bố là *cơ-sở* cho *sự già-chết* và *những loại khổ đau khác* có mặt do dựa trên những *upadhi* đó.

- **Spk** giải nghĩa chữ ghép *khandhupadhi* (*sự thu-nạp là các uẩn; uẩn sanh y*). Có thể nghĩa kép ở đây muốn chỉ ra rằng: *upadhi* (*sự thu-nạp, những thứ được thu-nạp*) chính là năm-uẩn: là *điều-kiện tức thì* (duyên trực tiếp, kế cận) cho sự già-chết; trong khi đó *upadhi* (*sự thu-nạp, những thứ được thu-nạp*) là tương đồng với *upādāna* (*sự chấp-thủ, thủ, những thứ bị chấp-thủ, những thứ do chấp-thủ*): là *điều-kiện từ xa* (duyên gián tiếp) cho sự hiện-hữu và sự tái-sinh, và đến lượt sự hiện-hữu và sự tái-sinh là *điều-kiện từ xa* (duyên gián tiếp) cho sự già-chết.

- Về chữ *upadhi* (*sự thu-nạp, những thứ thu-nạp; sanh-y*), mời coi thêm tập kinh **Sn**, trang 141,7–8 [theo bản dịch của TKBD] có ghi câu: *yam kinci dukkham sambhoti sabbam upadhipaccayā.* (187)

188 [*Upadhinirodhasārūppagāminī paṭipadā* (*con-đường dẫn dắt bởi sự phù hợp với sự chấm-dứt nó*). Mời coi lại kinh **12:51** và chú thích số 135 ở đó về cụm chữ này.] (188)

189 [Đề coi kỹ hơn điều này, mời coi *Đại Kinh Các Nền Tầng Chánh-Niệm* (*Đại kinh Niệm Xứ, DN 22*, mục 19). (Nhân tiện: về cụm chữ *pīyarūpaṃ sātārūpaṃ* (*khoái lạc và khả ái*), mời đọc thêm thi kệ 510 ở kinh **4:25** (Quyển 1) và chú thích 325 ở đó.)] (189)

190 Ví dụ giống này, chỉ khác chút xíu về câu chữ, cũng có ghi trong kinh **MN 105**, mục 29; **MN 46**, mục 19.] (190)

191 [**Spk**: *Ly bằng đồng đưng thức uống* được ví như những đối-tượng có tính chất sướng và đáng thích. Người đang khát ví như người phạm tục đang bị dính trong vòng luân-hồi; người mời anh ta uống ví như người ta mời anh ta thụ hưởng những thứ trong thế gian có tính chất sướng và đáng thích. Người phụ trách và giải thích về thức uống là ví như người giải thích (như vị thầy tâm linh, sư phụ, sư huynh) về những giới-hạnh và những nguy-hại của nó, giải thích về sự thỏa-thích và sự nguy-hại trong năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc) ... Giống như người trong ví dụ [không biết suy xét, uống thứ nước độc hại và bị chết hay khổ đau như chết]: người phạm tục trong thế gian không biết suy xét, ham muốn thụ hưởng dục-lạc, bỏ lơ lời dạy của những người thầy tâm linh, sau đó phải bỏ tu và hoàn tục ... và kiếp sau nếm trải sự

khô đầu trong 04 cảnh giới đày đọa (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la vậy.) (191)

192 [Đoạn (ii) này là chỉ một người biết suy xét, *ngược lại* với người ở đoạn (i) không biết suy xét như chú thích 191 kể trên.] (192)

193 [Đại Câu-hi-la (Mahākotṭhita) là đệ nhất trong những đệ tử giỏi về *trí-biết mang tính phân-tích* (phân biệt trí; *paṭisambhidā*). Thầy ấy thường xuất hiện trong các kinh có đối thoại với thầy Xá-lợi-phất. Theo nhận định của tiến sĩ **C.Rh.D** trong **KS 2:79**, chú thích 1: vì cả hai vị đều là A-la-hán cho nên sự đối thoại trong kinh này có lẽ được nói như “*những bài học*” dành cho những Tỳ kheo học nhân hơn chứ không phải do hai vị đại đệ tử cần thiết hỏi đáp nhau như vậy.] (192)

194 [Những giả định là 04 tư tưởng bất-diệt, đoạn-diệt, bất-diệt một phần, và sự phát sinh ngẫu nhiên; coi thêm chú thích số 37 ở kinh **12:17** ở trên.] (194)

195 [Về sự là nhân duyên lẫn nhau của *thức* và *danh-sắc*”, mời coi lại kinh **12:65** ở trên.] (195)

196 [So sánh với kinh **12:16** ở trên. **Spk** giải thích: *36 nền tảng* là *36 lý-do*, có được từ *03 trường-hợp* nhân với *12 nhân-duyên*. Thứ nhất là phẩm chất để thành một người thuyết giảng Giáo Pháp, thứ hai là sự tu-tập, và thứ ba là kết-quả tu tập. Thứ nhất là phẩm chất mục đích của sự chỉ dạy giáo lý, thứ hai là cảnh giới của bậc học-nhân (*sekha*), thứ ba là cảnh giới của bậc vô-học nhân (*asekha*) đã hết phần tu học (đó là A-la-hán).] (196)

197 [**Spk** không nhận diện các vị trưởng lão này. Còn ngài Savitṭha cũng xuất hiện trong kinh **AN 3:21**, và Ngài Nārada trong kinh **AN 5:50**.] (197)

198 [Đây là *05 cơ-sở để chấp nhận một giả thuyết (một quan-điểm hay một điều gì)*. Chúng cũng được nói trong kinh **35:153** (Quyển 5) và cũng được xem xét trong kinh **MN 101**, mục 11 và kinh **MN 102**, mục 15, 16. Điều này là ngược lại với *sự trực-tiếp biết* (tự trí) của chính mình (*paccattamevanāṇa*). Để đọc chi tiết hơn, coi quyển ‘*Giáo Lý Phật Giáo Tiền Thân về Sự-Biết*’ của Jayatilleke, tr. 182–188, 274–276.

- Chấp nhận hay biết một điều gì (i) ‘dựa vào niềm-tin’ (*saddhā*); (ii) ‘dựa vào thiên-kiến cá nhân’ (*ruci*); (iii) ‘dựa theo truyền thống truyền miệng từ xưa’ (*anussava*), (iv) ‘bằng sự suy-xét theo lý lẽ’ (*ākāraparivitakka*). [Jayatilleke cũng coi chữ *ākāra* là ‘lý do, lý lẽ’ ở tr. 274]; và (v) là ‘sự chấp nhận một quan-điểm sau khi suy-xét kỹ lưỡng về nó’ (*ditṭhinijjhānakkhanti*).] (198)

199 [Nguyên văn: *Bhavanirodho nibbānaṃ* (Niết-bàn là sự chấm dứt hiện-hữu). **Spk** nói đây là đồng nghĩa = *sự chấm dứt năm-uẩn*.] (199)

200 [**Spk** chú giải rằng: trưởng lão *Musīla* đã là một A-la-hán, nhưng thầy chỉ im lặng chứ không nó có hay không.] (200)

201 [**Spk** giải thích như vậy: ... ‘Niết-bàn là sự chấm dứt hiện-hữu’—điều này có thể được hiểu bởi những học-nhân. Nhưng thầy *Savittṭha* lại đặt thầy *Musīla* trên cảnh giới của A-la-hán. Cho nên thầy *Musīla* sẽ giúp làm cho thầy ấy hiểu sự này một cách chính xác hơn.>] (201)

202 [**Spk**: “*Đã nhìn thấy rõ ràng ... bằng trí-tuệ chánh đúng*”: là đã rõ ràng nhìn thấy bằng trí-tuệ của thánh đạo cùng với tuệ minh-sát. “*Tôi không phải là một A-la-hán*”: thầy ấy nói vậy vì thầy ấy đang ở chặng thánh đạo Bất-lai. Nhưng sự-biết của thầy ấy “*Niết-bàn là sự chấm-dứt hiện-hữu*” là một loại *trí quán-xét lại* (*paccavekkhaṇanāṇa*), nó khác với 19 loại *trí quán-xét lại* thông thường khác [coi **Vism** 676; **Ppn** 22:19–21.] (202)

203 [Nguyên văn: *Na ca kāyena phusitvā vihareyya*, nghĩa chữ là: “*nhưng người đó không an trú tiếp xúc nó bằng thân*.” **Spk** giải nghĩa là: “*Người đó không thể mức được nước lên*.”] (203)

204 [**Spk**: sự nhìn thấy nước trong giếng giống như sự nhìn thấy Niết-bàn bởi bậc Bất-lai. Người bị cháy khô và kiệt sức bởi trời nóng là bậc Bất-lai; gàu mức nước là (phương tiện) thánh đạo A-la-hán. Giống như người bị ... trời nóng, bậc Bất-lai biết bằng *trí-biết do quán-xét lại* như vậy: “*Có một sự đột phá tới thánh đạo A-la-hán*” [đọc theo **Se** là *arahattaphalābhisamaya*]. Nhưng, giống như người thiếu gàu mức nước nên chưa thể mức được nước lên và tiếp xúc nó bằng thân: bậc Bất-lai do thiếu thánh đạo A-la-hán, nên

không thể ngồi xuống và thấm nhuần trong sự chứng quả A-la-hán, có Niết-bàn là mục tiêu của nó.

- Sẽ là sự hiểu lầm về câu trả lời của thầy Nārada nếu coi đó là lời đáp lại cho lời tuyên bố ngầm của thầy Musīla rằng thầy ấy là một A-la-hán [cách hiểu này đã được dùng bởi học Gombrich trong quyển *How Buddhism Began (Cách Phật Giáo Bắt Đầu)*, trang 128–29). Vấn đề ở đây không phải là về thầy Musīla nhận hay không nhận mình là A-la-hán, mà vấn đề ở đây là thầy Savit̥tha đang có sự suy luận không chính xác, bởi vì thầy ấy đã tin lầm rằng dấu-hiệu xác định của một người là A-la-hán là *sự-hiểu (ngộ) về lý duyên khởi* (sự khởi-sinh tùy thuộc) và *bản chất của Niết-bàn*. Nói cho đúng thì sự-hiểu này là phẩm chất có chung bởi các học nhân và A-la-hán. Điều khác biệt của một A-la-hán so với một học nhân không phải ở chỗ minh-sát tuệ nhìn thấu lý duyên khởi [và những nguyên lý khác của Giáo Pháp] mà ở chỗ người nào biết dùng minh-sát tuệ đó để tẩy sạch những ô-nhiễm (lậu hoặc) của mình và nhờ đó đạt sự tiếp cận tới một trạng thái chứng định nào đó [được gọi trong các luận giảng là *arahattaphalasamāpatti (sự chứng quả A-la-hán)* trong đó vị đó có thể an trú “sau khi đã bằng thân tiếp-xúc”. Trong kinh **48:53** (Quyển 5), cũng có ghi lời diễn đạt này “*kāyena phusitvā viharati (an trú sau khi bằng thân tiếp-xúc)*” để làm nổi bật sự khác-biệt căn bản giữa người học nhân và A-la-hán; mời coi thêm chú thích 238 trong kinh đó (trong đó cũng chú giải thân ở đây chính là thân của tâm (danh thân, *nama-kaya*).)

- Cũng có các đoạn kinh tương tự nói về sự khác-nhau giữa những học-nhân và A-la-hán có trong các kinh **22:109–110** (Quyển 3) [được nói theo cách của *nām-uẩn*] và các kinh **48:02–05, 26–27, 32–33** (Quyển 5) [được nói theo cách của *các căn*]. (204)

205 [Trong tất cả 03 phiên bản thì câu hỏi đều bắt đầu bằng cụm chữ *evaṃvādī tvam* và trong câu trả lời bằng chữ *evaṃvādāham*. Tuy nhiên, ở đây vì chính thầy Nārada là người đã nói, cho nên có lẽ chúng ta nên đọc phần câu hỏi với chữ *evaṃvādīm tvam* và phần trả lời đã thay chữ *evaṃvādāham* thành *evaṃvādīm aham*. Cả **Spk** và **Spk-pt** đều không nói gì về chỗ này, nhưng có một ghi chú trong **Be** đề nghị sửa lại chỗ này cho đúng như vậy. - Cách ghi đoạn song hành này của **Ee** ở cuối kinh **55:23** (Quyển 5) là cách ghi tôi ưu

tiên nhất, cho dù trong **Be** và **Se** thì vẫn ghi giống như cuối kinh **12:68** này.] (205)

206 [Kinh này đã được thảo luận cùng với phiên bản Hán tạng của nó bởi học giả Gombrich trong quyển *Cách Phật Giáo Khởi Đầu* (*How Buddhism Began*), trang 123–27.

- **Spk**: Susīma đã đến gặp thầy Ananda vì nghĩ thầy ấy là bậc đệ nhất đa văn học rộng và là người nghe được nhiều nhất những bài giảng của Phật, do vậy ông ta có thể học hỏi từ thầy Ananda. Nhưng thầy Ananda đã dẫn ông ta đến gặp Phật. Vì thầy Ananda đã từng biết Susīma cũng là một vị thầy bên giáo phái của họ và cũng sợ sau khi gia nhập ông ta có thể cố phá hoại Tăng đoàn của Phật. Đức Phật thì đã biết động cơ của Susīma gia nhập là để “ăn cắp Giáo Pháp”, như vậy sẽ làm ô nhiễm Tăng Đoàn, nhưng Phật đã tiên đoán được rằng Susīma sẽ nhanh chóng thay đổi tâm mình và sẽ chứng thánh quả A-la-hán. Vì vậy Phật đã chỉ thị cho thầy Ananda cho ông ta xuất gia luôn.

- Điều hơi lạ là Phật không nhắc gì đến “thời gian thử thách”, hay “sự đặc cách” mà Phật đã luôn nói với các du sĩ ngoài đạo mỗi khi họ xin xuất gia theo Phật. Điều này có lẽ do Phật cũng tiên đoán được nếu làm vậy Susīma sẽ cảm thấy nản chí bởi quy định đó và sẽ không còn xin gia nhập Tăng đoàn, và rốt cuộc sẽ không có cơ hội tu theo Phật để đạt tới sự giác-ngộ và giải-thoát (Phật có sự bi-mẫn cho nên đã không nhắc tới quy định này).] (206)

207 [**Spk** giải thích: Những Tỳ kheo này sau khi nhận *đề-mục thiền* từ Đức Phật đã đi an trú trong 03 tháng An Cư mùa Mưa, họ phấn đấu và nỗ lực thiền tập, và họ đã chứng thánh quả A-la-hán. Sau kỳ an cư, họ trở ra và đến gặp Phật để trình báo về sự chứng ngộ của mình. Susīma đã nghe như vậy nên đã đến gặp các Tỳ kheo để hỏi về “*trí-biết cuối cùng*” (*aññā*) như một tiêu chuẩn tối cao trong Giáo Pháp này, như kiểu để tìm ra “*bí quyết chuyển hóa cá nhân của vị thầy*” (*paramappamā ñaṃ sārabhūtā ācariyaṃuṭṭhi* (nghĩa đen của cụm chữ này là (cái gì trong) “*nắm tay của người thầy*”).

- Những lời mô tả kinh điển về *05 loại năng-lực tâm linh tức thần thông* (*abhiññā*), như được nói bên dưới, cũng được luận giảng chi tiết trong *Thanh Tịnh Đạo Vism*, Chương 12 và 13.] (207)

208 [**Spk-pt**: tức chỉ những tầng thiền vô-sắc và sự giải-thoát khỏi nhận-thức (*āruppajjhāna-saññāvimokkhā*). (Nhân tiện: có lẽ *bằng thân* có nghĩa là *thân của tâm* (*danh-thân, nama-kaya*) chứ không phải bằng sắc-thân (*rupa-kaya*). Cõi cuối chú thích 204 kinh **12:68** ở trên và chú thích 283 kinh **48:53** (Quyển 5).)] (208)

209 [Lời kinh để trong ngoặc [...] trong phiên bản **Ee** nên được xóa đi và câu hỏi được ghi trong **Be** và **Se** là như vậy: *Ettha dāni āyasmanto idan ca veyyākaraṇaṃ imesan ca dhammānaṃ asamāpatti, idaṃ no āvuso kathan ti*. Tôi coi chữ *no* đơn giản là một phân từ nghi vấn [= *nu*]. (209)

210 [Nguyên văn câu này: “*Paññāvimuttā kho mayaṃ āvuso Susīma*.” **Spk**: Ý thầy đó nói: “Này đạo hữu, chúng tôi là không có/ không chứng các tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*), chúng tôi là những người *thiền minh-sát khô* (tức chỉ tu thiền quán minh-sát thôi, không tu thiền-định), chúng tôi được giải-thoát chỉ nhờ trí-tuệ” (*āvuso mayaṃ nijjhānakā sukkhavi-passakā paññā-matten’ eva vimuttā*). **Spk-pt** bổ sung thêm: ‘*Được giải-thoát chỉ nhờ trí-tuệ*’ nghĩa là không phải ‘*được giải-thoát bằng cả hai phương diện [hai cách]*’ (*na ubhatobhāgavimuttā*).

- TKBD: Theo lời chú giải của **Spk** ở trên cho rằng các Tỷ kheo đó ‘không tu chứng tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*) nào cả’, nhưng thật ra theo như lời kinh chúng ta thấy thì kinh chỉ đơn giản nói họ là (a) thiếu những *năng-lực tâm linh* (*abhiññā*, thần thông) và (b) thiếu những *tầng chứng đắc vô-sắc giới* (*aruppa*), chứ đâu nói gì về việc họ có hay không có chứng đắc các tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*).(*) Đáng lưu ý nữa là những câu hỏi của Susīma cũng không đề cập gì tới những tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*). Dù gì đi nữa, lời bài kinh rõ ràng không nói xa hơn việc phân biệt những A-la-hán ‘*được giải-thoát nhờ trí-tuệ*’ (*paññāvimutta*) so với những A-la-hán chứng được 06 loại *năng-lực tâm linh* (*abhiññā*, 03 thông và 03 minh) và *những tầng chứng đắc vô-sắc giới*.

- Các luận giảng giải thích bậc A-la-hán ‘*được giải-thoát nhờ trí-tuệ*’ là thuộc 05 loại sau: (a) 04 loại có chứng đắc (01 hay nhiều hơn trong 04) tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*), và (b) 01 loại người thiền minh-sát khô (*sukkhavi-passaka*) không chứng tầng thiền định sắc-giới *thế tục* (*mundane jhāna*) nào

cả, nhưng vẫn chứng đắc tầng thiền định sắc-giới *siêu thế* (*supramundane jhāna*) vốn không thể tách rời khỏi thánh-đạo; [mời coi thêm chú giải **Sv II 512,19–28.**].

- Về sự khác biệt giữa ‘*sự giải thoát nhờ trí-tuệ*’ và ‘*sự giải thoát bằng cả hai phương diện*’, mời coi thêm kinh **MN 70.**] (210)

- (*) (Người chưa chứng đắc tầng chứng đắc vô-sắc giới nào thì chưa chắc họ đã không chứng đắc các tầng thiền định sắc-giới; nhưng người đã chứng tầng chứng đắc vô-sắc giới thì chắc chắn họ đã chứng qua 04 tầng thiền định sắc-giới, vì những tầng thiền định sắc-giới là dưới và có trước những tầng chứng đắc vô-sắc giới. LKK)

211 [**Spk** chú giải đó là: *sự-biết minh sát* hay *trí-biết minh sát* chính là *sự-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp*, có trước. Tới cuối lộ trình minh-sát mới khởi sinh *trí-biết của đạo*, là *sự-biết về Niết-bàn.*] (211)

212 [**Spk** đã chú giải như vậy: Tại sao Phật nói câu này? Mục đích là để chỉ: *có sự khởi sinh trí-biết như vậy ngay cả khi không có sự định-tâm (samādhi, của thiền định).* Câu này có nghĩa như là: “Này Susīma, đạo và quả không phải là ‘sản phẩm’ của sự định-tâm (*samādhinissanda*), cũng không phải ‘lợi thế’ do sự định-tâm mang lại (*samādhi-ānisamsā*), cũng không phải ‘kết quả’ của sự định-tâm (*samādhinipphatti*). Chúng là ‘sản phẩm’ của sự minh-sát (*vipassanā, của thiền quán*), là ‘lợi thế’ do sự minh-sát mang lại, là ‘kết quả’ của sự minh-sát. Bởi vậy, dù người tu có hiểu hay không, thì trước tiên cần có *sự trí-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp (Dhamma)*, sau đó mới tới *trí-biết về Niết-bàn.*”

- **Spk-pt** nói: ‘*Ngay cả khi không có sự định-tâm*’ (*vinā pi samādhim*): nghĩa là ngay cả khi không được thiết lập trong trạng thái định-tâm có đặc tính vắng-lặng (*samathalakkhaṇappattam*); ý câu này là chỉ những người (không tu thiền định mà) chỉ tu theo cỗ xe thiền minh-sát (*vipassanāyānika*, minh-sát thừa). Nếu hiểu đúng nghĩa của thuật ngữ này, thì lời kinh chỉ đúng khi thánh quả A-la-hán có thể được chứng ngộ mà không cần có các năng-lực siêu thường (thần thông) và những tầng chứng-đắc vô sắc giới. Nếu đọc theo cách lý giải của **Spk** và **Spk-pt** thì có thể xác thực sự tồn-tại của một pháp-môn là “*cỗ xe thuần minh-sát*” (*minh-sát thừa, thiền minh sát ‘khô’*; ‘khô’ tức là

không dính ướt thiền-định), phương pháp tu đó bắt đầu một cách trực tiếp bằng “*sự quán-sát có chánh-niệm*” về các hiện-tượng của tâm và thân (tâm pháp và thân pháp), không phụ thuộc vào căn bản định-tâm nào qua phương tiện các tầng thiền định (*jhana*) hay các trạng thái cận-định (*upacārasamādhi*) nào cả. ▶▶ (Quý vị nên nhớ: đây chỉ là sự chú giải của các luận giảng **Spk** và **Spk-pt**, không có nghĩa lời chú giải của các luận giảng là luôn đúng!).

▶▶ TKBD: Mặc dù các kinh Phật chẳng hề nói gì về một pháp môn hay cỗ xe ‘*thiền thuần minh-sát*’, nhưng một số sư thầy đương đại đã coi bài kinh “*Các Nền Tảng Chánh-Niệm*” (*Satipaṭṭhāna Sutta, kinh Niệm Xứ*) là sự đề xướng cho một pháp tu như vậy, và họ còn vịn vào lời chú giải trên của **Spk** và **Spk-pt** để phụ họa thêm cho sự đề xướng đó.

- (Thực ra, như Phật đã đề cao trong các kinh khác: người tu chỉ cần tu chứng các tầng thiền định sắc-giới (*jhana*), và tốt nhất là Tứ thiền, làm cơ sở cho sự tu tập thiền-quán (minh sát) dẫn tới sự giác-ngộ). LKK.] (212)

213 [**Spk**: Từ đoạn này, sau khi biết Susīma có khả năng thâm nhập chứng ngộ Giáo Pháp, Phật bắt đầu ban Susīma một bài dạy Giáo Pháp theo 03-lược, để Susīma có thể đi tới chứng ngộ A-la-hán.

- **Spk-pt**: “03-lược” (*teparivaṭṭam*) là theo cách chuyên đảo 03 đặc-tính liên quan tới năm-uẩn. Công thức vấn đáp về 03 đặc-tính cũng được ghi trong chương 22 “*Liên-Kết Các Uẩn*” (*Khandha-samyutta, Trong ung Uẩn*) của Bộ kinh SN này, như các kinh 22:49, 59, 79, 80, 82 ... (Quyển 3).] (213)

214 [**Spk** chú giải và diễn dịch rằng: Câu hỏi này bắt đầu để chứng minh rõ ràng những Tỳ kheo A-la-hán đó là những người tu *thiền minh-sát khô*. Ý của lời kinh ở đây là: “*Không phải chỉ có thầy là người tu thiền minh-sát khô; những Tỳ kheo đó cũng là vậy.*” (▶▶ Lưu ý nữa: đây chỉ là lời chú giải của luận giảng **Spk**, không phải từ nghĩa chữ của lời kinh!).] (214)

215 [Mẫu câu xin thú tội và hối lỗi này cũng có trong kinh 16:06.] (215)

216 [Giống như **NHÓM 8** kể trên có 12 bài kinh, mỗi bài kinh nói về 1 trong 12 yếu-tố nhân duyên (kinh 71, 72 ... 81); như vậy, mỗi bài kinh sau đây có

thể được chia thành **12** bài (ứng với mỗi yếu-tố); (nhưng ở đây đã gộp chúng lại và nói luôn **12** yếu-tố đó một lần).

- **Spk** nói rằng tất cả những kinh này đều được nói cho những người được chỉ dạy và được khai ngộ dựa theo những căn cơ tính khí khác nhau của họ (*sabbe pi tathā tathā bujghanakānaṃ veneyyapuggalānaṃ ajjhāsayavasena vuttā*).] (216)

217 [**Spk**: Đó là chỉ Phật hay một vị đệ tử, là người đã đạt tới thánh đạo, được gọi là vị thầy [chữ *satthā* (vị thầy, sư thầy) là một chữ trong các bộ kinh thường được dành để chỉ Đức Phật. (Bản dịch Việt ghi là “*Vị Thầy*”).] (217)

218 [Chữ *diṭṭhisampanna* (người đã thành tựu về cách-nhìn) là chỉ về người đã nhìn thấy chân-lý (sự thật) của Giáo Pháp, bắt đầu từ bậc Nhập-lưu (*sotāpanna*). (Trong nhiều kinh thuật ngữ ‘*đã thành tựu chánh-kiến*’ là chỉ bậc Nhập-lưu)

- **Spk** giải nghĩa chữ *abhisametāvino* (đã làm nên sự đột-phá) là sự mô tả “*đối với người an trú sau khi đã làm nên sự đột-phá (chứng ngộ) những diệu-đế (Bốn thánh đế) bằng phương tiện trí-tuệ*” (*paññāya ariyasaccāni abhisametvā ʘhitassa*) ...]

- (**Spk** đã chú giải hơi khó hiểu, nhưng người dịch Việt giải thích luôn như vậy: Lời kinh tự nó là dễ hiểu và đơn giản: *Những khổ đau đã bị tiêu diệt là gì?* Đó là phần khổ đau đã bị tiêu diệt sau khi người tu đã chứng thánh quả Nhập-lưu (bao gồm những sự khổ đau *ắt đã có* trong kiếp này và *ắt sẽ có* trong ít nhất 07 kiếp kế tiếp nếu mà một người không đi tu và không chứng thánh quả Nhập-lưu). *Những sự khổ đau còn lại là gì?* Đó đơn giản là những khổ đau còn lại mà bậc thánh Nhập-lưu đó sẽ cần phải tiêu diệt trong những chặng thánh đạo cao hơn trước khi chứng thánh quả A-la-hán.)

- (Ý nghĩa lời kinh: Phật khích lệ mọi người hãy tu tập để mau chứng quả Nhập-lưu, vì sau khi chứng quả Nhập-lưu là coi như cả núi sự khổ trong vòng luân hồi đã được trừ bỏ như 99.9% rồi, chỉ còn như 0.01% sự khổ cần phải trừ bỏ qua các chặng thánh đạo và quả Nhất-lai, Bất-lai và A-la-hán). (218)

219 [Cả 02 cụm chữ *dhammābhisamaya* và *dhammacakkhupaṭilābha* đều biểu thị sự chứng ngộ quả Nhập-lưu. Về ích-lợi của quả Nhập-lưu, mời coi thêm kinh *Pháp Cú Dhṣ 178.*] (219)

220 [Một *do-tuần* (*yojana*) bằng khoảng cách gần 10 km. Chữ *kākaṣeyya*: *quả có thể uống được* (từ bờ đưa mỏ xuống mặt nước, nghĩa là nước đầy tràn tới mép hồ).] (220)

221 [Theo truyền thuyết về vũ trụ học của Phật giáo, núi Sineru (Tu-di) là núi nằm ở trung tâm của cõi thế gian của chúng ta; chữ Pāli có chữ tương đồng tiếng Phạn là Meru. Để đọc thêm về bức tranh vũ trụ học theo Phật giáo, mời coi **Vism** 205–207 (**Ppn** 7:40–44), và **Ppn** 7: chú thích 15.] (221)

222 [Lưu ý: đoạn kết trong kinh cuối này khác với mẫu đoạn kết trong 10 kinh kể trên của Chương 13 này.] (222)

223 [**Spk** giải thích: *sự đa-dạng của những yếu-tố*: là bản chất vốn đa dạng của những hiện-tượng; những hiện-tượng được gọi là “*yếu-tố*” (giới) theo nghĩa chúng có một bản chất cố hữu bao gồm *sự trống-không* (tánh không) và *sự không có một ‘người’ nào* (tánh vô ngã) (*nissattaṭṭha-sunnataṭṭhasa okhātena sabhāvaṭṭhena dhātū ti laddhanāmānaṃ dhammānaṃ nānāsabhāvo dhātu-nānattaṃ*).] (223)

224 [**Spk**: *Yếu tố mắt* (nhãn giới) là tính cảm nhận của mắt (*cakkhupasāda*), *yếu tố hình-sắc* (sắc giới) là đối-tượng vật chất; *yếu tố thức-mắt* (nhãn-thức giới) là tâm dựa trên tính cảm nhận của mắt (*cakkhupasādavatthukaṃ cit-taṃ*). Tương tự, 04 yếu tố giác-quan kia, những đối-tượng của chúng, và những thức của chúng cũng được giải thích theo cách tương ứng như vậy.

- *Yếu tố tâm* (tâm giới; *manodhātu*) là 03 dạng yếu tố tâm [**Spk-pt**: gồm 02 yếu tố tâm tiếp-nhận (*sampaṭicchana*) và 01 yếu tố tâm chức năng [= *những tâm* (*citta*) *hướng ra năm-cửa*]. *Yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm* (tâm pháp giới; *dhammadhātu*) là gồm 03 uẩn—cảm-giác, nhận-thức và những sự tạo-tác (thọ, tưởng, hành)—và sắc vi tế, và Niết-bàn. *Yếu tố thức-tâm* (tâm-thức giới) là tất cả thức-tâm (tâm thức) [**Spk-pt**: thuộc 76 loại].

- Những định nghĩa chính xác như vậy về những yếu-tố (giới) đã không được tìm thấy trong các bộ kinh. Có lẽ nguồn xưa nhất của những định nghĩa về 18 yếu-tố là **Vibh** 87–90. Những thứ này đều chỉ có ghi trong *Abhidhamma-bhājanīya*, điều đó hàm nghĩa rằng những người kết tập **Vibh** đã coi 18 yếu-tố là hạng-mục thích hợp của *Vi Diệu Pháp* (Abhidhamma) chứ không phải thuộc về các kinh. Sự thảo luận về những điểm thuộc các luận giải cũng có ghi trong **Vism** 484–90 (**Ppn** 15:17–43) và **Vibh-a** 76–82.

- Những “tính cảm-nhận” (*pasāda*) là những loại hiện-tượng vật chất, nằm trên những bộ phận thô tế, đặc biệt nhạy cảm để tiếp thu những đối-tượng cảm nhận.

- Cả **Vibh-a** và **Vism** đều đóng khung những chú-giải của mình về cơ sở lý thuyết theo *Vi Diệu Pháp* về tiến-trình nhận-biết, chúng mặc dù chỉ nằm trong các luận giảng nhưng dường như đã có sẵn bên dưới sự phân-loại những *citta* (tâm thức) trong *Vi Diệu Pháp*. Tuy nhiên, mô hình này rõ ràng là có sau các bộ kinh *Nikāya*, và sự cố gắng của **Spk** để dung hòa 02 luận điểm nhiều lúc tỏ ra là sự cố ý sắp đặt.

- 05 loại thức giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) là những *citta* thực hiện chức năng thô sơ của tiến-trình nhận-biết về đối-tượng giác quan. Trong 03 yếu-tố tâm thì yếu tố “chức năng” (*kiriya*) là *citta* đầu tiên của tiến-trình, nó chỉ hướng tới đối-tượng, và do vậy được gọi là thức hướng ra năm-cửa (*pan-cadvārāvajjana-citta*). Thức này được theo sau bởi một thức giác quan phù hợp (như thức-mắt ...), một *citta* thuộc nghiệp quả có thể là thiện quả hay bất thiện quả; như vậy 05 thức giác quan trở thành 10. Tiếp đến là thức tiếp nhận (*sampañicchana-citta*), nó ‘nhặt lấy’ đối-tượng để soi xét kỹ thêm; đây là một “yếu tố tâm” (tâm giới) và không thuộc quả thiện hay quả bất thiện. Tiếp sau nó là một thức điều-tra (*santīraṇa-citta*) khởi sinh, đó là một *citta* thuộc quả thiện hay quả bất thiện (nó) điều tra đối-tượng; rồi tới một thức quyết-định (*voṭṭhapana-citta*), đó là một *citta* chức năng (nó) định nghĩa đối-tượng; và rồi tới một chuỗi *citta* được gọi là *javana* (tốc hành tâm), nó sẽ tạo nên một phản ứng thuộc quả thiện hay quả bất thiện đối với đối-tượng [hoặc trong trường hợp A-la-hán thì nó chỉ là một phản ứng thuộc chức năng mà thôi]. Tiếp theo chuỗi này là một thức đăng ký (*tadārammaṇa*), đó là một *citta* thuộc quả (nó) lưu ký cái cảm tưởng về đối-tượng trên dòng liên-tục của tâm.

Tất cả những *citta* từ *thức điều-tra* trở đi đều là *yếu tố thức-tâm* (tâm thức giới), nó có 76 loại.

- Ở *cửa tâm* thì tiến-trình có khác: nó bắt đầu bằng *thức hướng ra cửa-tâm* (*manodvārāvajjana-citta*), lập tức theo sau là một chuỗi *javana* (*tốc hành tâm*). Về chi tiết, coi thêm **CMA** 1:8–10, 4:1–23.

- *Yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm* (pháp giới; *dhammadhātu*) không nhất thiết là đối-tượng của *yếu tố thức-tâm* (tâm thức giới), vì một người có thể giả định nó là vậy bằng cách đồ đồng với những giác quan khác. Cùng với đối-tượng của thức-tâm, nó gồm có tất cả cảm-giác, nhận-thức, và những yếu-tố cố-ý (tu) đi kèm theo thức trong tiến-trình nhận-biết. Như vậy nó thuộc về cực chủ-thể của hành vi nhận-biết cũng nhiều như thuộc về cực đối-tượng. Coi riêng chỗ này trong **CMA**, Bảng 7.4.] (224)

225 [**Spk**: *sự tiếp-xúc mắt* (nhãn xúc) ... *sự tiếp-xúc thân* (thân xúc) là liên hữu với thức-mắt (nhãn thức) ... thức-thân (thân thức). Riêng *sự tiếp-xúc tâm* là liên hữu với *javana* thứ nhất ở cửa-tâm; do vậy nên nói rằng: *tùy thuộc vào yếu-tố tâm* (tâm giới) *nên ở đó khởi sinh sự tiếp-xúc tâm*; điều này có nghĩa rằng sự tiếp-xúc của *javana* thứ nhất khởi sinh tùy thuộc vào yếu tố thức-tâm thuộc chức năng, tức là *thức (citta) hướng ra cửa-tâm*.

- Về *javana*, mời coi thêm **CMA** 3:9, 4:12–16, và về *thức (citta) hướng ra cửa tâm*, coi **CMA** 1:10, 3:9.] (225)

226 [Bởi vì, theo mô hình ‘*những mối liên hệ nhân duyên*’ trong Vi Diệu Pháp, thì *yếu-tố tâm* (tâm giới) và *sự tiếp-xúc đồng thời của nó* là tùy thuộc lẫn nhau, **Spk** buộc phải chú giải những thuật ngữ này theo cách để không đặt lời kinh trong sự mâu thuẫn với Vi Diệu Pháp. Do vậy **Spk** đã nói: “*Yếu tố thức-(của)-tâm (tâm thức) với chức năng hướng ra tâm* [tức: *thức (citta) hướng ra cửa-tâm*] không khởi sinh tùy thuộc theo sự tiếp-xúc liên hữu với *javana* đầu tiên trong cửa-tâm [vốn xảy ra kế tiếp sau nó]”.] (226)

227 [**Spk**: *Nhận-thức về hình-sắc (rūpasaññā*; sắc tưởng): là sự nhận-thức nối kết với thức-mắt. *Ý-định đối với hình-sắc (rūpasāṅkappa*; sắc tư duy) là ý-định kết nối với 03 thức (*citta*)—gồm thức tiếp-nhận, thức điều-tra, và thức

quyết-định. *Tham-muốn đối với hình-sắc (rūpacchanda; sắc tham)*: là tham muốn theo nghĩa là dục đối với hình-sắc (sắc dục). *Sự đam-mê đối với hình-sắc (rūpapariḷāha; sắc nhiệt)*: là sự đam mê [nghĩa chữ “con sốt, nhiệt não”] theo nghĩa là một sự đốt-cháy đối với hình-sắc [**Spk-pt**: đam mê đối với lửa tham-dục ... vân vân có chức năng của “sự đốt cháy” là chỗ dựa tảng bosc của nó]. *Sự tìm-cầu đối với hình-sắc (rūpapariyesanā; sắc cầu)*: là sự tìm kiếm để có được hình-sắc ... Sự đam-mê và tìm-cầu được tìm thấy trong những tiến-trình *javana* khác nhau [để cho sự đam-mê có thể trở thành điều-kiện kế trước (tiền cận duyên) cho sự tìm-cầu.] (227)

228 [Phiên bản **Ee** nên được sửa lại để đọc đúng câu này là: *no saṅkappanānattam paṭicca uppajjati saññānānattam; no saññānānattam paṭicca uppajjati dhātunānattam.*] (228)

229 [Phần lời trong ngoặc [...] này có ghi trong các phiên bản **Ee** và **Se**. Riêng **Se** đã phát triển thêm đoạn mẫu cho yếu tố âm-thanh (thanh giới); trong khi đó **Be** tiến hành trực tiếp từ đoạn mẫu về sắc *rūpadhātum bhikkhave paṭicca uppajjati rūpasannā* thành đoạn *dhamma-dhātum paṭicca uppajjati dhammasannā* cho yếu tố các hiện-tượng thuộc tâm (pháp giới) mà thôi.] (229)

230 [Chỗ này đang có kết thành một chuỗi sự không liên lạc bắt đầu chỗ ‘tiếp-xúc’ và ‘nhận-thức’ dẫn tới những mâu thuẫn kỳ lạ, thậm chí nó trở thành quá lạ trong số những sự phủ định của bài kinh kế tiếp. Ở các kinh khác, *sự tiếp-xúc* được có là điều-kiện (duyên) để thể hiện các uẩn cảm-giác, nhận-thức, và những sự tạo-tác (thọ, tưởng, hành) [ví dụ trong kinh **22:82** (Quyển 3), và cũng thấy trong kinh **35:93** (Quyển 4)]; còn ở đây *sự tiếp-xúc* và *cảm-giác* được cho là tùy thuộc vào nhận-thức và ý-định. Các luận giảng **Spk** và **Spk-pt** đều không tỏ dấu hiệu khó chịu về sự sai lệch này, cũng không cố biện minh gì về những sai lệch này.

- Trong kinh **MN 18**, mục 16, một chuỗi những hiện-tượng thuộc tâm được ghi như sau: *sự tiếp-xúc > cảm-giác > nhận-thức > ý-nghĩ > sự phóng-tâm theo quan niệm > sự ám-muội bởi những nhận-thức và những ý-niệm khởi sinh từ sự phóng-tâm đó*. Lời kinh thường coi *ý-nghĩ* (tâm, *vitakka*) là đồng nghĩa với *ý-định* (*saṅkappa*); *sự phóng-tâm* (*papaṅca*) có chứa dục-vọng

(*taṇhā*) là đồng nghĩa với tham-muốn (dục, *chanda*); và *sự ám-muôi* (*samudācāra*) có thể gồm có những sự đam-mê và tìm-cầu ... Điều này đã càng cung cấp cho chúng ta một phiên bản đúng hơn của chuỗi thứ tự này.

- Thật ra **Spk** có đề cập tới một trưởng lão tên là *Uruvelāyavāsī Cūlatissa Thera*, vị đó đã nói: “Mặc dù đức Thế Tôn đã đưa *sự tiếp-xúc* và *cảm-giác* vào giữa lời kinh, làm đảo lộn lời kinh (*pāḷiṃ pana parivaṭṭetvā*), chúng ta vẫn có (thứ tự): *nhận-thức*, *ý-định*, *tham-muốn*, *sự đam-mê*, *sự tìm-cầu*, và *sự đạt-được đối với đối-tượng đã nói ra* [ví dụ như hình-sắc ...], ‘*sự đạt-được hình-sắc*’ là đối tượng đã đạt được cùng với dục-vọng; vậy thì có *sự tiếp-xúc* là tiếp-xúc [thuộc tâm] với đối-tượng đã đạt được, và *cảm-giác* là sự trải-nghiệm đối-tượng đó. Theo cách như vậy cặp đôi này—*sự tiếp-xúc* với *hình-sắc* (sắc xúc) và *cảm-giác* (thọ)—đã được tìm thấy.”

- **Spk** tiếp tục bình luận thêm: “Và ở đây, *nhận-thức*, *ý-định*, *sự tiếp-xúc*, *cảm-giác*, và *tham-muốn* đều được thấy có (i) trong cùng tiến trình *javana* (tốc hành tâm) và (ii) trong cả những tiến trình *javana* khác; còn *sự đam-mê*, *sự tìm-cầu*, và *sự đạt-được* chỉ được thấy có trong những tiến trình *javana* khác mà thôi.] (230)

231 [**Spk**: *Yếu-tố ánh-sáng* (*ābhādhātu*, quang giới) là một tên để gọi tầng thiền định (*jhāna*) cùng với đối-tượng của nó, đó là ánh sáng (*āloka*) và tầng thiền định đã khởi sinh sau khi làm xong việc chuẩn bị (sơ khởi thiền) về *kaṣiṇa-ánh sáng*. *Yếu-tố vẻ đẹp* (*subhadhātu*, tịnh giới) đơn giản là tầng thiền định cùng với đối tượng của nó, được gọi là, tầng thiền định đã khởi sinh trên cơ sở một *kaṣiṇa-ánh sáng*. Còn những thuật ngữ kia thì lời kinh đã tự giải thích nghĩa của chúng.] (231)

232 [**Spk**: *Yếu-tố ánh-sáng* (quang giới) được nhận thấy tùy thuộc vào sự tối: vì sự tối được phân định [trương phản với] ánh-sáng, và ánh-sáng thì được phân định [trương phản với] sự tối. Tương tự vậy, *sự ô-úế* (bất tịnh) và *sự đẹp* (tịnh, sạch) là trương phản nhau. *Tùy thuộc vào thể sắc*: là tùy thuộc vào những một tầng thiền định thuộc cõi sắc-giới. Bởi vì khi người tu có một sự chứng đắc cõi sắc-giới người đó có thể vượt trên sắc-giới hoặc có thể chứng đắc không vô biên xứ. *Tùy thuộc vào sự chấm-dứt* (*nirodham paṭicca*): là tùy thuộc vào *sự không-xây-ra có được nhờ sự quán-chiếu về 04 uẩn* (thuộc tâm)

(*paṭisaṅkhā-appavatti*). Vì sự chứng đắc sự chấm-dứt (thọ tướng diệt) được nhận thấy tùy thuộc vào sự chấm-dứt của năm uẩn (uẩn diệt), chứ không tùy thuộc vào sự xảy ra của chúng (uẩn sinh). Và ở đây đơn giản là chính sự chấm-dứt của 04 uẩn nên được hiểu là “sự chứng đắc sự chấm-dứt” (sự chứng diệt).] (232)

233 [Spk: Sự chứng đắc với sự tàn dư các hành (*saṅkhārā-vasesasamāpatti*): là bởi vì vẫn còn các hành vi tế. Theo **Vism** 337–38 (**Ppn** 10:47–54), trong sự chứng đắc này, nhận-thức (tướng) và những yếu-tố thuộc tâm (pháp giới) khác chỉ còn có mặt ở một dạng tàn dư vi tế và do vậy không còn khả năng thực hiện những chức năng quyết định của chúng; do vậy nên mới có sự ‘nước-đôi’ trong cái tên của nó (tức vừa *phi tướng* vừa *phi phi tướng*: không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức).] (233)

234 [Spk: Yếu-tố tham-dục (*kāmadhātu*; dục giới) là ý-nghĩ tham-dục, nói chung là chỉ tất cả những hiện-tượng của cõi dục-giới, và nói riêng là chỉ mọi thứ bất thiện ngoại trừ yếu tố sự ác-ý (sân giới) và yếu tố gây-hại, cũng được đề cập riêng ở đây. Nhận-thức về tham-dục (dục tướng) khởi sinh tùy thuộc vào yếu tố tham-dục bằng cách coi nó là một đối-tượng hay bằng cách giao hữu [chẳng hạn, khi nhận-thức tham-dục liên hữu với ý-nghĩ tham-dục trong cùng một tâm thức (*citta*).]

- Tất cả những yếu-tố này được định nghĩa ở **Vibh** 86–87, và được trích dẫn bởi **Spk. Vibh-a** 74 đã liên kết ý-nghĩ tham-dục với tham-dục lẫn nhau như sự ô-nhiễm (dục lậu; *kilesakāma*) và liên kết những hiện-tượng dục giới với tham-dục như những đối-tượng tham dục (*vatthukāma*). Ý-nghĩ tham-dục (dục tư duy) khởi sinh tùy thuộc vào nhận-thức tham-dục (dục tướng) theo cách là sự liên hữu với nhau hay sự tương hỗ mang tính quyết định. [Điều-kiện liên-hữu (*sampayutta-paccaya*, câu hữu duyên) là một mối liên hệ giữa những hiện-tượng thuộc tâm đồng thời; điều-kiện hỗ trợ mang tính quyết định (*upanissaya-paccaya*) là một mối liên hệ giữa một nhân và quả tách biệt về thời gian.] (?).] (234)

235 [Spk: Yếu tố ác-ý (*byāpādadhātu*; sân giới) là ý-nghĩ ác-ý hay bản thân sự ác-ý [Spk-pt: tức *sân* (*dosa*)]. Lưu ý rằng những luận giảng, theo sau cách giải thích theo hệ thống *Vi Diệu Pháp* về giáo lý của Phật, đã phân biệt sự

khác nhau giữa *sự ác-ý* và *ý-nghĩ ác ý*. Là 02 thành phần thuộc tâm (*cetasikā dhammā*, tâm sở) khác nhau: cái trước là yếu tố tâm bất thiện là *sân (dosa)*, cái sau là *ý-nghĩ (vitakka; tầm)* liên hữu (câu hữu) với yếu tố tâm. Cách giải thích tương tự đối với *sự gây-hại* (hại giới) ... vân vân.] (235)

236 [Spk: *Yếu tố gây-hại (vihimsādhātu, hại giới)* là ý nghĩ của tính gây-hại hay bản thân sự gây-hại. **Vibh 86** có giải thích yếu tố gây hại là làm tổn thương chúng sinh theo những cách khác nhau.] (236)

237 [Spk: *Yếu-tố từ-bỏ (nekkhammadhātu; xuất ly giới)* là gồm ý nghĩ từ-bỏ và tất cả những trạng thái thiện, ngoại trừ 02 yếu-tố sẽ được giải thích riêng. *Nhận-thức về sự từ-bỏ* khởi sinh tùy thuộc vào yếu-tố từ-bỏ theo cách của những điều-kiện (duyên) như đạo đức, lương tâm (*sahajātapaccaya*), vân vân.] (237)

238 [Spk: *Yếu-tố không ác-ý (abyāpādadhātu; vô sân giới)* là ý nghĩ không ác-ý và bản thân sự không ác-ý, tức = *tâm-từ* đối với những chúng sinh.] (238)

239 [Spk: *Yếu-tố không gây-hại (avihimsādhātu, vô hại giới)* là ý nghĩ không gây-hại và sự bi-mẫn.] (239)

240 [Spk chú giải rằng: từ chỗ này trở đi, chữ “*yếu-tố*” (giới) đã chuyển sang có nghĩa là *khuyh-hướng, tính-khí, tính-nết, nét-hạnh (ajjhāsaya)*. (Điều này là hữu lý).

► (Tức là: từ kinh này trở đi (cho đến hết **NHÓM 2** và **NHÓM 3**, tức từ kinh **14:13** cho đến **14:29**): chữ “*yếu-tố*” lại có nghĩa là: *khuyh-hướng, tính-khí, hay nét-hạnh của người*.) (240)

241 [Tên của vị Tỳ kheo này trong **Ee**. Trong **Be** và **Se** chỉ được ghi đơn giản là Kaccāna. Trong kinh **44:11** (Quyển 4) cũng có một Tỳ kheo tên là Sabhiya Kaccāna, cũng ở trong Hội Trường Gạch, và 02 người này có thể là một.

- **Spk** diễn dịch câu hỏi của thầy ấy theo 02 nghĩa: **(i)** “Tại sao sáu vị thầy (giáo phái khác) có cách-nhìn cho rằng ‘họ là những bậc giác ngộ?’”, **(ii)** “Tại sao những đệ tử của họ có cách-nhìn cho rằng ‘những vị thầy của họ là

những bậc giác-ngộ toàn thiện’ mà thực ra họ không phải là những bậc giác-ngộ?”

- Nhân tiện, cụm chữ *sammāsambuddho ti* trong **Ee** nên được sửa lại thành *sammāsambuddhā ti*.] (241)

242 [Sự tương phản giữa chữ *hīnādhimuttikā* và *kalyāṇādhimuttikā*. **Spk** giải nghĩa chữ *adhimuttikā* = *ajjhāsayā* (khuyh hướng, tính khí).] (242)

243 [Thầy Xá-lợi-phất là vị đệ tử đệ nhất về trí-tuệ cho nên thu hút những Tỷ kheo thiên về trí-tuệ. Cách tương tự đối với những vị đại đệ tử khác được nói tiếp theo.] (243)

244 [Bài kinh này, gồm cả phần thi kệ, cũng có ghi ở **It** 70–71. Riêng phần thi kệ, trừ 2 câu kệ (*pāda*) đầu, cũng có ghi ở **Th** 147–48.] (244)

► (Nhân tiện: trong đoạn thứ hai của kinh kế tiếp có chữ “*sự học-hiểu*”, được dịch Việt trong các kinh có nghĩa là: học, học biết, học hiểu về những giáo lý, kinh, luật, có kiến thức về Phật giáo và đạo Phật ... nhưng không nhất thiết đồng nghĩa với chữ “*hiểu được ý-nghĩa*” (ngộ) hay các thuật ngữ “*hoàn-toàn hiểu*” (liễu ngộ), “*trực-tiếp biết*” (liễu tri).)

245 [Nguyên văn: *Samsaggā vanatho jāto*. Về chữ *vanatha*, coi thêm chú thích 474 chỗ kệ 969, kinh **SN 7:17** (Quyển 1). **Spk**: *Từ gặp gỡ* (nhìn, nghe)—là từ dục-vọng (ái) và cảm-tình (luyến ái) dựa trên sự gặp gỡ thông qua sự nhìn và nghe—cho nên *rừng được sinh ra*, là rừng những ó-nhiễm được sinh ra. *Nhờ sự không gặp gỡ nên rừng bị chặt đứt*: nó bị chặt bởi sự không gặp gỡ, là sự không-nhìn, sự tránh đứng gần hay ngồi riêng với nhau [với người khác giới]. (245)

246 [**Spk**: *Những người có sự-biết sai lạc* (tà tri): là những người có *sự quán xét lại sai lạc* (*micchāpaccavekkhaṇena samaññāgatā*). *Những người có sự giải-thoát sai lạc*: là những người an trú trong một sự giải-thoát không mang tính giải thoát mà họ cứ nhận lầm đó là sự giải thoát lành mạnh. *Những người có sự-biết đúng đắn* (chánh tri) là những người có *sự quán xét lại đúng đắn*. *Những người có sự giải-thoát đúng đắn*: là những người có sự giải-thoát mang tính giải thoát của thánh quả.

- *Sự-biết đúng đắn* (chánh tri) và *sự giải-thoát đúng đắn* (chánh giải thoát) là 02 chi phần bổ sung vào Bát Thánh Đạo. 02 chi phần này được gọi là 02 *chi của A-la-hán* [như được nói trong kinh MN 117, mục 34, và chú thích 1112 ở đó], nhưng trong kinh SN 55:26 (Quyển 5), chúng lại được gán cho gia chủ Cấp Cô Độc, là một bậc Nhập-lưu. Sự giải nghĩa ở trên của Spk [sự-biết đúng đắn là *sự quán xét lại đúng đắn*] là khó chấp nhận được! Hợp lý hơn là thuật ngữ này chỉ *sự-biết đầy đủ viên mãn về Bốn Diệu Đế* thông qua đó đạt được thánh quả A-la-hán.] (246)

247 [Spk diễn dịch mỗi yếu-tố theo tính chất vật lý của nó: yếu-tố đất là yếu tố nền tảng (*patitṭhādhātu*); yếu-tố nước là yếu tố lỏng dính (*ābandhanadhātu*); yếu-tố nhiệt (lửa) là yếu tố chín muối (*paripācanadhātu*); và yếu-tố khí (gió) là yếu tố khí động (*vitthambhanadhātu*). Để đọc thêm chi tiết luận giảng, mời coi Vism 364–70 (Ppn 11:85–117).] (247)

248 [Spk: Vì nó tùy thuộc theo Niết-bàn mà có (*nibbānaṃ āgamma*) cho nên dục và tham phải bị loại bỏ và dẹp bỏ. Niết-bàn là sự thoát-khỏi nó.] (248)

- ► (Nhân tiện: chữ “*dục và tham*” (*muốn và tham*) ở đây và trong các Bộ Kinh là cách tạm dịch Việt thuật ngữ của Phật được ghi trong tiếng Pāli là *kāmachanda-rāga*. Rất khó để dịch riêng chính xác trọn nghĩa của mỗi chữ, bởi vì chữ này cũng có tính chất của chữ kia; như trong tiếng Việt cũng vậy, trong muốn có tham, trong tham có muốn. (i) *Kāma*: là thuộc về giác-quan, thuộc khoái-lạc giác quan (dục lạc: sướng mắt, sướng tai, sướng mũi, sướng lưỡi, sướng thân), thuộc đối-tượng giác-quan (hình sắc, âm thanh, mùi hương, mùi vị, chạm xúc sướng, đáng thích, dễ chịu, hấp dẫn). (ii) *Chanda*: là dục, muốn, ham muốn, tham muốn, ước muốn, mong muốn. Vì vậy chữ *kāma-chanda* có nghĩa là *muốn những khoái-lạc giác quan, muốn những đối-tượng giác quan; muốn dục lạc*. (iii) *Rāga*: là tham, tham lam, tham giữ, tham dục. Vì vậy, ở đây thuật ngữ quan trọng *kāmachanda-rāga* được tạm dịch tắt là “*dục và tham*” (để tạo sự phân biệt cho 02 chữ riêng Phật đã dùng kết hợp nhau).

- Nhân tiện: (i) *kāma-chanda* (*muốn dục lạc*) là một trong năm *chướng-ngại* (năm triền cái, ngũ cái), nhưng trước giờ những tiền bối đã dịch Việt là [*tham-dục, ác-ý, buồn-ngủ và đờ-đẫn, bắt-an và hối-tiếc, và nghi-ngờ*] Vì các

vị đã dịch chữ này như vậy (như đã nói, có lẽ do trong muốn có tham, trong tham có muốn, và do sự tương tức của các từ ngữ) cho nên trong các *Bộ Kinh* người dịch Việt vẫn giữ dịch chữ *kāma-chanda* là *tham-dục* trong công thức *năm chương-ngại* (cho dù nghĩa chữ của nó là *sự muốn dục lạc* thay vì *tham muốn khoái lạc*) (ii) Còn *kāma-rāga* (*tham dục lạc* hay *dục lạc tham* theo đúng nghĩa chữ, có cả nghĩa rộng là *tham cảnh dục giới* hay *dục giới tham*) là một trong *mười gông-cùm* (thập kiết sử) thường được dịch Việt là [thân-kiến, hoài-nghi, giới-cấm thủ, *dục giới tham*, sân, sắc giới tham, vô sắc giới tham, ngã mạn, sự bất-an, và si. (Trước kia dịch là *tham-muốn* và *nhục-dục* là không rõ gọn nghĩa chữ cho nên lần hiệu đính này đã đổi lại là *dục* và *tham*.) (ND)]

249 [Spk nói: Trong kinh này mô hình “*Bốn Diệu Đế*” đã được dùng. *Sự thỏa-thích* (*assāda*) trong 04 yếu-tố lớn (tứ đại) là sự thật về nguồn-gốc (tập đế); *sự nguy-hại* trong 04 yếu-tố là sự thật về khổ (khổ đế); *sự thoát-khỏi* (*nis-sarana*) là sự thật về sự chấm-dứt (diệt đế); và con-đường (nó) hiểu được sự thoát-khỏi là sự thật về đạo (đạo đế).] (249)

250 [Chỗ này **Se** và **Ee** đều ghi chữ *cetovimutti* (*sự giải-thoát của tâm*), còn **Be** chỉ ghi *vimutti* (*sự giải-thoát*). **Spk** giải nghĩa: Sự-biết đã khởi sinh như vậy “*Sự giải-thoát này của tôi bằng thánh quả A-la-hán là bất khả lay chuyển*”. Sự bất lay chuyển của nó có thể được hiểu thông qua nhân và thông qua đối-tượng. Nó là bất lay chuyển thông qua *nhân* bởi vì không có sự trở lại của những ô-nhiễm (lậu hoặc) đã được tẩy sạch bằng 04 chặng thánh đạo. Nó là bất lay chuyển thông qua đối-tượng bởi vì nó xảy ra lấy trạng thái bất lay chuyển, tức Niết-bàn, là đối-tượng.] (250)

251 [*Vimariyādikatena cetasā: với một cái tâm không còn những rào-cản*. **Spk** giải nghĩa: *Những rào-cản* (*mariyādā*) có 02 phần: (i) *rào cản* là những ô-nhiễm (như tham, sân, si ...) và (ii) *rào-cản chính* là vòng *luân-hồi hiện-hữu* (tức những rào-cản là do còn bị vướng trong luân-hồi sinh tử). Ở đây, nhờ có sự loại-bỏ cả 02 loại rào-cản, cho nên lời kinh mới nói là ‘*họ sống với một cái tâm không còn những rào-cản*’.] (251)

252 [**Spk**: Nó sừng trong trong cái sự nó là một điều-kiện (duyên) cho cảm-giác sừng (lạc thọ).] (252)

253 [Nguyên gốc trong câu này 02 về thiếu đối xứng như vậy: tức, về đầu có 04 danh từ “*sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện*” (*uppādo thiti abhinibbatti pātubhāvo*), nhưng về sau thì chỉ có 03 chữ, chữ “*sự sản sinh*” (*abhinibbatti*) đã bị bỏ đi. Mẫu lời kinh thiếu đối xứng kiểu này cũng có trong các kinh **22:30** (Quyển 3), **35:21** và **35:22** (Quyển 4).] (253)

254 [“*Vòng luân-hồi là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được/khám phá được*” (*Anamataggo ’yaṃ bhikkhave saṃsāro*). Nghĩa gốc của chữ *anamatagga* là: không chắc chắn. **Spk** giải nghĩa chữ *anamatagga* là *anu amatagga*, có nghĩa là “*có điểm khởi đầu không thể tìm thấy được*”, và chú giải rằng: “Cho dù có dùng sự hiểu-biết để truy ngược một trăm hay một ngàn năm thì điểm khởi đầu cũng không thể nghĩ bàn được, điểm khởi đầu là không thể biết được (*vassasataṃ vassasahassaṃ nāṇena anugantvā pi amataggo aviditaggo*). Không thể nào biết được điểm khởi đầu là từ lúc nào, ở đâu; nghĩa là không có một phân định đâu là điểm đầu hay điểm cuối. Vòng luân-hồi là một tiến trình liên tục của năm-uẩn (*khandhādinam avicchinna-appavattā patipātī*)”. Chữ lai Phạn tương đương của chữ *anamatagga* là *anavarāgra* [ví dụ trong **Mvu I 34,7**] có nghĩa là “*không có giới hạn bên dưới hay bên trên*.” Để coi thêm nhiều cách giải nghĩa từ này, coi thêm **CPD** mục chữ *anamat’agga*.] (254)

255 [**Spk**: (đã chú giải về *bốn đại dương* liên quan *Núi Tu-di* (Sineru) một cách không liên quan gì nghĩa lời kinh chỗ này, như vậy): *Bốn đại dương* bị giới hạn bởi những tia sáng của *Núi Tu-di* (Sineru). Bởi vì sườn đông của *Tu-di* được làm bằng bạc, sườn nam bằng ngọc báu, sườn tây bằng pha lê, và sườn bắc bằng vàng. Từ sườn đông và nam những tia sáng của bạc và ngọc báu chiếu ra, hợp nhất, xuyên qua bề mặt của đại dương, và chiếu thẳng lên tới tận những ngọn núi cao bao bọc cõi thế gian; tương tự như vậy đối với những tia sáng từ các sườn khác. *Bốn đại dương* nằm giữa những tia sáng đó.] (255)

256 [“*Đại kiếp*” là dịch chữ “*kappa*”. Rõ ràng ý lời kinh là một *đại-kiếp* (*mahākappa*), là chiều dài thời gian cần có để một thế-giới khởi sinh, phát triển, và hoại diệt. Mỗi *đại-kiếp* gồm có 04 giai đoạn *A-tăng-kỳ kiếp* (*asaṅkheyyakappa*) ứng với mỗi giai đoạn mở-rộng, củng-cố, co-lại, và tan-hoại của thế-giới.] (256)

257 [Một dặm Ấn hay do-tuần (*yojana*) dài bằng khoảng 7 dặm Anh, khoảng gần 11,3 Km. *Miếng vải lụa Kāsi (Kāsikena vatthena)*: mặc dù đây đã là lụa nhưng **Spk** còn giải thích như nó làm từ sợi bông mịn.] (257)

258 [Chỗ này đọc đúng theo **Be** và **Se** là *ananussaritā va*. **Ee** ghi *anussaritā va* là sai, nên được sửa lại.] (258)

259 [Ví dụ này cũng có ở kinh **56:33** (Quyển 5) trong đó không nói phần thân cây (cong, vẹo) rớt xuống trước.] (259)

260 [Nội dung kinh này, gồm cả phần thi kệ, cũng có ở kinh **It 17-18**.]

261 [**Spk** đã chú giải đại ý như vậy: Đây là chưa tính thời gian khi họ là những sinh vật không xương sống (như giun, trùn, kiến ...) còn nhiều hơn thời gian họ là những sinh vật có xương (như cá, rùa ...), như vậy cộng lại tất cả thì thời gian càng dài thăm thẳm hơn rất rất nhiều nữa ...] (261)

262 [Nhóm Tỳ kheo này đã đến trong dịp lễ dâng y (*kaṭhina*) cuối kỳ An Cư mùa Mưa (*Vassa*); coi thêm trong Luật Tạng **Vin I 253–54**. “*Sống tu trong rừng, ăn thức ăn khát thực, mặc y phục làm từ giẻ rách, người chỉ có ba bộ y*” là 04 giới tu thuộc 13 giới tu khổ hạnh hay 13 hạnh đầu-đà (*dhutaṅga*). **Spk** giải thích: “*Nhưng tất cả họ đều còn những gông-cùm trời buộc*” (*sabbe sasamyojanā*) nghĩa là: một số họ là bậc Nhập-lưu, một số là Nhất-lai, một số là Bất-lai; không có ai còn là người phạm, nhưng cũng chưa ai là A-la-hán.] (262)

263 [Về những thời hạn khác nhau của tuổi thọ con người trong những Phật kiếp khác nhau, mời coi thêm kinh dài **DN 26**, trong đó có giải thích cách tuổi thọ của con người sẽ *còn giảm theo sự suy đồi về đạo đức cho đến khi chỉ còn 10 năm*; rồi sau đó nó sẽ tăng dần trở lại cho đến 80.000 năm vào thời của Phật tương lai là Metteyya (Di-lặc).] (263)

264 [**Spk** nói rằng lời kinh ở đây không nên được diễn dịch có nghĩa là tuổi thọ giảm dần từ thời Phật Kakusandha (Câu-lưu-tôn) một cách thẳng tới thời Phật Koṇāgamana (Câu-na-hàm) là 30.000 năm. Thay vì vậy, tuổi thọ sau khi Phật Kakusandha bát niết-bàn sẽ liên tục giảm cho đến mức thấp nhất là 10 năm, rồi sau đó sẽ tăng dần lại cho tới con số không thể tính được (*asaṅkhey-*

ya, A-tăng-kỳ năm), và rồi lại giảm cho đến 30.000 năm—lúc đó Phật Koṇāgamana đã khởi sinh trong thế gian. Khuôn mẫu tăng giảm tương tự cũng áp dụng cho những trường hợp khác, bao gồm cả thời Phật Metteyya (Di-Lặc) [coi chú thích 263 kể trên.] (264)

265 [Giống thi kệ 609 ở kinh **6:15** (Quyển 1). Coi thêm thi kệ số 21 ở cuối kinh **1:11** (Quyển 1) và chú thích số 20 ở đó.] (265)

266 [**Spk** thảo luận về 03 loại *sự biết hài-lòng (santosa)*: (i) hài lòng với những gì mình có được (*yathālābhasantosa*; biết đủ, tri túc), như hài lòng với những thứ mình cần có để duy trì sức khỏe để tu hành; (ii) hài lòng với khả năng của mình (*yathābalasantosa*), theo nghĩa thô tế hay vi tế; và (iii) hài lòng với sự phù hợp (*yathāsāruppasantosa*), như cho đi những thứ cao sang xa xỉ, chỉ giữ lại thứ đơn giản thiết yếu mình cần có để sống.

- Coi thêm chuyên luận của TKBD mang cùng tên bài kinh “*Những Kết Quả Của Đời Sống Tu Hành*” (*Sa-môn quả*), trang 134-137, thảo luận chi tiết về đức hạnh “*biết hài-lòng*” này. Ngược lại với đức hạnh này là những *sự tìm-câu sai lạc (anesanā)*, được nêu rõ trong **Vism 22–30 (Ppn 1:60–84)**.] (266)

267 [**Spk** giải nghĩa: *Nếu thầy ấy không có được y-phục*: thì thầy ấy không trở nên ưu phiền buồn bực (*na paritassati*) ... *Nhìn thấy sự nguy-hại (ādīnavadassāvī)*: là sự nguy-hại phạm một tội khi tìm kiếm nó một cách không chân chính và sử dụng nó khi bị trói buộc theo nó. *Hiểu được sự thoát-khỏi nó (nissaraṇapanna)*: là dùng nó biết rõ sự thoát-khỏi nó, bằng cách hiểu rõ mục đích sử dụng như đã được nói trong đoạn kinh công thức: [*Thầy đó sử dụng một y-phục*: (i) (cho mục đích) chỉ để che mình khỏi cái lạnh cái nóng, (ii) khỏi ruồi muỗi, (iii) khỏi gió độc, nắng gắt, (iv) khỏi những côn trùng bò sát, và (v) để làm trang phục che đậy những phần thân của mình] như được ghi trong kinh **MN 02**, mục 13 và với phần phân giải chi tiết trong **Vism 30–35; Ppn 1:85–97**). Đoạn này [và các đoạn song hành nói về 03 thứ vật dụng nhu yếu (y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, trừ phần thuốc-men)] cũng được thấy ghi giống các (1), (2), và (3) trong kinh **AN 4:28, Ariyavaṃsa Sutta (Truyện Thống Thánh Thiện)** mô tả về một Tỷ kheo thanh bản khổ hạnh lý tưởng. (Coi thêm chú thích 55 trong kinh **AN 1:65** nói về 03 loại *sự biết-hài lòng*).] (267)

268 [(Ngài Ca-Điếp đã được Phật tuyên bố là đệ tử đệ nhất về hạnh đầu-đà).

- Nguyên văn câu cuối: *Kassapena vā hi vo bhikkhave ovaḍissāmi yo vā pan’ assa Kassapasadiso*. **Spk** đã làm rõ rằng cụm chữ “yo ... Kassapasadiso” nên được hiểu là mang tính công cụ có hiệu lực, là song hành với chữ *Kassapena*: “Phật đã khởi xướng bằng gương của thầy Ca-Điếp khi Phật nói câu: ‘Nhu trưởng lão Ca-Điếp biết hài-lòng với bốn thứ nhu yếu; các thầy cũng nên như vậy.’ Phật khởi xướng bằng gương người khác giống như thầy Ca-Điếp khi Phật nói câu: ‘Nếu có ai khác ở đây giống như thầy Ca-Điếp—nghĩa là, giống trưởng lão Đại Ca-Điếp—về sự biết hài-lòng với bốn thứ nhu yếu, các thầy cũng nên như vậy.’] (268)

269 [Nguyên văn câu cuối: *Tathattāya paṭipajjitabbaṃ*. **Spk** diễn dịch nghĩa câu này như vậy: [Phật nói:] “‘Trong bài kinh nói về sự biết hài-lòng (biết đủ, tri túc) này, trách nhiệm (*bhāra*) của bậc Toàn Giác (Phật) là giảng giải về sự tu-tập sự thanh lọc (*sallekhācāra*), trong khi trách nhiệm của chúng ta là thực hiện sự thực hành đó cho hoàn thiện. Vậy chúng ta hãy đảm nhận trách nhiệm mà Phật đã giao phó cho chúng ta’—sau khi đã quán chiếu như vậy, các thầy nên tu tập theo đó, như ta đã giảng giải.”] (269)

270 [**Spk** giải thích “*không nhiệt-thành*” (*anātāpī*) là không có sự nỗ-lực tu (tinh tấn) để đốt cháy (*ātapati*) những ô-nhiễm (lậu hoặc), và “*không biết biết sợ-hãi điều sai trái*” (*anottappī*, vô quý) là không thấy sợ hãi về sự khởi sinh những ô-nhiễm và về sự không phát khởi những phẩm-chất thiện lành. Hai chữ này đều bắt nguồn từ một gốc từ là “*tap*”: nghĩa là *đốt cháy*. **Spk** giải thích chữ “*an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc*” (*anuttara yogakkhema*) về kỹ thuật là đồng nghĩa = *thánh quả A-la-hán*, nó được gọi như vậy vì đó là sự an-toàn thoát khỏi *04 sự trói-buộc (yoga)*; [coi thêm kinh **45:172** (Quyển 5) và chú thích 463, thi kệ 665, kinh **7:11** (Quyển 1)].

► *04 sự trói-buộc* là: *sự trói-buộc bởi tham-dục* (tham), *sự trói-buộc bởi sự hiện-hữu* (hữu), *sự trói-buộc bởi những quan-điểm này nọ* (tà kiến), *sự trói-buộc bởi vô-minh* (vô minh).] (270)

271 [*04 phần suy-xét* hay *04 sự quán-chiếu* này là tương ứng *04 phương-diện* của *sự nỗ-lực tu đúng đắn* (chánh tinh tấn), [coi kinh **45:08** (Quyển 5)] và *04*

loại sự chuyên-cần tu đúng đắn (tứ chánh cần) [coi các kinh **49:01–12** (Quyển 5)] (271)

272 [Spk giải thích: “Giống như mặt trăng lướt qua bầu trời, không tạo thành sự thân mật, tình cảm hay luyện ái với bất cứ ai, cũng không làm khởi lên sự yêu thích, sự ham muốn, sự ám muội, nhưng vẫn giữ được sự thân thiện và đáng thích đối với quần chúng. Cũng giống như vậy, các thầy cũng không nên tạo thành sự thân mật, tình cảm hay luyện ái với bất cứ ai; vậy thì, bằng cách làm được vậy, các thầy đến gặp các gia đình như mặt trăng, vẫn giữ được sự thân thiện và đáng mến đối với quần chúng. Thêm nữa, mặt trăng xua tan bóng đêm và phát ra ánh sáng; giống như vậy các thầy sẽ xua tan hắc ám của những ô-nhiễm (lậu hoặc) và phát ra ánh sáng của trí-biết.”

- **Spk** chú giải chữ *apakassa* là một tuyệt đối từ, đồng nghĩa với *apakassitvā* và được giải nghĩa = *apanetvā* (sau khi rút đi). Một Tỳ kheo *thu thân* (thu thúc các thân căn) khi người đó sống trong cõi rừng núi [hơn là ở chùa trong làng, chùa trong phố] và *thu tâm* (thu thúc tâm căn) là người đó kiềm chế khỏi những ý nghĩ tham-dục và những trạng thái tâm gây-hại.] (272)

273 [Spk chú thích rằng: Đây là cụm chữ duy nhất (*asambhinnapada*) được thấy trong các kinh Phật đã nói được kết tập và bảo tồn trong *Tam Tạng Kinh Điển* (*Tipiṭaka*). **Spk-pt** bổ sung: Bởi vì câu “*Đức Thế Tôn vẫy tay trong không gian*” không được thấy có ở đâu (trong Kinh tạng và Luật tạng).] (273)

274 [Lời kinh đã tự rõ nghĩa: người đó mong muốn người cúng dường có được công-đức khi cúng dường cho các Tỳ kheo và những Tỳ kheo có được lợi là đồ/thức ăn cúng dường. Đó là tâm tùy-hỷ (*muditā*) của một Tỳ kheo đối với những người tại gia, và tâm không ghen tỵ không ích kỷ khi những Tỳ kheo đồng đạo có được đồ cúng dường hơn mình.] (274)

275 [Câu này: *pasaññākāraṃ kareyyuṃ*. Thành ngữ này cũng có ghi trong trong kinh **SN 20:09** bên dưới và trong kinh **MN 125**, mục 11 và **MN 126**, mục 19. **Spk** giải nghĩa: họ thể hiện sự tin-tưởng bằng cách họ cúng dường 04 thứ thiết yếu (y phục, thức ăn, chỗ ở và thuốc thang; tứ vật dụng). Một *pasaññākāraṃ* [nghĩa chữ là: “một dạng người thân tín thâm giao”] là một món quà được cho tặng để thể hiện sự đề cao cảm ơn.] (275)

276 [Nguyên văn câu này: *Kārunnaṃ paṭicca anudayaṃ paṭicca anukampaṃ upādāya*. Tôi thường dịch chung chữ *karuṇā* [trong đó chữ *kārunnaṃ* là chữ liên quan] và chữ *anukampā* đều có nghĩa là “*sự bi-mẫn*”; cách dịch này đã được dùng thành công vì 02 chữ này hiếm khi đi chung nhau. Nhưng chỉ có đoạn kinh này là một ngoại lệ hiếm có, do vậy nên chỗ này tôi phải dùng chữ “*sự quan-tâm hiền từ*” (*sự tha thương*) để chuyển dịch chữ *anukampā*.

- **Spk** giải nghĩa chữ *anudaya* = *rakkhaṇabhāva* (*trạng thái bảo hộ*) và chữ *anukampā* = *muducittatā* (*sự cảm-thương hiền từ*), và nói rằng cả 02 chữ đều đồng nghĩa chữ *kārunnaṃ* (*bi-mẫn*). Trong đoạn kết tiếp ở đó cùng câu này đã được dùng cho ngài Ca-diếp, trong **Ee** đã mất đi một hàng, rõ ràng là do lỗi sơ suất khi biên tập.] (276)

277 [*Kulūpaka: khách của các gia đình. Spk*: Là người đến nhà của những gia đình. Như sẽ được thấy ở kinh **20:09, 20:10**: sẽ nguy hiểm cho những Tỷ kheo không đủ mạnh mẽ bên trong để chống lại những sự cám dỗ trong khi giao lưu thân mật với những người tại gia.] (277)

278 [**Spk**: Y-phục của thầy Ca-diếp được nói là *đã cũ tàn (nibbasana)* bởi vì đức Thế Tôn đã mặc những y phục đó và đã thải bỏ. [Coi thêm chuyện kinh **16:11** bên dưới]. Đức Phật rõ ràng đang yêu cầu thầy Đại Ca-diếp dẹp bỏ 03 giới tu khổ hạnh (đầu-đà)—*mặc y-phục được làm từ giẻ rách, chỉ ăn thức-ăn mà mình đã tự đi khát thực được, và sống tu trong rừng*. Đức Phật cũng mặc y-phục được cúng dường bởi người tại gia, chấp nhận những lời mời tới dùng cơm tại nơi của họ, và sống trong những tịnh xá gần những làng mạc thành thị; coi thêm kinh **MN 77**, mục 8-9. Theo **Spk**, thực ra Phật không ý định khiến thầy Ca-diếp dẹp bỏ những giới tu khổ hạnh đó, Phật chỉ nói vậy để thầy Ca-diếp phát biểu suy nghĩ của mình như cất lên ‘*tiếng gầm sư tử*’ (tức thầy Ca-diếp muốn sống tiếp hạnh đầu-đà vì lòng bi-mẫn đối với những thế hệ tu sĩ sau này, để họ noi gương thầy mà nỗ lực tu tập).

► (Đây là một sự kiện đầy ý nghĩa đáng nhớ và khó quên trong lịch sử đạo Phật! Ở Việt Nam, ngoài một số tạng thời trước, năm 2024 đã xuất hiện tu sĩ Minh Tuệ trì giữ đủ 227 giới luật Tỷ Kheo và tu thêm 13 hạnh đầu-đà theo gương thầy Ca-diếp. Thầy Minh Tuệ đã tạo nên điều kỳ diệu, làm thức tỉnh

tất cả những tăng ni và cư sĩ ở Việt Nam bằng hình ảnh *một tu sĩ Phật giáo, một Tỳ kheo [khất sĩ], một đệ tử chân thực của Đức Phật.*] (278)

279 [Đây là lời tuyên bố [tiếng gầm sư tử] của thầy Đại Ca-diếp; coi thêm kinh **MN 113**, mục 9-20. Trong kinh **AN 1:191** Đức Phật đã tuyên bố thầy Đại Ca-diếp là vị đệ tử đệ nhất về hạnh đầu-đà, và điều đó cũng được nói rõ trong kinh **SN 14:15** ở Quyển 2 này.] (279)

280 [Chỗ này đọc theo **Se** là: *App' eva nāma pacchimā janatā ditṭhānugatiṃ āpajjeyya*. **Be** và **Ee** ghi dạng chữ số nhiều là *āpajjeyyūṃ*. Trong bản dịch **KS** 2:136 câu này được dịch nghĩa là: “Vì chắc chắn những người này [những người sẽ tiếp nối sau chúng ta] có thể rớt vào sai lầm.” Người dịch rõ ràng đã hiểu chữ *ditṭhānugati* là tách thành 02 chữ [*ditṭhi* + *anugati*] với chữ *ditṭhi* có nghĩa là cách-nhìn sai (tà kiến). Cả **Spk** và **Spk-pt** đều im lặng về chỗ này, nhưng tôi thấy sẽ hợp lý hơn nếu coi phần đầu của chữ ghép này là quá khứ phân từ của chữ *ditṭha* (*cái được nhìn thấy, điều được nhìn thấy*) theo nghĩa là một *tám gương, gương mẫu, vai trò mẫu mực*. Cách dịch này cũng được ủng hộ bởi cách dùng thành ngữ này ở các kinh khác như kinh **AN 3:26** và **AN 3:27** (người nên được giao lưu, *được noi theo*, và được phục vụ); **AN 5:79**, đoạn (5) và kinh **AN 88**, các đoạn sau (5) (*noi gương làm theo, noi gương thầy đó*); **AN 5:209**, đoạn (5) (*bắt chước theo gương*); **AN 218** (*bắt chước theo gương, làm theo gương*); và **AN 6:67** (*làm theo gương của họ*). Cũng có trong kinh **MN 04**, cuối mục 2 (*noi theo tám gương của Thầy Cồ-Đàm*) và coi thêm chú thích 57 ở đó.

- “*Có lòng bi-mẫn đối với những thế hệ sau này*”: Câu này cũng được Đức Phật nói, với cùng ý nghĩa, trong kinh **MN 4**, mục 34-35, chú thích 68 và kinh **AN 2:30.**] (280)

281 [**Spk** diễn dịch: “Phật nói điều này để đề cử Ngài Đại Ca-diếp vào vị trí của Phật. Nhưng lúc đó Ngài Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất đang ở đâu. Họ đang ở đó, những do Phật biết trước thầy Ca-diếp sẽ sống tới 120 tuổi. Vì vậy sau khi Phật bát-niết-bàn thầy ấy sẽ tổ chức một hội nghị để đọc tụng lại và kết tập Giáo Pháp và Giới Luật ở khu *Hang Động Sattapaṇṇī*, và thầy ấy sẽ giúp cho Giáo Pháp của Phật được bảo tồn được 5.000 năm. Cho nên Phật đã

đề cử thầy ấy vào vị trí của Phật; và sau đó những Tỷ kheo sẽ chú tâm nghe theo thầy ấy.”

► Lưu ý, cho dù luận giảng **Spk** có diễn dịch như vậy, nhưng thực tế sau này Phật đã công khai từ chối bổ nhiệm bất cứ ai là một người thay thế Phật; thay vì vậy Phật chỉ thị cho Tăng Đoàn rằng chính “*Giáo Pháp và Giới Luật*” mới là người thay thế Phật sau khi Phật qua đời (như đã ghi trong kinh **DN 16**).] (281)

282 [Nguyên văn câu này là: *dovacassakaraṇehi dhammehi samaññāgatā*. Về danh sách của *những phẩm-chất* làm cho họ trở thành “*khó khuyên bảo được*” (*khó khuyên dạy được*), mời coi thêm kinh **MN 15**, mục 2.] (282)

283 [Đoạn từ đây cho đến hết ví dụ mặt trăng là hơi mở rộng chút so với ví dụ này cũng có trong kinh **AN 10:68**, được cho là lời của ngài Xá-lợi-phất. Rồi cũng ở đó Phật đã tán thành và lập lại toàn bộ lời của thầy Xá-lợi-phất.] (283)

284 [Tôi đọc đoạn này theo **Ee** là: “*evaṃ hi taṃ Kassapa sammā vadamāno vadeyyaupaddutā brahmacārī brahmacārūpaddavena abhibhavanā brahmacārī brahmacārābhibhavanenā ti*.” **Se** chỉ khác là ghi chữ *vadanto* thay chữ *vadamāno*. Tuy nhiên, **Be** thì ghi là “*etarahi taṃ Kassapa sammā vadamāno vadeyya upaddutā brahmacārī brahmacārūpaddavena abhipatthanā brahmacārī brahmacāri-abhipatthanenā ti*.” Kiểu ghi này, tôi nghi ngờ, nó đã phát sinh từ một câu giải nghĩa của luận giảng về câu kinh gốc. Có lẽ trong **Se** và **Ee** nghĩa lời kinh đòi hỏi thay thế chữ *abhibhavanā* thứ nhất bằng phân từ *abhibhūtā* (hoặc *adhibhūta*) cho đúng, mặc dù không có ấn bản nào có ghi như tôi mới đề nghị. Về *sự lợi và danh phá hoại người sống đời sống tâm linh*, mời coi thêm kinh **MN 29**, mục 2.

- **Spk (Se)** giải nghĩa là: Họ bị phá-hoại bởi *sự phá-hoại của những người sống đời sống tâm linh*, được gọi là, *dục và tham* thái quá đối với “04 thứ thiết yếu”. *Sự hư-bại* hay *hư-hỏng* là sự tham muốn thái quá (*abhibhavanā ti adhimattapatthanā*). Bởi *sự hư-hỏng của những người sống đời sống tâm linh*: bởi vì trạng thái của “04 thứ thiết yếu” có chứa sự tham muốn thái quá của những người đang sống đời sống tâm linh (*brahmacārābhibhavanenā ti brahmacārīnaṃ adhimattapatthanā saṅkhātena catupaccayabhāvena*).] (284)

285 [TKBĐ: Trong *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ), tôi đã từng dịch chữ *cetovimutti paññāvimutti* là “*sự giải-thoát của tâm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ*” như thể 02 sự giải-thoát đó là viết dính nhau trong chữ ghép. Giờ tôi nghĩ lại sẽ tốt hơn nên bỏ sự kết ghép này, vì nghĩa của 02 sự giải-thoát đó là riêng biệt. (Chữ *cetovimutti* (*sự giải-thoát của cái tâm*: tức của cái tâm đã không còn ô-nhiễm; tâm sạch nhiễm là nó tự giải thoát khỏi những ô-nhiễm). **Spk** giải thích chữ *cetovimutti* (*sự giải-thoát của tâm*) chính là (trạng thái) định-tâm của thánh quả A-la-hán (*arahattaphalasangārahita*); còn chữ *paññāvimutti* (*sự giải-thoát nhờ trí-tuệ*) là trí-tuệ của thánh quả A-la-hán (*arahattaphala-paññā*.) (285)

286 [Bài kinh này không đề cập tới Đức Phật: có lẽ nó xảy ra sau khi Phật đã mất, bởi vậy lúc này thầy Ānanda mới gọi thầy Ca-diếp lớn tuổi hơn là “*Ngài*” (*bhante*) thay vì là “*đạo hữu*”, đúng theo lời chỉ thị cuối cùng của Đức Phật; trước khi Phật mất thì các Tỷ kheo vẫn thường gọi nhau bằng “*đạo hữu*” (*āvuso*.) (286)

287 [**Spk** giải thích câu này nghĩa là: Thầy ấy không bận bịu với những công việc này nọ mà do 04 hội chúng (Tăng, Ni, đệ tử tại gia nam và nữ) kéo đến gặp trưởng lão Ānanda để khóc than vì Phật mất đi và thầy ấy phải bỏ thời gian an ủi họ [về chuyện thầy Ānanda bận bịu với những công việc, mời đọc thêm kinh **9:05** (Quyển 1) và chú thích 541 ở đó].] (287)

288 [Tên của ni đó có nghĩa là “*Tissā Mập*”. **Spk** giải thích chữ “*bậc trí giả xứ Videha*” hay “*bậc mâu-ni xứ Videha*” (*vedehimuni*); chữ *vedehimuni* có nghĩa như chữ *paṇḍitamuni*: tu sĩ hiền trí, bậc trí giả, trí sĩ”, và giải thích rằng: “*Một bậc trí nỗ-lực tu với sự uyên bác gồm có sự hiểu-biết—đó là, thầy ấy làm tất cả trách phận của mình— do vậy nên được gọi là bậc trí giả xứ Videha* (*paṇḍito hi nāṇasaṅkhā-tena vedena īhati ... tasmā vedeho ti vuccati*). Thầy ấy là người quê ở Videha và là một bậc trí sĩ, nên được gọi là ‘*bậc trí giả xứ Videha*’.” Còn **Ap-a 128,12** thì giải thích khác và đơn giản rằng: “*Ānanda được gọi là bậc trí giả xứ Videha bởi vì thầy ấy là một tu sĩ và là con của một người mẹ quê ở xứ Videha* (*Vedeharattṭhe jātattā Vedehiyā putto*). Mời đọc thêm chú thích 233 ở kinh **3:14** (Quyển 1).] (288)

289 [Nguyên văn câu này: “*Khamatha bhante Kassapa bālo mātugāmo*”. Tôi [TKBĐ] đã dịch câu này hoàn toàn trung thực với lời kinh gốc, cũng ý thức rằng một số độc giả sẽ cho cách dịch này mang tính ‘khích bác’ (hay ‘trọng nam khinh nữ). Một người tư vấn đã nói với tôi rằng: “(nếu dịch thẳng như vậy là) *Thầy vừa đánh mất hết nửa số người đọc đó*”, và người đó khuyên tôi nên tránh sự chỉ trích từ phía họ, nên tránh dịch thẳng câu *bālo mātugāmo* là “*ni đó là một phụ nữ ngu ngốc*”. Nhưng theo ý của tôi, nếu làm vậy là dịch méo mó sai lệch với lời kinh Pāli nguyên thủy chỉ để thuận theo quan điểm của người thời nay về nam nữ bình đẳng. Tôi không biết câu nó nên được dịch theo cách nào khác hơn là cách tôi đã dịch. Tôi để cho những người đọc tự mình quyết định tin rằng thầy Ananda có thực sự đã tự mình nói ra câu đó hay không, hay đó chỉ là câu được chêm vào bởi những người kết tập kinh điển sau đó.] (289)

290 [**Spk**: câu này có nghĩa là: “*Đừng để Tăng Đoàn nghĩ rằng ‘Thầy Ānanda chỉ lo kiểm chế (giáo giới, chỉ giới) những người đồng-sự của Phật (tức những người đã tu chứng giống như Phật, ý chỉ thầy Ca-diếp) chứ không lo kiểm chế các Tỳ kheo ni. Liệu có sự thân mật hay tình cảm gì giữa họ hay không?’*.” Tiếp theo, thầy Đại Ca-diếp tuyên thuyết những đoạn kinh sau [về những sự chứng đắc về thiên định và trí biết của mình] để chứng minh rằng mình là một đồng-sự của Đức Phật.] (290)

291 [**Spk** giải nghĩa chữ *sattaratana* (bảy cubit) là = *sattahatthappamāṇa* (bằng bảy bàn tay); một *hattha* [nghĩa chữ: “*bàn tay*”] là tính từ cùi chỏ tới đầu ngón tay, cỡ = 61 cm.

- Chỗ này là chỗ hiếm thấy trong Kinh Tạng rằng chữ *abhiññā* đã được dùng như một danh từ chung để chỉ 06 loại trí-biết bậc cao của người tu, gồm 03 loại thần thông (tam thông) và 03 loại minh (tam minh).] (291)

292 [Ni đó đã bị quả báo. **Spk** chú giải rằng: Sau khi Tỳ kheo ni này đã phê phán vị đệ tử là người đồng-sự của Phật (tức thầy Đại Ca-diếp là một người đã tu chứng 03 thông và 03 minh giống như Phật), và trong khi Ngài Đại Ca-diếp đang cất tiếng gầm sư tử tuyên thuyết về sáu loại trí-biết trực tiếp (*abhiññā*) đó của mình, thì cà-sa ni của ni đó trở thành như có gai nhọn đâm chích thân thể của ni. Đến nỗi ni đó buộc phải cởi bỏ y cà-sa của mình và

mặc y phục màu trắng của người tại gia bình thường thì mới hết bị đâm chích (tức buộc phải hoàn tục vì không còn xứng với phẩm chất một Tỷ kheo ni).] (292)

293 [Một bản kinh song hành của kinh này có ở **Mvu III** 47–56. **Spk:** *Dakkhiṇāgiri* là một nước (xứ) ở vùng phía nam của vùng sơn cước bao bọc Rājagaha (Vương Xá). Sau khi Phật bát niết-bàn, thầy Ānanda đến Sāvathī (Xá-vệ) để thông báo cho nhiều người biết; sau đó thầy rời khỏi để đi đến Rājagaha và dọc đường đi là có cuộc bộ hành tới *Dakkhiṇāgiri*.] (293)

294 [Điều này là đề cập tới điều luật *Pācittiya* 32. Coi thêm Luật Tạng **Vin IV** 71–75.] (294)

295 [Mời coi chỗ **Vin II** 196 có ghi lại bối cảnh nhân duyên của điều luật là trong thời gian Đề-bà-đạt-đa đang tạo phe cánh và gây chia rẽ trong Tăng đoàn, cho nên Phật đã đưa ra điều luật này. Điều này cũng được ghi trong Luật tạng chỗ **Vin IV** 71. Về lý do thứ ba “*Vì sự cảm thông đối với các gia đình*” có thể giải thích hợp lý là: “*để giảm bớt gánh nặng họ phải lo chuẩn bị và cúng dường thức ăn cùng lúc cho nhiều Tỷ kheo*”. Trong phiên bản **Mvu** [chỗ III 48] thì lời kinh chỉ ghi 02 lý do là vì “*sự bảo vệ, sự phòng hộ và thoả mái của các gia đình*” và vì “*sự làm tan nhóm những người [Tỷ kheo] xấu ác*”.] (295)

296 [Nguyên văn: *Kumārakavādā na muccāma*. Theo sự chú giải của các luận giảng cho rằng thầy Ānanda đã được sinh ra cùng ngày với Đức Phật [coi các luận giảng **Sv II** 425, **Ap-a** 58, 358, **Ja I** 63 thuộc phiên bản **Be** [nhưng không ghi trong các luận giảng thuộc **Se** và **Ee**]. Tuy nhiên, nếu điều đó là đúng thì trong kinh này thầy Ānanda đã 80 tuổi, và nếu là vậy thì thầy ấy đâu cần phải nói “*tóc bạc đang mọc trên đầu tôi*” để chứng tỏ mình đã già và không còn là “*trẻ con*” nữa.

- Một số dữ liệu khác trong kinh điển thì cho rằng thầy Ānanda nhỏ tuổi hơn Phật nhiều, có lẽ nhỏ hơn cả 30 tuổi.

- Để đọc những ý kiến khác về tuổi thật của thầy Ānanda đã được nói bởi những nhánh phái Phật giáo tiền thân: mời quý vị đọc thêm bài viết về

“*Ānanda*” của học giả C. Witanachchi có ghi trong bộ *Bách Khoa Toàn Thư Phật Giáo*, tập I, trang 529.

- Còn **Spk** diễn dịch nghĩa theo cách hiểu truyền thống trước giờ là: “*Do thầy ấy thường đi lại chung với những Tỳ kheo trẻ mới thụ giới, là những Tỳ kheo thiếu giới-hạnh, cho nên thầy ấy đáng bị [thầy Ca-diếp] gọi là một ‘trẻ con’*”, (như câu kể tiếp của thầy Ca-diếp cũng đã giải thích điều này).] (296)

297 [Tên của ni này có nghĩa là “*Nandā mậ*”. Ni cũng hay được đề cập trong quyển “*Bhikkhunī Vibhaṅga*” là một người hay gây rối trong Ni Đoàn; chẳng hạn coi thêm các chỗ trong Luật Tạng **Vin IV 216, 218, 223–24** ... Còn bản dịch **KS 2:148** đã sai khi gọi ni này là “*Tissā mậ*”, họ tưởng lầm là ni đã phán xét thầy Ca-diếp trong kinh **16:10** kể trước.] (297)

298 [*Người theo giáo phái khác (annatitthiyapubbo samāno)*]. **Spk** giải thích: Là do trước kia thầy Ca-diếp đã tự mình mặc y cà-sa vàng úa và từ bỏ thế tục khi chưa biết Đức Phật hay bất cứ ai trong Tăng Đoàn của Phật; và ni đó trong lúc phần nộ đã gọi thầy ấy là người theo giáo phái khác (người ngoại đạo). Về thầy *Ānanda* được gọi là “*bậc trí giả xứ Videha*”, coi chú thích 288 ở kinh **16:10** kể trước.] (298)

299 [Chữ này là *paṭapilotikānam*. Coi lại chú thích số 60 ở kinh **12:22**.] (299)

300 [**Spk** thuật lại ở đây toàn bộ dữ liệu tiểu sử của ngài Đại Ca-diếp, bao gồm cả những kiếp trước, dẫn tới cuối cùng là sự gặp Đức Phật. Mời đọc thêm quyển “*Đại Ca-Diếp: Vị Cha Của Tăng Đoàn*” của học giả Hecker và quyển “*Những Đại Đế Tử Của Đức Phật*” bởi trưởng lão Nyanaponika và Hecker, trang 109–119.] (300)

301 [Tôi [TKBĐ] đã dịch đoạn [*‘Nếu tôi có gặp Vị Thầy ... bậc Phúc Lành ... bậc Toàn Giác, thì tôi sẽ gặp đúng ngay đức Thế Tôn.’*] dựa theo sự chú giải của **Spk** (với nghĩa chú thích tương tự nghĩa lời kinh đã dịch).

- Câu cuối lặp lại 02 lần trong **Be** và **Se** nhưng không lặp lại trong **Ee**. **Spk** chú giải rằng: mặc dù câu này được lặp lại 02 lần, nhưng nên được hiểu là đã được nói 03 lần.] (301)

302 [**Spk** chú giải rằng: Nếu một đệ tử thật sự nhất-tâm (*evaṃ sabbacetāsāsamannāgato*)—thật sự tự-tin trong tâm (*pasannacitto*)—nên thực hiện một hành động khiêm nhường tối thượng đối với một vị thầy ngoài đạo là người không biết mà tuyên bố biết [như chưa giác-ngộ mà tuyên bố đã giác-ngộ], (nếu làm vậy) thì đầu của vị thầy đó sẽ rớt ra khỏi cổ như trái cọ dừa rụng khỏi cuống; nghĩa là bẻ ra làm bảy miếng. Nhưng khi hành động đó được [thầy Ca-diếp] thực hiện dưới hai bàn chân bằng vàng của Đức Phật, nó cũng không làm động một cọng lông trên thân bạc ấy. Chữ “*Do vậy*” tiếp theo hàm nghĩa rằng: “*Vì đã biết, ta nói ‘ta biết’* (tức ta là Phật), *do vậy thầy nên tu tập bản thân như vậy.*”] (302)

303 [Ở đây **Spk** giải thích chữ *sabbacetāsā* một cách khác ở trên, là: “*chú-tâm bằng một cái tâm hoàn toàn chú-ý (sabbena samaññhāracittena)*, không để cho tâm lạc đi một chút nào.”] (303)

304 [Nguyên văn câu này: *Sātasahagatā ca me kāyagatā sati*. **Spk** giải thích: đây chính là “*sự chánh-niệm về thân*” liên hữu với yếu tố *lạc* (sương) của tầng thiền định thứ nhất khi tu tập ‘*thiền quán về sự không-sạch (của thân)*’, và ‘*sự chánh-niệm hơi-thở*’. Bản thân sự khởi xướng ‘03-điều’ này đã chính là sự xuất-gia và thụ toàn-bộ giới (cụ túc giới) của thầy Ca-diếp.] (304)

305 [**Spk** [bản **Se**] ghi: *Sāṇo ti sakilesa sa-ṇo hutvā*. **Be** [lời kinh và lời chú giải **Spk**] thì ghi chữ *saraṇo* thay vì chữ *sāṇo* vốn ít thỏa đáng hơn.

- **Spk** giải thích: Có 04 kiểu sử dụng những thứ thiết yếu: (i) *bằng cách trộm-cắp (theyyaparibhūga)*: như những Tỷ kheo suy đồi; (ii) *như một con-nợ (iṇaparibhūga)*: như những Tỷ kheo có giới-hạnh nhưng không biết quán chiếu suy xét; (iii) *như người kế-thừa (dāyajjaparibhūga)*: như 07 hạng học-nhân; (iv) *như người chủ (sāmiparibhūga)*: như những A-la-hán. Như vậy chỉ có A-la-hán dùng những thứ vật thực (được cúng dường) như một người chủ, không mang nợ ai hết. Ở đây thầy Đại Ca-diếp đang nói về sự nhận dùng những thứ cúng dường *như một con-nợ* trong thời gian thầy còn là người phạm chưa giác-ngộ. (► Chữ “*con-nợ của xứ sở*” cũng được dùng để chỉ chung những người tu mà không lo tu và không thành tựu sự chứng ngộ tâm linh nào, là họ mang nợ những thí chủ đã cúng dường những thứ thiết yếu để giúp cho họ nuôi thân để tu hành!.)] (305)

306 [Spk chú giải rằng: Sự việc này đã xảy ra ngay ngày đầu tiên thầy Ca-diếp gặp Phật. Sự chứng quả A-la-hán đã được đề cập trước cho đúng theo trình tự đang chỉ giáo, còn thực tế dĩ nhiên thầy Ca-diếp chứng quả A-la-hán sau. Spk nói thêm: Đức Phật đã từ đường bước xuống với ý-định làm cho thầy Ca-diếp trở thành một “*người sống tu trong rừng, người mặc cà-sa làm từ giẻ rách, và người chỉ ăn một bữa mỗi ngày*” ngay sau khi thầy ấy mới được thành một Tỳ kheo.] (306)

307 [Spk: Phật muốn đổi y phục với thầy Ca-diếp bởi vì Phật muốn đề cử thầy ấy vào vị trí của Phật (*theraṃ attano thāne thapetukāmatāya*). Khi Phật hỏi thầy Ca-diếp có thể mặc cà sa làm từ vải rác hay không, ý Phật không phải hỏi thầy ấy về sức thân có mang nổi cà sa đó hay không mà ngụ ý muốn hỏi thầy ấy có đảm nhận *sự hoàn-thành sự tu-tập (paṭipattipūraṇa)* hay không. Đức Phật đã làm cà sa này từ một tấm vải dùng để bọc che xác chết của một nữ nô lệ tên là Punṇā, tấm vải được vút bỏ trong một nghĩa địa hỏa táng. Sau khi nhặt lấy nó, Phật phủi những côn trùng đang bò trên tấm vải, và thiết lập bản thân trong dòng dõi đại thiện của những bậc thánh, trái đất rung chuyển và gầm tiếng vang dội và những thiên thần tán thán. Khi trao cà sa này, Đức Phật đã ngụ ý: “Cà sa này nên được mặc bởi một Tỳ kheo vốn từ khi sinh ra đã là người tuân theo sự thực-hành của sa-môn khổ hạnh. Vậy thầy có khả năng sử dụng nó thích đáng hay không?” Và sự chấp nhận của thầy Ca-diếp có ý nghĩa rằng: “Con sẽ hoàn thành sự thực-hành này.” Vào lúc Phật và thầy Ca-diếp trao đổi cà sa với nhau, đại địa cầu lại gầm tiếng vang dội và rung chuyển tới tận những biên bờ của nó là các đại dương.] (307)

308 [Chỗ này so sánh với lời khen của Đức Phật đối với thầy Xá-lợi-phất ở cuối kinh MN 111, mục 22. Spk chú giải đại ý: “Bằng lời tuyên bố này thầy Ca-diếp đã loại trừ lời phán chê của Tỳ kheo ni Thullanandā về sự xuất-gia của thầy ... Thật sự đó là lời nói thóa mạ xúc phạm từ Tỳ kheo ni Thullanandā!”.] (308)

309 [Như chú thích 291 và 292 trong kinh 16:10 kể trên.] (309)

310 [Spk giải nghĩa chữ *Như Lai (Tathāgata)* ở đây = *satta (một chúng sinh)*; dựa vào giải nghĩa này Spk-pt luận giải rằng: “Như trong những đại kiếp quá khứ, trong những kiếp tiền thân, (Phật) cũng đã thành chúng sinh tùy theo

NGHIỆP (kamma) và những ô-nhiễm (lậu hoặc), cũng như vậy (Phật) đang có mặt trong (*tathā etarahi pi āgato*) (trong thế gian này, như một chúng sinh); do vậy nên mới gọi là ‘*tathāgata*’ (Như Lai). Hoặc nói khác, tùy theo nghiệp mà (Phật) đã làm và tích lũy (trong những kiếp trước), cho nên kiếp này đã xuất hiện, đã đến, đã tái sinh trong hình hài này hay hình hài nọ của ‘sự hiện-hữu cá thể’ (*tathātaṃ taṃ attabhāvaṃ āgato upagato upaṇṇo*).”

- Lời chú giải này của có lẽ không hợp lý, đặc biệt khi có các kinh khác đã ghi lại nhiều sự vấn đáp về mặt triết học về ‘*trạng thái sau khi qua đời của một Như Lai*’ trong đó đã ghi Như Lai là loại người cao nhất, bậc tối thượng, là bậc đã đạt tới sự chứng ngộ tối thượng (*tathāgato uttama-puriso paramapuriso paramapattipatto*), ví dụ như trong các kinh **22:86** (Quyển 3) = **44:02** (Quyển 4). (310)

311 [Trong kinh MN 65, mục 29 cũng có cùng câu hỏi này được hỏi bởi Tỳ kheo Bhaddāli, nhưng câu trả lời thì khác với kinh này. Còn trong kinh này ở đây có thể là sự quan tâm của Ngài Đại Ca-diếp về việc bảo tồn Giáo Pháp đích thực (chân Pháp), như đã được chứng tỏ trong kinh này, như lời tiên tri về vai trò của thầy Ca-diếp sẽ là người chủ-trì *Hội Đồng Kết Tập Kinh Điển Phật Giáo lần thứ nhất* không lâu sau khi Đức Phật đã bát niết-bàn [như cũng được mô tả trong Luật tạng, Vin II 284–85]; trong đó chúng ta thấy, trong phản ứng quyết liệt của vị Tỳ kheo già tên là Subhadda sau khi nghe tin báo về sự qua đời của Phật, là một sự đánh động đầu tiên về sự nguy-cấp (tức sự xuất hiện) của Giáo Pháp “giả mạo”. Ngài Đại Ca-diếp lúc đó đã lập tức chủ trì *Hội Đồng Kết Tập Kinh Phật Lần 1* để bảo đảm *Giáo Pháp đích thực* và *Giới-luật* sẽ được bảo lưu và duy trì dài lâu và không bị mai một bởi Giáo Pháp giả mạo được chế bởi những tu sĩ tà đạo vô đức.] (311)

312 [Spk chú giải: Có 02 sự giả-mạo Giáo Pháp đích thực (*saddhammapaṭirūpaka*): (i) sự giả-mạo về sự chứng-đắc (*adhigama*), (ii) sự giả-mạo về phần pháp-học (*pariyatti*). (i) Sự giả-mạo thứ nhất là chỉ 10 sự suy-đổi của trí-biết minh sát [Thanh Tịnh Đạo, Vism 633–38; Ppn 20:105–28]. (ii) Sự giả-mạo thứ hai là những kinh kệ khác với Lời Phật đích thực (Phật ngôn) đã được thẩm định xác thực (bởi hội đồng thánh tăng) trong 03 kỳ kết tập kinh điển Phật giáo; phần ngoại trừ là gồm 05 chủ-đề thảo luận (*kathāvattu*): sự thảo luận về những yếu-tố (giới), sự thảo luận về những

đối-tượng, sự thảo luận về sự không-sạch (bất tịnh), sự thảo luận về những cơ-sở của trí-biết, và hộp đựng chân-trí. [Còn những kinh kệ giả mạo bao gồm: *Luật Tạng Bí Truyền* (*gulhavinaya*), *Vessantara Bí Truyền*, *Mahosadha Bí Truyền*, *Tạng Vaṇṇa Piṭaka*, *Tạng Aogulimāla Piṭaka*, *Raṭṭhapāla-gajjita*, *Ālavaka-gajjita*, và *Tạng Vedalla Piṭaka*. **Spk-pt** giải thích: *Tạng* “*Vedalla Piṭaka*” chính là = *Tạng Vetulla Piṭaka*: có những người cho rằng ‘*nó được cho là được cất giữ bởi và mang ra từ chỗ ẩn trú của những con rồng nāga*’; số khác thì nói rằng ‘*nó gồm chứa những điều đã được nói ra trong các cuộc tranh luận* (*vādabhāsita*)’.]

- Chữ “*khác với Lời Phật đích thực*” hay “*khác với Phật ngôn*” (*abuddhavacana*) nghĩa là nó mâu thuẫn với Lời Dạy của Phật; vì bậc Giác Ngộ thì không nói điều gì không nhất quán với (thực nghĩa) bên trong (*pubbāparaviruddha*).

- Nhiều sự cố gắng lớn đã được làm bởi một số người ở thế kỷ 14 với mục đích ‘nhìn-nhận’ những phần kinh kệ (giả mạo) mới được chỉ ra bởi **Spk** ở trên; đó là quyển *Nikāyasaograha*, quyển này đã được thảo luận bởi học giả Adikaram trong *Lịch Sử Tiền Thân của Phật Giáo ở Tích Lan* (*Early History of Buddhism in Ceylon*), trang 99–100. Quyển *Nikāyasaograha* đã xếp loại mỗi kinh kệ đó vào một trường phái khác với *Trường Lão Bộ* (*Theravāda*). Sự ra đời trễ của quyển này đã làm cho người ta nghi ngờ về sự đáng-tin của nó, và sự nhìn-nhận xếp loại những kinh kệ đó một cách quá gợn gàng tươm tất nên khó mà thuyết phục được đó là đúng và khách quan.

- Phần luận giải của **Spk-pt** về *Tạng Vedalla Piṭaka* đã gợi ý nó chính là một sự kết tập của những kinh Đại Thừa (*Mahāyāna sūtra*). Đại Thừa (*Mahāyāna*) được đề cập đến trong các biên niên sử Tích Lan chính là bộ phái *Vetullavāda* (Phạn: *Vaitulyavāda*); mời đọc lại quyển *Lịch Sử Phật Giáo ở Tích Lan* (*History of Buddhism in Ceylon*) của Ngài W. Rahula, trang 87–90. **Spk-pt** rõ ràng đang ám chỉ về “cái niềm-tin của những người đó rằng Ngài Nāgārjuna (Long Thọ) đã mang ra những kinh *Prajñāpāramitā Sūtra* (*Bát-nhã Ba-la-mật-đa*) từ hang của các con rồng *nāga*”; (tức là, theo cách những nhà Đại Thừa đã nói, họ cho rằng Các Kinh Đại Thừa đã được chính Đức Phật nói ra và đã được cất giấu trong hang của những con rồng *nāga* ở

miền nam Ấn Độ và chỉ sau này có những vị đệ tử siêu trí tuệ mới lấy ra để giảng giải và truyền dạy!).

- Năm loại “*chủ-đề thảo luận*” (*kathāvatthu; những điểm dị biệt*), được chấp nhận bởi những người theo Trưởng Lão Bộ (*Theravādin*) cho dù chúng đã không được thẩm định xác thực là phần kinh điển chính thống (đó có thể chỉ được coi) là những chuyên-luận về mặt triết học ghi lại những ý kiến của những vị thầy nổi tiếng về những luận-điểm quan trọng của giáo thuyết.

- **Spk** đã mô tả rất dài về sự biến-mất của Học Giáo (Phật Giáo) của Phật là sự biến mất 03-phần là *phần chứng-đắc, phần tu-tập, và phần pháp-học* (*adhigama- saddhamma, paṭipatti-saddhamma, và pariyatti-saddhamma*.)] (312)

313 [**Spk** giải thích ví dụ của Phật như vậy: “Giống một con tàu đang trên nước, nó chìm mất sau khi chất đầy hàng hóa, (nhưng) không có sự biến mất của chân Pháp bằng cách chất đầy sự học-hiểu ... vân vân. Bởi vì khi sự học-hiểu sa sút thì sự tu-tập sa sút, và khi sự tu-tập sa sút thì sự thành-tựu sa sút. Khi sự học-hiểu được đầy thì những người giàu có về sự học-hiểu làm đầy sự tu-tập, và sự làm đầy sự tu-tập sẽ làm đầy sự thành-tựu. Như vậy, khi sự học-hiểu ... vân vân gia tăng thì Học Giáo (Phật giáo) của ta cũng gia tăng, giống như trăng mới sẽ tăng đầy lên.”

- Tiến sĩ C.Rh.D do làm theo lời chú giải này nên đã dịch câu này là: “Này Ca-diếp, hãy nhận lấy sự chìm của một con tàu do bị chất quá đầy” [**KS** 2:152]. Tuy nhiên tôi nghi ngờ về sự hiểu của **Spk** coi chữ *ādikena* có nghĩa là “*sự nhận lấy, sự nắm lấy*”. Ở những kinh khác chữ *ādikena* có nghĩa “*tất cả trong lập tức, trong một cái rụp, trong một phút*” tương phản với chữ *anupubbena* (*dần dà, dần dần, từ từ*) [mời coi chỗ kinh **MN 58**, mục 7, đoạn thứ hai: (lấy được nó ra) *trong lập tức* (trong một phút, một cái rụp); kinh **MN 70**, mục 22: *tất cả trong lập tức* (trong một cái rụp, trong một phút; kiểu đốn ngộ); và chỗ kinh **Ja VI** 567,6, 14). Đây chính là nghĩa lời kinh chỗ này muốn nói.] (313)

314 [Nguyên văn câu này: *Panca ūkkamanīyā dhammā. Spk* giải nghĩa là: *ūkkamanīyā ti heṭṭhāgamanīya* (*dẫn dắt đi xuống*). Một đoạn kinh song hành được ghi trong kinh **AN 5:201** trong đó lặp lại 04 nguyên nhân đầu nhưng

thay nguyên nhân thứ năm bằng (5) “*sự thiếu tôn-trọng và tôn-kính đối với nhau*”.] (314)

315 [Spk: Người *sống không có sự kính trọng đối với sự định-tâm* (thiền định) là người không chứng đắc 08 tầng chứng đắc thiền định (*aṭṭha samāpattiyo*), hay cũng không có sự nỗ-lực tu để chứng đắc chúng.] (315)

316 [Spk chú giải: (i) *Lābha* là lợi hay lợi lộc là (sự có được) những thứ thiết yếu (y phục, thức ăn, chỗ ở, thuốc thang; tứ vật dụng, được cúng dường bởi các thí chủ) theo nghĩa thông thường; (ii) *sakkāra* là sự có được những thứ lợi lộc thiết yếu (y phục, thức ăn, chỗ ở, thuốc thang) được người ta làm ra, được làm kỹ, làm tốt hay làm lớn (trang trọng, trân trọng) để cúng dường, dâng cúng. ► (Chữ *sakkāra* này HT Thích Minh Châu dịch là *đắc*; các nhà sư dịch giả như Tỳ Kheo Bồ-Đề và Tỳ Kheo Sujato đều dịch là ‘*honor*’ (*danh, danh dự, vinh danh*) và người dịch Việt cũng theo cách dịch này); (iii) (*sự cung kính* dịch Việt ở đây là gồm 02 chữ): *silūka* là sự khen ngợi, ca ngợi, ca tụng và *vaṇṇaghosa* là sự ngênh đón, sự tiếp đãi, sự tiếp đón tôn kính, kính lễ tiếp đón.] (316)

► (Người dịch Việt tạm dịch cụm chữ này là ‘*Lợi, danh, cung kính*’ = [*lợi lộc, vinh danh, sự cung kính*]. Chữ *danh* là danh trong tiếng Việt, nghĩa gồm: danh dự, danh phận, sự vinh danh, sự tôn vinh, vinh dự, gồm cả danh tiếng (không phải *danh* (HV) theo các nghĩa phân danh (thuộc tâm) trong chữ danh-sắc ...)

- Thật ra để dịch thành 03 chữ tắt áp dụng cho tất cả các kinh trong Chương này (và các kinh khác) là khó, người dịch đã cố tra cứu và phân gộp từng nghĩa nhỏ của mỗi chữ gốc Pāli. Các bản in trước 2024 dịch là sự “*lợi, vinh, danh*”, sau khi hiệu đính năm 2024 người dịch sửa là thành sự “*lợi, danh, cung kính*”. Thầy Thích Minh Châu đã dịch là sự “*lợi, đắc, cung kính*”. Dịch giả Tỳ Kheo Sujato thì dịch thoáng là sự ‘*lợi lộc, danh dự và danh tiếng*’.

- Tên của *Chương (tương ứng) 17* này nguyên thủy chỉ ghi bằng 02 chữ đầu là “*lợi và danh*” [*lābha-sakkāra; lợi lộc-vinh danh*] chứ không ghi chữ “*cung kính*”, nhưng trong tất cả các kinh đều ghi đủ 03 chữ “*lợi, danh, cung kính*”).

317 [Tiếng Pāli có dùng một cách phân biệt 02 loại *kumma* (rùa sống dưới nước) và *kacchapa* (rùa ăn cỏ sống trên bờ). Ở đây chữ *kumma* là chỉ loài rùa sống dưới nước; nhưng trong kinh **35:240** (Quyển 4) thì ghi cả 02 chữ *kumma kacchapa* để chỉ loại rùa sống trên bờ, trong khi đó trong kinh **56:47** (Quyển 5) thì chỉ dùng 01 chữ *kacchapa* để chỉ loại rùa sống dưới nước. **Spk** đã giải nghĩa chữ *mahākummakula* là = *mahantaṃ aṭṭhikacchapakula*, để xác nhận sự có thể dùng thay thế lẫn nhau của 02 chữ này.] (317)

318 [Chữ gốc là *papatā*.] (218)

319 [Mặc dù tất cả 03 phiên bản đều ghi là *giddho papatāya*, nhưng có lẽ chúng ta nên đọc là *viddho papatāya*, như đã được đề nghị trong một ghi chú trong **Be**.] (319)

320 [“Trong khi người đó chưa đạt tới lý-tưởng của tâm (*appattamā nasa*): nghĩa là trong khi chưa đạt tới thánh quả A-la-hán.] (320)

321 [**Be** và **Se** ghi câu này là: *Kaṃ bhikkhave diddhagatena visallena sallena vijjhatu?* Cách ghi của **Ee** là không thỏa đáng.] (321)

322 [*Bệnh ghẻ lở: ukkaṇṭaka* [ghi trong **Be** và **Se**; **Ee** ghi là: *ukkaṇṇaka*] (322)

323 [Chữ gốc: *verambhavātā* (*cuồng phong, cuồng bão*). **Spk** chú giải: Là loại gió dữ mạnh trên trời ở độ cao nhìn xuống 04 lục địa chỉ còn bằng cỡ 04 lá sen] (323)

324 [Đoạn thi kệ này và đoạn thi kệ tiếp theo cũng có ở **Th** 1011–1012 và **It** 74,22–75,3. Ở đây tôi đọc theo **Be** và **Se** là *appamāṇavihārino*, khác với **Ee** ghi là *appamāḍavihārino*. Tuy nhiên, cách ghi của **Ee** lại được thấy có ghi trong cả 03 phiên bản của câu kệ **Th** 1011*d*; còn cách ghi trong **It** 74,25 thì nửa này nửa nọ. **Spk** ủng hộ đầu chữ *appamāṇa-* và giải nghĩa là *appamāṇena phalasamādhinā viharantassa* (*khi người đó đang an trú trong sự định-tâm quả vô lượng*). **Th-a** không luận giải gì về đoạn thi kệ này trong **Th** 1011, và chú giải trong **It-a** thì đọc là *appamāda-* trong phiên bản **Be** và *appamāṇa-* trong **Se**.] (324)

325 [Chúng ta nên đọc đoạn kệ sau theo **Se** ghi là *sukhumadiṭṭhivipassakaṃ*, khác với **Be** và **Ee** ghi là *sukhumam diṭṭhivipassakaṃ* trong **Be** và **Ee**. Cách ghi đầu cũng ghi trong câu kệ **Th** 1012*b* và trong **It** 75,1. **Spk** giải thích: Nó là *sự-thấy vi tế* bởi vì [nó đạt được] thông qua sự-thấy của thánh đạo A-la-hán, và người đó là *người minh-sát nhìn-thấy* (*vipassaka, tuệ-thấy, nhìn-thấy bằng minh-sát*) bởi người đó đã đạt tới đó sau khi đã thiết lập sự minh-sát vì mục đích dẫn tới sự chứng đắc thánh quả. *Ưu thích sự phá bỏ sự chấp-thủ*: là vui thích với Niết-bàn; vì Niết-bàn cũng được gọi (trong các kinh) là *sự tiêu diệt sự chấp-thủ* (thủ diệt).] (325)

326 [Chữ *suvanṇanikkha* và *sioginikkha* có lẽ là 02 loại tiền vàng khác nhau: cái sau lớn hơn cái trước hoặc được làm từ loại vàng đặc biệt hơn.] (326)

327 [Chữ gốc: *Janapadakalyāṇī* (*người phụ nữ đẹp nhất xứ, hoa hậu*). Coi thêm chữ này trong kinh **17:22** bên dưới và **47:20** (Quyển 4), và ví dụ nổi tiếng trong kinh **MN 79**, mục 10.] (327)

328 [So sánh với kinh **AN 2:132** và **AN 2:130**. Kinh **17:23** và **17:24** này dường như được trích dẫn từ kinh **AN 4:176** trong đó Đức Phật đã nêu tên “*những tiêu chuẩn và tiêu chí*” đối với 04 loại đệ tử (Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cư sĩ nam và cư sĩ nữ).

- *Gia chủ Citta* là đệ nhất trong những đệ tử tại gia “*giỏi về thuyết Pháp*”; mời coi thêm các kinh **SN 41:01-41:10** của chương “*Liên-kết Citta*”, tức *Chương 41, Quyển 4*. Còn gia chủ *Hatthaka của xứ Ālavaka* (vốn là hoàng tử) là đệ nhất trong những đệ tử tại gia “*giỏi vận-dụng bốn phương tiện để hấp dẫn và duy trì mối quan hệ với người khác*”; mời đọc lại thêm các kinh các kinh **AN 1:250** và **251** và **AN 8:23** và **24**.

- Về câu chuyện và nhân duyên tên gọi “*Hatthaka*” của hoàng tử, mời đọc lại chú thích **604** ở cuối kinh **10:12** (Quyển 1).] (328)

329 [*Khujjuttarā* là nữ đệ tử tại gia đệ nhất về ‘*đa-văn học rộng*’; và *Velukaṇḍakīyā* là nữ đệ tử tại gia đệ nhất về “*tu-thiền*”. Về 02 người này, mời coi lại kinh **AN 1:260** và **262**, và các chú thích ở đó.

- *Khemā* là Tỳ kheo ni đệ nhất về ‘*trí-tuệ*’; và *Uppalavaṇṇā* là Tỳ kheo ni đệ nhất về ‘*thần-thông*’. Tỳ kheo ni *Uppalavaṇṇā* đã xuất hiện trong kinh **5:05** (Quyển 1), và *Khemā* đã thuyết pháp trong kinh **44:01** (Quyển 4). Về 02 thánh ni này, mời coi lại kinh **AN1: 236** và **237**, và các chú thích ở đó.] (329)

330 [Coi lại chú thích số 249 ở kinh **12:31** ở trên.] (330)

331 [**Spk** chú giải: *Nguồn-gốc của nó (samudaya)*: một dạng cá thể hiện-hữu (một người) cùng với nghiệp quá khứ, ví dụ có tư cách là một con trai của gia đình dòng tộc tốt, da diện đẹp đẽ, thuyết giảng tài khéo, thể hiện những đức hạnh sa-môn, mặc cà sa, có được nhiều đệ tử ... vân vân được gọi là *nguồn-gốc* tạo ra “*lợi và vinh*”. Nghĩa ở đây là: Họ không hiểu được điều này theo cách của Diệụ Đố 2 (*nguồn-gốc*, tập đố); và sự chấm-dứt và con-đường nên được hiểu theo cách của Diệụ Đố 3 (*sự chấm-dứt*, diệt đố), và của Diệụ Đố 4 (*con-đường*, đạo đố).] (331)

332 [**Spk**: *Những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này (ditṭha-dhamma-sukhavihārā)* là những sự an trú hạnh phúc trong sự chứng quả. Lý do là khi một A-la-hán đầy công đức nhận được cháo, chè, thức ăn ... vị ấy phải trả ơn cho những người đến cúng dường, chỉ dạy cho họ Giáo Pháp, trả lời giải đáp cho những câu hỏi thắc mắc của họ ... vân vân, và do vậy vị ấy bị ít đi cơ hội và thời gian để ngồi xuống và chứng nhập trong sự chứng quả.

- [TKBD] **Spk** nhận định “*những sự an trú hạnh phúc*” (lạc trú) chỉ là = (trạng thái) “*sự chứng quả*” thì nghĩa này quá hẹp. Chữ này thường có nghĩa là = (trạng thái) “*những tầng thiền định*” (*jhāna*).] (332)

333 [Đây là chỉ 03 gốc rễ thiện là vô tham, vô sân, vô si. **Spk** giải thích điều này có nghĩa là những gốc rễ thiện đã bị cắt đứt tới mức Đề-bà-đạt-đa không còn khả năng được tái sinh trong cõi trời hay thành tựu được đạo hay quả nào; điều này không có nghĩa những gốc rễ thiện của thầy ấy đã bị búng sạch vĩnh viễn. 02 kinh tiếp theo cũng khẳng định cùng nghĩa của kinh này nhưng dùng các *chữ khác* mà thôi.] (333)

334 [Kinh này và kinh kế tiếp cũng có trong **Vin II** 187–88 nhưng theo thứ tự ngược lại, nhưng không có đoạn lời giảng giải về “*lợi, vinh, cung kính*”, và

có thêm phần thi kệ ở cuối. Kinh AN 4:68 là tương tự giống kinh này. Có thi kệ 597 ở kinh 6:12 (Quyển 1) cũng được nói về Đê-bà-đạt-đa.

- Về ví dụ con la bên dưới, **Spk** diễn dịch rằng người ta cho con la giao phối với con ngựa. Nếu con la có thai, thì lúc nó chuyển dạ sinh con thì nó không thể nào sinh được. Nó đứng dậm chân trên đất. Rồi họ trói bốn chân nó vào bốn cái cọc, mổ bụng nó và lấy ra con con. Con la mẹ chết ngay lúc đó. (Vì vậy Phật đã dùng ví dụ “chính bào thai của con la sẽ giết nó khi sinh con; như cây chuối hay cây tre có bông trái của nó sẽ giết chết nó vì sau khi trở bông ra trái quả là cây chết luôn; không như những cây khác vẫn tiếp tục sống và tiếp tục ra hoa trái).] (334)

335 [Nguyên văn là: *Pittam bhindeyyum*. Sự dịch của tôi dựa theo chú giải của **Spk** là: “*Họ ném (pakhippeyyum) mật gấu hay mật cá trên mũi của nó.*”] (335)

336 [**Spk** chú giải: Giống bọn người ác bắt giữ mẹ của một người (hay mỗi người thân yêu của) ở nơi hoang vắng ghê sợ và chúng ép người đó phải nói lời nói-dối thì chúng mới thả mẹ (hay người thân) trở về an toàn.

(- Đến mức nguy kịch cấp thiết như vậy còn không muốn nói lời nói-dối, nhưng chỉ vì để được thứ ‘lợi, danh, cung kính’ thì lại cố ý nói-dối để có được. Ý nghĩa chung kết của chương này là: cái sự được ‘lợi, vinh, danh, cung kính’ thật là nguy hiểm đối với tâm của một người tu; nó thật là nghiệt ngã, cay đắng, và đúng là chết chóc và là sự trở ngại cho mọi sự tu tiên.

(- Ngày nay quý vị nhìn thấy ở Việt Nam có bao nhiêu phần trăm tu sĩ Phật giáo tu thật, và bao nhiêu phần trăm tu giả và luôn dính trong tất cả mọi sự ‘lợi lộc, tiền bạc, sự tôn vinh, danh tiếng, sự cung kính’ từ quần chúng. Năm 2024 ở Việt Nam đánh dấu một sự kiện lớn chưa từng có rằng nhiều tăng sĩ ‘nổi tiếng’ đã lộ mặt là những ác tăng, tục tăng, xàm tăng làm dân chúng phần uất lên án, sau khi xuất hiện Tỳ kheo Minh Tuệ tu khổ hạnh thanh bần đã làm thức tỉnh sự-biết của quần chúng về con đường đạo Phật chân chính là gì. Tất cả mọi điều tồi tệ từ những tăng sĩ không tu thật, chỉ chạy theo phung tiện vật chất và thi nhau có được sự ‘lợi, danh, cung kính’. Đó là cái bẫy lớn nhất và nghiệt ngã nhất của đời sống tu hành, *như Phật đã cố nói và nhấn*

mạnh bằng nhiều kinh và nhiều ví dụ hay khéo trong Chương 17 của bộ kinh SN này.

(► Tôi hy vọng những tu sĩ Phật giáo hãy đọc và thuộc lòng trong tâm những bài kinh trong chương này, để luôn nhắc nhở mình giữ giới, giữ tâm, và tinh tấn tu tập *một cách trong sạch và chân thật* theo lời dạy của Đức Phật.)] (336)

337 [Rāhula là con trai của Phật. Thầy ấy trở thành sa-di (*sāmaṇera*) năm 07 tuổi, thụ giới trong lần đầu tiên Đức Phật về thăm kinh đô quê hương là Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) sau khi giác-ngộ. Những kinh khác nói về thầy ấy là: **MN 61, 62**, và **147** [kinh **MN 147** là = **SN 35:121** (Quyển 4)] và ở kinh thi **Sn II, 11** (trang 58–59).] (337)

338 [**Spk** giải thích 03 “*sự nắm chặt*” (*gāha*) của “cái ‘của-ta’, cái ‘ta’, và ‘bản ngã của ta’ một cách y hệt như chú thích 155 của kinh **12:61**, đoạn (2). Nó coi *sự chán-bỏ* (*virāga*) là chỉ = 04 thánh đạo và *sự giải-thoát* (*vimutti*) là = bốn thánh quả 04 thánh quả. **Spk** không chú giải về chữ *nibbindati* (*ném trái sự ghê-sợ*) nhưng những luận giảng khăng khăng xác định danh từ *nibbidā* là *sự-biết minh sát* [coi chú thích 69 trong kinh **12:23**]. (338)

339 [Đối với 04 yếu-tố tứ đại thuộc phần sắc-uẩn (*cattāro mahābhūtā*) các kinh có lúc thêm yếu tố không-gian (*ākāśadhātu*)—[mà theo các luận giảng] nó đại diện cho thể sắc phái sinh (*upādāya rūpa*)—và yếu-tố thức hay thức giới (*viññāṇa-dhātu*) thì đại diện cho toàn bộ phần thuộc tâm của sự trải nghiệm. Về chi tiết phân tích về tất cả 06 yếu-tố, mời coi thêm kinh **MN 28**.] (339)

340 [**Spk**: (i) *Đối với thân có-thức này* (*imasmim saviññāṇake kāye*): thầy ấy chỉ cái ‘thân có-thức của mình’. (ii) *Và đối với tất cả hình-tướng bên ngoài* (*bahiddhā ca sabbanimittesu*): là cái ‘thân có-thức của những người khác’ và ‘những đối-tượng vô tri’ (không hữu tình). Hoặc giải thích theo cách khác: (i) là thầy ấy chỉ cái *cơ-chế hữu tình của mình* và *cơ-chế hữu tình của những người khác* [**Se** ghi là *attano ca parassa ca saviññāṇakam eva*]; còn (ii) *phần sắc giới ở bên ngoài* không có dính líu với các căn cảm-nhận hay giác-quan (*bahiddhā anindriyabaddharūpaṃ*). (iii) (cụm chữ kép) *ahaṅkāramamaṅkāramā nānusaṃyā* được giải quyết như vậy: *sự tạo-nên cái ‘ta’* (*ahaṅkāra*),

sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (*mamaṅkāra*), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự tự-ta (*mānānusayā*, tùy-miên ngã mạn). [Lời kinh cũng được ghi giống trong **Be** và **Se**, nhưng nếu [vì có lẽ nên là vậy] sự kết thúc số nhiều xuất phát từ chữ kép *asamāhāra*, sau khi giải quyết thì phần cuối phải là chữ *mānānusayo*.] - “Sự tạo-nên cái ‘ta’” được coi là chức năng của cách-nhìn sai lạc (tà kiến: ngã kiến, quan-điểm có cái ‘ta’, có ‘bản ngã’), “sự tạo-nên cái ‘của-ta’” có chức năng của dục-vọng (ái, tham ái). Còn gốc rễ sự ‘tự-ta’ (ngã mạn) là tự đại cái “ta-là” (*asmimāna*), do vậy sự tự-đại này cũng chịu trách nhiệm cho cái “sự tạo-nên cái ‘ta’”.] (340)

341 [Cách phân loại này theo 11 tính chất của mỗi uẩn thuộc năm-uẩn cũng được ghi rõ trong **Vibh 1–12**.] (341)

342 [**Spk**: “*đã vượt khỏi sự phân-biệt đối đãi* (*vidhā samatikkantaṃ*): nghĩa là tâm đã vượt lên những loại tính tự-ta (ngã mạn) khác nhau; “*được bình-an* (*santaṃ*): là nhờ sự lặn mắt của những ô-nhiễm; và “*được giải-thoát một cách hay khéo*” (*suvimuttaṃ*): là được giải thoát hoàn toàn khỏi mọi ô-nhiễm (lậu hoặc).] (342)

343 [Loạt bài kinh trong *Chương (liên-kết, tương ứng) 19* này cũng có ghi trong Luật Tạng **Vin III 104–8**. **Spk**: Thầy Lakkhaṇa, là một vị đại đệ tử, đã từng là một trong 1.000 khổ sĩ thờ thần lửa đã thụ toàn-bộ giới (cụ túc giới) thành Tỳ kheo [coi **Vin I 32–34**]. Thầy đã chứng A-la-hán vào lúc cuối *Kinh Lửa* Phật đã nói cho 1.000 khổ sĩ đó [kinh **35:28** (Quyển 4)]. Vì thầy ấy có được một thân thể ‘*như-trời Brahmā*’ được phú cho những tướng nét phúc lành (*lakkhaṇasampanna*), hoàn hảo về mọi mặt, nên thầy ấy được gọi là “*Lakkhaṇa*”.] (343)

344 [**Spk** diễn dịch như vậy: Lý do thầy Mục-kiền-liên cười sẽ được nói ra ngay bên dưới, rằng do những chúng sinh đang bị quả báo từ những nghiệp ác họ đã làm trong quá khứ. Nhưng thay vì có lòng bi-mẫn cho họ, tại sao thầy Mục-kiền-liên lại cười? Bởi vì thầy ấy hồi nhớ lại sự thành công của chính mình trong việc đạt được sự giải-thoát khỏi những dạng tái-sinh đó và sự thành công của Phật-trí; bởi vì những vị Phật chỉ dạy những điều đó bằng sự tự thân *nhận-biết trực tiếp* (*paccakkhaṃ katvā*) của mình và đã thâm nhập

thấu suốt yếu-tố những hiện-tượng (pháp giới) (*suppaṭividdhā buddhānaṃ dhammadhātu*).] (344)

345 [Ở đây tôi dịch theo **Be** ghi là: *vitudenti vitacchenti virājenti*. **Se** chỉ ghi *vitudenti*, còn **Ee** ghi là *vitacchenti vibhajenti*. **Spk** chỉ bình luận về chữ *vitudenti*: “Chúng ... cắn mổ (bộ xương đó) liên tục liên tục bằng cái mỏ bằng kim loại của chúng sắc bén như lưỡi kiếm.” Theo **Spk** giải nghĩa: kền kền, quạ, điều hâu ở đây thực ra là ba loại quỳ dạ-xoa (*yakkha*) [như *yakkhagijjhā*, *yakkhakākā*, *yakkhakulalā*]; bởi vì loại thân sắc này (bộ xương bay) là không thể nào nằm trong tầm nhìn của những con kền kền, quạ, điều hâu bình thường được.] (345)

346 [Nguyên văn cả câu cuối: *Evarūpo pi nāma satto bhavissati evarūpo pi nāma yakkho bhavissati evarūpo pi nāma attabhāvapaṭilābho bhavissati*. **Spk** giải thích: Khi nói ra điều này Ngài Mục-kiền-liên đã cho thấy “*cảm-nhận về sự cấp-bách*” của thầy ấy trong Giáo Pháp, khởi sinh vì lòng bi-mẫn đối với những chúng sinh như vậy. Cụm chữ *attabhāvapaṭilābho*, nghĩa theo chữ là “*sự thu-nạp bản ngã*” (ngã sanh y) được dùng một cách thành ngữ để hàm chỉ một dạng cụ thể của một *danh-tính* cá thể. Chữ *attabhāva* nhiều lúc được dùng với nghĩa hạn chế để chỉ riêng về phần thân thể mà thôi, ví dụ trong kinh **Ud 54,17–19**.] (346)

347 [**Spk**: *Do quả báo của nghiệp (ác) đó vẫn còn sót (tass’ eva kammaṣṣa vipākāvasesena)*: nghĩa là, “*nghiệp*” đã được ném trái trong những kiếp sau đó (*aparāpariyakamma*) vốn đã được tích lũy bởi nhiều *sự cố-ý* (tư) khác nhau; (*tur* = hành vi cố ý = nghiệp). Vì sự tái-sinh trong địa ngục được tạo ra bởi một *sự cố-ý* nào đó, và khi quả báo của nó đã hết thì sự tái-sinh sẽ được tạo ra trong cảnh giới nga-quỷ, súc-sinh ... có đối-tượng của nó là “*phần sót lại của nghiệp*” đó hoặc là hình-tượng của nghiệp đó [coi thêm **CMA 5:35–38**]. Bởi vậy, sự tái-sinh xảy ra thông qua sự báo ứng của nghiệp hay sự báo ứng của đối-tượng (*kammaṣṣabhāgatāya ārammaṇasabhāgatāya vā*), đó được gọi là “*quả báo còn sót lại của cùng nghiệp đó*”. Điều này được cho là, vào lúc người đó ‘qua đời’ hay ‘kết kiếp’ ở địa-ngục, một đống những con bò không-thịt trở thành *hình-tượng* (dấu hiệu) [chẳng hạn: đó là đối-tượng của tiến trình thức cuối cùng, rồi nó trở thành đối-tượng của thức tái-sinh]. Như vậy ‘người đó’ trở thành ‘hồn-ma’ (nga-quỷ) [trong hình dạng của] một bộ

xương, cứ như muốn thể hiện cái ‘nghiệp ân khuất’ đó ra cho bậc trí-ngộ (như Ngài Mục-kiền-liên) nhìn thấy được.] (347)

348 [**Spk** chú giải: Người này đã từng làm nghề lò mổ suốt nhiều năm giết thịt gia súc, là người mổ, cắt, lóc, xẻ thịt, ướp gia vị, phơi khô, và bán thịt khô. Khi người này ‘hết kiếp’ ở địa-ngục, một miếng thịt trở thành *hình-tướng* (*dấu hiệu*) và người này trở thành một ‘hồn-ma’ (trong hình dạng) một miếng thịt.] (348)

349 [**Spk**: Người này từng là đồ tể đã dùng nhiều nhục hình để tra tấn nhiều người phạm tội và sau đó dùng cung bắn tử hình họ. Sau khi ‘hết kiếp’ ở địa-ngục, người đó tiếp tục bị tái sinh theo quả báo còn sót lại của nghiệp cũ và trạng thái bị bắn bởi mũi tên trở thành *hình-tướng* (*dấu hiệu*), và do vậy người này trở thành nga-quỷ với thân có lông làm bằng (vô số) mũi tên (như đã được dùng để bắn giết người ta trước kia).] (349)

350 [Trong **Be** và **Se**, kinh này và kinh kể dưới được đặt tên là kinh *Sūciloma* và kinh *Dutiya-sūciloma* (*Sūciloma thứ hai*), còn trong **Ee** thì chúng lần lượt có tên là kinh *Sūci-sārathi* và kinh *Sūcako*. Trong **Be** và **Se**, ‘hồn-ma’ (nga-quỷ) bị đày đọa được nói trong kinh này được cho đã từng là một *sūta* mà **Spk** giải nghĩa = *assadamaka* (*một người huấn luyện ngựa*), còn trong **Ee** thì cho rằng hồn ma đó từng là một *sūcaka*. Trong cả 03 phiên bản, ‘hồn-ma’ trong kinh sau được cho là một *sūcaka*, mà **Spk** giải nghĩa = *pesunnakāraka* (*người vu khống*). Ở đây tôi dịch theo theo **Be** và **Se** về cả hai thứ là *tên các kinh* và ‘*loại người*’ trước kia của 02 ‘hồn-ma’ bị đày đọa này.] (350)

351 [**Spk**: Người này là một người vu khống vu oan cho người khác, gây chia rẽ người khác, và nói lời ám chỉ, chỉ chọt, đâm chọt, nói giả như thật ... để làm tan vỡ, làm ly tán và làm khổ sở cho những người khác. Do vậy, những người bị chia rẽ do những lời ám chỉ đâm chọt của ông ta (*tena sūcetvā manussā bhiññā*) họ nếm trải sự khổ đau như bị kim đâm (*sūcīhi bhedana-dukkham paccanubhotum*), người đó nhận lãnh nghiệp đó là *hình-tướng* (*dấu hiệu*) nên trở thành ‘hồn-ma’ có lông bằng kim (*sūcilomapeta*). Chữ Pāli *sūci* là kim, và động từ *sūceti* là ám chỉ, chỉ chọt, đâm chọt, đâm thọc.] (351)

352 [*Quan tòa tham những*: nguyên văn danh từ chỉ người này là *gāmakūṭa*, nghĩa gốc là “*kẻ lừa đảo trong làng*”. **Spk** giải thích: quan tòa này nhận tiền

hối lộ, làm sai lệch những vụ án, xử oan của người này thành của người khác, cố tình tạo oan sai, oan trái. Ông ta làm ngang nhiên, ra mặt, tham những công khai, giống như không che dấu bộ phận nào của thân mình. Do ông ta đã gây ra “những gánh nặng khổ đau không thể gánh nổi” cho những nạn nhân, cho nên quả báo là những bộ phận của thân ông trở thành gánh nặng không thể gánh nổi đối với ông. Và bởi do ông là quan tòa bất chính (*visama*) chứ không chân chính, cho nên (quả báo là) những bộ phận ‘kín’ của ông bị không cân đối (*visama*) và lộ ra quái dị và ông phải ngồi lên chúng.

- Thú vị là, **Ee** [rõ ràng dựa theo **SS**] chỗ này ghi chữ *dhaokā* để chỉ những con quạ thay vì ghi chữ *kākā* như trong các phiên bản khác. Mời đọc lại câu kệ **808d** [*như lũ trai quăng thấy một con quạ*] ở **10:04** (Quyển 1) và chú thích **566** ở đó.] (352)

353 [**Spk** chú giải ông ta đã quan hệ bất chính với vợ của người khác, cho nên bị quả báo như vậy (lời kinh đã rõ nghĩa).] (353)

354 [Tôi đọc chữ đầu của câu này theo cách ghi của **Se** và **SS** là *ato*, khác với chữ cảm thán là *aho* trong **Be** và **Ee**.] (354)

355 [**Spk** chú giải bà ta đã phản bội chồng mình và ngoại tình với đàn ông khác, cho nên bị quả báo như vậy.] (355)

356 [Nguyên văn chữ này: *maogulitthi*. **Spk** giải nghĩa là: *maogulin ti virūpaṃ duddasikaṃ bībhacchaṃ*. Kiếp trước cô ta làm thầy bói đã lừa bịp nhiều người, nhận đồ cúng như dầu thơm và vòng hoa, và nói rằng họ sẽ được giàu có nếu làm theo những lễ nghi cúng bái này nọ. Cô ta làm cho số đông chấp nhận những cách-nhìn xấu, cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Do vậy bản thân cô ta trở thành người hôi thối là quả báo đổi lại cho dầu thơm đã lừa nhận và trở thành xấu xí vì đã khiến họ chấp nhận những cách-nhìn xấu tệ như vậy.] (356)

357 [**Spk** giải thích hình dạng và tình trạng của bà, nhưng lời kinh đã tự rõ nghĩa.] (357)

358 [**Spk** giải thích: trước kia trong khi hưởng dụng bốn thứ vật dụng cúng dường (y phục, thức ăn, chỗ ở, thuốc thang) được chu cấp bởi *những người*

tại gia vì họ có niềm-tin (vào Tam Bảo), nhưng người đó không kiềm chế về thân nghiệp và ngữ nghiệp, và đã sa đọa trong những cách mưu-sinh (tà mạng), chỉ lo lêu lổng sung sướng. Cách giải thích tương tự cho những trường hợp các kinh kể dưới.] (358)

359 [Ví dụ căn nhà mái nhọn (mái chóp) là có khá nhiều trong các bộ kinh *Nikāya*, trong bộ kinh SN này cũng được dùng lại trong các kinh **22:102** (Quyển 3), **45:141**, **46:7**, **48:52** (Quyển 5). **Spk** giải nghĩa chữ “*chuyên-chú*” là = *thường trực trôi kết trong sự chánh-niệm (appamattā ti satiyā avippavāse thitā hutvā)*.] (359)

360 [Về chủ đề này, mời coi thêm chi tiết ở các kinh **56:102–131** (Quyển 5). **Spk** diễn dịch rằng “*những thiên-thần*” cũng nằm chung với nhóm đối tượng “*loài người*” cho nên lời kinh có thể hiểu là chỉ có số ít được tái sinh trong số loài người và những thiên-thần] (360)

361 [Ví dụ này cũng có ghi trong Luật Tạng **Vin II 256,16–18** và **AN 5:77** nhưng được dùng để giảng giải những ý nghĩa khác. Chữ *amanussa* nghĩa chữ: *loài phi nhân*, dùng để chỉ những quỷ dữ hung bạo, dạ-xoa ác.] (361)

362 [**Be** và **Se** ghi là: *ūkkhāsatam*; **Ee** ghi là: *ukkhāsatam*. **Spk** giải nghĩa là: = *mahāmukhaukkhalīnam satam*. **Spk-pt**: = *mahāmukhānam mahantakūḷumbānam satam*. Đây đề cập tới những nồi lớn dùng để nấu nhiều cơm. Kinh **AN 9:20** cũng đề cao sự tu tập “*tâm-từ*” nhưng sau mỗi đoạn đó đều nói thêm rằng việc tu tập “*sự nhận-thức về sự vô-thường*” thậm chí trong một thời gian bằng cái búng ngón tay còn có nhiều phước quả hơn cả *sự tu tập tâm-từ*.] (362)

363 [**Spk** giải thích về thời gian một lần vắt vú sữa bò nhưng lời kinh đã tự rõ nghĩa. **Spk** giảng thêm ý nghĩa: Nếu, thậm chí trong một thời ngắn ngủi, người tu có thể tu tập một tâm-từ, bao trùm tất cả chúng sinh trong khắp những hệ thế giới vô lượng với mong nguyện họ được phúc lành, thì việc tu này có nhiều phước quả hơn số lượng thức ăn cúng dường ba lần trong một ngày.] (365)

364 [03 động từ trong câu này lần lượt là *paṭilemeti*, *paṭikoṭṭeti* và *paṭivatteti* (bẻ gập, vặn xoắn, cuộn lại). (**Spk** đã diễn tả các động tác chi li của mỗi động từ, nhưng lời kinh đã tương đối rõ nghĩa).] (364)

365 [Kinh này cũng xuất hiện trong phần giới thiệu kinh *Chuyện Tiền Thân Ja 476*, cũng xoay quanh cùng chủ đề. Trong câu chuyện này vị *Bồ-tát* (Phật) đã hóa thân thành con ngỗng Javanahamsa nhanh nhẹn, thực hiện một màn thần thông đáng nhớ sẽ được mô tả bên dưới.

- Ở đây, **Spk** đã chú giải những cụm chữ mô tả phẩm-chất của 04 cung thủ một cách gần như tương tự như chú giải của luận giảng **Mp** trong kinh **AN 9:36**, người dịch sẵn trích dẫn luôn như vậy: [Ở đây, **Mp** nói rằng: “*Cung thủ dùng cung cứng chắc* (*daḷhadhammā dhanuggaho*): là một cung thủ cầm một loại cung cứng chắc. Một ‘*cung cứng chắc*’ (*daḷhadhanu*) được gọi là ‘*sức mạnh của hai-ngàn*’ (*dvisahassathāmaṃ*) [*Sức mạnh hai-ngàn* có nghĩa là một khối lượng kim loại, như đồng hay chì... được dùng làm đầu mũi tên...]. *Được thao luyện* (*sikkhito*) nghĩa là: họ đã ở trong họ tộc của vị cung sư 10-12 năm để học kỹ năng bắn. *Thiện thạo* (*katahattho*) nghĩa là: người đã được thao luyện, đã học kỹ năng bắn chưa chắc đã thiện thạo; họ thiện thạo là khi họ đã đạt tới sự làm-chủ (nắm vững, điều khiển) nó. *Đầy kinh nghiệm* (*katūpāsano*) nghĩa là: họ đã từng biểu diễn thi đấu bắn cung ở nhiều hội thao, trong các sân đình của nhà vua, triều đình.] (725).] (365)

366 [*Āyusāṅkhāraṃ ossaji: sự tạo-tác sự sống, hành sinh-mạng*. **Spk** nói: Câu này được cho là nói tới *căn-mạng của sắc thân* (*rūpajīvitindriya*); vì cái này chấm dứt còn nhanh hơn những tốc độ đó. (Người dịch nghĩ ý nghĩa ở đây giống câu “*Mạng người trong một hơi thở*”). Nhưng không thể nào mô tả sự tan-rã của những hiện-tượng vô sắc (phi vật chất) [chẳng hạn: *những trạng thái thuộc tâm*, bởi vì theo *Vi Diệu Pháp* thì chúng tan rã nhanh gấp 16 lần so với những hiện-tượng sắc thân (vật chất).] (366)

- (Về *sự tạo-tác sự sống* (hành sinh-mạng), mời coi thêm chú thích số 1790 ở kinh **AN 8:70**, và chú thích số 254 ở kinh **SN 51:10** (Quyển 5).)

367 [**Spk** chú giải: Những người *Dasāraha* ở đây là họ tộc giai cấp Chiến-sĩ (sát-đế-lợi, quý tộc), họ được gọi tên như vậy vì họ lấy ‘*phần thứ mười*’ trong 100 (*satato dasabhāgaṃ gaṇhimsu*—[câu chú giải này không rõ nghĩa]).

Người triệu tập (*ānaka*) là tên cái trống, được làm từ cang của một con cua vĩ đại. Nó phát ra tiếng trống có thể được nghe trong vùng bán kính 12 do-tuần (mỗi do-tuần cỡ 12.8 km), do vậy nó được dùng để triệu tập dân chúng trong những ngày lễ hội.] (367)

368 [Spk chú giải: (i) *Sâu sắc* (thâm sâu, thâm thúy; *gambhīra*) là sâu sắc theo cách của lời kinh (*pālivasena*), giống như kinh *Salla Sutta* [chỗ **Sn III**, 8; phiên bản **Se** ghi là: *Sallekha Sutta* = kinh **MN 8**]; (ii) *sâu sắc về ý nghĩa* (*gambhīrattha*), giống như trong kinh *Mahāvedalla Sutta* (**MN 43**); (iii) *siêu thế* (*lūkuttara*) tức là chỉ *mục tiêu siêu thế*; (iv) *liên hệ* (liên quan, nối kết, tương ứng) *đến tánh-không* (*suññatāpaṭisaṃyutta*) là giảng giải rằng (đó) *chỉ là những hiện-tượng không thực có một ‘chúng sinh’ nào* (*sattasunnata-dhammamattam eva pakāsakā*).

- Đoạn kinh này cũng được ghi trong kinh **55:53** (Quyển 5, mà **Spk** đã có sự chú giải một cách lạ lung; và khi chú giải **Spk** đã dẫn ví dụ lời kinh khác với lời kinh trong đoạn ghi ở đây. Mời coi thêm chú thích 366 ở kinh **55:53**.) (368)

369 [**Spk** đã giải nghĩa *sāvaka bhāsītā* là: *tesaṃ tesaṃ sāvakehi bhāsītā*, đề cập trở lại những người ngoài đạo (*bāhiraka*). Còn **Spk-pt** thì làm rõ: “(Đó là) những đệ tử của bất cứ ai trong số những người không được biết đến là đệ tử của Phật.” (tức những người ngoài đạo là những đệ tử của những đạo sư họ không phải là đệ tử của Phật).] (369)

370 [“*Thân gổ hay gổ súc*” là *kaliogara*. **Spk**: Thời đầu Phật còn sống những Tỷ kheo ngồi-thiền từ lúc sau khi họ ăn trưa xong cho đến hết canh một của đêm. Họ ngủ canh giữa (canh hai), với đầu gối trên thân (cây, tấm, khúc) gổ súc [*kaṭṭhakanda* là chữ được giải nghĩa = *kaliogara*]; rồi họ thức dậy và tiếp tục đi-thiền.

- Tâm trạng của bài kinh này cũng giống sự sợ hãi về tương lai (thời mạt pháp) được nói trong các **AN 5:77, 78, 79**.] (370)

371 [Ví dụ con voi này cũng có ghi trong Luật Tạng **Vin II 120**, được dùng khi đề cập với Đê-bà-đạt-đa.] (371)

372 [Nguyên văn cụm chữ này: *pasaññākāraṃ karonti*. **Spk**: họ thể hiện sự tin-tưởng tức là họ cúng dường 04 thứ thiết yếu (y phục, thức ăn, chỗ ở và thuốc thang) cho các Tỷ kheo. Về cụm chữ nói về sự tin-tưởng (tự-tin) này, mời thêm chú thích 275 ở kinh **16:04** ở trên.] (372)

373 [Sự nguy-hại này sẽ được giải thích bằng kinh kế tiếp.] (373)

374 [Nguyên văn cụm chữ này: *sandhisamalasaṅkaṭṭire*. **Spk** giải thích nghĩa 03 chữ *sandhi* (con hẻm), *samala* (cổng, rãnh cổng) và *saṅkatīra* (thùng rác, chỗ bỏ rác), nhưng lời kinh đã tự rõ nghĩa.] (374)

375 [Nguyên văn câu này: *Annataṃ saṅkiliṭṭhaṃ āpattiṃ āpajjati yathārūpāya āpattiyā vuṭṭhānaṃ paññāyati*. Một tội được gây ra bởi một ô-nhiễm [lậu hoặc, trong trường hợp này là *nhục-dục*] nhưng thuộc loại (*tội nặng có thể khôi phục được*) có thể được xóa tội sau thời gian chịu hình phạt thích hợp [ngược lại với tội thuộc loại tội *pārājikā* là không cho phép chịu phạt hay sám hối hay tu sửa mà sẽ bị trục xuất vĩnh viễn khỏi Tăng Đoàn (*tội nặng nghiêm trọng không thể khôi phục được*).

- (Sự mô tả “các Tỷ kheo ra đường gặp phụ nữ làm khởi sinh nhục-dục và bỏ tu hoàn tục” cũng được nói trong kinh **17:09** ở trên).] (375)

376 [Coi thêm kinh **17:08** ở trên. **Spk** chú giải: ‘người nào đó’ ở đây là chỉ *Đề-bà-đạt-đa* (*Devadatta*); ý nói, ‘thầy ấy’ nên chấp nhận làm một đệ tử của Đức Phật hơn là cứ tự tung tự tác quậy phá (trong Tăng đoàn) như con chó bị mắc bệnh ở trên. *Đi theo “người con của dân tộc Thích-ca”* (*Sakyaputtiya*): chính là đi theo Đức Phật = tu sĩ Phật giáo; coi thêm kinh **55:07** (Quyển 5). Về chữ danh ngữ “*tu sĩ [sa-môn] đi theo người con của dân tộc Thích-ca*” (*samaṇa sakyaputtiya*), mời coi thêm trong các kinh **28:10** (Quyển 3), **42:10** (Quyển 4).] (376)

377 [**Spk** chú giải: (như kinh trên) ‘người nào đó’ ở đây là chỉ *Đề-bà-đạt-đa* (*Devadatta*); (nghĩa là: ngay cả trong lúc nói mình là đệ tử của Đức Phật mà trong lòng cũng không có chút sự biết ơn nào đối với Phật).] (377)

378 [*Kolita* tên gọi của ngài Mục-kiền-liên, còn *Mục-kiền-liên* (*Moggallāna*) là họ. Bài kinh này gần như giống hết kinh **40:02** (Quyển 4), chỉ khác ở chỗ

kinh này nói về ‘*sự im lặng thánh thiện*’, kinh sau thay bằng chữ ‘*tăng thiên định thứ hai*’. **Spk**: nói rõ rằng kinh này kể lại tuần lễ thầy Mục-kiền-liên đang nỗ-lực tu (tinh tấn) để chứng thánh quả A-la-hán.] (378)

379 [**Spk** giải thích *tăng thiên định thứ hai* được gọi tên là ‘*sự im lặng thánh thiện*’ (*ariya tuṇhībhāva*) bởi vì trong trạng thái đó ý-nghĩ (tâm, *vitakka*) và *sự soi-xét* (tứ, *vicāra*) chấm dứt, và với sự chấm-dứt đó *lời-nói* không thể xảy ra (cho nên gọi là *sự im lặng*). Trong kinh **41:06** (Quyển 4) *tâm* và *tứ* được gọi là *sự tạo-tác lời-nói* (*vacīsaṅkhāra*, khẩu hành, ngữ hành), chúng là những yếu-tố của tâm chịu trách nhiệm phát ra *lời-nói*. Nhưng, tuy nhiên, **Spk** nói thêm: khi Phật nói khi các Tỷ kheo gặp gỡ nhau họ nên “*nói về Giáo Pháp hoặc giữ sự im lặng thánh thiện*”, thì cả sự chú-tâm (tác ý) tới một đối-tượng thiên cũng được coi là “*sự im lặng thánh thiện*”.] (379)

380 [**Spk** giải thích: Câu này được nói ra vì hoàn cảnh là: qua 07 ngày Đức Phật đã giúp thầy Mục-kiền-liên tu tập sự định-tâm vào những lúc sự định-tâm bị sa sút (*hānabhāgiya*), sự trợ giúp đó đã dẫn dắt thầy ấy đạt đến “*sự lớn lao của trí-biết trực tiếp*” (đại tự trí) (*mahābhinnatā*), nghĩa là dẫn tới *06 loại trí-biết trực tiếp* (gồm 03 thần thông và 03 minh).] (380)

381 [*Upatissa* là tên gọi của Ngài Xá-lợi-phất; *Xá-lợi-phất* là họ.] (381)

382 [Chỗ này **Ee** chỉ ghi *āvuso* (đạo hữu), còn **Be** và **Se** thì ghi đầy đủ *āvuso Sāriputta* (đạo hữu Xá-lợi-phất).] (382)

383 [**Spk** giải thích: *Từ lâu* (hay *đã lâu*, *trong một thời gian lâu*): ý thầy Mục-kiền-liên nói đã lâu kể từ lúc khi Đức Phật đang dạy cho du sĩ Dīghanakha (cháu cậu của thầy Xá-lợi-phất) bài thuyết giảng về “*Sự Nhận Biết Những Cảm-Giác*” ở chỗ (được gọi là) Hang Heo Rừng. Bởi vì chính vào ngày đó (sau khi thầy Xá-lợi-phất đứng gần nghe và tự chứng ngộ) thì những ô-nhiễm cố hữu (lậu hoặc truyền kiếp) của vòng luân-hồi đã được búng sạch bên trong thầy Xá-lợi-phất.

- Về chuyện thầy Xá-lợi-phất giác-ngộ khi nghe Đức Phật đang thuyết giảng cho người cháu của thầy là Dīghanakha: mời quý vị đọc thêm chú thích 97 ở kinh **12:32** ở trên.] (383)

384 [**Spk** giải thích: Sự an trú được gọi là thô tế là dựa theo đối-tượng của nó. Vì thầy Mục-kiền-liên đã an trú trong sự thực tập yếu-tố *mắt thiên-thánh* (thiên nhãn thông) và *tai thiên-thánh* (thiên nhĩ thông), sự thực tập này có những đối-tượng là thô tế, như là, cơ sở (xứ) âm-thanh và cơ sở hình-sắc.] (384)

385 [Tôi dịch thành ngữ Pāli này một chút thoát hơn để đưa ra ý nghĩa của nó. Cách dịch cũng dựa theo sự diễn dịch của **Spk** như vậy: “Vị trưởng lão thối mắt ‘Đức Thế Tôn hiện đang ở đâu?’ Sau khi phóng đại ánh sáng, bằng mắt thiên thánh (thiên nhãn thông) thầy ấy nhìn thấy Phật đang ngồi trong Hương Cốc trong Khu Vườn Jeta; rồi thầy ấy nghe giọng nói của Phật bằng yếu tố tai thiên thánh (thiên nhĩ thông). Đức Phật cũng làm vậy, và do vậy họ có thể nhìn thấy nhau và nghe giọng nói của nhau.”] (385)

386 [Mẫu lời thệ nguyện ‘quyết tâm’ này cũng có trong kinh **12:22** ở trên. Lời thệ nguyện (đáng nhớ) này cũng có ghi trong kinh **MN 70**, mục 27; và kinh **AN 2:05**, **AN 8:13**, đoạn (8). Trong *Chuyện Tiền Thân*, chỗ **Ja I 71**, 24–27 vị *Bồ-tát* (Phật) cũng đã thệ nguyện ‘quyết tâm’ như vậy khi đang ngồi dưới gốc *Cây Bồ-Đề* trước khi giác-ngộ.] (386)

387 [**Spk** giải nghĩa chữ *kappa* ở đây là một kiếp người (*āyukappa*) đại thọ, tức 120 năm. Tuy nhiên lời kinh hình như có nghĩa là một *kiếp vũ trụ*, tức một đại kiếp, khoảng thời gian rất rất dài cho một hệ thế giới tiến hóa và hủy hoại. Mời quý vị coi thêm kinh **51:10** (Quyển 5) và chú thích 249 ở đó chi tiết hơn về chữ này.] (387)

388 [Chữ *con rồng* (*nāga*) được dùng ở đây với nghĩa là bậc A-la-hán.] (388)

389 [“*Đã chinh phục Ma-vương và yên cương của hắn*” (*Jetvā Māraṃ savāhanam*). **Spk** không bình luận về chữ “yên cương” là gì, nhưng những luận giảng khác giải thích đó là (i) *con voi Girimekha* [như chỗ **Pj II 392,3**; kinh **Sn 442**] hay là (ii) *đội quân của Ma-vương*. Trong chuyện Tiền Thân của Phật, chỗ **Ja I 72**, thấy Ma-vương đang cưỡi con voi Girimekha của hắn trước lúc tấn công vị Phật sắp thành dưới *Cây Bồ-Đề*.] (389)

390 [Tên *Lakuṇṭaka Bhaddiya* có nghĩa là “*Chú lùn Bhaddiya*”. Phần nội dung chính của kinh cũng có trong kinh **Ud 76**; coi thêm **Ud 74,20–75,6**. **Spk** lưu

ý có “nhóm sáu Tỳ kheo” (*chabbhagiyā bhikkhū*, là những người tích nghịch gây rối trong Tăng đoàn thường được nói đến trong Luật Tạng) thường xuyên trêu chọc vị Tỳ kheo này. Hình dạng xấu xí của thầy Bhaddiya, theo **Spk**, là nghiệp quả của hành-vi trong kiếp trước của mình là một vị vua nhưng luôn quấy rối và làm khó những người già. Mặc dù thân hình xấu xí nhưng thầy có giọng nói rất dễ mến, đó là nghiệp quả từ một kiếp khác trước khi đó là một con chim cuốc đã cúng dường một trái xoài chín ngọt cho Đức Phật Vipassī trong quá khứ. Phật (Thích-Ca) đã tuyên bố thầy ấy là *đệ nhất có giọng nói hay ngọt ngào* (*manjussara*), [coi kinh **AN 1:194**]. Những thi kệ của thầy ấy trong tập *Trường Lão Kệ* là **Th 466–472** không có phần thi kệ trong kinh này.] (390)

391 [Những thi kệ của vị Tỳ kheo này trong tập *Trường Lão Kệ* là **Th 209–210**. Sự mô tả về lời thuyết giảng của thầy cũng giống như lời mô tả về sự thuyết giảng của thầy Xá-lợi-phát trong kinh **8:06** (Quyển 1). Toàn bộ kinh này cũng giống kinh **AN 4:48**.] (391)

392 [Câu này chúng ta nên đọc theo **Be** (và **Ee** trong kinh **AN 4:48**) là: *nābhāsamā naṃ jānanti*. Cách ghi *no bhāsamānaṃ* (của **Ee** trong kinh này) và *na bhāsamānaṃ* (của **Se**) cho ra một nghĩa trái ngược với nghĩa cần có. Bài thi kệ song hành có trong **BHS** là **Uv 29:43–44** thì ủng hộ cách ghi của **Be** là *nābhāsamānā jñāyante*.] (392)

393 [Thầy ấy cũng là con trai của vua Tịnh Phạn (Suddhodana) và là con của dì ruột Kiều-đàm-dì (Mahāpajāpatī Gotamī) của Đức Phật (dì là họ phía mẹ); (tức thầy *Nanda* là em cùng cha khác mẹ với Phật vừa là em bạn dì của Phật). Lời kinh gọi thầy bằng chữ *mātucchāputta* (*em trai họ phía mẹ*: tức con của dì ruột, mặc dù là cùng cha). Câu chuyện về thầy ấy có trong **Ud 21–24** và, được lặp lại trong **Dhp-a I 115–22**; coi thêm **BL 1:217–23**.

- **Spk** diễn dịch rằng: Tại sao thầy Nanda hành xử như vậy? Mục đích là để tìm ra Đức Phật đã nghĩ sao về điều đó, thầy Nanda nghĩ rằng: “Nếu Phật khen ‘Người em cùng cha khác mẹ của ta đẹp đẽ như vậy’ thì ta sẽ tiếp tục hành xử như vậy suốt đời. Nhưng nếu Phật chỉ ra điều này là sai thì ta sẽ dẹp bỏ kiêu này, sẽ mặc y làm từ giẻ rách và sống tu ở những nơi xa lánh.”

- (Ở đây muốn đề cập các tu sĩ Phật giáo chỉ lo chú trọng hình thức bề ngoài, còn dính theo tiện nghi, dục lạc, danh lợi ... trái với sự hướng nội tâm, sự sống thanh bản và sự buông bỏ của một đệ tử chân chính của Đức Phật đang tu tập đúng với mục đích của đạo Phật.)] (393)

394 [Nguyên văn câu này: *Aññātunchena yāpentaṃ*. **Spk** giải thích: rác (đồ ăn thừa, thức ăn bỏ đi) có được bởi một người tìm kiếm thức ăn cao sang mỹ vị ở chỗ những gia đình giàu có quyền lực thì được gọi là *đồ ăn thừa từ những người nổi tiếng* (*nātuncha*, nghĩa gốc là: *đồ ăn thừa nổi tiếng, rác nổi tiếng, rác nhà giàu, rác sang*). Nhưng những thức ăn tạp nhạp có được bằng cách đứng trước cửa nhà người ta để xin ăn thì được gọi là *đồ ăn thừa của những người lạ* (nghĩa gốc là: *đồ ăn thừa không được biết, đồ ăn thừa không nổi tiếng, thức ăn của nhà nghèo, rác nhà nghèo*.)] (394)

395 [Lời kinh gọi thầy là *pitucchāputta* (*em trai họ phía cha*), vì thầy *Tissa* là con trai của cô ruột *Amitā* của Phật (cô là họ phía cha) [coi thêm tự điển **DPPN**, mục từ *Tissa Thera* (14)]. (395)

396 [**Spk** giải thích rằng khi còn là một sa-si, khi thấy những Tỳ kheo trưởng lão từ nơi xa đến thăm Phật, thầy ấy chỉ ngồi yên chứ không ra kính lễ hay lo phục vụ (trà nước, chỗ ngồi) cho họ. Tất cả là do sự tự-hào về giai cấp Chiền-sĩ (quý-tộc, *khattiya*, sát-đế-lợi) của mình. Cho nên nhiều Tỳ kheo đã bao quanh chỉ trích thầy ấy vì thiếu lễ độ. Một cách kể với ít nhiều biến tấu khác về thầy *Tissa* cũng có ghi trong *Luận giảng tập kinh Pháp Cú*, **Dhp-a** I 37–39; **BL** 1:166–67.] (396)

397 [Có tên là *Trưởng Lão* (*theranāma*). Nguyên câu này: *Annataro bhikkhu theranāma*. **Spk** không chú giải gì về tên hay nhận diện Tỳ kheo này là ai hay trong kinh nào khác.] (397)

398 [**Spk** giải nghĩa là: *Quá khứ nên được dẹp bỏ* (*pahīnaṃ*) bằng cách dẹp bỏ dục và tham đối với (thân) năm-uẩn của quá khứ; tương lai được từ bỏ (*paṭinissatṭhaṃ*) bằng cách từ bỏ dục và tham đối với năm-uẩn của tương lai. So sánh với **MN 131**, từ mục 4. Cụm chữ số nhiều *attabhāvapaṭilābhesu* là khó mà giải thích; có lẽ nó có nghĩa năm uẩn được tính riêng theo mỗi uẩn, cho dù cách ghi này là sự diễn đạt bất thường. Coi lại thêm chú thích **346** ở kinh **19:01** ở trên.] (398)

399 [Ba câu kệ (pāda) đầu cũng có trong kinh **Sn 211**, và trong kinh *Pháp Cú Dhp 353* với chút khác nhau. **Spk** giải thích: *Người chinh phục tất cả (sabbābhibhūṃ)*: là người an trú sau khi đã chinh phục các uẩn (ngũ uẩn), các cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ), và những yếu-tố (giới), và ba loại sự hiện-hữu (thuộc tam giới). *Không bị ố nhiễm (anuPālittam, hay không bị dính kẹt)* là không bị dính với những thứ nói trên (uẩn, xứ, giới, hữu) bằng lớp keo hồ (*lepa, chất dính*) là *dục-vọng* (ái) và *tà-kiến*. *Được giải-thoát trong sự tiêu diệt dục-vọng (taṇhakkhaye vimuttam)*: là được giải thoát trong Niết-bàn, vì Niết-bàn cũng được gọi là = *sự tiêu diệt dục-vọng* (ái diệt) theo cách sự giải-thoát lấy *sự tiêu diệt dục-vọng* làm đối-tượng của nó; (nói cách khác *ái-diệt* = *Niết-bàn*).] (399)

400 [Thầy Đại Kappina là vị đệ tử đệ nhất về “*khởi xướng [giáo giới] cho những Tỳ kheo*” (*bhikkhu-ovādaka*, như đã được Phật tuyên bố trong kinh **AN 1:231**). Những thi kệ của thầy ấy trong tập *Trường Lão Kệ* là **Th 547–56**, và thầy cũng được Đức Phật khen ngợi trong kinh **54:07** (Quyển 5). **Spk** chú thích: Thầy Kappina trước kia từng là một vị vua cai trị ở kinh đô Kukkuṭavatī. Ngay khi nghe tin từ một nhóm thương buôn nói về “Đức Phật, Giáo Pháp và Tăng Đoàn”, nhà vua liền rời khỏi kinh thành để đi đến Sāvattthī cùng với 1.000 quan triều, với ý định xuất gia. Hoàng hậu Anojā cũng đi theo ông, đi chung với những bà vợ của những quan triều đó, họ cũng với ý định xuất gia. Đức Phật đã ra gặp cả 02 đoàn. Trước tiên Phật đã ban ‘*giới Tỳ kheo*’ (cụ túc giới) cho những người trong đoàn nam thụ giới thành những Tỳ kheo, và sau đó đã cho trưởng lão ni Uppalavaṇṇā ban ‘*giới Tỳ kheo ni*’ cho những người trong đoàn nữ thụ giới thành những Tỳ kheo ni.] (400)

401 [**Spk** nói: Họ đã từng là 02 bạn hữu đồng hành trong 500 kiếp trước.] (401)

Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch: email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: (+84)—0898909451; 0909503993, hoặc liên hệ Thư Viện Chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0908475521 (chú Bính)

Hoặc anh Huỳnh Văn Thịnh, điện thoại: 0363316764 hoặc email: huynhvanthinh@gmail.com